

ISSN 1859-1337

Tạp chí

**NGHIÊN CỨU KHOA HỌC
HẬU CẦN QUÂN SỰ**

**SỐ 3 (233) - 2025
NĂM THỨ 54**

HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO

Chủ tịch

Trung tướng, GS. TS. **PHAN TÙNG SƠN**

Phó Chủ tịch

Trung tướng **DƯƠNG ĐỨC THIỆN**

Ủy viên

Thiếu tướng, TS. **NGUYỄN QUANG DŨNG**

Thiếu tướng, PGS. TS. **LÊ THÀNH LONG**

Đại tá, PGS. TS. **VŨ HỒNG HÀ**

Đại tá, PGS. TS. **VŨ NHẬT VĂN**

Đại tá, PGS. TS. **NGUYỄN NGỌC SƠN**

Đại tá, ThS. **NGUYỄN TIẾN DŨNG**

Đại tá, PGS. TS. **NGUYỄN THANH LAM**

Thượng tá, TS. **NGUYỄN QUỐC HOÀI**

**Phó Tổng biên tập
(Phụ trách Tổng biên tập)**

Thượng tá, TS. **NGUYỄN QUỐC HOÀI**

Địa chỉ tòa soạn

TẠP CHÍ HỌC VIỆN HẬU CẦN

Ngọc Thụy - Long Biên - Hà Nội

Tel/Fax: 069.577585

QS: 069.577585 - 577791

Email: tapchi.hvhc@gmail.com

Giấy phép xuất bản

Số 272/GP-BTTTT ngày 12-5-2021
do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp
In tại: Nhà máy in BQP

Trong số này

**KỶ NIỆM NGÀY TRUYỀN THỐNG HỌC VIỆN HẬU CẦN (15/6/1951 - 15/6/2025)
VÀ CHÀO MỪNG ĐẠI HỘI ĐẢNG CÁC CẤP**

3 Phát huy truyền thống, thi đua lập thành tích cao nhất chào mừng Đại hội Đảng bộ Học viện lần thứ XXIII, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

Trung tướng DƯƠNG ĐỨC THIỆN

8 Kế thừa, phát huy giá trị bản huấn thị của Đại tướng Võ Nguyên Giáp trong nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo ở Học viện Hậu cần.

Đại tá HOÀNG ĐÌNH HUÂN

12 Tăng cường công tác tư tưởng, góp phần chuẩn bị và tổ chức tốt đại hội đảng các cấp trong Đảng bộ Quân đội, tiến tới Đại hội XIV của Đảng.

Trung tá, TS. TẠ QUANG ĐẠO

**KỶ NIỆM 100 NĂM NGÀY BÁO CHÍ CÁCH MẠNG VIỆT NAM
(21/6/1925 - 21/6/2025)**

16 Tạp chí Nghiên cứu khoa học Hậu cần quân sự trong xây dựng tiềm lực khoa học ở Học viện Hậu cần.

Đại tá, PGS.TS. VŨ HỒNG HÀ

21 Vai trò của Tạp chí Nghiên cứu khoa học Hậu cần quân sự trong nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo ở Học viện Hậu cần hiện nay.

Trung tá, ThS. PHÙNG VĂN HAY; Trung tá, ThS. TRẦN VĂN HỮU

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

25 Phát huy sức mạnh các lực lượng phối hợp bảo đảm hậu cần, kỹ thuật chiến dịch phòng ngự trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

Trung tướng, GS.TS. PHAN TÙNG SƠN

30 Biện pháp nâng cao chất lượng quản lý tài chính hoạt động có thu tại các đơn vị dự toán trong Bộ Quốc phòng.

Thượng úy, ThS. NGUYỄN HÀ THU

34 Bàn về tổ chức, sử dụng lực lượng công binh tác chiến phòng thủ quân khu trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

Đại tá, TS. NGUYỄN DUY CẢNH

39 Giải pháp bảo đảm vật chất hậu cần chiến dịch phòng ngự trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

Đại tá, PGS. TS. VŨ VĂN BẮN

43 Tổ chức vận chuyển chiến dịch phòng ngự trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

Đại tá, PGS. TS. HÂN VĂN QUY

47 Một số giải pháp bảo đảm vật chất hậu cần, kỹ thuật cho lực lượng vũ trang địa phương đánh địch tiến công đường bộ trong tác chiến phòng thủ tỉnh.

Thượng tá, TS. NGUYỄN THÀNH TRUNG

51 Giải pháp nâng cao chất lượng quản lý ngân sách nhà nước chi thường xuyên tại Lữ đoàn 454, Quân khu 3.

Đại úy, ThS. LÊ THỊ DIỆU LINH

55 Biện pháp bổ sung vật chất hậu cần lữ đoàn tàu tên lửa tiến công đoàn tàu chi viện của địch trong tác chiến bảo vệ Trường Sa.

Thượng tá, TS. NGUYỄN QUỐC HOÀI

59 Nghiên cứu đối tượng chiến đấu và bàn về nguy trang, nghi binh sư đoàn bộ binh biên chế hoá lực mạnh phòng ngự trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

Đại tá, TS. HÀ ĐỨC TUÂN

63 Giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy các môn Kỹ thuật xây dựng, trong đào tạo sĩ quan hậu cần cấp phân đội, trình độ đại học ngành kỹ thuật xây dựng ở Học viện Hậu cần.

Thượng tá, TS. CHU THỊ HẢI NINH

68 "Quyết tâm đánh Mỹ, thắng Mỹ" - Đỉnh cao bản lĩnh, trí tuệ, khát vọng của đảng và dân tộc Việt Nam.

Đại tá, PGS.TS. ĐOÀN QUYẾT THẮNG

72 Biện pháp bảo đảm vật chất hậu cần cho lực lượng hải quân trong chiến dịch chống đổ bộ đường biển.

Đại tá, TS. TÓNG HỮU PHƯƠNG

76 Bàn về bảo đảm quân y trung đoàn bộ binh chiến đấu phá vây trong phòng ngự.

Thượng tá, TS. LÊ ĐÌNH QUÂN

80 Bàn về tạo lập thể trận hậu cần - kỹ thuật chiến dịch tiến công trong tác chiến phòng thủ quân khu.

Thượng tá, TS. ĐỖ XUÂN LONG

84 Một số biện pháp bảo đảm vật chất hậu cần lữ đoàn pháo binh chiến dịch phản công trong tác chiến phòng thủ quân khu.

Đại tá, TS. NGUYỄN HỮU TOÁN

88 Nâng cao chất lượng công tác đảng, công tác chính trị trong diễn tập cuối khóa của học viên đào tạo sĩ quan hậu cần cấp phân đội ở Học viện Hậu cần hiện nay.

Thượng tá, TS. PHẠM NGỌC NHÂN

92 Tổ chức vận chuyển thương binh, bệnh binh trong tác chiến khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố.

Thiếu tá, ThS. LÊ ĐÌNH THÀNH

96 Giải pháp bảo đảm vật chất hậu cần trung đoàn bộ binh chiến đấu phục kích ở địa hình trung du.

Thiếu tá, ThS. VŨ LƯƠNG SINH

100 Nâng cao hiệu quả giám sát tài chính đối với các doanh nghiệp quân đội.

Trung tá, TS. VŨ PHƯƠNG THẢO; Trung tá, TS. TRẦN QUỐC HIẾU

103 Một số vấn đề cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học hậu cần, kỹ thuật quân sự.

Đại tá, TS. ĐỖ NGỌC OANH;

Trung tá, TS. DƯƠNG QUANG BÌNH

106 Tổ chức, sử dụng lực lượng, bố trí hậu cần - kỹ thuật bảo đảm cho lực lượng cơ động tiến công trong tác chiến phòng thủ tỉnh, thành phố.

Đại tá, PGS.TS. VŨ QUỐC HUY; Thượng tá, ThS. TẠ VĂN THỨC

110 Phòng, chống máy bay không người lái bảo vệ lực lượng vận tải trong tác chiến phòng thủ quân khu.

Thượng tá, TS. ĐỖ THANH TÙNG

114 Một số vấn đề đặt ra đối với bảo đảm hậu cần, kỹ thuật đánh địch co cụm của sư đoàn bộ binh tiến công địch phòng ngự đồ thị ở địa hình rừng núi.

Đại tá, TS. VŨ XUÂN TUYẾN; Thiếu tá NGUYỄN VĂN ĐÔNG

118 Phát huy vai trò của các doanh nghiệp quân đội tham gia phát triển kinh tế đất nước.

NGUYỄN HÀ CHI

121 Biện pháp nguy trang, nghi trang bảo vệ vận tải sư đoàn bộ binh phòng ngự trực tiếp tiếp xúc ở địa hình trung du.

Trung tá, TS. NHƯ CÔNG KHẢI

125 Nâng cao chất lượng lãnh đạo đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng của các tổ chức cơ sở đảng thuộc đảng bộ Học viện Hậu cần hiện nay.

Đại tá, TS. NGUYỄN VĂN KÝ

129 Một số biện pháp chuẩn bị vật chất doanh trại tác chiến phòng thủ quân khu.

Trung tá, ThS. VŨ HỒNG HẢI

133 Tổ chức, sử dụng lực lượng vận tải sư đoàn bộ binh đánh địch tạm dừng khi tiến công đường bộ trong tác chiến phòng thủ quân khu.

Trung tá, ThS. ĐÌNH VĂN QUYẾT

137 Tổ chức cơ động lực lượng hậu cần - kỹ thuật trung đoàn bộ binh trong chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu từ thường xuyên lên cao.

Thượng tá, TS. HOÀNG KIM HIẾU

141 Phát huy vai trò của cấp ủy đảng các cấp thực hiện hiệu quả cơ chế quản lý tài chính tại Học viện Hậu cần.

Thượng tá, ThS. PHẠM THỊ TUYẾT NHUNG;

Đại tá, TS. VŨ TRƯỜNG KHÁ

144 Phát huy vai trò của giảng viên trong nâng cao năng lực tự học cho học viên đào tạo sĩ quan cấp phân đội ở các học viện, nhà trường quân đội.

Thượng tá, TS. BUI ĐỨC CƯỜNG

147 Nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát tài chính hoạt động khoa học và công nghệ trong quân đội đáp ứng yêu cầu hiện nay.

Trung tá, TS. ĐỒNG THỊ PHƯƠNG NGA

150 Bảo vệ hậu cần - kỹ thuật sư đoàn bộ binh phòng ngự ở địa hình trung du trong điều kiện chiến tranh công nghệ cao.

Trung tá, ThS. DƯƠNG VĂN CHÍNH

154 Nâng cao hiệu quả hoạt động hệ thống kiểm soát nội bộ trong quản lý ngân sách tại các đơn vị dự toán quân đội.

Thiếu tá, ThS. BUI ANH DUY

158 Một số giải pháp xây dựng hậu phương trong tình hình mới.

Đại tá, TS. BUI VĂN MẠNH; Thượng úy, CN. NGUYỄN MINH HIẾU

163 Bàn về biện pháp nâng cao chất lượng công tác tăng gia sản xuất của lữ (trung) đoàn pháo binh thuộc quân đoàn.

Thượng úy, CN. NGUYỄN ĐỨC THỌ

166 Kiểm soát chi thường xuyên ngân sách nhà nước về hàng hoá, dịch vụ tại Sư đoàn bộ binh 301.

Thiếu tá, TS. NGUYỄN THỊ THÚY LINH

HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH

170 Tư tưởng Hồ Chí Minh về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và sự vận dụng trong đào tạo cán bộ hậu cần - kỹ thuật quân đội hiện nay.

Đại tá, TS. PHÙNG THANH

174 Tăng cường xây dựng sự đoàn kết nhất trí của đảng theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Đại tá, TS. LÊ VIỆT THẮNG

LỊCH SỬ HẬU CẦN QUÂN SỰ

177 Hoạt động hậu cần tại chỗ trong chiến dịch Hồ Chí Minh.

Đại tá, PGS.TS. NGUYỄN NGỌC SƠN

181 Nét độc đáo về chuyển hóa thể trận hậu cần chiến dịch Tây Nguyên - Vận dụng và phát triển bảo đảm hậu cần chiến dịch tiến công trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

Đại tá, TS. ĐỒNG VĂN THƯỜNG;

Trung tá, ThS. NGUYỄN VĂN KIẾN

185 Kinh nghiệm tổ chức, sử dụng, bố trí lực lượng hậu cần chiến dịch Hồ Chí Minh - Hướng kế thừa, phát triển trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

Đại tá, PGS.TS. HOÀNG ĐẠI NAM;

Thiếu tá, CN. NGUYỄN MINH HOÀNG

189 Kinh nghiệm bảo đảm sinh hoạt sư đoàn bộ binh phòng ngự trong chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc và hướng kế thừa, phát triển.

Đại tá, TS. HÀ THANH NAM

193 Kinh nghiệm công tác vận tải sư đoàn bộ binh tiến công địch cơ động trong chiến tranh giải phóng - Hướng kế thừa, phát triển.

Thiếu tá, ThS. CAO XUÂN VINH

197 Kinh nghiệm chuẩn bị xăng dầu chiến dịch phản công trong kháng chiến chống Mỹ - Hướng kế thừa, phát triển.

Đại tá, TS. NGUYỄN ANH DŨNG

LỊCH SỬ - TRUYỀN THỐNG

201 Khoa Tài chính, Học viện Hậu cần - 70 năm kiến tạo tri thức, vững bước tương lai.

Trung tá, TS. NGUYỄN ANH TUẤN

CONTENTS: DUONG DUC THIEN: Promoting traditions and striving to achieve the highest accomplishments in celebration of the 23rd Congress of the Party Committee of the Military Logistics Academy. **PHAN TUNG SON:** Promoting the power of combined forces in logistic and technical support in defensive campaigns in the Fatherland protection war. **NGUYEN QUOC HOAI:** Measures for supplementing logistics materials for missile boat brigades attacking enemy supply ships in operations to defend the Spratly Islands. **VU VAN BAN:** Solutions for material support for defensive campaigns in the Fatherland protection war. **HAN VAN QUY:** Arranging transport for defensive campaigns in the Fatherland protection war. **NGUYEN THANH TRUNG:** Solutions for logistic and technical material support for local armed forces attacking enemy ground assaults in provincial defensive operations. **LE THI DIEU LINH:** Solutions for improving the quality of managing the state budget for regular expenditures in Brigade 454, Military Region 3.

**KỶ NIỆM NGÀY TRUYỀN THỐNG HỌC VIỆN HẬU CẦN (15/6/1951 - 15/6/2025)
VÀ CHÀO MỪNG ĐẠI HỘI ĐẢNG CÁC CẤP**

PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG, THI ĐUA LẬP THÀNH TÍCH CAO NHẤT CHÀO MỪNG ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ HỌC VIỆN LẦN THỨ XXIII, NHIỆM KỲ 2025 - 2030

Trung tướng DƯƠNG ĐỨC THIÊN
Chính ủy Học viện Hậu cần

Trải qua 74 năm xây dựng, chiến đấu và phát triển, lớp lớp cán bộ, giảng viên, học viên, nhân viên, chiến sĩ Học viện Hậu cần luôn chung sức, đồng lòng, vượt qua muôn vàn khó khăn, gian khổ, viết nên truyền thống vẻ vang “Tuyệt đối trung thành, chủ động sáng tạo, đoàn kết chặt chẽ, dạy tốt học tốt, gắn với chiến trường, hướng về đơn vị”. Lòng tự hào về truyền thống lịch sử vẻ vang đó là động lực to lớn để các thế hệ cán bộ, giảng viên, học viên, nhân viên, chiến sĩ Học viện Hậu cần hôm nay tiếp tục ra sức thi đua lập thành tích cao nhất hướng tới chào mừng Đại hội Đảng bộ Học viện (ĐBHV) lần thứ XXIII, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

Để đáp ứng yêu cầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta chuyển sang giai đoạn mới, chấp hành chỉ thị của Bộ Quốc phòng, tháng 5/1951, Tổng cục Cung cấp quyết định mở Lớp Huấn luyện cán bộ cung cấp đầu tiên (tiền thân của Học viện Hậu cần ngày nay) với nhiệm vụ chủ yếu là bồi dưỡng một số nội dung chuyên môn nghiệp vụ, xác định quan điểm, trách nhiệm phục vụ của cán bộ cung cấp trong thực hành bảo đảm chế độ, tiêu chuẩn cho cán bộ, chiến sĩ. Trong Thư gửi lớp cán bộ cung cấp đầu tiên của quân đội (ngày 15/6/1951), Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn: “Công việc cung cấp cũng quan trọng như việc trực tiếp đánh giặc trước mặt trận: Cung cấp đủ súng đạn, đủ cơm áo cho bộ đội thì bộ đội mới đánh thắng trận”. Quán triệt sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh và những lời huấn thị của Người về vị trí, vai trò của công tác hậu cần, kỹ thuật (HCKT), tài chính; về giáo dục, đào tạo (GDĐT), xây dựng đội ngũ cán bộ ngành HCKT quân đội, Đảng ủy, Ban Giám đốc Học viện qua

các thời kỳ đã lãnh đạo, chỉ đạo, vận dụng những quan điểm, tư tưởng của Người bằng những hành động, việc làm cụ thể và đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, góp phần to lớn vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, xây dựng Quân đội, củng cố quốc phòng, xứng đáng với vị thế, uy tín trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nghiên cứu khoa học HCKT, tài chính quân sự hàng đầu của Quân đội và quốc gia. Với những thành tích xuất sắc trong sự nghiệp GDĐT, nghiên cứu khoa học, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Học viện vinh dự được Đảng, Nhà nước trao tặng: Danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, 04 Huân chương Quân công (03 hạng Nhất, 01 hạng Ba); 05 Huân chương Chiến công (03 hạng Nhất, 02 hạng Ba); Huân chương Lao động hạng Nhì; Nhà nước Cộng hòa dân chủ Nhân dân Lào tặng Huân chương Issara và nhiều phần thưởng cao quý.

Kế thừa, phát huy kết quả đạt được, những năm qua, quán triệt các nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, Nhà nước,

Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng; Đảng ủy Học viện đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, đột phá nâng cao chất lượng GDĐT, nghiên cứu khoa học gắn với thực hiện tốt phương châm “Chất lượng đào tạo là khả năng sẵn sàng chiến đấu của đơn vị”, “Dạy thực chất, học thực chất, đánh giá thực chất”; toàn Đảng bộ đoàn kết, thống nhất, đổi mới, sáng tạo, nỗ lực vượt qua khó khăn, lãnh đạo Học viện hoàn thành toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội ĐBHV lần thứ XXII và các nghị quyết trong nhiệm kỳ 2020 - 2025; nhiều nhiệm vụ hoàn thành xuất sắc; ĐBHV đạt trong sạch, vững mạnh tiêu biểu, Học viện vững mạnh toàn diện “Mẫu mực, tiêu biểu”, 3 năm liền được tặng Cờ thi đua của Bộ Quốc phòng và Chính phủ.

Thời gian tới, để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; xây dựng quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; yêu cầu sáp nhập ngành HCKT trong toàn quân và hội nhập quốc tế; xây dựng ĐBHV trong sạch, vững mạnh tiêu biểu, Học viện vững mạnh toàn diện “Mẫu mực, tiêu biểu”, toàn Đảng bộ cần phát huy trí tuệ tập thể; đột phá nâng cao chất lượng GDĐT, nghiên cứu khoa học và xây dựng chính quy, rèn luyện kỷ luật, cải cách hành chính, đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số; nâng cao chất lượng bảo đảm HCKT, tài chính đáp ứng các nhiệm vụ. Hướng tới chào mừng Đại hội ĐBHV Hậu cần lần thứ XXIII, nhiệm kỳ 2025 - 2030; đồng thời, đẩy mạnh và lan tỏa khí thế thi đua hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao trong toàn Học viện; cấp ủy, chỉ huy và mọi cán bộ, đảng viên, quần chúng trong toàn ĐBHV cần tập trung thực hiện tốt những nhiệm vụ trọng tâm sau:

Một là, phấn đấu xây dựng các cấp ủy, tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh tiêu biểu, có năng lực lãnh đạo toàn diện, sức chiến đấu cao. Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng là yêu cầu đặt ra thường xuyên và là yếu tố trực tiếp quyết định đến chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng cấp ủy, tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh tiêu biểu. Theo đó, cần tiếp tục quán triệt sâu sắc chỉ thị của Bộ Chính trị, các nghị quyết, chỉ thị, quy định của Trung ương, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng, Đảng ủy, Ban Giám đốc Học viện về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; chấp hành nghiêm nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng; thường xuyên củng cố, kiện toàn các cấp ủy, tổ chức đảng gắn với xây dựng đội ngũ cấp ủy viên với cán bộ chủ trì các cấp; kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức đảng, đảng viên nghiêm túc, thực chất; nâng cao chất lượng công tác quản lý cán bộ, đảng viên; coi trọng chất lượng nguồn kết nạp vào Đảng gắn với thường xuyên rà soát, sàng lọc đội ngũ đảng viên. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ chủ trì các cấp tiêu biểu về phẩm chất chính trị, đạo đức, kiến thức, năng lực, tầm nhìn; có số lượng, cơ cấu hợp lý, chất lượng ngày càng cao đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Chủ động phát hiện cán bộ có phẩm chất, năng lực vượt trội, có triển vọng để bổ nhiệm vào vị trí quan trọng, bổ nhiệm vượt chức để tạo nguồn cán bộ; quan tâm tạo nguồn cán bộ nữ, cán bộ trẻ. Tiếp tục quán triệt, thực hiện nghiêm túc các chỉ thị, quy định của Đảng về công tác bảo vệ chính trị nội bộ.

Hai là, thi đua đột phá nâng cao chất lượng GDĐT, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong Học viện. Để đáp ứng yêu cầu sáp nhập ngành HCKT

trong toàn quân và yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng quân đội “tinh, gọn, mạnh”, hiện đại, đòi hỏi Học viện cần có những giải pháp đột phá mang tính toàn diện nhằm đổi mới, sáng tạo nâng cao chất lượng GDĐT. Để thực hiện chủ trương trên, Đảng ủy, Ban Giám đốc Học viện cần tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm các nghị quyết, chỉ thị, đề án của Đảng, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng về nhiệm vụ GDĐT. Tập trung chỉ đạo hoàn thành xây dựng nội dung chương trình đào tạo các đối tượng gắn với chuẩn đầu ra, bảo đảm tính hệ thống, đồng bộ, hiện đại, sát thực tế, liên thông với chuẩn đầu vào của trình độ đào tạo, bậc học cao hơn; tạo cơ hội liên thông giữa chương trình đào tạo cùng trình độ, nhóm ngành đào tạo. Chuẩn bị mọi mặt để khi Bộ ban hành quyết định, Học viện sẽ tổ chức đào tạo hệ dân sự, mở ngành đào tạo chỉ huy vận tải xe máy, logistics quân sự, thạc sĩ và tiến sĩ HCKT, giáo dục quốc phòng, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng. Nâng cao chất lượng các hoạt động huấn luyện đặc biệt, nhất là huấn luyện đêm, huấn luyện thực hành, huấn luyện cường độ cao, thực tập, thực tế; tiếp tục đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp diễn tập, sát thực tiễn công tác bảo đảm HCKT, tài chính trong các hình thức tác chiến, phù hợp với từng đối tượng đào tạo. Tổ chức, tham gia các hội thi, hội thao phấn đấu đạt kết quả cao.

Chỉ đạo tiếp tục đổi mới hình thức, phương pháp dạy học theo hướng hiện đại; triển khai các biện pháp nâng cao tỷ lệ học viên giỏi của các đối tượng đào tạo. Quan tâm xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục đạt chuẩn theo quy định, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; tăng cường luân chuyển thực tế bằng nhiều hình thức. Đổi mới, gắn đào tạo sau đại học với triển khai nghiên

cứu các đề tài, dự án, đề án khoa học công nghệ, những vấn đề thực tiễn đặt ra trong công tác bảo đảm HCKT, tài chính tại đơn vị; nâng cao chất lượng luận văn, luận án; khắc phục triệt để tình trạng chậm tiến độ của nghiên cứu sinh. Đổi mới hình thức, phương pháp thi, kiểm tra, đánh giá, thực hiện dạy thực chất, học thực chất, đánh giá thực chất kết quả dạy và học. Từng bước phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng GDĐT bên trong theo hướng hiện đại, đồng bộ, khoa học, thống nhất; xây dựng văn hóa chất lượng, môi trường sư phạm chuẩn mực trong Học viện. Đột phá ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ mô phỏng, trí tuệ nhân tạo, cơ sở dữ liệu dùng chung trong quản lý, điều hành, giám sát hoạt động huấn luyện. Quy hoạch, đầu tư, xây dựng, quản lý, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ huấn luyện, ưu tiên bảo đảm các loại vật chất phục vụ huấn luyện thực hành, huấn luyện đêm, tập bài, diễn tập sát thực tế chiến đấu và thực tiễn đơn vị.

Triển khai đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm các chương trình, nhiệm vụ khoa học công nghệ và môi trường, gắn nghiên cứu khoa học với nhiệm vụ GDĐT; đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao các đề tài, sáng kiến khoa học kỹ thuật hậu cần vào thực tiễn đơn vị, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng bộ đội, nhất là đối với các lực lượng làm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo. Tăng cường xây dựng, phát triển tiềm lực khoa học; kiện toàn, nâng cao chất lượng hội đồng khoa học các cấp. Tiếp tục đẩy mạnh phong trào Tuổi trẻ sáng tạo trong Học viện; giữ vững, nâng cao vị thế, uy tín Tạp chí Nghiên cứu khoa học Hậu cần quân sự, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Ba là, không ngừng nâng cao chất lượng xây dựng chính quy, rèn luyện kỷ luật,

xây dựng Học viện vững mạnh toàn diện “Mẫu mực, tiêu biểu”. Xây dựng chính quy, rèn luyện kỷ luật là yêu cầu khách quan, giải pháp quan trọng, bảo đảm cho Học viện hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Để nâng cao chất lượng xây dựng chính quy, rèn luyện kỷ luật, xây dựng Học viện vững mạnh toàn diện “Mẫu mực, tiêu biểu” trong thời gian tới, đòi hỏi Đảng ủy, Ban Giám đốc Học viện, cấp ủy, chỉ huy các cơ quan, đơn vị cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo làm tốt công tác giáo dục, xây dựng động cơ, ý chí quyết tâm, tính tự giác của cán bộ, học viên, nhân viên, chiến sĩ trong quán triệt, thực hiện chỉ thị, quy định, điều lệnh, điều lệ. Duy trì nghiêm nền nếp, chế độ sinh hoạt, công tác; chú trọng bồi dưỡng, rèn luyện, nâng cao năng lực dự báo, phương pháp tác phong công tác, kinh nghiệm quản lý, giáo dục, rèn luyện bộ đội cho đội ngũ cán bộ trực tiếp quản lý học viên, chiến sĩ. Kịp thời phát hiện, xử lý từ sớm các sai phạm và dấu hiệu sai phạm, tạo sự chuyển biến vững chắc về xây dựng chính quy, chấp hành pháp luật, kỷ luật; coi đây là một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá, xếp loại chất lượng, khen thưởng tập thể và cá nhân hằng năm. Thực hiện quyết liệt chủ trương, chỉ đạo sau tổng kết thực hiện nghị quyết, kết luận của Trung ương về đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ vào thực hiện cải cách hành chính, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, hạ tầng mạng; thực hiện giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường số. Thực hiện tốt công tác đối ngoại quân sự, công tác tổng hợp kế hoạch, văn thư, bảo mật; quản lý, sử dụng đất quốc phòng chặt chẽ, đúng mục đích.

Bốn là, đẩy mạnh công tác HCKT, tài chính, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, giảng viên, học viên, nhân viên, chiến sĩ trong Học viện. Công tác HCKT, tài chính có vai trò rất quan trọng, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ GDĐT, nghiên cứu khoa học và các mặt công tác khác. Theo đó, cần tiếp tục đổi mới phương thức bảo đảm HCKT, tài chính phù hợp với điều kiện kinh tế thị trường và đặc thù của Học viện. Trọng tâm là, bảo đảm tốt doanh trại, doanh cụ, điện nước, xăng dầu, vận tải cho các nhiệm vụ của Học viện và công tác phòng, chống dịch bệnh, an toàn vệ sinh thực phẩm, chăm sóc sức khỏe, nâng cao đời sống bộ đội. Duy trì nghiêm các chế độ, quy định về công tác kỹ thuật, an toàn vệ sinh lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp; tập trung nâng cao chất lượng công tác quản lý, bảo dưỡng, sửa chữa, làm chủ trang bị kỹ thuật, duy trì hệ số kỹ thuật đáp ứng nhiệm vụ. Chủ động tạo nguồn, khai thác, đẩy mạnh tăng gia, sản xuất, chế biến hiệu quả, bền vững; tăng cường đầu tư khoa học kỹ thuật, điều tiết sản phẩm, giao chỉ tiêu phần đầu cụ thể cho cơ quan, đơn vị gắn với phát huy mô hình mẫu về tăng gia, sản xuất. Duy trì, chấp hành nghiêm và nắm chắc các nội dung về mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện công tác HCKT, tài chính. Quản lý, sử dụng ngân sách chặt chẽ, đúng quy định, hiệu quả; đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí, tiêu cực trong sử dụng ngân sách, tài sản, vật tư, trang thiết bị HCKT. Thực hiện hiệu quả phong trào thi đua “Ngành Hậu cần Quân đội làm theo lời Bác Hồ dạy” gắn với cuộc vận động “Quản lý, khai thác vũ khí trang bị kỹ thuật tốt, bền, an toàn, tiết kiệm và An toàn giao thông”, phong trào thi đua “Xây dựng đơn vị quản lý tài chính tốt” và phong trào thi đua của các cấp, ngành.

Năm là, xây dựng môi trường văn hóa quân sự lành mạnh, đẩy mạnh các phong trào thi đua quyết thắng và các phong trào thi đua, các cuộc vận động của các cấp, các ngành. Môi trường văn hoá quân sự lành mạnh có vai trò rất quan trọng trong việc xây dựng, hoàn thiện nhân cách người quân nhân cách mạng nói chung và người cán bộ HCKT, tài chính quân đội nói riêng; là động lực trực tiếp thúc đẩy cán bộ, giảng viên, học viên, nhân viên, chiến sĩ phấn đấu vươn lên, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Theo đó, cần quan tâm xây dựng bầu không khí dân chủ, cởi mở, sự đoàn kết, thống nhất, tin tưởng lẫn nhau trong sinh hoạt, học tập và công tác; phát huy dân chủ, đề cao kỷ luật, nêu cao tinh thần tiên phong, gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ chủ trì các cơ quan, đơn vị trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ và chấp hành pháp luật Nhà nước, kỷ luật Quân đội, quy định của Học viện và địa phương nơi đóng quân, cư trú. Tiếp tục quan tâm đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống giảng đường, nhà ở, nhà làm việc của các cơ quan, đơn vị; bảo đảm đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện phục vụ tốt nhiệm vụ giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học, công tác và phục vụ của các đối tượng. Chủ động nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện hệ thống các quy chế, quy định trong thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở; phát huy có hiệu quả hệ thống thiết chế văn hóa ở các cơ quan, đơn vị. Thường xuyên đổi mới, đa dạng hóa các quan hệ văn hóa quân sự với nhiều biện pháp cụ thể, như: Tọa đàm dân chủ; giao lưu văn hóa; thực hiện tốt công tác dân vận, chính sách, “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”; đẩy mạnh thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận

động của các cấp, các ngành, tạo khí thế thi đua sôi nổi, lan tỏa sâu rộng trở thành phong trào hành động cách mạng rộng khắp trong toàn Học viện.

Tự hào với truyền thống vẻ vang của Học viện Hậu cần trong chặng đường 74 năm xây dựng, chiến đấu và phát triển, thời gian tới, các cấp ủy, tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên, quần chúng trong toàn Đảng bộ cần tiếp tục quán triệt, thực hiện đầy đủ, nghiêm túc chỉ thị, hướng dẫn của Trung ương, Quân ủy Trung ương về tổ chức đại hội đảng các cấp; không ngừng đổi mới, sáng tạo, nỗ lực vươn lên; tích cực, chủ động, chuẩn bị chu đáo về mọi mặt để tổ chức thành công Đại hội đại biểu ĐBHV Hậu cần lần thứ XXIII nhiệm kỳ 2025 - 2030, hướng tới chào mừng Đại hội đại biểu Đảng bộ Quân đội lần thứ XII và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng♦

Tài liệu tham khảo

1. Đảng bộ Học viện Hậu cần (2020), *Nghị quyết Đại hội đại biểu ĐBHV Hậu cần lần thứ XXII (Nhiệm kỳ 2020 - 2025)*, Hà Nội.
2. Đảng ủy Học viện Hậu cần (2024), *Chỉ thị số 1470-CT/ĐU, về đại hội đảng các cấp trong ĐBHV, tiến tới Đại hội Đảng bộ Quân đội lần thứ XII và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng*, Hà Nội.
3. Quân ủy Trung ương (2022), *Nghị quyết số 230-NQ/QUTW về tổ chức Quân đội giai đoạn 2021 - 2030 và những năm tiếp theo*, Hà Nội.
4. Quân ủy Trung ương (2022), *Nghị quyết số 1657-NQ/QUTW về đổi mới công tác giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng quân đội trong tình hình mới*, Hà Nội.
5. Quân ủy Trung ương (2024), *Chỉ thị số 2960-CT/QUTW, về đại hội đảng các cấp trong Đảng bộ Quân đội nhiệm kỳ 2025 - 2030*, Hà Nội.

KẾ THỪA, PHÁT HUY GIÁ TRỊ BẢN HUẤN THỊ CỦA ĐẠI TƯỚNG VÕ NGUYÊN GIÁP TRONG NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO Ở HỌC VIỆN HẬU CẦN

Đại tá, ThS. HOÀNG ĐÌNH HUÂN
Phòng Chính trị, Học viện Hậu cần

Thực hiện bản Huấn thị của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, 68 năm qua, cán bộ, giảng viên, học viên, nhân viên, chiến sĩ Học viện Hậu cần luôn đoàn kết, sáng tạo, chủ động khắc phục mọi khó khăn hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ; khẳng định vị thế, uy tín trong đào tạo cán bộ hậu cần, kỹ thuật, tài chính quân đội. Đến nay, bản Huấn thị của Đại tướng vẫn mang tính thời sự và có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc để Học viện kế thừa, phát huy trong đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo (GD, ĐT) đáp ứng yêu cầu xây dựng quân đội trong tình hình mới.

N GÀY 21/9/1957, Đại tướng đã đến dự Lễ Khai giảng khóa 1 đào tạo cán bộ hậu cần cơ bản, dài hạn của Trường Cán bộ Hậu cần (nay là Học viện Hậu cần). Quán triệt quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong Thư gửi Lớp Huấn luyện cán bộ cung cấp đầu tiên: “Công việc cung cấp cũng quan trọng như việc trực tiếp đánh giặc trước mặt trận”, Đại tướng nhấn mạnh về tầm quan trọng của công tác hậu cần và công tác đào tạo cán bộ hậu cần quân đội: “Quân đội càng tiến lên chính quy và hiện đại, công tác hậu cần lại càng gay go, phức tạp và nặng nề hơn, nên các đồng chí phải coi công tác hậu cần là công tác rất quan trọng và việc đào tạo cán bộ hậu cần cũng quan trọng”. Đồng thời, Đại tướng yêu cầu Nhà trường phải tích cực, chủ động, bảo đảm chất lượng huấn luyện. Theo đó, Đại tướng đã chỉ rõ nội dung cơ bản trong công tác GD, ĐT đội ngũ cán bộ hậu cần trên 05 phương diện cụ thể:

Thứ nhất, về mục tiêu đào tạo, Đại tướng nhấn mạnh, công tác đào tạo của Nhà trường phải hướng tới mục tiêu đào tạo đội ngũ cán bộ hậu cần quân đội có lập trường tư tưởng vững vàng, phẩm chất đạo

đức tốt, có kiến thức toàn diện, có khả năng thực hiện tốt nhiệm vụ.

Thứ hai, về phương châm đào tạo, “Phải kết hợp nhà trường với đơn vị cũng như kết hợp nhà trường với chiến trường trong thời chiến... Nội dung học tập phải kết hợp với công tác thực tế ở đơn vị, làm cho học tập kết liền với xây dựng quân đội hiện nay”. Đại tướng yêu cầu trong quá trình đào tạo, Nhà trường “phải nắm vững nguyên tắc, phải vận dụng thích hợp với khả năng kinh tế của ta, áp dụng trong chiến trường ta; không học tập chính quy một cách máy móc, giáo điều”.

Thứ ba, nội dung, chương trình đào tạo, phải toàn diện cả về văn hóa, chính trị, quân sự, chuyên môn nghiệp vụ và sức khỏe; Đại tướng nhấn mạnh: “Nếu học tập như vậy mà không học tri thức quân sự thì không được! Phải học một tỷ lệ cần thiết! Rồi phải chú trọng tiến bộ về văn hóa và sức khỏe...”.

Thứ tư, về chất lượng đào tạo, Đại tướng nhấn mạnh, Nhà trường phải đào tạo được đội ngũ cán bộ hậu cần có phẩm chất đạo đức tốt, tinh thần trách nhiệm cao, tận tụy, chu đáo, hết lòng hết sức phục vụ bộ đội; phải có kiến thức toàn diện, có trình độ

nghiệp vụ giỏi, có tri thức quân sự cần thiết, có trình độ văn hóa và sức khỏe.

Thứ năm, đối với cán bộ, giáo viên và học viên. Cán bộ, giáo viên “phải thấu suốt nhiệm vụ của Đảng, của quân đội”, phải tích cực nghiên cứu, tìm hiểu, cập nhật tình hình thực tiễn hoạt động công tác hậu cần ở các cơ quan, đơn vị trong toàn quân, “nâng cao tổ chức tính, kỷ luật tính” trên cơ sở đó, xây dựng bài giảng sát với chức trách, nhiệm vụ của người cán bộ hậu cần tại đơn vị. Học viên “Phải ra sức học tập cho tốt...”, học phải đi đôi với hành, lý luận phải gắn với thực tiễn, phải xuất phát từ thực tiễn.

Suốt 68 năm qua, Bản Huấn thị của Đại tướng đã trở thành kim chỉ nam cho Học viện Hậu cần trong thực hiện nhiệm vụ GD, ĐT. Qua từng giai đoạn phát triển, dù trong bất cứ hoàn cảnh nào, Học viện cũng đoàn kết, chủ động khắc phục khó khăn, phát huy trí tuệ, tinh thần trách nhiệm, không ngừng nâng cao chất lượng GD, ĐT. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Nhà trường thực hiện đan xen nhiều loại hình đào tạo: Dài hạn, ngắn hạn, bổ túc... vừa đào tạo, vừa thực hiện nhiệm vụ chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu; kịp thời bổ sung kiến thức, kinh nghiệm từ thực tiễn chiến trường vào nội dung, chương trình đào tạo. Sau ngày đất nước thống nhất, Nhà trường tập trung nâng cao chất lượng GD, ĐT theo hướng “Cơ bản, toàn diện, hệ thống, thống nhất”, đáp ứng yêu cầu đào tạo cán bộ hậu cần quân đội trong thời bình, sẵn sàng cho nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ Tổ quốc và thực hiện nhiệm vụ quốc tế. Những năm gần đây, Học viện không ngừng đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, đưa nhà trường hội nhập vào hệ thống đào tạo bậc đại học của quốc gia. Tiến hành đổi mới căn bản, toàn diện, từng bước xây dựng “Nhà trường thông minh”, với phương châm “Dạy thực chất, học thực chất, đánh giá

thực chất”; tăng cường thực tế đơn vị, bám sát sự phát triển của nghệ thuật quân sự và ngành hậu cần, kỹ thuật, tài chính quân đội, thực hiện phương châm “Chất lượng đào của nhà trường là khả năng sẵn sàng chiến đấu của đơn vị”. Học viện đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, đáng tự hào, ngày càng khẳng định vị thế, uy tín trong hệ thống đào tạo của quân đội và quốc gia. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu, vẫn còn một số hạn chế cần khắc phục như: Chất lượng đào tạo có thời điểm chưa cao; nội dung, chương trình đào tạo còn có những bất cập, chồng chéo, chưa cân đối giữa kiến thức lý thuyết và thực hành; việc cập nhật kiến thức thực tiễn vào nội dung chương trình đào tạo chưa kịp thời; đội ngũ cán bộ, nhà giáo chưa đồng đều; chất lượng biên soạn giáo trình, tài liệu, đề tài nghiên cứu khoa học (NCKH) còn hạn chế...

Hiện nay, trước yêu cầu xây dựng Quân đội “tinh, gọn, mạnh”, tạo tiền đề vững chắc đến năm 2030 xây dựng Quân đội “cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại”. Yêu cầu đặt ra đối với Học viện cần phải đổi mới, nâng cao chất lượng GD, ĐT, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ hậu cần, kỹ thuật, tài chính có bản lĩnh chính trị kiên định, vững vàng; có trình độ kỹ thuật, chiến thuật, nghiệp vụ giỏi, chuyên sâu, hiện đại; năng lực tư duy sáng tạo, quyết đoán, khả năng thích ứng nhanh, hành động kiên quyết; có trình độ ngoại ngữ, tin học và khả năng làm việc trong môi trường quốc tế. Do đó, Học viện cần tiếp tục kế thừa, phát huy giá trị của bản Huấn thị, tập trung thực hiện tốt một số nội dung cơ bản sau:

Một là, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chỉ huy các cấp về đổi mới và nâng cao chất lượng GD, ĐT. Đây là giải pháp quan trọng hàng đầu, nhằm định hướng mọi hoạt động đổi mới, nâng cao chất lượng GD, ĐT tại Học viện. Để thực

hiện tốt giải pháp này, trước tiên, cấp ủy, chỉ huy các cấp thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao hiệu quả công tác tư tưởng, giữ vững định hướng chính trị trong GD, ĐT; nghiên cứu sâu, kỹ quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các nghị quyết, chỉ thị của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng về công tác GD, ĐT; đặc biệt, tập trung quán triệt, triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 1657-NQ/QUTW, ngày 20/12/2022 của Quân ủy Trung ương về đổi mới công tác giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng Quân đội trong tình hình mới, Nghị quyết số 1659-NQ/QUTW, ngày 20/12/2022 của Quân ủy Trung ương về nâng cao chất lượng huấn luyện giai đoạn 2023 - 2030 và những năm tiếp theo, Nghị quyết số 1652-NQ/QUTW, ngày 20/12/2022 của Quân ủy Trung ương về lãnh đạo công tác khoa học quân sự đến năm 2030 và những năm tiếp theo; Nghị quyết số 883-NQ/ĐU, ngày 22/3/2023 của Đảng ủy Học viện về đổi mới công tác GD&ĐT đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng Học viện trong tình hình mới; Nghị quyết số 884NQ/ĐU, ngày 22/3/2023 của Đảng ủy Học viện về nâng cao chất lượng huấn luyện giai đoạn 2023-2030 và những năm tiếp theo, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức, trách nhiệm, nâng cao bản lĩnh chính trị, đạo đức cách mạng, phát huy phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và các đối tượng đào tạo. Tập trung xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh, tiêu biểu gắn với xây dựng nhà trường chính quy, mẫu mực. Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với Cuộc vận động “Phát huy truyền thống, cống hiến tài năng, xứng danh Bộ đội Cụ Hồ”. Thực hiện tốt Phong trào thi đua “Dạy tốt, học tốt, nghiên cứu khoa học

và công tác tốt”; phát huy sức mạnh tổng hợp của cấp ủy, chỉ huy các cơ quan, đơn vị và cán bộ, đảng viên, khắc phục những khâu yếu, mặt yếu.

Hai là, nâng cao chất lượng tham mưu của các cơ quan; thực hiện chuẩn hóa đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục. Lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng ổn định về tổ chức, biên chế, chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị theo biểu tổ chức, biên chế mới, bảo đảm cân đối, đồng bộ, hợp lý. Muốn vậy, cần quán triệt, thực hiện nghiêm Nghị quyết số 05-NQ/TW, Nghị quyết số 230-NQ/QUTW và Kế hoạch số 1228/KH-BQP; tổ chức thực hiện nghiêm các quyết định về điều chỉnh tổ chức biên chế trong Học viện. Đồng thời, nâng cao chất lượng hiệu quả công tác phối hợp, hiệp đồng giữa các cơ quan, đơn vị trong triển khai thực hiện. Xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản lãnh đạo, chỉ đạo công tác GD, ĐT bảo đảm toàn diện, đồng bộ, thống nhất, phù hợp với các quy định của pháp luật. Mặt khác, quan tâm tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ để tạo động lực cho đội ngũ cán bộ, nhà giáo học tập, nâng cao trình độ, phấn đấu, phát triển, cống hiến. Chủ động rà soát, xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đội ngũ cán bộ, nhà giáo gắn với Đề án xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục trong Quân đội giai đoạn 2023 - 2030 và những năm tiếp theo, Nghị quyết số 1214-NQ/ĐU, ngày 29/12/2023 của Đảng ủy Học viện về xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục trong Học viện giai đoạn 2023 - 2030 và những năm tiếp theo; tích cực đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục theo hướng phát triển năng lực toàn diện. Tăng cường đưa giảng viên đi thực tế tại đơn vị với chức danh phù hợp cấp đào tạo và chức vụ tương ứng để tích lũy kiến thức thực tiễn.

Ba là, đổi mới toàn diện và đồng bộ chương trình, nội dung đào tạo, hình thức, phương pháp dạy học. Quán triệt và triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 3061/QĐ-BQP, ngày 11/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc phê duyệt Đề án “Đổi mới quy trình, chương trình đào tạo cán bộ các cấp trong Quân đội, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới”. Tập trung rà soát, đổi mới quy trình đào tạo theo hướng rút ngắn thời gian đào tạo tại trường, tăng cường thực hành, thực tập, thực tế, tự học của học viên; bảo đảm tính logic trong từng môn học, học kỳ, năm học và khóa học để nâng cao hiệu quả chương trình đào tạo. Chuẩn hóa các chương trình đào tạo đảm bảo cách mạng, khoa học, liên thông, liên tục, kế thừa, tích hợp, sát thực tế, và phát triển, phù hợp với nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội; xây dựng hoàn chỉnh chuẩn đầu ra, bảo đảm tính khoa học, vừa đi trước, vừa có tính kế thừa, phù hợp với đối tượng đào tạo, sát với chức danh đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp, thực tế huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu và yêu cầu xây dựng Quân đội trong tình hình mới.

Quán triệt và triển khai thực hiện có hiệu quả các nghị quyết của QUTW về công tác hậu cần, kỹ thuật, tài chính trong xây dựng nội dung, chương trình đào tạo bảo đảm sát thực tiễn. Tăng cường áp dụng phương pháp dạy học tích cực, học tập trải nghiệm và đánh giá theo năng lực trong quá trình dạy học, đáp ứng nhu cầu đa dạng của các đối tượng đào tạo. Thực hiện tốt phương châm “Chất lượng đào tạo của Nhà trường là khả năng sẵn sàng chiến đấu của đơn vị” và triết lý giáo dục “Bản lĩnh, trí tuệ, đổi mới, thực tiễn”; tích cực tìm hiểu, tiếp cận các phương pháp GD, ĐT tiên tiến, thực hiện đột phá về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để nâng cao chất lượng GD, ĐT và NCKH.

Bốn là, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất tương xứng với quy mô, yêu cầu, nhiệm vụ GD, ĐT và NCKH. Khai thác có hiệu quả những phương tiện hiện có, tập trung nguồn lực đầu tư mua sắm, đổi mới trang bị một cách thiết thực, hiệu quả, bảo đảm tính kế thừa, có trọng tâm, trọng điểm trên cơ sở định hướng phát triển tổng thể của Học viện, phù hợp với kinh phí được bảo đảm. Đầu tư hoàn thiện hạ tầng cơ sở công nghệ thông tin; tích hợp hóa, tin học hóa, hiện đại hóa công tác quản lý và đào tạo bảo đảm thống nhất, hiệu quả, an toàn; hoàn thiện và khai thác hiệu quả mạng truyền số liệu quân sự gắn với triển khai hình thức học tập trên mạng; tập trung xây dựng, bổ sung và khai thác sử dụng có hiệu quả kho bài giảng, kho học liệu số phục vụ nhu cầu tự học. Tập trung ưu tiên ứng dụng công nghệ mô phỏng phục vụ huấn luyện, đào tạo, đồng thời, tích cực rà soát, củng cố, hiện đại hóa hệ thống giảng đường, thao trường tổng hợp, bảo đảm phù hợp với mục tiêu, yêu cầu GD, ĐT cho từng đối tượng.

Trải qua 68 năm, Bản Huấn thị của Đại tướng Võ Nguyên Giáp vẫn còn nguyên giá trị, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc. Việc kế thừa, phát huy những giá trị của Bản Huấn thị vào thực tiễn quá trình GD, ĐT là cần thiết, tạo nguồn động lực to lớn để Học viện Hậu cần tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng GD, ĐT, khẳng định vị thế, uy tín của Học viện trong hệ thống đào tạo của Quân đội và quốc gia♦

Tài liệu tham khảo

1. Học viện Hậu cần (2021), *Lịch sử Học viện Hậu cần (1951 - 2021)*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Học viện Hậu cần (2023), *Lịch sử công tác đảng, công tác chính trị Học viện Hậu cần (2000 - 2020)*, Nxb QĐND, Hà Nội.

TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG, GÓP PHẦN CHUẨN BỊ VÀ TỔ CHỨC TỐT ĐẠI HỘI ĐẢNG CÁC CẤP TRONG ĐẢNG BỘ QUÂN ĐỘI, TIẾN TỚI ĐẠI HỘI XIV CỦA ĐẢNG

Trung tá, TS. TẠ QUANG ĐẠO
Trường Sĩ quan Chính trị

Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030 tiến tới Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng Cộng sản Việt Nam là sự kiện chính trị đặc biệt, đòi hỏi công tác tư tưởng (CTTT) phải hoàn thành sứ mệnh tiên phong “đi trước, đi cùng, về sau” nhằm góp phần rất quan trọng không chỉ đối với sự thành công của đại hội mà còn góp phần thực hiện thắng lợi nghị quyết của đại hội.

CÔNG tác tư tưởng trong Quân đội nhân dân Việt Nam là một bộ phận CTTT của Đảng, một mặt hoạt động cơ bản của công tác đảng, công tác chính trị, luôn giữ vai trò quan trọng nhằm bồi dưỡng phẩm chất, năng lực, bản lĩnh chính trị cho cán bộ, chiến sĩ; góp phần tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với Quân đội, xây dựng Quân đội vững mạnh về chính trị. Thấm nhuần lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Công tác lãnh đạo tư tưởng là quan trọng nhất”; những năm qua, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, trực tiếp là Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng, Tổng cục Chính trị, các cơ quan, đơn vị trong toàn quân đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tiến hành CTTT đạt nhiều kết quả quan trọng.

Các cơ quan, đơn vị trong toàn quân thường xuyên đổi mới, sáng tạo trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; chú trọng giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao nhận thức cho bộ đội về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng, yêu cầu nhiệm vụ của Quân đội; chú trọng giáo dục truyền thống dân tộc, Quân đội. Triển khai có hiệu quả việc thực

hiện Nghị quyết số 847-NQ/QUTW, ngày 28/12/2021 của Quân ủy Trung ương “Về phát huy phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân trong tình hình mới”; tăng cường đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, góp phần làm thất bại âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình”, thúc đẩy “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, “phi chính trị hóa” Quân đội của các thế lực thù địch; giữ vững vai trò nòng cốt, đi đầu trong đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Cùng với đó, CTTT, tổ chức, cán bộ và chính sách đã được tiến hành đồng bộ, chặt chẽ ở các cấp. Đồng thời, thường xuyên mở rộng dân chủ, tăng cường đối thoại, trao đổi,...; kịp thời nắm bắt, giải quyết thỏa đáng tâm tư, nguyện vọng chính đáng của cán bộ, chiến sĩ. Cấp ủy, chỉ huy các cấp đã chú trọng lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng môi trường văn hóa tốt đẹp, lành mạnh, phong phú; phát huy hiệu quả vai trò của các tổ chức, lực lượng, cơ quan, đơn vị, gia đình và địa phương trong tiến hành CTTT,... Từ đó, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quán triệt, giáo dục, động viên cán bộ, chiến sĩ tích cực nghiên cứu, học tập, nắm vững đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách,

pháp luật của Nhà nước, điều lệnh, điều lệ trong Quân đội. Công tác tư tưởng của Đảng trong Quân đội còn trực tiếp góp phần bảo vệ, giữ vững nền tảng tư tưởng của Đảng, xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, xứng đáng là lực lượng chính trị, lực lượng chiến đấu tuyệt đối trung thành, tin cậy của Đảng, Nhà nước và nhân dân; tạo cơ sở bảo đảm “Đảng bộ Quân đội luôn trong sạch vững mạnh, Quân đội vững mạnh về chính trị. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của cấp ủy, tổ chức đảng được nâng lên; tuyệt đại đa số cán bộ, đảng viên không suy thoái về tư tưởng chính trị, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”.

Hiện nay, công tác chuẩn bị và tổ chức đại hội đảng các cấp trong Đảng bộ Quân đội, tiến tới Đại hội lần thứ XIV của Đảng đang đặt ra những yêu cầu mới đối với CTTT tại các cơ quan, đơn vị trong toàn quân. “Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV... là sự kiện chính trị quan trọng của Đảng, trọng đại của đất nước.... Đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030 là đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng, diễn ra trong bối cảnh nước ta đạt được nhiều thành tích to lớn, kết quả quan trọng, nổi bật toàn diện trên các lĩnh vực. Tiêu biểu là các thành tựu về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, phát triển kinh tế xã hội, quốc phòng, an ninh và công tác đối ngoại, vai trò, tiềm lực, vị thế, uy tín quốc tế của đất nước ta tiếp tục được nâng cao, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc được phát huy mạnh mẽ, niềm tin của nhân dân đối với đảng ngày càng được củng cố, tăng cường. Tuy nhiên, tình hình thế giới và khu vực đang tiếp tục diễn biến phức tạp, nhanh chóng, khó lường. Các mối đe dọa an ninh truyền thống, phi truyền thống ngày càng lớn; xung đột cục

bộ diễn ra trên phạm vi rộng hơn, trực tiếp gây ảnh hưởng đến sự ổn định, phát triển bền vững của thế giới, khu vực và Việt Nam; cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ Tư tiếp tục tác động sâu sắc đến tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội. Đặc biệt, “các thế lực thù địch, phản động tiếp tục tìm mọi cách để phá hoại sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta, chống phá Đảng, Nhà nước ta và quá trình chuẩn bị, tổ chức đại hội đảng bộ các cấp và Đại hội XIV của Đảng”. Thực tế này đang đặt ra yêu cầu làm tốt công tác chuẩn bị và tổ chức đại hội đảng các cấp trong Đảng bộ Quân đội, tiến tới Đại hội XIV của Đảng đối với các cấp ủy, tổ chức Đảng và mọi cán bộ, đảng viên trên cơ sở tiến hành có hiệu quả CTTT.

Để tăng cường CTTT, góp phần chuẩn bị và tổ chức tốt đại hội đảng các cấp trong Đảng bộ Quân đội, tiến tới Đại hội XIV của Đảng, cần tập trung thực hiện một số nội dung, biện pháp cơ bản sau:

Một là, thường xuyên phát huy vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn của cấp ủy, chính ủy, chính trị viên, người chỉ huy và cơ quan Chính trị các cấp đối với CTTT trong chuẩn bị và tổ chức đại hội Đảng các cấp. Chuẩn bị và tổ chức đại hội Đảng các cấp là trách nhiệm chính trị của mọi tổ chức, lực lượng, trước hết là của cấp ủy, chính ủy, chính trị viên, người chỉ huy và cơ quan chính trị các cấp. Do vậy, cấp ủy, chính ủy, chính trị viên, người chỉ huy các cấp phải chủ động, tích cực quán triệt, học tập nắm vững đường lối, quan điểm, các nghị quyết, chỉ thị, hướng dẫn của Đảng, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng, Tổng cục Chính trị về chuẩn bị và tổ chức đại hội Đảng các cấp. Trọng tâm là Quyết định số 190-QĐ/TW, ngày 10/10/2024 của Ban Chấp hành Trung ương về việc ban hành Quy chế bầu cử trong Đảng; Chỉ thị số 2960-CT/QUTW,

ngày 18/7/2024 của Ban Thường vụ Quân ủy Trung ương về đại hội đảng các cấp trong Đảng bộ Quân đội, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; Kết luận số 118-KL/TW, ngày 18/01/2025 của Bộ Chính trị về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 14/6/2024 của Bộ Chính trị khóa XIII về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng;... Qua đó, nhận thức sâu sắc yêu cầu tăng cường CTTT, góp phần chuẩn bị và tổ chức tốt đại hội đảng các cấp trong Đảng bộ Quân đội, tiến tới Đại hội XIV của Đảng. Thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo mọi mặt công tác chuẩn bị và tổ chức đại hội đảng các cấp. Phát huy vai trò trung tâm của cơ quan chính trị các cấp trong tham mưu, chỉ đạo, hướng dẫn, tiến hành CTTT bám sát yêu cầu chuẩn bị và tổ chức đại hội các cấp; bảo đảm “CTTT phải đi trước một bước”, tạo sự thống nhất, đồng thuận ở mỗi tổ chức đảng; chú trọng việc chỉ đạo tổ chức đại hội “làm trước” để rút kinh nghiệm ở mỗi cấp...

Hai là, tiếp tục đổi mới nội dung, đa dạng hóa các hình thức, phương pháp tiến hành CTTT; công tác tư tưởng phải gắn chặt với công tác tổ chức, công tác chính sách. Tiếp tục quán triệt quan điểm của Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, “đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức CTTT theo hướng chủ động, thiết thực, kịp thời và hiệu quả”, việc tiến hành CTTT trong chuẩn bị và tổ chức đại hội Đảng các cấp cần bảo đảm tính toàn diện, song có trọng tâm, trọng điểm. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục để cán bộ, đảng viên, quần chúng nhận thức rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của đại hội đảng các cấp, là dịp để chỉnh đốn đội ngũ, siết chặt kỷ luật, kỷ cương, nâng cao bản lĩnh, trí tuệ, tinh thần sáng tạo và trách nhiệm, phát huy truyền thống, bản chất “Bộ đội Cụ Hồ”.

Thông qua các hình thức, phương pháp như: Tuyên truyền miệng; tuyên truyền trực quan; nghiên cứu tài liệu, văn bản; quán triệt tập trung; tuyên truyền qua mạng xã hội; rút kinh nghiệm đại hội “điểm”, đại hội “làm trước”;... cần tạo sự thống nhất về ý chí và hành động, quy tụ, phát huy trí tuệ tập thể, sức mạnh đoàn kết trong chuẩn bị và tiến hành đại hội các cấp. Kết hợp chặt chẽ giữa CTTT với công tác tổ chức, công tác chính sách trong chuẩn bị và tổ chức đại hội đảng các cấp. Công tác tư tưởng phải được tiến hành trên cơ sở tình hình thực tế, thực trạng của tổ chức đảng, tổ chức quần chúng. Kết hợp giữa giáo dục, tuyên truyền với hướng dẫn, tổ chức hành động của các tổ chức, các lực lượng; kịp thời động viên, khen thưởng các tổ chức đảng, đảng viên có nhiều cống hiến trong chuẩn bị và tổ chức đại hội đảng các cấp.

Ba là, chủ động đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; phản bác những quan điểm, luận điệu sai trái nhằm xuyên tạc, chống phá việc tổ chức đại hội đảng các cấp. Thực tế cho thấy, trước thềm đại hội đảng các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng, các thế lực thù địch, phản động luôn tăng cường hoạt động chống phá trên lĩnh vực chính trị, tư tưởng với nhiều thủ đoạn, như: Kêu gọi “phi chính trị hóa” Quân đội; phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Quân đội; xuyên tạc công tác nhân sự của đại hội;... Vì vậy, cấp ủy, chỉ huy các cơ quan, đơn vị phải quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo phát huy vai trò của Ban Chỉ đạo 35, lực lượng nòng cốt, chủ động đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; vạch trần những luận điệu thiếu căn cứ; phản bác những quan điểm, tư tưởng sai trái của các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị trên các phương tiện truyền thông, các mạng xã hội. “Quân đội phải đi

đầu trong đấu tranh phản bác mạnh mẽ hơn nữa đối với những quan điểm sai trái, thù địch,... tuyệt đối không để những quan điểm sai trái xuất hiện, tồn tại trong Quân đội". Phát huy vai trò của đội ngũ trí thức Quân đội trong nhận diện, đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Thường xuyên bảo đảm tốt phương tiện kỹ thuật, công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên Internet, mạng xã hội. Kịp thời cung cấp đầy đủ thông tin chính thống liên quan đến đại hội đảng các cấp trong Đảng bộ Quân đội, tạo sự thống nhất, đồng thuận cao trong các tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên.

Bốn là, phát huy sức mạnh của các tổ chức, lực lượng trong tiến hành CTTT đáp ứng yêu cầu chuẩn bị và tiến hành đại hội đảng các cấp. Đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030 là sự kiện chính trị quan trọng, đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng tại mỗi cơ quan, đơn vị, đòi hỏi sự vào cuộc hiệu quả của các tổ chức, lực lượng ở tất cả các khâu, các bước trong quy trình chuẩn bị và tiến hành đại hội. Cấp ủy, chỉ huy các cấp cần xác định chủ trương, biện pháp, kế hoạch lãnh đạo, chỉ đạo CTTT, bảo đảm phát huy cao nhất vai trò của các tổ chức, lực lượng trong chuẩn bị và tiến hành đại hội đảng các cấp. Đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp cơ sở cần tăng cường bám nắm, sâu sát đơn vị, nắm được những khó khăn, vướng mắc trong chuẩn bị đại hội đảng và kịp thời giải quyết dứt điểm những vấn đề nảy sinh, không để bị động, bất ngờ. Mọi cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, chỉ huy các cấp, phải luôn luôn đề cao trách nhiệm chính trị; quán triệt, thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, Quy chế bầu cử trong Đảng theo Quyết định số

190-QĐ/TW, ngày 10/10/2024 của Ban Chấp hành Trung ương... Phát huy hiệu quả vai trò của các tổ chức quần chúng, Hội đồng quân nhân trong thực hiện các phong trào hành động cách mạng, thi đua hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, góp phần chuẩn bị và tổ chức thành công đại hội đảng các cấp trong Đảng bộ Quân đội, tiến tới Đại hội XIV của Đảng.

Đại hội Đảng bộ các cấp trong Đảng bộ Quân đội, tiến tới Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng là sự kiện có ý nghĩa trọng đại, đợt sinh hoạt chính trị sâu, rộng trong toàn Đảng, toàn quân. Việc chuẩn bị và tổ chức đại hội là một trong những nhiệm vụ trọng tâm từ nay đến hết nhiệm kỳ, đòi hỏi các cấp ủy phải đề cao hơn nữa vai trò, trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên, đặc biệt là vai trò của cấp ủy, bí thư cấp ủy trong quá trình chuẩn bị và tổ chức đại hội. Để làm được điều đó, cấp ủy các cấp trong Đảng bộ Quân đội cần tiến hành đồng bộ, quyết liệt, sáng tạo nhiều nội dung, biện pháp; trong đó, tăng cường CTTT là một trong những vấn đề trọng tâm, xuyên suốt♦

Tài liệu tham khảo

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2024), *Chỉ thị số 35-CT/TW về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng*, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I*, Nxb CTQG - Sự thật, Hà Nội.
3. Quân ủy Trung ương (2020), *Báo cáo Chính trị nhiệm kỳ 2015 - 2020 tại Đại hội đại biểu Đảng bộ Quân đội lần thứ XI*, Hà Nội.
4. Nguyễn Phú Trọng (2022), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb CTQG - Sự thật, Hà Nội.
5. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, tập 8*, Nxb CTQG - Sự thật, Hà Nội.

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC HẬU CẦN QUÂN SỰ TRONG XÂY DỰNG TIỀM LỰC KHOA HỌC Ở HỌC VIỆN HẬU CẦN

Đại tá, PGS.TS. VŨ HỒNG HÀ

Phó Giám đốc Học viện Hậu cần

TIỀM lực khoa học (TLKH) của Học viện Hậu cần (HVHC) là năng lực nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, vận dụng và phát triển khoa học kỹ thuật của đội ngũ cán bộ, giảng viên, học viên về công tác hậu cần - kỹ thuật (HCKT), tài chính quân đội và khoa học quản lý giáo dục - đào tạo (GD-ĐT); góp phần nâng tầm vị thế, uy tín của Học viện. Xây dựng TLKH là một nhiệm vụ thường xuyên, phải thực hiện đồng bộ nhiều nội dung, biện pháp và cần được quan tâm tạo dựng hành lang pháp lý, môi trường thích hợp để phát triển, trong đó Tạp chí NCKH-HCQS giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong xây dựng nguồn nhân lực, là diễn đàn uy tín để công bố, đăng tải những kết quả nghiên cứu khoa học.

Ngày 03/3/1971, nhân dịp kỷ niệm 20 năm Ngày truyền thống của Trường Sĩ quan Hậu cần, Nội san Huấn luyện Hậu cần (tiền thân của Tạp chí NCKH-HCQS) ra mắt số đầu tiên. Trong suốt chặng đường gần 55 năm xây dựng và trưởng thành, Tạp chí luôn hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao, góp phần quan trọng phục vụ công tác GD-ĐT, xây dựng HVHC và ngành HCKT, tài chính quân đội ngày càng phát triển. Đặc biệt, với chức năng, nhiệm vụ được giao, Tạp chí tham gia tích cực, có hiệu quả trong xây dựng TLKH của HVHC.

Ngay sau khi thành lập, trước yêu cầu, nhiệm vụ chuẩn bị nguồn nhân lực hậu cần cho quân đội đáp ứng yêu cầu của các chiến trường đón thời cơ chiến lược

giải phóng miền Nam, Nhà trường (HVHC từ năm 1973) được Bộ Quốc phòng giao nhiệm vụ: “đào tạo, bổ túc cán bộ hậu cần sơ cấp, trung cấp và cao cấp của 3 quân chủng và 3 thứ quân...”; nội dung bài viết của Nội san tập trung vào công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc giảng dạy, học tập về bảo đảm hậu cần trên chiến trường, công bố các kết quả nghiên cứu thực tiễn của các giáo viên đã qua thực tế trên chiến trường. Từ năm 1971 - 1982, Nội san đã phát hành được 31 số với gần 400 bài viết. Đây chính là những nguồn tư liệu quan trọng để cán bộ, giáo viên nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ, chuyên môn, đúc rút kinh nghiệm thực tiễn bảo đảm hậu cần, xây dựng TLKH gắn với công tác huấn luyện hướng về chiến trường.

Nhằm thúc đẩy công tác nghiên cứu và phổ cập tri thức khoa học về hậu cần, ngày 24/3/1983, Nội san Huấn luyện hậu cần được đổi tên thành “Tạp san Thông tin khoa học”. Trong giai đoạn 1983 - 1991, Tạp san đóng vai trò quan trọng trong việc đăng tải, công bố kết quả của các hội thảo khoa học về phát triển lý luận hậu cần quân sự (HCQS), là diễn đàn trao đổi, thống nhất các nội dung học thuật, các thuật ngữ sử dụng trong lĩnh vực HCQS. Những nội dung này có ý nghĩa rất quan trọng đối với quá trình nghiên cứu, biên soạn, vận dụng, góp phần thiết thực, có hiệu quả trong phát triển năng lực khoa học của đội ngũ cán bộ, giảng viên. Đến năm 1992, nhiệm vụ GD-ĐT của Học viện tiếp tục có sự phát triển, nhất là Học viện được giao nhiệm vụ đào tạo thạc

sĩ ngành khoa học quân sự (KHQS), chuyên ngành HCQS. Theo đó, Tập san Thông tin khoa học đã được đổi mới và phát triển thành Tập san NCKH-HCQS. Tập san đã trở thành diễn đàn để cán bộ, giảng viên, học viên trao đổi, công bố những nghiên cứu về lý luận HCQS cấp chiến thuật, chiến dịch, kinh nghiệm bảo đảm hậu cần chiến đấu, công tác hậu cần thường xuyên; giới thiệu những thành tựu khoa học kỹ thuật, quân sự ở trong nước và trên thế giới tác động đến công tác bảo đảm hậu cần..., đặc biệt, đăng tải nhiều bài báo khoa học có tính chất “phản biện”, tranh luận về các vấn đề học thuật. Tập san trở thành diễn đàn dân chủ, động viên mọi cán bộ, giảng viên, học viên hăng say, tìm tòi, góp phần phát triển tư duy phản biện trong nghiên cứu khoa học và phát triển TLKH của Học viện. Trong giai đoạn từ năm 1992 - 2001, Tập san đã phát hành được 25 số, với hơn 300 bài viết; góp phần nâng cao vị trí của công tác nghiên cứu khoa học, từng bước đưa Học viện trở thành trung tâm KHQS hậu cần, tài chính, thực sự là nơi nghiên cứu lý luận và giải quyết những vấn đề thực tiễn công tác bảo đảm hậu cần đặt ra.

Trước sự phát triển toàn diện, sâu rộng về nhiệm vụ GD-ĐT, Học viện vừa triển khai tổ chức đào tạo theo chức vụ, vừa tổ chức đào tạo theo học vấn với các trình độ từ trung học chuyên nghiệp đến tiến sĩ; nội dung, chương trình, hình thức và phương pháp đào tạo được chuẩn hóa; phù hợp với sự phát triển liên tục của nghệ thuật quân sự, lý luận khoa học HCQS. Để đáp ứng các yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới, Tập san NCKH-HCQS không còn phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Vì vậy, ngày 8/8/2002, Tập san được nâng cấp thành “Tập chí NCKH-HCQS”; đến năm 2006 Tập chí được cấp mã số chuẩn quốc tế (ISSN 1859-1337); năm 2020, Tập chí là 1 trong 12 tạp chí thuộc danh mục “Tập chí uy tín” của Hội

đồng Giáo sư Ngành KHQS. Đây chính là cơ sở để Tạp chí đóng góp ngày càng quan trọng trong xây dựng TLKH của Học viện. Những đóng góp đó được cụ thể như sau:

Thứ nhất, tham gia xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên có trình độ sau đại học. Đây là bước đầu tiên, tạo nền móng trong xây dựng nguồn nhân lực TLKH của Học viện. Tạp chí đã tham gia có hiệu quả trong quá trình đào tạo tiến sĩ, thạc sĩ tại HVHC. Đối với học viên cao học, theo quy định trước năm 2025 thì đăng báo khoa học là tiêu chí bắt buộc; theo quy định hiện hành đăng báo là tiêu chí đánh giá chất lượng của luận văn thạc sĩ. Đối với đào tạo tiến sĩ, việc đăng được ít nhất 01 bài báo là điều kiện tiên quyết của dự khóa NCS. Trong quá trình đào tạo, trung bình mỗi NCS đăng tải khoảng 4 - 5 bài báo trên Tạp chí NCKH-HCQS, đảm bảo đủ tiêu chí số lượng, chất lượng bài viết, giúp cho các NCS bảo vệ thành công luận án tiến sĩ. Những năm gần đây, hầu hết những NCS trong HVHC, Tạp chí đều tiếp nhận, biên tập, thẩm định, chỉnh sửa và đăng tải nội dung bài báo. Đến nay, Tạp chí đã góp phần hiệu quả trong đào tạo thành công 190 tiến sĩ và hàng nghìn thạc sĩ các chuyên ngành hậu cần, tài chính trong Học viện.

Thứ hai, tham gia tích cực trong xây dựng đội ngũ giáo sư, phó giáo sư (GS, PGS). Xây dựng đội ngũ GS, PGS là nội dung trọng tâm trong xây dựng TLKH. Bởi vì, đội ngũ GS, PGS là những nhà khoa học hàng đầu, tiên phong trong nghiên cứu, dẫn dắt trong đổi mới sáng tạo, đồng thời khẳng định vị thế, uy tín của Học viện. Để được công nhận đạt chuẩn chức danh GS, PGS các ứng viên phải đạt nhiều tiêu chí, trong đó điểm đăng báo là một tiêu chí quan trọng. Trong 5 năm gần đây, các ứng viên GS, PGS của Học viện, số lượng bài báo đăng trên Tạp chí NCKH-HCQS trung bình 16 bài báo, chiếm khoảng 60% trong tổng số bài báo của các ứng viên. Qua đánh giá của Hội đồng

Giáo sư Nhà nước (Ngành KHQS) những bài báo đăng trên Tạp chí NCKH-HCQS phù hợp với chuyên môn, phần lớn các bài báo có chất lượng tốt, kết cấu hợp lý, hàm lượng khoa học cao (điểm bài báo ở Tạp chí NCKH-HCQS chiếm khoảng 80% trong tổng điểm bài báo). Đến nay Học viện đã có 09 GS, 80 PGS; trong 5 năm từ năm 2020 - 2024, HVHC đạt chuẩn 01 GS, 18 PGS.

Thứ ba, là diễn đàn công bố kết quả nghiên cứu khoa học của HVHC. Số lượng, chất lượng các công trình nghiên cứu khoa học (đề tài, sáng kiến các cấp) phản ánh được TLKH, đồng thời phản ánh quy mô, chất lượng trong việc xây dựng TLKH của Học viện. Công bố kết quả nghiên cứu, một mặt là điều kiện cần để đánh giá chất lượng của các công trình khoa học; nhất là đối với đề tài cấp Nhà nước, cấp bộ, ngành công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí có uy tín là yêu cầu bắt buộc được xác định trong hợp đồng nghiên cứu; đối với các đề tài, sáng kiến khác công bố kết quả nghiên cứu trên tạp chí là tiêu chí để đánh giá chất lượng nghiên cứu. Mặt khác, việc công bố trên Tạp chí xác nhận bản quyền của tác giả đối với công trình nghiên cứu. Trong 5 năm qua, Tạp chí NCKH-HCQS đã đăng tải hơn 200 bài báo công bố kết quả của nhiều công trình nghiên cứu khoa học của HVHC, góp phần quan trọng giúp công tác KHQS của Học viện đạt được nhiều thành tựu, như: Hoàn thành nghiên cứu 1 đề tài cấp Nhà nước, 4 đề tài cấp bộ, 40 đề tài, sáng kiến cấp ngành, 81 đề tài, sáng kiến cấp Học viện; đối với đề tài, sáng kiến Tuổi trẻ sáng tạo (TTST) đạt 4 giải Nhất, 10 giải Nhì, 21 giải Ba TTST toàn quân, khẳng định vị thế là trung tâm nghiên cứu hàng đầu về HCKT, tài chính quân đội.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình cùng HVHC xây dựng TLKH còn tồn tại một số hạn chế như: quán triệt thực hiện đường lối, quan điểm, chỉ thị,

hướng dẫn về công tác xây dựng TLKH có những nội dung chưa đầy đủ, toàn diện; công tác tham mưu, hiệp đồng về công tác tạo nguồn, biên tập, xuất bản tạp chí trong xây dựng TLKH có thời điểm còn chưa kịp thời; việc định hướng tạo nguồn bài viết chưa được chú trọng, chất lượng một số bài báo trong xây dựng TLKH chưa cao; đội ngũ BTV còn ít, trình độ chuyên môn chưa toàn diện; việc duy trì quy trình biên tập, phản biện có thời điểm chưa chặt chẽ, đặc biệt là chuyển đổi số chưa được đầu tư đúng mức.

Trong giai đoạn hiện nay, phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là một trong các khâu đột phá quan trọng hàng đầu, là mũi nhọn tiên phong xây dựng Quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Vì vậy, xây dựng TLKH là nhiệm vụ trọng tâm, then chốt trong phát triển khoa học công nghệ. Do đó, nâng cao chất lượng Tạp chí NCKH-HCQS là cấp thiết, góp phần quan trọng trong xây dựng TLKH của HVHC. Muốn vậy, Tạp chí cần tập trung vào một số nội dung, biện pháp sau:

Một là, quán triệt sâu sắc và cụ thể hóa các nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, Nhà nước, Quân đội và HVHC trong tạo nguồn, biên tập, xuất bản đáp ứng yêu cầu xây dựng TLKH. Đây là biện pháp quan trọng hàng đầu nhằm giữ vững định hướng, xác định được mục tiêu, phương hướng của Tạp chí trong xây dựng TLKH của Học viện. Trước tiên, cần quán triệt các đường lối, quan điểm, quy định của Đảng, Nhà nước, Quân đội và hướng dẫn của Phòng Thông tấn - Báo chí về công tác báo chí trong quân đội; từ đó tổ chức thực hiện nhiệm vụ tạo nguồn, biên tập, xuất bản bảo đảm chính xác, đúng Luật Báo chí. Tập trung nghiên cứu sâu sắc và toàn diện các nghị quyết, chỉ thị, quy định, hướng dẫn về công tác GD-ĐT, công tác khoa học và công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên để từ đó vận dụng, tổ chức thực hiện chặt chẽ

vào xây dựng TLKH, nhất là: Nghị quyết số 1652-NQ/QUTW; Nghị quyết số 1657-NQ/QUTW; Nghị quyết số 883-NQ/ĐU, ngày 22/3/2023 của Đảng ủy Học viện Hậu cần về đổi mới công tác GD&ĐT đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng Học viện trong tình hình mới; Nghị quyết số 1214-NQ/ĐU, ngày 29/12/2023 của Đảng ủy Học viện Hậu cần về xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục trong Học viện giai đoạn 2023 - 2030 và những năm tiếp theo; Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 37/2018/QĐ-TTg, ngày 31/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch xây dựng tiềm lực của HVHC. Tổ chức quán triệt, giáo dục cho đội ngũ cán bộ, BTV nắm chắc, xác định vai trò, trách nhiệm, từ đó cụ thể trong xây dựng kế hoạch, biên tập.

Hai là, phối hợp chặt chẽ với Phòng KHQS thực hiện tốt công tác tham mưu, xây dựng kế hoạch trong công tác tạo nguồn bài viết về xây dựng TLKH của Học viện. Trong xây dựng TLKH, nhất là xây dựng đội ngũ GS, PGS, những nhà khoa học hàng đầu, vai trò của Tạp chí càng trở lên quan trọng. Tham mưu đúng, trúng công tác tạo nguồn quá trình thực hiện sẽ đem lại hiệu quả cao. Thực hiện biện pháp này, Tạp chí cần tích cực tham gia tham mưu trong quy hoạch, tạo nguồn đội ngũ cán bộ, giảng viên trong xây dựng TLKH: căn cứ vào phẩm chất, trình độ chuyên môn, năng lực viết báo khoa học để từ đó phát hiện phối hợp với Phòng KHQS, đề xuất với Đảng ủy, chỉ huy Học viện những đồng chí đủ năng lực, phẩm chất. Chủ động tham mưu về kế hoạch viết báo khoa học phù hợp với điều kiện thực tiễn (kết hợp đăng báo trên các tạp chí trong quân đội phù hợp với từng chuyên ngành), đặc biệt những đồng chí không xét duyệt ở chuyên Ngành KHQS cần tham mưu để có kế hoạch đăng bài báo ở những tạp chí phù hợp với chuyên ngành xét duyệt. Bên cạnh đó,

xây dựng kế hoạch tạo nguồn bài viết phù hợp với các chuyên mục của Tạp chí cho từng đối tượng. Chủ động hiệp đồng chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị trong Học viện trong xây dựng TLKH. Thường xuyên trao đổi, đôn đốc đội ngũ cán bộ, giảng viên trong thực hiện kế hoạch viết báo; kịp thời phát hiện những vướng mắc để xử lý kịp thời.

Ba là, thường xuyên kiện toàn và chú trọng bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ BTV. Tạp chí NCKH-HCQS là một cơ quan báo chí, có chức năng, nhiệm vụ và tổ chức biên chế. Việc duy trì và đảm bảo đủ số lượng, đúng chuyên môn nghiệp vụ giúp cho Tạp chí thực hiện hiệu quả chức năng, nhiệm vụ. Vì vậy, Tạp chí cần nắm chắc công tác quy hoạch, dự báo những biến động về tổ chức biên chế như các đồng chí chờ hưu, đi học, chuyển công tác... và làm tốt công tác phát hiện, tạo nguồn cán bộ có phẩm chất, năng lực, kỹ năng nghề nghiệp để tham mưu với Thường vụ Đảng ủy, chỉ huy Học viện điều động, kiện toàn, bổ nhiệm. Mặt khác, đội ngũ BTV là lực lượng chính tham gia vào toàn bộ hoạt động, ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng ấn phẩm tạp chí. Với đặc thù là tạp chí khoa học, yêu cầu đội ngũ BTV ngoài kỹ năng biên tập, phải có trình độ chuyên môn trong các lĩnh vực, đặc biệt là HCKT, tài chính quân đội. Vì vậy, đây là biện pháp thường xuyên, lâu dài. Muốn vậy, Tạp chí cần nắm chắc trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tâm sự nguyện vọng của mỗi BTV; có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng bằng nhiều thức thức phù hợp; tăng cường bồi dưỡng lẫn nhau, trao đổi trong quá trình biên tập; phát huy tinh thần tự học, tự nghiên cứu, tự trau dồi kiến thức về biên tập, không ngừng tu dưỡng phẩm chất đạo đức chính trị.

Bốn là, thực hiện nghiêm quy trình, nâng cao hiệu quả công tác biên tập, xuất bản Tạp chí NCKH-HCQS. Đây là biện pháp quan trọng, quyết định chất lượng bài báo;

bảo đảm bài báo kết cấu khoa học và nội dung chuẩn xác, đúng với tôn chỉ mục đích của Tạp chí, góp phần đáp ứng các yêu cầu của Hội đồng Giáo sư nhà nước, Ngành KHQS về tiêu chí của “tạp chí uy tín”. Trước hết, lãnh đạo, chỉ huy Tạp chí phân công nhiệm vụ phù hợp, gắn trách nhiệm biên tập đối với BTV. Đội ngũ BTV cần nêu cao tinh thần trách nhiệm, rà soát chặt chẽ nội dung, kết cấu bài báo theo từng chuyên mục; tích cực tham gia vào quá trình phản biện, thẩm định cơ bản, tăng cường việc trao đổi trực tiếp, dân chủ, khách quan với tác giả để hoàn thiện bài viết; cương quyết đề nghị Tổng biên tập không gửi Hội đồng Chỉ đạo Tạp chí những bài báo không đúng kết cấu, nội dung sơ sài. Đối với phản biện chuyên sâu, đây là bước then chốt, quyết định đến chất lượng, tính chính xác, phù hợp của bài báo. Do đó, cần tiến hành lựa chọn, phân công phản biện chuyên sâu đúng chuyên môn, bảo đảm số lượng bài báo và đủ thời gian phản biện; phản biện cần khách quan, không áp đặt, rõ ràng, chỉ tiết chỉ ra rõ hướng bổ sung, chỉnh sửa (nếu chấp nhận đăng). Mặt khác, đồng chí Tổng biên tập thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các BTV, các phản biện chuyên sâu thực hiện đúng quy trình; đồng thời trong quá trình biên tập, phát huy trí tuệ tập thể trong ban biên tập khi gặp các vấn đề còn vướng mắc.

Năm là, đẩy mạnh chuyển đổi số trong các hoạt động của Tạp chí. Đây là xu hướng tất yếu khách quan, khâu đột phá, đồng thời là yêu cầu bắt buộc trong giai đoạn hiện nay. Trên tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/BCT của Bộ Chính trị, Nghị quyết 3488-NQ/QUTW, Chiến lược chuyển đổi số báo chí đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch chuyển đổi số của HVHC. Đẩy mạnh chuyển đổi số ở Tạp chí, tập trung vào một số nội dung: (1). Chuyển đổi số trong tạo nguồn, biên tập,

xuất bản tạp chí như tất cả bài viết gửi về tạp chí thông qua thư điện tử (gmail hoặc email quân sự), qua hệ thống chỉ đạo điều hành; phân công nhiệm vụ biên tập, phản biện, đặc biệt phát triển tạp chí điện tử. (2). Số hóa các tài liệu; xây dựng, phát triển các phần mềm chuyên dụng như phần mềm chống sao chép; kiểm tra tôn chỉ mục đích, nội dung, kết cấu; thiết kế trình bày tạp chí... (3). Phát triển tạp chí điện tử, xây dựng trang web tạp chí, hướng tới xây dựng tòa soạn số. (4). Chuyển đổi số trong công tác chỉ huy, điều hành tạp chí. Muốn vậy, lãnh đạo, chỉ huy Tạp chí cần phải quyết tâm, quyết liệt trong chỉ đạo và thực hiện chuyển đổi số. Tận dụng và huy động tối đa mọi nguồn lực để hoàn thiện cơ sở hạ tầng số, như: Nguồn của Học viện, nguồn hiện đại hóa cơ quan báo chí; chú trọng bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn về công nghệ thông tin, chuyển đổi số cho cán bộ, BTV.

Trong giai đoạn hiện nay, xây dựng TLKH là nhiệm vụ quan trọng, then chốt để phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong HVHC. Do đó, cần kế thừa và phát huy đóng góp của Tạp chí NCKH-HCQS trong xây dựng TLKH, góp phần nâng cao chất lượng GD-ĐT của HVHC trong giai đoạn mới♦

Tài liệu tham khảo

1. Đảng ủy Học viện Hậu cần (2023), *Nghị quyết số 1214-NQ/ĐU về xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục trong Học viện giai đoạn 2023-2030 và những năm tiếp theo*, Hà Nội.
2. Học viện Hậu cần (2021), *Lịch sử Học viện Hậu cần (1951-2021)*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Học viện Hậu cần (2021), *Tạp chí NCKH - HCQS - 50 năm xây dựng và trưởng thành*, Hà Nội.

VAI TRÒ CỦA TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC HẬU CẦN QUÂN SỰ TRONG NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO Ở HỌC VIỆN HẬU CẦN HIỆN NAY

Trung tá, ThS. PHÙNG VĂN HAY

Tạp chí Nghiên cứu khoa học Hậu cần quân sự

Trung tá, ThS. TRẦN VĂN HỮU

Phòng Khoa học quân sự, Học viện Hậu cần

Phát huy truyền thống của báo chí cách mạng Việt Nam, gần 55 năm qua, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Hậu cần quân sự (NCKH-HCQS) đã khẳng định vai trò quan trọng trong tuyên truyền, phổ biến những đường lối, quan điểm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, Quân đội và Học viện Hậu cần, diễn đàn trao đổi, công bố kết quả nghiên cứu khoa học,... đóng góp quan trọng trong sự nghiệp giáo dục - đào tạo (GD-ĐT) của Học viện. Trong giai đoạn hiện nay, Tạp chí cần thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp để phát huy giá trị đã đạt được, giữ vững vị thế và uy tín; đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng GD-ĐT của Học viện.

TẠP chí NCKH-HCQS, tiền thân là “Nội san Huấn luyện hậu cần”, được thành lập ngày 03/3/1971 với nhiệm vụ “truyền đạt sự lãnh đạo của Đảng ủy và sự chỉ đạo của Ban Giám hiệu nhà trường về công tác dạy và học, công tác nghiên cứu, biên soạn và công tác phục vụ huấn luyện; thông báo giới thiệu các mặt hoạt động huấn luyện; nghiên cứu của nhà trường, đồng thời Nội san cũng là diễn đàn để trao đổi học tập lẫn nhau những kinh nghiệm về dạy hay, học giỏi và phục vụ tốt”. Trải qua gần 55 năm, Tạp chí luôn thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ; khẳng định được vai trò trong công tác GD-ĐT của Học viện; thể hiện rõ qua nội dung đăng tải của Tạp chí, cụ thể như sau:

Thứ nhất, là cơ quan ngôn luận đăng tải những đường lối, quan điểm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, nhất là của Quân đội và Học viện đối với công tác GD-ĐT và hậu cần, kỹ thuật, tài chính (HCKTTC) Quân đội. Vai trò này được thể hiện thông qua nội dung chuyên mục “Chỉ đạo, điều hành”; đây là chuyên mục đăng tải những bài viết chuyên sâu của thủ trưởng Bộ Quốc phòng (BQP), thủ trưởng cơ quan BQP, thủ trưởng

Học viện trong phổ biến, quán triệt, chỉ đạo, hướng dẫn bằng các giải pháp cụ thể và trách nhiệm của mỗi cơ quan, đơn vị, cá nhân thực hiện thắng lợi các chủ trương, định hướng về công tác GD-ĐT và công tác HCKTTC. Những bài viết trên là kim chỉ nam, giúp cho mỗi cán bộ, giảng viên, nhân viên, học viên, chiến sĩ trong toàn Học viện nắm rõ những định hướng của Đảng, Quân đội và Học viện; từ đó quán triệt và vận dụng vào công tác huấn luyện và nghiên cứu khoa học. Đồng thời, là nguồn tài liệu học tập, nghiên cứu vô cùng quý giá. Thực tế trong năm học 2024 - 2025, Tạp chí đã đăng tải 02 bài viết của thủ trưởng Bộ Quốc phòng và 16 bài viết của thủ trưởng cơ quan BQP và Học viện. Các bài viết đã cụ thể những đường lối, quan điểm của Đảng trong xây dựng Quân đội, ngành Hậu cần, kỹ thuật và yêu cầu, nhiệm vụ, giải pháp đối với công tác GD-ĐT của Học viện trong giai đoạn hiện nay.

Thứ hai, tham gia có hiệu quả quá trình đào tạo Sau Đại học của Học viện. Đối với nghiên cứu sinh (NCS), học viên cao học việc công bố kết quả nghiên cứu trên tạp chí chuyên ngành có uy tín là yêu cầu bắt buộc

trong quá trình đào tạo. Tạp chí NCKH-HCQS đã từng bước khẳng định được vị thế của mình là một trong những tạp chí uy tín (có hệ số ISSN và tối đa 0,75 điểm). Vì vậy, đây chính là diễn đàn để các NCS, học viên cao học gửi gắm những bài viết, công bố kết quả nghiên cứu của quá trình đào tạo. Bên cạnh đó, để được đăng tải trên Tạp chí, các bài viết phải qua quy trình biên tập, phản biện, xuất bản chặt chẽ. Thông qua đó, nội dung các bài viết được Hội đồng Chỉ đạo Tạp chí, các phản biện chuyên sâu nhận xét, yêu cầu bổ sung, chỉnh sửa, chấp nhận công bố hoặc không chấp nhận. Chính điều này đòi hỏi chất lượng các bài viết phải tốt, NCS, học viên Cao học phải nghiên cứu sâu, kỹ các nội dung bài báo, góp phần phát triển tư duy nghiên cứu khoa học, trình độ của các NCS, học viên cao học. Đến nay, Tạp chí đã góp phần hiệu quả trong đào tạo thành công 190 tiến sĩ và hàng nghìn thạc sĩ các chuyên ngành hậu cần, tài chính trong Học viện.

Thứ ba, góp phần quan trọng trong xây dựng đội ngũ nhà giáo (ĐNNG) và tiềm lực khoa học của Học viện. Xây dựng ĐNNG và tiềm lực khoa học là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Học viện, nhằm tạo ra ĐNNG có chất lượng cao đáp ứng được nhiệm vụ GD-ĐT và vươn tầm vị thế của Học viện. Chất lượng ĐNNG được đánh giá thông qua nhiều tiêu chí, trong đó, năng lực nghiên cứu khoa học, nội dung và phương pháp huấn luyện là những tiêu chí cơ bản. Thông qua viết báo khoa học, các nhà giáo sẽ rèn luyện tư duy khoa học, cách tiếp cận và giải quyết vấn đề khoa học; đồng thời, tạp chí là diễn đàn để các nhà giáo trao đổi, truyền thụ những kinh nghiệm hay, những phương pháp giảng dạy hiệu quả, tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy. Bên cạnh đó, bài báo cũng là tiêu chí để xét công nhận chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư; xét, công nhận các chức danh chuyên môn kỹ

thuật nghiệp vụ và các danh hiệu nhà giáo. Tạp chí NCKH-HCQS đã thể hiện rõ vai trò quan trọng, nòng cốt trong việc đăng báo của nhà giáo. Thực tế trong các năm học 2024 - 2025, Tạp chí NCKH-HCQS đăng tải 61 bài báo trong tổng số 96 bài báo của các nhà giáo giỏi trong Học viện. Chính vì vậy, Tạp chí là một trong những thành tố quan trọng trong xây dựng tiềm lực khoa học của Học viện không ngừng được tăng lên trong những năm gần đây. Đến nay, Học viện đã công nhận 9 Giáo sư, 80 Phó Giáo sư, 27 giảng viên cao cấp, 138 giảng viên chính và hàng trăm nhà giáo giỏi các cấp.

Thứ tư, thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học của Học viện. Tạp chí là diễn đàn trao đổi những kết quả nghiên cứu khoa học về công tác HCKTTC quân đội. Với các chuyên mục “nghiên cứu trao đổi” đã thu hút được những nhà khoa học trong và ngoài Học viện trao đổi những kết quả nghiên cứu về phát triển lý luận bảo đảm HCKTTC. Đồng thời, Tạp chí cũng là diễn đàn công bố kết quả nghiên cứu của đề tài khoa học các cấp. Từ đó góp phần vào hoàn thiện nội dung, chương trình huấn luyện cho các đối tượng ở Học viện. Với chuyên mục “lịch sử hậu cần quân sự” và các chuyên mục đặc biệt gắn với kỷ niệm của Nhà nước, Quân đội, các chiến dịch trong chiến tranh giải phóng; Tạp chí tổ chức đặt bài của các nhà khoa học về kinh nghiệm và hướng kế thừa phát triển về công tác bảo đảm HCKTTC và các ngành; nội dung của các bài viết chính là tài liệu quý, được sử dụng trong công tác huấn luyện, truyền đạt lại cho các thế hệ học viên của Học viện. Đối với chuyên mục “Thực tiễn - Kinh nghiệm”, tập hợp những bài viết phản ánh hoạt động công tác HCKTTC; nội dung là những kinh nghiệm quý, cách làm sáng tạo, nội dung mới, tư tưởng tiên bộ ở các cơ quan, đơn vị trong toàn quân, chính là tài liệu để các nhà giáo, học viên gắn kết giữa lý luận và thực tiễn

đơn vị; góp phần thực hiện phương châm “chất lượng đào tạo của Nhà trường là khả năng sẵn sàng chiến đấu của đơn vị”.

Thứ năm, góp phần xây dựng đạo đức cách mạng cho cán bộ, giảng viên, nhân viên, học viên, chiến sĩ trong Học viện. Với các chuyên mục “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, các chuyên mục kỷ niệm các ngày lễ của đất nước, Quân đội, Học viện và của các đơn vị; nội dung của các bài viết sẽ giúp cho cán bộ, giảng viên, nhân viên, học viên chiến sĩ trong Học viện tích cực tu dưỡng, rèn luyện bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống, tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật; đấu tranh với những biểu hiện sai trái; phát huy những giá trị truyền thống của dân tộc, Quân đội, Học viện và đơn vị. Từ đó xác định rõ nhiệm vụ, phần đấu trong công tác, học tập, góp phần hoàn thành các nhiệm vụ được giao, nâng cao chất lượng GD-ĐT của Học viện.

Mặc dù Tạp chí đã đạt được những kết quả tích cực, khẳng định vai trò quan trọng đóng góp vào công tác GD-ĐT của Học viện. Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động. Tạp chí cũng bộc lộ một số hạn chế nhất định: Đăng tải những bài viết về định hướng chỉ đạo công tác GD-ĐT, công tác HCKTTC Quân đội chưa thường xuyên, có thời điểm chưa kịp thời; những bài viết phản ánh, truyền thụ kinh nghiệm thực tiễn của các cơ quan, đơn vị trong toàn quân chưa nhiều; có thời điểm thực hiện quy trình biên tập, xuất bản còn chưa chặt chẽ; tạo nguồn bài viết còn ít, đa phần của các tác giả được giao nhiệm vụ và yêu cầu phải đăng báo, chưa thu hút được nhiều nhà khoa học đầu ngành trong và ngoài học viện; chất lượng một số bài viết chưa cao. Những hạn chế này có nguyên nhân từ: Công tác tham mưu chưa toàn diện, kịp thời, có nội dung tham mưu của ban biên tập có nội dung chưa phù hợp;

triển khai thực hiện có thời điểm còn lúng túng và quyết liệt, đội ngũ biên tập viên còn mỏng, trình độ chưa toàn diện, kinh nghiệm chưa nhiều; đội ngũ cộng tác viên chưa rộng khắp, một bộ phận không nhỏ cộng tác viên khả năng tiếp cận, tư duy logic, kỹ thuật viết báo khoa học còn những hạn chế nhất định.

Trong giai đoạn hiện nay, trước yêu cầu xây dựng nền báo chí Cách mạng Việt Nam “chuyên nghiệp, nhân văn, hiện đại” trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Tạp chí NCKH-HCQS, cần phát huy vai trò, đóng góp hơn nữa trong công tác GD-ĐT của Học viện, giữ vững là một tạp chí khoa học uy tín, khẳng định vị thế hàng đầu trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học HCKTTC trong toàn quân. Vì vậy, cần tập trung thực hiện tốt vào một số nội dung, biện pháp sau:

Một là, thực hiện tốt công tác tham mưu cho Đảng ủy, Ban Giám đốc Học viện trong tạo nguồn, biên tập, xuất bản. Đây vừa là biện pháp, vừa là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng nhất; tham mưu đúng, trúng, kịp thời sẽ giúp cho Đảng ủy, Ban Giám đốc Học viện lãnh đạo, chỉ huy công tác tạo nguồn, biên tập, xuất bản toàn diện và hiệu quả. Muốn vậy, trước tiên, Tạp chí cần thường xuyên quán triệt sâu sắc đường lối, quan điểm lãnh đạo của Đảng, Nhà nước, Quân đội, sự định hướng, chỉ đạo nghiệp vụ của Cục Tuyên huấn về công tác báo chí, nhất là của Đảng ủy, Ban Giám đốc Học viện và Hội đồng chỉ đạo Tạp chí NCKH-HCQS. Đồng thời, chủ động nắm bắt các chủ trương, chính sách của Quân đội về GD-ĐT, công tác HCKTTC Quân đội; từ đó, xây dựng các chuyên mục, các bài viết chỉ đạo, điều hành, định hướng công tác GD-ĐT trong Học viện. Bên cạnh đó, bám sát sự kiện chính trị lớn của Đảng, Nhà nước, Quân đội để tham mưu mở các chuyên mục đặc biệt, với mục đích, yêu cầu, nội dung, cơ

cấu bài viết phù hợp tôn chỉ, mục đích và nhiệm vụ GD-ĐT của Học viện.

Hai là, nâng cao chất lượng công tác tạo nguồn bài viết. Nguồn bài viết luôn là “nguồn sống” cho mỗi tạp chí. Vì vậy, đây là biện pháp trọng yếu, giúp cho Tạp chí phát triển bền vững và lâu dài, bởi vì chỉ khi nào Tạp chí duy trì được nguồn bài viết đủ về số lượng, cơ cấu chuyên mục, đúng về kết cấu, nội dung đúng tôn chỉ, mục đích, Tạp chí mới lựa chọn, biên tập, xuất bản đạt chất lượng. Thực hiện biện pháp này, Tạp chí cần có các hình thức tạo nguồn bài viết phù hợp với từng đối tượng, để từ đó chủ động nguồn bài viết. Đối với bài viết thủ trưởng BQP, cơ quan BQP, thủ trưởng Học viện: Cần phải chủ động tham mưu, xin ý kiến chỉ đạo của thủ trưởng Học viện; liên hệ xin ý kiến chỉ đạo, xây dựng kế hoạch chấp bút, thẩm định bài viết. Đối với tạo nguồn bài viết của các nhà khoa học: Xây dựng danh sách các nhà khoa học trong và ngoài Học viện, để từ đó chủ động trong đặt bài, phù hợp với từng số, từng chuyên mục. Đối với cán bộ, giảng viên, học viên trong Học viện: Chủ động xây dựng các kế hoạch như kế hoạch năm học, kế hoạch của số có mở chuyên mục đặc biệt; các hướng dẫn tạo nguồn, biên tập, xuất bản tạp chí gửi cơ quan, đơn vị. Đối với tạo nguồn bài viết trong toàn quân: Đẩy mạnh công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức đặc biệt trên ấn phẩm của Tạp chí gửi các đơn vị, chủ động đặt chỉ huy các cơ quan, đơn vị HCKTTC trong toàn quân. Ngoài ra còn phát huy vai trò của các đồng chí đi luân chuyển, thực tế của Học viện. Để đảm bảo chất lượng các bài viết gửi về tạp chí, hàng năm, tổ chức tập huấn đội ngũ cộng tác viên nhằm giúp cán bộ, giảng viên, học viên trong Học viện nâng cao nhận thức, năng lực và phương pháp viết bài báo khoa học trên Tạp chí.

Ba là, nâng cao chất lượng biên tập, xuất bản Tạp chí. Đây là biện pháp rất quan

trọng ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng ấn phẩm tạp chí. Thực hiện biện pháp này, trước hết, chỉ huy Tạp chí cần phải tổ chức công tác biên tập, phản biện chặt chẽ, đúng quy trình; phân công nhiệm vụ biên tập rõ ràng và chịu trách nhiệm về kết cấu, nội dung cho từng biên tập viên. Mặt khác, đội ngũ biên tập viên là lực lượng nòng cốt tham gia vào toàn bộ quá trình biên tập, xuất bản, đặc biệt ảnh hưởng trực tiếp đến ngôn ngữ và hình thức ấn phẩm tạp chí; trực tiếp tiến hành sơ loại, kiểm tra nội dung, kết cấu, phản biện cơ bản để tác giả hoàn thiện nội dung bài viết, trước khi gửi Hội đồng Chỉ đạo Tạp chí. Từ thực tế đội ngũ biên tập viên của Tạp chí còn mỏng, kiến thức còn hạn chế, chưa toàn diện; kinh nghiệm ít, chưa được đào tạo về nghiệp vụ. Vì vậy, thời gian tới Tạp chí cần có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng bằng nhiều thức thức khác nhau: đề nghị Học viện cho đi đào tạo ở bậc học cao, các lớp nghiệp vụ về báo chí; tăng cường bồi dưỡng lẫn nhau, trao đổi trong quá trình biên tập; phát huy tinh thần tự học, tự nghiên cứu, tự trau dồi kiến thức.

Gần 55 năm qua, các thế hệ cán bộ, biên tập viên Tạp chí NCKH-HCQS luôn nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, khẳng định được vai trò, đóng góp quan trọng vào sự nghiệp GD-ĐT của Học viện. Kế thừa và phát huy những kết quả đó có ý nghĩa vô cùng to lớn, để Tạp chí tiếp bước trên con đường phát triển của sự nghiệp GD-ĐT của Học viện♦

Tài liệu tham khảo

1. Học viện Hậu cần (2021), *Lịch sử Học viện Hậu cần (1951 - 2021)*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Học viện Hậu cần (2021), *Tạp chí NCKH-HCQS - 50 năm xây dựng và trưởng thành*, Hà Nội.
3. Quân ủy Trung ương (2022), *Nghị quyết số 1657-NQ/QUTW về đổi mới công tác GD-ĐT đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng quân đội trong tình hình mới*, Hà Nội.

PHÁT HUY SỨC MẠNH CÁC LỰC LƯỢNG PHỐI HỢP BẢO ĐẢM HẬU CẦN, KỸ THUẬT CHIẾN DỊCH PHÒNG NGỰ TRONG CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC

Trung tướng, GS.TS. PHAN TÙNG SƠN
Giám đốc Học viện Hậu cần

Phối hợp bảo đảm hậu cần, kỹ thuật (BĐHC,KT) trong chiến dịch phòng ngự (CDPN) là cùng nhau hoặc hỗ trợ nhau của ít nhất hai chủ thể (cơ quan, đơn vị, lực lượng) khác nhau trong quá trình triển khai, thực hiện và cùng nhằm đạt mục đích, tạo ra thế và lực để bảo đảm kịp thời, đầy đủ mọi mặt về hậu cần, kỹ thuật (HC,KT) cho các lực lượng chiến dịch tác chiến giành thắng lợi. Trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (BVTQ), CDPN có nhiều lực lượng hậu cần - kỹ thuật (LLHC-KT), nên cần có giải pháp phù hợp để phát huy sức mạnh tổng hợp của các lực lượng trong BĐHC,KT chiến dịch.

CHIẾN dịch phòng ngự trong chiến tranh BVTQ là một loại hình chiến dịch cơ bản của Quân đội ta; nhằm giữ vững các mục tiêu, khu vực địa bàn có giá trị chiến dịch, chiến lược; tạo điều kiện, thời cơ có lợi để tổ chức phản công, tiến công giành thắng lợi. Tùy theo quy mô, lực lượng CDPN có thể sử dụng từ một sư đoàn bộ binh (fBB) đến một số fBB, một bộ phận lực lượng các quân, binh chủng chiến đấu, bảo đảm; một số lực lượng trong khu vực phòng thủ (KVPT) tỉnh, thành phố trên địa bàn chiến dịch; do Bộ hoặc Bộ Tư lệnh chiến trường chỉ huy, chỉ đạo tiến hành các trận đánh với các quy mô, hình thức phù hợp, nhằm đánh bại các lực lượng tiến công của địch, giữ vững khu vực phòng ngự. Thắng lợi của CDPN là kết quả tổng hợp của các lực lượng; trong đó, sự phối hợp chặt chẽ, phát huy sức mạnh tổng hợp của các lực lượng trong BĐHC,KT là yếu tố quan trọng.

Tham gia BĐHC,KT cho CDPN, ngoài các đơn vị bảo đảm, còn có LLHC-KT của các đơn vị tác chiến như: Lực lượng của các đơn vị chủ lực; lực lượng của các đơn vị quân, binh chủng và LLHC-KT của cấp trên;

LLHC-KT của KVPT địa phương... Mỗi lực lượng có đặc điểm, nhu cầu, yêu cầu, khả năng, sở trường bảo đảm khác nhau, tham gia vào từng nội dung: Bảo đảm trang bị kỹ thuật, bảo đảm đạn, vật chất hậu cần, sinh hoạt, quân y, vận tải, sửa chữa... trong từng giai đoạn tác chiến.

Để chiến dịch được mở ra và giành thắng lợi, Bộ Tư lệnh chiến dịch thường tổ chức thành các lực lượng: Lực lượng tác chiến vòng ngoài; lực lượng phòng ngự (hướng chủ yếu, thứ yếu); lực lượng cơ động tiến công; lực lượng quân, binh chủng; lực lượng tinh nhuệ, chuyên trách; LLHC-KT; sở chỉ huy chiến dịch. Ngoài ra, còn có lực lượng vũ trang trong KVPT và lực lượng tại chỗ trên địa bàn chiến dịch. Mỗi lực lượng có nhu cầu và yêu cầu bảo đảm khác nhau, đòi hỏi, hậu cần - kỹ thuật chiến dịch (HC-KTCD) cần phối hợp chặt chẽ các lực lượng để bảo đảm kịp thời, đầy đủ cho chiến dịch hoàn thành nhiệm vụ được giao. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, phối hợp với các đơn vị chủ lực: Đây là hoạt động phối hợp của HC-KTCD với hậu cần - kỹ thuật (HC-KT)

các đơn vị chủ lực (các sư đoàn, quân đoàn, đơn vị hỏa lực...) và các đơn vị bảo đảm (công binh, hóa học...). Trong tác chiến chiến dịch, các lực lượng chủ lực tham gia tác chiến trên các hướng, các khu vực, các trận chiến đấu của chiến dịch. Theo đó, HC-KTCD phối hợp với LLHC-KT của các đơn vị chủ lực để tổ chức BĐHC,KT đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của các lực lượng chiến dịch. Trong phối hợp, HC-KTCD phải có quy định rõ trong việc bảo đảm vật chất, bảo đảm quân y, công tác vận tải, sửa chữa, cứu kéo... Trong đó, tập trung phối hợp việc tiếp nhận, vận chuyển bổ sung vật chất, vận chuyển thương binh, bệnh binh (TB,BB) và phối hợp trong chiến đấu bảo vệ kho trạm HC-KT... Đồng thời, phối hợp với các lực lượng công binh để bảo đảm đường vận chuyển; xây dựng hệ thống kho, trạm HC-KT, hầm hào, bến vượt sông (nếu có). Phối hợp với lực lượng hóa học để tổ chức phòng tránh, tiêu tủy cho lực lượng, phương tiện, vật chất và cứu chữa TB,BB hóa học. Mặt khác, phối hợp giữa các lực lượng trong nội bộ các cơ quan, đơn vị thuộc HC-KTCD để tiến hành các mặt bảo đảm; trong đó, cần phối hợp chính xác, cụ thể về xác định khối lượng vận chuyển đạn, các trang thiết bị kỹ thuật bảo đảm cho chiến dịch và việc sửa chữa, cứu kéo các phương tiện, trang bị HC,KT. Thực tiễn trong CDPN Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng (từ 21/5 ÷ 15/11/1972), hậu cần chiến dịch (HCCD) đã phối hợp chặt chẽ với hậu cần các đơn vị trong chuẩn bị và thực hành bảo đảm. Do đó, đã bảo đảm đầy đủ mọi nhu cầu chiến đấu ngăn chặn địch: Vật chất tiêu thụ được bổ sung kịp thời, TB được quân y đơn vị kịp thời cấp cứu và nhanh chóng chuyển về tuyến sau an toàn. Việc bảo đảm đạt kết quả tốt một phần là do sự phối hợp, kết hợp giữa HCCD với hậu cần các đơn vị trong

chuẩn bị mạng đường vận tải; phối hợp chặt chẽ, linh hoạt trong vận chuyển giữa 2 đơn vị vận tải bộ và cơ giới. Hậu cần chiến dịch cùng hậu cần đơn vị chuẩn bị đường vận tải từ kho chiến dịch đến hậu cần các trung đoàn. Các đơn vị chiến đấu vừa xây dựng trận địa phòng ngự vừa chuẩn bị đường cơ động chiến đấu và đường vận tải bộ lên các cụm điểm tựa, điểm tựa ở phía trước. Trung đoàn 148 làm 2 tuyến đường dài 40 km với 80 cầu lớn nhỏ để bảo đảm cơ động và vận chuyển; Trung đoàn 866 làm đường, bắc cầu gấp qua sông Nậm Khò... Trong CDPN Quảng Trị (9/1972 ÷ 01/1973), khi hậu cần Sư đoàn 308 ở cùng khu vực với cụm hậu cần 2 của chiến dịch ở Khe Trai; hậu cần Sư đoàn 304 về khu vực cụm hậu cần 3 của chiến dịch ở Ba Đa và có bộ phận hậu cần lùi về sau tuyến HCCD. Ở hướng giữa và hướng Đông, khi các trung đoàn của Sư đoàn 320B, 325 và 312 lần lượt vào chiến đấu, hậu cần các sư đoàn chưa vào triển khai kịp, cụm 1 (ở hướng giữa), cụm 4 ở hướng Đông trực tiếp bảo đảm cho các trung đoàn chiến đấu, làm chức năng của hậu cần sư đoàn. Về cứu chữa TB,BB được bảo đảm tốt do sự phối hợp chặt chẽ của quân y các cấp và bộ đội; trong đó, cấp cứu TB hoả tuyến do y tá đại đội bám sát bộ đội đảm nhiệm. Trong chiến đấu, 40 ÷ 50% TB được quân y băng bó, tỷ lệ đạt cao hơn so với hình thức chiến dịch khác. Thương binh tự băng và đồng đội băng được 61,5%, quân y băng 27,05%, không phải băng và không được băng là 11,45%. Một số trạm quân y tiểu đoàn đã giữ TB,BB nhẹ để điều trị, như: Quân y dB1/eBB101, quân y Tiểu đoàn 17, 47.

Thứ hai, phối hợp với HC-KT cấp trên (HC-KT chiến lược, chiến trường, quân khu) đứng chân trên hoặc gần địa bàn chiến dịch. Hậu cần - kỹ thuật cấp trên là cơ quan bảo đảm trực tiếp cho chiến dịch về mọi mặt.

Tuy nhiên, khả năng của HC-KT cấp trên cũng có phần hạn chế do cùng lúc phải bảo đảm cho nhiều hoạt động tác chiến hoặc phải bảo đảm trong thời gian dài, chưa kịp dự trữ. Vì vậy, HC-KTCD phối hợp chặt chẽ với HC-KT cấp trên trong việc phân cấp bảo đảm, khai thác, huy động nguồn vật chất, phương tiện; trong cơ động, vận chuyển vật chất, TB, BB và các hoạt động chỉ huy, chỉ đạo và thanh quyết toán sau khi kết thúc chiến dịch. Trong đó, việc phân cấp tạo nguồn và khai thác bảo đảm là vấn đề quan trọng. Thực tế, trong tác chiến đợt 1 của CDPN Quảng Trị (9/1972 ÷ 01/1973), HCCD đã phối hợp chặt chẽ với hậu cần chiến lược để tiếp nhận bảo đảm được 12.500 tấn vật chất, trong đó, xăng dầu 1.160 tấn (chiếm 9,3%) và lương thực, thực phẩm 5.830 tấn (chiếm 46,6%). Trong hơn 4 tháng chiến đấu (từ 17/9/1972), hậu cần chiến lược đã bảo đảm cho HCCD được 14.600 tấn; trong đó, xăng dầu là 1.360 tấn (chiếm 9,3%); lương thực, thực phẩm 8.320 tấn (chiếm 56,9%). Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (BVTQ) (nếu xảy ra), trong điều kiện nền kinh tế, xã hội phát triển, quốc phòng, an ninh được củng cố và giữ vững... Theo đó, trên từng hướng chiến lược, địa bàn chiến trường có sự xây dựng, dự trữ trước nguồn lực lớn các loại vật chất, phương tiện... là thuận lợi rất lớn để HC-KT các cấp khai thác bảo đảm cho các hoạt động tác chiến.

Thứ ba, phối hợp với các lực lượng của KVPT địa phương. Lực lượng của KVPT địa phương gồm đông đảo các thành phần: Quân sự, công an, biên phòng (nếu có), dân quân tự vệ, các sở, ban ngành địa phương và nhân dân địa phương trên địa bàn chiến dịch; trong đó, LLHC-KT của các đơn vị quân sự địa phương làm nòng cốt. Thực hiện Nghị quyết số 02 của Bộ Chính trị về xây dựng các tỉnh, thành phố thành KVPT

vững chắc; Nghị quyết số 28 của Bộ Chính trị (khóa X) về tiếp tục xây dựng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành KVPT vững chắc trong tình hình mới... Theo đó, các lực lượng trong KVPT được xây dựng, củng cố vững chắc theo sự phát triển của kinh tế, xã hội đất nước và từng khu vực sẽ tạo tiềm lực HC, KT tại chỗ to lớn mà các lực lượng của chiến dịch khi tác chiến trên địa bàn có thể huy động, khai thác. Trong đó, tập trung nhiều hơn là các loại vật chất hậu cần (xăng dầu, lương thực, thực phẩm, thuốc, chất đốt), phương tiện, đặc biệt là nguồn lực về con người. Vì vậy, HC-KTCD có điều kiện phối hợp với các lực lượng của KVPT tỉnh, thành phố để huy động về con người, vật chất và phương tiện. Đồng thời, phối hợp trong việc phân công trách nhiệm bảo đảm cho chính các lực lượng của KVPT tỉnh, thành phố tham gia tác chiến chiến dịch. Thực tiễn, CDPN Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng, lực lượng vận tải chiến dịch đã sử dụng 3 đại đội vận tải ô tô cùng phối hợp với hơn 1.000 dân công hỏa tuyến phục vụ dài ngày để làm nhiệm vụ cơ động lực lượng, vận chuyển bổ sung vật chất và vận chuyển TB, BB; CDPN Quảng trị, hậu cần các tiểu đoàn, trung đoàn đã phối hợp chặt chẽ giữa lực lượng vận tải trong biên chế với bộ đội và dân công để chuyển thương kịp thời, nhanh chóng.

Thứ tư, phối hợp với các thành phần lực lượng khác (nếu có). Chiến dịch phòng ngự có nhiều thành phần, lực lượng tham gia, trong đó có các đơn vị thuộc Quân chủng Phòng không - Không quân, Hải quân; Binh chủng Đặc công... hoặc một số đơn vị bộ binh thuộc quân khu, quân đoàn đang đứng chân trên địa bàn tác chiến. Các lực lượng này đều có đặc thù riêng, các hoạt động tác chiến trong không gian rộng, thực hiện các nhiệm vụ riêng mà CDPN phối hợp

thực hiện. Khi các lực lượng tác chiến trên cùng địa bàn chiến dịch, HC-KTCD có thể phối hợp trong bảo đảm một số mặt cho các lực lượng của chiến dịch và chi viện bảo đảm cho chính các đơn vị này. Trong đó, tập trung vào việc phối hợp cứu chữa TB, BB và bảo đảm đường cơ động là chủ yếu. Thực tế, trong CDPN Quảng trị, công binh chiến dịch và dân công ở các cụm, Binh trạm vận tải 12 đã tích cực bảo đảm giao thông, củng cố các ngầm, chống lầy, sử dụng kết hợp các phương tiện, lực lượng để vận chuyển vật chất HC, KT bảo đảm cho tác chiến.

Như vậy, mỗi lực lượng mà HC-KTCD phối hợp trong bảo đảm đều có đặc điểm nhiệm vụ và đặc điểm bảo đảm, yêu cầu bảo đảm khác nhau. Do đó, HC-KTCD cần nghiên cứu nắm và triển khai thực hiện tốt một số biện pháp sau:

Một là, nắm chắc nhiệm vụ của từng đơn vị, lực lượng và địa bàn tác chiến để xác định các nội dung phối hợp bảo đảm. Đây là biện pháp cơ bản, quyết định đến chất lượng, hiệu quả trong phối hợp thực hiện các nội dung bảo đảm. Tham gia CDPN có nhiều đơn vị tham gia; tư lệnh chiến dịch tổ chức thành nhiều lực lượng tác chiến. Mỗi đơn vị, lực lượng tác chiến có nhu cầu, yêu cầu BĐHC, KT khác nhau. Với các đơn vị chiến đấu phòng ngự yêu cầu dự trữ bảo đảm vật chất: Toàn diện, có trọng điểm, có chiều sâu; các đơn vị chiến đấu tiến công yêu cầu dự trữ vật chất: Gọn nhẹ, tiện cơ động... Địa bàn tác chiến là yếu tố khách quan, tác động thuận lợi hoặc khó khăn đến các nội dung bảo đảm mà HC-KTCD phải nắm chắc để xác định các nội dung trong phối hợp với các cơ quan, đơn vị để phát huy thuận lợi, khắc phục khó khăn. Địa bàn tác chiến gồm các yếu tố như: Địa hình (rừng núi, trung du, đồng bằng, đường sá,

sông suối), khí hậu, thời tiết, tình hình dân số, kinh tế, xã hội... Để nắm chắc các vấn đề trên, HC-KTCD cần nắm chắc nhiệm vụ các đơn vị; nghiên cứu các văn bản, thông báo, chỉ thị, chỉ lệnh, hướng dẫn của cơ quan nghiệp vụ cấp trên; duy trì chặt chẽ chế độ báo cáo, phản ánh của các cơ quan, đơn vị; tổ chức tốt nhiệm vụ trinh sát hậu cần; cử cán bộ xuống các đơn vị, địa phương nắm tình hình và phát huy hiệu quả hệ thống thông tin liên lạc thông suốt ở các cấp... Theo đó, HC-KTCD chủ động xây dựng kế hoạch xác định cụ thể các nội dung phối hợp bảo đảm chặt chẽ như: Đối tượng phối hợp, thời gian, địa điểm, cách thức tiến hành... và tổ chức thực hiện thống nhất trong bảo đảm vật chất, cứu chữa TB, BB; bảo đảm đường, xây dựng công sự; vận chuyển bổ sung vật chất, vận chuyển TB, BB; sửa chữa hư hỏng phương tiện, vũ khí và phương án chiến đấu bảo vệ HC-KT an toàn.

Hai là, nắm chắc thực lực, khả năng, sở trường của từng thành phần, LLHC-KT để phân cấp phối hợp và hiệp đồng trong bảo đảm. Tham gia bảo đảm cho các lực lượng của chiến dịch tác chiến gồm nhiều thành phần, LLHC-KT các cấp như: Cấp trên, cấp mình, cấp dưới, các đơn vị quân, binh chủng và của KVPT địa phương... Mỗi thành phần, LLHC-KT ở từng cấp, từng đơn vị có khả năng chuyên môn, sở trường công tác khác nhau, như: Quân y; vận chuyển (thô sơ, cơ giới); sửa chữa vũ khí... và có thực lực (nguồn lực) bảo đảm của từng thành phần, LLHC-KT ở từng cấp, theo từng chuyên môn khác nhau. Vì vậy, HC-KTCD phải nắm chắc để phân cấp phối hợp và hiệp đồng bảo đảm. Do đó, HC-KTCD phải thường xuyên yêu cầu các cơ quan ngành chuyên môn và HC-KT các đơn vị báo cáo về tình hình, khả năng, sở trường

của từng thành phần, LLHC-KT của từng cấp; theo dõi, ghi chép, thống kê đầy đủ kết quả thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị HC-KT các cấp; duy trì chặt chẽ chế độ báo cáo chuyên ngành theo phân cấp; quan hệ với cơ quan quân lực, cán bộ để nắm chất lượng cán bộ, nhân viên HC-KT. Đối với LLHC-KT trong KVPT địa phương, HC-KTCD chủ động liên hệ với cấp ủy, chính quyền địa phương; các sở, ban ngành của địa phương và Trung ương trên địa bàn để nắm hoặc trực tiếp cử cán bộ xuống từng địa bàn chiến dịch để nắm... Mặt khác, cần làm tốt công tác phối hợp, hiệp đồng với HC-KT cấp trên trong việc phân cấp khai thác, huy động, chi viện bảo đảm, bảo vệ.

Ba là, sử dụng đa dạng hệ thống thông tin liên lạc, bảo đảm thông suốt, liên tục, lâu dài trong quá trình tác chiến chiến dịch đến các đầu mối bảo đảm và các LLHC-KT để nắm chắc tình hình các mặt, chủ động, linh hoạt phối hợp với các cơ quan, đơn vị trong từng nội dung bảo đảm. Hệ thống thông tin liên lạc được sử dụng trong chiến dịch gồm: Thông tin hữu tuyến, vô tuyến, quân bưu, vận động, các mạng di động dân sự; trong đó, hữu tuyến điện sẽ được sử dụng phổ biến và mang lại hiệu quả, bảo đảm kịp thời, bí mật hơn. Trong quá trình tác chiến chiến dịch, các tình huống diễn biến rất phức tạp, nhiều tình huống ngoài dự kiến, như: TB nhiều, dồn dập trên 1 hướng, 1 khu vực; nhu cầu bảo đảm đạn, vật chất HC,KT lớn cho từng trận đánh vượt quá khả năng của đơn vị, yêu cầu bảo đảm nhanh... Khi đó, đòi hỏi phải có sự phối hợp của nhiều thành phần lực lượng để bảo đảm cho các đơn vị đang gặp khó khăn. Vì vậy, HC-KTCD phải nắm chắc tình hình các mặt, chủ động, linh hoạt hiệp đồng, phối hợp các lực lượng để bảo đảm kịp thời cho tình huống. Để sử dụng đa

dạng hệ thống thông tin liên lạc, HC-KTCD phải nắm chắc tính năng, tác dụng, kỹ chiến thuật cùng loại trang bị thông tin và quy định bảo mật thông tin của cơ quan tham mưu; linh hoạt trong sử dụng các trang bị thông tin trong từng giai đoạn tác chiến; hiệp đồng chặt chẽ với lực lượng thông tin để bảo đảm hệ thống thông tin và với các LLHC-KT, các đơn vị bảo đảm, các nhà mạng dân sự (nếu có và được phép sử dụng) trong việc truyền tin, báo tin bảo đảm yếu tố bí mật, an toàn...

Phối hợp các lực lượng BĐHC,KT của CDPN trong chiến tranh BVTQ là nội dung quan trọng; biểu hiện của mối quan hệ gắn kết giữa 2 hay nhiều cơ quan, đơn vị, lực lượng để tiến hành các nội dung BĐHC,KT đạt kết quả cao hơn. Chiến dịch phòng ngự với nhiều đơn vị tham gia, mỗi đơn vị đảm nhiệm một nhiệm vụ khác nhau hoặc cùng nhau trong đội hình phòng ngự chung của chiến dịch. Nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp trong các hoạt động tác chiến nói chung hoạt động BĐHC,KT nói riêng, đòi hỏi phải có sự phối hợp, hiệp đồng chặt chẽ của các lực lượng và tổ chức thực hiện theo một kế hoạch chung, thống nhất; trong đó, cơ quan HC-KTCD là nòng cốt, tiến hành đồng bộ các biện pháp để các hoạt động phối hợp có hiệu quả, góp phần quan trọng vào thắng lợi của các hoạt động tác chiến chiến dịch♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tổng Tham mưu (2019), *Nghệ thuật CDPN*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Bộ Tổng Tham mưu (2019), *Bảo đảm hậu cần trong CDPN*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Học viện Hậu cần (2011), *Giáo trình hậu cần chiến dịch, tập 2*, Nxb QĐND, Hà Nội
4. Quân khu 4 (2020), *Phát triển lý luận bảo đảm hậu cần tác chiến phòng thủ quân khu trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc*, Đề tài cấp Bộ Quốc phòng, Nghệ An.

BIỆN PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG QUẢN LÝ TÀI CHÍNH HOẠT ĐỘNG CÓ THU TẠI CÁC ĐƠN VỊ DỰ TOÁN TRONG BỘ QUỐC PHÒNG

Thượng úy, ThS. NGUYỄN HÀ THU

Lữ đoàn 26, Quân chủng Phòng không - Không quân

ABSTRACT Revenue-generating activities at budget-estimating units within the Ministry of National Defense are activities that leverage labor potential, make use of existing infrastructure, and apply the unit's professional capacity to conduct production and economic activities. These efforts aim to generate lawful income to supplement funding, improve the living standards of military personnel, and contribute to the State budget. Based on theoretical and practical foundations, this article proposes measures to enhance the quality of financial management of revenue-generating activities at budget-estimating units.

I. TÓM TẮT

Hoạt động có thu (HĐCT) tại đơn vị dự toán (ĐVDT) trong Bộ Quốc phòng (BQP) là các hoạt động khai thác tiềm năng về lao động, tận dụng cơ sở vật chất, năng lực chuyên môn của đơn vị để sản xuất, làm kinh tế, tạo nguồn thu hợp pháp bổ sung kinh phí, cải thiện đời sống bộ đội và đóng góp một phần cho ngân sách Nhà nước. Từ lý luận và thực tiễn, bài viết đề xuất biện pháp nâng cao chất lượng quản lý tài chính HĐCT tại các ĐVDT.

II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh ngân sách nhà nước còn hạn hẹp, việc khai thác hợp lý tiềm lực tại chỗ để tạo nguồn thu bổ sung cho hoạt động của các ĐVDT là cần thiết. Tuy nhiên, do đặc thù tổ chức và yêu cầu quản lý trong quân đội, công tác quản lý tài chính đối với HĐCT đặt ra nhiều đòi hỏi về tổ chức, phương pháp thực hiện. Việc nâng cao chất lượng quản lý tài chính trong lĩnh vực này không chỉ có ý nghĩa về kinh tế, mà còn góp phần giữ vững kỷ luật, kỷ cương tài chính -

ngân sách, bảo đảm đúng mục tiêu, đúng chức năng của đơn vị quân đội. Vì vậy, cần nghiên cứu các giải pháp mang tính hệ thống nhằm nâng cao chất lượng công tác quản lý tài chính đối với các HĐCT tại các ĐVDT trong BQP.

III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Trước xu thế đổi mới cơ chế quản lý tài chính công theo hướng hiện đại, minh bạch, hiệu quả và tăng cường tự chủ cho các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước, BQP đã từng bước hoàn thiện các quy định, chính sách quản lý HĐCT tại các ĐVDT. Theo đó, công tác quản lý tài chính HĐCT tại các ĐVDT đã bám sát các định hướng của Nhà nước và BQP, từng bước hình thành hệ thống văn bản điều chỉnh, quy trình nghiệp vụ kế toán, kiểm soát và phân phối kết quả thu - chi phù hợp. Tuy nhiên, dưới tác động của yêu cầu đổi mới ngày càng cao và thực tiễn quản lý đa dạng ở các loại hình đơn vị, công tác quản lý tài chính HĐCT tại các ĐVDT trong BQP vẫn còn một số tồn tại về

tổ chức bộ máy, quy trình kiểm soát, ứng dụng công nghệ thông tin và chính sách hướng dẫn thực hiện. Do đó, để nâng cao chất lượng quản lý tài chính HĐCT tại các ĐVDT trong BQP, cần triển khai đồng bộ các biện pháp sau đây:

Một là, phát huy vai trò lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện của cấp ủy đảng và người chỉ huy đơn vị. Trong tổ chức của Quân đội ta, mọi hoạt động công tác, nhất là hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng tài chính - tài sản công đều đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, tuyệt đối về mọi mặt của đảng, thông qua cấp ủy, chỉ huy đơn vị. Vì vậy, việc nâng cao nhận thức, trách nhiệm và hiệu lực lãnh đạo của cấp ủy đảng và người chỉ huy đối với HĐCT có ý nghĩa quyết định đến kết quả triển khai các nội dung quản lý tài chính. Từ thực tiễn cho thấy, ở đơn vị nào, cấp ủy, người chỉ huy quan tâm, chỉ đạo sâu sát công tác tài chính, có quy chế rõ ràng, duy trì kiểm tra giám sát thường xuyên thì ở đó HĐCT luôn bảo đảm đúng quy định, hiệu quả và đồng thuận. Ngược lại, ở những nơi buông lỏng lãnh đạo, xem nhẹ công tác kiểm tra thì thường phát sinh sai sót, mất dân chủ và tiềm ẩn nguy cơ vi phạm kỷ luật tài chính.

Triển khai thực hiện biện pháp này, trước hết, cần đưa nội dung lãnh đạo công tác tài chính, nhất là quản lý HĐCT vào nghị quyết lãnh đạo thường kỳ của cấp ủy, kế hoạch công tác của người chỉ huy. Trên cơ sở đó, giao nhiệm vụ cụ thể cho từng tổ chức, cá nhân phụ trách; phân công cấp ủy viên theo dõi, kiểm tra và báo cáo trước tập thể cấp ủy. Định kỳ tổ chức sơ kết, đánh giá việc thực hiện công tác tài chính; đồng thời, biểu dương tập thể, cá nhân thực hiện tốt và kiểm điểm, xử lý kịp thời các sai sót (nếu có). Cùng với đó, người chỉ huy đơn vị phải thể hiện rõ vai trò người đứng đầu,

chịu trách nhiệm toàn diện trước cấp trên và cấp ủy về tình hình tài chính, nhất là trong phê duyệt kế hoạch HĐCT, phân bổ ngân sách, tổ chức thu - chi và phê duyệt quyết toán. Cấp ủy, chỉ huy đơn vị cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng, ban hành hệ thống quy chế, quy định nội bộ cụ thể, rõ ràng, phù hợp với đặc thù từng loại hình HĐCT trong đơn vị. Chỉ đạo thực hiện phải đi đôi với tổ chức kiểm tra, giám sát và phát huy vai trò của cơ quan tài chính, ban thanh tra nhân dân, tổ chức quần chúng trong giám sát quá trình thực hiện. Đây chính là biểu hiện sinh động của nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách trong quản lý tài chính HĐCT.

Hai là, thường xuyên nâng cao vai trò trách nhiệm của các ban, ngành, tổ chức và cá nhân trong đơn vị về công tác quản lý tài chính HĐCT. Trong cơ chế quản lý tài chính hiện đại, đặc biệt là trong điều kiện đặc thù của các ĐVDT thuộc BQP, hiệu quả quản lý tài chính HĐCT không chỉ phụ thuộc vào cơ quan tài chính chuyên trách mà còn gắn bó mật thiết với trách nhiệm, sự phối hợp đồng bộ của các ban, ngành, tổ chức và từng cá nhân có liên quan trong đơn vị. Quản lý tài chính là một quá trình mang tính tổng hợp, liên ngành, cần sự tham gia tích cực, đúng chức năng và đúng thẩm quyền của tất cả các bộ phận, tạo nên một hệ thống kiểm soát đồng bộ, chặt chẽ, hiệu quả. Hiện nay, ở một số đơn vị, nhận thức về trách nhiệm phối hợp trong công tác tài chính, trong HĐCT vẫn còn chưa đầy đủ; một số ban ngành chưa chủ động thực hiện chức trách được giao; cá biệt, còn biểu hiện khoán trắng cho cơ quan tài chính. Điều này dẫn đến hiện tượng thiếu giám sát chéo, giảm tính minh bạch, dễ phát sinh sai sót trong thực hiện dự toán, nghiệm thu khối lượng, thanh toán chi phí và kiểm tra

quyết toán. Để khắc phục, trước hết, các cơ quan chuyên môn (hậu cần, kỹ thuật, chính trị, tham mưu, pháp chế...) cần nâng cao trách nhiệm tham mưu, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn gắn liền với trách nhiệm quản lý tài chính phần việc đó. Khi tổ chức triển khai HĐCT, từng ngành phải chủ động phối hợp với cơ quan tài chính ngay từ khâu lập dự toán, xây dựng đơn giá, tổ chức lựa chọn đối tác, nghiệm thu chất lượng, thanh quyết toán và tổng hợp hiệu quả tài chính. Mỗi bộ phận cần được xác định rõ phạm vi trách nhiệm trong quy chế phối hợp nội bộ, bảo đảm không chồng chéo, bỏ sót hoặc buông lỏng vai trò giám sát. Đối với tổ chức đoàn thể (công đoàn, đoàn thanh niên, hội đồng quân nhân...) cần phát huy vai trò giám sát cộng đồng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tập thể quân nhân và cán bộ, nhân viên trong đơn vị. Các tổ chức này cần được phổ biến, nắm chắc các chế độ, chính sách tài chính có liên quan đến HĐCT; đồng thời tham gia giám sát việc công khai thu - chi, phân phối kết quả hoạt động theo nguyên tắc dân chủ, minh bạch. Đối với cán bộ, chiến sĩ, cần được tuyên truyền, giáo dục thường xuyên về kỷ luật tài chính, nghĩa vụ sử dụng tài sản công đúng mục đích, trách nhiệm giữ gìn, bảo quản, tiết kiệm và thực hiện đúng quy trình trong tham gia các HĐCT tại đơn vị.

Ba là, nâng cao chất lượng bộ máy quản lý tài chính nói chung và quản lý tài chính HĐCT nói riêng tại các đơn vị. Một trong những yếu tố then chốt, có ý nghĩa quyết định đối với hiệu quả quản lý tài chính tại các ĐVDT trong BQP là chất lượng tổ chức bộ máy và hoạt động của cơ quan tài chính. Trong bối cảnh khối lượng công việc đa dạng, yêu cầu nhiệm vụ tài chính ngày càng cao, việc nâng cao chất lượng tổ chức, biên chế, chức năng nhiệm vụ và phương

thức vận hành của bộ máy tài chính - kế toán là yêu cầu cấp thiết nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý tài chính công hiện đại, minh bạch và hiệu quả. Nâng cao chất lượng bộ máy quản lý tài chính cần được tiến hành theo hướng toàn diện, từ tổ chức biên chế, chức năng nhiệm vụ, cơ chế vận hành đến hiện đại hóa phương thức hoạt động. Trước hết, các đơn vị cần rà soát, đánh giá đúng thực trạng tổ chức bộ máy tài chính hiện có; xác định rõ nhu cầu về nhân lực, tổ chức phù hợp với khối lượng công việc, quy mô nhiệm vụ, đặc biệt là yêu cầu quản lý các HĐCT. Trên cơ sở đó, đề xuất cấp có thẩm quyền phê duyệt tổ chức bộ phận tài chính chuyên trách (hoặc tổ công tác) quản lý HĐCT tại những đơn vị có khối lượng lớn, tính chất phức tạp, nhằm nâng cao hiệu quả tổ chức và năng lực kiểm soát tài chính. Song song với tổ chức biên chế là việc củng cố, hoàn thiện hệ thống văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quy chế phối hợp của bộ phận tài chính với các cơ quan có liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện HĐCT. Cần quy định rõ trách nhiệm từng vị trí công tác, lộ trình xử lý công việc và chế độ kiểm tra, giám sát nội bộ theo từng cấp. Đồng thời, chú trọng việc phân cấp, ủy quyền hợp lý, tạo điều kiện để cơ quan tài chính chủ động, linh hoạt trong xử lý các tình huống nghiệp vụ phát sinh, nhưng vẫn bảo đảm chặt chẽ, đúng pháp luật và kỷ luật tài chính. Các đơn vị cần đổi mới phương pháp quản lý theo hướng chuyên sâu, ứng dụng công nghệ thông tin và từng bước chuẩn hóa theo tiêu chuẩn quản trị tài chính công hiện đại. Việc ứng dụng phần mềm kế toán tích hợp, thiết lập cơ sở dữ liệu điện tử, kết nối thông tin giữa cơ quan tài chính và các bộ phận liên quan sẽ giúp hệ thống quản lý tài chính vận hành thông suốt, hiệu quả.

Bốn là, tăng cường quản lý và kiểm soát chặt chẽ quá trình thu - chi các HĐCT tại các đơn vị. Đây là nội dung cốt lõi, mang tính trực tiếp và xuyên suốt trong toàn bộ quy trình quản lý tài chính HĐCT tại các ĐVDT trong BQP. Thu - chi là hai khâu trọng yếu phản ánh thực chất hiệu quả tài chính, ảnh hưởng trực tiếp đến tính minh bạch, hợp pháp, hợp lý và hiệu quả sử dụng nguồn lực. Trong bối cảnh HĐCT ngày càng đa dạng, khối lượng giao dịch tài chính tăng nhanh, đòi hỏi công tác kiểm soát phải được tăng cường theo hướng toàn diện, chặt chẽ, đúng quy trình và phù hợp với đặc thù quân đội. Các đơn vị cần triển khai đồng bộ các biện pháp tăng cường kiểm soát thu - chi ngay từ khâu lập dự toán, tổ chức thực hiện đến tổng hợp, đối chiếu và quyết toán. Trước hết, số thu từ các HĐCT phải được đưa vào dự toán hằng năm, được phê duyệt đúng thẩm quyền; nội dung dự toán cần phản ánh đầy đủ số thu dự kiến, cấu trúc chi phí chi tiết theo từng yếu tố, bảo đảm phù hợp với quy mô, tính chất dịch vụ và định mức chi tiêu của BQP. Trong quá trình tổ chức thu - chi, cần áp dụng nguyên tắc biệt lập giữa HĐCT và hoạt động nhiệm vụ thường xuyên của đơn vị, bảo đảm nguồn thu được ghi nhận đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng; đồng thời, mọi khoản chi phải có đầy đủ chứng từ, hợp đồng, biên bản nghiệm thu, được kiểm tra, phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật và quy chế chi tiêu nội bộ. Việc thanh toán phải thực hiện theo quy trình luân chuyển chứng từ rõ ràng, có đối chiếu ba bên: Bộ phận tài chính, bộ phận chuyên môn và chỉ huy đơn vị. Cùng với đó, các đơn vị cần tổ chức kiểm tra, kiểm kê định kỳ dòng tiền, đối chiếu số liệu sổ sách với thực tế tại kho bạc, ngân hàng và bộ phận kế toán. Việc lập báo cáo thu - chi phải kịp thời, đúng định kỳ, phân tích

rõ chênh lệch giữa kế hoạch và thực hiện, nêu nguyên nhân và kiến nghị biện pháp điều chỉnh. Đối với các đơn vị có quy mô HĐCT lớn, cần tổ chức kiểm toán nội bộ hằng năm, kết hợp kiểm tra chuyên đề đột xuất ở những khâu tiềm ẩn rủi ro cao.

Ngoài ra, để nâng cao chất lượng giám sát, cần ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, hệ thống phần mềm kế toán tích hợp công cụ phân tích tài chính sẽ giúp chỉ huy đơn vị nắm bắt kịp thời tình hình thu - chi, điều hành linh hoạt và ra quyết định phù hợp. Đồng thời, việc công khai thu - chi trong nội bộ đơn vị theo định kỳ, thông qua hội nghị quân chính, bảng tin nội bộ để bảo đảm minh bạch, phát huy vai trò giám sát cộng đồng và củng cố kỷ luật tài chính.

IV. KẾT LUẬN

Quản lý tài chính HĐCT là nội dung quan trọng, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực và tăng tính tự chủ tài chính tại các ĐVDT trong BQP. Trên cơ sở đánh giá thực trạng và yêu cầu đổi mới, bài báo đã đề xuất một số biện pháp trọng tâm nhằm nâng cao chất lượng công tác này. Việc triển khai đồng bộ các biện pháp sẽ góp phần hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính trong quân đội, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Quốc phòng (2022), *Quyết định 4044/2022/QĐ-BQP, về quy chế phân phối nguồn thu từ kết quả hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế và HĐCT khác của các đơn vị trong BQP*, Hà Nội.
2. Học viện Hậu cần (2021), *Giáo trình tài chính quân đội*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Quân ủy Trung ương (2023), *Quy chế số 2317/QC-QUTW đối với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế kết hợp quốc phòng trong quân đội*, Hà Nội.

BÀN VỀ TỔ CHỨC, SỬ DỤNG LỰC LƯỢNG CÔNG BINH TÁC CHIẾN PHÒNG THỦ QUÂN KHU TRONG CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC

Đại tá, TS. NGUYỄN DUY CẢNH
Hiệu trưởng Trường Sĩ quan Công binh

Thế, lực, thời, mưu là những nhân tố quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động tác chiến trên chiến trường. Muốn có thế tốt, lực mạnh, phải có mưu kế sử dụng lực lượng phù hợp, đúng thời cơ mới tạo được sức mạnh tổng hợp. Lực lượng công binh (LLCB) giữ vai trò quan trọng, không thể thiếu trong tác chiến phòng thủ quân khu (PTQK); vì vậy, công tác tổ chức, sử dụng LLCB phải hết sức coi trọng.

TRONG tác chiến PTQK, công binh (CB) là lực lượng nòng cốt thực hiện nhiệm vụ bảo đảm CB; trọng tâm là xây dựng các công trình chiến đấu, góp phần tạo lập thế trận phòng thủ vững chắc của quân khu. Do địa bàn rộng, với những đặc điểm địa hình, thời tiết, khí hậu, thủy văn phức tạp; điều kiện kinh tế, xã hội của các quân khu có nhiều thay đổi; cho nên, cần phải tổ chức, sử dụng LLCB khoa học, hợp lý mới hoàn thành nhiệm vụ. Bên cạnh đó, trong tác chiến PTQK, đối tượng tác chiến là quân địch tiến công từ bên ngoài vào, kết hợp bọn bạo loạn có vũ trang từ bên trong, với các thủ đoạn tiến công hết sức linh hoạt, khó lường và tính chất ngày càng ác liệt, gây khó khăn rất lớn cho bảo đảm CB. Do đó, để tổ chức, sử dụng LLCB có hiệu quả, cần thực hiện tốt một số nội dung sau:

Một là, tổ chức LLCB theo các nhiệm vụ và giai đoạn tác chiến. Căn cứ vào quyết tâm tác chiến phòng thủ của người chỉ huy; nhiệm vụ bảo đảm CB của quân khu; khả năng lực lượng, phương tiện CB hiện có trong biên chế và được tăng cường, phối thuộc để cơ quan CB, bộ tham mưu đề xuất phương án tổ chức, sử dụng, bố trí LLCB hợp lý. Thông thường, quân khu sử dụng một phần lực lượng là các tiểu đoàn CB

công trình hoặc cầu đường trong biên chế của lữ đoàn CB tăng cường cho các đơn vị làm nhiệm vụ chủ yếu, quan trọng. Lực lượng này có thể phối thuộc ngay từ đầu hoặc sau khi đã thực hiện một số nhiệm vụ bảo đảm CB trong giai đoạn đầu chuẩn bị trực tiếp khi có chiến tranh. Lực lượng còn lại do quân khu nắm để thực hiện các nhiệm vụ bảo đảm CB chung trong các giai đoạn tác chiến. Cụ thể, giai đoạn chuẩn bị tác chiến, CB trong biên chế và được tăng cường, phối thuộc tổ chức thành các lực lượng: Trinh sát CB; bảo đảm đường cơ động, bảo đảm vượt sông; xây dựng công sự trận địa sở chỉ huy, trận địa hỏa lực; bố trí, khắc phục vật cản và tổ chức LLCB kiêm nhiệm sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ khắc phục hậu quả sập đổ công trình trong những tình huống phức tạp khi có lệnh. Giai đoạn thực hành tác chiến, các phân đội CB được lâm thời thành lập các đội CB chuyên trách như: Đội trinh sát CB; đội bảo đảm đường, bảo đảm vận động, bảo đảm vượt sông; đội CB sở chỉ huy; đội CB dự bị; đội cơ động vật cản; đội phá hoại công trình để nhanh chóng cơ động thực hiện các nhiệm vụ bảo đảm CB trong giai đoạn thực hành tác chiến và xử trí các tình huống phát sinh trong quá trình tác chiến.

Thực tiễn, trong Chiến dịch Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng năm 1972, LLCB của chiến dịch chỉ gồm 2 tiểu đoàn và một số đại đội CB thuộc các trung đoàn bộ binh. Nhưng với việc tổ chức sử dụng lực lượng hợp lý, LLCB chiến dịch đã phối hợp cùng các lực lượng khác, xây dựng hoàn chỉnh hệ thống các công trình chiến đấu phục vụ tốt cho các hoạt động tác chiến phòng thủ, phòng ngự bám trụ dài ngày và các hoạt động tác chiến phản kích, phản xung phong tiêu diệt địch, bảo vệ đội hình chiến đấu.

Hai là, tổ chức lực lượng theo đúng chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị. Để phát huy khả năng bảo đảm, khi sử dụng LLCB cần tuân thủ những nguyên tắc cơ bản: Tập trung ưu tiên cho hướng, khu vực, mục tiêu phòng thủ, nhiệm vụ bảo đảm CB chủ yếu; đúng chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị. Giai đoạn chuẩn bị tác chiến, các phân đội CB chuyên ngành thường được tổ chức thành các lực lượng cụ thể như sau:

Lực lượng trinh sát CB, sử dụng phân đội trinh sát của lữ đoàn CB trong biên chế được trang bị đầy đủ các phương tiện trinh sát, tổ chức thành các đài quan sát và các tổ, toán trinh sát cơ động. Có nhiệm vụ phối hợp với lực lượng trinh sát của quân khu, nắm chắc tình hình mọi mặt nhằm cung cấp đầy đủ những số liệu cần thiết để người chỉ huy hạ quyết tâm, chủ nhiệm CB xây dựng kế hoạch CB tác chiến. Lực lượng trinh sát phải được lựa chọn, huấn luyện chu đáo; tổ chức theo hướng tinh, gọn, mạnh; biết sử dụng thành thạo các phương tiện trinh sát cả thô sơ, hiện đại; có khả năng phân tích, tổng hợp nhanh, hoạt động độc lập trong các điều kiện khác nhau.

Lực lượng bảo đảm đường cơ động thường sử dụng các phân đội CB công trình, cầu đường. Hiện nay, đối với lữ đoàn CB hỗn hợp của quân khu, thường có 1

tiểu đoàn CB công trình, 1 tiểu đoàn cầu đường và một số đơn vị khác. Ngoài ra, quân khu có thể được tăng cường các tiểu đoàn CB công trình hoặc cầu đường của các lữ đoàn CB chiến lược đứng chân trên địa bàn và lực lượng huy động từ các sở, ban, ngành địa phương, quần chúng nhân dân. Trong tương lai, các lực lượng này ngoài các dụng cụ, khí tài cầm tay, còn được trang bị nhiều phương tiện chuẩn bị đường, bảo đảm cơ động hiện đại. Có nhiệm vụ phối hợp, hiệp đồng với các lực lượng liên quan chuẩn bị đầy đủ mạng đường cơ động và tiến hành các biện pháp sửa chữa, khắc phục vật cản trên đường, bảo đảm cho các tuyến đường thông suốt, sẵn sàng cho các lực lượng của quân khu cơ động. Do phạm vi rộng, mục tiêu cố định, địch đánh phá ác liệt; có nhiều lực lượng, phương tiện tham gia và phải bảo đảm cho nhiều lực lượng khác nhau; cho nên, để hoàn thành nhiệm vụ, đòi hỏi chủ nhiệm CB và các đơn vị phải có kế hoạch tổ chức, sử dụng lực lượng khoa học, hợp lý, phân định rõ trách nhiệm của từng cấp; đồng thời, có biện pháp tiến hành phù hợp, xác định rõ thời gian bắt đầu, hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị đường cơ động.

Lực lượng bảo đảm vượt sông, quân khu có thể sử dụng 1 phần lực lượng của tiểu đoàn CB vượt sông thuộc lữ đoàn CB trong biên chế để tăng cường cho các đơn vị. Phần lớn lực lượng, phương tiện vượt sông còn lại, cùng với lực lượng của Bộ phối thuộc (nếu có), quân khu sử dụng để bảo đảm vượt sông chung cho các lực lượng của quân khu cơ động. Có nhiệm vụ thiết bị khu vực vượt sông và thực hành bảo đảm vượt sông cho các lực lượng của quân khu; chuẩn bị đầy đủ lực lượng, phương tiện sẵn sàng bảo đảm vượt sông khi các cây cầu trên các trục đường cơ động bị hư hỏng. Hiện nay, LLCB quân khu nói

chung, LLCB vượt sông nói riêng đang có xu hướng giảm về số lượng. Trang bị, khí tài vượt sông từng bước được hiện đại, nhưng mang tính đặc chủng, khi tác chiến, bị địch đánh phá hư hỏng thì khả năng thay thế, bổ sung gặp nhiều khó khăn. Do đó, việc tổ chức, sử dụng lực lượng, phương tiện vượt sông phải bảo đảm hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ tác chiến phòng thủ trong điều kiện mới. Trước mắt, các quân khu cần tập trung sắp xếp lại tổ chức, biên chế của các phân đội CB vượt sông theo đúng lộ trình, kế hoạch đã được Bộ phê chuẩn. Từng bước bảo đảm trang bị, khí tài vượt sông hiện đại. Tổ chức huấn luyện chu đáo, làm chủ vũ khí, trang bị mới; nâng cao trình độ, khả năng bảo đảm vượt sông trong các hình thức tác chiến; nghiên cứu cải tiến trang bị vượt sông hiện có, tự sản xuất các phương tiện vượt sông hiện đại để trang bị cho lực lượng vũ trang quân khu, bảo đảm cho các phân đội vượt sông thực sự tinh, gọn, mạnh.

Lực lượng xây dựng công sự trận địa sở chỉ huy sử dụng tiểu đoàn CB trận địa sở chỉ huy thuộc lữ đoàn CB trong biên chế và có thể huy động phân đội vệ binh, lực lượng trong các sở chỉ huy cùng tham gia xây dựng công sự trận địa. Hiện nay, lực lượng này được trang bị đầy đủ các phương tiện, xe máy công trình tương đối hiện đại phục vụ cho nhiệm vụ xây dựng công sự trận địa; đồng thời, còn được trang bị bổ sung các bộ công sự dã chiến, chế thức làm bằng vật liệu nhẹ, có sức chịu lực cao, thi công nhanh. Có nhiệm vụ mở lớp nguy trang, lắp đặt các thiết bị đưa công sự lâu bền được xây dựng từ thời bình vào hoạt động; bổ sung, làm mới các công sự dã chiến cần thiết đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng của các sở chỉ huy; chuẩn bị đầy đủ vật chất, khí tài, sẵn sàng sửa chữa, nâng cấp, di chuyển sở chỉ huy khi cần thiết. Để bảo đảm an toàn tuyệt đối,

các phân đội làm nhiệm vụ xây dựng công sự trận địa sở chỉ huy thường được tổ chức phân tán theo đầu mối cấp trung đội, đại đội, bố trí ở hai bên sườn, phía sau, gần vị trí sở chỉ huy của quân khu, nơi kín đáo, tiện cơ động và chấp hành nghiêm các qui định về phòng gian, giữ bí mật.

Lực lượng bố trí vật cản sử dụng các phân đội CB công trình, vật cản thuộc lữ đoàn CB trong biên chế. Hiện nay, ở cấp quân khu, các phương tiện, dụng cụ bố trí mìn chủ yếu là các khí tài cầm tay là chủ yếu. Trong tương lai, khi tác chiến xảy ra, lực lượng bố trí vật cản có thể được bổ sung thêm các phương tiện hiện đại để cơ giới hóa việc bố trí vật cản. Có nhiệm vụ bố trí các nút vật cản hoặc vùng vật cản do quân khu quản lý; vật cản bảo vệ các mục tiêu chủ yếu, quan trọng như: Sở chỉ huy, trận địa hỏa lực, căn cứ hậu cần - kỹ thuật của quân khu; vật cản chống đổ bộ đường biển, đường sông; chuẩn bị lực lượng, phương tiện, vật chất khí tài sẵn sàng bố trí bổ sung, nâng cấp các bãi vật cản, cơ động các tuyến vật cản ngăn chặn địch tiến công đường bộ, đổ bộ đường không vào địa bàn quân khu. Do nhiệm vụ bố trí vật cản diễn ra trên địa bàn rộng, với nhiều dạng địa hình, thời tiết khác nhau; tốc độ tiến công nhanh, các khu vực bố trí vật cản thường là nơi tập trung trinh sát, đánh phá của địch; cho nên, để tổ chức, sử dụng lực lượng bố trí vật cản có hiệu quả, các phân đội này phải được huấn luyện chu đáo.

Lực lượng xây dựng công sự trận địa hỏa lực sử dụng phân đội CB công trình trong biên chế của lữ đoàn CB quân khu. Lực lượng này thường được trang bị các phương tiện xe máy công trình phục vụ cho nhiệm vụ xây dựng công sự trận địa. Có nhiệm vụ làm nòng cốt hướng dẫn kỹ thuật cho các đơn vị pháo binh, phòng không xây dựng công sự trận địa hỏa lực hoặc

phối hợp, hiệp đồng với các phân đội hỏa lực xây dựng công sự bắn có khối lượng lớn, đòi hỏi kỹ thuật cao cho các loại pháo binh, phòng không. Vị trí bố trí gần khu vực thực hiện nhiệm vụ, nơi kín đáo thuận lợi cho việc che giấu lực lượng, phương tiện và cơ động.

Thực tiễn, trong Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954, để chuẩn bị tuyến đường từ Tuần Giáo đi Điện Biên, Trung đoàn CB 151 và 400 dân công với các trang bị thô sơ nhưng đã hoàn thành tuyến đường dài 86 km, san sửa trên 3.000 m³ đất đá; làm mới 47 cầu, cống; phá 2.300 m³ đá chỉ trong 1 tháng. Cùng với đó, hệ thống công sự trận địa pháo binh còn được bố trí hiểm hóc, triển khai từ Đông Bắc Hồng Cúm đến Tây Bắc cứ điểm Độc Lập, hình thành thể trận vòng tròn gần khép kín tập đoàn cứ điểm của địch. Ngoài ra, Trung đoàn CB 151 còn xây dựng hầm cho pháo và những trận địa giả để thu hút bom đạn địch.

Ba là, lâm thời thành lập các đội CB chuyên trách để nhanh chóng cơ động thực hiện các nhiệm vụ bảo đảm CB trong giai đoạn thực hành tác chiến. Do tính chất nhiệm vụ bảo đảm CB phải luôn đi trước một bước, để kịp thời cơ động thực hiện nhiệm vụ, phù hợp với những diễn biến nhanh, phức tạp trong giai đoạn thực hành tác chiến, các phân đội CB chuyên ngành sau khi đã hoàn thành nhiệm vụ bảo đảm CB trong giai đoạn chuẩn bị tác chiến, được bổ sung các trang bị cần thiết, nhanh chóng thành lập các đội CB chuyên trách, bố trí gần các trục đường, sẵn sàng cơ động thực hiện nhiệm vụ khi có lệnh.

Đội trinh sát CB, bằng các phương tiện, khí tài trinh sát đã được trang bị, tiếp tục thực hiện nhiệm vụ trinh sát nắm chắc diễn biến tình hình mọi mặt có liên quan bằng các biện pháp phù hợp. Ở các đài

quan sát phải phát hiện được địch trên các hướng phòng thủ của quân khu. Các tổ trinh sát cơ động kịp thời điều tra, xác minh mức độ hư hỏng, dự kiến chính xác khối lượng, biện pháp, thời gian khắc phục sửa chữa các công trình và những diễn biến mới về điều kiện khí hậu, thời tiết, thủy văn báo cáo người chỉ huy để có biện pháp bảo đảm kịp thời, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ tác chiến.

Các đội bảo đảm đường thường do lực lượng thanh niên xung phong, dân quân tự vệ, giao thông của địa phương đảm nhiệm. Còn các đội bảo đảm vận động, bảo đảm vượt sông được thành lập từ các phân đội CB công trình, cầu đường, vượt sông trong biên chế. Thông thường, quân khu thành lập một số đội bảo đảm vận động, các đội bảo đảm vượt sông và một số đội bảo đảm đường. Quy mô mỗi đội được tổ chức theo đầu mối cấp trung đội hoặc đại đội, được trang bị đầy đủ các phương tiện cần thiết, bảo đảm sức cơ động cao. Có nhiệm vụ đi trước hoặc hộ tống đi cùng đội hình, hay cũng có thể chốt giữ tại các trọng điểm giao thông, các bến vượt sông để bảo đảm cho các lực lượng của quân khu cơ động, vượt sông an toàn.

Đội CB sở chỉ huy, CB dự bị có nhiệm vụ bảo đảm cho sở chỉ huy hoạt động an toàn, liên tục và sẵn sàng xử trí các tình huống trong quá trình tác chiến. Nên các đội này thường được bố trí ở hai bên sườn phía sau gần sở chỉ huy cơ bản của quân khu. Để đảm bảo tính chuyên môn hóa, nâng cao hiệu suất trong thực hiện nhiệm vụ, lực lượng thành lập đội CB sở chỉ huy thường được lấy từ tiểu đoàn CB trận địa sở chỉ huy trong biên chế của lữ đoàn CB. Lực lượng này được trang bị đầy đủ vật chất, khí tài cần thiết, tổ chức huấn luyện chu đáo nắm chắc kỹ, chiến thuật xây dựng các loại công sự dã chiến và các biện pháp nâng

cao sức sống công trình. Đối với đội CB dự bị, thường được thành lập vào cuối giai đoạn tổ chức chuẩn bị tác chiến, lực lượng khoảng 1 tiểu đoàn thiếu đến 1 tiểu đoàn CB công trình. Khi sử dụng lực lượng này vào thực hiện nhiệm vụ, phải nhanh chóng bổ sung lực lượng dự bị mới, bảo đảm luôn có LLCB dự bị mạnh, sẵn sàng xử trí các tình huống tiếp theo trong quá trình tác chiến.

Đội cơ động vật cản có nhiệm vụ: Phối hợp, hiệp đồng chặt chẽ với lực lượng cơ động tiến công, lực lượng tác chiến tại chỗ, đội dự bị pháo binh chống tăng và các lực lượng tác chiến khác, thực hành bố trí vật cản cơ động là các tuyến vật cản bằng mìn chống tăng, chống bộ binh hoặc hỗn hợp, hay cũng có thể là các giá mìn định hướng nhằm ngăn chặn địch tiến công đường bộ, đổ bộ đường không, vu hồi đường sông; bổ sung nâng cấp các nút vật cản, vùng vật cản do quân khu quản lý. Để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ tác chiến, hành động của đội cơ động vật cản phải hết sức khẩn trương, đòi hỏi lực lượng này phải có trình độ chuyên môn tốt, thành thạo về kỹ, chiến thuật bố trí các loại vật cản (cả vật cản nổ và không nổ). Nên lực lượng này thường được thành lập từ các phân đội vật cản trong biên chế của các tiểu đoàn CB công trình của quân khu. Để bảo đảm tính cơ động cao, tổ chức biên chế, trang bị của các đội phải bảo đảm tinh, gọn, mạnh. Vì vậy, số lượng đội cơ động vật cản, quân khu cần thành lập phải phù hợp. Đồng thời, cùng với việc cơ động vật cản, để tạo ra những chướng ngại cần thiết kịp thời ngăn chặn địch tiến công, quân khu có thể tổ chức một số đội phá hoại công trình. Lực lượng mỗi đội các trung đội CB công trình, được bổ sung thuốc nổ và các loại vật chất khí tài CB khác. Có nhiệm vụ phối hợp với lực lượng tại chỗ, tiến hành phá đường,

phá cầu và các công trình khác (của ta hoặc của địch) không cho chúng sử dụng khi tiến công vào địa bàn quân khu.

Thực tiễn, trong Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954, chỉ với những dụng cụ thô sơ, Đội CB 53 được sát nhập từ Đại đội 250 của Tiểu đoàn CB 333 thuộc Bộ Tổng tham mưu và 1 số đơn vị khác, cùng Đại đội Cảnh vệ 425 đã lao động liên tục trong thời gian 28 ngày, xây dựng hoàn chỉnh đường hầm xuyên núi trong sở chỉ huy chiến dịch, nối liền lán ở, làm việc của Đại tướng Võ Nguyên Giáp và Tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái, dài 69 m, cao 1,7 m, rộng từ 1 đến 3 m và 1 phòng họp có diện tích 18 m².

Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc tương lai (nếu xảy ra), tác chiến PTQK sẽ diễn ra ngay từ đầu và trong suốt quá trình chiến tranh, với tính chất ngày càng ác liệt, phức tạp, biến động cao. Do đó, tư lệnh quân khu và cơ quan CB phải linh hoạt, sáng tạo trong sử dụng LLCB phù hợp với tình hình thực tế, hoàn thành tốt các nhiệm vụ bảo đảm CB được giao. Việc sử dụng LLCB trong các giai đoạn tác chiến phụ thuộc nhiều vào các yếu tố địch, ta, địa hình, thời tiết. Tương lai, các yếu tố này sẽ có nhiều thay đổi, cho nên cần tiếp tục nghiên cứu phát triển lý luận tổ chức, sử dụng LLCB trong tác chiến PTQK♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Quốc phòng (2008), *Nghiên cứu phát triển lý luận tác chiến PTQK trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Bộ Tư lệnh Công binh (2007), *Tổng kết chiến thuật CB Quân đội nhân dân Việt Nam qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ (1945 - 1975)*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Viện lịch sử quân sự Việt Nam (1986), *Lịch sử chiến tranh và nghệ thuật quân sự, tập 1,2*, Nxb QĐND, Hà Nội.

GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM VẬT CHẤT HẬU CẦN CHIẾN DỊCH PHÒNG NGỰ TRONG CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC

Đại tá, PGS. TS. VŨ VĂN BÂN

Khoa Hậu cần Chiến dịch, Học viện Hậu cần

ABSTRACT: *Material provision is a vital aspect of logistics support, directly affecting the progress and outcomes of defensive campaigns. Based on theoretical and practical research, in the article are proposed several solutions for logistics material provision for defensive campaigns in the Fatherland protection war.*

I. TÓM TẮT

Bảo đảm vật chất hậu cần(gọi tắt là bảo đảm vật chất - BĐVC) là một mặt bảo đảm quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến tiến trình, kết quả tác chiến chiến dịch phòng ngự (CDPN). Trên cơ sở nghiên cứu lý luận, thực tiễn, bài viết đề xuất một số giải pháp BĐVC hậu cần CDPN trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (BVTQ).

II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chiến dịch phòng ngự là một loại hình chiến dịch cơ bản của nghệ thuật chiến dịch Việt Nam, có vị trí, vai trò hết sức quan trọng trong tác chiến, nhất là thời kỳ đầu của chiến tranh BVTQ. Để CDPN giành thắng lợi phải giải quyết tốt các vấn đề về lực, thế, thời, mưu và tiến hành các mặt bảo đảm, trong đó có BĐVC. Thực tiễn, trong chiến tranh giải phóng, ta đã thực hiện một số CDPN giành được thắng lợi to lớn, thay đổi cục diện chiến tranh và để lại nhiều kinh nghiệm quý về nghệ thuật chiến dịch và các mặt bảo đảm. Trong chiến tranh BVTQ (nếu xảy ra), đối tượng, môi trường tác chiến và nghệ thuật quân sự Việt Nam đã có nhiều thay đổi, phát triển mới. Mặt khác, trong huấn luyện, diễn tập, xây dựng và chuẩn bị vật chất hậu cần CDPN trong thời gian qua còn một số bất cập cần được giải quyết. Thực tế đó, đòi hỏi lý luận bảo đảm vật chất CDPN trong chiến tranh

BVTQ phải được nghiên cứu phát triển phù hợp với điều kiện mới.

III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Đối tượng tác chiến của CDPN là quân địch tiến công quy mô chiến dịch, trên từng trục, hướng (khu vực) có thể là các lực lượng lục quân hoặc hải quân đánh bộ, kết hợp với lực lượng phản động gây bạo loạn vũ trang trên địa bàn. Địch tiến công vào địa bàn CDPN có thể từ hướng biển, biên giới đất liền hoặc từ các khu vực đã chiếm. Quá trình tiến công, hình thành nhiều hướng; trong đó, có hướng chủ yếu, thứ yếu và các hướng khác. Trên từng hướng, trục tiến công của địch, có thể là lực lượng tác chiến liên hợp, bao gồm: Một số lữ đoàn, sư đoàn bộ binh, bộ binh cơ giới, đổ bộ đường không, hải quân đánh bộ và các lực lượng khác. Địch thường sử dụng các lữ đoàn lục quân, hải quân đánh bộ làm đơn vị tác chiến cơ bản để thực hiện từng nhiệm vụ (bước) chiến đấu, chiến dịch.

Chiến dịch phòng ngự trong chiến tranh BVTQ do nhiều lực lượng tham gia tác chiến. Tùy theo quy mô CDPN, lực lượng tác chiến có thể từ một đến một số sư đoàn bộ binh; được phối thuộc các đơn vị quân chủng, binh chủng chiến đấu, bảo đảm và phối hợp tác chiến với lực lượng khu vực phòng thủ (KVPT) tỉnh, thành phố...

Sử dụng nhiều biện pháp chiến dịch và hình thức chiến thuật khác nhau. Vì vậy, BĐVC hậu cần CDPN trong điều kiện địch đánh phá ác liệt; bảo đảm cho nhiều lực lượng tác chiến thực hiện các trận đánh đồng thời, kế tiếp nhau, tình huống diễn biến mau lẹ; vật chất tiêu thụ, tổn thất lớn; vận chuyển bổ sung vật chất gặp nhiều khó khăn, phức tạp... Tuy nhiên, trên địa bàn chiến dịch, có hậu cần - kỹ thuật (HCKT) chiến lược, HCKT các quân chủng, binh chủng, HCKT quân khu, HCKT khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố. Đây là điều kiện thuận lợi để HCKT chiến dịch huy động, khai thác, kết hợp với các lực lượng HCKT trong bảo đảm vật chất cho các lực lượng tác chiến của CDPN. Để bảo đảm đầy đủ, kịp thời vật chất hậu cần cho các lực lượng tác chiến của CDPN giành thắng lợi, cần thực hiện tốt một số giải pháp sau đây:

Một là, kết hợp chuẩn bị vật chất ở HCKT chiến dịch với huy động vật chất ở KVPT tỉnh, thành phố. Đây là biện pháp quan trọng, đặc biệt là những năm đầu chiến tranh, nhằm phát huy tổng hợp mọi nguồn vật chất để đảm bảo đầy đủ, kịp thời cho chiến dịch. Xuất phát từ đặc điểm HCKT chiến dịch phải đảm bảo cho nhiều lực lượng, thời gian tác chiến dài ngày, địa bàn tác chiến rộng, tiến hành bảo đảm trong điều kiện địch đánh phá ác liệt. Do đó, nhu cầu bảo đảm vật chất lớn, trong khi khả năng HCKT chiến dịch có hạn. Chính vì vậy, để bảo đảm đầy đủ, kịp thời vật chất cho các lực lượng CDPN cần kết hợp chuẩn bị vật chất ở HCKT chiến dịch với huy động vật chất ở KVPT trên địa bàn chiến dịch.

Trong giai đoạn hiện nay, Đảng và Nhà nước ta có chủ trương xây dựng các KVPT vững mạnh toàn diện. Trong đó, chú trọng xây dựng tiềm lực chính trị tinh thần, tiềm lực quân sự và tiềm lực kinh tế. Đó chính là điều kiện thuận lợi để chuẩn bị tiềm lực

vật chất sẵn sàng huy động bảo đảm cho tác chiến. Đồng thời, để chủ động đối phó với các tình huống hoặc chiến tranh xảy ra, Thủ tướng Chính phủ đã có Chỉ thị 12/2008/CT-TTg, ngày 23/3/2008 về việc xây dựng Kế hoạch bảo đảm nhu cầu quốc phòng năm đầu chiến tranh để chuyển thành thực lực bảo đảm cho tác chiến khi chiến tranh xảy ra. Theo đó, các bộ, ngành Trung ương và địa phương đã triển khai xây dựng kế hoạch, chuẩn bị tiềm lực mọi mặt cho chiến tranh; trong đó, chuẩn bị nguồn vật chất là nội dung quan trọng. Vì vậy, HCKT chiến dịch có điều kiện huy động vật chất ở KVPT tỉnh, thành phố trên địa bàn chiến dịch để bảo đảm cho các lực lượng tác chiến.

Thực hiện giải pháp trên, ngay từ thời bình, HCKT chiến dịch cần chủ động chuẩn bị vật chất theo phương án mở CDPN; gần tạo nguồn vật chất với chuẩn bị lực lượng, thể trận tác chiến CDPN trong chiến tranh BVTQ. Kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh trong chuẩn bị tiềm lực vật chất ở các KVPT tỉnh, thành phố. Hiệp đồng chặt chẽ với Hội đồng cung cấp KVPT tỉnh, thành phố; tham mưu cho chính quyền địa phương chỉ đạo sở, ban ngành kinh tế - xã hội địa phương xây dựng kế hoạch bảo đảm nhu cầu quốc phòng năm đầu chiến tranh; tạo điều kiện thuận lợi để huy động vật chất bảo đảm cho các lực lượng tác chiến CDPN trong chiến tranh BVTQ.

Hai là, tăng lượng dự trữ vật chất ở lực lượng phòng ngự và dự trữ gọn nhẹ ở lực lượng cơ động tiến công. Tăng lượng dự trữ vật chất ở lực lượng phòng ngự sẽ giúp HCKT chiến dịch chủ động và duy trì khả năng bảo đảm trong điều kiện chiến đấu dài ngày. Đối với lực lượng phòng ngự: Chiến dịch sử dụng cấp trung đoàn hoặc sư đoàn, được phối thuộc binh khí kỹ thuật, lực lượng KVPT then chốt tỉnh, thành phố, chốt chiến dịch, các điểm tựa,

cụm điểm tựa độc lập, phối hợp với KVPT tỉnh, thành phố để tổ chức thành khu vực phòng ngự cấp trung đoàn hoặc sư đoàn trên các hướng; có nhiệm vụ: Tổ chức phòng ngự trên hướng chủ yếu, thứ yếu, thực hiện ngăn chặn, đánh bại tiến công của địch trên các hướng; tham gia tiến công khi địch đột nhập trận địa phòng ngự, giữ vững khu vực, mục tiêu được giao. Quá trình tác chiến, lực lượng phòng ngự phải chủ động, kiên cường, tích cực, dựa vào công sự trận địa, hòa lực kết hợp với lực lượng cơ động tiến công để giữ vững trận địa. Trường hợp địch chuyển hướng tiến công, chiến dịch có thể sử dụng một bộ phận lực lượng cơ động tăng cường, thay thế cho lực lượng phòng ngự trên hướng tiến công mới của địch; đồng thời, chuyển một bộ phận phòng ngự của hướng khác làm nhiệm vụ cơ động tiến công. Vì vậy, HCKT chiến dịch phòng ngự cần tăng lượng dự trữ vật chất ở lực lượng phòng ngự để có thể bảo đảm cho tác chiến bám trụ, dài ngày.

Đối với lực lượng cơ động tiến công: Chiến dịch sử dụng cấp trung đoàn hoặc sư đoàn, gồm: Bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, được phối thuộc lực lượng các quân chủng, binh chủng chiến đấu, bảo đảm. Lực lượng cơ động tiến công có nhiệm vụ: Là lực lượng chủ yếu của chiến dịch khi thực hiện các trận đánh và các trận then chốt. Khi cần, chiến dịch có thể sử dụng một bộ phận để tăng cường, thay thế cho lực lượng phòng ngự trên các hướng và xử trí tình huống trong quá trình chiến dịch. Do đó, tính biến động, cơ động cao, đòi hỏi phải dự trữ vật chất gọn nhẹ ở lực lượng cơ động tiến công, phù hợp với khả năng mang theo của đơn vị và bộ đội.

Thực tiễn, chiến dịch phòng ngự Cánh Đồng Chum - Xiêng Khoảng (1972): Đối với các đơn vị phòng ngự qui định dự trữ vật chất đủ bảo đảm 1 tháng chiến đấu.

Đối với các đơn vị làm lực lượng dự bị chiến dịch (cơ động tiến công), quy định dự trữ ít hơn. Căn cứ hậu cần tổ chức dự trữ đầy đủ vật chất (trên 4.396 tấn) nên đã bổ sung đủ lượng dự trữ sau từng đợt tác chiến cho các đơn vị, nhất là trong trận then chốt quyết định trên cánh đồng Cánh Xềng kết thúc chiến dịch thắng lợi.

Để thực hiện giải pháp, HCKT chiến dịch cần tổ chức phân cấp dự trữ vật chất phù hợp với nhiệm vụ tác chiến của từng lực lượng; tổ chức tiếp nhận, khai thác và chỉ đạo đơn vị tiếp nhận, khai thác một số vật chất ở KVPT tỉnh, thành phố để dự trữ và bảo đảm theo phân cấp; Quá trình các đơn vị tiếp nhận, khai thác vật chất tại địa phương, HCKT chiến dịch theo dõi, nắm kết quả tiếp nhận, khai thác, phối hợp chặt chẽ với hậu cần đơn vị, hậu cần KVPT tỉnh, thành phố, kịp thời giải quyết khó khăn và chỉ đạo thanh, quyết toán theo phân cấp, đúng quy định.

Ba là, vận dụng linh hoạt phương pháp bổ sung vật chất; bổ sung vượt cấp một số vật chất cho lực lượng tác chiến vòng ngoài và lực lượng cơ động tiến công. Chiến dịch phòng ngự trong chiến tranh BVTQ tổ chức nhiều lực lượng tác chiến; mỗi lực lượng tác chiến có nhiệm vụ, cách đánh, vận dụng hình thức chiến thuật và thủ đoạn tác chiến khác nhau. Vì vậy, cần vận dụng linh hoạt các phương pháp bổ sung vật chất, đáp ứng yêu cầu bảo đảm đầy đủ, kịp thời các loại vật chất cho các lực lượng tác chiến CDPN.

Đối với lực lượng tác chiến vòng ngoài, thành phần gồm: Lực lượng KVPT tỉnh, thành phố ở vòng ngoài; một bộ phận lực lượng chủ lực; một bộ phận lực lượng binh chủng của quân khu hoặc của chiến dịch phái ra đánh địch ở vòng ngoài, ngoài ra, chiến dịch có thể sử dụng một bộ phận lực lượng cơ động để đánh địch ở khu vực

tác chiến vòng ngoài. Có nhiệm vụ phát hiện, sát thương, tiêu hao, ngăn chặn, buộc địch phải bộc lộ ý định, lực lượng và triển khai sớm, tạo điều kiện cho các lực lượng khác của chiến dịch đánh địch. Thực hiện đánh nhỏ, liên tục, rộng khắp, căng kéo, xen kẽ, buộc địch phân tán, đối phó; tập kích vào các mục tiêu quan trọng trong đội hình tiến công của chúng. Vì vậy, tác chiến diễn ra ác liệt, tiêu thụ vật chất với khối lượng lớn, như: Đạn hỏa lực, đạn bộ binh, LTTP, thuốc chiến thương...; trong khi đó, khả năng bảo đảm của lực lượng tác chiến vòng ngoài hạn chế. Do vậy, HCKT chiến dịch cần bổ sung vượt cấp một số vật chất cho lực lượng tác chiến vòng ngoài cả trong giai đoạn chuẩn bị và giai đoạn thực hành tác chiến là cần thiết.

Đối với lực lượng cơ động tiến công là lực lượng chủ yếu của chiến dịch khi thực hiện các trận đánh và các trận then chốt; thường được bố trí ở bên sườn, phía sau hướng chủ yếu và có thể bố trí một bộ phận trên hướng khác để thực hiện các trận đánh, có thể là trận then chốt đánh địch tiến công đường bộ; đánh địch đổ bộ đường không; đánh địch vu hồi, tiến công vượt điểm; đánh địch chuyển hướng tiến công... Các trận đánh và các trận then chốt diễn ra ác liệt, trên phạm vi rộng, tính cơ động, biến động cao. Vì vậy, tiêu thụ, tổn thất vật chất lớn; trong khi đó, khả năng mang theo của lực lượng cơ động tiến công hạn chế. Do đó, HCKT chiến dịch cần thực hiện bổ sung vượt cấp một số vật chất đến HCKT của tiểu đoàn, trung đoàn bộ binh, trận địa pháo binh, pháo phòng không của lực lượng cơ động tiến công.

Để thực hiện giải pháp trên, HCKT chiến dịch cần sử dụng các phương tiện vận tải bổ sung vượt cấp một số vật chất cho lực lượng tác chiến vòng ngoài, lực lượng cơ động tiến công; sử dụng vận tải ô tô của HCKT chiến dịch bổ sung một số vật chất,

tra nạp xăng dầu vượt cấp đến khu vực bố trí chiến đấu của tiểu đoàn, trung đoàn bộ binh, trận địa hỏa lực của trung đoàn, sư đoàn bộ binh và phân đội binh chủng thuộc thành phần của lực lượng cơ động tiến công; HCKT chiến dịch có thể huy động xe vận tải trong các doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải tham gia vận chuyển lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm đơn vị khai thác tại địa phương; huy động xe tra nạp nhiên liệu tham gia tra nạp nhiên liệu cho xe kéo pháo tại trận địa hỏa lực, đơn vị pháo binh bờ biển của lực lượng cơ động tiến công.

IV. KẾT LUẬN

Bảo đảm vật chất CDPN trong chiến tranh BVTQ có nhiều khó khăn, phức tạp, đòi hỏi HCKT chiến dịch phải thực hiện đồng thời các giải pháp trên, nhằm bảo đảm đầy đủ, kịp thời các loại vật chất cho các lực lượng tác chiến trong CDPN giành thắng lợi. Tuy nhiên, chiến tranh BVTQ tương lai (nếu xảy ra), đối tượng địch sẽ có sự phát triển về nghệ thuật, trang bị, phương tiện tác chiến, sử dụng vũ khí công nghệ cao, tác chiến điện tử, tác chiến không gian mạng hiện đại... Vì vậy, chủ nhiệm, cơ quan, đơn vị HCKT chiến dịch cần tiếp tục nghiên cứu, bổ sung các giải pháp BĐVC cho phù hợp với sự phát triển của nghệ thuật CDPN trong điều kiện mới của chiến tranh BVTQ♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tổng tham mưu (2019), *Nghệ thuật CDPN*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Bộ Tổng tham mưu (2019), *Bảo đảm hậu cần trong CDPN*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Học viện Hậu cần (2012), *Chỉ huy hậu cần chiến dịch*, HVHC, Hà Nội.
4. Học viện Quốc phòng (2008), *Nghiên cứu phát triển lý luận CDPN trong chiến tranh BVTQ*, Hà Nội.

TỔ CHỨC VẬN CHUYỂN CHIẾN DỊCH PHÒNG NGỰ TRONG CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC

Đại tá, PGS. TS. HẦN VĂN QUY

Phó Chủ nhiệm Hậu cần - Kỹ thuật, Quân chủng PK-KQ

Tổ chức vận chuyển (TCVC) là một nhiệm vụ của công tác vận tải (CTVT), nhằm vận chuyển đầy đủ, kịp thời, bí mật, an toàn bảo đảm cho tác chiến thắng lợi. Bài viết trên cơ sở nghiên cứu lý luận, thực tiễn trong chiến tranh giải phóng (CTGP); hoàn thiện và bổ sung nội dung TCVC chiến dịch phòng ngự (CDPN) trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (BVTQ).

Chiến dịch phòng ngự là một loại hình chiến dịch cơ bản của nghệ thuật chiến dịch, có vị trí, vai trò hết sức quan trọng trong tác chiến của chiến tranh BVTQ. Đối tượng tác chiến của CDPN là quân địch tiến công quy mô chiến dịch, gồm các lực lượng lục quân hoặc hải quân đánh bộ, kết hợp với lực lượng phản động gây bạo loạn vũ trang trên địa bàn. Quá trình tác chiến, địch có ưu thế về phương tiện trinh sát, vũ khí công nghệ cao (CNC), tác chiến điện tử rộng rãi, phương tiện bay không người lái (UAV); khả năng cơ động cao, chủ động về không gian, thời gian; phương pháp và thủ đoạn tác chiến có nhiều thay đổi. Chiến dịch phòng ngự trong chiến tranh BVTQ, lực lượng tác chiến có thể từ một đến một số sư đoàn bộ binh; được phối thuộc các đơn vị quân chủng, binh chủng chiến đấu, bảo đảm và phối hợp tác chiến với lực lượng khu vực phòng thủ (KVPT) tỉnh, thành phố... Sử dụng nhiều biện pháp chiến dịch và hình thức chiến thuật khác nhau. Do đó, khối lượng vận chuyển lớn, đa dạng về chủng loại, vận chuyển bảo đảm cho nhiều lực lượng, số lượng thương binh lớn; trong điều kiện tác chiến dài ngày, trên địa bàn rộng, địa hình phức tạp, địch đánh phá ác liệt; lực lượng, phương tiện, mạng đường vận tải bị tiêu hao, tổn thất. Tuy nhiên, trên địa bàn

chúng, binh chủng, quân khu, KVPT tỉnh, thành phố. Đây là điều kiện thuận lợi để vận tải chiến dịch huy động, khai thác TCVC bảo đảm cho tác chiến của CDPN.

Thực tiễn, trong CDPN Cánh Đồng Chum - Xiêng Khoảng (từ 21/5 ÷ 15/11/1972), vận tải chiến dịch cùng với các Binh trạm 11, 13 đã sử dụng vận tải ô tô là chủ yếu, kết hợp với vận tải bộ. Các hình thức vận tải (HTVT) được áp dụng, bao gồm hình thức đi thẳng, chia cung để vận chuyển vật chất hậu cần, ưu tiên lót trước một phần đạn và gạo cho các đơn vị trước mùa mưa. Đối với thương binh, áp dụng hình thức chuyển thẳng nhanh chóng chuyển về cứu chữa là chủ yếu, kết hợp chuyển tiếp từ cung vận tải bộ sang cung vận tải ô tô, hoặc về quân y chiến dịch sau đó chuyển về hậu phương. Thời cơ vận chuyển tập trung ở giai đoạn chuẩn bị, trước mùa mưa; trong giai đoạn thực hành tổ chức vận chuyển bổ sung vật chất theo nhu cầu các đơn vị, đồng thời nhanh chóng chuyển thương về phía sau. Kết quả, chiến dịch vận chuyển được 3.918 tấn vật chất các loại và 1.662 thương binh về bệnh viện mặt trận, góp phần cho chiến dịch chiến đấu thắng lợi.

Trong CDPN Quảng Trị (28/6/1972 ÷ 31/1/1973), do lực lượng tham gia chiến dịch lớn, vận tải chiến dịch đã tổ chức

phân chia thành nhiều lực lượng, bố trí triển khai ở nhiều vị trí khác nhau và sử dụng nhiều HTVT, trong đó vận tải đi thẳng là chủ yếu, kết hợp với vận tải theo cung gần với phát huy khả năng của các thành phần lực lượng vận tải: Ô tô - vận tải bộ, vận tải đường thủy - vận tải bộ, vận tải ô tô - vận tải bộ - vận tải thủy (cơ giới, thả trôi). Trong giai đoạn chuẩn bị “Ở hướng Nam, Cụm Hậu cần 3 phải tổ chức 4 cung vận tải bộ, fBB304 tổ chức 6 cung nữa là 10 cung mới đưa tới được đơn vị chiến đấu”; hoặc trong Đợt 1 các cụm hậu cần bố trí cách khu vực hậu cần các đơn vị 15 ÷ 25 km, trong điều kiện đường khó đi chiến dịch tổ chức 1 cung cơ giới và 2 ÷ 3 cung vận tải bộ.

Bên cạnh những thành công, tổ chức vận chuyển ở 2 chiến dịch cũng có những hạn chế nhất định. Trong CDPN Cánh Đồng Chum - Xiêng Khoảng do chỉ tổ chức cấp trung đoàn trực thuộc chiến dịch, vật chất chuyển thẳng từ hậu cần hậu phương, chiến dịch đến các trung đoàn, nên ở một số thời điểm vận tải cấp chiến dịch mất cân đối khả năng với nhu cầu, phải đề nghị cấp chiến lược vận chuyển vượt cấp; bị động trong vận chuyển bổ sung vật chất. Trong CDPN Quảng Trị tổ chức chia thành nhiều cung, nhưng mạng đường bảo đảm chưa tốt và công tác hiệp đồng ở một số cung chưa chặt chẽ, dẫn đến việc vận chuyển vật chất, thương binh có thời điểm chưa kịp thời.

Từ những phân tích, dự báo những thuận lợi, khó khăn của CTVT chiến dịch phòng ngự trong chiến tranh BVTQ. Kế thừa và phát triển những kinh nghiệm tổ chức vận chuyển CDPN trong CTGP, với nền tảng chuẩn bị trước từ thời bình; tổ chức vận chuyển CDPN trong chiến tranh BVTQ cần thực hiện tốt một số nội dung, biện pháp chủ yếu sau:

Một là, phát huy khả năng sở trường của các thành phần lực lượng vận tải;

nguyên cứu trang bị UAV, UGV vận tải bảo đảm cho chiến dịch. Trong CDPN lực lượng vận tải gồm nhiều thành phần, nhiều loại phương tiện tham gia vận chuyển; mỗi lực lượng, phương tiện có những ưu điểm, hạn chế. Vì việc, phát huy khả năng, sở trường của các thành phần lực lượng vận tải giúp tăng gần kết, hỗ trợ, phát huy được sức mạnh tổng hợp trong TCVC. Muốn vậy, vận tải chiến dịch cần nắm chắc nhiệm vụ; âm mưu, thủ đoạn đánh phá của địch và điều kiện địa bàn tác chiến; khả năng, sở trường, trường hợp vận dụng của các thành phần lực lượng vận tải kết hợp và sử dụng hợp lý: Giữa lực lượng vận tải trong biên chế, tăng cường với huy động tại KVPT; vận tải cơ giới và vận tải thô sơ - sức người (TSSN); vận tải chuyên nghiệp và không chuyên nghiệp; các loại phương tiện vận tải (ô tô, vận tải thủy, TSSN...). Thực hiện biện pháp này, việc lựa chọn lực lượng, phương tiện vận tải trong TCVC thường tiến hành theo phương án sau:

Giai đoạn chuẩn bị chiến dịch, sử dụng vận tải ô tô vận chuyển là chủ yếu, kết hợp tối đa vận tải thủy khi có điều kiện; sử dụng phương tiện TSSN ở địa hình phức tạp vận tải cơ giới không hoạt động hoặc yêu cầu bảo đảm bí mật. Đồng thời, tăng cường lực lượng vận tải bộ để làm nhiệm vụ xếp dỡ tại các kho, trạm hoặc tại vị trí tiếp chuyển, tận dụng tối đa phương tiện xếp dỡ nhằm giải phóng xe nhanh.

Giai đoạn thực hành chiến dịch, việc sử dụng các thành phần vận tải phải căn cứ vào đặc điểm, tính chất nhiệm vụ của từng lực lượng chiến đấu, đáp ứng yêu cầu vận chuyển kịp thời, đầy đủ, đồng bộ và bí mật. Đối với lực lượng cơ động tiến công, lực lượng quân, binh chủng sử dụng các loại phương tiện vận tải cơ giới có khả năng cơ động nhanh, tính việt dã cao theo HTVT đi cùng và vận tải đi thẳng để bổ sung vật chất;

sử dụng vận tải bộ chuyên nghiệp là chủ yếu chuyển tiếp vật chất, chuyển thương về tuyến sau hoặc chuyển tải lên ô tô. Đối với lực lượng phòng ngự, kết hợp vận tải ô tô, vận tải bộ và vận tải thủy (khi có điều kiện), đồng thời sử dụng vận tải chuyên nghiệp và vận tải huy động tại KVPT vận chuyển, trong đó vận tải chuyên nghiệp giữ vai trò nòng cốt, đảm nhiệm vận chuyển ở khu vực khó khăn, phức tạp.

Chiến tranh BVTQ trong tương lai (nếu xảy ra), bên cạnh các phương tiện vận tải hiện có, việc nghiên cứu trang bị các phương tiện vận tải hiện đại biên chế, trang bị cho chiến dịch là rất cần thiết. Thực tiễn các cuộc chiến tranh gần đây trên thế giới, xu hướng sử dụng ngày càng nhiều phương tiện không người lái (UAV), robot mặt đất (UGV) cho các nhiệm vụ trinh sát, tiến công các mục tiêu mặt đất, nghi binh, làm mờ mắt, vận tải. Tại Việt Nam, nhiều đơn vị đã nghiên cứu, sản xuất thành công UAV, UGV vận tải, tạo điều kiện từng bước trang bị, biên chế cho vận tải chiến dịch. Khi được biên chế UAV, UGV vận tải sẽ sử dụng chủ yếu vận chuyển vật chất kỹ thuật ở khu vực có mạng đường bộ khó khăn, phức tạp, khó tiếp cận; đồng thời có thể kết hợp vận chuyển với chiến đấu, trinh sát, giám sát kho bãi.

Hai là, kết hợp và vận dụng linh hoạt các HTVT bảo đảm cho chiến dịch. Vận dụng linh hoạt các HTVT, phù hợp với tính chất nhiệm vụ vận tải, khả năng, sở trường và điều kiện hoạt động cụ thể của lực lượng, phương tiện vận tải là biện pháp quan trọng, để TCVC phù hợp với quy mô, đặc điểm nhiệm vụ vận tải, giúp giải quyết mất cân đối, kịp thời vận chuyển vật chất kỹ thuật và thương binh cho các lực lượng tác chiến. Muốn vậy, vận tải chiến dịch cần kế thừa và vận dụng sáng tạo những HTVT trong CTGP, đồng thời, nghiên cứu phát triển những HTVT

mới phù hợp với từng giai đoạn của CDPN trong chiến tranh BVTQ.

Trong giai đoạn chuẩn bị trực tiếp, vận tải chiến dịch tiếp nhận vật chất của trên bờ sung, vận chuyển vật chất từ kho chiến dịch bổ sung cho các đơn vị một phần vật chất dự trữ chiến đấu cho đơn vị và theo yêu cầu xây dựng trận địa phòng ngự. Vận tải chiến dịch vận dụng HTVT đi thẳng là chủ yếu kết hợp với hình thức theo cung và con thoi (nếu có điều kiện). Để vận dụng các HTVT hiệu quả, cần chuẩn bị chu đáo, toàn diện các mặt bảo đảm cho vận tải; làm tốt công tác hiệp đồng vận chuyển; nắm chắc tình hình tuyến đường; âm mưu, thủ đoạn đánh phá của địch; phương án xử lý tình huống. Khi vận dụng hình vận tải theo cung, cần chú trọng việc sử dụng lực lượng vận tải ở các cung, công tác hiệp đồng trong chuyển tải, giao nhận, xếp dỡ. Trong trường hợp khối lượng vật chất lớn, cự ly ngắn thì vận dụng HTVT con thoi. Đồng thời, phải thực hiện tốt công tác tổ chức chỉ huy đội hình vận chuyển; tính toán thời gian và hiệp đồng giao nhận, xếp dỡ chặt chẽ.

Trong giai đoạn thực hành chiến dịch, vận tải chiến dịch vận chuyển vật chất từ căn cứ, phân căn cứ hậu cần của chiến dịch, kho của hậu cần KVPT... để bổ sung tại vị trí triển khai hậu cần, sẵn sàng vượt cung vận chuyển bổ sung vật chất vượt cấp cho các đơn vị, vận chuyển thương binh của tuyến dưới,... Hoạt động vận chuyển tiến hành trong điều kiện rất khó khăn, ác liệt, diễn biến phức tạp; lực lượng và phương tiện vận tải có thể bị tổn thất, hư hỏng. Vì vậy, tùy theo nhiệm vụ, cách đánh, nhu cầu BĐHC của từng lực lượng chiến đấu để vận dụng các HTVT phù hợp. Đối với lực lượng phòng ngự, kết hợp HTVT đi thẳng với theo cung, phù hợp với khả năng sở trường của từng thành phần lực lượng vận tải. Đối với lực lượng tác chiến vòng ngoài, cơ động

tiến công và quân, binh chủng vận dụng hình thức đi thẳng vượt cấp một phần đạn, thương binh. Trong trường hợp cần thiết, tổ chức HTVT tiếp sức cho hướng phòng ngự chủ yếu, khu vực phòng ngự then chốt và khi chiến dịch chuyển hóa thế trận nhằm kịp thời bổ sung vật chất, vận chuyển thương binh về tuyến sau.

Ba là, tổ chức hiệp đồng giao nhận chặt chẽ; nâng cao khả năng bảo đảm, bảo vệ vận tải. Tổ chức vận chuyển CDPN liên quan đến nhiều thành phần lực lượng. Tổ chức hiệp đồng giao nhận chặt chẽ là nội dung quan trọng nhằm bảo đảm nhịp nhàng, đúng nguyên tắc, an toàn và tiết kiệm thời gian, nâng cao hiệu quả TCVC đáp ứng yêu cầu vận chuyển kịp thời, đầy đủ nhu cầu HCKT cho các đơn vị chiến đấu. Ngoài hiệp đồng chung theo kế hoạch của chủ nhiệm HC-KT, căn cứ vào kế hoạch vận tải, vận tải chiến dịch chủ động hiệp đồng với các kho, trạm (nhận, giao) về khối lượng, thời gian, địa điểm nhận, giao vật chất, số lượng thương bệnh binh; thống nhất nguyên tắc, hình thức, phương pháp giao nhận; trách nhiệm xếp (dỡ). Với sự phát triển của khoa học kỹ thuật hiện nay, ngay từ thời bình vận tải chiến dịch nghiên cứu ứng dụng các công nghệ hiện đại trong chỉ huy, hiệp đồng vận tải, như: Hệ thống thông tin chỉ huy số (C4ISR, mạng truyền tin bảo mật), công nghệ định vị và giám sát, trí tuệ nhân tạo (để phân tích dữ liệu nhanh và chính xác). Đồng thời, kết hợp với sử dụng máy vi tính, ứng dụng các phần mềm nhận dạng mã vạch hoặc phần mềm quản lý được lập trình, cài đặt sẵn để thực hành giao nhận nhanh chóng, nâng cao năng suất giao nhận, xếp (dỡ).

Tổ chức vận chuyển CDPN trên địa bàn rộng, vận tải là mục tiêu trọng điểm trình sát, đánh phá của địch bằng nhiều các loại vũ khí khác nhau (không quân, pháo binh, thám báo, biệt kích, hóa học, UAV...) gây khó

khăn trong bảo đảm, bảo vệ vận tải. Vì vậy, vận tải chiến dịch cần tuyệt đối giữ bí mật; đội hình vận chuyển tổ chức theo các quy mô linh hoạt; kết hợp nguy trang truyền thống với nguy trang bằng các phương tiện hiện đại, vật liệu mới. Chủ động hiệp đồng, phối hợp với các lực lượng bảo vệ vận tải: Với lực lượng thông tin, tác chiến điện tử nắm tình hình trên tuyến vận chuyển và “làm mù” khả năng trinh sát quang học, hồng ngoại, điện tử của địch; với lực lượng công binh các cấp để bảo đảm mạng đường vận tải thông suốt; với bộ đội phòng không, không quân và bộ binh hỗ trợ, tham gia tiêu diệt địch (trên không, mặt đất) bảo vệ giao thông và đội hình vận chuyển; hiệp đồng huy động lực lượng thanh niên xung phong, dân quân tự vệ và nhân dân tham gia các hoạt động bảo đảm giao thông, bảo vệ vận tải.

Chiến tranh BVTQ tương lai (nếu xảy ra), tổ chức vận chuyển CDPN sẽ gặp rất nhiều khó khăn và phức tạp. Trên cơ sở dự báo đối tượng tác chiến, sự phát triển của nghệ thuật và lý luận BĐHC, cùng với những yếu tố thuận lợi và kinh nghiệm trong CTGP, bài viết đã đề cập một số biện pháp chủ yếu trong tổ chức vận chuyển CDPN. Quá trình thực hiện đòi hỏi sự vận dụng linh hoạt, sáng tạo, sát tình hình thực tiễn của mỗi chiến dịch♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tổng Tham mưu (2019), *Bảo đảm hậu cần trong chiến dịch phòng ngự*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Bộ Tổng Tham mưu (2019), *Nghệ thuật chiến dịch phòng ngự*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Tổng cục Hậu cần (2001), *Tổng kết công tác hậu cần trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975)*, Hà Nội.
4. Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam (2003), *Tổng kết chiến dịch trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (1945 - 1975)*, Hà Nội.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM VẬT CHẤT HẬU CẦN, KỸ THUẬT CHO LỰC LƯỢNG VŨ TRANG ĐỊA PHƯƠNG ĐÁNH ĐỊCH TIẾN CÔNG ĐƯỜNG BỘ TRONG TÁC CHIẾN PHÒNG THỦ TỈNH

Thượng tá, TS. NGUYỄN THÀNH TRUNG
Chánh Văn phòng, Học viện Hậu cần

ABSTRACT: Based on theoretical and practical research and influencing factors, in the article are proposed several major contents and solutions for logistic and technical material provision for local armed forces attacking enemy ground assaults in Northern province-level and military region defensive operations.

I. TÓM TẮT

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận, thực tiễn và các yếu tố liên quan tác động. Bài viết đề xuất một số nội dung, giải pháp chủ yếu trong bảo đảm vật chất hậu cần, kỹ thuật (VCHC,KT) cho lực lượng vũ trang (LLVT) địa phương đánh địch tiến công đường bộ trong tác chiến phòng thủ tỉnh, quân khu phía Bắc.

II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tác chiến phòng thủ tỉnh là hoạt động tác chiến tổng hợp, do quân và dân trên địa bàn tỉnh tiến hành, nhằm tiêu hao, tiêu diệt rộng rãi, kìm giữ, phân tán lực lượng địch bảo vệ vững chắc địa bàn tỉnh; tạo thế và thời cơ cho cấp trên tiến công, phản công tiêu diệt địch. Để hoàn thành nhiệm vụ, cần giải quyết đồng bộ các khâu, các mặt công tác; trong đó, bảo đảm kịp thời, đầy đủ VCHC,KT cho LLVT đánh địch tiến công đường bộ giữ vai trò quan trọng. Thực tiễn, trong chiến tranh giải phóng, bảo đảm VCHC,KT cho LLVT địa phương đánh địch tiến công đường bộ đã để lại một số kinh nghiệm quý. Tuy nhiên, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc tương lai (nếu xảy ra) có những thay đổi, phát triển. Vì vậy, cần có giải pháp bảo đảm VCHC,KT đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Đối tượng địch tiến công đường bộ vào khu vực phòng thủ (KVPT) tỉnh quân khu phía Bắc là lữ đoàn bộ binh (BBCG, kỵ binh đường không), kết hợp với lực lượng phản động nội địa và phản động lưu vong. Mục đích của chúng là đánh chiếm các vị trí quan trọng, các trung tâm chính trị, kinh tế, xã hội, KVPT then chốt, căn cứ chiến đấu, căn cứ hậu phương hòng xóa bỏ chính quyền và LLVT địa phương, từ đó tạo điều kiện cho cấp trên thực hiện các mục tiêu tiến công tiếp theo vào sâu lãnh thổ nước ta. Địch có trang bị hiện đại, sử dụng vũ khí công nghệ cao, tác chiến điện tử rộng rãi, tập trung hỏa lực với độ chính xác cao. Do vậy, chiến đấu diễn ra rất ác liệt, nhiều tình huống phức tạp; việc bảo đảm VCHC-KT cho LLVT địa phương gặp nhiều khó khăn, phức tạp.

Thực hiện nhiệm vụ phòng thủ, khi chuyển sang thời chiến, LLVT tỉnh quân khu phía Bắc được khôi phục mở rộng biên chế, từng bước triển khai theo quyết tâm tác chiến KVPT. Khi địch tiến công đường bộ vào địa bàn, LLVT địa phương tổ chức nhiều thành phần lực lượng (chiến đấu phía trước; chiến đấu bám trụ khi địch tràn

qua; đánh địch trong KVPT then chốt...). Đồng thời, vận dụng linh hoạt các hình thức chiến thuật, thủ đoạn chiến đấu, bảo vệ vững chắc các mục tiêu trọng yếu, giữ vững thế ổn định của KVPT tỉnh. Như vậy, hậu cần, kỹ thuật (HC-KT) quân sự địa phương phải bảo đảm cho nhiều nhiệm vụ, nhiều lực lượng; địa bàn rộng, dễ bị chia cắt giữa các khu vực; khối lượng VCHC-KT bảo đảm lớn, nhiều chủng loại.

Để bảo đảm kịp thời VCHC,KT cho LLVT địa phương đánh địch tiến công đường bộ hiệu quả, HC-KT quân sự địa phương tỉnh cần thực hiện tốt một số giải pháp chủ yếu sau:

Một là, chủ động chuẩn bị vật chất, bố trí kho trạm HC-KT, đường vận tải ngay từ thời bình. Hậu cần - kỹ thuật quân sự địa phương cần tham mưu cho hậu cần KVPT, kết hợp chặt chẽ các thành phần lực lượng hậu cần trong KVPT để chuẩn bị VCHC-KT bảo đảm cho tác chiến phòng thủ; đặc biệt, là bảo đảm cho LLVT địa phương phòng ngự vững chắc, giữ vững KVPT then chốt. Chuẩn bị tốt vật chất dự trữ theo quy định của Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục HC-KT và của quân khu. Tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương chỉ đạo, điều hành các ngành xây dựng đầy đủ kế hoạch bảo đảm cho tác chiến phòng thủ; làm tốt việc tạo nguồn VCHC,KT trên cơ sở phát huy thế mạnh của từng vùng, từng ngành, từng tổ chức. Đồng thời, tổ chức diễn tập KVPT tỉnh hàng năm (theo kế hoạch) để đánh giá và rút kinh nghiệm kịp thời.

Trên cơ sở quy hoạch quốc phòng và quy hoạch tổng thể của địa phương từ thời bình, tổ chức điều tra nắm vững tình hình kinh tế, xã hội; từng bước chuẩn bị các công trình HC-KT, xây dựng mới hoặc cải tạo kho dự trữ vật chất của cả quân sự địa phương và các ngành kinh tế, xã hội; có kế hoạch tận dụng các cơ sở có sẵn tại chỗ,

như kho, trạm của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, trường học. Tùy theo tình hình cụ thể ở một số nơi trong tỉnh có thể xây dựng một số cơ sở sản xuất chế biến lương thực, thực phẩm, sửa chữa phương tiện kỹ thuật dân dụng phục vụ sản xuất, sẵn sàng cung cấp vật chất khi có chiến tranh. Kết hợp kinh tế, xã hội với quốc phòng, an ninh trong chuẩn bị mạng đường giao thông vừa phục vụ kinh tế dân sinh, vừa sẵn sàng đáp ứng nhu cầu cơ động, vận chuyển phương tiện, vật chất của LLVT địa phương trong thời chiến; có kế hoạch làm mới, sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường (thủy, bộ), bến, bãi tập kết vật chất...

Hai là, kết hợp chặt chẽ dự trữ VCHC,KT trong LLVT với dự trữ trong các ngành kinh tế, xã hội và hậu cần nhân dân cơ sở tạo thành hệ thống dự trữ liên hoàn, rộng khắp, có trọng điểm, có chiều sâu. Khi tiến hành tiến công đường bộ, địch sẽ thực hiện cô lập, chia cắt giữa các hướng, khu vực trên địa bàn KVPT, đánh phá ác liệt các cơ sở kinh tế, quân sự tạo thế tiến công thuận lợi, nên khả năng chi viện, bảo đảm cho các lực lượng gặp khó khăn. Mặt khác, LLVT được tổ chức thành nhiều lực lượng, có lực lượng tập trung ở các KVPT then chốt, hướng phòng thủ chủ yếu, có lực lượng hoạt động tác chiến phân tán, nhỏ lẻ... nên HC-KT khu vực phòng thủ phải bảo đảm trên địa bàn rộng, thời gian kéo dài, bảo đảm cho nhiều nhiệm vụ, nhiều lực lượng, tác chiến linh hoạt với các hình thức, quy mô khác nhau. Vì vậy, để dự trữ bảo đảm kịp thời cho LLVT địa phương trong mọi tình huống, cần phải huy động được nguồn VCHC,KT từ các ngành kinh tế, xã hội địa phương, sự ủng hộ, đóng góp của các tổ chức đoàn thể quần chúng và nhân dân trong tỉnh. Thực tiễn, trong chiến dịch Biên giới 1950, tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn đã huy động mọi nguồn

lực của địa phương, tiến hành thu gom tại chỗ được trên 100 tấn gạo, 70 tấn ngô, cùng trâu, bò, lợn, gà và thực phẩm khác. Huy động 121.700 lượt người đi dân công; tổ chức tiếp nhận 6 xe tải hoạt động vận chuyển mìn, lựu đạn và vũ khí do quân giới sản xuất cung cấp cho LLVT địa phương. Với sự vào cuộc chủ động chuẩn bị, tạo nguồn bảo đảm VCHC-KT của các cấp, các ngành, đoàn thể đã góp phần bảo đảm cho LLVT địa phương hai tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn chiến đấu kiên cường, cùng với các đơn vị chủ lực bảo đảm cho chiến dịch giành thắng lợi.

Đối với HC-KT quân sự địa phương tỉnh dự trữ theo chỉ lệnh sẵn sàng chiến đấu theo quy định của Bộ Quốc phòng. Các ngành kinh tế, xã hội địa phương dự trữ VCHC,KT vừa bảo đảm cho đời sống dân sinh vừa bảo đảm được ngay cho các nhiệm vụ khi tác chiến xảy ra. Với các loại vật chất: Lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm có thể dự trữ trong các kho của các ngành kinh tế, xã hội địa phương. Các loại thuốc men và dụng cụ y tế, ngoài việc tiếp nhận vật chất của cấp trên theo ngành để cứu chữa thường xuyên cho nhân dân, ở các trạm y tế xã, phường, công, nông, lâm trường tổ chức dự trữ các cơ sở thuốc bảo đảm cho LLVT địa phương khi có tình huống; nắm tình hình các trạm bán xăng dầu của nhà nước, các ngành kinh tế, xã hội trên địa bàn để đăng ký khả năng huy động nhằm sẵn sàng huy động, bảo đảm cho tác chiến.

Để thực hiện tốt giải pháp, HC-KT quân sự địa phương tỉnh đề xuất với chỉ huy trưởng tham mưu cho cấp ủy đảng, chính quyền địa phương giáo dục đường lối quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân, hậu cần toàn dân; tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực tham gia xây dựng lượng dự trữ VCHC,KT theo phân công;

tích cực xây dựng hậu cần KVPT. Kết hợp chặt chẽ dự trữ VCHC,KT trong LLVT với dự trữ vật chất của ngành kinh tế, xã hội, xây dựng hệ thống dự trữ liên hoàn từ trên xuống đơn vị cơ sở.

Ba là, bổ sung đủ nhu cầu vật chất quốc phòng cho các lực lượng trước từng trận đánh và tổ chức lót trước vật chất vào các khu vực bí mật, nơi dự kiến triển khai lực lượng cơ động tiến công, đánh địch rộng khắp. Lực lượng vũ trang địa phương tham gia phối hợp với bộ đội chủ lực trong các chiến dịch, các trận đánh then chốt với số lượng lớn. Đây cũng là lực lượng chủ yếu của tác chiến phòng thủ tỉnh, có yêu cầu bảo đảm cao, là đối tượng mà hậu cần - kỹ thuật KVPT phải tập trung bảo đảm. Lực lượng cơ động tiến công và đánh địch rộng khắp phải thường xuyên cơ động nên khả năng dự trữ, mang theo vật chất thường hạn chế. Bổ sung VCHC-KT cho lực lượng cơ động tiến công, đánh địch rộng khắp ở từng vị trí phù hợp là giải pháp giải quyết mâu thuẫn giữa khả năng mang theo hạn chế với yêu cầu bảo đảm kịp thời, đầy đủ các loại VCHC,KT cho LLVT địa phương cơ động tiến công.

Bổ sung các loại vật chất cho lực lượng cơ động tiến công, đánh địch rộng khắp có thể được tiến hành ở nhiều vị trí. Khu vực bố trí chiến đấu (có thể là tạm dừng) là nơi lực lượng cơ động giấu quân để chờ thời cơ nên có thể ở đó một thời gian nhất định. Vì vậy, bổ sung đủ nhu cầu trận đánh cho lực lượng cơ động tại khu bố trí chiến đấu sẽ ít ảnh hưởng đến khả năng cơ động của đơn vị.

Trên cơ sở quy định dự trữ, nhu cầu trận đánh và lượng VCHC,KT hiện có; hậu cần - kỹ thuật KVPT xác định phương án bổ sung phù hợp. Ở khu vực này, hậu cần - kỹ thuật KVPT chủ yếu sử dụng vật chất dự trữ ở các kho gần đó để bổ sung.

Trường hợp kho chưa lập đủ lượng dự trữ quy định hoặc đơn vị ở khu bố trí chiến đấu thời gian dài, HC-KT khu vực phòng thủ có thể kết hợp với lượng vật chất tiếp nhận của trên, của các lực lượng hậu cần trong KVPT để bảo đảm. Đối với các vật chất khác, tùy vào điều kiện tác chiến cụ thể có thể bổ sung trước một phần cho các đơn vị, lượng có lại tiếp tục tiến hành bổ sung trong quá trình tác chiến.

Lực lượng vũ trang địa phương thường phân tán, tác chiến nhỏ lẻ trên địa bàn rộng và làm nhiệm vụ chiến đấu trên các hướng, khu vực, trong đó có hướng tác chiến chủ yếu, khu vực đánh địch đổ bộ đường không, KVPT then chốt, nên lượng vật chất bảo đảm phân tán nhiều hướng, nhiều khu vực. Do đó, quá trình bảo đảm các loại VCHC,KT, quân sự địa phương tỉnh phải tổ chức lót trước vật chất ở một số khu vực dự kiến đánh địch. Đây là biện pháp có hiệu quả, nhằm giải quyết mâu thuẫn giữa khả năng với nhu cầu vật chất cần bổ sung của LLVT địa phương.

Bốn là, hậu cần - kỹ thuật quân sự địa phương cần thực hiện tốt chức năng tham mưu, giúp chỉ huy trưởng tham mưu cho cấp ủy đảng, chính quyền địa phương lãnh đạo, điều hành, xây dựng và bảo đảm VCHC,KT cho tác chiến KVPT. Hậu cần - kỹ thuật quân sự địa phương cần tham mưu cho hậu cần - kỹ thuật KVPT và giúp chỉ huy trưởng tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương về công tác HC-KT. Để thực hiện tốt bảo đảm VCHC,KT cho LLVT địa phương tỉnh tác chiến, HC-KT quân sự địa phương tỉnh phải phát huy tốt vai trò tham mưu giúp chỉ huy trưởng tham mưu cho cấp ủy đảng, chính quyền địa phương lãnh đạo, điều hành, xây dựng và bảo đảm VCHC,KT.

Trên cơ sở các nội dung kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với quốc phòng, an ninh

bảo đảm cho tác chiến, HC-KT quân sự địa phương tỉnh thực hiện chức năng tham mưu theo phạm vi trách nhiệm trên cơ sở phương án bảo đảm HC,KT cho tác chiến. Cung cấp kịp thời, đầy đủ các yếu tố cần thiết về HC-KT để chỉ huy quân sự địa phương tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương đề ra nội dung, giải pháp lãnh đạo, điều hành các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể và các ngành kinh tế, xã hội địa phương trong tổ chức huy động nguồn lực bảo đảm cho tác chiến phòng thủ. Đối với lực lượng dân quân tự vệ, HC-KT quân sự địa phương cần giúp chỉ huy quân sự địa phương tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương và hội đồng cung cấp KVPT phân chia dự trữ vật chất bảo đảm cho dân quân tự vệ chiến đấu và chi viện bảo đảm cho các lực lượng khác chiến đấu trên địa bàn.

IV. KẾT LUẬN

Đánh địch tiến công đường bộ vào KVPT tỉnh quân khu phía Bắc có nhiều tình huống phức tạp, địa hình dễ bị chia cắt, tính biến động cao... Vì vậy, HC-KT quân sự địa phương cần vận dụng linh hoạt, sáng tạo các giải pháp trên vào điều kiện từng tỉnh, để bảo đảm kịp thời mọi nhu cầu VCHC,KT cho LLVT địa phương thực hiện thắng lợi nhiệm vụ được giao♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tổng Tham mưu (2018), *Bảo đảm hậu cần trong tác chiến phòng thủ quân khu*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Chính phủ (2019), *Nghị định số 21 về KVPT*, Hà Nội.
3. Học viện Hậu cần (2012), *Bảo đảm hậu cần cho LLVT địa phương tác chiến phòng thủ tỉnh, thành phố*, Nxb QĐND, Hà Nội.
4. Tổng cục Kỹ thuật (2020), *Bảo đảm kỹ thuật tác chiến phòng thủ tỉnh, thành phố*, Nxb QĐND, Hà Nội.

GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG QUẢN LÝ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHI THƯỜNG XUYÊN TẠI LỮ ĐOÀN 454, QUÂN KHU 3

Đại úy, ThS. LÊ THỊ DIỆU LINH
Khoa Tài chính, Học viện Hậu cần

Quản lý ngân sách (QLNS) nhà nước chi thường xuyên là hoạt động có vai trò rất quan trọng trong điều hành tài chính ở các đơn vị quân đội nói chung, tại Lữ đoàn 454 nói riêng. Nâng cao chất lượng QLNS chi thường xuyên sẽ góp phần sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính, bảo đảm đầy đủ tài chính cho Lữ đoàn hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ được giao.

Lữ đoàn 454 là đơn vị pháo binh cấp chiến dịch của Quân khu 3 có nhiệm vụ huấn luyện sẵn sàng chiến đấu và thực hiện các nhiệm vụ khác của quân khu khi có tình huống xảy ra. Đối với công tác tài chính, Lữ đoàn 454 là đơn vị dự toán cấp 4 trực thuộc đơn vị dự toán cấp 2, là đầu mối trực tiếp chi tiêu quản lý ngân sách được phân cấp. Trong thời gian qua dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Quân khu 3 và sự chỉ đạo, hướng dẫn trực tiếp của Phòng Tài chính - Quân khu 3, Lữ đoàn đã thực hiện tương đối tốt việc quản lý ngân sách (QLNS) nói chung và QLNS Nhà nước chi thường xuyên nói riêng, bảo đảm các khoản chi ngân sách luôn tuân thủ pháp luật, công khai, minh bạch, điều hành dự toán ngân sách toàn diện, chặt chẽ theo quy định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng. Công tác kiểm soát chi của cơ quan tài chính không ngừng được nâng cao, đảm bảo mọi khoản chi đúng chế độ chính sách, định mức quy định. Tuy nhiên, công tác QLNS chi thường xuyên của Lữ đoàn còn gặp không ít khó khăn, một số nội dung chưa đáp ứng được nhu cầu thực tiễn như: Chỉ tiêu dự toán ngân sách của các ngành có năm chưa bám sát thực tế nhiệm vụ được giao; phân bổ ngân sách còn phải điều chỉnh bổ sung; hồ

sơ trong chi tiêu ngân sách có ngành còn chưa đầy đủ, thiếu thủ tục.

Những hạn chế này đã tác động không nhỏ đến chất lượng, hiệu quả QLNS Nhà nước chi thường xuyên tại Lữ đoàn 454. Để nâng cao chất lượng QLNS chi thường xuyên tại Lữ đoàn 454, trong thời gian tới, Lữ đoàn cần tập trung một số giải pháp trọng tâm sau:

Một là, tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy và chỉ huy Lữ đoàn trong công tác QLNS; đồng thời, quán triệt và thực hiện nghiêm quy định của Nhà nước, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng, Quân khu 3 về công tác QLNS chi thường xuyên tại Lữ đoàn 454. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của cấp ủy Đảng và chỉ huy Lữ đoàn là nhân tố quyết định đảm bảo cho công tác tài chính đơn vị hoạt động đúng nguyên tắc, hiệu quả, phát huy được vai trò tác dụng của nó trong thực hiện các nhiệm vụ của đơn vị. Để tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng và chỉ huy đơn vị đối với công tác QLNS chi thường xuyên tại Lữ đoàn, cần tiếp tục quán triệt, thực hiện nghiêm các nghị quyết, chỉ thị của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng về công tác tài chính, nhất là nghị quyết số 1661-NQ/QUTW, ngày 20/12/2022 về lãnh đạo công tác tài chính đến năm 2030; Quy chế số 616-QC/QUTW, ngày 29/9/2021 về

tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của cấp ủy, chỉ huy các cấp về công tác tài chính trong Quân đội; Chỉ thị số 95/CT-BQP, ngày 11/8/2023 về tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong chấp hành pháp luật về tài chính, ngân sách trong Quân đội và tăng cường quán triệt các quy chế liên quan đến lãnh đạo công tác tài chính của quân khu cũng như các văn bản của Bộ, Quân khu về việc triển khai thực hiện dự toán ngân sách năm. Bên cạnh đó, cấp ủy Đảng và chỉ huy đơn vị cần quan tâm, lãnh đạo chặt chẽ, tập trung, đảm bảo đúng nguyên tắc, chế độ quy định về công tác QLNS. Chỉ đạo đổi mới hoạt động của cơ quan tài chính tiếp tục thực hiện đồng bộ Đề án đổi mới cơ chế quản lý tài chính trong Quân đội phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ được giao, xây dựng và thực hiện quy chế lãnh đạo về công tác tài chính; đồng thời, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, kỷ luật tài chính trong quá trình QLNS chi thường xuyên ở tất cả các ngành. Trên cơ sở các cơ chế, chính sách hiện hành về công tác tài chính, cấp ủy, chỉ huy tại Lữ đoàn cần nêu cao vai trò lãnh đạo, điều hành hoạt động công tác tài chính, đảm bảo thống nhất, chặt chẽ từ khâu lập dự toán ngân sách, chấp hành ngân sách cho đến quyết toán ngân sách. Tiến hành giao ngân sách cùng với giao nhiệm vụ, đẩy mạnh công khai nguồn kinh phí ở các cấp, tăng cường phân cấp ngân sách cho cấp trực tiếp chi tiêu, tạo sự minh bạch trong quá trình QLNS.

Hai là, nâng cao chất lượng lập dự toán ngân sách. Công tác lập dự toán ngân sách ở Lữ đoàn đòi hỏi phải bám chắc những căn cứ như: Phương hướng nhiệm vụ của từng ngành, đơn vị; tổ chức biên chế; quân số; trang bị; chế độ; tiêu chuẩn; định mức. Những căn cứ để lập dự toán có loại phải dự tính, dự báo tương đối khoa học và chính xác, như: Quân số, định hướng nhiệm vụ, nội dung, mức độ công tác, có

loại phải tuân thủ những định mức, chế độ, tiêu chuẩn mang tính tương đối ổn định. Bên cạnh đó, đơn vị cần coi trọng việc tổng kết rút kinh nghiệm từ công tác lập dự toán ngân sách của những năm trước để lập dự toán ngân sách năm kế hoạch có độ chính xác cao. Để thực hiện được nội dung này, ngành tài chính Lữ đoàn cần phối hợp chặt chẽ với các ngành nghiệp vụ để nắm bắt phương hướng, nhiệm vụ dự báo của từng ngành trong năm dự toán, tổng hợp và chủ động tham mưu cho cấp ủy, chỉ huy đơn vị thực hiện lập dự toán ngân sách trên cơ sở bao quát được các nhiệm vụ chi. Bên cạnh đó, ngành tài chính Lữ đoàn phải bám sát quân số, nhiệm vụ, tình hình của đơn vị để điều chỉnh dự toán ngân sách sát, đúng với yêu cầu nhiệm vụ, bảo đảm đầy đủ, kịp thời các chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức theo quy định hiện hành và đẩy nhanh tiến độ giải ngân các nguồn kinh phí; quản lý dự toán ngân sách và các loại kinh phí bảo đảm đúng quy định, chặt chẽ, khoa học, tiết kiệm, hiệu quả.

Ba là, thực hiện phân công trách nhiệm trong chi ngân sách đối với ngành nghiệp vụ tại Lữ đoàn. Công tác QLNS chi thường xuyên tại các ngành nghiệp vụ có được thực hiện đúng quy định của pháp luật, tuân thủ đúng trình tự, thủ tục, nguyên tắc quản lý chi và đảm bảo công khai minh bạch hiệu quả hay không phụ thuộc rất lớn vào việc phân công cán bộ nhân viên tài chính phụ trách QLNS ngành, quy chế làm việc và quy định trách nhiệm trong công tác quản lý. Vì vậy, cơ quan tài chính cần tham mưu cho chỉ huy Lữ đoàn phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn mối quan hệ công tác ở từng khâu, từng bước, từng bộ phận sẽ góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, hạn chế tình trạng sai phạm, thiếu trách nhiệm hoặc buông lỏng quản lý trong chi ngân sách ngành. Mặt khác, đội ngũ cán bộ, nhân viên tài chính, nhân viên phụ trách chi tiêu ngành

đóng vai trò là chủ thể trực tiếp quản lý, sử dụng ngân sách ngành. Để công tác QLNS chi thường xuyên có hiệu quả, Lữ đoàn cần sắp xếp, bố trí cán bộ, nhân viên tài chính phải có đủ năng lực, trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức tốt để đảm nhận việc kiểm soát chi tiêu ngân sách của các ngành nghiệp vụ tại Lữ đoàn. Cùng với đó, do yếu tố đặc thù của từng ngành khác nhau nên đòi hỏi cán bộ, nhân viên tài chính không chỉ có trình độ chuyên môn về QLNS mà còn phải có hiểu biết về nghiệp vụ chuyên môn từng ngành, nắm bắt kịp thời về giá cả vật chất ngành, có như vậy mới phục vụ tốt công tác QLNS ngành. Cán bộ, nhân viên tài chính cũng cần có phương pháp, tác phong công tác và kĩ năng giải quyết vấn đề, là cơ sở để cán bộ tham gia QLNS ngành thực hiện đúng kỉ cương, kỉ luật, đảm bảo mọi khoản chi tiêu ngân sách được sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả.

Bốn là, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tài chính tại Lữ đoàn. Để hoạt động kiểm tra, giám sát tài chính tại Lữ đoàn đạt hiệu quả cao hơn nữa, cần đảm bảo tập vào các khâu chủ yếu, như: Kiểm tra, kiểm soát quá trình lập dự toán ngân sách, kiểm soát trong chi tiêu, sử dụng ngân sách và quyết toán ngân sách. Để công tác kiểm tra, giám sát tài chính trong các khâu trên phát huy hiệu quả cao, trước hết, Lữ đoàn 454 cần thực hiện tốt hơn nữa việc quán triệt, giáo dục, tuyên truyền, tạo sự thống nhất về nhận thức đúng đắn đối với công tác kiểm tra, giám sát tài chính; kiện toàn hệ thống kiểm tra, giám sát; xây dựng cơ chế kiểm tra, kiểm soát, giám sát tài chính chặt chẽ và sử dụng phương pháp kiểm tra, giám sát tài chính phù hợp. Cơ quan tài chính lữ đoàn cần phát huy hơn nữa công tác kiểm tra, giám sát, đặc biệt là trong quá trình chi tiêu, sử dụng ngân sách của các ngành; tham mưu cho thủ trưởng đơn vị, chủ trì xây dựng nội dung hướng dẫn công tác chi tiêu

của các ngành, hoàn thiện quy trình kiểm tra, giám sát đặc biệt là trong việc thực hiện tạm ứng, thanh toán cho các ngành để đảm bảo cho nhân viên tài chính và các cán bộ có liên quan nắm vững trách nhiệm và quy trình sử dụng ngân sách ngành một cách chặt chẽ; thường xuyên kiểm tra, giám sát trong quá trình các ngành thực hiện chi tiêu này để đảm bảo việc chi tiêu phù hợp với chế độ, tiêu chuẩn, định mức, đầy đủ hồ sơ pháp lý theo quy định, kịp thời khắc phục những thiếu sót phát sinh.

Năm là, xây dựng chương trình hành động về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại Lữ đoàn phù hợp với tình hình thực tiễn. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THTK, CLP) tại Lữ đoàn phải thực hiện theo đúng quy định của Luật THTK, CLP, bám sát Quyết định của Tư lệnh Quân khu về việc ban hành Chương trình hành động của Bộ Tư lệnh Quân khu về THTK, CLP giai đoạn 2021 - 2025. Chương trình phải bảo đảm tính toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm; các chỉ tiêu THTK, CLP trong các lĩnh vực phải được lượng hoá tối đa, phù hợp với tình hình thực tế, bảo đảm thực chất, có cơ sở cho việc đánh giá, kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện theo quy định. Đề cao tính gương mẫu của Đảng ủy, chỉ huy Lữ đoàn và toàn thể đảng viên, quần chúng trong THTK, CLP; nâng cao nhận thức trách nhiệm cho cán bộ, nhân viên và người lao động trong việc chấp hành nguyên tắc tài chính, sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả ngân sách, tài sản của Nhà nước và Quân đội. Mặt khác, cần xác định đúng tiêu chí, chỉ tiêu tiết kiệm cụ thể, tổ chức thực hiện đúng trọng tâm, trọng điểm, thường xuyên, gắn với việc thực hiện Kế hoạch số 925-KH/QUTW, ngày 01/3/2022 của Ban Thường vụ Quân ủy Trung ương thực hiện Kết luận số 21-KL/TW, ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ

thống chính trị; Chỉ thị số 97/CT-BQP, ngày 07/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua xây dựng “Đơn vị quản lý tài chính tốt”. Bên cạnh đó, Lữ đoàn cần tăng cường trách nhiệm của người chỉ huy, vai trò kiểm soát của mọi quân nhân và trách nhiệm của cơ quan tài chính trong quản lý trước, trong và sau chi ngân sách, bảo đảm việc sử dụng tài chính, vốn nhà nước, tài sản công trong đơn vị hiệu quả, đúng quy định của Nhà nước, Bộ Quốc phòng. Triển khai đồng bộ các giải pháp bằng các cơ chế, chế tài cụ thể gắn với mục tiêu THPT, CLP trong quản lý sử dụng ngân sách; tăng cường công khai, minh bạch, thực hiện phòng, chống lãng phí ngay từ khâu xác định nhiệm vụ; chủ động rà soát các chính sách, nhiệm vụ, tránh trùng lặp; sắp xếp thứ tự ưu tiên các khoản chi theo mức độ cấp thiết, quan trọng và kết quả thực hiện các chính sách, nhiệm vụ giai đoạn 2021 - 2025. Thực hiện công khai minh bạch để tạo điều kiện cho việc thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát THPT, CLP; người đứng đầu sử dụng ngân sách nhà nước phải thực hiện và chịu trách nhiệm công khai đúng quy định của Luật THPT, CLP và các Luật chuyên ngành.

Sáu là, bồi dưỡng, nâng cao năng lực thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, nhân viên ngành tài chính Lữ đoàn. Trước hết, đối với Lữ đoàn, cần bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; nâng cao phẩm chất đạo đức, nhận thức chính trị, mở rộng sự hiểu biết về các mặt công tác khác đối với cán bộ, nhân viên ngành tài chính. Trong đó có thể sử dụng nhiều hình thức, biện pháp khác nhau như: Tổ chức các lớp tập huấn chuyên môn tài chính tại đơn vị; cử cán bộ nhân viên ngành tài chính tham gia các lớp tập huấn bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, đặc biệt là các lớp tập huấn phần mềm, chế độ kế toán do cấp trên tổ chức; bố trí những đồng chí vững vàng về chuyên

môn, nghiệp vụ tài chính phụ trách chi tiêu ngành. Đối với cán bộ, nhân viên ngành tài chính cần chủ động nghiên cứu nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng tin học, quán triệt nghiêm túc các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, luật pháp của Nhà nước, điều lệ, quy định của quân đội liên quan đến công tác tài chính. Đồng thời, cán bộ nhân viên ngành tài chính phải có nhận thức đúng đắn, nắm vững nguyên tắc, kỷ luật và chuyên môn nghiệp vụ tài chính, nắm vững các hướng dẫn về công tác chuyên môn nghiệp vụ cũng như mối quan hệ giữa cơ quan tài chính với các ngành nghiệp vụ, cơ quan, đơn vị. Hằng năm, ngành tài chính cần thường xuyên phân phối, kiểm tra, kiểm kê, đánh giá tình hình bảo đảm, quản lý sử dụng tài sản, tài chính của các đơn vị, ngành, các bộ phận. Cán bộ, nhân viên ngành tài chính phải thường xuyên cập nhật cơ chế, chính sách có liên quan đến QLNS, nắm vững các nguyên tắc điều kiện chi, các quy định về chứng từ, mẫu biểu trong thanh toán, quy định về quản lý hóa đơn bán hàng, cung ứng dịch vụ, trên cơ sở đó hướng dẫn các cơ quan, ngành nghiệp vụ thực hiện thanh, quyết toán đúng quy định.

Nâng cao chất lượng QLNS nhà nước chi thường xuyên tại Lữ đoàn 454 có vị trí, vai trò rất quan trọng, góp phần tăng cường tiềm lực quốc phòng và sức mạnh chiến đấu của đơn vị. Do vậy, ngành tài chính Lữ đoàn cần vận dụng linh hoạt các giải pháp trên để thu được kết quả mong muốn♦

Tài liệu tham khảo

1. Quốc hội (2015), *Luật Ngân sách Nhà nước*, Hà Nội.
2. Bộ Quốc phòng (2023) *Hướng dẫn số 4554/HD-BQP về lập dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước trong Bộ Quốc phòng*, Hà Nội.
3. Lữ đoàn 454 (2021, 2022, 2023), *Báo cáo tổng quyết toán ngân sách*, Hải Dương.

BIỆN PHÁP BỔ SUNG VẬT CHẤT HẬU CẦN LỮ ĐOÀN TÀU TÊN LỬA TIẾN CÔNG ĐOÀN TÀU CHI VIỆN CỦA ĐỊCH TRONG TÁC CHIẾN BẢO VỆ TRƯỜNG SA

Thượng tá, TS. NGUYỄN QUỐC HOÀI

Tạp chí Nghiên cứu khoa học Hậu cần quân sự

ABSTRACT: *Supplementing logistics materials involves the additional provision of vehicles and logistics materials to meet soldiers' demands. For missile boat brigades attacking enemy supply convoys during operations to defend the Spratly Islands, this task plays a vital role but encounters a number of hurdles. In the article are proposed solutions for supplementing logistics materials to carry out this mission.*

I. TÓM TẮT

Bổ sung vật chất hậu cần (VCHC) là hoạt động cấp thêm phương tiện, VCHC theo quy định nhằm đáp ứng nhu cầu của bộ đội và đơn vị. Đối với lữ đoàn tàu tên lửa (TTL) tiến công đoàn tàu chi viện (ĐTCV) của địch trong tác chiến bảo vệ quần đảo Trường Sa (QĐTS), bổ sung VCHC có vai trò quan trọng và gặp nhiều khó khăn. Bài viết đề xuất biện pháp bổ sung VCHC lữ đoàn TTL thực hiện nhiệm vụ này.

II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Quần đảo Trường Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam; nằm ở giữa Biển Đông, cách bờ biển thành phố Nha Trang khoảng 230 hải lý về phía Đông Đông Nam; có vị trí chiến lược cả về kinh tế và quân sự. Địch cho rằng, nếu chiếm được QĐTS thì sẽ khống chế được Biển Đông, mở thông đường ra đại dương. Vì vậy, đánh chiếm QĐTS, độc chiếm Biển Đông là mục tiêu nhất quán, xuyên suốt của địch.

Trong tương lai, khi địch sử dụng sức mạnh quân sự đánh chiếm một số hoặc toàn bộ QĐTS, ta sẽ phát huy sức mạnh tổng hợp của nhiều lực lượng (phòng thủ đảo, không quân, tên lửa bờ, tàu mặt nước, tàu ngầm...) để tiến công địch, gây cho chúng

tổn thất nặng nề và không thực hiện được kế hoạch. Cùng với đó, các lực lượng của ta còn tiến công mãnh liệt vào các căn cứ phía trước của địch, làm cho địch thiệt hại lớn. Khi đó, địch sẽ tổ chức ĐTCV cơ động từ bờ để chi viện lực lượng hòng đánh chiếm bằng được QĐTS của ta.

Tiến công ĐTCV của địch là trận then chốt quyết định trong tác chiến bảo vệ QĐTS, do nhiều lực lượng tiến hành; trong đó, lữ đoàn TTL giữ vai trò nòng cốt. Do tiến công ĐTCV địch được tiến hành sau một số trận đánh nên sức chiến đấu của lữ đoàn TTL có thể bị suy giảm; lượng VCHC không đủ theo quy định nên phải bổ sung. Tuy nhiên, khu vực diễn ra trận đánh của lữ đoàn TTL có thể cách QĐTS về phía Đông Bắc hàng trăm hải lý; cách bờ biển nước ta từ 350 ÷ 400 hải lý. Vì thế, việc bổ sung VCHC cho lữ đoàn TTL sẽ là thách thức lớn, đòi hỏi phải có biện pháp thực hiện phù hợp.

III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Để chi viện cho lực lượng đang đánh chiếm QĐTS, địch có thể huy động khoảng một lữ đoàn hải quân đánh bộ. Trong cơ động lực lượng, địch sử dụng nhiều tàu vận tải đổ bộ, tàu mặt nước chiến đấu, máy bay

(các loại), chia làm nhiều hướng hành quân đến QĐTS. Trong đó, dự kiến lực lượng chi viện chính của địch, được tổ chức thành ĐTCV, hành quân từ bờ đi qua bãi cạn Scarborough xuống phía Đông QĐTS. Đây là đối tượng chiến đấu của lữ đoàn TTL. Thành phần ĐTCV địch khoảng $8 \div 10$ tàu mặt nước, gồm: $1 \div 2$ tàu khu trục tên lửa, $1 \div 2$ tàu hộ vệ tên lửa, $3 \div 4$ tàu LST, $1 \div 2$ tàu vận tải tổng hợp.

Do ĐTCV của địch có khả năng tiến công và phòng thủ mạnh và nếu chúng liên kết với lực lượng tại căn cứ phía trước ở QĐTS thì sức mạnh của chúng sẽ rất lớn; cho nên, để ngăn chặn sự liên kết này mà vẫn bảo đảm thể trận tác chiến của ta, lữ đoàn TTL phải tiến công ĐTCV của địch khi chúng cách Đông Bắc QĐTS khoảng $100 \div 120$ hải lý. Trong tác chiến bảo vệ QĐTS, lữ đoàn TTL sẽ được cụm lực lượng hải quân bảo đảm một số dạng chiến đấu, như: Bảo đảm trinh sát, chỉ thị mục tiêu; bảo đảm nghi binh, tạo giả... Vì vậy, lữ đoàn TTL sẽ tổ chức thành lực lượng tiến công và lực lượng dự bị tương ứng. Lực lượng tiến công gồm $2 \div 3$ tốp chiến thuật, mỗi tốp có từ $2 \div 3$ TTL cùng kiểu loại. Các tốp chiến thuật bố trí đội cơ ở gần các đảo (bãi cạn), sao cho tạo được thế đánh mạnh và tiến công ĐTCV của địch từ $2 \div 3$ hướng. Khi ĐTCV của địch đến tuyến đánh, các TTL phải cơ động với vận tốc cao để chiếm lĩnh vị trí hỏa lực, thực hành công kích tên lửa vào tàu địch và rút nhanh khỏi khu vực chiến đấu.

Chiến đấu trong điều kiện tàu phải cơ động liên tục, với tốc độ cao, trên phạm vi rộng làm nhu cầu tiêu thụ VCHC của lữ đoàn TTL rất lớn, nhất là xăng dầu, nước ngọt; trong khi đó, khả năng chứa trữ của TTL có hạn; cho nên, phải bổ sung kịp thời. Tuy nhiên, do lữ đoàn TTL tiến công ĐTCV của địch diễn ra sau một số trận đánh then chốt (chống địch phong tỏa, tiến công căn

cứ phía trước của địch...) nên khả năng bảo đảm VCHC của lữ đoàn có thể bị suy giảm. Hơn nữa, khu vực chiến đấu của lữ đoàn TTL xa đất liền, không có điểm tựa là hậu cần khu vực phòng thủ; lực lượng hậu cần bị bộc lộ trên biển nên dễ bị địch khống chế, đánh phá... Vì vậy, công tác bổ sung VCHC lữ đoàn TTL sẽ gặp nhiều khó khăn. Để nâng cao hiệu quả bổ sung VCHC lữ đoàn TTL tiến công ĐTCV của địch, cần thực hiện tốt một số biện pháp chủ yếu sau đây:

Một là, tổ chức dự trữ VCHC trên đảo để tạo nguồn ổn định phục vụ kịp thời công tác bổ sung VCHC cho TTL chiến đấu. Đây là biện pháp rất quan trọng nhằm tạo sự chủ động trong hoạt động bổ sung VCHC. Tác chiến bảo vệ QĐTS, lữ đoàn TTL là lực lượng đột kích chủ yếu của cụm lực lượng hải quân nên phải thực hiện nhiều nhiệm vụ quan trọng. Hơn nữa, khi bố trí đội cơ trên biển, các TTL thường xuyên phải cơ động (di, dịch chuyển) để tránh sự trinh sát và tấn công của địch. Để thực hiện những điều đó, yêu cầu VCHC trên tàu phải thường xuyên được dự trữ đầy; nghĩa là, phải tiến hành bổ sung VCHC ở bất cứ lúc nào nếu có điều kiện. Bên cạnh đó, do các TTL của ta có mớn nước nông nên có thể cơ động vào sát đảo để che giấu lực lượng và thực hiện công tác chuẩn bị chiến đấu. Đây là điều kiện thuận lợi để tiến hành bổ sung VCHC cho TTL. Muốn vậy, cần phải dự trữ đầy đủ VCHC tại các đảo, nhất là đảo dự kiến TTL sẽ dựa vào đó để tổ chức đội cơ tiến công ĐTCV của địch.

Tổ chức dự trữ VCHC trên đảo phải bảo đảm tính toàn diện, đồng bộ, đáp ứng cả nhu cầu của đảo và nhu cầu của lữ đoàn TTL. Đối với các đảo có âu tàu để TTL đội cơ hoặc đảo cung cấp đạn (tên lửa) cho lữ đoàn, cần ưu tiên dự trữ các loại vật chất quan trọng, như: Lương thực, thực phẩm, xăng dầu, nước ngọt, thuốc chiến thương...

và sẵn sàng bổ sung các loại VCHC khác cho TTL khi có yêu cầu. Những loại VCHC dự trữ trên đảo phải có chất lượng tốt; được đóng gói, chứa đựng trong các dụng cụ bảo đảm đúng quy cách, vừa đáp ứng yêu cầu trong bảo quản vừa dễ vận chuyển khi bổ sung cho tàu. Trong kháng chiến chống Mỹ, để thuận lợi trong bổ sung VCHC cho lực lượng tàu mặt nước đánh tàu biệt kích địch, hậu cần các khu tuần phòng đã thực hiện: Gạo đóng vào bao nylon (2 lớp) để chống ẩm, lớp ngoài cùng là bao tải đay; mỗi bao nặng từ 25 ÷ 30 kg. Rau, củ, quả để trong sọt hoặc đóng thành kiện; đồ hộp, gia vị đóng trong hòm kín; nước uống đóng vào can (thùng) có nắp chặt, để trong thùng gỗ... Việc đóng gói VCHC như vậy đã giúp thủy thủ thả đồ xuống nước rồi dùng dây kéo lên tàu một cách dễ dàng.

Để thực hiện biện pháp này, ngay từ thời bình, hậu cần - kỹ thuật (HCKT) hải quân cần xây dựng hệ thống kho HCKT trên các đảo bảo đảm kiên cố, vững chắc, đủ sức chứa theo nhu cầu và dễ tiếp nhận, vận chuyển, cấp phát. Lực lượng cán bộ, nhân viên HCKT và nhân dân trên các đảo cần được huấn luyện kỹ càng, bảo đảm thuần thực về chuyên môn hậu cần, kỹ năng tiếp nhận, vận chuyển, bổ sung VCHC cho TTL. Khi có dấu hiệu địch đánh chiếm QĐTS, hậu cần - kỹ thuật hải quân tổ chức vận chuyển VCHC từ bờ ra đảo để lập đủ lượng dự trữ VCHC theo quy định ở từng đảo. Trong tác chiến, hệ thống kho trạm HCKT trên đảo phải được nguy trang chu đáo; tổ chức lực lượng bảo vệ chặt chẽ, hiệu quả. Các kho HCKT cần có đủ phương tiện, dụng cụ vận chuyển, cấp phát. Đặc biệt, hệ thống phát điện phải hoạt động tốt để phục vụ bơm, hút xăng dầu, nước ngọt khi bổ sung cho TTL.

Hai là, kết hợp đa dạng các hình thức, lực lượng, phương tiện vận chuyển để bổ sung VCHC cho lữ đoàn TTL. Đây là biện pháp

nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp trong bổ sung VCHC cho lữ đoàn TTL, nhất là khi lực lượng HCKT của lữ đoàn TTL đã bị suy giảm hoặc phải bổ sung trong thời gian gấp. Nghiên cứu về địch cho thấy, địch rất giỏi nguy trang, nghi binh, tạo giả đánh lừa ta. Hành quân trên biển, ĐTCV của địch càng coi trọng nguy trang, nghi binh. Mặt khác, do tàu địch có khả năng đi biển tốt, tốc độ cao nên địch sẽ chọn những lúc biển động, thời tiết xấu để cơ động lực lượng, làm cho ta khó phát hiện. Do vậy, khi phát hiện được ĐTCV của địch, có thể sẽ làm thời gian chuẩn bị trực tiếp của lữ đoàn TTL rất ngắn. Trong điều kiện đó, để kịp thời bổ sung lượng lớn VCHC, phải kết hợp đa dạng các hình thức, lực lượng, phương tiện vận chuyển để bổ sung VCHC cho lữ đoàn TTL.

Theo đó, lữ đoàn TTL có thể đề nghị HCKT cụm lực lượng hải quân bổ sung vượt cấp cho các TTL những vật chất có khối lượng lớn, quan trọng, như xăng dầu, nước ngọt... Hậu cần - kỹ thuật lữ đoàn tổ chức bổ sung cho các TTL toàn diện các loại VCHC; đồng thời, có thể yêu cầu TTL sử dụng xuống vào đảo để tiếp nhận những loại vật chất có khối lượng nhỏ, dễ vận chuyển. Trong trường hợp khẩn cấp, tiến hành điều hòa VCHC giữa các TTL hoặc HCKT lữ đoàn hiệp đồng với tàu của đơn vị bạn, tàu cá của ngư dân cùng tham gia vận chuyển, bổ sung VCHC cho TTL.

Để thực hiện biện pháp này, HCKT lữ đoàn TTL phải nắm chắc tình hình chiến đấu trên biển; quán triệt và hiểu rõ ý định chiến đấu của người chỉ huy để vận dụng các phương pháp bổ sung phù hợp. Hậu cần - kỹ thuật lữ đoàn cần tổ chức hệ thống chỉ huy phù hợp; duy trì mạng thông tin liên lạc thông suốt, vững chắc để hiệp đồng chặt chẽ với HCKT cụm lực lượng hải quân, HCKT đảo, đơn vị bạn và các TTL thực hiện hoạt động bổ sung VCHC đạt hiệu quả cao.

Bên cạnh đó, lữ đoàn TTL phải tổ chức lực lượng HCKT cơ động mạnh trên biển, gồm các tàu bảo đảm có sức chứa lớn, vận tốc cao (như tàu KN-750, tàu cảnh sát biển...) để phù hợp với kỹ - chiến thuật của TTL. Các tàu bảo đảm phải có khả năng bổ sung xăng dầu, nước ngọt cùng lúc cho 2 ÷ 3 TTL. Đối với tốp chiến thuật TTL đợi cơ ở các âu tàu của đảo, cần sử dụng tàu, phương tiện bảo đảm của HCKT lữ đoàn, kết hợp với HCKT của đảo và nhân dân để bổ sung VCHC cho các TTL. Đối với tốp chiến thuật TTL đợi cơ ở các bãi cạn, nhà giàn DK1, lữ đoàn TTL sử dụng lực lượng HCKT của mình và đề nghị HCKT cụm lực lượng bổ sung vượt cấp; khi cần, có thể kết hợp với tàu đơn vị bạn (tàu trinh sát, nghi binh...) và tàu cá ngư dân để bổ sung VCHC cho các TTL. Muốn vậy, trên các TTL phải dự trữ bộ tra nạp xăng dầu, nước ngọt cơ động. Thực tế hiện nay, HCKT Quân chủng Hải quân đang trú trọng huấn luyện và tổ chức tra nạp xăng dầu, bổ sung VCHC trên biển. Đây là tiền đề để thực hiện bổ sung VCHC trên biển cho TTL trong chiến đấu.

Ba là, lựa chọn thời cơ bổ sung VCHC phù hợp, hiệu quả. Trước khi nhận nhiệm vụ tiến công ĐTCV địch, lữ đoàn TTL phải tham gia các trận đánh then chốt nên lượng tên lửa trên tàu đã bị tiêu hao. Mặt khác, để nâng cao hiệu quả tiến công tiêu diệt ĐTCV của địch, lữ đoàn TTL sẽ thực hiện đòn đánh sau những đòn đánh của các lực lượng khác, như không quân, tàu ngầm, tên lửa bờ... Mặc dù vậy, theo tính toán, đòn đánh của lữ đoàn TTL vẫn phải sử dụng lượng lớn tên lửa X35, khoảng 30 ÷ 35 quả. Điều đó cho thấy, trước khi tiến công ĐTCV địch, nhất định các TTL phải được tiếp đạn. Trong điều kiện hiện nay, TTL của ta vẫn phải dựa vào đảo để nhận đạn; thời gian nhận đủ đạn cho TTL kéo dài từ 4 ÷ 6 giờ đồng hồ (tùy kiểu loại TTL). Đây là thời điểm rất thuận

lợi, đòi hỏi HCKT lữ đoàn TTL phải tập trung lực lượng, tiết kiệm thời gian để bổ sung VCHC cho các TTL, bởi nó mang lại hiệu suất rất cao nhờ sử dụng các thiết bị cấp phát, tra nạp hiện đại, đồng bộ trên đảo. Lúc này, VCHC được ưu tiên bổ sung thường là nhiên liệu, nước ngọt, lương thực, thực phẩm, thuốc chiến thương...

Khi các TTL nhận đủ đạn sẽ cơ động ra khu đợi cơ. Tại đây, HCKT lữ đoàn vận dụng đa dạng các hình thức, lực lượng, phương tiện vận chuyển để tiếp tục bổ sung các loại VCHC đủ theo quy định cho các TTL. Việc bổ sung VCHC phải hoàn thành trong giai đoạn chuẩn bị trực tiếp. Trong giai đoạn thực hành chiến đấu, thường không tổ chức bổ sung VCHC cho TTL. Sau chiến đấu, tiến hành bổ sung đủ lượng VCHC theo quy định cho các TTL.

IV. KẾT LUẬN

Bổ sung VCHC là một nội dung quan trọng của bảo đảm HCKT lữ đoàn TTL tiến công ĐTCV của địch. Để làm tốt vấn đề này, cần thực hiện đồng bộ, linh hoạt, sáng tạo các biện pháp nêu trên, góp phần tạo sức mạnh cho lữ đoàn TTL chiến đấu thắng lợi. Tuy nhiên, do chiến đấu trên biển thường chứa đựng nhiều tình huống bất ngờ; cho nên, việc bổ sung VCHC lữ đoàn TTL cần tiếp tục nghiên cứu cho phù hợp♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tổng Tham mưu (2005), *Công tác bảo đảm hậu cần cho vùng hải quân trong chiến đấu*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Bộ Tư lệnh Hải quân (2010), *Sử dụng tàu mặt nước trong hoạt động tác chiến bảo vệ chủ quyền biển, đảo*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Bộ Tư lệnh Hải quân (2016), *Nghiên cứu phương thức tác chiến bảo vệ QĐTS*, Đề tài khoa học cấp Bộ Quốc phòng, Hải Phòng.

NGHIÊN CỨU ĐỐI TƯỢNG CHIẾN ĐẤU VÀ BÀN VỀ NGUY TRẠNG, NGHI BINH SƯ ĐOÀN BỘ BINH BIÊN CHẾ HOÀ LỰC MẠNH PHÒNG NGỰ TRONG CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC

Đại tá, TS. Hà Đức Tuấn

Phó Chủ nhiệm Khoa Quân sự, Học viện Hậu cần

NGHİEN cứu về đối tượng chiến đấu là một vấn đề rất quan trọng trong nghệ thuật quân sự nói chung và nghệ thuật nguy trang, nghi binh sư đoàn bộ binh biên chế hoà lực mạnh, trong phòng ngự nói riêng. Hiện nay, đối tượng chiến đấu đã có những phát triển mới, vì vậy ta cần chủ động nghiên cứu dự báo một cách khoa học, nhằm đáp ứng yêu cầu của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

Đối tượng chiến đấu của sư đoàn bộ binh biên chế hoà lực mạnh, trong phòng ngự là sư đoàn bộ binh (bộ binh cơ giới, hải quân đánh bộ) địch sử dụng vũ khí công nghệ cao, có ưu thế về tác chiến điện tử, tác chiến không gian mạng, có thể sử dụng vũ khí hóa học, sinh học.

Mục đích: Tiến công tiêu diệt lực lượng, phương tiện chiến đấu, đánh chiếm các khu vực, mục tiêu quy định, tạo điều kiện phát triển vào chiều sâu khu vực phòng ngự, phòng thủ của ta; hỗ trợ cho các lực lượng bạo loạn, lật đổ, thành lập chính quyền phản động ở địa phương.

Hướng tiến công: Địch có thể tổ chức một số hướng tiến công, trong đó có hướng tiến công chủ yếu. Các hướng tiến công của địch, thường dựa vào các trục đường hoặc dải địa hình.

Mục tiêu tiến công: Trung tâm kinh tế, chính trị, quân sự; sở chỉ huy các cấp; địa hình có giá trị trong khu vực. Trong đó mục tiêu chủ yếu thường là sở chỉ huy các cấp; mục tiêu quân sự quan trọng.

Sư đoàn bộ binh (hải quân đánh bộ) có thể đảm nhiệm chính diện tiến công từ 20 ÷ 40 km hoặc hơn, chiều sâu 30 ÷ 50 km hoặc hơn. Sư đoàn bộ binh cơ giới có thể đảm nhiệm chính diện từ 30 ÷ 40 km, chiều sâu từ 40 ÷ 50 km.

Cấp sư đoàn lực lượng địch có thể biên chế từ 2 ÷ 5 lữ đoàn chiến đấu và các lữ đoàn bảo đảm. Trong đó:

Lữ đoàn bộ binh gồm: SCH/ lữ, 3 tiểu đoàn bộ binh, tiểu đoàn pháo binh, tiểu đoàn trinh sát, tiểu đoàn công binh và tiểu đoàn bảo đảm.

Lữ đoàn bộ binh cơ giới Stryker hạng trung: TM/lữ, tiểu đoàn pháo binh, 3 tiểu đoàn bộ binh cơ giới Stryker, tiểu đoàn công binh, tiểu đoàn chỉ huy, tiểu đoàn trinh sát, tiểu đoàn bảo đảm.

Lữ đoàn bộ binh cơ giới hạng nặng: Đại đội chỉ huy tham mưu, tiểu đoàn bộ binh cơ giới, 2 tiểu đoàn tăng, tiểu đoàn pháo binh, tiểu đoàn trinh sát, tiểu đoàn công binh.

Sư đoàn hải quân đánh bộ lực lượng biên chế gồm: 3 trung đoàn hải quân đánh bộ, trung đoàn pháo binh, tiểu đoàn tăng, tiểu đoàn đột kích thủy bộ, 3 tiểu đoàn trinh sát, tiểu đoàn công binh và tiểu đoàn chỉ huy.

Trong đó, trung đoàn hải quân đánh bộ gồm: Đại đội chỉ huy tham mưu, 3 tiểu đoàn hải quân đánh bộ.

Khi tiến công, cấp sư đoàn địch thường tổ chức thành các lực lượng: tiến công đường bộ, dự bị, hoà lực, không quân, tác chiến

điện tử, sở chỉ huy và lực lượng bảo đảm. Tiến công đường bộ có thể sử dụng từ 1/2 đến 2/3 lực lượng; dự bị từ 1/3 đến 1/2 lực lượng. Căn cứ tình hình cụ thể, sư đoàn có thể tổ chức, sử dụng một số thành phần khác như: lực lượng đổ bộ đường không, thọc sâu, vu hồi, nghi binh..., mỗi lực lượng khoảng 1 tiểu đoàn.

Trước khi tiến công: tiến hành trinh sát trên không, mặt đất, trinh sát kỹ thuật, nhằm thu thập tin tức, xác định quy luật hoạt động và bố trí lực lượng của đối phương; nghiên cứu đánh giá địa hình, khí hậu, thời tiết trong khu vực; kết hợp với nghi binh, chỉ thị mục tiêu tăng cường sử dụng không quân, pháo binh, tên lửa, UAV cảm tử tập kích, đánh phá vào trận địa phòng ngự của đối phương để thăm dò phản ứng. Sử dụng không quân, pháo binh, tên lửa hành trình, UAV tiến hành hỏa lực chuẩn bị trước, nhằm sát thương lớn sinh lực, phá hủy phương tiện chiến đấu, công sự trận địa, vật cản của đối phương.

Khi thực hành tiến công: tiến hành hỏa lực chuẩn bị trực tiếp sử dụng không quân không chế trên nhiều khu vực với sự hỗ trợ của máy bay chỉ huy cảnh báo sớm và máy bay trinh sát; sử dụng nhiều loại UAV với số lượng lớn để chỉ thị mục tiêu cho pháo binh và trực tiếp tiến công từ trên không (bằng UAV cảm tử), tập trung đánh phá vào sở chỉ huy, trận địa hỏa lực, trận địa phòng ngự phía trước với mật độ cao. Bộ binh, bộ binh cơ giới cơ động triển khai tiến công, thực hành đột phá, thọc sâu trên chính diện; vu hồi từ bên sườn, đổ bộ đường không đánh chiếm các mục tiêu nằm trong chiều sâu phòng ngự; phát huy ưu thế tác chiến điện tử, tác chiến không gian mạng, kết hợp với nghi binh, phá vỡ chỉ huy, hiệp đồng của đối phương, nhanh chóng đánh chiếm các mục tiêu được giao.

Khi tiến công không thành: trên từng hướng địch có thể lùi ra phân tuyến củng cố lại lực lượng, tổ chức hỏa lực đánh phá và mở các đợt tiến công tiếp theo.

Sau khi đánh chiếm được mục tiêu: có thể chiếm giữ, chuyển vào phòng ngự hoặc rời khỏi khu vực tác chiến.

Trên cơ sở nghiên cứu về đối tượng chiến đấu của sư đoàn bộ binh biên chế hỏa lực mạnh, phòng ngự trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (nếu xảy ra), có thể rút ra một số vấn đề về nguy trạng, nghi binh như sau:

Một là, tận dụng điều kiện tự nhiên, vật liệu tại chỗ, kết hợp sử dụng khí tài chuyên dụng. Tận dụng những yếu tố thuận lợi của tự nhiên để nguy trạng là một giải pháp quan trọng, được vận dụng rộng rãi trong tất cả các hoạt động chiến đấu của sư đoàn. Bởi vì, giải pháp này đơn giản, dễ tổ chức thực hiện và giảm khối lượng nguy trạng. Mọi lực lượng tham gia chiến đấu có thể tự nguy trạng công sự, trận địa của mình, mà không cần sử dụng lực lượng, phương tiện, khí tài chuyên dụng. Tạo cho hình dáng, màu sắc của công sự trận địa phòng ngự gần với môi trường tự nhiên, nhờ đó làm giảm dấu hiệu lộ, hạn chế khả năng phát hiện của khí tài trinh sát quang học, hồng ngoại, laser... Do vậy, nếu thực hiện tốt giải pháp nguy trạng này, không chỉ nâng cao khả năng che giấu công sự, trận địa, hoạt động chiến đấu của bộ đội, mà còn tạo ra yếu tố bí mật bất ngờ, làm giảm hiệu quả sát thương của vũ khí công nghệ cao, góp phần nâng cao sức mạnh chiến đấu của sư đoàn.

Sử dụng vật liệu tại chỗ kết hợp với phương tiện, khí tài nguy trạng sẽ nâng cao khả năng che giấu cả về số lượng và chất lượng mục tiêu, giải quyết được mâu thuẫn giữa khối lượng nguy trạng lớn với lực lượng, phương tiện có hạn. Đồng thời, có thể huy động tối đa lực lượng tại chỗ

tham gia, phát huy tính chủ động, linh hoạt, sáng tạo của bộ đội, khai thác thế lợi của địa hình để nguy trang công sự, trận địa và hoạt động chiến đấu phòng, chống trinh sát phát hiện, đánh phá của địch. Đây là giải pháp cơ bản, được vận dụng phổ biến trong tất cả các nhiệm vụ chiến đấu.

Sử dụng phương tiện, khí tài chuyên dụng để nguy trang sẽ rút ngắn thời gian; có thể hấp thụ, phản xạ, tán xạ, khúc xạ sóng radar và bức xạ nhiệt; làm thay đổi màu sắc của mục tiêu, sai lệch thông tin phương tiện trinh sát. Tuy nhiên, để đạt hiệu quả cao, khi nguy trang, sư đoàn cần chú trọng phân định tính chất của mục tiêu để sử dụng vật liệu phù hợp. Đối với các công trình quan trọng (sở chỉ huy, trận địa hỏa lực) và các vũ khí, phương tiện có kích thước lớn (xe tăng, pháo binh, phòng không...), sử dụng màn che quang học, màn che radar, kết hợp với che phủ bằng cành cây, thảm cỏ và sơn biến hình, làm cho quân địch không thể nhận biết được mục tiêu và sự tồn tại của mục tiêu sau màn che. Đối với các công sự, trận địa chiến đấu và hoạt động chiến đấu khác của bộ đội ở khu vực trú quân, dùng cành cây, thảm cỏ che đậy, cắm, phủ, trực tiếp lên bờ, khối chắn của công sự, hào chiến đấu, hào cơ động. Đặc biệt, cần chú ý gắn chặt giữa nguy trang công sự, trận địa với nguy trang phương tiện, vũ khí bố trí trong công sự, trận địa bằng cách dùng rơm, rạ, chăn bông, bao tải ướt..., phủ trực tiếp lên phương tiện phát nhiệt, nhằm làm giảm sự chênh lệch nhiệt độ giữa mục tiêu cần bảo vệ với môi trường xung quanh. Như vậy, sẽ chống được khí tài trinh sát ảnh nhiệt của địch. Trong kháng chiến chống Mỹ, Công binh Đoàn 559 trên tuyến đường Trường Sơn dùng cành cây hoặc trồng cây xanh để nguy trang tuyến đường, bảo đảm cho ô tô cơ động vận chuyển vũ khí, vật chất hậu cần từ Sơn Tây vào Tây Ninh mà các phương tiện trinh sát

hiện đại của Mỹ không phát hiện được trong suốt thời gian dài; hoặc dùng chăn bông, bao tải ướt, phủ lên xe máy, hạn chế được phương tiện trinh sát ảnh nhiệt.

Hai là, sử dụng nguồn sáng và màn khói. Trong chiến đấu nói chung, chiến đấu phòng ngự nói riêng, nguồn sáng, màn khói có tác dụng hạn chế khả năng quan sát bằng mắt, bằng khí tài quang học, làm sai lệch thông tin dẫn đường của phương tiện phóng, rải bom đạn, dẫn đến làm mất hiệu quả của vũ khí công nghệ cao. Từ đó, sử dụng nguồn sáng, màn khói để nguy trang, che giấu hoạt động và công trình chiến đấu. Trong trận đánh, tùy thuộc vào thời điểm, sư đoàn có thể tắt hết nguồn sáng hoặc dùng màn khói để che giấu khu vực trú quân, hoặc hành động cơ động triển khai lực lượng, phương tiện, vũ khí trang bị; cũng có thể dùng nguồn sáng, màn khói để nghi binh, lừa địch. Tuy nhiên, để sử dụng có hiệu quả, sư đoàn cần nghiên cứu nắm chắc các thủ đoạn trinh sát, khả năng sử dụng vũ khí công nghệ cao của địch; tổ chức hiệp đồng chặt chẽ giữa các lực lượng tham gia chiến đấu; sử dụng nguồn sáng và màn khói nguy trang theo kế hoạch thống nhất. Đặc biệt, cần chú ý khi sử dụng nguồn sáng, màn khói để nguy trang, phải không làm ảnh hưởng đến hành động chiến đấu của sư đoàn. Thực tiễn, trong kháng chiến chống Mỹ, chúng ta đã thực hiện chiến thuật “tắt đèn” khi máy bay địch bay vào đánh phá các mục tiêu trong thành phố ở miền Bắc. Cuộc chiến tranh Nam Tư năm 1999, Quân đội Nam Tư dùng hộp khói và vật liệu tại chỗ, đốt thành những đống lửa trên mặt đất, tạo ra một khối lượng khói và bụi than lớn, gây nhiễu thiết bị điều khiển dẫn đường, làm cho tên lửa hành trình và bom điều khiển mất phương hướng.

Ba là, kết hợp nguy trang với nghi binh; nguy trang, nghi binh với các hoạt động chiến đấu. Đặc điểm của chiến tranh vũ khí

công nghệ cao là địch sử dụng rộng rãi các phương tiện trinh sát hiện đại, phát hiện nhanh, chính xác mục tiêu từ xa và ở độ cao lớn. Đồng thời, chúng rất coi trọng sử dụng lực lượng trinh sát mặt đất, bọn phản động nội địa, tham gia phát hiện và chỉ thị mục tiêu cho không quân, pháo binh đánh phá. Do đó, việc bảo toàn mục tiêu không chỉ bằng biện pháp che giấu, hay cơ động, mà còn kết hợp với các hoạt động nghi binh để lừa, thu hút bom, đạn địch vào mục tiêu giả, bảo đảm an toàn cho mục tiêu thật. Kết hợp giữa ngụy trang với nghi binh công trình, nâng cao hiệu quả che giấu, vì nó làm phân tán và tăng số lượng mục tiêu cần trinh sát, dẫn đến làm sai lệch kết quả. Vì vậy, sự đoàn kết hợp chặt chẽ giữa ngụy trang công trình chiến đấu với xây dựng mô hình giả và các hoạt động nghi binh. Kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng trận địa giả với hoạt động chiến đấu giả; dùng các phương tiện, thuốc nổ tạo tiếng động cơ xe máy, tiếng nổ đầu nòng của pháo binh, phòng không; triển khai các trạm thông tin, đường liên lạc và trực hành quân giả... Quá trình thiết kế, xây dựng công sự, trận địa phòng ngự giả, chú ý kết hợp chặt chẽ giữa nghệ thuật bố trí với ngụy trang, nghi binh; trận địa giả phải làm giống như thật, ngụy trang theo kiểu “Phô trương, nửa kín, nửa hở”; mô hình giả có kết cấu đơn giản, gọn nhẹ, dễ làm, dễ sử dụng, tận dụng được nguồn nguyên vật liệu tại chỗ.

Cùng với biện pháp ngụy trang, nghi binh, sự đoàn kết phải đẩy mạnh các hoạt động chiến đấu tiêu diệt lực lượng, phương tiện trinh sát, vũ khí công nghệ cao của địch, nhằm nâng cao sức sống công trình. Sử dụng lực lượng, phương tiện thực hiện chế áp “mềm”, làm nhiễu tín hiệu, hoặc đánh lừa vô tuyến điện, gây khó khăn cho địch trong hoạt động trinh sát bằng radar; thực hiện chế

áp “cứng” bằng cách sử dụng pháo binh, UAV, lực lượng đặc nhiệm, phối hợp với lực lượng vũ trang địa phương luồn sâu, đánh hiểm vào các mục tiêu quan trọng như sân bay, kho tàng, trận địa hỏa lực, sở chỉ huy, đài thu, phát vô tuyến điện... Đồng thời, tăng cường tuần tra, canh gác, cảnh giới, bảo đảm an ninh giữ bí mật khu vực trú quân, triển khai lực lượng; kịp thời phát hiện, tiêu diệt các toán, tổp cảnh giới, biệt kích, gián điệp xâm nhập vào khu vực tác chiến. Bằng mọi biện pháp phá hủy, làm hạn chế hoạt động của các phương tiện, thiết bị trinh sát của địch thả, cài đặt như cây nhiệt đới, máy thu chấn động, âm thanh...

Ngụy trang, nghi binh là một mặt bảo đảm quan trọng, nhằm che giấu lực lượng, phương tiện và các hoạt động chiến đấu. Quá trình chiến đấu, nếu sự đoàn kết thực hiện tốt ngụy trang, nghi binh, sẽ hạn chế khả năng quan sát, trinh sát và hiệu quả của vũ khí công nghệ cao. Trước sự phát triển của khoa học công nghệ, đối tượng tác chiến không ngừng hiện đại hóa vũ khí, phương tiện. Từ đó, vấn đề về ngụy trang, nghi binh, cần được nghiên cứu, trao đổi, nhằm tìm ra những giải pháp thích hợp, góp phần nâng cao sức mạnh chiến đấu của sự đoàn bộ binh biên chế hỏa lực mạnh, phòng ngự trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tổng tham mưu (2019), *Sự đoàn bộ binh phòng ngự*, Nxb, QĐND, Hà Nội.
2. Bộ Tổng tham mưu (2019), *Bảo đảm công binh sự đoàn bộ binh phòng ngự*, Nxb, QĐND, Hà Nội.
3. Tổng cục II (2001), *Điều lệnh tác chiến FM 3.90*, Nxb, QĐND, Hà Nội.
4. Tổng cục II (2025), *Thông báo lực lượng vũ trang nước ngoài*, Hà Nội.

GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY CÁC MÔN KỸ THUẬT XÂY DỰNG, TRONG ĐÀO TẠO SĨ QUAN HẬU CẦN CẤP PHÂN ĐỘI, TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH KỸ THUẬT XÂY DỰNG Ở HỌC VIỆN HẬU CẦN

Thượng tá, TS. CHU THỊ HẢI NINH

Phó Chủ nhiệm Khoa Doanh trại, Học viện Hậu cần

ABSTRACT: *Based on theoretical foundations and practical teaching experience, in this article is discussed the issue of “Proactively innovating teaching and learning methods for construction engineering subjects and methods for guiding, approving, and assessing the outcomes of subjects, various project types, and technical officers’ internship reports.” The article considers this an important solution for improving the teaching quality of construction engineering subjects in the training of engineering-level junior logistics officers in the field of construction engineering at the Military Logistics Academy.*

I. TÓM TẮT

Trên cơ sở lý luận và thực tiễn giảng dạy, bài báo đề xuất và trao đổi vấn đề “Tích cực đổi mới phương pháp dạy và học các môn học kỹ thuật xây dựng (KTXD); phương pháp hướng dẫn, thông qua, đánh giá kết quả môn học, đồ án các loại và chuyên đề thực tập cán bộ kỹ thuật (CBKT)”. Bài báo coi đây là giải pháp quan trọng góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy (CLGD) các môn học KTXD trong đào tạo sĩ quan hậu cần cấp phân đội, trình độ đại học ngành KTXD (gọi tắt là kỹ sư doanh trại - KSDT) ở Học viện Hậu cần (HVHC).

II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Những năm qua, Đảng ủy, Ban Giám đốc HVHC đã tích cực chỉ đạo, thực hiện đổi mới đồng bộ, toàn diện các khâu trong quá trình đào tạo để chất lượng đào tạo KSDT được đảm bảo. Kết quả 4 khóa đào tạo KSDT đầu tiên (tốt nghiệp các năm 2021 ÷ 2024), với 212 học viên, đạt là: 2 Giỏi (0,94%); 168 Khá (79,25%); 42 Trung bình khá (19,81%); tổng tỷ lệ khá, giỏi đạt 80,19%. Đây là kết quả đáng khích lệ. Đồng thời, qua hậu kiểm

cho thấy, học viên sau ra trường đa số có phẩm chất tốt, hoàn thành chức trách, nhiệm vụ ban đầu, nhiều đồng chí có khả năng phát triển lên chức vụ cao hơn. Tuy nhiên, vẫn có đồng chí chưa thích ứng nhanh với điều kiện, môi trường công tác, còn lúng túng trong xử lý công việc chuyên môn..., do nhiều nguyên nhân; trong đó, một phần là do CLGD các môn KTXD của Khoa Doanh trại có mặt chưa cao. Vì vậy, nghiên cứu giải pháp nâng cao CLGD các môn KTXD trong đào tạo đối tượng KSDT là vấn đề cấp thiết.

III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Các môn KTXD có số lượng môn học và khối lượng thực hành, đồ án, thí nghiệm tương đối lớn, nên CLGD sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến các chuẩn đầu ra (CĐR) và mục tiêu của chương trình đào tạo đối tượng KSDT. Có nhiều yếu tố tác động đến CLGD các môn học KTXD, như: Mục tiêu đào tạo, CĐR môn học, phương pháp dạy học (PPDH), đội ngũ giảng viên (GV) và học viên, hệ thống giáo trình, tài liệu, cơ sở vật chất và môi trường đào tạo.

Dựa trên các yếu tố tác động, tiến hành điều tra khảo sát đánh giá CLGD các môn KTXD, nghiên cứu rút ra năm vấn đề sau:

Thứ nhất, nâng cao CLGD các môn học KTXD cần có sự nghiên cứu tổng hợp, đầy đủ và đồng bộ trên mọi khía cạnh có liên quan trong quá trình đào tạo, như: Học viên, giảng viên, cơ sở vật chất, công tác quản lý, điều hành, các tiêu chí đánh giá. Do tính chất đặc thù của ngành học nên cần chú trọng giáo dục động cơ và phương pháp học tập đúng đắn cho học viên, giúp học viên say mê học tập, chủ động khắc phục khó khăn, làm chủ tri thức. Đây là yếu tố hàng đầu để nâng cao chất lượng đào tạo KSDT.

Thứ hai, các môn học KTXD với hệ thống kiến thức phức tạp, bao gồm kiến thức cơ bản, ứng dụng thực tế, khả năng quản lý và yêu cầu đặc thù ngành; có ảnh hưởng trực tiếp tới chất lượng thực hiện nhiệm vụ của học viên sau khi ra trường, gắn liền với những nội dung chủ yếu của công tác doanh trại trong thời bình là thực hiện đầu tư xây dựng công trình, bảo quản, sửa chữa nhà cửa, hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật để bảo đảm nơi ăn, ở, sinh hoạt, làm việc, học tập của bộ đội và phục vụ các nhiệm vụ thường xuyên và sẵn sàng chiến đấu của đơn vị. Do vậy, cần tiếp tục đẩy mạnh rà soát, đổi mới chương trình đào tạo; trong đó, tăng khối lượng kiến thức KTXD và bổ sung những nội dung, môn học mới sát với hoạt động thực tiễn công tác doanh trại cấp trung đoàn. Hoàn chỉnh hệ thống giáo trình, tài liệu chuyên ngành bảo đảm tính thống nhất, chuyên sâu phù hợp với đối tượng đào tạo. Thường xuyên cập nhật những kiến thức, thông tin về lĩnh vực công tác ngành, đặc biệt là nội dung KTXD; tăng cường huấn luyện thực hành, đa dạng và liên tục làm mới các đầu bài đồ án và chuyên đề thực tập cán bộ kỹ thuật (CBKT).

Thứ ba, cần tăng cường đẩy mạnh bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo về kiến thức lý luận, thực tiễn ngành và khả năng khai thác, sử dụng trang thiết bị hiện đại của các phòng thí nghiệm chuyên ngành để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đào tạo KSDT.

Thứ tư, đẩy mạnh đổi mới PPDH các môn học KTXD theo hướng giảng dạy tích cực, lấy người học làm trung tâm. Bên cạnh đó, chú trọng đổi mới phương pháp hướng dẫn, thông qua, đánh giá kết quả môn học, đồ án các loại và thực tập CBKT.

Thứ năm, tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất phục vụ công tác giáo dục, đào tạo; khai thác, sử dụng hiệu quả hệ thống nhà xưởng, phòng học chuyên dùng, nhất là các trang thiết bị KTXD hiện đại đã được đầu tư theo hướng cơ bản.

Từ năm vấn đề trên, nghiên cứu đề xuất nhiều nhóm giải pháp góp phần nâng cao CLGD các môn KTXD; trong đó, coi trọng giải pháp: Tích cực đổi mới PPDH các môn học KTXD; phương pháp hướng dẫn, thông qua, đánh giá kết quả môn học, đồ án và chuyên đề thực tập CBKT. Nội dung và biện pháp thực hiện giải pháp trên được thể hiện như sau:

Một là, tích cực đổi mới PPDH, tăng cường truyền thụ kinh nghiệm, gắn lý luận với thực tiễn, sử dụng mô hình học cụ, tham quan công trình xây dựng, phát triển năng lực của học viên trong các môn học KTXD. Thực hiện đổi mới hình thức, PPDH theo hướng hiện đại, tăng cường truyền thụ kinh nghiệm. Phát huy dân chủ quân sự, động viên tính tự giác, tích cực, chủ động, sáng tạo của người học; thực hiện dạy lý thuyết đi đôi với thực hành, lấy thực hành làm chính, tăng cường sử dụng mô hình học cụ, tham quan trong tất cả các môn học KTXD; kết hợp giáo dục tư tưởng với rèn luyện động tác, tác phong. Bồi dưỡng phương pháp tự tìm kiếm tri thức, hình thành năng lực

tự học và hợp tác; chú trọng truyền cảm hứng, lòng say mê học tập, nghiên cứu khoa học (NCKH) và rèn luyện suốt đời cho học viên. Trong đó, cần tập trung vào:

(1). Kết hợp PPDH truyền thống (thuyết trình, đàm thoại) với PPDH giải quyết vấn đề và phương pháp làm việc nhóm. Tất cả các môn KTXD đều có thể áp dụng việc kết hợp này. Vận dụng PPDH giải quyết vấn đề, GV cần đưa ra những tình huống có vấn đề; từ đó, học viên phải giải quyết vấn đề và sẽ lĩnh hội được tri thức, kỹ năng và phương pháp nhận thức. Có thể đưa ra một ví dụ cụ thể như sau: Trong bài đầu của môn học Bê tông cốt thép, GV đưa ra tình huống: “Sử dụng bê tông cốt tre trong một số cấu kiện chịu lực của công trình” có được không? GV cần đưa ra các cấu kiện cụ thể, các hình ảnh một số công trình có thật mà báo chí viết dùng bê tông cốt tre để học viên phân tích, đánh giá, kết luận. Còn phương pháp làm việc nhóm, GV phân lớp theo nhóm, chọn nội dung, giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm nghiên cứu trước một nội dung nào đó của bài học; vào giờ học, GV cho 1 nhóm trình bày nội dung đã nghiên cứu, các nhóm khác nghe và chất vấn nhóm đã trình bày; GV làm trọng tài quan sát, định hướng và kết luận tình huống, sẵn sàng đặt câu hỏi cho cả nhóm trình bày lẫn nhóm nghe (nếu cần) để điều phối thời gian. Cuối cùng, GV phải kết luận, đánh giá phần trình bày, trả lời câu hỏi của nhóm trình bày và chất lượng câu hỏi của nhóm nghe; nên đánh giá bằng điểm số hoặc bằng cách tặng/trừ “sao”, “thường/phạt”,... cho nhóm, cá nhân tiêu biểu/hoặc thiếu tích cực.

(2). Kết hợp PPDH truyền thống với dạy học sử dụng mô hình học cụ, tham quan công trình trong và ngoài HVHC; sử dụng công nghệ thông tin hợp lý, kết hợp thí nghiệm, thực hành. Khoa Doanh trại hiện có một số mô hình về công trình xây dựng

bằng bê tông cốt thép, kết cấu thép, mô hình phần ngầm, mô hình hệ thống phòng cháy chữa cháy,... là các sản phẩm NCKH, rất tiện dụng để làm mô hình học cụ trong hầu hết các môn học KTXD. Mô hình học cụ do GV trực tiếp làm sẽ truyền cả lửa đam mê yêu nghề, yêu NCKH cho học viên. Bên cạnh đó, rất nhiều nội dung trong các môn học KTXD có thể dạy học viên ở phòng thí nghiệm, xưởng thực hành hoặc tham quan một số công trình trong HVHC. Chẳng hạn, trong bài “Những vấn đề chung về kết cấu thép” (môn học Kết cấu thép); khi vận dụng PPDH kết hợp, GV có thể kết hợp PPDH truyền thống với rất nhiều phương pháp khác, như: Làm việc nhóm, sử dụng mô hình học cụ kết hợp tham quan công trình kết cấu thép trong HVHC hoặc làm thí nghiệm tại xưởng,... Việc kết hợp các PPDH cần phải linh hoạt, tránh sử dụng một phương pháp trong thời gian dài, gây nhàm chán, mệt mỏi cho học viên. Khi kết hợp với phương pháp tham quan, thực hành thí nghiệm, cần bố trí thời gian hợp lý, đăng ký với Phòng Đào tạo và trước khi dạy, phổ biến kế hoạch với lớp, đơn vị quản lý học viên,...

Hai là, đổi mới PPDH của giảng viên trong hướng dẫn, thông qua, đánh giá kết quả đồ án và các chuyên đề thực tập CBKT. Đánh giá kết quả học tập của học viên là khâu rất quan trọng của quá trình dạy học; vừa là thước đo năng lực (kiến thức, kỹ năng) người học, vừa là tấm gương phản chiếu đối với người dạy. Thời gian qua, khoa Doanh trại và Bộ môn KTXD đã tiến hành đánh giá kết quả học tập của học viên rất khách quan, thực chất; đảm bảo đúng tiêu chí: Học thật, thi thật, điểm thật. Nhiều ngân hàng đề thi được đầu tư biên soạn chất lượng tốt, có sự phân loại, mức độ khác nhau, nên học viên thể hiện được hết khả năng, năng lực của mình. Tuy nhiên, vẫn có một số môn học, đề thi, kiểm tra mới tập trung vào việc đánh giá học viên biết cái

gì mà chưa đầu tư cho đánh giá học viên làm được gì, giải quyết vấn đề như thế nào từ những kiến thức đã thu nhận; tức là, tập trung đánh giá năng lực của học viên. Do đó, cần tiếp tục đổi mới việc ra đề thi, hướng đến các đề thi có nội dung bao quát rộng, kết hợp tổng hợp các hình thức trắc nghiệm, tự luận (phần tự luận cần theo hướng mở),... đòi hỏi học viên tự học, tự nghiên cứu, có tính sáng tạo và khả năng thực hành, xử lý tình huống tốt, như: Xử lý tình huống thiết kế, thẩm tra hoặc thẩm định sản phẩm thiết kế công trình xây dựng,....

Bên cạnh đó, cũng cần đổi mới phương pháp hướng dẫn, thông qua, đánh giá kết quả đồ án môn học (ĐAMH), đồ án tốt nghiệp (ĐATN), các chuyên đề thực tập CBKT. Thực tế thời gian qua, kết quả ĐAMH và ĐATN, chuyên đề thực tập CBKT có học viên kết quả thấp do khả năng tiếp thu chậm (mặc dù đã được bồi dưỡng trong thời gian nhất định). Trong khi đó, kiến thức và khối lượng ĐAMH và ĐATN, chuyên đề thực tập CBKT học viên phải hoàn thành lớn; cho nên, GV cần phải có biện pháp hiệu quả. Có thể thực hiện như sau: Giao nhiệm vụ cho các học viên tốt kèm học viên kém, trở thành các đôi bạn học tập, giúp nhau tiến bộ. Mỗi lần thông qua tiến độ phải thông qua cùng lúc với cả 2 học viên đó. Phải đánh giá được sự trợ giúp của học viên tốt, sự chăm chỉ học hỏi của học viên yếu; từ đó, có điểm thưởng/phạt cho học viên tốt. Việc giao nhiệm vụ này cần công khai trước lớp; nếu đạt kết quả tốt thì phải kịp thời biểu dương.

Việc hướng dẫn, thông qua và đánh giá ĐAMH và ĐATN, chuyên đề thực tập CBKT phải đề cao các học viên có phương án sáng tạo, tránh dập khuôn theo các phương án hướng dẫn của GV; đề cao khả năng tự tin thuyết trình và khả năng phản biện của học viên. Định hướng cho học viên phương pháp học tập, nghiên cứu, ôn và thi từng

môn cho phù hợp. Phụ đạo làm mẫu cho học viên phương pháp bảo vệ vấn đề trước hội đồng.

Giảng viên cần phối hợp thường xuyên với đơn vị quản lý học viên để tăng cường, làm tốt công tác chuẩn bị cơ sở vật chất cho hướng dẫn, bảo vệ ĐAMH và ĐATN,... cũng như cho ôn và thi hết môn; đồng thời, phản hồi tình hình học tập để đơn vị có biện pháp quản lý, thúc đẩy học viên học tập hiệu quả.

Ba là, đổi mới phương pháp học, thực hành, ôn thi và bảo vệ đồ án của học viên. Song song với việc đổi mới PPDH của GV, cần sự đổi mới phương pháp học của học viên. Học viên phải chuyển từ học thụ động sang học chủ động. Nghĩa là, học viên phải tự giác tìm tài liệu, nghiên cứu nội dung môn học, bài học trước khi lên lớp; chủ động ghi chú những nội dung chưa hiểu, khó hiểu, dễ lẫn, những nội dung kiến thức tương đồng giữa các môn học khác nhau, những nội dung cần kiến thức liên môn, để ôn lại kiến thức cũ phục vụ môn học mới và chủ động trao đổi, thảo luận với bạn học. Một đặc điểm của các môn học KTXD là tính liên thông kiến thức giữa nhiều môn với nhau. Ví dụ, để học được nhóm các môn học kết cấu như bê tông cốt thép, kết cấu thép, nền và móng,... phải nắm chắc kiến thức về các môn cơ học kết cấu và sức bền vật liệu,... Để thực hành được ĐAMH, ngoài việc phải nắm chắc kiến thức của môn học đó còn cần nắm vững nhiều môn học khác, cũng như các phần mềm ứng dụng tin học trong xây dựng. Do đó, quá trình học, học viên cần phải rèn luyện nâng cao khả năng sử dụng các phần mềm chuyên dụng, vì nó là công cụ để hoàn thành các ĐAMH và ĐATN,...; cũng là công cụ thực hiện chức trách nhiệm vụ sau này, đáp ứng xu hướng chuyển đổi số mạnh mẽ. Ngoài ra, các học viên khóa dưới cần tham vấn học viên khóa trên về

phương pháp và kinh nghiệm để học tốt hơn, khắc phục các hạn chế của bản thân.

Để học tốt, học viên còn cần tăng cường quan sát: Công trình xây dựng rất phổ biến; song, nó có quá nhiều chi tiết; cho nên, học viên cần chủ động quan sát, tìm hiểu các bộ phận, chi tiết cấu tạo, cả kiến trúc, kết cấu, vật liệu, quy hoạch; cả các không gian chính, phụ; cả công trình đang thi công hay đang sử dụng,... và đối chiếu chúng với các hình vẽ 2D trên hồ sơ thiết kế hay trong sách vở, bài giảng,... để rèn luyện kỹ năng đọc hiểu bản vẽ kỹ thuật phức tạp.

Học viên đào tạo KSDT ra trường phục vụ công tác chuyên môn nên cần nắm chắc CDR của các môn học, CDR ngành học và từng bước tự tìm hiểu các hoạt động thực tiễn giống hay khác gì với các hoạt động giảng dạy tại HVHC; đồng thời, phải nắm chắc các nguyên tắc thi, kiểm tra, đánh giá kết quả các môn để có chiến lược học, ôn thi, thi cho phù hợp. Với các đồ án phải bảo vệ trước hội đồng đánh giá, học viên cần làm tốt công tác chuẩn bị, như in ấn thuyết minh, bản vẽ và luyện tập trước phần thuyết trình với bạn học để rèn luyện khả năng “diễn thuyết” trước đám đông, bảo đảm sự trôi chảy, mạch lạc, tự tin, kiểm soát tốt tâm lý. Để thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ của trợ lý doanh trại - cán bộ KTXD, ngay từ khi học tập tại HVHC, học viên phải rèn luyện cho mình phương pháp làm việc, học tập khoa học, tỉ mỉ, chu đáo; tư thế, tác phong chín chắn, khả năng thuyết trình và khả năng phản biện tốt; đồng thời, không ngại khó khăn, thách thức trong hoạt động thực tiễn công tác ngành; rèn luyện khát vọng tham gia NCKH để có cơ hội hiểu sâu kỹ kiến thức chuyên ngành, biết phát hiện vấn đề, góp phần hình thành kỹ năng xử lý tình huống thực tiễn ở đơn vị khi ra trường.

IV. KẾT LUẬN

Chất lượng đào tạo KSDT phụ thuộc vào tổng thể các hoạt động (các giải pháp) của các tổ chức, cá nhân có liên quan, gồm: lãnh đạo, chỉ huy Học viện; các cơ quan chức năng; khoa giáo viên; đơn vị quản lý học viên; học viên ngành Doanh trại và cả các cơ quan, đơn vị ngoài Học viện có liên quan; trong đó, Khoa Doanh trại và học viên chuyên ngành Doanh trại là trung tâm. Chất lượng được đánh giá thông qua: Kết quả học của học viên và phẩm chất, năng lực của họ sau khi ra trường đảm nhiệm chức danh ban đầu và có thể phát triển để đảm nhiệm chức danh cao hơn. Muốn vậy, cần nâng cao chất lượng đào tạo đối tượng KSDT, bằng việc tích cực đổi mới phương pháp dạy và học các môn học KTXD; phương pháp hướng dẫn, thông qua, đánh giá kết quả môn học, đồ án các loại và thực tập CBKT là nhóm giải pháp hiệu quả. Đồng thời, cần phối hợp đồng bộ với các nhóm giải pháp khác phù hợp với một chỉnh thể về nội dung, chương trình đào tạo của HVHC♦

Tài liệu tham khảo

1. Đảng ủy Học viện Hậu cần (2023), *Nghị quyết số 883-NQ/ĐU về đổi mới công tác giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu xây dựng Học viện trong tình hình mới*, Hà Nội.
2. Quân ủy Trung ương (2022), *Nghị quyết số 1657-NQ/QUTW về “Đổi mới công tác giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng quân đội trong tình hình mới”*, Hà Nội.
3. Chu Thị Hải Ninh, Đinh Thanh Ngọc, Nguyễn Đức Anh, Ngô Huyền Trâm (2023), *Giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy các môn học KTXD, khoa Doanh trại trong đào tạo sĩ quan hậu cần cấp phân đội, trình độ kỹ sư ngành kỹ thuật xây dựng ở HVHC*, Đề tài cấp Bộ Tổng tham mưu, Học viện Hậu cần, Hà Nội.

“QUYẾT TÂM ĐÁNH MỸ, THẮNG MỸ” ĐỈNH CAO BẢN LĨNH, TRÍ TUỆ, KHÁT VỌNG CỦA ĐẢNG VÀ DÂN TỘC VIỆT NAM

Đại tá, PGS.TS. ĐOÀN QUYẾT THẮNG

Khoa Công tác đảng - công tác chính trị, Học viện Hậu cần

Cách đây đúng một nửa thế kỷ, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước kết thúc thắng lợi. Dân tộc ta đã làm nên một trang lịch sử chói lọi, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, bản lĩnh, trí tuệ và khát vọng của cả dân tộc; một chiến công vĩ đại mang tầm thế kỷ và có tính thời đại sâu sắc.

I Ngay từ đầu cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đảng Lao động Việt Nam đã đề ra đường lối, phương pháp cách mạng đúng đắn, sáng tạo thể hiện bản lĩnh độc lập, tự chủ để lãnh đạo toàn thể dân tộc tiến hành cuộc kháng chiến cực kỳ gay go, quyết liệt, song vô cùng anh dũng chống lại một đế quốc đầu sỏ. Một trong những thành công nổi bật trong đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Đảng ta là xác định “Quyết tâm đánh Mỹ, thắng Mỹ” - đỉnh cao của bản lĩnh, trí tuệ, khát vọng của toàn dân tộc.

Đến cuối năm 1964 đầu năm 1965, chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ, Ngụy ở miền Nam căn bản bị thất bại trước sức tiến công mạnh mẽ của cách mạng miền Nam. Chính người Mỹ đã phải thốt lên rằng: “Tình hình ở Việt Nam đang xấu đi và nếu Mỹ không có hành động mới thì thất bại là tất yếu... Nguy cơ thất bại của Mỹ ở Việt Nam là cực kỳ cao”. Trước nguy cơ đó và trong thế bị động, Mỹ quyết định chuyển sang chiến lược chiến tranh mới: “Chiến tranh cục bộ”, ồ ạt đưa 20 vạn quân Mỹ và chư hầu vào trực tiếp chiến đấu trên chiến trường miền Nam, cùng với việc tăng cường các loại vũ khí, phương tiện chiến tranh hiện đại. Đồng thời, Mỹ mở rộng chiến

tranh phá hoại ra miền Bắc bằng không quân và hải quân, “nhằm giúp đỡ nhân dân và chính phủ Nam Việt Nam giành thắng lợi trong cuộc đấu tranh của họ chống lại mưu đồ của cộng sản được sự chỉ đạo và hậu thuẫn từ bên ngoài”.

Trước tình hình cực kỳ nghiêm trọng đó, bạn bè quốc tế rất lo lắng, có nhiều ý kiến trái ngược nhau về cuộc kháng chiến của dân tộc ta. Trong nội bộ của ta cũng có những băn khoăn, lo lắng trước sức mạnh to lớn của kẻ thù và diễn biến mới của cuộc chiến tranh.

Trong hoàn cảnh ấy, Đảng Lao động Việt Nam đã kịp thời xác định “quyết tâm đánh Mỹ, thắng Mỹ” cho toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta. Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 12 (tháng 12/1965) khẳng định: “Chúng ta phải động viên lực lượng cả nước, kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ trong bất kỳ tình huống nào để bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam... Nhiệm vụ cứu nước hiện nay là nhiệm vụ thiêng liêng của cả dân tộc ta”. Quyết tâm đó là một chủ trương đúng đắn, chính xác của Đảng, là khát vọng cháy bỏng của cả dân tộc ta, mà không phải là phiêu lưu,

mạo hiểm. Đó là “bước ngoặt lớn” của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Việc Đảng xác định “Quyết tâm đánh Mỹ, thắng Mỹ” đã củng cố niềm tin, tinh thần, tư tưởng, tiếp thêm sức mạnh, đồng thời khơi dậy khát vọng độc lập thống nhất, tự do cho quân, dân cả nước trước bước phát triển mới của cuộc kháng chiến.

Để xác định “Quyết tâm đánh Mỹ, thắng Mỹ” một cách đúng đắn, chính xác, Đảng ta đã xuất phát trên cơ sở đánh giá đúng kẻ thù của dân tộc: Đế quốc Mỹ là kẻ thù xâm lược, đe dọa hoà bình, độc lập, thống nhất của dân tộc ta. Do đó, chúng ta không bất ngờ trước việc quân Mỹ vào miền Nam ngày càng nhiều và thay đổi chiến lược chiến tranh. Trung ương khẳng định: “Mục đích chính trị của đế quốc Mỹ ở miền Nam vẫn là tiếp tục thực hiện chính sách thực dân kiểu mới, tính chất cơ bản của cuộc chiến tranh của Mỹ ở miền Nam vẫn là chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới”. Đảng ta còn dựa trên cơ sở phân tích, đánh giá đúng kẻ thù, tức là chỉ rõ những điểm mạnh, yếu của chúng. Mỹ là kẻ thù có tiềm lực kinh tế và quân sự hùng mạnh nhất trong phe đế quốc. “Mỹ muốn chứng tỏ rằng lực lượng quân sự, kinh tế khổng lồ của chúng có thể đè bẹp mọi phong trào giải phóng dân tộc và ngăn chặn bước tiến của chủ nghĩa xã hội ở bất cứ nơi nào trên thế giới”. Tuy nhiên, ở thời điểm đó, sức mạnh của Mỹ huy động vào chiến tranh xâm lược Việt Nam là có giới hạn. Hơn nữa, Mỹ đưa quân đội vào miền Nam trong thế bị động, “Chiến tranh đặc biệt” đã thất bại thảm hại, Ngụy quyền trung ương lục đục, mâu thuẫn với chính quyền Mỹ; Ngụy quân có nguy cơ tan rã, sụp đổ. Chỗ yếu cơ bản nhất của Mỹ từ trước đến nay vẫn là về chính trị. Quân đội Mỹ trực tiếp tham gia chiến tranh thì bộ mặt cướp nước bị bóc trần. Chiến tranh xâm lược của Mỹ là phi nghĩa, nên quân

Mỹ chiến đấu không có lý tưởng, tinh thần thấp kém, lại buộc phải chiến đấu trên chiến trường trong điều kiện bất lợi về nhiều mặt địa hình, khí hậu, công tác bảo đảm hậu cần... Do chiến tranh xâm lược phi nghĩa, nên càng mở rộng chiến tranh xâm lược Việt Nam, Mỹ càng bị cô lập trên thế giới và ngay cả trong nước Mỹ.

Từ sự phân tích đó, Đảng ta khẳng định “Mỹ giàu nhưng không mạnh”. Ngược lại, về phía chúng ta, Nghị quyết của Đảng phân tích và chỉ rõ: Trải qua 10 năm thực hiện 2 nhiệm vụ chiến lược ở hai miền, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã xây dựng được lực lượng to lớn về mọi mặt, cách mạng đang phát triển thuận lợi. Bên cạnh đó, chúng ta còn nhận được sự đồng tình, ủng hộ tích cực, giúp đỡ to lớn cả về vật chất, tinh thần của các nước xã hội chủ nghĩa, của phong trào yêu chuộng hòa bình, công lý trên thế giới. Thực tế trên chiến trường, quân và dân ta đã đánh bại “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ - Ngụy, đã đánh bại quân viễn chinh Mỹ ngay trong những trận đầu giáp mặt như Vạn Tường, Núi Thành.... Vì vậy, nhất định sẽ đánh bại các chiến lược chiến tranh khác của Mỹ.

2. Sự phân tích, đánh giá chính xác, khoa học trên đây đã giúp cho ■ những người còn băn khoăn, lo lắng về sức mạnh của kẻ thù có được niềm tin chắc chắn vào khả năng của chúng ta và quyết tâm của Đảng, cùng cả dân tộc đoàn kết, đồng lòng tiến hành cuộc chiến đấu đến thắng lợi cuối cùng. “Quyết tâm đánh Mỹ, thắng Mỹ” của Đảng là sự khẳng định truyền thống, khát vọng, ý chí quyết chiến, quyết thắng kẻ thù xâm lược của dân tộc ta trong thời đại mới. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định rõ điều này: “Cuộc kháng chiến chống Mỹ có thể còn kéo dài. Đồng bào ta có thể còn phải hy sinh nhiều của, nhiều người. Dù sao chúng ta phải quyết tâm đánh giặc Mỹ

đến thắng lợi hoàn toàn... Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải rút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà”.

“Quyết tâm đánh Mỹ, thắng Mỹ” của Đảng còn có ý nghĩa củng cố niềm tin cho bạn bè quốc tế về cuộc kháng chiến chính nghĩa, về khả năng chiến thắng của dân tộc ta, về sách lược linh hoạt, sáng tạo của Đảng trong quan hệ quốc tế. Khi Mỹ đưa quân đội ồ ạt vào miền Nam, bạn bè quốc tế quan tâm, lo lắng cho chúng ta. Có nhiều ý kiến về khả năng kháng chiến của dân tộc ta; có tư tưởng “sợ Mỹ”, cho rằng ta đánh Mỹ chẳng khác nào “trứng chọi đá”, hoặc có người lo sợ “một đốm lửa có thể thiêu cháy cả khu rừng”; nghĩa là, sợ chiến tranh lan rộng, thậm chí thành một cuộc chiến tranh thế giới mới... Song, từ kinh nghiệm và thực tiễn, Đảng ta đã khẳng định quyết tâm “toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta cần cố gắng vượt bậc, tập trung lực lượng của cả nước, kiên quyết đẩy mạnh đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị, đánh bại đế quốc Mỹ và bẻ gãy tay sai trên chiến trường chính là miền Nam”. Quyết tâm của Đảng và thực tiễn cuộc kháng chiến của cả dân tộc ta đã giúp cho bạn bè quốc tế hiểu hơn về chủ trương đúng đắn của Đảng, về cuộc kháng chiến của dân tộc ta. Chính từ đó chúng ta đã tranh thủ được sự đồng tình ủng hộ cả về vật chất và tinh thần của bạn bè quốc tế. Đồng thời, qua đó chống lại những quan điểm đi ngược lại chủ trương của Đảng, quyết tâm, khát vọng của dân tộc ta của các thế lực phản động quốc tế và những kẻ “mang danh Cộng sản” nhưng lại luôn muốn áp đặt tư tưởng nước lớn, chỉ phối, gây sức ép với ta. Do đó, một lần nữa, bản lĩnh độc lập, tự chủ, sáng tạo trong hoạch định đường lối của Đảng ta được thể hiện, khẳng

định. “Thắng lợi vĩ đại của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của dân tộc ta trước hết là thắng lợi của đường lối chính trị, đường lối quân sự độc lập, tự chủ, đúng đắn, sáng tạo của Đảng ta”.

3

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước oanh liệt, thắng lợi vẻ vang đã lùi xa một nửa thế kỷ, song tầm vóc, ý nghĩa to lớn của chiến công đó còn nguyên giá trị với sự nghiệp cách mạng của Đảng, Nhân dân ta trong giai đoạn hiện nay.

50 năm qua, từ ngày thống nhất đất nước, non sông liền một dải, cả nước bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; đặc biệt, qua 40 năm thực hiện đường lối đổi mới toàn diện đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, dưới sự lãnh đạo đúng đắn, vững vàng, bản lĩnh, trí tuệ của Đảng Cộng sản Việt Nam, “Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay” mà mỗi cán bộ, đảng viên và Nhân dân đều có quyền tự hào. Sự nghiệp cách mạng của Đảng và Nhân dân ta trong kỷ nguyên mới đang đứng trước cả thời cơ, thuận lợi và thách thức, khó khăn từ bối cảnh trong nước, khu vực, quốc tế đem lại. Vấn đề cấp bách hiện nay đặt ra là cần nhận diện rõ và có những chiến lược hợp lý, tận dụng được thời cơ, khắc chế nguy cơ, quyết tâm vượt qua khó khăn để phát triển đất nước nhanh, bền vững, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong hội nhập và phát triển.

“Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc” không chỉ là điểm nhấn quan trọng trong tư duy, sự phát triển nhận thức của Đảng về sức mạnh nội sinh của dân tộc và phương thức phát triển đất nước trong bối cảnh mới, mà còn là lời hiệu triệu đoàn kết, đồng lòng, là quyết tâm hiện thực hóa khát vọng lớn lao của cả dân tộc ta bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Để hiện thực hóa

khát vọng đó, trong giai đoạn hiện nay, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân cần thực hiện tốt:

Một là, luôn kiên định và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn cách mạng, góp phần làm phong phú và phát triển lý luận cách mạng; kiên định nguyên tắc xây dựng Đảng; bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc; kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, từ khi nước chưa nguy. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, thực hiện hiệu quả chủ trương “kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế” trong xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

Hai là, giữ vững, tăng cường vai trò lãnh đạo, cầm quyền duy nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với cách mạng Việt Nam, là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Nêu cao trách nhiệm, vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu.

Ba là, quán triệt sâu sắc và thực hành triệt để quan điểm “Dân là gốc”. Phát huy vai trò chủ thể, vị trí trung tâm của Nhân dân. Mọi chủ trương, chính sách phải thật sự xuất phát từ nguyện vọng, quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của Nhân dân; kiên trì thực hiện phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”.

Bốn là, kiên định, chủ động đường lối đổi mới toàn diện, đồng bộ của Đảng, nhưng phải xác định trọng tâm, trọng điểm trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện đường lối đổi mới. Chủ động nghiên cứu, nắm bắt, dự báo sát, sớm, đúng tình hình, có tư duy chiến lược, đổi mới sáng tạo; có đối sách phù hợp, kịp thời, linh hoạt, hiệu quả.

Năm là, tích cực, chủ động ngăn ngừa, phòng, chống bệnh chủ quan duy ý chí, giáo điều, cơ hội, bảo thủ. Giải quyết tốt mối quan hệ giữa kế thừa, bổ sung và phát triển; kết hợp nhuần nhuyễn giữa tổng kết thực tiễn với nghiên cứu lý luận, với hoạch định chính sách và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

“Quyết tâm đánh Mỹ, thắng Mỹ” thực sự là đỉnh cao bản lĩnh, trí tuệ, khát vọng của đảng và dân tộc Việt Nam; là cội nguồn sức mạnh mang đến thắng lợi oanh liệt của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, chấm dứt ách thống trị tàn bạo hơn một thế kỷ của chủ nghĩa thực dân cũ và mới trên đất nước ta; mở ra bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử dân tộc, đưa nước ta vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội♦

Tài liệu tham khảo

1. Đảng cộng sản Việt Nam (1977), *Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (1994), *Một số văn kiện của Đảng về chống Mỹ, cứu nước, Tập 2*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
3. Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập, tập 12*, Nxb CTQG, Hà Nội.
4. R.S. McNamara (1995), *Nhìn lại quá khứ. Tấn thảm kịch và những bài học về Việt Nam*, Nxb CTQG, Hà Nội.

BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM VẬT CHẤT HẬU CẦN CHO LỰC LƯỢNG HẢI QUÂN TRONG CHIẾN DỊCH CHỐNG ĐỔ BỘ ĐƯỜNG BIỂN

Đại tá, TS. TÓNG HỮU PHƯƠNG
Khoa Hậu cần Chiến dịch, Học viện Hậu cần

ABSTRACT: *The naval force is the essential component conducting operations in the maritime direction during a campaign to attack enemy amphibious assaults. Providing logistics materials for the naval force is challenging and complex, requiring appropriate measures that closely align with the specific requirements and missions of each naval unit participating in the campaign. In this article are proposed measures for providing logistics materials for the naval force in a campaign to attack enemy amphibious assaults launched by coastal military regions in the Fatherland protection war.*

I. TÓM TẮT

Lực lượng hải quân (LLHQ) là thành phần chủ yếu tác chiến trên hướng biển trong chiến dịch chống đổ bộ đường biển (ĐBĐB). Bảo đảm vật chất hậu cần (VCHC) cho LLHQ rất khó khăn, phức tạp; đòi hỏi phải có biện pháp phù hợp, sát yêu cầu, nhiệm vụ của từng đơn vị hải quân tham gia chiến dịch. Bài viết nghiên cứu biện pháp bảo đảm VCHC cho LLHQ trong chiến dịch chống ĐBĐB do quân khu ven biển mở trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong chiến dịch chống ĐBĐB, nhiệm vụ của LLHQ là phối hợp với các đơn vị của quân khu, các đơn vị chủ lực trên địa bàn để tiến công ngăn chặn, làm suy yếu, giam chân địch, làm giảm nhịp độ đổ quân của địch, tạo điều kiện cho các lực lượng khác tiêu diệt địch. Đối tượng tác chiến của các LLHQ là lực lượng thủy bộ của địch trên biển (các thành phần trong đoàn tàu đổ bộ) và LLHQ đánh bộ địch đang bám vào bờ tại mép nước, đang phát triển tiến

công vào đất liền. Bảo đảm VCHC là một mặt công tác rất quan trọng trong bảo đảm hậu cần, kỹ thuật (HCKT), góp phần vào thắng lợi của LLHQ trong chiến dịch đánh địch ĐBĐB.

III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Trong chiến dịch chống ĐBĐB, do phải hoạt động tác chiến liên tục dài ngày (2 ÷ 3 tháng hoặc hơn), quân số và phương tiện nhiều nên nhu cầu VCHC bảo đảm cho LLHQ rất lớn. Ngoài lượng tiêu thụ trong các giai đoạn và lượng phải có sau tác chiến còn phải dự kiến cả lượng VCHC tổn thất. Thực tiễn trong kháng chiến chống Mỹ, lượng VCHC tổn thất của các đơn vị hải quân trong các trận đánh khoảng 10% ÷ 15% nhu cầu tiêu thụ. Trong tương lai, do địch sử dụng vũ khí công nghệ cao, chiến đấu ác liệt nên lượng tổn thất VCHC của LLHQ sẽ cao, dự kiến khoảng 15% ÷ 25% nhu cầu tiêu thụ.

Trong dự trữ VCHC, do đặc điểm tác chiến của các LLHQ tham gia chiến dịch

chống ĐBDB khác nhau, với nhiều quy mô, nhiều hình thức tác chiến khác nhau, trên các địa bàn khác nhau nên phân cấp lượng dự trữ cho từng đơn vị không giống nhau. Trên cơ sở tính chất, nhiệm vụ chiến đấu, vị trí, vai trò trong đội hình tác chiến, đối với LLHQ đánh bộ phải đạt được yêu cầu dự trữ phù hợp với khả năng cơ động và khả năng mang vác của bộ đội; đối với lực lượng tàu, cần phân cấp dự trữ VCHC hợp lý nhưng phải đồng bộ theo từng tàu.

Bổ sung vật chất cho các đơn vị hải quân được thực hiện trong các giai đoạn của chiến dịch chống ĐBDB. Thực hiện bổ sung sau trận chiến đấu hoặc một đợt tác chiến để chuẩn bị cho nhiệm vụ tiếp sau. Bổ sung phải đúng yêu cầu về số lượng, chủng loại, đồng bộ, chất lượng, thời gian, địa điểm. Phải xác định ưu tiên hợp lý cho hướng (khu vực) phòng ngự, phòng thủ then chốt, chủ yếu; đơn vị đánh trước có nhu cầu cấp bách, đơn vị có nhiều khó khăn, ở xa cần bổ sung trước. Trường hợp khẩn cấp mà chưa được bổ sung từ phía sau lên thì điều hòa VCHC giữa các hướng (khu vực), đơn vị.

Với khối lượng VCHC rất lớn, bảo đảm trong điều kiện không gian rộng, trên cả đất liền, biển, đảo) nên việc bảo quản, quản lý VCHC phải chặt chẽ ở tất cả các khâu trong quá trình bảo đảm, tốt về chất lượng, đủ về số lượng.

Để bảo đảm VCHC cho LLHQ trong chiến dịch chống ĐBDB, cần tập trung thực hiện tốt một số biện pháp sau:

Một là, xác định nhu cầu VCHC phù hợp với nhiệm vụ tác chiến của từng đơn vị. Trong chiến dịch chống ĐBDB, lực lượng hải quân đánh địch trên biển được tổ chức thành các nhóm đợt kích tàu tên lửa, tàu ngư lôi, tàu pháo, các phân đội tên lửa bờ; có nhiệm vụ tiến công các tàu, nhóm tàu

trong thành phần đoàn tàu đổ bộ của địch ở khu vực đổ tàu và trong quá trình đổ bộ lên bờ. Đối với lực lượng này, xác định nhu cầu VCHC phải tính toán theo từng đợt tác chiến trong chiến dịch của từng đơn vị.

Các đơn vị hải quân đánh bộ được tổ chức thành các lực lượng quy mô cỡ tiểu đoàn hoặc tiểu đoàn tăng cường. Ngoài ra, khi cần thiết có thể sử dụng các phân đội đặc công hải quân, được bố trí trên các khu vực, điểm đổ bộ chủ yếu của địch, có nhiệm vụ tiến công địch tại mép nước và trên đất liền, phối hợp với các đơn vị trong khu vực phòng thủ của quân khu để tiến công ngăn chặn không cho địch đổ quân lên bờ, tiêu hao, tiêu diệt, giam chân, làm chậm nhịp độ đổ quân và tiến công của địch. Do vậy, với LLHQ đánh bộ, đặc công hải quân phải xác định nhu cầu VCHC theo từng trận chiến đấu trong chiến dịch.

Lực lượng bảo đảm tác chiến của hải quân bao gồm các lực lượng: Trinh sát chiến thuật, chỉ thị mục tiêu ở trên không, trên biển; bảo đảm hậu cần, kỹ thuật. Lực lượng này có thể tổ chức thành các nhóm tàu hoặc tốp tàu bảo đảm. Riêng bộ phận bảo đảm cho lực lượng tiến công địch tại mép nước và trên đất liền, ngoài bộ phận bảo đảm HCKT còn có lực lượng trinh sát nắm địch, bảo đảm công binh, bảo đảm cho cơ động. Với các lực lượng này phải xác định nhu cầu VCHC bảo đảm cho đơn vị làm nhiệm vụ trong cả chiến dịch.

Do phải bảo đảm cho nhiều lực lượng, nhu cầu VCHC của mỗi LLHQ khác nhau; cho nên, HCKT hải quân, nòng cốt là HCKT các vùng hải quân, phải căn cứ nhiệm vụ, đặc điểm, thời gian hoạt động tác chiến của từng lực lượng để xác định nhu cầu VCHC cho phù hợp.

Hai là, dự trữ và phân cấp dự trữ VCHC đồng bộ, hợp lý ở HCKT các cấp.

Để bảo đảm VCHC cho các LLHQ tham gia chiến dịch chống ĐBDB phải tổ chức dự trữ ở HCKT Quân chủng, HCKT vùng hải quân, HCKT các đơn vị tham gia chiến dịch. Vật chất hậu cần được phân cấp dự trữ hợp lý, nhưng phải đồng bộ để bảo đảm kịp thời cho các lực lượng.

Hậu cần - kỹ thuật Quân chủng tổ chức dự trữ VCHC ở các căn cứ HCKT Quân chủng, gồm các loại vật chất như xăng dầu, thuốc quân y, vật chất quân nhu sẵn sàng bảo đảm cho các vùng hải quân.

Hậu cần - kỹ thuật vùng hải quân dự trữ đầy đủ các loại VCHC bảo đảm cho các LLHQ tham gia chiến dịch, với khối lượng tương đối lớn. Riêng gạo, thực phẩm, HCKT vùng liên hệ, hiệp đồng với các địa phương trên địa bàn quân khu để thu mua và cung cấp cho các đơn vị. Lượng vật chất này được tổ chức dự trữ cả ở căn cứ HCKT vùng trên đất liền, dự trữ trên các tàu bảo đảm (tàu chở dầu, tàu chở nước, tàu chở hàng khô, tàu quân y) và có thể dự trữ cả ở kho trạm trên các đảo gần bờ để sẵn sàng bảo đảm.

Đối với HCKT các đơn vị tàu chiến đấu, tổ chức dự trữ đầy đủ, đồng bộ VCHC ở kho lữ đoàn và trên các tàu thuộc các biên đội tàu chiến đấu. Với đặc thù của đơn vị tàu, đây là lực lượng đánh địch trên biển, được sử dụng chủ yếu để tiến công vào các tàu, nhóm tàu trong thành phần đoàn tàu đổ bộ của địch ở khu vực đổ tàu và trong giai đoạn địch đổ bộ lên bờ. Khi hoạt động trên biển, việc bảo đảm hậu cần trên các tàu là độc lập. Do vậy, VCHC phải dự trữ đầy đủ, đồng bộ trên các tàu. Một số loại VCHC phải dự trữ đồng bộ cả ở kho trên đất liền, trên các tàu vận tải. Chú ý dự trữ đủ 1 cơ sở nước ngọt theo từng tàu. Tuy nhiên, việc dự trữ trên các tàu phải được tính toán, cân đối, phù hợp với khả năng

chứa trữ của tàu, không làm ảnh hưởng đến khả năng cơ động, chiến đấu của tàu.

Đối với các đơn vị hải quân đánh bộ, đặc công hải quân, tùy theo nhiệm vụ của từng bộ phận, HCKT lữ đoàn quy định dự trữ cho phù hợp. Lực lượng hải quân đánh bộ làm nhiệm vụ phòng ngự phải dự trữ đầy đủ, đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, có chiều sâu; làm nhiệm vụ tiến công địch ở tuyến mép nước thì dự trữ gọn nhẹ, tiện cơ động. Các đơn vị xe tăng, thiết giáp thuộc lữ đoàn hải quân đánh bộ dự trữ đầy đủ, đồng bộ các loại VCHC, riêng dầu diezen dự trữ đủ 1 cơ sở trên từng xe.

Đối với các đơn vị bảo đảm tác chiến, HCKT Quân chủng, HCKT vùng căn cứ vào nhiệm vụ của các đơn vị trong các giai đoạn để tổ chức dự trữ cho phù hợp với nhiệm vụ bảo đảm tác chiến.

Ba là, tiếp nhận, bổ sung VCHC cho các đơn vị hải quân tham gia chiến dịch trong các giai đoạn, cả ở trên đất liền, trên biển. Tiếp nhận, bổ sung vật chất cho các LLHQ tham gia chiến dịch chống ĐBDB nhằm cung cấp đủ nhu cầu vật chất bảo đảm cho các đơn vị thực hiện nhiệm vụ chiến đấu trong các giai đoạn của chiến dịch.

Trong giai đoạn chuẩn bị: Đối với các đơn vị tàu, trước khi hành quân vào khu vực tập trung bí mật, xăng dầu, đạn dược phải bổ sung đủ 1 cơ sở; lương thực, thực phẩm bổ sung đủ theo số ngày ăn đã quy định cho các loại tàu. Do thời gian giai đoạn chuẩn bị ngắn nên phải vận dụng nhiều phương pháp bổ sung vật chất khác nhau, kết hợp vừa bổ sung tên lửa, ngư lôi cho các tàu vừa bổ sung các loại VCHC. Riêng dầu diezen, có thể kết hợp sử dụng xe xitec và tàu dầu bổ sung cho một số tàu tại cảng, các tàu còn lại về kho xăng dầu vùng để tiếp nhận. Đồng thời, có thể bổ sung sau

khi đơn vị đã triển khai ở khu vực tập trung bí mật (bổ sung dầu, nước đối với một số loại tàu nhỏ để đảm bảo đủ cơ sở quy định).

Đối với các đơn vị hải quân đánh bộ, pháo binh, tên lửa bờ biển tại khu vực tập trung bí mật và tại trận địa phải bổ sung đủ cơ sở đạn dược, xăng dầu, lương thực, thực phẩm theo quy định cho các đơn vị chiến đấu. Đối với lực lượng bảo đảm tác chiến, trong giai đoạn này bổ sung các loại VCHC đủ lượng phải có trước giờ quy định, ưu tiên cho các đơn vị làm nhiệm vụ trước.

Giai đoạn thực hành tác chiến: Lực lượng đánh địch trên biển được tổ chức thành các nhóm đột kích tàu lên lửa, tàu phóng lôi, tàu pháo, các phân đội tên lửa - pháo bờ. Do vậy, HCKT đơn vị tàu phải nắm chắc thời cơ thực hiện các đòn công kích tên lửa, ngư lôi, vị trí, VCHC còn lại của các tàu sau đòn tiến công để bổ sung kịp thời vật chất cho các tàu ở trên biển. Sử dụng các tàu vận tải (tàu chở dầu, chở nước, chở hàng khô) bổ sung cho các tàu chiến đấu tại các vị trí hiệp đồng trên biển hoặc các tàu chiến đấu về đảo gần bờ có bố trí kho trạm HCKT để tiếp nhận VCHC.

Lực lượng hải quân đánh bộ tiến công địch tại mép nước và trên đất liền được tổ chức nhằm phối hợp với các đơn vị trong khu vực phòng thủ và các lực lượng khác, tiến công ngăn chặn không cho địch đổ quân lên bờ, tiêu hao, tiêu diệt, giam chân, làm chậm nhịp độ đổ quân và tiến công của địch. Bổ sung VCHC cho lực lượng này theo kế hoạch bảo đảm HCKT đã xác định hoặc bổ sung đột xuất, thường bổ sung sau trận chiến đấu hoặc cuối ngày chiến đấu, nếu có tình huống thì tiến hành bổ sung ngay theo yêu cầu của đơn vị.

Kết thúc chiến dịch: Tổ chức tiếp nhận, bổ sung VCHC cho các LLHQ tham gia chiến dịch bảo đảm thực hiện nhiệm vụ

tiếp theo. Vật chất hậu cần bổ sung cho các đơn vị đủ lượng phải có theo quy định, tối thiểu phải bằng lượng VCHC dự trữ sẵn sàng chiến đấu.

Bốn là, quản lý chặt chẽ VCHC cả ở kho các cấp, trên tàu và ở các đơn vị. Trong chiến dịch đánh địch ĐBĐB, vật chất hậu cần bảo đảm cho các LLHQ tham gia chiến dịch có khối lượng lớn, nhiều chủng loại, đòi hỏi việc quản lý phải được thực hiện một cách chặt chẽ, đăng ký, thống kê đầy đủ, đúng quy định trong quá trình tiếp nhận, cấp phát, vận chuyển và sử dụng.

Điều kiện khí hậu, thời tiết trên biển, đất liền ven biển gây nhiều tác động xấu tới chất lượng VCHC; hơn nữa, VCHC được dự trữ, vận chuyển qua nhiều môi trường khác nhau, dễ gây hư hỏng vật chất; do vậy, cần phải tổ chức bảo quản, chấp hành nghiêm chế độ bảo quản tại kho, trên tàu; trang bị các phương tiện bảo quản để bảo đảm chất lượng VCHC.

IV. KẾT LUẬN

Lực lượng hải quân là một trong những thành phần chủ yếu tham gia tác chiến trên hướng biển trong chiến dịch chống ĐBĐB. Bảo đảm HCKT nói chung, bảo đảm VCHC nói riêng có vai trò hết sức quan trọng. Bảo đảm đầy đủ, đồng bộ, kịp thời các loại VCHC sẽ góp phần tạo nên thắng lợi của các LLHQ trong tác chiến♦

Tài liệu tham khảo

1. Quân chủng Hải quân (2009), *Bảo đảm hậu cần cho các LLHQ trong chiến dịch chống đổ bộ đường biển*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Quân chủng Hải quân (2014), *Sử dụng hải quân trong tác chiến bảo vệ biển, đảo*, Nxb QĐND, Hà Nội.

BÀN VỀ BẢO ĐẢM QUÂN Y TRUNG ĐOÀN BỘ BINH CHIẾN ĐẤU PHÁ VÂY TRONG PHÒNG NGỰ

Thượng tá, TS. LÊ ĐÌNH QUÂN
Chủ nhiệm Hậu cần - Kỹ thuật, Học viện Hậu cần

ABSTRACT: *Military medical support is an essential component of logistic and technical support, contributing significantly to the combat effectiveness and success of units. Based on theoretical research, practical experience, and influencing factors, in this article are proposed several measures for providing military medical support for an infantry regiment conducting breakout operations with the support of higher-level forces and local defensive zones to escape encirclements in defensive operations.*

I. TÓM TẮT

Bảo đảm quân y (BDQY) là một nội dung quan trọng của bảo đảm hậu cần - kỹ thuật (HC-KT), góp phần bảo đảm cho các đơn vị chiến đấu giành thắng lợi. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận, thực tiễn và các yếu tố tác động, bài viết đề xuất một số biện pháp BDQY trung đoàn bộ binh (eBB) chiến đấu phá vây (có sự hỗ trợ của lực lượng cấp trên và khu vực phòng thủ (KVPT) địa phương) để thoát vây trong phòng ngự.

II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong chiến đấu phòng ngự, eBB thường đảm nhiệm phòng ngự trên hướng chủ yếu của sư đoàn, nơi địch tập trung lực lượng chủ yếu để tiến công nhằm đánh bại lực lượng của ta. Do đó, quá trình phòng ngự, eBB có thể rơi vào thế bị bao vây cô lập, thương vong lớn, sức chiến đấu giảm, nếu không chiến đấu phá vây thì nguy cơ bị sát thương lớn. Để thoát vây, eBB phải tập trung nỗ lực giải quyết nhiều vấn đề, cả về chiến thuật và các mặt bảo đảm; trong đó, BDQY là yếu tố quan trọng, tác động tới tinh thần, tư tưởng của bộ đội, ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả chiến đấu của eBB.

Trong chiến tranh giải phóng, hậu cần các trung đoàn bộ binh đã tiến hành BDQY cho đơn vị thực hiện nhiều trận chiến đấu phá vây và để lại nhiều kinh nghiệm quý. Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (BVTQ), đối tượng chiến đấu của eBB là lực lượng địch có sự phát triển cả về vũ khí trang bị và nghệ thuật tác chiến. Mặt khác, chiến thuật eBB chiến đấu phá vây có sự phát triển hơn trước. Vì vậy, phải nghiên cứu các biện pháp BDQY trung đoàn bộ binh chiến đấu phá vây phù hợp điều kiện mới.

III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Đối tượng chiến đấu trực tiếp của eBB là lực lượng của sư, lữ bộ binh, bộ binh cơ giới (BBCG) địch đang tiến công, bao vây. Địch thường sử dụng: Hướng chính diện khoảng 1lưBBCG và từ 1d(-) ÷ 1dXT; bên sườn, có thể từ 1 ÷ 2dBBCG, kết hợp đổ bộ đường không (ĐBĐK) phía sau khu vực phòng ngự của ta khoảng 1cBB ÷ 1dBB, tạo thành thế bao vây nhiều hướng. Địch có khả năng cơ động linh hoạt để hình thành thế bao vây và truy kích nhanh.

Trung đoàn bộ binh chiến đấu trong vòng vây địch được sư đoàn trực tiếp

chi viện hỏa lực không chế pháo binh, hạn chế hoạt động không quân, trực thăng vũ trang của địch. Đồng thời, sư đoàn sử dụng lực lượng tiến công giải vây đánh vào bên sườn, phía sau đội hình bao vây của địch, buộc địch phải phân tán lực lượng, phương tiện đối phó, giảm áp lực tiến công, nóng lán; tạo điều kiện, thời cơ cho eBB thực hành phá vây để thoát vây. Tuy nhiên, do bị địch bao vây nên khả năng tăng cường lực lượng quân y (LLQY) và tổ chức lực lượng vận chuyển thương binh, bệnh binh (TBBB) về tuyến sau của HC-KT sư đoàn cho trung đoàn rất hạn chế. Bên cạnh đó, eBB chiến đấu phá vây trong điều kiện thời gian chuẩn bị chiến đấu ngắn (khoảng 1/2 ngày), yêu cầu khẩn trương, trong khi lực lượng, phương tiện của HC-KT trung đoàn đã bị thương vong tổn thất trong chiến đấu phòng ngự. Mặt khác, chiến đấu phá vây để thoát vây, eBB thường phải tổ chức thành nhiều bộ phận, như: Bộ phận nghi binh, tạo thế; bộ phận tiến công phá vây, yểm trợ; bộ phận thoát vây; bộ phận chặn địch; bộ phận hỏa lực; bộ phận dự bị binh chủng hợp thành; bộ phận dự bị binh chủng; bộ phận sở chỉ huy; bộ phận HC-KT... Do đó, HC-KT trung đoàn cùng lúc phải bảo đảm cho nhiều bộ phận, nhu cầu cứu chữa, vận chuyển TBBB có thể lớn, rải rác trên phạm vi rộng trong điều kiện cơ động, biến động cao. Song, do LLQY, lực lượng vận tải eBB có hạn nên khả năng hoàn thành nhiệm vụ cứu chữa, vận chuyển TBBB cho các bộ phận gặp nhiều khó khăn.

Từ những vấn đề trên, để nâng cao hiệu quả BĐQY trung đoàn bộ binh phá vây, cần thực hiện một số biện pháp sau:

Một là, tổ chức, sử dụng, bố trí LLQY phù hợp. Tổ chức, sử dụng, bố trí LLQY là sự sắp xếp lực lượng quân y vào các vị trí nhất định, phù hợp với tổ chức, sử dụng, bố trí lực lượng HC-KT, quyết tâm chiến đấu của eBB. Tổ chức, sử dụng, bố trí LLQY

hợp lý sẽ bảo đảm được tính kịp thời trong cứu chữa, vận chuyển TBBB, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình cứu chữa, điều trị và giảm tỉ lệ tàn phế cho TBBB. Khi tổ chức, sử dụng, bố trí LLQY trung đoàn bộ binh phải căn cứ vào trường hợp phá vây, quyết tâm chiến đấu phá vây của trung đoàn trưởng; phương án tổ chức, sử dụng, bố trí lực lượng của chủ nhiệm HC-KT; khả năng BĐQY sư đoàn, khả năng chi viện của đơn vị bạn, địa phương; khả năng của quân y eBB; thủ đoạn tiến công, bao vây của địch và tình hình địa hình, thời tiết trong khu vực chiến đấu phá vây.

Nghiên cứu thực tiễn bảo đảm quân y eBB chiến đấu trong vòng vây và phá vây trong chiến tranh giải phóng, như: Trung đoàn Phạm Hồng Thái và Chi đội 15 chiến đấu phá vây ở Láng Le, quận Chợ Lớn (ngày 15/4/1948); eBB48 chiến đấu phá vây trong đợt chống càn Thủy Ngân (Mecquya) ở vùng địch hậu Thái Bình (từ ngày 26/3 ÷ 06/4/1952); eBB98, Đại đoàn 316 chiến đấu trong vòng vây và phá vây ở Quế Dương - Võ Giàng, Bắc Ninh (từ ngày 18/4 ÷ 24/4/1952); eBB6 chiến đấu phá vây ở thành phố Huế (từ 22/02 ÷ 25/02/1968); eBB48 chiến đấu phá vây khi phòng ngự thành cổ Quảng Trị (ngày 16/9/1972)... cho thấy, quân y phải tổ chức bảo đảm trong điều kiện eBB bị bao vây, cô lập với cấp trên; LLQY đã bị thương vong tổn thất bởi sự ác liệt của trận chiến đấu phòng ngự trước đó; khả năng kết hợp với hậu cần tại chỗ rất hạn chế. Do đó, để bảo đảm cho các đơn vị chiến đấu, quân y eBB thường tổ chức thành các kíp mổ và các thành phần quân y khác trong các bộ phận HC-KT, bám sát các tiểu đoàn để bảo đảm.

Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (nếu xảy ra), eBB chiến đấu phá vây được tiến hành trong những điều kiện mới so với trước đây. Lực lượng của eBB phải phân tán thành

nhiều bộ phận, thực hiện các nhiệm vụ khác nhau, phạm vi chiến đấu rộng. Với LLQY của eBB còn lại sau trận chiến đấu phòng ngự, khi chiến đấu phá vây, HC-KT trung đoàn có thể tăng cường cho bộ phận nghi binh tạo thế tổ quân y. Lực lượng quân y còn lại được tổ chức như sau: tổ quân y đến kíp mổ bảo đảm cho bộ phận tiến công phá vây, yểm trợ của eBB; kíp mổ bảo đảm cho bộ phận chặn địch; đại đội quân y (thiếu) của eBB và LLQY cấp trên tăng cường (từ trận chiến đấu phòng ngự) bảo đảm cho lực lượng thoát vây của eBB; kíp mổ bảo đảm cho bộ phận chặn địch.

Hai là, thu hẹp phạm vi cứu chữa của tuyến quân y tiểu đoàn, eBB. Trung đoàn bộ binh chiến đấu phá vây trong điều kiện địch bao vây, cô lập, đánh phá ác liệt.... Vì vậy, tỉ lệ TBBB sẽ cao, tính chất vết thương phức tạp, có thể dồn dập ở một số thời điểm nhất định (nhất là ở bộ phận chặn địch và bộ phận tiến công phá vây), thường vượt quá khả năng của quân y eBB. Mặt khác, trong quá trình chiến đấu phá vây, quân y eBB phải thường xuyên cơ động, bám sát đội hình để thoát vây nên điều kiện cứu chữa TBBB gặp nhiều khó khăn. Do đó, biện pháp thu hẹp phạm vi cứu chữa ở cả tuyến tiểu đoàn, eBB là cần thiết.

Thu hẹp phạm vi cứu chữa là giảm bớt các biện pháp kỹ thuật cần phải thực hiện trong thể loại cứu chữa quy định. Đối với tuyến quân y tiểu đoàn, khi thương binh về dồn dập, quá khả năng, HC-KT trung đoàn chỉ đạo thu hẹp phạm vi cứu chữa của tuyến quân y tiểu đoàn. Khi đó, quân y tiểu đoàn sẽ tập trung vào một phần nhiệm vụ bổ sung cấp cứu và cấp cứu đầu tiên. Với tuyến quân y eBB có thể thu hẹp một phần trong phạm vi cứu chữa. Lúc này, tuyến quân y eBB thực hiện các biện pháp khẩn cấp nhằm cứu sống TBBB hoặc thu hẹp toàn bộ phạm vi cứu chữa; khi đó, tuyến quân y eBB

chỉ thực hiện các biện pháp kỹ thuật của thể loại bổ sung cấp cứu của tuyến quân y tiểu đoàn. Thực hiện thu hẹp một phần trong phạm vi cứu chữa, tuyến quân y eBB sẽ tập trung vào nhiệm vụ cứu chữa bước đầu (CCBD) loại 1 cho TBBB nặng bị đe dọa trực tiếp đến tính mạng. Đối với TBBB cần CCBD loại 2 và số thương binh còn lại, quân y eBB phân loại và bổ sung cấp cứu, bàn giao cho lực lượng vận tải mang theo đội hình cơ động thoát vây hoặc gửi vào các cơ sở y tế địa phương.

Để thu hẹp phạm vi cứu chữa của quân y trung đoàn, HC-KT trung đoàn phải nắm chắc tình hình, diễn biến chiến đấu, tình hình thương vong trên các bộ phận; nhanh chóng kiện toàn tổ chức, bổ sung nhiệm vụ cho các LLQY; nắm vững khả năng BĐQY của các đơn vị ở từng thời điểm để chỉ đạo thu hẹp phạm vi cứu chữa các tuyến khi cần thiết. Hiệp đồng chặt chẽ với hậu cần tại chỗ và HC-KT cấp trên về số lượng TBBB chưa thực hiện cứu chữa theo phạm vi ở tuyến eBB, tình trạng thương tật, phạm vi trách nhiệm cứu chữa, điều trị tiếp theo, phương pháp tiếp nhận, vận chuyển TBBB về tuyến sau.

Ba là, kết hợp chặt chẽ giữa vận chuyển TBBB theo đội hình thoát vây với gửi vào các cơ sở hậu cần nhân dân. Bảo đảm quân y eBB chiến đấu phá vây được tiến hành trong những điều kiện hết sức khó khăn, phức tạp do tính chất cơ động của chiến đấu phá vây và số lượng TBBB của trận chiến đấu trước đó thường rất lớn; trong khi LLQY, vận tải của eBB đã bị thương vong, tổn thất trong trận chiến đấu trước, khả năng cứu chữa, thu dung, điều trị và vận chuyển có nhiều hạn chế; việc kết hợp với lực lượng quân, dân y trên địa bàn chiến đấu có nhiều khó khăn. Mặt khác, trong chiến đấu phá vây, địch thường tập trung lực lượng hơn ta nhiều lần, thực hiện

bao vây, chủ động tiến công các lực lượng của ta. Trung đoàn bị cô lập trong vòng vây của địch nhiều ngày, lực lượng, phương tiện thương vong, tổn thất không được bổ sung kịp thời; thể trận của eBB và cấp trên bị phá vỡ, khó khôi phục, sức chiến đấu giảm sút nhanh chóng; trong khi đó, lực lượng cấp trên, bạn quân và địa phương ngày càng bị địch chia cắt... Thực tiễn, trận chiến đấu trong vòng vây và phá vây của eBB98 ở Quế Dương - Võ Giàng, Bắc Ninh, quá trình chiến đấu, eBB98 đã vận chuyển 54 TBBB theo đội hình thoát vây, gửi vào các hầm bí mật trong các cơ sở thôn, xã và nhân dân trực tiếp cất giấu, chăm sóc gần 80 TBBB.

Trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm quân y eBB chiến đấu phá vây sẽ có nhiều khó khăn, phức tạp hơn so với chiến tranh trước đây. Do vậy, căn cứ vào nhiệm vụ của từng bộ phận, quân y eBB cần có những biện pháp cứu chữa, chuyển thương phù hợp và kết hợp chặt chẽ giữa vận chuyển TBBB theo đội hình thoát vây với gửi vào các cơ sở hậu cần nhân dân, cụ thể:

Đối với bộ phận nghi binh, tạo thế: Sử dụng lực lượng cứu thương, y tá của bộ phận nghi binh, tạo thế và tổ quân y, vận tải bộ của eBB tăng cường bám sau để cứu chữa và vận chuyển TBBB ra ngoài vòng vây địch. Khi bộ phận nghi binh, tạo thế ra ngoài vòng vây địch; chọn nơi bí mật, an toàn tiếp tục cứu chữa TBBB; đề nghị cấp trên vận chuyển, cứu chữa TBBB; hiệp đồng với quân y đơn vị bạn và y tế địa phương sẵn sàng bảo đảm cho bộ phận này.

Đối với bộ phận tiến công phá vây, yểm trợ: Sử dụng lực lượng vận tải bộ và tổ quân y của bộ phận HC-KT bảo đảm cho tiến công phá vây, yểm trợ để cứu chữa và vận chuyển TBBB ra ngoài vòng vây địch kết hợp gửi TBBB vào gửi vào các cơ sở hậu cần nhân dân.

Đối với bộ phận thoát vây: Gửi TBBB của trận chiến đấu phòng ngự vào các cơ sở hậu cần nhân dân, kết hợp với lực lượng vận tải bộ để vận chuyển TBBB cho bộ phận thoát vây theo đội hình. Khi thoát vây khỏi vòng vây địch, kết hợp với LLQY đã ra trước bố trí nơi an toàn, tiếp tục cứu chữa, điều trị, nuôi dưỡng TBBB theo phân cấp.

Đối với bộ phận chặn địch (phòng ngự trực tiếp tiếp xúc) của trung đoàn: Chỉ đạo các đơn vị, nhất là đơn vị có thương binh tiếp tục cấp cứu, cứu chữa theo phân cấp; HC-KT trung đoàn tổ chức lực lượng tải thương tiếp nhận, vận chuyển TBBB về bộ phận HC-KT để phân loại, cứu chữa TBBB theo phân cấp; chuẩn bị lực lượng, phương tiện để vận chuyển TBBB cho bộ phận chặn địch chuyển thành bộ phận bảo vệ phía sau của đội hình phá vây.

IV. KẾT LUẬN

Bảo đảm quân y eBB chiến đấu phá vây rất nặng nề, phức tạp và phải tiến hành trong điều kiện địch bao vây, nóng lán, trong khi LLQY có hạn. Do đó, HC-KT trung đoàn bộ binh cần thực hiện đồng bộ các biện pháp nêu trên, nhằm nâng cao hiệu quả cứu chữa, điều trị TBBB, giữ vững quân số tham gia chiến đấu, góp phần nâng cao hiệu quả chiến đấu của eBB♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Quốc phòng (2018), *Điều lệnh chiến đấu eBB*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Bộ Tổng Tham mưu (2002), *Trung đoàn bộ binh chiến đấu trong vòng vây và phá vây*, Nxb QĐND, Hà Nội
4. Học viện Hậu cần (1976), *Công tác hậu cần eBB48, 95 trong trận chiến đấu bảo vệ thị xã Quảng Trị (từ ngày 28/6 ÷ 15/9/1972)*, Nxb QĐND, Hà Nội.
4. Học viện Hậu cần (2014), *Bảo đảm quân y trung, sư đoàn chiến đấu*, Nxb QĐND, Hà Nội.

BÀN VỀ TẠO LẬP THỂ TRẬN HẬU CẦN - KỸ THUẬT CHIẾN DỊCH TIẾN CÔNG TRONG TÁC CHIẾN PHÒNG THỦ QUÂN KHU

Thượng tá, TS. ĐỖ XUÂN LONG

Khoa Hậu cần Chiến dịch, Học viện Hậu cần

ABSTRACT: *The establishment of logistic and technical posture has a direct impact on the outcome of logistic and technical support in operational operations. In this article are proposed several contents and solutions for the establishment of logistic and technical posture in offensive campaigns in military region defensive operations.*

I. TÓM TẮT

Tạo lập thể trận hậu cần - kỹ thuật (HC-KT) tác động trực tiếp đến kết quả bảo đảm hậu cần, kỹ thuật (HC,KT) trong tác chiến chiến dịch. Bài viết bàn về một số nội dung, giải pháp về tạo lập thể trận HC-KT chiến dịch tiến công (CDTC) trong tác chiến phòng thủ quân khu (PTQK).

II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chiến dịch tiến công trong tác chiến PTQK là loại hình chiến dịch quân khu chủ động tiến công quân địch ở trạng thái phòng ngự, do chủ lực quân khu làm nòng cốt, gắn với tác chiến phòng thủ, phòng ngự của lực lượng vũ trang quân khu. Để bảo đảm hậu cần, kĩ thuật CDTC trong tác chiến PTQK đạt hiệu quả, đòi hỏi HC-KT chiến dịch phải tạo lập thể trận HC-KT vững chắc, nhằm phát huy cao độ khả năng lực lượng HC-KT tạo nên sức mạnh tổng hợp bảo đảm HC,KT cho chiến dịch giành thắng lợi. Thực tiễn chiến tranh giải phóng đã để lại cho quân đội ta một số kinh nghiệm quý về tạo lập thể trận HC-KT trong CDTC. Tuy nhiên, trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (nếu xảy ra), nghệ thuật quân sự đã có sự phát triển; cho nên, trên cơ sở những kinh nghiệm quý, cần vận dụng và nghiên cứu nội dung, giải pháp

về tạo lập thể trận HC-KT chiến dịch tiến công trong tác chiến PTQK cho phù hợp.

III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Thể trận hậu cần - kỹ thuật CDTC trong tác chiến PTQK là một bộ phận (thành phần) của thể trận tác chiến chiến dịch và thể trận HC-KT tác chiến PTQK; được tạo lập từng bước từ thời bình, trên cơ sở nhiệm vụ, quyết tâm tác chiến chiến dịch theo phương án mở CDTC của quân khu. Chiến dịch tiến công trong tác chiến PTQK thường được dự kiến, chuẩn bị trước một bước từ thời bình theo phương án tác chiến PTQK. Trong quá trình tác chiến phòng thủ, căn cứ điều kiện, tình hình diễn biến tác chiến, quân khu quyết định mở CDTC, thành lập và giao nhiệm vụ cho bộ tư lệnh, cơ quan chiến dịch. Trong đó, HC-KT chiến dịch được thành lập trên cơ sở HC-KT được quân khu (hoặc HC-KT sư đoàn - đơn vị nòng cốt chiến dịch), lực lượng huy động tại địa phương tùy theo tính chất, nhiệm vụ của chiến dịch và yêu cầu bảo đảm HC,KT để xác định các thành phần HC-KT, qui mô lực lượng phù hợp.

Tạo lập thể trận HC-KT được thực hiện trong giai đoạn chuẩn bị trước từ thời bình

và trong giai đoạn chuẩn bị trực tiếp chiến dịch đến trước khi thực hành cơ động triển khai lực lượng HC-KT, hoàn chỉnh thể trận hậu cần - kỹ thuật CDTC. Nội dung tạo lập thể trận HC-KT gồm:

Xây dựng phương án, triển khai lực lượng HC-KT, hình thành thể bố trí theo nhiệm vụ, quyết tâm tác chiến.

Tạo lập các yếu tố của thể trận HC-KT chiến dịch (chuẩn bị khu vực bố trí lực lượng HC-KT, mạng đường vận tải, xây dựng công trình, kho trạm, xưởng HC-KT).

Phối hợp, hiệp đồng với các lực lượng trong địa bàn chiến dịch, liên kết giữa HC-KT chiến dịch với thể trận HC-KT tác chiến PTQK, tác chiến khu vực phòng thủ (KVPT) địa phương.

Tạo lập thể trận HC-KT của CDTC trong tác chiến PTQK diễn ra trong điều kiện HC-KT chiến dịch mới thành lập, thời gian chuẩn bị trực tiếp ngắn, tính biến động cao, phải bảo đảm cho nhiều đợt tác chiến, nhiều biện pháp chiến dịch với các hình thức chiến thuật khác nhau, trong khi quân khu đã trải qua một thời gian tác chiến phòng thủ, lực lượng, thể trận HC-KT có sự thay đổi. Do vậy, để tạo lập thể trận HC-KT liên hoàn, vững chắc, cần tập trung thực hiện một số nội dung, giải pháp chủ yếu sau đây:

Một là, chủ động xây dựng phương án tổ chức, sử dụng lực lượng HC-KT chiến dịch. Phương án mở CDTC trong tác chiến PTQK được dự kiến trước từ thời bình, trong quyết tâm phòng thủ và kế hoạch tác chiến PTQK. Quá trình chuẩn bị tác chiến PTQK từ thời bình, có nội dung chuẩn bị các yếu tố, hình thành thể trận hậu cần - kỹ thuật CDTC. Do đó, cần phải chủ động chuẩn bị phương án tổ chức, sử dụng lực lượng HC-KT chiến dịch theo quyết tâm tác chiến và ý định mở CDTC

của Tư lệnh quân khu. Trên cơ sở nhiệm vụ bảo đảm, HC-KT quân khu xác định phương án tổ chức sử dụng lực lượng HC-KT phù hợp với quyết tâm tác chiến, ý định tổ chức sử dụng lực lượng chiến dịch. Khi xác định phương án tổ chức, sử dụng lực lượng hậu cần - kỹ thuật CDTC trong tác chiến PTQK phải căn cứ vào điều kiện cụ thể khi mở chiến dịch, có thể xác định phương án: Tổ chức căn cứ hậu cần - kỹ thuật (CCHC-KT) hoặc CCHC-KT và phân CCHC-KT. Trong đó phương án tổ chức CCHC-KT và phân CCHC-KT là phổ biến. Vận dụng phương án này, đối với CDTC trong tác chiến PTQK có thể: Sử dụng phân CCHC-KT phía trước của quân khu, điều chỉnh chuyển hóa thành CCHC-KT chiến dịch; sử dụng lực lượng HC-KT của sư đoàn (làm nòng cốt) tổ chức 1 phân CCHC-KT bảo đảm cho CDTC. Thực tiễn, CDTC Plây Me (1965) hậu cần chiến dịch tổ chức 2 căn cứ hậu cần để bảo đảm cho tác chiến; trong đó, trên cơ sở Hậu cần Cánh Nam của chiến trường B3 được bổ sung, điều chỉnh tổ chức thành căn cứ hậu cần phía trước của chiến dịch. Hiện nay, HC-KT các quân khu đã triển khai từng bước xây dựng các CCHC-KT, phân CCHC-KT theo kế hoạch, là cơ sở để chuyển thể bảo đảm cho CDTC.

Để có cơ sở xây dựng phương án tổ chức, sử dụng lực lượng, HC-KT chiến dịch cần nghiên cứu, đánh giá chính xác tình hình, các yếu tố có liên quan, như nhiệm vụ chiến dịch, quyết tâm tác chiến. Trong đó, cần nắm vững các nội dung về tổ chức, sử dụng lực lượng của chiến dịch, các khu vực (hướng) tiến công; nhiệm vụ bảo đảm HC-KT, khả năng của HC-KT chiến dịch; thể bố trí triển khai lực lượng của HC-KT quân khu, khu vực phòng thủ (KVPT)... Đây là những yếu tố quyết định trực tiếp đến

phương án tổ chức sử dụng lực lượng HC-KT của chiến dịch.

Hai là, chủ động tạo lập thể bố trí HC-KT chiến dịch. Tạo lập thể trận hậu cần - kỹ thuật CDTC với khối lượng công việc nhiều, trong khi thời gian chuẩn bị trực tiếp ngắn. Tuy nhiên, CDTC được chuẩn bị cùng với chuẩn bị tác chiến PTQK nên quân khu có điều kiện xây dựng, tạo lập trước một số yếu tố. Do vậy, để chủ động thực hiện ý định, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo đảm phải tiến hành chuẩn bị trước.

Về xác định khu vực bố trí CCHC-KT, phân CCHC-KT chiến dịch: Trên cơ sở thể bố trí lực lượng chiến dịch, HC-KT quân khu xác định khu vực dự kiến triển khai bố trí CCHC-KT, phân CCHC-KT để bảo đảm cho các lực lượng trong các khu vực tác chiến; trong đó, có khu vực bố trí chính thức, khu vực bố trí dự bị. Khu vực bố trí HC-KT phải đáp ứng được yêu cầu cứu chữa, vận chuyển thương binh, bệnh binh, vận chuyển bổ sung đạn, vật chất hậu cần, vật tư kỹ thuật, sửa chữa, cứu kéo trang bị kỹ thuật cho các hướng tác chiến; đồng thời, phải kết hợp chặt chẽ với các lực lượng HC-KT trong KVPT tạo thể liên hoàn, vững chắc, phát huy cao nhất khả năng của các thành phần lực lượng HC-KT trong bảo đảm.

Về xác định vị trí bố trí các thành phần lực lượng HC-KT trong CCHC-KT, phân CCHC-KT: Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của từng thành phần lực lượng HC-KT để xác định vị trí bố trí cụ thể trong CCHC-KT và phân CCHC-KT. Vị trí triển khai bố trí các thành phần phải liên kết chặt chẽ với nhau, tạo thành thể liên hoàn, vững chắc đáp ứng yêu cầu thuận tiện trong bảo đảm, bảo vệ; bên cạnh đó, phải chú trọng xây dựng, triển khai một số công trình HC-KT. Trong tác chiến PTQK, thời gian chuẩn bị trực tiếp

của CDTC thường rất ngắn; trong khi đó, số lượng công trình HC-KT phải chuẩn bị rất nhiều; vì vậy, ngay từ thời bình, trên cơ sở phương án tổ chức bố trí HC-KT chiến dịch, HC-KT quân khu nghiên cứu và triển khai xây dựng một số công trình HC-KT trọng điểm (sở chỉ huy, kho, trạm, xưởng, hầm hào, công sự...) trong khu vực bố trí HC-KT chiến dịch cho phù hợp với điều kiện, khả năng và tình hình thực tế của địa bàn.

Để tạo lập thể bố trí HC-KT chiến dịch, đòi hỏi phải nắm chắc thể trận HC-KT quân khu và của KVPT; tích cực bổ sung, điều chỉnh trong quá trình chuẩn bị từ thời bình, khẩn trương hoàn chỉnh phương án tổ chức, bố trí HC-KT khi có nhiệm vụ và quyết tâm chính thức. Ngoài ra, phải chú ý nghiên cứu, đánh giá chính xác các yếu tố về địch, kinh tế xã hội, địa bàn dân cư, địa hình khu vực tác chiến, triệt để khai thác thể mạnh của địa bàn, tận dụng thể của địa hình để triển khai bố trí các lực lượng, kho, trạm, xưởng an toàn, bí mật, tạo lập thể trận vững chắc, tránh sự trinh sát, phát hiện, đánh phá của địch.

Ba là, kết hợp chặt chẽ xây dựng thể trận HC-KT chiến dịch gắn với thể bố trí HC-KT quân khu và KVPT. Chiến dịch tiến công trong tác chiến PTQK, hậu cần - kỹ thuật chiến dịch được HC-KT quân khu trực tiếp bảo đảm, dựa vào thể trận HC-KT quân khu để chuyển hóa tạo lập thể trận HC-KT chiến dịch. Tham gia chiến dịch có lực lượng vũ trang địa phương trên địa bàn tác chiến, trong thể trận KVPT đã được chuẩn bị và xây dựng từ thời bình; cho nên, HC-KT chiến dịch có điều kiện tận dụng thể bố trí của lực lượng hậu cần - kỹ thuật KVPT để triển khai bố trí, hình thành thể trận HC-KT liên hoàn, vững chắc, có chiều sâu, bảo đảm kịp thời cho tác chiến. Vì vậy, phải

kết hợp chặt chẽ HC-KT quân khu, hậu cần - kỹ thuật KVPT. Theo đó, trong chuẩn bị HC,KT từ thời bình, HC-KT quân khu và KVPT phải chú ý lựa chọn khu vực bố trí, triển khai các CCHC-KT, phân CCHC-KT, cơ sở HC-KT bí mật phù hợp với quyết tâm phòng thủ, tạo sự liên kết chặt chẽ, chi viện, hỗ trợ nhau trong quá trình bảo đảm giữa HC-KT các cấp. Khu vực bố trí HC-KT chiến dịch phải tận dụng được thế bố trí của HC-KT quân khu, hậu cần - kỹ thuật KVPT hình thành thế trận vững chắc, liên hoàn, rộng khắp bảo đảm kịp thời cho các hướng tác chiến.

Bốn là, kết hợp kinh tế - quốc phòng, qui hoạch các cơ sở kinh tế - xã hội phù hợp với thế bố trí HC-KT, sẵn sàng chuyển thế huy động bảo đảm cho tác chiến. Đối với CDTC trong tác chiến PTQK, kết hợp kinh tế - quốc phòng là biện pháp quan trọng nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của các thành phần lực lượng HC-KT, cơ sở kinh tế - xã hội trên địa bàn, hình thành thế trận HC-KT rộng khắp bảo đảm cho chiến dịch giành thắng lợi. Do đó, HC-KT quân khu, hậu cần - kỹ thuật KVPT cần phát huy tốt vai trò làm tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương trong lập kế hoạch, qui hoạch các cơ sở sản xuất kinh doanh, các cơ sở y tế địa phương phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với nhiệm vụ quốc phòng để sẵn sàng huy động tham gia bảo đảm cho chiến dịch khi có tác chiến. Mặt khác, trong diễn tập KVPT, diễn tập CDTC phải tổ chức huy động các cơ sở kinh tế - xã hội (nhất là cơ sở y tế, giao thông vận tải, sửa chữa...) tham gia theo kế hoạch huy động thời chiến để có cơ sở rút kinh nghiệm, hoàn chỉnh phương án tạo lập thế trận HC-KT.

Năm là, củng cố và phát triển hệ thống mạng đường vận tải trên địa bàn chiến

dịch. Trong chiến tranh, mạng đường giao thông vận tải, hệ thống cầu cống, các trọng điểm giao thông sẽ bị địch đánh phá ác liệt, việc cơ động lực lượng, bảo đảm HC-KT sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Do vậy, ngay từ thời bình, trên cơ sở phương án tổ chức, bố trí HC-KT chiến dịch, HC-KT quân khu, HC-KT các sư đoàn bộ binh phải tiến hành khảo sát thực địa và xác định một số đường trong địa bàn chiến dịch. Đồng thời, phát huy vai trò làm tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương trong kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng an ninh trên lĩnh vực giao thông vận tải, góp phần tạo lập thế trận HC-KT vững chắc, liên hoàn, đáp ứng nhu cầu vận chuyển cho tác chiến.

IV. KẾT LUẬN

Tạo lập thế trận hậu cần - kỹ thuật CDTC trong tác chiến PTQK là vấn đề mang tính khoa học và nghệ thuật cao; một trong những yếu tố quyết định đến việc hoàn thành nhiệm vụ bảo đảm HC,KT cho tác chiến thắng lợi. Để tạo lập thế trận HC-KT có hiệu quả cao, đòi hỏi phải vận dụng linh hoạt các giải pháp tạo lập thế trận HC-KT vào điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của từng chiến dịch, từng trận đánh♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tổng Tham mưu (2019), *Bảo đảm hậu cần CDTC*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Bộ Tổng Tham mưu (2019), *Bảo đảm kỹ thuật CDTC*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Bộ Tổng Tham mưu (2019), *Nghệ thuật CDTC*, Nxb QĐND, Hà Nội.
4. Học viện Hậu cần (2014), *Giáo trình hậu cần chiến dịch, tập 2*, Hà Nội.
5. Học viện Kỹ thuật quân sự (2020), *Bảo đảm kỹ thuật tác chiến*, Hà Nội.

MỘT SỐ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM VẬT CHẤT HẬU CẦN LỮ ĐOÀN PHÁO BINH CHIẾN DỊCH PHẢN CÔNG TRONG TÁC CHIẾN PHÒNG THỦ QUÂN KHU

Đại tá, TS. NGUYỄN HỮU TOÁN

Khoa Hậu cần Chiến dịch, Học viện Hậu cần

ABSTRACT: *Logistics material support is an aspect of logistics support, contributing to the success of operations. In the article are proposed measures for the logistics material support for artillery brigades in counteroffensive campaigns in military region defensive operations.*

I. TÓM TẮT

Bảo đảm vật chất hậu cần (VCHC) là một mặt của bảo đảm hậu cần - kỹ thuật, góp phần bảo đảm cho tác chiến thắng lợi. Bài viết đề xuất một số biện pháp bảo đảm vật chất hậu cần (VCHC) lữ đoàn pháo binh chiến dịch phản công (CDPC) trong tác chiến phòng thủ quân khu (PTQK).

II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chiến dịch phản công trong tác chiến PTQK, pháo binh là hỏa lực mặt đất chủ yếu của quân khu, sử dụng để chi viện chung cho chiến dịch và tăng cường hỏa lực cho các trận then chốt, then chốt quyết định, góp phần quan trọng cho chiến dịch thắng lợi. Để kịp thời bảo đảm hậu cần, kỹ thuật, lữ đoàn pháo binh cần phải thực hiện đồng bộ nhiều nội dung công việc, trong đó bảo đảm đầy đủ, kịp thời vật chất hậu cần đóng vai trò rất quan trọng. Thực tiễn, trong chiến tranh giải phóng và các phương án diễn tập gần đây của một số lữ đoàn pháo binh chiến dịch quân khu đã để lại những kinh nghiệm quý về bảo đảm VCHC có thể kế thừa và phát triển. Tuy nhiên, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc tương lai (nếu xảy ra) các yếu tố về địch, ta và môi trường tác chiến có những thay đổi. Vì vậy, cần nghiên cứu những biện pháp bảo đảm VCHC phù hợp,

góp phần cho lữ đoàn pháo binh đoàn chiến đấu thắng lợi.

III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Đối tượng tác chiến của CDPC trong tác chiến phòng thủ (TCPT) quân khu là các lữ đoàn, fBB (bộ binh cơ giới (BBCG), hải quân đánh bộ địch đang ở trạng thái tiến công đã bị tiêu hao, tổn thất một phần lực lượng, được trang bị vũ khí hiện đại: Tầm bắn xa, độ chính xác cao, uy lực sát thương lớn; khả năng cơ động cao; có khả năng quan sát, trinh sát bằng nhiều phương tiện hiện đại. Do đó, tính chất ác liệt rất cao, nhiều tình huống trong tác chiến có thể xảy ra, khả năng biến động trong tác chiến lớn, liên tục, bất ngờ, mọi lúc, mọi nơi. Quân khu sử dụng nhiều lực lượng, tác chiến hiệp đồng quân binh chủng, vận dụng nhiều hình thức tác chiến. Trong tác chiến, lực lượng pháo binh chiến dịch của quân khu thường do Tư lệnh chiến dịch trực tiếp nắm để chi viện hỏa lực chung, tổ chức thành các dPB chiến dịch trực thuộc quân khu để thực hiện các nhiệm vụ. Nghiên cứu nhiệm vụ, tổ chức sử dụng lực lượng, bố trí đội hình chiến đấu cho thấy tổ chức lực lượng, bố trí đội hình chiến đấu của lực lượng pháo binh CDPC vừa tập trung vừa phân tán trên

phạm vi rộng, thường xuyên phải cơ động trận địa; khối lượng tiêu thụ VCHC lớn và nhiều chủng loại như lương thực thực phẩm (LTTP), quân trang, phương tiện, thuốc quân y..., trong đó xăng dầu chiếm khối lượng lớn; quá trình bảo đảm gặp rất nhiều khó khăn, phức tạp. Tuy nhiên, trên địa bàn tác chiến có mạng đường giao thông phát triển mạnh, tiềm năng kinh tế lớn, hậu cần khu vực phòng thủ (KVPT) vững mạnh, hậu cần lữ đoàn có điều kiện huy động, kết hợp bảo đảm cho trận đánh. Vì vậy, để bảo đảm VCHC lữ đoàn pháo binh CDPC trong tác chiến PTQK, hậu cần, kỹ thuật lữ đoàn pháo binh cần tiến hành một số biện pháp sau:

Một là, chủ động khai thác nguồn VCHC của KVPT để nâng cao khả năng bảo đảm trong tác chiến. Đây là biện pháp quan trọng, để nâng cao khả năng, bảo đảm kịp thời VCHC cho lữ đoàn pháo binh chiến dịch tác chiến đánh địch trong CDPC. Trong quá trình tác chiến Lữ đoàn pháo binh chiến dịch, thường xuyên phải cơ động phân tán trong khu vực, điều kiện chiến đấu khẩn trương, khả năng dự trữ mang theo VCHC có hạn, vận chuyển bổ sung gặp nhiều khó khăn. Thực tiễn bảo đảm vật chất hậu cần của lực lượng pháo binh chiến dịch tham gia Chiến dịch phản công đường 9 - Nam Lào (30/01 ÷ 23/3/1971). Hậu cần lực lượng pháo binh đã triệt để khai thác, huy động các nguồn VCHC tại chỗ trên địa bàn kết hợp với đưa từ nơi khác đến để bảo đảm đầy đủ, kịp thời nhu cầu cho đơn vị. Đồng thời, thực hiện Nghị quyết 02, 28 của Bộ Chính trị và nghị định 21 của Chính phủ về KVPT, các tỉnh, thành phố đã xây dựng phương án, tích cực chuẩn bị dự trữ VCHC vững chắc toàn diện sẵn sàng chi viện và tham gia BĐHC cho bộ đội chủ lực và lực lượng vũ trang khác đến hoạt động, chiến đấu tại địa phương. Qua khảo sát tình hình dự trữ VCHC sẵn sàng chiến đấu của Quân khu 1 và Quân

khu 2 cho thấy, các Quân khu dự kiến dự trữ VCHC sẵn sàng chiến đấu theo đúng chỉ lệnh số 722/ CL-HC, ngày 19/6/2017. Xăng dầu được dự trữ tại các kho quân khu, kho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố và kho các đơn vị theo quyết định của Bộ tư lệnh quân khu. Như vậy, khả năng khai thác huy động VCHC từ KVPT địa phương là rất lớn. Ngoài ra, KVPT địa phương có thể chi viện cho lữ đoàn pháo binh chiến dịch về kho bãi và các phương tiện cất chứa VCHC.

Khi khai thác VCHC ở KVPT cho lữ đoàn pháo binh tác chiến CDPC trong tác chiến PTQK cần thực hiện tốt các nội dung sau: Bám sát vào kế hoạch bảo đảm hậu cần, kỹ thuật chiến dịch, cơ quan hậu cần - kỹ thuật lữ đoàn pháo binh chiến dịch tổ chức hiệp đồng chặt chẽ với cơ quan hậu cần - kỹ thuật chiến dịch, với cơ quan hậu cần - kỹ thuật KVPT về các loại VCHC được phép huy động (chủ yếu là lương thực thực phẩm, xăng dầu, thuốc chiến thương...), về số lượng, thời gian, địa điểm, phương thức giao nhận và sử dụng các phương tiện vận chuyển, bốc dỡ hàng. Kết quả hiệp đồng được bổ sung vào nội dung (bảo đảm Đạn, VCHC, VTKT) trong kế hoạch bảo đảm hậu cần, kỹ thuật của lữ đoàn pháo binh chiến dịch. Nắm vững tình hình dự trữ VCHC tại các khu vực của KVPT. Trong những trường hợp cần thiết, có thể cử cán bộ hậu cần xuống các khu vực để khảo sát đường sá và nắm tình hình tại các kho VCHC của KVPT được phép huy động.

Hai là, tổ chức dự trữ VCHC theo nhiệm vụ của từng trận địa và đài quan sát, hình thành kho VCHC cơ động trên các phương tiện dự bị. Phân cấp dự trữ là phân chia lượng dự trữ VCHC ở kho lữ đoàn và các đơn vị, nhằm mục đích đáp ứng kịp thời nhiệm vụ chiến đấu và bổ sung cho các đơn vị trong quá trình thực hành chiến đấu. Phân cấp dự trữ còn có ý nghĩa phân tán

lượng dự trữ, tránh tổn thất lớn do sự đánh phá của địch gây ra. Khi phân cấp dự trữ phải căn cứ vào quyết tâm chiến đấu của lữ đoàn trưởng, chỉ lệnh của hậu cần, kỹ thuật cấp trên, tính chất nhiệm vụ chiến đấu của từng đơn vị, khả năng của hậu cần kỹ thuật lữ đoàn pháo binh chiến dịch, các đơn vị và tình hình khác có liên quan. Ở kho lữ đoàn pháo binh: Dự trữ toàn diện các loại VCHC, đủ bảo đảm cho các lực lượng. Tập trung bảo đảm cho các dPB. Quá trình chiến đấu phải bảo đảm liên tục, đầy đủ nhu cầu VCHC cho các tình huống. Các dPB của lữ đoàn pháo binh chiến dịch: Dự trữ gọn nhẹ, tiện cơ động. Hình thành kho vật chất hậu cần cơ động trên các phương tiện dự bị. Các lực lượng làm nhiệm vụ nhỏ lẻ như đài quan sát, đài quan sát chỉ huy do làm nhiệm vụ phân tán, điều kiện bảo đảm khó khăn hơn, nên dự trữ lương khô hoặc khẩu phần ăn chiến đấu và thực phẩm chế biến sẵn nhiều hơn.

Thực tiễn bảo đảm VCHC của lực lượng pháo binh tham gia Chiến dịch phản công đánh bại cuộc hành quân Giang sơn Xi ty (22/02 ÷ 15/4/1967): Khối lượng VCHC bảo đảm cho các đơn vị trong chiến dịch rất lớn như (tiếp nhận phân phối về LTTP, lương khô, quân trang, quân dụng và thuốc men, xăng dầu). Hậu cần đơn vị pháo binh đã tích cực chuẩn bị dự trữ ở các cấp, đồng thời hiệp đồng chặt chẽ với hậu cần chiến dịch để bổ sung kịp thời, đầy đủ các loại VCHC trong mọi tình huống.

Mặt khác các trận đánh địch trong CDPC diễn ra rất ác liệt, hai bên đều tập trung hỏa lực và lực lượng, vận dụng các hình thức chiến thuật, thủ đoạn chiến đấu, tiến công kiên quyết liên tục không để mất thời cơ. Trong điều kiện diễn biến chiến đấu khẩn trương, ác liệt, địa bàn rộng, lực lượng chiến đấu hoạt động phân tán, đường sá có thể bị hư hỏng, nhiều tình huống nảy sinh,

đòi hỏi hậu cần lữ đoàn pháo binh phải giải quyết tình huống mau lẹ không để mất thời cơ tiêu diệt địch. Vì vậy, hậu cần - kỹ thuật lữ đoàn pháo binh luôn phải có lực lượng và VCHC dự bị mạnh như kho cơ động, lực lượng vận tải cơ động (xếp sẵn vật chất trên xe) để sẵn sàng bảo đảm cho mọi tình huống, vươn tới bảo đảm cho các lực lượng chiến đấu trên từng hướng bổ sung đủ vật chất, xăng dầu, đạn dược, thuốc chiến thương... duy trì khả năng bảo đảm liên tục, kịp thời cho các lực lượng.

Ba là, triệt để sử dụng vận tải cơ giới và phân cấp vận chuyển hợp lý trong vận chuyển bổ sung VCHC. Trong tác chiến, sử dụng vận tải cơ giới để vận chuyển vật chất có ý nghĩa rất quan trọng, bảo đảm kịp thời cho đơn vị nắm thời cơ, giành quyền chủ động trong CDPC của lữ đoàn pháo binh. Lữ đoàn pháo binh tác chiến trên địa bàn rộng, lực lượng phân tán, khối lượng vận chuyển lớn đặc biệt là xăng dầu, lữ đoàn có khả năng về phương tiện vận tải cơ giới. Chiến dịch phản công diễn ra trên địa bàn KVPT có mạng đường giao thông phát triển, thuận lợi cho phương tiện cơ giới; hậu cần - kỹ thuật quân khu chi viện, có điều kiện huy động phương tiện vận tải của địa phương tham gia vận chuyển bảo đảm cho các đơn vị. Mặt khác, khối lượng vận chuyển bổ sung VCHC rất lớn: Theo tính toán trong giai đoạn chuẩn bị và trong giai đoạn chiến đấu khối lượng bổ sung VCHC lớn. Trong khối lượng VCHC phải bổ sung thì xăng dầu chiếm tỷ lệ tương đối cao. Nếu tính cả đợt xăng dầu cần bổ sung là 96,8 tấn/ 163,47 tấn chiếm 62,87%. Vì vậy, để hoàn thành nhiệm vụ bổ sung VCHC phải triệt để sử dụng vận tải cơ giới. Tuy nhiên sử dụng vận tải cơ giới cần phải có biện pháp bảo vệ an toàn, vì chiến đấu rất ác liệt, địch chú trọng đánh phá các hoạt động bảo đảm hậu cần, kỹ thuật.

Để thực hiện biện pháp này, hậu cần - kỹ thuật lữ đoàn cần: Thực hiện tốt công tác bảo đảm kỹ thuật phương tiện vận tải cơ giới, duy trì tình trạng kỹ thuật, khả năng cơ động, tính việt dã của phương tiện; lựa chọn phương tiện vận chuyển hợp lý, có phương án xếp dỡ khoa học; nắm chắc điều kiện về mạng đường vận chuyển; chỉ huy vận tải cương quyết, linh hoạt và làm tốt công tác bảo đảm, bảo vệ vận tải. Đồng thời, sử dụng kết hợp các lực lượng, phương tiện để vận chuyển; tận dụng khả năng bảo đảm của các cơ sở hậu cần - kỹ thuật chiến lược trên địa bàn quân khu khi địch tiến công; huy động phương tiện vận tải cơ giới bảo đảm cho tác chiến.

Thực hiện phân cấp vận chuyển hợp lý, cụ thể: Cấp đại đội sử dụng xe kéo pháo để vận chuyển VCHC của đại đội và bộ đội. Tổ chức vận chuyển hợp lý khi tận dụng các xe kéo pháo để vận chuyển kết hợp bộ đội và VCHC. Trọng lượng các loại vật chất kết hợp vận chuyển trên thùng các xe kéo pháo không vượt quá 2 tấn và không xếp hàng cao quá thành thùng xe để bảo đảm an toàn cho pháo thủ khi cơ động. Cấp tiểu đoàn chịu trách nhiệm vận chuyển VCHC bảo đảm đủ lượng phải có TGNS, đồng thời sẵn sàng tham gia vận chuyển cùng lữ đoàn pháo binh để bổ sung VCHC trong tác chiến hoặc trong các tình huống đột xuất (chủ yếu vận tải theo cung đường từ tiểu đoàn xuống các khẩu đội pháo hoặc từ tiểu đoàn lên kho lữ đoàn và xuống các khẩu đội). Cấp lữ đoàn pháo binh chịu trách nhiệm vận chuyển VCHC bổ sung cho các tiểu đoàn đủ lượng phải có TGNS và phải dự trữ sau chiến đấu. Cung đường vận tải chủ yếu của đại đội vận tải lữ đoàn là từ kho lữ đoàn xuống các tiểu đoàn. Trong trường hợp cấp thiết, vận tải lữ đoàn có thể lên kho chiến

dịch nhận hàng và chuyển thẳng xuống các đơn vị. Cấp chiến dịch đảm nhiệm vận chuyển VCHC bổ sung cho lữ đoàn đủ nhu cầu vật chất theo kế hoạch. Trong giai đoạn chuẩn bị chiến đấu, lực lượng vận tải quân khu thường vận chuyển VCHC bổ sung tại kho hậu cần, kỹ thuật lữ đoàn và chuyển vượt cấp xuống các trận địa pháo. Trong thực hành chiến đấu, vận tải chiến dịch chủ yếu vận chuyển vật chất xuống kho lữ đoàn và thường bổ sung sau mỗi đợt tác chiến. Trong những trường hợp đột xuất, vận tải chiến dịch chuyển thẳng VCHC xuống các trận địa pháo (phải có sự hiệp đồng trước).

IV. KẾT LUẬN

Bảo đảm VCHC lữ đoàn pháo binh CDPC trong tác chiến PTQK trong điều kiện chiến đấu ác liệt, nhiều tình huống xảy ra; nhiệm vụ bảo đảm VCHC rất nặng nề, khó khăn và phức tạp. Vì vậy, cần thực hiện đồng độ các biện pháp trên để bảo đảm VCHC đầy đủ, kịp thời, góp phần cho CDPC thắng lợi♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tổng Tham mưu (2019), *Tác chiến PTQK trong chiến tranh BVTQ*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Bộ Tổng Tham mưu (2019), *Bảo đảm hậu cần trong chiến dịch phản công*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Bộ Tổng Tham mưu (2019), *Sử dụng pháo binh trong tác chiến phòng thủ quân khu*, Nxb QĐND, Hà Nội.
4. Nguyễn Hữu Toán (2015), *Nghiên cứu bảo đảm VCHC lực lượng pháo binh CDPC trong tác chiến PTQK*, đề tài khoa học cấp học viện, Học viện Hậu cần, Hà Nội.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC ĐẢNG, CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ TRONG DIỄN TẬP CUỐI KHÓA CỦA HỌC VIÊN ĐÀO TẠO SĨ QUAN HẬU CẦN CẤP PHÂN ĐỘI Ở HỌC VIỆN HẬU CẦN HIỆN NAY

Thượng tá, TS. PHẠM NGỌC NHÂN
Khoa LL Mác-Lênin, TT Hồ Chí Minh, HVHC

Diễn tập (DT) cuối khóa của học viên đào tạo sĩ quan hậu cần cấp phân đội (gọi tắt là học viên - HV) là hình thức huấn luyện tổng hợp, góp phần củng cố kiến thức, gắn lý luận với thực hành, rèn luyện phương pháp, tác phong công tác cho HV đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo. Trong DT, công tác đảng, công tác chính trị (CTĐ, CTCT) có vai trò rất quan trọng, nhằm giữ vững sự lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng, phát huy vai trò của các lực lượng, xây dựng ý chí quyết tâm cao cho mọi lực lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

NHẬN thức rõ vị trí, vai trò của CTĐ, CTCT trong DT cuối khóa của HV, thời gian qua, Đảng ủy, Ban Giám đốc Học viện, cơ quan chính trị đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, khoa giáo viên, đơn vị và lực lượng tham gia DT triển khai thực hiện nhiều nội dung, hình thức hoạt động CTĐ, CTCT trong DT. Theo đó, chất lượng CTĐ, CTCT trong DT của HV được giữ vững, đảm bảo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ DT, góp phần hiện thực hóa phương châm “Chất lượng đào tạo của nhà trường là khả năng sẵn sàng chiến đấu của đơn vị”. Bên cạnh kết quả đạt được, chất lượng CTĐ, CTCT trong DT cuối khóa của HV vẫn còn một số hạn chế, như: Nhận thức của một số cán bộ, giảng viên, HV về DT và vị trí, vai trò của CTĐ, CTCT trong DT chưa đầy đủ, sâu sắc; thực hiện quy trình, nội dung, hình thức, biện pháp tiến hành CTĐ, CTCT trong DT có mặt hạn chế; tính tích cực, chủ động sáng tạo, ý thức chấp hành kỷ luật và quy định trong DT ở một số HV chưa cao... Điều đó ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả thực hiện nhiệm vụ DT.

Từ những kết quả đã đạt được và hạn chế, tồn tại, để nâng cao chất lượng

CTĐ, CTCT trong DT cuối khóa của HV, thời gian tới, cần phổ biến, quán triệt một số kinh nghiệm sau:

Một là, quán triệt sâu sắc quan điểm, tư tưởng quân sự của Đảng, nguyên lý giáo dục, phương châm, phương pháp huấn luyện, nghị quyết, chỉ thị, mệnh lệnh của cấp trên trong DT cuối khóa. Đây là vấn đề có tính nguyên tắc trong hoạt động quân sự, là nội dung quan trọng hàng đầu của hoạt động CTĐ, CTCT trong DT cuối khóa của HV. Để nâng cao chất lượng, hiệu quả CTĐ, CTCT trong DT cuối khóa của HV, Đảng ủy, Ban Giám đốc Học viện tiếp tục quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo cơ quan, khoa giáo viên, đơn vị giáo dục cho các lực lượng tham gia DT thấu suốt quan điểm của Đảng là “lấy chính trị làm gốc” trong xây dựng Quân đội; “học đi đôi với hành, lý luận gắn liền với thực tiễn”; vận dụng linh hoạt, hiệu quả “3 quan điểm, 8 nguyên tắc, 6 mối kết hợp”; chú trọng huấn luyện theo phương châm “Cơ bản, thiết thực, vững chắc, sát thực tế”. Cùng với đó, cần tập trung quán triệt các nghị quyết, chỉ thị của cấp trên về nhiệm vụ DT, nhất là: Chỉ lệnh số 14/CL-BQP, ngày 28/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về sẵn sàng chiến

đầu của Quân đội nhân dân và Dân quân tự vệ; Quy định về việc DT cho HV nhà trường quân đội ban hành kèm theo Quyết định số 505/QĐ-TM, ngày 18/4/2017 của Tổng Tham mưu trưởng; Chỉ thị số 1145/CT-TM, ngày 15/6/2016 của Tổng Tham mưu trưởng về việc bảo đảm an toàn trong huấn luyện, kiểm tra, DT...; Nghị quyết, chỉ thị, kế hoạch CTĐ,CTCT năm học; Chỉ thị DT của Giám đốc Học viện; nội dung kế hoạch DT của Ban Chỉ đạo; hướng dẫn CTĐ,CTCT... Trên cơ sở quán triệt các nghị quyết, chỉ thị, mệnh lệnh của cấp trên về nhiệm vụ DT, các cơ quan, khoa giáo viên, đơn vị căn cứ vào tình hình cụ thể để giáo dục nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các lực lượng tham gia DT và xây dựng quyết tâm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ DT.

Hai là, coi trọng bồi dưỡng, nâng cao nhận thức, trách nhiệm và năng lực thực hành CTĐ,CTCT cho các lực lượng tham gia DT cuối khóa của HV. Thực tiễn các đợt DT ở Học viện cho thấy, nhờ làm tốt công tác bồi dưỡng, nâng cao nhận thức, trách nhiệm và năng lực thực hành CTĐ,CTCT cho đội ngũ cán bộ, giảng viên, HV mà chất lượng, hiệu quả hoạt động CTĐ,CTCT trong DT được nâng lên; chất lượng duy trì và điều hành DT khoa học và hiệu quả hơn; nội dung tập bài CTĐ,CTCT đi vào thực chất, sát với tình huống hơn. Thông qua đó, khắc phục tình trạng ngại khó khăn của các lực lượng trong DT.

Cấp ủy, chỉ huy cơ quan, khoa giáo viên, đơn vị tăng cường giáo dục, nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho cán bộ, giảng viên, HV, nhân viên khắc phục khó khăn, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ DT. Trong đó, tập trung giáo dục sâu kỹ về mục đích, yêu cầu, nội dung DT; những vấn đề mới, đặc điểm thuận lợi, khó khăn chi phối đến thực hiện nhiệm vụ của cơ quan,

khoa, đơn vị; quán triệt sâu, kỹ những quy định trong quá trình DT, nhất là bảo đảm an toàn tuyệt đối về con người, vũ khí trang bị, giữ bí mật, mối quan hệ đoàn kết quân dân. Chủ động chấn chỉnh, khắc phục nhận thức lệch lạc, coi nhẹ nhiệm vụ DT và vai trò của hoạt động CTĐ,CTCT cũng như tiến hành công tác dân vận trong DT. Trên cơ sở đó, từng cá nhân xác định rõ trách nhiệm của bản thân trong thực hiện nhiệm vụ DT; nỗ lực, quyết tâm khắc phục khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ DT.

Đảng ủy, Ban Giám đốc Học viện, cơ quan chính trị quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, khoa, đơn vị xác định nội dung bồi dưỡng năng lực thực hành CTĐ,CTCT cho cán bộ, giảng viên. Phát huy vai trò của Khoa CTĐ,CTCT trong bồi dưỡng nội dung CTĐ,CTCT như: Ra nghị quyết, quán triệt nghị quyết, tổ chức triển khai nghị quyết, kiểm tra đánh giá việc thực hiện nghị quyết, sơ, tổng kết rút kinh nghiệm; xây dựng kế hoạch CTĐ,CTCT trong DT; bồi dưỡng năng lực tham mưu, đề xuất, năng lực chỉ đạo, hướng dẫn; tổ chức các hoạt động CTĐ,CTCT trong DT; xác định nội dung, cách thức tổ chức tập bài CTĐ,CTCT trong DT...

Đa dạng hóa phương pháp bồi dưỡng như: Bồi dưỡng tập trung theo kế hoạch của Học viện, cơ quan chức năng, khoa giáo viên, đơn vị; cấp trên bồi dưỡng cho cấp dưới và hoạt động tự bồi dưỡng của các lực lượng tham gia DT với quan điểm “Thiếu và yếu nội dung nào bồi dưỡng nội dung đó”; bồi dưỡng bằng lý thuyết kết hợp với thực hành, bồi dưỡng tại thực địa, bồi dưỡng trực tiếp kết hợp với gián tiếp, bồi dưỡng chung kết hợp với bồi dưỡng riêng.

Ba là, bám sát mục đích, đặc điểm, yêu cầu DT cuối khóa của HV để xác định đúng nội dung, hình thức, biện pháp tiến

hành CTĐ,CTCT. Diễn tập cuối khóa của HV thường diễn ra trong thời gian dài, cả ngày lẫn đêm; trải qua nhiều khâu, nhiều bước, có sự tham gia của nhiều lực lượng với cường độ cao; HV phải hành quân đường dài, mang vác nặng. Trong khi đó, một bộ phận cán bộ, giảng viên chưa có nhiều kinh nghiệm trong tham gia DT; HV có tuổi đời trẻ, chưa được rèn luyện, thử thách nhiều trong những điều kiện khó khăn, gian khổ nên ý chí quyết tâm, sức dẻo dai, tâm lý chưa được vững chắc.

Thực tiễn đó đòi hỏi hoạt động CTĐ,CTCT trong DT cần bám sát mục đích, đặc điểm, yêu cầu của DT để xác định đúng nội dung, vận dụng linh hoạt, sáng tạo hình thức, biện pháp tiến hành các hoạt động CTĐ,CTCT cho phù hợp với từng giai đoạn, từng tình huống DT; qua đó kịp thời tháo gỡ những khó khăn, giải quyết những vấn đề nảy sinh, củng cố quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ DT của các lực lượng. Nắm chắc mục đích, đặc điểm, yêu cầu của DT mới có cơ sở khoa học để xác định đúng nội dung, biện pháp tiến hành hoạt động CTĐ,CTCT trong DT cho phù hợp, góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Vận dụng kinh nghiệm này, cấp ủy, chỉ huy cơ quan, khoa, đơn vị căn cứ vào nhiệm vụ của mình, kế hoạch, hướng dẫn CTĐ,CTCT trong DT của Phòng Chính trị; để xác định nội dung, hình thức, biện pháp tiến hành CTĐ,CTCT phù hợp. Chính trị viên (bí thư), người chỉ huy các cơ quan, khoa, đơn vị xác định rõ nội dung, biện pháp, thời gian, địa điểm, người phụ trách hoạt động CTĐ,CTCT trong quá trình DT.

Bốn là, phát huy tốt vai trò của các tổ chức, các lực lượng đối với hoạt động CTĐ,CTCT trong DT cuối khóa của HV. Phát huy vai trò các tổ chức, các lực lượng là một nội dung quan trọng, quyết định đến chất

lượng tiến hành các hoạt động CTĐ,CTCT trong DT của HV. Thực tiễn cho thấy, khi các chủ thể và lực lượng tiến hành CTĐ,CTCT có phẩm chất, năng lực, phương pháp, tác phong công tác tốt; tích cực, sáng tạo trong hoạt động thì khi đó, hoạt động CTĐ,CTCT được tiến hành một cách nhịp nhàng và mang lại hiệu quả cao.

Để phát huy tốt vai trò của các tổ chức, các lực lượng đối với hoạt động CTĐ,CTCT trong DT, Đảng ủy, Ban Giám đốc Học viện quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, khoa, đơn vị làm tốt công tác chuẩn bị, tập trung thực hiện tốt nội dung, chương trình của đợt DT; duy trì thực hiện tốt chương trình, kế hoạch DT; tổ chức rút kinh nghiệm chặt chẽ, thực chất, hiệu quả. Các cơ quan chức năng, nhất là cơ quan chính trị, quán triệt, nắm vững chỉ thị DT của Giám đốc Học viện, tăng cường chỉ đạo, làm tốt công tác hiệp đồng thực hiện các mặt bảo đảm DT; hướng dẫn, giúp đỡ đơn vị làm tốt công tác chuẩn bị. Phối hợp bố trí nhân sự tham gia khung đạo, khung diễn phù hợp với khả năng, nhiệm vụ. Tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ, đảm bảo bí mật, an toàn thông tin, tài liệu. Thực hiện tốt kế hoạch công tác dân vận và tuyên truyền đặc biệt; phối hợp, hiệp đồng chặt chẽ với cấp ủy, chính quyền, nhân dân địa phương bảo đảm địa bàn an toàn cho từng khu vực hành quân, trú quân trong quá trình DT.

Cấp ủy, chỉ huy các cơ quan, khoa giáo viên cần lựa chọn và giao nhiệm vụ phù hợp với từng vai tập cho cán bộ, giảng viên tham gia DT; triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ trước, trong và sau DT theo kế hoạch hiệp đồng xác định. Đảng ủy, chỉ huy tiểu đoàn quản lý HV tập trung lãnh đạo, chỉ đạo làm tốt công tác chuẩn bị; phối hợp chặt chẽ với cơ quan, khoa giáo viên tổ chức bồi dưỡng cho HV nội dung, phương pháp

DT và một số kỹ năng, kinh nghiệm trong DT. Làm tốt cổ động thao trường, kịp thời tuyên truyền, biểu dương những tập thể và cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ. Thường xuyên quan tâm thực hiện tốt chế độ, chính sách, đời sống vật chất, tinh thần cho HV.

Tổ chức quần chúng làm tốt công tác giáo dục, động viên đoàn viên thanh niên phấn đấu khắc phục khó khăn, gian khổ để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ DT. Hội đồng quần nhân cần thực hiện tốt các mặt dân chủ, động viên mọi quân nhân tham gia tích cực vào các mặt hoạt động của đơn vị. Mặt khác, DT cuối khóa của HV diễn ra trên địa bàn rộng, khi tiến hành CTĐ,CTCT cần làm tốt công tác phối hợp, hiệp đồng cùng các cơ quan, đơn vị; cấp ủy, chính quyền và nhân dân các địa phương nhằm huy động sự ủng hộ, giúp đỡ về mọi mặt góp phần bảo đảm cho DT đạt kết quả tốt.

Năm là, kịp thời sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, hoàn thiện quy trình tiến hành CTĐ,CTCT trong từng hình thức, nội dung DT của HV. Thông qua đó để kịp thời chỉ rõ những điểm mạnh, yếu, nguyên nhân và hướng khắc phục, đồng thời đánh giá chính xác các hoạt động trong lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức, biện pháp CTĐ,CTCT trong DT; từng bước hoàn thiện, nâng cao chất lượng hoạt động CTĐ,CTCT trong DT. Thực tiễn cho thấy, sau mỗi đợt DT cuối khóa của HV, Đảng ủy, Ban Giám đốc Học viện đã lãnh đạo, chỉ đạo cơ quan chức năng phối hợp với các khoa giáo viên, đơn vị làm tốt công tác chuẩn bị và tiến hành hội nghị sơ, tổng kết chặt chẽ, nghiêm túc. Qua đó, Học viện đã đánh giá thực chất kết quả đạt được, chỉ rõ khuyết điểm tồn tại và rút ra nguyên nhân, bài học kinh nghiệm cho các đợt DT tiếp theo; đồng thời, biểu dương những tập thể, cá nhân có nhiều cố gắng,

hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ DT; phê bình, nhắc nhở, xử lý nghiêm những trường hợp sai phạm.

Thời gian tới, cấp ủy, chỉ huy cơ quan, khoa, đơn vị quán triệt cho cán bộ, giảng viên, HV nhận thức rõ ý nghĩa của việc sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm DT, làm cơ sở để tiến hành các hoạt động CTĐ,CTCT ở các lần DT tiếp theo đạt chất lượng cao hơn. Trước hội nghị sơ kết, rút kinh nghiệm DT trong toàn Học viện, cơ quan chính trị phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, khoa, đơn vị có lực lượng tham gia DT tổ chức rút kinh nghiệm hoạt động CTĐ,CTCT trong DT. Đánh giá khách quan, toàn diện, cụ thể kết quả đạt được, hạn chế của CTĐ,CTCT trong DT và nguyên nhân; biểu dương tập thể, cá nhân có cách làm hay, sáng tạo, hiệu quả khi tiến hành CTĐ,CTCT trong DT. Trên cơ sở đó, rút kinh nghiệm và đề xuất các nội dung, biện pháp để khắc phục; bổ sung, hoàn thiện quy trình tiến hành CTĐ,CTCT trong từng hình thức, nội dung DT của HV.

Hoạt động CTĐ,CTCT có vị trí, vai trò quan trọng đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ DT cuối khóa của HV. Vì vậy, cấp ủy, chỉ huy các cơ quan, khoa giáo viên, đơn vị cần quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt nội dung này; nghiên cứu và vận dụng sáng tạo một số kinh nghiệm CTĐ,CTCT trong DT; góp phần xây dựng động cơ, thái độ trách nhiệm và quyết tâm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ DT cuối khóa của HV♦


Tài liệu tham khảo

1. Bộ Quốc phòng (2017), *Chỉ lệnh số 14/CL-BQP về sẵn sàng chiến đấu của Quân đội nhân dân Việt Nam và Dân quân tự vệ*, Hà Nội.
2. Học viện Hậu cần (2024), *Báo cáo rút kinh nghiệm DT H-24E*, Hà Nội.
3. Học viện Hậu cần (2024), *Kế hoạch CTĐ,CTCT trong DT H-24E*, Hà Nội.

TỔ CHỨC VẬN CHUYỂN THƯƠNG BINH, BỆNH BINH TRONG TÁC CHIẾN KHU VỰC PHÒNG THỦ TỈNH, THÀNH PHỐ

Thiếu tá, ThS. LÊ ĐÌNH THÀNH
Văn phòng, Học viện Hậu cần

Đặc điểm của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (nếu xảy ra) là địch sẽ sử dụng phổ biến vũ khí công nghệ cao, có sức mạnh vượt trội, cơ động nhanh và không kích chính xác. Quy mô chiến tranh càng lớn, càng hiện đại, ác liệt, thì số lượng thương binh, bệnh binh (TBBB) càng nhiều. Trong điều kiện đó, công tác tổ chức vận chuyển TBBB trên các chiến trường gặp rất nhiều khó khăn, thử thách nên cần có biện pháp thực hiện phù hợp.

 HIẾN tranh bảo vệ Tổ quốc (nếu xảy ra), tác chiến khu vực phòng thủ (KVPT) tỉnh, thành phố là nền tảng của tác chiến phòng thủ quân khu và thế trận chiến tranh nhân dân.

Đối tượng tác chiến của lực lượng vũ trang địa phương (LLVTĐP) trong tác chiến KVPT tỉnh, thành phố là sư đoàn, lữ đoàn bộ binh (bộ binh cơ giới), lữ đoàn hải quân đánh bộ của địch hoặc đồng minh, kết hợp với bọn phản động nội địa gây rối, bạo loạn lật đổ một số nơi trong KVPT tỉnh, thành phố. Quá trình tiến công vào địa bàn KVPT tỉnh, thành phố, địch sử dụng vũ khí công nghệ cao, tác chiến điện tử rộng rãi, có thể sử dụng vũ khí hoá học, sinh học; diễn biến tác chiến có thể kéo dài và rất ác liệt. Điều đó sẽ làm tỷ lệ TBBB của LLVTĐP cao; tính chất vết thương đa dạng, phức tạp; lực lượng quân y, tải thương có thể bị thương vong, tổn thất; hệ thống mạng đường vận tải sẽ bị hư hỏng, chia cắt... gây khó khăn rất lớn trong cứu chữa, vận chuyển TBBB.

Về ta, LLVTĐP (nòng cốt là bộ đội địa phương và dân quân tự vệ) có nhiệm vụ ngăn chặn địch tiến công và phối hợp với bộ đội chủ lực bảo vệ vững chắc địa phương, KVPT. Để thực hiện mục đích tác

chiến, LLVTĐP được tổ chức thành nhiều lực lượng: Lực lượng đánh địch rộng khắp; lực lượng phòng ngự, chốt chặn; lực lượng cơ động; lực lượng hỏa lực; lực lượng đấu tranh chính trị; lực lượng dự bị binh chủng; lực lượng chuyên trách; lực lượng bảo đảm; lực lượng lãnh đạo, chỉ huy. Các lực lượng trên thường xuyên chiến đấu trên phạm vi rộng, trong thời gian dài. Vì thế, TBBB của LLVTĐP sẽ rải rác, phân tán trên địa bàn rộng; việc tìm kiếm, vận chuyển, cứu chữa TBBB gặp khó khăn.

Trên cơ sở chuẩn bị từ thời bình lực lượng tham gia vận chuyển TBBB trong tác chiến KVPT tỉnh, thành phố gồm: Lực lượng vận tải quân sự địa phương, dân quân tự vệ, bộ đội; lực lượng vận tải huy động tại địa phương; lực lượng vận tải quân khu tăng cường (nếu có). Ngoài ra, còn có các ban, ngành kinh tế - xã hội (KT-XH), các đoàn thể địa phương và nhân dân tham gia vận chuyển. Trong đó, lực lượng vận tải của bộ chỉ huy quân sự các tỉnh, thành phố thường tổ chức thành các cVT hỗn hợp, các bVT ô tô, một số bVT bộ; đối với các tỉnh đồng bằng nhiều kênh rạch, ven biển có thể có một số bVT thủy. Lực lượng vận tải huy động của địa phương thường được tổ chức thành các cVT ô tô, dVT bộ. Các phương tiện vận tải của KVPT

rất đa dạng, gồm: Cánh bộ, xe ô tô, xe thô sơ, tàu thuyền, bè, mảng...

Trong một số nghiên cứu gần đây, xác định: Tỷ lệ thương binh trong một đợt tác chiến ($15 \div 20$ ngày) của bộ đội địa phương từ $16 \div 30\%$ quân số chiến đấu; dân quân tự vệ từ $3 \div 5\%$ quân số trực tiếp chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Tỷ lệ bệnh binh: Bộ đội địa phương từ $2 \div 2,5\%$ quân số chiến đấu; dân quân tự vệ, tỷ lệ bệnh binh có thể thấp hơn. Từ đó có thể dự báo, số lượng TBBB trung bình 1 ngày đêm của bộ đội địa phương tương đối lớn; thương binh của dân quân tự vệ còn lớn hơn. Trong tác chiến KVPT tỉnh, thành phố, khoảng cách từ hậu cần - kỹ thuật eBB của tỉnh đến căn cứ, phân căn cứ hậu cần-kỹ thuật (HCKT) của tỉnh thường không xa; cho nên, lực lượng vận tải có thể vận chuyển $1 \div 2$ chuyến/ngày. Đồng thời, căn cứ vào khả năng vận chuyển của vận tải bộ, vận tải cơ giới có thể thấy, vận tải KVPT đủ khả năng vận chuyển hết số TBBB (ngày cao nhất) từ tuyến dưới về tuyến tỉnh, thành phố.

Trong tác chiến KVPT tỉnh, thành phố, thực hiện nguyên tắc chuyển thương: tuyến sau sử dụng lực lượng vận tải lên tuyến trước nhận TBBB chuyển về là chủ yếu; một số trường hợp cần thiết có thể vận chuyển vượt cấp. Đối với các đơn vị chiến đấu gần các cơ sở quân y, dân y có thể tự vận chuyển về. Vận tải của KVPT tỉnh, thành phố kết hợp vận chuyển đạn dược, vật chất HCKT bổ sung cho các đơn vị, địa phương và nhận TBBB ở tuyến dưới chuyển về các cơ sở cứu chữa, điều trị của tuyến tỉnh, thành phố. Đối với các trường hợp chuyển vượt cấp, vận tải của tỉnh, thành phố sẽ xuống nhận TBBB tại trạm quân y các tiểu đoàn, điểm tựa phòng ngự trong trường hợp cần thiết. Thông thường, TBBB của các đơn vị bộ đội địa phương tỉnh, huyện do lực lượng

vận tải quân sự địa phương kết hợp với lực lượng vận tải huy động tại địa phương vận chuyển; TBBB của dân quân tự vệ và một bộ phận nhân dân trực tiếp tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu chủ yếu do hậu cần nhân dân cơ sở và các tổ chức đoàn thể quần chúng, nhân dân tự vận chuyển về các cơ sở cứu chữa, điều trị của địa phương. Ngoài ra, tùy tình hình cụ thể, lực lượng vận tải quân sự địa phương có thể vận chuyển TBBB cho lực lượng dân quân cơ động, dân quân binh chủng của tỉnh tham gia chiến đấu phối hợp với các đơn vị bộ đội địa phương.

Tuy lực lượng vận tải KVPT đủ khả năng vận chuyển TBBB cho các đơn vị và địa phương nhưng tại những thời điểm nhất định, nhu cầu vận chuyển bổ sung vật chất, vận chuyển TBBB có thể tăng đột biến, vượt khả năng của lực lượng vận tải. Hơn nữa, mạng đường vận chuyển có thể bị địch đánh phá, ngăn chặn; lực lượng, phương tiện vận tải có thể bị hi sinh, tổn thất. Vì vậy, việc vận chuyển TBBB về tuyến sau có thể bị gián đoạn. Từ những vấn đề trên, hậu cần - kỹ thuật KVPT cần phải có biện pháp để giải quyết nhu cầu vận chuyển trong các thời điểm khó khăn. Muốn vậy, cần thực hiện tốt một số biện pháp sau:

Một là, tăng cường sự lãnh đạo, quản lý, điều hành của cấp ủy, chính quyền địa phương đối với công tác vận tải và xây dựng tiềm lực vận tải. Trước hết, tỉnh ủy cần ban hành các nghị quyết chuyên đề về xây dựng KVPT; xác định rõ chủ trương biện pháp xây dựng lực lượng, thể trận vận tải KVPT. Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ vào quyết tâm tác chiến phòng thủ đã được quân khu phê chuẩn, cụ thể hóa thành chương trình công tác về quốc phòng, an ninh, kết hợp phát triển KT-XH với tăng cường, củng cố quốc phòng an ninh, tạo tiềm lực vận tải ngày càng vững chắc. Cần tập trung xây dựng,

phát triển mạng lưới giao thông vận tải trong toàn tỉnh; có chính sách phù hợp phát triển các ngành nghề kinh doanh dịch vụ về vận tải phục vụ nhu cầu dân sinh, sẵn sàng huy động vào vận chuyển vật chất, TBBB trong chiến tranh.

Cấp ủy, chính quyền địa phương cần đẩy mạnh giáo dục, nâng cao nhận thức, phát huy sức mạnh toàn dân tham gia công tác vận tải tác chiến phòng thủ tỉnh nói chung và vận chuyển TBBB nói riêng. Qua đó, làm chuyển biến nhận thức trong quy hoạch, kế hoạch, đầu tư xây dựng và thực hiện hiệu quả các chương trình, dự án phát triển KT-XH gắn với xây dựng công tác vận tải ở từng địa phương, địa bàn và trong phạm vi tỉnh. Đồng thời, cấp ủy, chính quyền địa phương cần quan tâm hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách liên quan đến KVPT tỉnh, thành phố nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của mọi tổ chức, mọi lực lượng thực hiện thắng lợi chủ trương xây dựng KVPT tỉnh trong điều kiện mới hiện nay.

Hai là, tổ chức vận chuyển phù hợp với nhiệm vụ chiến đấu của từng đơn vị; ưu tiên vận chuyển TBBB cho KVPT then chốt, hướng phòng thủ chủ yếu của tỉnh. Tham gia tác chiến phòng thủ tỉnh, thành phố gồm nhiều thành phần, được tổ chức thành nhiều lực lượng, hoạt động ở nhiều khu vực khác nhau, phân tán trên địa bàn rộng. Cùng lúc, lực lượng vận tải phải thực hiện nhiều nhiệm vụ, như: Vận chuyển bổ sung vật chất, vận chuyển TBBB, xây dựng, củng cố hầm hào công sự, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ lực lượng, kho trạm hậu cần - kỹ thuật... Hơn nữa, KVPT then chốt và hướng phòng thủ chủ yếu là nơi tỉnh, thành phố tập trung lực lượng, phương tiện để đánh bại các đợt tiến công chủ yếu của địch, giữ vững địa bàn. Tác chiến diễn ra trên khu vực này thường ác liệt, thương vong thường lớn hơn nhiều

so với các hướng, khu vực khác. Do đó, hậu cần - kỹ thuật KVPT cần tập trung lực lượng vận tải và ưu tiên vận chuyển TBBB cho KVPT then chốt, hướng phòng thủ chủ yếu.

Khắc phục khó khăn trong vận chuyển TBBB, hậu cần - kỹ thuật KVPT tỉnh, thành phố cần phân cấp vận chuyển TBBB cho phù hợp. Việc phân cấp vận chuyển phải gắn liền với phân cấp cứu chữa, điều trị TBBB; trên bậc thang điều trị, việc chuyển thương thực hiện theo tuyến. Trên cơ sở xác định hướng, đơn vị cần ưu tiên, hậu cần - kỹ thuật KVPT phân cấp cho một số đơn vị, địa phương tự vận chuyển TBBB về các cơ sở cứu chữa điều trị. Cụ thể: TBBB của lực lượng làm nhiệm vụ phòng ngự trong KVPT then chốt, lực lượng cơ động tiến công của tỉnh do lực lượng vận tải quân sự địa phương vận chuyển là chủ yếu; có thể huy động thêm vận tải địa phương khi cần thiết. Trong trường hợp cần thiết, vận tải quân sự địa phương tỉnh, thành phố tổ chức chuyển thương vượt tuyến khi số lượng TBBB vượt quá khả năng bảo đảm của các eBB bộ đội địa phương tỉnh.

Đối với các đơn vị chiến đấu gần căn cứ hậu phương, trạm quân y trong căn cứ, phân căn cứ HCKT hoặc các cơ sở y tế của địa phương (thường là các đơn vị binh chủng chiến đấu và bảo đảm), khi có TBBB, tự vận chuyển về các cơ sở này. Các lực lượng chiến đấu nhỏ lẻ, phân tán như chiến đấu vòng ngoài, tác chiến rộng khắp, bám trụ sau lưng địch... chủ yếu dựa vào hậu cần nhân dân cơ sở để cứu chữa, vận chuyển TBBB. Riêng TBBB của lực lượng dân quân tự vệ sẽ do lực lượng này cùng các tổ chức đoàn thể quần chúng và nhân dân vận chuyển đến cơ sở quân y hoặc dân y.

Ba là, phát huy sức mạnh tổng hợp của các lực lượng vận tải, các ngành, các cấp và nhân dân trong vận chuyển TBBB.

Xét về khả năng lực lượng, cơ bản vận tải tỉnh, thành phố đủ khả năng vận chuyển hết số TBBB cho các đơn vị và địa phương trong tỉnh. Tuy nhiên, quá trình chiến đấu có thể bị địch đánh phá ác liệt, giữa các khu vực, các hướng tác chiến có thể bị chia cắt, cô lập; lực lượng, phương tiện vận tải bị thương vong, tổn thất lớn, gây khó khăn trong vận chuyển TBBB về các cơ sở cứu chữa, điều trị ở tuyến tỉnh, thành phố. Trong trường hợp đó, cần phải mở rộng phạm vi cứu chữa ở tuyến trung đoàn bộ đội địa phương hoặc tăng cường lực lượng, phương tiện vận tải để nhanh chóng đưa thương binh về các cơ sở y tế của địa phương gần đó. Vì vậy, ngoài lực lượng vận tải của trung đoàn, cần huy động lực lượng vận tải của địa phương tham gia vận chuyển TBBB cho trung đoàn về các cơ sở cứu chữa quân, dân y.

Thực tiễn, trong chiến tranh biên giới phía Bắc (tháng 2/1979), eBB567 của tỉnh Cao Bằng phòng ngự ở khu vực Phục Hòa bị địch đánh phá, cắt đứt đường vận chuyển từ eBB567 về hậu cần tỉnh đội. Trước tình hình đó, hậu cần eBB567 đã phối hợp với bệnh viện dân y huyện Quảng Hòa mở rộng phạm vi cứu chữa. Đồng thời, huy động nhân dân tham gia vận chuyển và nuôi dưỡng TBBB cho eBB567.

Từ thực tiễn trên, trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (nếu xảy ra), hậu cần - kỹ thuật KVPT cần phát huy sức mạnh tổng hợp của các lực lượng vận tải, các ngành, các cấp và nhân dân để vận chuyển TBBB. Theo đó, HCKT quân sự địa phương tỉnh, thành phố, với vai trò là lực lượng nòng cốt của hậu cần - kỹ thuật KVPT phải hiệp đồng chặt chẽ với các ban, ngành KT-XH, các tổ chức đoàn thể quần chúng của địa phương trong cứu chữa, vận chuyển TBBB. Quá trình huy động lực lượng, phương tiện vận tải của địa

phương cần tiến hành một cách linh hoạt, nhịp nhàng, phát huy được khả năng, sở trường của các lực lượng, tránh gây rối bận, chông chéo trong cứu chữa, vận chuyển. Đồng thời, chỉ đạo hậu cần - kỹ thuật các đơn vị và địa phương thuộc quyền chủ động liên hệ với các hậu cần - kỹ thuật nhân dân cơ sở xã, phường để huy động lực lượng, phương tiện của địa phương tham gia vận chuyển TBBB.

Lực lượng vũ trang địa phương hoạt động tác chiến trong KVPT tỉnh với nhiều hình thức và phương pháp hoạt động tác chiến linh hoạt, trên địa bàn rộng, dài ngày, diễn biến phức tạp, khẩn trương. Để tổ chức vận chuyển TBBB cho LLVTĐP tác chiến trong KVPT tỉnh, thành phố đòi hỏi phải phát huy sức mạnh tổng hợp của các lực lượng. Trên cơ sở nghiên cứu các yếu tố tác động, hậu cần - kỹ thuật KVPT cần xác định nhu cầu vận chuyển, tính toán, cân đối khả năng vận chuyển để xác định các biện pháp tổ chức vận chuyển TBBB phù hợp với diễn biến tác chiến và thực tế của địa phương; phát huy sức mạnh tổng hợp của các lực lượng vận tải, thực hiện tốt nhiệm vụ vận chuyển TBBB trong tác chiến phòng thủ♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tổng Tham mưu (2010), *Tác chiến phòng thủ tỉnh (thành phố) trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Bộ Tổng Tham mưu (2010), *Bảo đảm hậu cần tác chiến phòng thủ tỉnh (thành phố) trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Tổng cục Hậu cần (2009), *Tổ chức và chỉ huy quân y, Tập 2*, Nxb QĐND, Hà Nội.
4. Viện lịch sử Quân sự Việt Nam (2015), *Tổng kết công tác cứu chữa, vận chuyển TBBB trong chiến tranh chống lấn chiếm biên giới phía Bắc (1979 - 1989)*, Nxb QĐND, Hà Nội

GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM VẬT CHẤT HẬU CẦN TRUNG ĐOÀN BỘ BINH CHIẾN ĐẤU PHỤC KÍCH Ở ĐỊA HÌNH TRUNG DU

Thiếu tá, ThS. **VŨ LƯƠNG SINH**
Nghiên cứu sinh, Học viện Hậu cần

ABSTRACT: *Logistics material provision is a key aspect of logistic and technical support for combat, significantly contributing to the success of combat units. Based on theoretical research, practical experience, and relevant influencing factors, in this article are proposed several solutions for providing logistics materials for an infantry regiment conducting ambush operations in the midland terrain in the Fatherland protection war.*

I. TÓM TẮT

Bảo đảm vật chất hậu cần (VCHC) là một mặt bảo đảm hậu cần, kỹ thuật chiến đấu, góp phần quan trọng để đơn vị chiến đấu thắng lợi. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận, thực tiễn và các yếu tố tác động liên quan; bài viết đề xuất một số giải pháp bảo đảm VCHC trung đoàn bộ binh chiến đấu phục kích (CĐPK) ở địa hình trung du (ĐHTD) trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc.

II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trung đoàn bộ binh CĐPK ở ĐHTD nhằm bắt ngờ tiêu diệt lực lượng địch cơ động trên một trục đường nhất định, tạo thế và thời cơ có lợi cho các hoạt động tiếp theo của cấp trên và lực lượng vũ trang địa phương. Trong chiến tranh giải phóng, ta đã tổ chức một số trận CĐPK ở ĐHTD thắng lợi và để lại nhiều kinh nghiệm quý về bảo đảm hậu cần, trong đó có bảo đảm VCHC trung đoàn bộ binh CĐPK ở ĐHTD có thể kế thừa. Tuy nhiên, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc tương lai (nếu xảy ra) có sự thay đổi; đối tượng tác chiến có vũ khí, trang bị hiện đại, tác chiến điện tử mạnh, khả năng cơ động nhanh, linh hoạt... Vì vậy, cần nghiên cứu có giải pháp bảo đảm VCHC phù hợp, góp phần cho trung đoàn chiến đấu thắng lợi.

III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Đối tượng chiến đấu của trung đoàn bộ binh CĐPK ở ĐHTD là tiểu đoàn bộ binh cơ giới (BBCG) địch cơ động đường bộ trên một trục đường, để tăng viện, ứng cứu giải tỏa cho khu vực, mục tiêu đang bị ta tiến công, có nguy cơ bị tiêu diệt. Địch chủ động về thời gian, không gian, tổ chức đội hình chặt chẽ, sức cơ động cao, sử dụng kết hợp các phương tiện trinh sát trên không, mặt đất hiện đại kết hợp với bọn phản động nội địa; sử dụng hỏa lực, UAV tiến công đánh phá vào các khu vực nghi ngờ có lực lượng của ta; vận dụng linh hoạt nhiều thủ đoạn khi bị ta tiến công, nên chiến đấu sẽ diễn ra hết sức ác liệt, tính biến động cao. Do đó, tiếp nhận, vận chuyển, bổ sung VCHC gặp rất nhiều khó khăn, phức tạp.

Trung đoàn bộ binh CĐPK ở ĐHTD, ngoài lực lượng trong biên chế, có thể được cấp trên, địa phương tăng cường, phối thuộc một số lực lượng, phương tiện. Quá trình chiến đấu được hỏa lực, pháo binh, phòng không của cấp trên chi viện và lực lượng vũ trang địa phương phối hợp chiến đấu. Để phục kích địch cơ động đường bộ thắng lợi, trung đoàn chuẩn bị thế trận phục kích bí mật, hiểm hóc. Nắm chắc thời cơ,

nhANH chóng cơ động lực lượng vào triển khai đội hình thành thế bao vây, chia cắt địch; bất ngờ nổ súng chặn đầu, khóa đuôi, thực hành hỏa lực chuẩn bị sẵn; phát huy sức mạnh chiến đấu hiệp đồng binh chủng, bộ binh, xe tăng (nếu có) đồng loạt xung phong thành nhiều hướng, mũi; tập trung lực lượng tiêu diệt mục tiêu chủ yếu và các mục tiêu trong khu vực diệt địch; chủ động đánh trả máy bay, UAV của địch. Vận dụng linh hoạt các thủ đoạn chiến đấu, đánh nhanh, rời khỏi chiến đấu nhanh. Để bảo đảm cho trận đánh, hậu cần - kỹ thuật trung đoàn (HC-KT/e) thường tổ chức thành một bộ phận trực tiếp bảo đảm mọi mặt cho các đơn vị chiến đấu. Bảo đảm VCHC trung đoàn bộ binh CĐPK, trong điều kiện thời gian chuẩn bị trực tiếp sẵn, không gian bảo đảm rộng, tính bí mật, bất ngờ cao... trên địa hình tương đối trống trải. Trong khi địch luôn trinh sát, phát hiện và đánh phá ác liệt các hoạt động tiếp nhận, bổ sung vật chất nên lực lượng, phương tiện, VCHC dễ bị thương vong tổn thất, hoạt động bảo đảm bị gián đoạn. Tuy nhiên, HC-KT/e được hậu cần - kỹ thuật sư đoàn trực tiếp bảo đảm, có điều kiện huy động lực lượng, phương tiện, VCHC... của KVPT trên địa bàn để bảo đảm cho chiến đấu. Để bảo đảm kịp thời, đầy đủ mọi nhu cầu VCHC cho trung đoàn bộ binh CĐPK ở ĐHTD giành thắng lợi, cần thực hiện tốt một số giải pháp chủ yếu sau:

Một là, phân cấp dự trữ VCHC hợp lý; quy định lượng mang theo vào khu vực bố trí, triển khai chiến đấu phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của từng bộ phận. Đây là giải pháp cơ bản, quan trọng để bảo đảm đủ vật chất cho trung đoàn chiến đấu, trong điều kiện thời gian chuẩn bị sẵn, khả năng HC-KT/e có hạn. Trung đoàn bộ binh chiến đấu phục kích ở ĐHTD, vật chất mang theo phải gọn, nhẹ để cơ động nhanh chóng, giữ bí mật, nổ súng đúng thời cơ; vừa phải đáp

ứng đủ yêu cầu bảo đảm chiến đấu, vừa không ảnh hưởng đến khả năng cơ động của bộ đội. Mặt khác, trung đoàn tổ chức ra nhiều bộ phận với nhiệm vụ, cách đánh, khu vực BTCĐ và triển khai riêng. Do đó, việc quy định dự trữ vật chất, lượng mang theo ở các bộ phận này cũng khác nhau, đủ sức bảo đảm cho đơn vị hoàn thành nhiệm vụ. Thực tiễn, trận eBB42 phục kích Nam Xa Mát năm 1970. Để bảo đảm VCHC cho trận đánh, HC-KT/e tổ chức kho dự trữ vật chất thiết yếu, nhưng số lượng còn hạn chế; khi cơ động vào chiếm lĩnh trận địa chờ địch, bộ đội mang theo 2 ngày lương thực, thực phẩm; trạm quân y trung đoàn dự trữ 5 hộp sữa bột, 3 kg đường, 100 kg gạo; các tiểu đoàn không tổ chức kho dự trữ vật chất. Do trung đoàn nằm chờ địch (3 ngày) nên không đủ VCHC, ảnh hưởng đến chiến đấu của bộ đội. Khắc phục hạn chế này, HC-KT/e đã nhanh chóng tiến hành thu mua lương thực, thực phẩm và kịp thời bổ sung VCHC bảo đảm cho trung đoàn chiến đấu thắng lợi.

Thực hiện giải pháp này, tại khu vực bố trí chiến đấu (BTCĐ), các đơn vị mang theo vào khu vực BTCĐ bằng lượng VCHC phải có trước giờ quy định ở đơn vị, cụ thể: Các đơn vị tiến công, bộ đội cần mang trên vai một số ngày LTTP; vài ngày LK; quân trang chiến đấu (QTCĐ); quân lương chiến đấu (QLCĐ); 1 cuộn băng cá nhân (BCN)/người. Quân y tiểu đoàn mang theo đủ thuốc chiến thương, dụng cụ y tế, đường sữa thương binh (ĐSTB). Các xe vận tải của trung đoàn xếp sẵn vật chất, mang theo 1 cơ số xăng dầu, bố trí tại tập kết chiến đấu, sẵn sàng cơ động bảo đảm. Các đơn vị hỏa lực, công binh, hóa học: Chủ yếu cơ động bộ, mang vác trang bị nặng; do đó, bộ đội chỉ cần mang ít ngày LTTP, vài ngày lương khô LK, QTCĐ, quân lương chiến đấu; 1 cuộn BCN/người.

Đối với bộ phận xe tăng mang theo một số ngày LTTP và LK; cơ số xăng dầu, QTCĐ, quân lương chiến đấu; 2 cuộn BCN/người. Riêng bộ phận đối diện mang theo vào bố trí chiến đấu (BTCĐ) một số ngày LTTP và ít ngày LK, 2 cuộn BCN/người, QTCĐ; QLCĐ, quân y đại đội dự trữ 1 túi y tá, 1 túi y sĩ để đủ khả năng thực hiện được bổ sung cấp cứu. Khi địch có dấu hiệu xuất hiện đúng dự kiến, bộ đội mang theo VCHC vào triển khai phải gọn nhẹ, tiện cơ động, không ảnh hưởng đến khả năng cơ động và hoạt động chiến đấu của bộ đội gồm QTCĐ, quân lương chiến đấu, LK, băng cá nhân.

Để thực hiện tốt giải pháp này, chủ nhiệm HC-KT/e cần chủ động nắm chắc tình hình liên quan, ý định tổ chức sử dụng lực lượng của trung đoàn, nhiệm vụ chiến đấu của từng đơn vị, khả năng mang theo của bộ đội; tham mưu cho chỉ huy trung đoàn xác định nhu cầu VCHC cho từng bộ phận; nắm chắc khả năng chi viện bảo đảm của khu vực phòng thủ (KVPT); quy định lượng mang theo vật chất vào khu vực BTCĐ và triển khai hợp lý ở từng bộ phận và trên vai bộ đội.

Hai là, khẩn trương tiếp nhận VCHC của cấp trên, khai thác tại khu vực phòng thủ nhanh chóng bảo đảm cho trung đoàn chiến đấu. Chiến đấu phục kích, HC-KT/e phải bảo đảm cho nhiều bộ phận trong thời gian ngắn, yêu cầu bí mật, bất ngờ cao, ở địa hình có lựa chọn, trong khi khả năng của HC-KT/e có hạn, đòi hỏi công tác tổ chức chuẩn bị chiến đấu, tiếp nhận VCHC của cấp trên và địa phương phải khẩn trương, giúp trung đoàn cơ động vào khu vực BTCĐ, triển khai và thực hành nổ súng đánh địch nhanh chóng, đúng thời cơ. Thực tiễn, eBB42 phục kích Xa Mát năm 1970, ngay sau khi trung đoàn nhận nhiệm vụ

CĐPK, ngày 09/7/1970, HC/e đã chủ động, khẩn trương tiếp nhận VCHC từ sư đoàn và nhận 20 tấn gạo của hậu cần khu vực (Đoàn 82), bổ sung đủ VCHC cho các đơn vị và kho trung đoàn theo quy định của hậu cần cấp trên, bảo đảm cho trung đoàn cơ động vào bố trí chiến đấu đúng thời cơ. Trong quá trình chờ địch, HC/e còn tiếp nhận được 80 kg thịt tươi và 4.830 kg thực phẩm ở các làng bản khu vực đường số 7, bổ sung kịp thời cho các đơn vị.

Để tổ chức tiếp nhận nhanh, tranh thủ mọi lực lượng, phương tiện, thời gian, phương pháp để đưa VCHC từ kho sư đoàn, kho địa phương về bổ sung cho các đơn vị, kho trung đoàn trong thời gian ngắn nhất, chủ nhiệm HC-KT/e cần nắm chắc chỉ lệnh bảo đảm HC, KT sư đoàn, khả năng cung cấp của hậu cần KVPT, khả năng HC-KT/e và đơn vị..., có kế hoạch tiếp nhận, bổ sung vật chất cụ thể, khoa học; hiệp đồng chặt chẽ với hậu cần sư đoàn và hậu cần KVPT; kịp thời nắm chắc những biến động về khả năng chi viện bảo đảm, vị trí bố trí các kho vật chất của KVPT để điều chỉnh kế hoạch tiếp nhận phù hợp với từng tình huống.

Ba là, vận dụng linh hoạt các phương pháp tiếp nhận bổ sung vật chất. Đây là giải pháp quan trọng, nhằm bảo đảm kịp thời, đầy đủ, chính xác và đồng bộ các loại vật chất cho đơn vị chiến đấu thắng lợi. Thực tiễn, eBB2 phục kích đoàn xe thiết giáp Ngụy tại ngã ba Xnun năm 1972, trong giai đoạn chuẩn bị, HC/e đã tiếp nhận gạo tại kho sư đoàn, về bổ sung thẳng kho trung đoàn và các đơn vị, đồng thời thu mua tại địa bàn cá khô, 2 trâu, 3 bò, 1 lợn, phân phối cho đơn vị tại khu vực tập kết, theo phương pháp giao nhận tay đôi, vận chuyển bằng gánh, gửi bộ và mang vác. Trong khi chờ địch, HC/e sử dụng lượng VCHC dự trữ trong kho kết hợp

với khai thác thực phẩm tươi tại chỗ và bổ sung thẳng cho các đơn vị. Quá trình chiến đấu, HC/e không bổ sung VCHC.

Để việc bổ sung VCHC đảm bảo kịp thời, đầy đủ, phù hợp với khả năng dự trữ, mang theo và tính chất, nhiệm vụ, cách đánh của từng bộ phận, việc tiếp nhận, bổ sung vật chất được tiến hành như sau:

Giai đoạn chuẩn bị chiến đấu: tại tập kết, HC-KT/e tiếp nhận vật chất của trên, địa phương kết hợp với lượng hiện có ở kho trung đoàn để bổ sung cho các đơn vị các loại VCHC, như lương thực, thực phẩm, lương khô, đường sữa thương binh... đủ lượng tiêu thụ ở tập kết và một phần lượng vật chất phải có trước giờ nổ súng phù hợp khả năng mang theo của bộ đội và đơn vị. Trung đoàn có thể sử dụng lực lượng, phương tiện cơ giới (nếu có điều kiện) vận chuyển bổ sung các loại vật chất có khối lượng lớn như gạo, thực phẩm. Các vật chất có khối lượng nhỏ, các đơn vị ở gần có thể tự tổ chức lực lượng phương tiện lên kho trung đoàn tiếp nhận và vận chuyển về đơn vị mình; các đơn vị ở xa HC-KT/e tiến hành vận chuyển bổ sung tại vị trí đứng chân.

Giai đoạn thực hành chiến đấu: Tại bố trí chiến đấu, HC-KT/e thường không tổ chức tiếp nhận, bổ sung VCHC. Quá trình chiến đấu VCHC ít phải bổ sung, nếu có thì thường bổ sung đột xuất ngoài kế hoạch, có thể tiến hành bổ sung vượt cấp, thường sử dụng lượng dự trữ trong kho để bổ sung cho các đơn vị.

Sau chiến đấu: HC-KT/e tiếp nhận vật chất của sư đoàn và địa phương, bổ sung đủ lượng vật chất dự trữ phải có sau chiến đấu theo quy định và theo yêu cầu nhiệm vụ mới cho các đơn vị. Căn cứ vào chỉ lệnh bảo đảm hậu cần, kỹ thuật sư đoàn, chỉ thị của trung đoàn trưởng về công tác hậu cần, tiếp

nhận, bổ sung vật chất cho kho trung đoàn và các đơn vị đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới. Hậu cần - kỹ thuật trung đoàn thường kết hợp trên dưới cùng chuyển bổ sung cho các đơn vị tại vị trí đứng chân và bổ sung tại kho trung đoàn.

Để thực hiện tốt giải pháp, chủ nhiệm HC-KT/e phải căn cứ vào kế hoạch bảo đảm hậu cần, kỹ thuật đã được phê duyệt; chỉ lệnh bảo đảm hậu cần, kỹ thuật sư đoàn; nhiệm vụ các đơn vị trên từng hướng; tình hình tiêu thụ, tổn thất vật chất các bộ phận trong từng giai đoạn cụ thể; khả năng lực lượng, phương tiện vận tải; tình hình địch và các yếu tố khác có liên quan để tiến hành bổ sung vật chất đáp ứng kịp thời nhu cầu chiến đấu.

IV. KẾT LUẬN

Bảo đảm VCHC là một nội dung bảo đảm hậu cần, tác động trực tiếp đến kết quả trận đánh. Để thực hiện tốt, HC-KT/e phải căn cứ vào tình hình thực tế, vận dụng đồng bộ, linh hoạt các nội dung giải pháp trên để phát huy sức mạnh tổng hợp nhằm bảo đảm cho trung đoàn chiến đấu thắng lợi. Tuy nhiên, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc tương lai (nếu xảy ra) có sự phát triển, vì vậy cần tiếp tục nghiên cứu bổ sung, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo đảm cho trung đoàn CĐPK thắng lợi♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tổng Tham mưu (2015), *Bảo đảm hậu cần trung đoàn bộ binh CĐPK ở ĐHTD*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Bộ Tổng Tham mưu (2015), *Trung đoàn bộ binh CĐPK ở ĐHTD*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (1997), *Lịch sử chiến thuật phục kích (1945 - 1975)*, Nxb QĐND, Hà Nội.

NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP QUÂN ĐỘI

Trung tá, TS. VŨ PHƯƠNG THẢO

Khoa Tài chính, Học viện Hậu cần

Trung tá, TS. TRẦN QUỐC HIẾU

Thanh tra Bộ Quốc phòng

ABSTRACT: *Financial supervision is the activity of monitoring the implementation of financial plans and tasks within military enterprises, aiming to assess and understand their financial status and the effectiveness of their business, which serves as a basis for effective management measures. In the article are proposed several solutions for enhancing the effectiveness of financial supervision for military enterprises in the current situation.*

I. TÓM TẮT

Giám sát tài chính (GSTC) là hoạt động theo dõi quá trình triển khai, thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ công tác tài chính của các doanh nghiệp quân đội (DNQĐ), nhằm đánh giá, nắm bắt thực trạng tình hình tài chính và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) của các DNQĐ, từ đó có biện pháp quản trị tốt. Bài viết đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả GSTC đối với các DNQĐ trong tình hình hiện nay.

II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Những năm qua, công tác GSTC của các cơ quan quản lý nhà nước đối với DNQĐ đã thực sự trở thành một trong những công cụ quản lý hữu hiệu; được thực hiện dưới nhiều hình thức, đa dạng các phương pháp. Từ đó, đã giúp các DNQĐ có biện pháp khắc phục tồn tại, hoàn thành mục tiêu SXKD, nâng cao cạnh tranh, góp phần quan trọng trong bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước. Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, công tác GSTC đối với DNQĐ vẫn còn những hạn chế, như: Hoạt động GSTC có thời điểm chưa thường xuyên, kịp thời; hệ thống các tiêu chí phân tích, đánh giá tình hình tài chính, kết quả hoạt động SXKD đối với các DNQĐ có thời điểm chưa đầy đủ, đồng bộ,

chưa là căn cứ vững chắc giúp nhà quản lý đưa ra quyết định điều hành phù hợp... Vì vậy, cần có biện pháp phù hợp để nâng cao hiệu quả GSTC đối với DNQĐ.

III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Nhận thức đúng vai trò, tầm quan trọng của công tác GSTC, thời gian qua, cấp ủy, chỉ huy các cấp đã thường xuyên quan tâm, chỉ đạo công tác GSTC hàng năm đối với các DNQĐ. Qua kết quả GSTC, đã đánh giá đúng hiệu quả hoạt động SXKD; các DNQĐ đã thích ứng với tình hình kinh tế, chính trị và cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD; đặc biệt, có một số DNQĐ vượt tiến độ kế hoạch và tăng trưởng. Công tác GSTC đã góp phần quan trọng giúp các DNQĐ giữ được sự ổn định, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD, đóng góp lớn cho ngân sách nhà nước (NSNN), bảo đảm việc làm, thu nhập cho người lao động.

Trong thời gian tới, chủ trương tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động và huy động nguồn lực của doanh nghiệp Nhà nước luôn được xem là quan điểm chủ đạo, xuyên suốt và nhất quán của Đảng, Nhà nước. Bên cạnh đó, Chính phủ đã ban hành

nhiều văn bản pháp quy để chỉ đạo các nội dung thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí, tiêu cực, phát huy dân chủ, công khai, minh bạch và định hướng tiếp tục giám sát, siết chặt kỷ cương, kỷ luật quân đội, kỷ luật tài chính. Điều này đặt ra những yêu cầu mới về mục tiêu, nhiệm vụ đối với các DNQĐ. Để đạt được các mục tiêu này, đòi hỏi cần thực hiện tốt một số nội dung biện pháp cơ bản sau đây:

Một là, tăng cường giám sát quá trình thực thi các chính sách, pháp luật về quản lý tài chính, chính sách thuế, chế độ kế toán, thống kê; qua đó, nâng cao hiệu quả lập báo cáo tài chính, kết quả hoạt động SXKD. Công tác GSTC cần tập trung giám sát việc công bố thông tin, minh bạch tài chính, công tác tổ chức, quán triệt, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật, các chế độ, chính sách, tiêu chuẩn, quy định liên quan đến quản lý tài chính tại các DNQĐ. Theo dõi việc thực hiện các nội dung, quy trình, báo cáo GSTC của Bộ Quốc phòng (BQP) để báo cáo tài chính trung thực, đúng thực trạng DNQĐ.

Công tác GSTC tại các DNQĐ phải đúng quy trình, công khai, công bằng và dân chủ để tạo đồng thuận của các cấp quản lý, đối tượng và chủ thể giám sát. Các DNQĐ phải thực hiện kiểm toán đối với báo cáo tài chính trước khi gửi cho cơ quan tài chính cấp trên. Chủ động, tích cực áp dụng công cụ GSTC khoa học, hiện đại. Lựa chọn các nội dung trọng tâm, trọng điểm để giám sát như chính sách quy hoạch, sử dụng, tuyển dụng lao động, chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng. Trong quá trình cổ phần hóa các DNQĐ, chú ý giám sát việc thực hiện sắp xếp, điều động, bổ nhiệm cán bộ và chế độ, chính sách cho người lao động; việc thực hiện quản lý tài sản công, quản lý vốn của chủ sở hữu tại các DNQĐ.

Hai là, tích cực tham mưu, áp dụng các tiêu chí đánh giá, GSTC vào hoạt động sản xuất kinh doanh của DNQĐ. Hiện nay,

BQP đã thống nhất chỉ đạo các DNQĐ áp dụng, triển khai thực hiện theo nhiều tiêu chí để GSTC các DNQĐ với mục đích khai thác, quản lý chặt chẽ và phát huy hiệu quả các nguồn lực được giao, theo dõi, giám sát, điều hành quản lý tài chính các DNQĐ. Tuy nhiên, trong thực tế, vẫn có DNQĐ lúng túng chưa phân tích, đánh giá đầy đủ tình hình tài chính và vận dụng kết quả giám sát vào quá trình thực hiện. Vì vậy, trong thời gian tới, cần tập trung phân tích các tiêu chí về doanh thu, chi phí, khả năng thanh toán hiện thời, khả năng thanh toán nhanh, hệ số nợ phải trả... từ đó kịp thời thông báo đối với chủ sở hữu về kết quả GSTC, đánh giá hiệu quả và xếp loại DN hằng năm; kịp thời rút kinh nghiệm, khắc phục những hạn chế trong tổ chức SXKD và công tác quản lý tài chính đối với DNQĐ. Các DNQĐ có dấu hiệu hoặc mất an toàn về tài chính cần phải tham mưu các biện pháp để xử lý kịp thời; chấn chỉnh công tác quản lý tài chính, điều hành hoạt động SXKD; tuân thủ đúng quy định của Nhà nước và BQP về công tác báo cáo đối với DN thuộc diện GSTC đặc biệt.

Từ tình hình thực tiễn, tích cực rà soát, tham mưu, đề xuất biện pháp xây dựng, hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý, GSTC nội bộ, như: Quy chế quản lý tài chính, quy chế quản lý lao động tiền lương. Ứng dụng quy trình hiện đại, tiên tiến trong xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch đầu tư và SXKD phù hợp với năng lực hiện có cả về vật lực, tài lực và trí lực tại các DNQĐ. Từ đó, làm tốt công tác quản trị nhân lực GSTC, công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ về tay nghề, chuyên môn kỹ thuật, chế độ, chính sách, ưu đãi cho người lao động có chức năng GSTC, để không ngừng bồi dưỡng, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của ngành tài chính đáp ứng nhiệm vụ GSTC trong bối cảnh mới.

Ba là, hoàn thiện hệ thống kiểm soát, GSTC tại các DNQĐ. Hệ thống GSTC tại

các DNQĐ bao gồm chủ thể giám sát, quy trình và chỉ tiêu GSTC. Việc hoàn thiện hệ thống GSTC tại các DNQĐ cần phải được tiến hành đồng bộ từ hoàn thiện bộ máy chủ thể giám sát, hoàn thiện quy trình giám sát và xây dựng, hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu GSTC phù hợp với đặc thù ngành của các DNQĐ. Cần hoàn thiện bộ máy các cơ quan, cá nhân thực hiện chức năng kiểm soát, GSTC tại các DNQĐ theo hướng chuyên môn hóa, tăng cường phân cấp GSTC, kiện toàn và phát huy vai trò của ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên tại các DNQĐ. Xây dựng chương trình giám sát phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan quản lý Nhà nước trong BQP và giám sát của chủ sở hữu đối với DNQĐ. Thực hiện đầy đủ nguyên tắc phân công, phân nhiệm, ủy quyền phê chuẩn, bất kiêm nhiệm trong thiết lập các thủ tục kiểm soát. Quá trình xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát phải có sự phối hợp giữa các cơ quan có chức năng giám sát, giữa BQP với các Bộ quản lý ngành. Các cơ quan quản lý nhà nước phối hợp với chủ sở hữu để thực hiện giám sát các DN trong việc yêu cầu thực hiện báo cáo định kỳ, như: Kế hoạch lao động - tiền lương; quỹ lương kế hoạch; kết quả thực hiện kế hoạch lao động - tiền lương; quỹ lương thực hiện... tham gia ý kiến trong việc đưa ra các nhận xét, đánh giá, cảnh báo, khuyến nghị đối với DNQĐ.

Bốn là, phát huy vai trò, trách nhiệm của lãnh đạo, chỉ huy, quản lý, điều hành tại các DNQĐ. Cấp ủy các cấp và cơ quan quản lý DNQĐ điều hành DN thực hành triệt để các biện pháp tiết kiệm chi phí, tiết giảm chi tiêu nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, GSTC của các DNQĐ. Thực hiện tốt các biện pháp bảo tồn vốn theo quy định, rà soát các khoản nợ rủi ro cao, nợ khó đòi, hạch toán các chi phí khi xác định, đánh giá kết quả SXKD để phản ánh đúng, đầy đủ thực trạng DN. Tăng cường đổi mới phương pháp giáo

dục giá trị truyền thống, thương hiệu, uy tín của DNQĐ trong thực hiện chức năng “đội quân công tác, đội quân lao động sản xuất”, tăng cường tiết kiệm, chống tiêu cực, tham nhũng trong công tác tài chính.

Các đơn vị, cá nhân theo thẩm quyền, nhiệm vụ cần làm tốt vai trò kiểm tra, giám sát, quản lý đối với DNQĐ. Phát huy tốt vai trò của người đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước, kiểm soát viên tại các DN; làm tốt công tác kiểm tra, giám sát, quản lý, chỉ đạo tại DNQĐ. Chủ động, kịp thời phát hiện, chấn chỉnh sai phạm về công tác tài chính; không để DN mất an toàn về tài chính, vi phạm pháp luật, ảnh hưởng đến uy tín của Quân đội. Xử lý dứt điểm các vi phạm, tồn đọng trong quản lý tài sản, nhất là quản lý đất quốc phòng; hoàn thiện quy trình giám sát hoạt động tài chính tại các DNQĐ. Thường xuyên rà soát lại các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư tài chính khác; các DNQĐ chủ động rà soát thực hiện thoái vốn, rút vốn đối với các khoản đầu tư không hiệu quả hoặc hiệu quả thấp; tập trung vốn cao vào những ngành nghề SXKD chính, ngành mũi nhọn.

IV. KẾT LUẬN

Giám sát tài chính có vai trò quan trọng góp phần theo dõi, kiểm tra, giám sát tạo sự minh bạch, đảm bảo cho các DNQĐ thực hiện đúng pháp luật và quy định của quân đội. Muốn vậy, cần vận dụng, thực hiện sáng tạo các biện pháp nêu trên♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Quốc phòng (2017), *Thông tư số 48/2017/TT-BQP ban hành quy chế GSTC, đánh giá hiệu quả hoạt động đối với DN Nhà nước và DN có vốn Nhà nước thuộc BQP*, Hà Nội.
2. Chính phủ (2022), *Nghị quyết số 68/NQ-CP về tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động và huy động nguồn lực của doanh nghiệp Nhà nước*, Hà Nội.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC HẬU CẦN, KỸ THUẬT QUÂN SỰ

Đại tá, TS. ĐỖ NGỌC OANH

Phòng Sau đại học, Học viện Hậu cần

Trung tá, TS. DƯƠNG QUANG BÌNH

Khoa Quân nhu, Học viện Hậu cần

TRONG nghiên cứu khoa học (NCKH), người nghiên cứu (NNC) có thể sử dụng một hoặc nhiều phương pháp. Đối với lĩnh vực hậu cần, kỹ thuật (HCKT) quân sự, thường sử dụng những phương pháp cơ bản, như: Lịch sử; Logic; Hệ thống cấu trúc; Chuyên gia; Quan sát; Điều tra; Thực nghiệm; Toán học. Mỗi phương pháp có ưu thế và cách tiếp cận riêng. Vì vậy, tùy đối tượng nghiên cứu có thể sử dụng một hay nhiều phương pháp phù hợp. Song, dù vận dụng phương pháp nào cũng cần nắm chắc những vấn đề cơ bản, chủ yếu sau:

Nắm chắc phương pháp luận chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, phương pháp luận khoa học, duy vật biện chứng duy nhất đúng cho mọi phương pháp, bao gồm các nguyên lý, quan điểm chỉ đạo việc tìm tòi, xây dựng, lựa chọn và vận dụng các phương pháp trong nhận thức và thực tiễn; đồng thời, giúp NNC xác định hướng đi và cấu trúc logic cho các hoạt động NCKH. Điều đó dễ nhận thấy thông qua các quan điểm, nguyên tắc của phương pháp luận. Ví dụ, nguyên tắc “khách quan, toàn diện, lịch sử, cụ thể và phát triển” là một trong những nguyên tắc rất cơ bản của phương pháp luận, quán triệt nguyên tắc này đòi hỏi NNC phải căn cứ vào đối tượng nghiên cứu mà lựa chọn phương pháp nghiên cứu phù hợp (Lịch sử, Logic, Hệ thống - cấu trúc, chuyên gia...) để tìm ra chân lý, bản chất của sự vật hiện tượng (SVHT); đó cũng là cách tốt nhất để nhận thức đầy đủ quá trình hình thành, phát triển, tồn tại, dự báo xu hướng phát triển trong tương lai của SVHT; các yếu tố,

các mối liên hệ trong hệ thống; đồng thời, tránh được sự hời hợt, chủ quan, kết luận một cách tùy tiện, thiếu cơ sở khoa học. Hay nói đến quy luật “sự thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập”; đây là quy luật cơ bản trong phương pháp luận của triết học Mác-Lênin. Quán triệt nguyên tắc này khi vận dụng phương pháp Hệ thống - cấu trúc, NNC cần làm rõ sự thống nhất và mâu thuẫn giữa hệ thống và yếu tố, giữa yếu tố và các mối liên hệ để làm rõ bản chất, vị trí, mối liên hệ của SVHT trong hệ thống.

Xuất phát từ khách thể, đối tượng nghiên cứu để lựa chọn một hoặc một vài phương pháp cụ thể cho phù hợp. Trong NCKH, mỗi phương pháp có thể mạnh và phương pháp tiếp cận khác nhau, việc lựa chọn đúng phương pháp nghiên cứu có ý nghĩa quyết định, giảm được rủi ro trong nghiên cứu, nhanh tới đích, giảm thời gian, nguồn lực cho nghiên cứu và có kết quả chính xác. Điều đó dễ nhận thấy qua những đặc trưng nổi bật, những yêu cầu cụ thể khi lựa chọn phương pháp nghiên cứu. Chẳng hạn, đối với phương pháp Lịch sử, thế mạnh là dựng lại bức tranh của lịch sử một cách chính xác, giúp NNC nhận thức đầy đủ quá trình hình thành, phát triển, dự báo được tương lai phát triển của sự vật, hiện tượng. Để đạt được điều đó, yêu cầu NNC phải dựng lại lịch sử bằng các tư liệu hiện có, phải tôn trọng lịch sử, phải biết lựa chọn sự kiện có tính đại diện nhưng không làm sai lệch lịch sử... Hay, với phương pháp Hệ thống - cấu trúc, thế mạnh là có thể nghiên cứu đối tượng có phạm vi rộng, quy mô lớn,

mối liên hệ phức tạp. Vận dụng phương pháp này đòi hỏi NNC phải hiểu rõ hệ thống, các yếu tố, các mối liên hệ, xác định cây nghiên cứu, xác định mục tiêu nghiên cứu cho từng vấn đề và mục tiêu tổng thể của đối tượng nghiên cứu, có như vậy mới đảm bảo sự thống nhất, logic và có kết quả nghiên cứu khách quan... Như vậy, có thể khẳng định, mỗi phương pháp đều có thế mạnh và cách tiếp cận riêng, điều cốt yếu là NNC phải nắm chắc phương pháp và căn cứ vào khách thể, đối tượng nghiên cứu để lựa chọn phương pháp cho phù hợp.

Kết hợp chặt chẽ, vận dụng sáng tạo các phương pháp nghiên cứu. Đây là vấn đề khó, trên cơ sở phải nắm chắc phương pháp nghiên cứu; đồng thời, thường xuyên học hỏi, rèn luyện, tích lũy kỹ năng trong NCKH. Tại sao phải như vậy? Bởi vì, mỗi phương pháp có thế mạnh và phương pháp tiếp cận riêng, muốn giải quyết vấn đề khoa học chính xác, nhanh tới đích cần vận dụng linh hoạt và kết hợp chặt chẽ các phương pháp nghiên cứu. Có thể nhận thấy sự hiệu quả đó khi NNC tổng quan một vấn đề nghiên cứu, dĩ nhiên phải lấy phương pháp Lịch sử làm chính, thế nhưng chỉ sử dụng đơn độc phương pháp Lịch sử, dễ dẫn đến tình trạng liệt kê, chồng chất sự kiện, số liệu, đặc biệt khi gặp các sự kiện có tính đơn lẻ (cá biệt) không tuân theo quy luật khách quan có thể dẫn đến những kết luận sai lầm hoặc với những đối tượng nghiên cứu có phạm vi rộng, phức tạp mà chỉ sử dụng phương pháp Lịch sử, khó có điều kiện nghiên cứu toàn bộ sự kiện (theo phương pháp đồng đại hoặc niên đại). Vì vậy, khi tổng quan, NNC cần khéo kết hợp với phương pháp Logic, quá trình tổng quan, biết lựa chọn các sự kiện điển hình, đại diện, phù hợp với quy luật, biết bỏ qua các sự kiện riêng lẻ, cá biệt, không có tính đại diện; thông qua phương pháp Logic, sử dụng tư duy của NNC để

khái quát, tìm ra bản chất, quy luật của vấn đề nghiên cứu, hay nói cách khác là thông qua tư duy logic của NNC mà mô tả được sự hình thành, tồn tại, xu hướng phát triển có tính quy luật, bản chất của SVHT. Tương tự, để giải quyết các vấn đề khác của đề tài nghiên cứu, như: Cơ sở lý luận, thực tiễn, nội dung, giải pháp, NNC có thể kết hợp các phương pháp khác nhau để đạt được mục đích nghiên cứu.

Nắm chắc điều kiện vận dụng các phương pháp nghiên cứu. Có thể nói nắm chắc, vận dụng thành thạo phương pháp nghiên cứu mới là điều kiện cần, còn điều kiện để vận dụng phương pháp mới là điều kiện đủ. Tại sao như vậy? Bởi vì, với một đối tượng nghiên cứu, NNC có thể lựa chọn một hay nhiều phương pháp khác nhau, nhưng yếu tố quan trọng là điều kiện vận dụng để thực hiện phương pháp mà NNC đã lựa chọn có cho phép hay không, đây là vấn đề cần được xem xét, đánh giá kỹ lưỡng trước khi quyết định lựa chọn phương pháp. Điều đó dễ nhận thấy, như: Khi sử dụng phương pháp Lịch sử, điều kiện đủ đó là đối tượng nghiên cứu phải được lịch sử ghi chép lại qua hệ thống tư liệu, nếu thiếu hệ thống tư liệu lưu trữ thì không thể thực hiện được phương pháp Lịch sử; hay sử dụng phương pháp thực nghiệm đòi hỏi phải có đủ điều kiện khách quan về môi trường để thực nghiệm, cơ sở vật chất, con người; khi sử dụng phương pháp Logic, điều kiện đủ lại gắn liền với phương pháp Lịch sử và khả năng tư duy của NNC; khi sử dụng phương pháp Chuyên gia, điều kiện đủ chính là phải có chuyên gia có chuyên môn, kinh nghiệm về lĩnh vực nghiên cứu, phải có thời gian để chuẩn bị nội dung xin ý kiến chuyên gia, NNC phải có hiểu biết cần thiết để sẵn sàng trao đổi với chuyên gia. Như vậy, trước khi lựa chọn bất kỳ phương pháp nào, NNC

phải nắm chắc điều kiện vận dụng trước khi lựa chọn.

Một vấn đề rất quan trọng, đó là, NNC cần tránh các sai lầm trong vận dụng các phương pháp NCKH. Một số sai lầm thường gặp khi vận dụng các phương pháp nghiên cứu, như: Khi vận dụng phương pháp Lịch sử, NNC không tôn trọng lịch sử, tự ý thay đổi sự kiện, số liệu, các đánh giá, trích dẫn hoặc không biết lựa chọn sự kiện tiêu biểu, điển hình dẫn đến tình trạng chất đống số liệu, sự kiện, mà không đúc kết được bản chất của vấn đề, hoặc nghiên cứu SVHT chưa thấu đáo đã đưa ra các kết luận theo định kiến cá nhân. Khi vận dụng phương pháp Logic, không thấy được mối liên hệ chặt chẽ giữa phương pháp Lịch sử và phương pháp Logic “Về bản chất, phương pháp Logic không phải là cái gì khác là phương pháp Lịch sử, chỉ có điều là nó thoát khỏi những hình thức lịch sử và những ngẫu nhiên pha trộn” (Ăng-ghe-n); NNC nghiên cứu lịch sử một cách hời hợt để đưa ra các kết luận theo ý muốn chủ quan của mình, không ít trường hợp cố tình làm sai lệch lịch sử để lô-gic trong kết luận... Một vấn đề cũng thường mắc phải trong vận dụng phương pháp Logic, đó là máy móc, định kiến cá nhân, kết luận không tuân theo kết quả nghiên cứu mà dựa trên kinh nghiệm hoặc sự kiện cá biệt. Khi sử dụng phương pháp chuyên gia, không chuẩn bị chu đáo vấn đề, không đưa trước tài liệu cho chuyên gia, không hẹn thời gian trao đổi với chuyên gia, không chuẩn bị kiến thức nền để trao đổi với chuyên gia; lựa chọn không đúng chuyên gia; không tạo được sự tin tưởng cần thiết khi cần chuyên gia... Khi sử dụng phương pháp Hệ thống cấu trúc, không làm rõ được bản chất của hệ thống, các yếu tố, các mối liên hệ; không xác định được mục tiêu nghiên cứu của từng vấn đề thuộc hệ thống (hệ thống con) trong tính tổng thể, thống nhất của cả hệ thống...

Vấn đề cuối cùng, đó là: Khoa học HCKT quân sự là vấn đề có phạm vi rất rộng, bao gồm các hệ thống: Tổ chức, biên chế; hệ thống bảo đảm (thời bình, thời chiến); hệ thống huấn luyện, SSCĐ; hệ thống trang bị, vật chất...; đồng thời, là lĩnh vực khó, đặc biệt khi nghiên cứu về nghệ thuật, bảo đảm HCKT cho các hình thức tác chiến luôn luôn vận động và phát triển. Vấn đề này đặt ra cho NNC những thách thức lớn hơn, rủi ro cao hơn. Vì vậy, việc nắm chắc các vấn đề cơ bản trên và vận dụng sáng tạo các phương pháp nghiên cứu là yếu tố đặc biệt quan trọng, có ý nghĩa quyết định đến thực hiện thành công các đề tài NCKH hậu cần, kỹ thuật quân sự.

Từ những vấn đề nêu trên cho thấy, NCKH là vấn đề khó, để đạt được mục đích nghiên cứu, NNC nắm chắc các phương pháp nghiên cứu, vì phương pháp mang ý nghĩa quyết định đến thành công trong nghiên cứu, như Nhà khoa học người Nga, Ivan Pavlov từng nói “mọi việc, suy cho cùng thành công hay thất bại đều do phương pháp”; đồng thời, NNC thường xuyên rèn luyện kỹ năng thông qua việc tích cực nghiên cứu các đề tài khoa học, viết giáo trình, tài liệu, chuyên đề; tích cực học tập, nắm vững lý luận cơ bản, tăng cường học hỏi, tích lũy kinh nghiệm thực tiễn, nhất là thực tiễn HCKT quân sự; biết vận dụng linh hoạt, sáng tạo các phương pháp trên cơ sở tôn trọng khách quan, phát huy tối đa năng lực tư duy để đạt mục đích nghiên cứu♦

Tài liệu tham khảo

1. Học viện Quốc phòng (2002), *Phương pháp luận NCKH quân sự*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (1997), *Phương pháp NCKH lịch sử quân sự*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Lưu Xuân Mới (2003), *Phương pháp NCKH*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.

TỔ CHỨC, SỬ DỤNG LỰC LƯỢNG, BỐ TRÍ HẬU CẦN - KỸ THUẬT BẢO ĐẢM CHO LỰC LƯỢNG CƠ ĐỘNG TIẾN CÔNG TRONG TÁC CHIẾN PHÒNG THỦ TỈNH, THÀNH PHỐ

Đại tá, PGS.TS. VŨ QUỐC HUY
Khoa Chỉ huy Hậu cần, Học viện Hậu cần
Thượng tá, ThS. TẠ VĂN THỨC
Phòng Đào tạo, Học viện Hậu cần

Lực lượng cơ động tiến công (CĐTC) là lực lượng nòng cốt trong tác chiến phòng thủ (TCPT) tỉnh, thành phố. Để lực lượng CĐTC chiến đấu giành thắng lợi, phải tiến hành đồng bộ nhiều vấn đề; trong đó, tổ chức, sử dụng (TCSD) lực lượng, bố trí hậu cần - kỹ thuật (HC-KT) giữ vai trò hết sức quan trọng, cần được thực hiện bằng những giải pháp khoa học, phù hợp.

TRONG tác chiến phòng thủ tỉnh, thành phố, lực lượng CĐTC thực hiện các trận đánh địch vu hồi đường bộ, đổ bộ đường không, đột nhập vào KVPT. Đối tượng tác chiến của lực lượng vũ trang (LLVT) địa phương tỉnh, thành phố là địch xâm lược tiến công từ bên ngoài và lực lượng bạo loạn có vũ trang gây bạo loạn lật đổ từ bên trong. Địch bên trong là bọn phản động được tập hợp thành các tổ chức, dưới danh nghĩa những hội, đoàn, các tổ chức phản động có vũ khí, bất ngờ đánh chiếm một số khu vực, mục tiêu trong KVPT. Địch tiến công từ bên ngoài là các lữ đoàn bộ binh (bộ binh cơ giới) thuộc sư đoàn bộ binh (bộ binh cơ giới); các lữ đoàn hải quân đánh bộ của địch, hoặc đồng minh tiến công vào KVPT. Khi tiến đánh KVPT tỉnh, thành phố, địch chủ động về thời gian, làm chủ trên không, trên biển, thực hiện các đòn tiến công hỏa lực “làm mềm chiến trường”; quá trình tiến công, kết hợp đột phá chính diện với thọc sâu, vu hồi đường bộ, đường sông, đổ bộ đường không đánh chiếm suốt chiều sâu của KVPT.

Để đánh bại các đợt tiến công của địch, giữ vững KVPT, lực lượng vũ trang

địa phương tỉnh, thành phố được tổ chức thành: Lực lượng phòng ngự, ngăn chặn; lực lượng CĐTC; lực lượng đánh nhỏ lẻ rộng khắp; lực lượng dự bị binh chủng; lực lượng chuyên trách; lực lượng bảo đảm HC-KT và sở chỉ huy. Trong đó, lực lượng CĐTC thường sử dụng là các eBB, đại đội thiết giáp. Mỗi khu vực sử dụng khoảng một số dBB và một bộ phận dân quân cơ động tại chỗ làm nhiệm vụ CĐTC. Quá trình tác chiến, tùy thuộc vào tình hình, lực lượng CĐTC hiệp đồng với các lực lượng khác để xử trí các tình huống; đồng thời, có thể tham gia chiến đấu phối hợp với các đơn vị bộ đội chủ lực hoạt động tác chiến trên địa bàn. Do vậy, lực lượng CĐTC phải vận dụng nhiều hình thức chiến thuật, thủ đoạn chiến đấu trên không gian rộng, tính cơ động, biến động cao, thời gian dài. Cho nên, hậu cần, kỹ thuật KVPT phải bảo đảm cho nhiều lực lượng, nhiều nhiệm vụ, nhiều hình thức, phương pháp hoạt động tác chiến khác nhau, trên địa bàn rộng, khối lượng bảo đảm lớn, khả năng HC-KT của quân sự địa phương, KVPT có hạn. Vật chất hậu cần, vật tư kỹ thuật tiêu thụ, tổn thất lớn; việc tiếp tế bổ sung vật chất,

cứu chữa, vận chuyển thương binh khó khăn, dễ bị gián đoạn; công tác chỉ huy, điều hành phức tạp.

Với lực lượng trong biên chế của HC-KT quân sự địa phương và HC-KT nhân dân tỉnh, thành phố, lực lượng HC-KT được quân khu tăng cường (nếu có), hậu cần - kỹ thuật KVPT tỉnh, thành phố thường tổ chức theo 1 trong 3 phương án: (1) Tổ chức căn cứ, phân căn cứ HC-KT và các cơ sở HC-KT bí mật, có lực lượng HC-KT dự bị cơ động và một số thành phần lực lượng khác; (2) Tổ chức căn cứ, một số phân căn cứ HC-KT, các cơ sở HC-KT bí mật, có lực lượng HC-KT dự bị và một số thành phần lực lượng khác; (3) Tổ chức các căn cứ, một số phân căn cứ HC-KT, các cơ sở HC-KT bí mật, có lực lượng HC-KT dự bị (cơ động) và một số thành phần lực lượng khác. Căn cứ vào âm mưu thủ đoạn tác chiến của địch, quyết tâm tác chiến phòng thủ, địa hình, thời tiết... từng địa phương lựa chọn phương án tổ chức lực lượng HC-KT bảo đảm cho TCPT tỉnh, thành phố. Tùy thuộc nhiệm vụ chiến đấu của lực lượng CĐTC của KVPT, hậu cần - kỹ thuật KVPT tỉnh, thành phố có thể sử dụng căn cứ hoặc phân căn cứ để bảo đảm. Nếu lực lượng CĐTC phải đánh địch ngoài dự kiến, xa khu vực bố trí căn cứ, các phân căn cứ thì hậu cần - kỹ thuật KVPT có thể tổ chức các bộ phận HC-KT mới kết hợp với lực lượng HC-KT tại chỗ để bảo đảm cho lực lượng CĐTC của tỉnh.

Để TCSD lực lượng, bố trí HC-KT bảo đảm cho lực lượng CĐTC tác chiến KVPT tỉnh, thành phố chiến đấu thắng lợi, hậu cần - kỹ thuật KVPT, nòng cốt là HC-KT quân sự địa phương tỉnh, thành phố cần tập trung thực hiện một số giải pháp sau:

Một là, chủ động xây dựng cơ sở hậu cần - kỹ thuật KVPT liên hoàn, vững chắc,

kịp thời bảo đảm cho lực lượng CĐTC chiến đấu. Ngay từ thời bình, căn cứ quyết tâm TCPT tỉnh, thành phố, hậu cần - kỹ thuật KVPT phải xác định phương án TCSD lực lượng, bố trí HC-KT bảo đảm cho LLVT địa phương tác chiến. Chủ động chuẩn bị trước các khu vực bố trí và xây dựng căn cứ, phân căn cứ HC-KT, các cơ sở HC-KT bí mật liên kết chặt chẽ với thể bố trí của HC-KT quân khu, các cơ sở kinh tế - xã hội của địa phương, tạo sự ổn định, vững chắc, bảo đảm cho LLVT địa phương tác chiến lâu dài.

Quá trình thực hành tác chiến, lực lượng CĐTC là lực lượng chủ yếu được KVPT tỉnh, thành phố sử dụng để xử trí các tình huống. Vấn đề đặt ra là hậu cần - kỹ thuật KVPT cần có phương án bảo đảm kịp thời cho LLVT địa phương tác chiến nói chung và lực lượng CĐTC nói riêng. Do đó, hậu cần - kỹ thuật KVPT tỉnh, thành phố phải dự kiến các phương án TCSD lực lượng, bố trí HC-KT hợp lý, để vừa bảo đảm cho các hướng (khu vực) tác chiến, vừa kịp thời bảo đảm cho lực lượng CĐTC chiến đấu. Các tình huống tác chiến thường có tính biến động, địch có thể chia cắt các khu vực chiến đấu của lực lượng CĐTC; hoặc nhu cầu tăng đột biến, vượt quá khả năng bảo đảm... Trong những trường hợp đó, hậu cần - kỹ thuật KVPT phải điều chỉnh thể bố trí phù hợp và dựa vào HC-KT cấp trên và các cơ sở kinh tế - xã hội tại chỗ để bảo đảm. Đây cũng là vấn đề có tính nguyên tắc, nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của các thành phần lực lượng HC-KT trong KVPT.

Để thực hiện giải pháp trên, HC-KT quân sự địa phương tỉnh, thành phố phải là lực lượng nòng cốt tham mưu cho Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố đề xuất với hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố về khảo sát thực địa, điều tra, lập quy hoạch, kế hoạch triển khai

xây dựng các cơ sở HC-KT của KVPT; từng bước xây dựng công trình trọng điểm trong các căn cứ, phân căn cứ HC-KT. Tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương về qui hoạch phát triển kinh tế - xã hội gắn với xây dựng thể trận HC-KT của KVPT. Phát huy sức mạnh tổng hợp của các sở, ban, ngành, tổ chức đoàn thể quần chúng ở địa phương trong xây dựng, quản lý căn cứ hậu phương; căn cứ, phân căn cứ HC-KT của KVPT.

Hai là, nắm chắc diễn biến tác chiến, điều chỉnh lực lượng HC-KT linh hoạt, kịp thời bảo đảm cho lực lượng CĐTC. Trong quyết tâm TCPT tỉnh, thành phố, nhiệm vụ, khu vực chiến đấu của lực lượng CĐTC thường được dự kiến trước. Tuy nhiên, lực lượng CĐTC tiến hành các trận đánh phụ thuộc tình hình địch. Do đó, việc điều chỉnh lực lượng, xác định phương án TCSD lực lượng, bố trí HC-KT để bảo đảm cho lực lượng CĐTC chiến đấu phải linh hoạt.

Căn cứ vào điều kiện cụ thể, hậu cần - kỹ thuật KVPT có thể sử dụng lực lượng đã triển khai trong căn cứ, hoặc phân căn cứ HC-KT trực tiếp bảo đảm cho lực lượng CĐTC thực hiện các trận đánh địch tiến công đường bộ, đánh địch đột nhập, vu hồi, đổ bộ đường không... Hoặc sử dụng lực lượng HC-KT dự bị cơ động kết hợp với lực lượng HC-KT tại chỗ để bảo đảm cho lực lượng CĐTC. Mỗi phương án đều có ưu điểm, hạn chế riêng. Do vậy, trên cơ sở nghiên cứu, đánh giá tình hình, nhiệm vụ, ý định sử dụng lực lượng của Chỉ huy trưởng để điều chỉnh lực lượng, xác định phương án TCSD lực lượng, bố trí HC-KT phù hợp với tình hình, diễn biến tác chiến. Nội dung chủ yếu của điều chỉnh lực lượng gồm: Lựa chọn phương án tổ chức lực lượng HC-KT hợp lý, phù hợp với đặc điểm, nhiệm vụ chiến đấu tại các thời điểm khác nhau trong quá trình tác chiến. Điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ, lực lượng ở căn

cứ, phân căn cứ HC-KT bảo đảm cho lực lượng CĐTC thực hiện các trận đánh... Trong trường hợp cần thiết, có thể tăng cường lực lượng HC-KT cho trung đoàn bộ binh của tỉnh, thành phố đảm nhiệm lực lượng CĐTC hoặc cơ động lực lượng HC-KT triển khai theo phương án mới.

Để điều chỉnh lực lượng HC-KT, lựa chọn phương án TCSD lực lượng, bố trí HC-KT, hậu cần - kỹ thuật KVPT phải dựa vào thể bố trí, triển khai các lực lượng của KVPT, thể bố trí của các thành phần lực lượng HC-KT trong KVPT để tạo lập thể bố trí liên hoàn, vững chắc; sẵn sàng bảo đảm cho lực lượng CĐTC xử trí kịp thời các tình huống trong tác chiến. Nắm chắc diễn biến tác chiến, tình hình HC-KT, ý định của Chỉ huy trưởng, kịp thời điều chỉnh lực lượng, thể bố trí HC-KT bảo đảm cho lực lượng CĐTC thực hành đánh địch tiến công đường bộ, vu hồi, đổ bộ đường không, đột nhập vào KVPT. Quá trình điều chỉnh lực lượng phải hiệp đồng chặt chẽ với HC-KT các đơn vị có liên quan, không làm gián đoạn hoạt động bảo đảm.

Ba là, sử dụng lực lượng HC-KT dự bị kết hợp với lực lượng HC-KT tại chỗ để bảo đảm cho lực lượng CĐTC khi cần thiết. Như đã đề cập, lực lượng CĐTC là lực lượng chủ yếu để xử trí các tình huống trong quá trình tác chiến. Trường hợp lực lượng CĐTC đánh địch ngoài phương án dự kiến, khu vực chiến đấu cách xa căn cứ, các phân căn cứ HC-KT của KVPT tỉnh, thành phố hoặc bị chia cắt bởi địa hình, bị địch đánh phá...; thể bố trí HC-KT không đáp ứng yêu cầu bảo đảm. Hậu cần - kỹ thuật KVPT tỉnh, thành phố phải điều chỉnh phương án TCSD lực lượng cho phù hợp với tình hình, nhiệm vụ. Mặt khác, tại khu vực chiến đấu của lực lượng CĐTC còn lực lượng HC-KT tại chỗ; các cơ sở HC-KT này được chuẩn bị và xây dựng trước một bước

ngay từ thời bình. Khi lực lượng CĐTC của tỉnh, thành phố hoạt động chiến đấu tại địa bàn, thế trận HC-KT tại chỗ tuy đã bị suy giảm do tác chiến nhưng vẫn đủ khả năng bảo đảm cho LLVT tại chỗ tác chiến và chi viện bảo đảm cho các lực lượng khác đến hoạt động tác chiến tại địa bàn. Đây là cơ sở quan trọng để hậu cần - kỹ thuật KVPT sử dụng lực lượng HC-KT dự bị kết hợp với lực lượng HC-KT tại chỗ để bảo đảm cho lực lượng CĐTC trong TCPT tỉnh, thành phố.

Lực lượng HC-KT dự bị của KVPT tỉnh, thành phố thường được xác định gồm: Một số kíp mỗ (đội phẫu thuật); trung đội vận tải bộ; một số tổ sửa chữa, 2 ÷ 3 xe ô tô; một số loại vật chất chủ yếu như: Đạn, thuốc chiến thương, lương khô đóng gói xếp sẵn trên xe ô tô, sẵn sàng cơ động bảo đảm. Lực lượng này thường được bố trí trong căn cứ HC-KT của KVPT tỉnh, thành phố. Theo tính toán, nhu cầu lực lượng HC-KT để bảo đảm cho lực lượng CĐTC trong TCPT tỉnh, thành phố thường có đội phẫu thuật (đội điều trị), tiểu đội vận tải ô tô, các trung đội vận tải bộ (hoặc dân quân phục vụ chiến đấu). Lực lượng HC-KT tại chỗ trong khu vực thường gồm: Đội phẫu thuật, các tiểu đội vận tải ô tô, các trung đội dân quân phục vụ chiến đấu, trạm sửa chữa tổng hợp (huy động của địa phương), các kho dự trữ vật chất hậu cần, vật tư kỹ thuật. Như vậy, để lực lượng HC-KT tại chỗ có thể vừa bảo đảm cho LLVT tại chỗ tác chiến, vừa bảo đảm cho lực lượng CĐTC trong TCPT tỉnh, thành phố, ngoài lực lượng HC-KT tại chỗ đã triển khai, cần tăng cường lực lượng HC-KT dự bị và huy động thêm lực lượng, phương tiện, vật chất từ các ngành kinh tế - xã hội và nhân dân trên địa bàn sẽ đủ khả năng bảo đảm.

Thực hiện giải pháp trên, HC-KT quân sự địa phương là lực lượng nòng cốt của hậu cần - kỹ thuật KVPT tỉnh, thành phố

cần nắm chắc nhiệm vụ, ý định sử dụng lực lượng CĐTC của Chỉ huy trưởng; thực lực ở căn cứ, các phân căn cứ HC-KT; khả năng của HC-KT tại chỗ và tình hình khác liên quan để điều chỉnh lực lượng phù hợp với nhiệm vụ. Nắm chắc lực lượng, phương tiện của các ngành kinh tế - xã hội địa phương; tổ chức phân công, giao nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng; hiệp đồng, phối hợp chặt chẽ với các thành phần lực lượng HC-KT trong căn cứ, phân căn cứ HC-KT của KVPT tỉnh; chỉ huy, chỉ đạo kiên quyết, liên tục, giao nhiệm vụ cụ thể cho các địa phương bảo đảm cho lực lượng CĐTC.

Tổ chức, sử dụng lực lượng, bố trí HC-KT có vai trò quan trọng, là cơ sở để tiến hành các hoạt động bảo đảm HC-KT cho lực lượng CĐTC, ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả tác chiến. Do vậy, TCSD lực lượng, bố trí lực lượng HC-KT bảo đảm cho lực lượng CĐTC trong tác chiến KVPT tỉnh, thành phố cần thực hiện đồng bộ các giải pháp trên; vận dụng linh hoạt phù hợp với nhiệm vụ, hoàn cảnh cụ thể, góp phần phát huy sức mạnh tổng hợp của các thành phần lực lượng HC-KT bảo đảm cho lực lượng CĐTC chiến đấu thắng lợi♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tổng Tham mưu (2010), *Bảo đảm hậu cần tác chiến phòng thủ tỉnh (thành phố) trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Bộ Tổng Tham mưu (2010), *Hoạt động của LLVT địa phương tác chiến phòng thủ tỉnh (thành phố) trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Tổng cục Kỹ thuật (2020), *Bảo đảm kỹ thuật tác chiến phòng thủ tỉnh, thành phố*, Nxb QĐND, Hà Nội.

PHÒNG, CHỐNG MÁY BAY KHÔNG NGƯỜI LÁI BẢO VỆ LỰC LƯỢNG VẬN TẢI TRONG TÁC CHIẾN PHÒNG THỦ QUÂN KHU

Thượng tá, TS. ĐỖ THANH TÙNG
Khoa Vận tải, Học viện Hậu cần

ABSTRACT: *In military region defensive operations in the Fatherland protection war, the enemy is expected to make extensive use of unmanned aerial vehicles (UAVs) for reconnaissance and attacks on forces and transport assets of the military region. Transport protection aims to minimize casualties and losses to the transport force, maintain and sustain transportation capabilities, contributing to the successful fulfillment of transport tasks for operations. Based on theoretical research and practical analysis, in this article are proposed several measures for countering UAVs and protecting the transport force in military region defensive operations.*

I. TÓM TẮT

Tác chiến phòng thủ quân khu (PTQK) trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, địch sẽ sử dụng rộng rãi máy bay không người lái (UAV) để tiến hành trinh sát, tiến công lực lượng, phương tiện vận tải của quân khu. Bảo vệ vận tải nhằm hạn chế thấp nhất thương vong, tổn thất cho lực lượng vận tải (LLVT), duy trì, giữ vững khả năng vận chuyển, góp phần hoàn thành nhiệm vụ vận tải bảo đảm cho tác chiến. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận, khảo cứu thực tiễn, bài viết đề xuất một số biện pháp phòng chống UAV bảo vệ LLVT trong tác chiến PTQK.

II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tiến công vào địa bàn quân khu, địch luôn có ưu thế về vũ khí công nghệ cao, hỏa lực, trinh sát, tác chiến điện tử mạnh; chủ động về thời gian, địa điểm và giành quyền làm chủ trên không. Vì thế, tác chiến PTQK sẽ rất ác liệt, LLVT của quân khu luôn là mục tiêu của UAV địch trinh sát, phát hiện, đánh phá. Từ thực tiễn phòng, chống UAV bảo vệ LLVT trong kháng chiến chống Mỹ, qua các cuộc chiến tranh gần đây trên thế

giới và từ phương án phòng, chống UAV của các quân khu đã rút ra những bài học kinh nghiệm quý. Tuy nhiên, trong điều kiện địch sử dụng rộng rãi UAV, các UAV địch ngày càng phát triển, hiện đại và đa nhiệm hơn, đặt ra vấn đề cần thiết phải nghiên cứu phòng, chống UAV bảo vệ LLVT trong tác chiến PTQK.

III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Tác chiến PTQK diễn ra từ đầu và kéo dài suốt chiến tranh, có thể diễn ra theo các giai đoạn đánh địch tiến công hỏa lực (TCHL) và đánh địch tiến công trên bộ (TCTB) vào địa bàn quân khu. Trước và trong quá trình TCHL, tiến công trên bộ, địch sử dụng tổng hợp các biện pháp trinh sát, thu thập thông tin, dò tìm, phát hiện mục tiêu trên mặt đất, nhất là LLVT của quân khu. Để nâng cao hiệu quả trinh sát, địch sử dụng nhiều lực lượng và trang thiết bị hiện đại; trong đó, UAV là phương tiện được địch sử dụng rộng rãi. Quá trình trinh sát, nếu phát hiện hoặc nghi ngờ có LLVT quân khu thì các UAV địch, hoặc chỉ

thị mục tiêu cho không quân, trực thăng vũ trang, pháo binh đánh phá, hoặc trực tiếp tiến công tiêu diệt các mục tiêu.

Với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học quân sự, UAV địch ngày càng hoàn thiện. Trong tác chiến PTQK, địch có thể sử dụng phổ biến UAV ở cả cấp chiến lược, chiến dịch, chiến thuật. Ở cấp chiến dịch, địch có thể sử dụng kết hợp các loại UAV, như: MQ-9 Reaper, Bayrakta TB, Wing Loong II, CH-4, CH-5, Orion, Forpost-R. Đây là các UAV đa nhiệm, có khả năng cung cấp thời gian thực để chỉ huy chiến dịch; có khả năng trinh sát tầm trung, giám sát chiến trường và đem theo vũ khí chính xác cao để vừa trinh sát vừa tiến công các mục tiêu mặt đất. Ở cấp chiến thuật, địch thường sử dụng các UAV như: Shadow, RQ-20 Puma, RQ-11 Raven, RQ-7, ScanEagle, Switchblade; Orbiter 3, Skylark; Orlan-10, Zala v.v... Các UAV này có khả năng trinh sát, theo dõi, chỉ điểm hỏa lực của pháo binh; hỗ trợ tác chiến trực tiếp cho cấp tiểu đoàn, lữ đoàn, sư đoàn; dẫn đường cho UAV cảm tử. Các UAV cảm tử thường được sử dụng với số lượng lớn, hoạt động kiểu bầy đàn để vừa trinh sát, do thám vừa tiêu diệt mục tiêu. Do địch sử dụng đa dạng UAV, vận dụng nhiều thủ đoạn chiến đấu; cho nên, phòng, chống UAV bảo vệ LLVT trong tác chiến PTQK cần được tiếp cận nghiên cứu đầy đủ tất cả các chủng loại UAV. Đặc biệt, cần quan tâm tới các loại UAV trinh sát, tấn công, cảm tử và đa nhiệm (vừa trinh sát, vừa tấn công) cấp chiến dịch, chiến thuật.

Trong các cuộc chiến tranh, xung đột gần đây, nhất là cuộc xung đột quân sự giữa Nga - Ukraina cho thấy, các bên tham chiến đều sử dụng UAV số lượng lớn để trinh sát, chỉ thị mục tiêu cho pháo binh tập kích hỏa lực vào các sân bay, bến cảng, khu vực tập

kết lực lượng, kho trạm, các đoàn xe vận tải; tăng cường sử dụng UAV cảm tử để tập kích LLVT từ trên không. Đáng chú ý, khi được Mỹ và phương Tây viện trợ số lượng lớn UAV, Ukraina đã sử dụng UAV để đánh phá hiệu quả nhiều mục tiêu của Nga, trong đó có các LLVT. Nhờ vậy, Ukraina đã cải thiện khả năng phòng thủ và tổ chức phản công tại nhiều khu vực, thậm chí tiến công vào sâu trong lãnh thổ của Nga. Qua đó cho thấy, năng lực tác chiến điện tử và tổ chức phòng không chống UAV của Nga có thời điểm vẫn yếu.

Nghiên cứu về địch và khảo cứu thực tiễn cho thấy, phòng, chống UAV bảo vệ LLVT trong tác chiến PTQK cần phải chuẩn bị từ thời bình; tổ chức phòng, chống UAV bảo vệ LLVT tại khu vực bố trí, trú quân trong các căn cứ hậu cần - kỹ thuật (ccHC-KT), phân ccHC-KT và trên đường vận chuyển. Đồng thời, cần kế thừa các biện pháp bảo vệ LLVT đã được nghiên cứu, đúc rút qua thực tiễn, như: Tổ chức ngụy trang, nghi trang cho LLVT; lựa chọn thời cơ hợp lý và thường xuyên thay đổi quy luật vận chuyển; nâng cao khả năng cơ động, dịch chuyển của các thành phần LLVT; tổ chức chiến đấu để bảo vệ LLVT. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số biện pháp phòng, chống UAV như sau:

Thứ nhất, ngay từ thời bình, vận tải quân khu cần chuẩn bị đầy đủ phương án phòng tránh, đánh trả UAV. Cần dự kiến các tình huống địch sử dụng UAV tiến hành trinh sát, phát hiện, đánh phá lực lượng, phương tiện vận tải tại các nơi trú quân trong ccHC-KT, phân ccHC-KT và trên các tuyến đường vận chuyển. Các tình huống bao gồm: Xuất hiện UAV lùng sục, trinh sát khu vực trú quân, đường vận chuyển, đội hình vận chuyển nhưng chưa phát hiện lực lượng, phương

tiện vận tải của ta; UAV trinh sát, phát hiện đội hình trú quân, đội hình vận chuyển và tổ chức đánh phá, gây thương vong, tổn thất cho lực lượng, phương tiện vận tải. Mỗi tình huống được dự kiến cần phải có biện pháp phòng tránh, đánh trả UAV phù hợp; dựa trên nguyên tắc lấy phòng tránh là chính, đồng thời chủ động đánh trả hiệu quả UAV để bảo vệ lực lượng, phương tiện vận tải. Trên cơ sở phương án chuẩn bị, với các tình huống được dự kiến, vận tải quân khu tiến hành tổ chức luyện tập thuần thực phương án trong huấn luyện, diễn tập hàng năm. Nội dung huấn luyện cho LLVT cần tập trung vào các vấn đề như: Chủng loại UAV hiện có trên thế giới; tính năng, tác dụng, thủ đoạn hoạt động; biện pháp xử trí từng tình huống cụ thể...

Thứ hai, tích cực nắm địch, nhất là tình hình hoạt động của lực lượng UAV trên chiến trường; bao gồm: Lực lượng, chủng loại UAV địch sử dụng trên các hướng, khu vực phòng thủ, phòng ngự, thủ đoạn hoạt động, trinh sát và đánh phá... Theo đó, vận tải quân khu cần hiệp đồng chặt chẽ với lực lượng quân báo, trinh sát quân khu, lực lượng phòng không quân khu nói riêng, lực lượng phòng không ba thứ quân trong thể trận phòng không nhân dân rộng khắp trên địa bàn quân khu nói chung để kịp thời nắm tình hình hoạt động của UAV trên địa bàn hoạt động của LLVT quân khu. Bên cạnh đó, vận tải quân khu cần tổ chức lực lượng quan sát, cảnh giới khép kín bằng mắt thường, ống nhòm 24/24 giờ tại các khu vực trú quân trong các ccHC-KT, phân ccHC-KT và trên đường vận chuyển nhằm phát hiện sớm UAV hoạt động, kịp thời báo động cho đội hình trú quân hoặc đội hình vận chuyển của vận tải quân khu.

Thứ ba, chủ động thực hiện phòng tránh, đánh trả hiệu quả các loại UAV. Về

phòng tránh, phải đặc biệt chú trọng nguy trang, nghi trang bằng các trang thiết bị hiện đại, như: Sử dụng lưới, tấm phủ nguy trang chống trinh sát ra đa, trinh sát hồng ngoại, trinh sát không ảnh để bảo đảm trong mọi trường hợp, kể cả khi UAV bay ở độ cao thấp cũng khó phát hiện được lực lượng, phương tiện vận tải của ta; nghiên cứu sử dụng lưới B40 để làm khung bảo vệ (từ các hướng) phương tiện vận tải, vừa kết hợp nguy trang vừa phòng chống UAV cảm tử tiến công tiêu diệt phương tiện vận tải. Về đánh trả UAV, cần vận dụng kinh nghiệm đánh trả UAV bằng súng máy phòng không 12,7mm của LLVT Hồng quân Liên Xô trong Chiến tranh thế giới lần thứ Hai và các bên tham chiến trong trong các cuộc chiến tranh, xung đột gần đây. Vận tải quân khu cần tham mưu việc trang bị súng máy phòng không 12,7mm cho LLVT quân khu; trên cơ sở đó, vận tải quân khu tự tổ chức các khẩu đội phòng không 12,7mm bố trí trên các thùng xe tải để bảo vệ đội hình trú quân và đội hình vận chuyển. Trong trường hợp đội hình trú quân tại các ccHC-KT, phân ccHC-KT hoặc đội hình hành quân vận chuyển trên đường bị UAV phát hiện, dẫn tới lộ đội hình và bị săn đuổi thì LLVT quân khu phải kiên quyết sử dụng các loại vũ khí được trang bị để đánh trả UAV, bảo vệ đội hình.

Thứ tư, từng bước ứng dụng các trang thiết bị kỹ thuật hiện đại do ngành công nghiệp quốc phòng Việt Nam sản xuất để bảo vệ LLVT trong tác chiến PTQK. Hiện nay, chúng ta đã sản xuất được nhiều sản phẩm công nghệ trinh sát, gây nhiễu, chế áp UAV, như: Tổ hợp trinh sát, gây nhiễu chống UAV cấp chiến thuật - phiên bản rút gọn (VCUS/C), có khả năng trinh sát, định hướng, gây nhiễu kênh dữ liệu, kênh điều khiển, kênh định vị vệ tinh của UAV; tự động

phân tích, nhận dạng, phân loại chế áp mục tiêu; có khả năng kết nối với hệ thống tự động hóa chỉ huy và điều khiển tác chiến điện tử; có góc phương vị bao phủ 360°; tổ hợp được tích hợp trên xe bán tải, có khả năng cơ động cao. Tổ hợp trinh sát, gây nhiễu chống UAV cấp chiến thuật - phiên bản cơ động (VCUS/M): Ngoài các tính năng như phiên bản VCUS/C, phiên bản VCUS/M còn được tích hợp ra đa 3D, cung cấp thông tin mục tiêu, phương vị, cự ly, độ cao, vận tốc và hướng di chuyển với độ chính xác và độ phân giải cao; tích hợp quang điện tử, quan sát ngày/đêm, đo xa laser; tổ hợp được tích hợp trên khung gầm xe Kamaz. Tổ hợp trinh sát, gây nhiễu chống UAV cấp chiến thuật - phiên bản xung điện tử (VCUS/E): Ngoài các tính năng giống như phiên bản VCUS/M, tổ hợp VCUS/E có tính năng nổi bật đó là tạo ra xung điện tử công suất lớn tại tần số cao, làm “tan chảy”, tê liệt các thành phần điện, điện tử của UAV đối phương. Tổ hợp VCUS/E được tích hợp trên khung gầm của 2 xe Kamaz, có khả năng cơ động nhanh chóng. Nghiên cứu cho thấy, các tổ hợp này có khả năng ứng dụng cao trong phòng, chống UAV bảo vệ các đội hình phân đội vận tải ô tô của quân khu trú quân và hành quân vận chuyển. Vì vậy, đề xuất ngành Xe máy - Vận tải (Tổng cục HC-KT) từng bước nghiên cứu, đưa vào ứng dụng các tổ hợp nêu trên trong huấn luyện, diễn tập, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu ở các đơn vị vận tải trong toàn quân. Trước mắt, đề xuất từng bước trang bị cho Khoa Vận tải (Học viện Hậu cần) tổ hợp VCUS/C và D để phục

vụ nghiên cứu, huấn luyện, tập bài dã ngoại cho các đối tượng học viên đào tạo sĩ quan hậu cần cấp phân đội, chuyên ngành Chỉ huy vận tải và Vận tải - Xe máy (sẽ mở mới trong tương lai).

IV. KẾT LUẬN

Phòng, chống UAV bảo vệ LLVT trong tác chiến PTQK diễn ra trong điều kiện có nhiều khó khăn, phức tạp. Do vậy, vận tải quân khu cần tiến hành đồng bộ, linh hoạt các biện pháp nêu trên, nhằm hạn chế thấp nhất thương vong, tổn thất cho LLVT, duy trì, giữ vững khả năng vận chuyển, góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ vận chuyển cho các lực lượng tác chiến giành thắng lợi♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tổng Tham mưu (2018), *Tác chiến PTQK trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Bộ Tổng Tham mưu (2018), *Bảo đảm hậu cần trong tác chiến PTQK*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Bộ Tổng Tham mưu (2018), *Bảo đảm kỹ thuật trong tác chiến PTQK*, Nxb QĐND, Hà Nội.
4. Chính phủ (2019), *Nghị định số 21/2019/NĐ-CP, ngày 22/02/2019, về khu vực phòng thủ*, Hà Nội.
5. S.Cu-rơ-côt-kin (1978), *Hậu cần các lực lượng vũ trang Xô viết trong chiến tranh giữ nước vĩ đại (1941-1945)*, Tập 1, (Nguyễn Đăng Nguyên dịch), Hà Nội.



MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI BẢO ĐẢM HẬU CẦN, KỸ THUẬT ĐÁNH ĐỊCH CO CỤM CỦA SƯ ĐOÀN BỘ BINH TIẾN CÔNG ĐỊCH PHÒNG NGỰ ĐÔ THỊ Ở ĐỊA HÌNH RỪNG NÚI

Đại tá, TS. VŨ XUÂN TUYẾN

Khoa Chỉ huy Hậu cần, Học viện Hậu cần

Thiếu tá NGUYỄN VĂN ĐÔNG

Trường Sĩ quan Lục quân 1

ABSTRACT: *Logistic and technical support is a critical aspect, contributing to the successful accomplishment of a division's combat missions. Therefore, for the sufficient, timely, and accurate logistic and technical support for a mechanized infantry division conducting operations against enemy forces in urban defensive positions in the mountainous terrain, it is necessary to study and adopt several appropriate measures and approaches.*

I. TÓM TẮT

Bảo đảm hậu cần, kỹ thuật (HCKT) là vấn đề quan trọng, góp phần hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu của sư đoàn. Vì vậy, để bảo đảm đầy đủ, kịp thời, chính xác HCKT đánh địch co cụm của sư đoàn bộ binh (fBB) tiến công địch phòng ngự đô thị (PNĐT) ở địa hình rừng núi (ĐHRN) cần nghiên cứu một số nội dung, biện pháp phù hợp.

II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đô thị ở ĐHRN có cấu trúc phức tạp, phải dựa theo dáng đất để xây dựng, tạo lên các khu phố có không gian, diện tích, khoảng cách, cao độ khác nhau. Hệ thống giao thông nội đô tương đối phát triển, có mạng đường ngang dọc, chạy quanh co uốn lượn theo dáng đất, sườn đồi, nên một số nơi có đèo dốc, nhiều đoạn cua gấp, tầm nhìn hạn chế. Khi sư đoàn tiến công địch co cụm trên địa bàn, lực lượng dự bị binh chủng hợp thành đã được dự kiến, chuẩn bị trước. Theo đó, khi bước vào chiến đấu, bộ phận này phải cơ động rất khẩn trương vào triển khai, lực lượng, phương tiện chủ yếu bộc lộ ngoài công sự, khối lượng đạn, vật chất hậu cần (VCHC), vật tư kỹ thuật (VTKT)

phải bảo đảm lớn tại vị trí triển khai; trong khi địch có vũ khí công nghệ cao, hỏa lực mạnh, đánh phá ác liệt vào đội hình chiến đấu của ta dẫn tới tỷ lệ thương binh, vũ khí trang bị kỹ thuật hư hỏng. Thực tiễn đó, đòi hỏi công tác HCKT phải được tính toán chặt chẽ, khoa học bảo đảm đúng thời cơ, góp phần hoàn thành nhiệm vụ được giao.

III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Khi co cụm, địch không chỉ sử dụng hỏa lực tại chỗ ngăn chặn ta mà còn huy động pháo binh, không quân, lực lượng ứng cứu giải tỏa đường bộ, đổ bộ đường không, tác chiến điện tử... đánh phá đội hình của sư đoàn. Bên cạnh đó, địch tiến hành củng cố trận địa, bổ sung lực lượng, phương tiện, nhanh chóng khôi tổ chức, biên chế, tạo nhiều tình huống đột xuất, bất ngờ trong quá trình chiến đấu. Tuy nhiên, quá trình chiến đấu trong đô thị ở địa hình rừng núi, địch tập trung đối phó ở phía trước, khó kiểm soát các trục đường xung quanh. Do vậy, HCKT có điều kiện cơ động tiếp cận, vận chuyển đạn, VCHC, VTKT, cứu chữa thương binh và sử dụng

ngay các cơ sở bảo đảm của địch mà ta chiếm được.

Đánh địch co cụm thường diễn ra ở giai đoạn cuối của chiến dịch, là trận đánh quan trọng, tạo điều kiện cho đơn vị hoàn thành triệt để nhiệm vụ chiến đấu. Thời điểm này, lực lượng, phương tiện đạn, VCHC, VTKT nhìn chung bị tiêu hao, tổn thất, khả năng bảo đảm hạn chế. Tuy nhiên, chiến đấu trong đội hình cấp trên, trong thế trận của khu vực phòng thủ (KVPT) được cấp trên bảo đảm và hậu cần - kỹ thuật KVPT chi viện; đây là cơ sở, là điều kiện thuận lợi cho sư đoàn huy động sức mạnh HCKT tổng hợp bảo đảm đầy đủ kịp thời cho chiến đấu. Mặc dù vậy, bảo đảm HCKT cho trận đánh luôn biến động, vừa làm nhiệm vụ bảo đảm cho chiến đấu, vừa bảo vệ HCKT và xử trí nhiều tình huống... đòi hỏi HCKT sư đoàn cần thực hiện tốt một số vấn đề sau:

Một là, dựa vào thế trận HCKT cấp trên; HCKT đơn vị bạn và HCKT khu vực phòng thủ. Đây là vấn đề tổ chức chuẩn bị và thực hành bảo đảm, tận dụng triệt để mọi điều kiện, nguồn lực để tạo thành sức mạnh tổng hợp đủ khả năng bảo đảm HCKT cho sư đoàn chiến đấu trong mọi tình huống. Trong chiến đấu, sư đoàn tận dụng được các căn cứ hậu cần - kỹ thuật (CCHC-KT), phân CCHC-KT của chiến dịch; trong điều kiện cho phép, HCKT cấp trên có thể bảo đảm vượt cấp cho một số đơn vị trong đội hình chiến đấu của sư đoàn. Đô thị ở ĐHRN luôn được xác định là KVPT then chốt của địa phương và tiếp tục được đầu tư xây dựng. Thế trận hậu cần, kỹ thuật KVPT địa phương bao gồm nhiều thành phần: HCKT quân sự địa phương, bộ đội biên phòng, công an, các CCHC-KT, phân CCHC-KT, cơ sở HCKT bí mật, hệ thống đường giao thông, mạng

lưới y tế, bưu chính viễn thông, phương tiện vận tải, kho tàng bến bãi, các ngành kinh tế, xã hội, các nhà máy xí nghiệp đóng trên địa bàn. Đó là chỗ dựa vững chắc cho HCKT sư đoàn trong quá trình chiến đấu, khắc phục được sự chia cắt về địa hình và sự ngăn chặn đánh phá của địch. Quá trình chiến đấu sư đoàn có điều kiện tận dụng, huy động nguồn lực của địa phương, gồm các loại vật chất: Lương thực, thực phẩm, y tế, xăng dầu,... nhân công vận chuyển, điều trị thương binh, bệnh binh cơ sở vật chất, bảo vệ kho trạm, chỉ dẫn đường cơ động.

Thực tiễn, trận tiến công căn cứ Đồng Dù của fBB320 ngày 29/4/1975, khi lực lượng dự bị bước vào chiến đấu, sư đoàn đã điều lực lượng HCKT dự bị cơ động lên khu gia binh kết hợp với hậu cần eBB7 để trực tiếp bảo đảm cho dự bị binh chủng hợp thành (BCHT); bổ sung đầy đủ lương thực thực phẩm (LTTP), thuốc quân y và tăng cường kíp mỗ cho dBB6; tổ chức vận chuyển đạn cho trận địa hỏa lực trước khi dự bị BCHT bước vào tiến công địch; tiếp tục bổ sung một số loại vật chất theo nhu cầu chiến đấu, bảo đảm cho sư đoàn đánh địch và phát triển chiến đấu góp phần giành thắng lợi của trận đánh.

Trong tương lai, thế trận HCKT ở các KVPT địa phương ngày càng được củng cố và phát triển. Để tận dụng có hiệu quả HCKT tại chỗ, người chỉ huy và cơ quan HCKT sư đoàn phải nắm vững tình hình HCKT tại chỗ trong khu vực chiến đấu; có kế hoạch liên hệ, phối hợp, hiệp đồng chặt chẽ với các đơn vị bạn; triển khai bảo đảm HCKT cho sư đoàn đánh địch co cụm giành thắng lợi.

Hai là, tổ chức chuẩn bị chu đáo về mọi mặt, sẵn sàng bảo đảm cho sư đoàn xử trí các tình huống khi đánh địch co cụm.

Chuẩn bị trước chu đáo về mọi mặt là điều kiện tiên quyết nhằm giành và giữ quyền chủ động trong xử trí tình huống HCKT bảo đảm cho đánh địch co cụm của sư đoàn. Thực tiễn, trận tiến công căn cứ Đông Hà của fBB308, từ ngày 27 đến 28/4/1972, HCKT sư đoàn đã chuẩn bị đầy đủ vật chất bảo đảm cho lực lượng dự bị BCHT được bổ sung đủ lượng mang theo các loại vật chất hậu cần trong tổ chức chuẩn bị tại khu vực tập kết.

Công tác chuẩn bị được tiến hành theo các bước cơ bản của tổ chức HCKT sư đoàn tiến công trong giai đoạn chuẩn bị chiến đấu. Nội dung gồm: Chuẩn bị phương án, tổ chức lực lượng, phương tiện và chuẩn bị các biện pháp bảo đảm HCKT cho đánh địch co cụm. Muốn vậy, phải tham mưu cho lãnh đạo, chỉ huy sư đoàn dự kiến khu vực, lực lượng, thủ đoạn, khả năng địch co cụm, địch liên quan; tổ chức giao nhiệm vụ, hiệp đồng, chỉ thị bảo đảm cho lực lượng HCKT và các biện pháp bảo đảm HCKT; công tác phối hợp hiệp đồng với HCKT các đơn vị bạn và HCKT trong KVPT. Trong chiến đấu tiến công địch PNĐT, quá trình phát triển chiến đấu là quá trình cơ động liên tục; HCKT sư đoàn phải luôn bám sát đội hình, vừa bảo đảm đầy đủ, kịp thời cho các đơn vị xử trí tình huống vừa bảo đảm an toàn cho lực lượng, phương tiện HCKT, đặc biệt là trường hợp sư đoàn đưa lực lượng dự bị BCHT vào tiêu diệt địch co cụm. Mặt khác, trong quá trình chiến đấu lực lượng, phương tiện, đạn, VCHC, VTKT bị thương vong, tổn thất do địch đánh phá, ảnh hưởng đến khả năng bảo đảm. Do đó, lực lượng HCKT dự bị phải được giao nhiệm vụ cụ thể trước khi bước vào chiến đấu để chủ động giải

quyết phát sinh trong quá trình chiến đấu. Khi đã sử dụng lực lượng dự bị HCKT người chỉ huy phải thành lập (chỉ định) lực lượng dự bị HCKT mới để sẵn sàng xử trí tình huống HCKT bảo đảm cho sư đoàn thực hiện các nhiệm vụ tiếp sau. Người chỉ huy, chủ nhiệm và cơ quan HCKT sư đoàn phải chủ động nghiên cứu, đánh giá đúng tình hình HCKT và các mặt có liên quan, xác định phương án phù hợp, bảo đảm tính cơ động cao, khi cần có thể chuyển hóa thể trận linh hoạt và có lực lượng dự bị phù hợp đủ khả năng xử trí các tình huống trong quá trình chiến đấu

Ba là, kịp thời điều chỉnh phương án tổ chức lực lượng, phương tiện, vật chất HCKT bảo đảm cho đơn vị đánh địch co cụm. Nhanh chóng điều chỉnh phương án tổ chức lực lượng, phương tiện và vật chất HCKT có ý nghĩa đặc biệt quan trọng nhằm chủ động nắm thời cơ chuyển hóa thể trận HCKT phù hợp với khả năng, điều kiện diễn biến thực tế của HCKT nhưng vẫn bảo đảm được liên tục, kịp thời cho sư đoàn đánh địch co cụm. Thực tiễn, trận tiến công địch phòng ngự Nam sông Mỹ Chánh của fBB304 từ ngày 20 đến 26/4/1972, HCKT sư đoàn đã điều chỉnh lại lực lượng, tăng cường lực lượng dự bị hậu cần gồm đội phẫu thuật và trung đội dân công xung kích cho eBB88, đạn hỏa lực các loại được xếp trên 2 xe để cơ động vào Nam sông Mỹ Chánh; bổ sung đầy đủ LTTP, thuốc quân y và đạn mang theo cho eBB88 trước khi cơ động vào thay phiên tăng sức đột kích; tiếp tục bổ sung một số loại vật chất theo nhu cầu, kết hợp điều hòa lượng vật chất giữa các đơn vị trong quá trình chiến đấu, bảo đảm đủ vật chất cho dự bị BCHT vào đánh địch giành thắng lợi

Đây là giai đoạn quyết liệt, phức tạp và khắt khe, phát sinh nhiều tình huống. Do đó, nhất thiết phải nhanh chóng điều chỉnh phương án tổ chức lực lượng, phương tiện và vật chất HCKT bảo đảm cho các đơn vị.

Khi phát hiện địch có triệu chứng tổ chức co cụm, chủ nhiệm HCKT sư đoàn căn cứ vào ý định, quyết tâm đánh địch co cụm để điều chỉnh, bổ sung phương án, kế hoạch bảo đảm; nhanh chóng giao nhiệm vụ, hiệp đồng, phối hợp với các lực lượng, phương tiện HCKT các đơn vị và HCKT tại chỗ. Do thời gian chuẩn bị đánh địch co cụm rất ngắn, để bảo đảm đúng thời cơ chuyển hóa thế trận linh hoạt, việc điều chỉnh tổ chức, bố trí lực lượng HCKT sư đoàn phải rất khắt khe. Về mặt phương pháp, cần triệt để tận dụng thế trận HCKT đang bảo đảm cho các đơn vị chiến đấu, nhưng phải điều chỉnh, bổ sung, sắp xếp lại cho phù hợp với khả năng của từng thành phần, lực lượng HCKT cụ thể, để bảo đảm đầy đủ, kịp thời cho sư đoàn đánh địch co cụm giành thắng lợi. Về vật chất HCKT, trên cơ sở số lượng hiện có của các đơn vị, sư đoàn chỉ đạo các trung đoàn điều hòa lượng vật chất giữa các đơn vị, tập trung bảo đảm cho các lực lượng tham gia đánh địch co cụm. Hậu cần - kỹ thuật sư đoàn trực tiếp bảo đảm cho lực lượng dự bị BCHT đủ lượng vật chất bao gồm: Lương thực, thực phẩm, thuốc quân y và các loại vật chất khác, vận chuyển đạn theo nhu cầu đánh địch co cụm.

Sau khi điều chỉnh phương án, nhanh chóng tổ chức triển khai các biện pháp bảo đảm đầy đủ, chính xác HCKT cho các đơn vị đánh địch co cụm, bao gồm: Bảo đảm trang bị kỹ thuật; bảo đảm đạn, vật chất hậu cần, vật tư kỹ thuật; bảo đảm

sinh hoạt; bảo đảm quân y; bảo dưỡng, sửa chữa, cứu kéo và công tác vận tải; khôi phục, tăng cường sức chiến đấu. Quá trình bảo đảm HCKT phải đúng đối tượng, đúng nhiệm vụ, chủ động, kịp thời, liên tục, phù hợp với điều kiện và nhiệm vụ chiến đấu. Thực hiện tốt công tác phối hợp hiệp đồng, phát huy khả năng HCKT tại chỗ và có lượng vật chất dự trữ nhất định để tạo thành sức mạnh tổng hợp trong thực hành bảo đảm HCKT cho sư đoàn chiến đấu thắng lợi.

IV. KẾT LUẬN

Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong tương lai (nếu xảy ra), diễn ra trên địa bàn đô thị ở ĐHRN có xu hướng phổ biến. Trong đó, đối tượng, phương thức, nghệ thuật và điều kiện chiến đấu có sự thay đổi cả về không gian, thời gian; tính chất ác liệt, cường độ cao, tổn thất lớn, diễn biến bất ngờ và mau lẹ. Do đó, các vấn đề về bảo đảm HCKT cho đánh địch co cụm của fBB tiến công địch PNĐT ở ĐHRN cần tiếp tục nghiên cứu bổ sung, hoàn thiện đáp ứng với yêu cầu thực tiễn đặt ra♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tổng Tham mưu (2018), *Bảo đảm kỹ thuật fBB chiến đấu tiến công*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Bộ Quốc Phòng (2023), *Điều lệ công tác kỹ thuật Quân đội nhân dân Việt Nam*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Học viện Hậu cần (2008), *Giáo trình bảo đảm hậu cần fBB chiến đấu tiến công*, Nxb QĐND, Hà Nội.
4. Nguyễn Hữu Mười (2016), *Tổ chức và thực hành sử dụng lực lượng dự bị BCHT đánh địch co cụm của fBB tiến công địch PNĐT ở ĐHRN*, Luận văn Thạc sĩ quân sự, Học viện Lục quân, Đà Lạt.

PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA CÁC DOANH NGHIỆP QUÂN ĐỘI TRONG THAM GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ ĐẤT NƯỚC

NGUYỄN HÀ CHI

Email: chihanguyen41103@gmail.com

Trong giai đoạn hiện nay, cùng với việc tập trung nâng cao chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu, các doanh nghiệp quân đội (DNQĐ) cần phát huy tiềm năng, thế mạnh, tham gia có hiệu quả vào xây dựng, phát triển kinh tế đất nước, góp phần đưa đất nước ta bước vào kỷ nguyên phát triển giàu mạnh, thịnh vượng.

DO đặc thù của quân đội nên các DNQĐ hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau, tập trung vào sản xuất, sửa chữa vũ khí, trang bị khí tài; đóng và sửa chữa tàu quân sự; sản xuất và sửa chữa súng pháo...

Những năm qua, dưới sự lãnh đạo của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng, các DNQĐ đã thường xuyên nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước và quản lý của chủ sở hữu; phát huy hiệu quả hệ thống kiểm soát viên, bảo đảm hoạt động đúng pháp luật, hiệu quả. Các DNQĐ từng bước phát triển theo hướng hiện đại, lưỡng dụng; không ngừng đổi mới, hội nhập, xung kích thực hiện nhiều dự án phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) kết hợp với quốc phòng, an ninh, nhất là ở địa bàn khó khăn, phức tạp; đạt nhiều thành công, ngày càng khẳng định uy tín, vị thế trong nền kinh tế, đóng góp tích cực vào sự ổn định, phát triển kinh tế vĩ mô, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và bảo đảm an sinh xã hội, tăng cường nguồn lực cho đất nước. Nhiều DNQĐ đã có thị trường ổn định và tiếp tục mở rộng thị trường đầu tư, giữ vững vị thế trong nền kinh tế quốc dân, trở thành đối tác kinh tế có uy tín lớn ở thị trường nước ngoài, như: Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông quân đội (Viettel); Tổng công ty Trực thăng Việt Nam, Tổng Công ty Tân cảng Sài Gòn... Tuy vậy, bên cạnh

kết quả đạt được, việc xây dựng, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và đổi mới kỹ thuật, công nghệ nhằm phát huy hiệu quả sản xuất, kinh doanh của một số DNQĐ còn chậm, chưa tương xứng tiềm năng.

Hiện nay, đất nước ta đang có sự bứt phá, phát triển vượt bậc về mọi mặt, nhất là trên lĩnh vực kinh tế. Trước xu thế đó, đòi hỏi các DNQĐ phải phát huy sức mạnh tổng hợp, phối hợp với các thành phần kinh tế khác cùng phát triển kinh tế đất nước giàu mạnh. Muốn vậy, các DNQĐ cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

Một là, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chỉ huy các cấp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các DNQĐ. Để nâng cao hiệu quả hoạt động của DNQĐ, cần tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chỉ huy các cấp. Điều này bao gồm việc nâng cao nhận thức, trách nhiệm, năng lực lãnh đạo của các cấp ủy và chỉ huy; đổi mới phương pháp lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra, giám sát việc thực hiện chủ trương, chính sách, quy định của Nhà nước và Quân đội. Trước hết, đơn vị chủ quản, các DNQĐ cần tiếp tục quán triệt sâu sắc các nghị quyết, chỉ thị, đề án của Đảng, Chính phủ, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng về đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của DNQĐ. Trên cơ sở đó, các DNQĐ xác định chủ trương, mục tiêu, kế hoạch, lộ trình

và các biện pháp thực hiện. Đồng thời, đẩy mạnh việc hoàn thiện đề án, phương án sắp xếp, đổi mới, kiện toàn tổ chức biên chế, giải quyết chính sách cho người lao động; xây dựng cơ chế lãnh đạo, hoạt động của cấp ủy, mô hình quản lý DN, sử dụng tài chính, tài sản, đất quốc phòng. Gần việc sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các DNQĐ với thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TW, ngày 17/01/2022 của Bộ Chính trị về tổ chức Quân đội nhân dân Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030 và những năm tiếp theo; Nghị quyết số 230-NQ/QUTW, ngày 02/4/2022 của Quân ủy Trung ương về lãnh đạo thực hiện tổ chức Quân đội nhân dân Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030 và những năm tiếp theo; Nghị quyết số 08-NQ/QUTW, ngày 26/01/2022 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh phát triển công nghiệp quốc phòng đến năm 2030 và những năm tiếp theo...

Hai là, nâng cao vai trò quản lý, giám sát của các cơ quan chức năng; vai trò người đại diện chủ sở hữu, kiểm soát viên đối với DNQĐ. Việc nâng cao vai trò quản lý và giám sát của các cơ quan chức năng, người đại diện chủ sở hữu và kiểm soát viên đối với DNQĐ là một nhiệm vụ quan trọng, đóng góp vào việc nâng cao hiệu quả hoạt động của DNQĐ, đảm bảo tuân thủ pháp luật và phát huy tối đa tiềm năng của DNQĐ trong nền kinh tế quốc dân. Cơ quan chức năng theo thẩm quyền làm tốt vai trò kiểm tra, giám sát, quản lý đối với DNQĐ. Phát huy tốt vai trò của người đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước, kiểm soát viên tại các DN; bảo đảm làm tốt công tác kiểm tra, giám sát, quản lý, chỉ đạo tại DNQĐ. Nắm chắc tình hình, chủ động tích cực, kịp thời phát hiện, chấn chỉnh các sai phạm; không để xảy ra việc vi phạm các quy định về quản lý vốn, đầu tư tài sản, hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh. Không để DN mất an toàn về tài chính, vi phạm

pháp luật, ảnh hưởng đến uy tín của quân đội. Bên cạnh đó, cơ quan chức năng cần tham mưu với cấp ủy, chỉ huy nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, hiệu quả của các ngành, các tổ chức, các lực lượng, tạo điều kiện cho DNQĐ hoạt động có hiệu quả, góp phần phát triển KT-XH, tạo việc làm, cơ cấu lại, chuyển đổi ngành nghề sản xuất, phối hợp tiêu thụ sản phẩm nhằm nâng cao đời sống của nhân dân.

Ba là, đổi mới hoạt động quản trị DN, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh gắn với tăng cường tiềm lực quân sự, quốc phòng. Để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, các DNQĐ cần tích cực nghiên cứu, học tập và vận dụng linh hoạt mô hình quản trị hiện đại theo thông lệ quốc tế để triển khai vào thực tiễn hoạt động sản xuất, kinh doanh. Đồng thời, tích cực áp dụng khoa học, công nghệ, công cụ quản trị hiện đại vào hoạt động quản trị DN, như: Hệ thống phần mềm quản trị nhân lực, quản trị kế hoạch sản xuất, kinh doanh, quản trị dự án đầu tư, quản trị tài chính, kế toán. Không ngừng đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác quản trị nhân lực, thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ về tay nghề, chuyên môn kỹ thuật, chế độ, chính sách, ưu đãi cho người lao động. Đối với các DN sản xuất quốc phòng, cần đẩy mạnh sản xuất, bảo đảm đủ số lượng, nâng cao chất lượng sản phẩm quốc phòng phục vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu của quân đội. Các DN đứng chân trên địa bàn chiến lược, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, cần gắn việc bảo đảm đời sống cho người lao động với xây dựng tiềm lực, thế trận quốc phòng, an ninh và “thế trận lòng dân” vững chắc. Đối với các DN đầu tư ra nước ngoài, bên cạnh chấp hành pháp luật và quy định của nước sở tại, cần làm tốt công tác đối ngoại quốc phòng.

Cùng với triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, phát triển kinh tế, các DNQĐ phải thực hiện tốt nhiệm vụ quân sự, quốc phòng. Theo đó, các DNQĐ cần tiếp tục duy trì nghiêm nền nếp công tác huấn luyện quân sự cho các đối tượng, nâng cao chất lượng xây dựng chính quy, quản lý, rèn luyện kỷ luật. Xây dựng các phương án bổ sung vật chất hậu cần, trang bị kỹ thuật,... cho các đơn vị thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng khi cần thiết.

Bốn là, quan tâm đầu tư phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ (KHCN) vào sản xuất kinh doanh. Nguồn nhân lực chất lượng cao là yếu tố then chốt để các DNQĐ nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh, tạo động lực phát triển, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và nâng cao hiệu quả hoạt động. Các DNQĐ tiếp tục nghiên cứu rà soát, xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, gồm cả cán bộ quản lý và người lao động trực tiếp sản xuất, để đáp ứng nhu cầu phát triển cả trong ngắn hạn và dài hạn. Chú trọng kết hợp chặt chẽ giữa phát triển nguồn nhân lực tại chỗ với xây dựng chính sách phù hợp để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao từ bên ngoài bổ sung cho DN.

Trong bối cảnh cách mạng 4.0, công nghệ mới, như: AI, IoT, Blockchain, Big Data... đang phát triển nhanh, mạnh, các DNQĐ cần đẩy mạnh ứng dụng KHCN và chuyển đổi số phù hợp; chủ động tiếp thu, áp dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật mới, hiện đại trên thế giới vào tất cả các lĩnh vực, như: Lãnh đạo điều hành và các khâu sản xuất, kinh doanh. Để đạt hiệu quả cao, các DNQĐ cần tăng cường đẩy mạnh hợp tác quốc tế về KHCN, đa dạng hóa đối tác, lựa chọn đối tác chiến lược là

các quốc gia có nền KHCN tiên tiến; gắn kết chặt chẽ giữa hợp tác quốc tế về KHCN với hợp tác kinh tế quốc tế. Mở rộng khả năng liên doanh, liên kết với các DN ngoài quân đội, nhất là các DN đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước để phát huy các nguồn lực, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, tăng khả năng cạnh tranh, hội nhập.

Trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, vai trò của các DN nói chung, DNQĐ nói riêng trong nền kinh tế là rất quan trọng, là động lực thúc đẩy tăng trưởng nền kinh tế. Điều này cần phải được nhận thức rõ và có các giải pháp đồng bộ để các DNQĐ vận dụng một cách sáng tạo quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước về kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế, góp phần thực hiện mục tiêu đến năm 2030, nước ta là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Chính trị (2022), *Nghị quyết số 08-NQ/QUTW về đẩy mạnh phát triển công nghiệp quốc phòng đến năm 2030 và những năm tiếp theo*, Hà Nội.
2. Quân ủy Trung ương (2021), *Nghị quyết số 820-NQ/QUTW về lãnh đạo nhiệm vụ lao động sản xuất, xây dựng kinh tế kết hợp quốc phòng của quân đội đến năm 2030*, Hà Nội.
3. Quân ủy Trung ương (2022), *Nghị quyết số 230-NQ/QUTW về lãnh đạo thực hiện tổ chức Quân đội nhân dân Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030 và những năm tiếp theo*, Hà Nội.
4. Quân ủy Trung ương (2023), *Kết luận 1815-KL/QUTW về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 425-NQ/QUTW, ngày 18/5/2017 của Quân ủy Trung ương về sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của DNQĐ đến năm 2020 và những năm tiếp theo*, Hà Nội.

BIỆN PHÁP NGỤY TRANG, NGHI TRANG BẢO VỆ VẬN TẢI SƯ ĐOÀN BỘ BINH PHÒNG NGỰ TRỰC TIẾP TIẾP XÚC Ở ĐỊA HÌNH TRUNG DU

Trung tá, TS. NHỮ CÔNG KHẢI

Khoa Vận tải, Học viện Hậu cần

ABSTRACT: *Camouflage and deception in transportation are vital and highly effective solutions for protecting transport operations, especially under conditions where the enemy holds superiority in high-tech weaponry and modern warfare equipment. In this article are proposed several measures for camouflaging and disguising to protect transport forces and vehicles of an infantry division engaging in direct-contact defensive operations in the Northern midland terrain in the Fatherland protection war.*

I. TÓM TẮT

Ngụy trang, nghi trang vận tải là giải pháp quan trọng, mang lại hiệu quả cao trong bảo vệ vận tải, nhất là trong điều kiện địch có ưu thế về vũ khí công nghệ cao, phương tiện chiến tranh hiện đại. Bài viết đề xuất một số biện pháp ngụy trang, nghi trang bảo vệ vận tải sư đoàn bộ binh (fBB) phòng ngự trực tiếp tiếp xúc (TTTX) ở địa hình trung du Bắc Bộ trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (BVTQ).

II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sư đoàn bộ binh phòng ngự TTTX thường là một giải pháp trong quá trình tác chiến, diễn ra khi sư đoàn thực hành tiến công, bị sát thương, tiêu hao, không thể phát triển chiến đấu, buộc phải chuyển vào phòng ngự, nhằm chiếm giữ địa hình có lợi, ngăn chặn, sát thương sinh lực, phá hủy phương tiện chiến tranh của địch, tạo điều kiện cho các hoạt động tác chiến, chiến đấu khác của cấp trên và lực lượng vũ trang địa phương. Từ tiến công chuyển sang phòng ngự TTTX, các hoạt động chiến đấu và bảo đảm của sư đoàn đều diễn ra gần địch. Vì vậy, khu vực bố trí, triển khai lực lượng, phương tiện

vận tải (PTVT), đội hình vận chuyển trên đường... sẽ thường xuyên bị địch trinh sát, phát hiện và tổ chức đánh phá ác liệt, có thể gây thương vong, tổn thất lớn cho vận tải sư đoàn. Để hoàn thành nhiệm vụ, đòi hỏi vận tải sư đoàn phải có các biện pháp bảo vệ an toàn lực lượng, phương tiện, trong đó, tiến hành ngụy trang, nghi trang che giấu các mục tiêu và hoạt động vận tải là vấn đề có ý nghĩa quan trọng. Thực tiễn trong chiến tranh giải phóng đã diễn ra nhiều trận đánh fBB phòng ngự TTTX, để lại những bài học kinh nghiệm quý về ngụy trang, nghi trang vận tải. Tuy nhiên, chiến tranh BVTQ trong tương lai các yếu tố về địch, ta và môi trường tác chiến có nhiều thay đổi, đặc biệt là địch sử dụng thiết bị trinh sát hiện đại, vũ khí công nghệ cao. Vì vậy, cần nghiên cứu những biện pháp ngụy trang, nghi trang bảo vệ vận tải cho phù hợp.

III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Đối tượng chiến đấu của sư đoàn phòng ngự TTTX là lực lượng còn lại của lữ đoàn bộ binh (bộ binh cơ giới) địch, chưa bị tiêu diệt trong trận tiến công (đang TTTX với ta)

và lực lượng địch từ phía sau cơ động lên, chuyển sang tiến công. Chúng có ưu thế về vũ khí công nghệ cao, tác chiến điện tử, tác chiến không gian mạng; vận dụng linh hoạt các thủ đoạn chiến đấu; được hỏa lực không quân, pháo binh của cấp trên chi viện kịp thời... Quá trình tiến công, địch sẽ sử dụng các phương tiện trinh sát, các thể hệ UAV, FPV, UGV hiện đại làm nhiệm vụ trinh sát, phát hiện và cảm tử đánh phá đối với các mục tiêu trong trận địa phòng ngự của sư đoàn. Trong đó, nơi bố trí, triển khai lực lượng, PTVT, địa điểm giao nhận, tiếp chuyển vật chất, tiếp nhận thương binh, bệnh binh và đội hình vận chuyển trên đường thường là những mục tiêu địch tập trung, ưu tiên trinh sát, phát hiện và tiến hành đánh phá mãnh liệt. Mặt khác, sư đoàn phòng ngự TTTX, thời gian làm công tác chuẩn bị ngắn chỉ từ 1 ÷ 2 ngày; vận tải sư đoàn phải thực hiện nhiều nội dung công việc, trong khi lực lượng, phương tiện đã bị thương vong, tổn thất một phần trong quá trình bảo đảm cho trận tiến công trước đó. Để bảo vệ các lực lượng, PTVT của sư đoàn, cùng với các biện pháp về bố trí, triển khai lực lượng; tổ chức vận chuyển, tiến hành các mặt bảo đảm vận tải, cần hết sức coi trọng các biện pháp ngụy trang, nghi trang che giấu các mục tiêu và hoạt động vận tải. Muốn vậy, vận tải sư đoàn cần thực hiện tốt một số biện pháp chủ yếu sau:

Một là, tận dụng triệt để các điều kiện tự nhiên, thiên nhiên để ngụy trang che giấu lực lượng, PTVT. Đây là biện pháp quan trọng, giúp nhanh chóng bảo vệ lực lượng, PTVT, đặc biệt có hiệu quả cao khi khai thác được các địa hình có giá trị; và không cần các trang bị kỹ thuật chuyên môn, không đòi hỏi kỹ thuật phức tạp. Thực tiễn fBB316 phòng ngự TTTX ở Cánh đồng Chum -

Xiêng Khoảng năm 1972, vận tải sư đoàn đã triệt để tận dụng lợi thế của địa hình có độ cao trung bình trên 1.000 m, xen kẽ những lòng chảo rộng, bằng phẳng với đồi núi và nhiều hang động tự nhiên để bố trí, triển khai bảo đảm an toàn cho lực lượng, PTVT trong suốt quá trình chiến đấu.

Khu vực trung du Bắc Bộ, địa hình mấp mô, có độ cao trung bình từ 100 ÷ 500 m và độ chênh cao 25 ÷ 100 m; đặc trưng là những dãy đồi đất hoặc lẫn đất đá, chạy liên tiếp theo dạng hình bát úp lượn sóng, đỉnh đồi bằng phẳng, chân đồi thường là các thung lũng rộng và khô. Vì vậy, vận tải sư đoàn có thể tận dụng thế che đỡ, che khuất của các sườn đồi, rừng cây và các khu vực bằng phẳng để bố trí, triển khai lực lượng, phương tiện; tận dụng hệ thống giao thông thủy, bộ khá phát triển, đặc biệt là hệ thống đường bộ, tạo điều kiện thuận lợi cho việc sử dụng vận tải cơ giới, góp phần nâng cao khả năng vận chuyển cũng như bảo vệ vận tải. Ngoài ra, thời tiết khu vực trung du Bắc Bộ với bốn mùa xuân, hạ, thu, đông khá khắc nghiệt nhưng vận tải sư đoàn có thể tận dụng các điều kiện thời tiết cực đoan, như: Sương mù, mưa, đêm tối... để cơ động, triển khai lực lượng, PTVT, thực hành vận chuyển vừa làm hạn chế khả năng quan sát, trinh sát của địch, giữ được bí mật, bảo đảm an toàn. Đồng thời, sử dụng cành cây để ngụy trang, hoặc dùng tre, nứa, cỏ, rơm kết lại thành tấm, giàn dày 10 ÷ 15 cm dựng trên nóc ca bin và ốp vào hai bên cánh cửa xe, tạo nên phong nền loang lổ, phức tạp, mục tiêu hòa nhập với điều kiện tự nhiên, vừa hạn chế khả năng trinh sát của địch, vừa chống được mảnh bom, đạn, bảo vệ lái xe, phương tiện và vật chất.

Hai là, tích cực ứng dụng ngụy trang nhân tạo. Trong chiến tranh BVTQ tương lai,

địch sẽ tăng cường sử dụng các loại vũ khí công nghệ cao, phương tiện chiến tranh hiện đại. Hơn nữa, sự đoàn phòng ngự TTTX trong điều kiện gần địch. Do đó, tận dụng các điều kiện tự nhiên, thiên nhiên để nguy trang chưa thể giải quyết được vấn đề bảo toàn lực lượng, PTVT của sư đoàn. Muốn vậy, vận tải sư đoàn cần tích cực ứng dụng nguy trang nhân tạo. Nguy trang nhân tạo là biện pháp hạn chế khả năng trinh sát, quan sát, phát hiện của địch dựa trên các phương tiện, trang bị do con người chế tạo ra. Hiện nay, Quân đội ta đã chế tạo được một số trang bị nguy trang, vận tải sư đoàn có thể đưa vào sử dụng trong chiến đấu, nhằm làm hạn chế khả năng quan sát, trinh sát của địch, như: Trang bị lưới nguy trang QRH-2000 bằng sợi tổng hợp có khả năng chống được trinh sát quang học, trinh sát radar và trinh sát hồng ngoại để che phủ cho phương tiện, hầm giấu xe, hầm trú ẩn của bộ đội vận tải; thiết bị thả khói TK-H1 hạn chế khả năng trinh sát bằng quang học, laze của địch,...

Bên cạnh đó, các PTVT ôtô phải được sơn phủ với màu sắc phù hợp. Thực tiễn cho thấy: Quan sát từ trên máy bay lên thẳng chỉ phát hiện được 50% số xe đã được sơn nguy trang. Không những hạn chế khả năng phát hiện bằng mắt thường, sơn nguy trang hiện đại còn có tác dụng hấp thụ bức xạ, làm giảm bức xạ hồng ngoại của các PTVT. Tuy nhiên, khi sơn phủ các phương tiện, đòi hỏi lựa chọn màu sắc phải hòa trộn với phong nền trong khu vực chiến đấu, không tạo nên sự khác biệt. Từ thực tế đặc trưng quang học của nền địa hình khu vực trung du Bắc Bộ rất đa dạng, nên không thể sử dụng một màu sơn mà phải sơn biến hình, kết hợp nhiều màu, tạo đốm màu loang lổ, bảo đảm các PTVT có thể hòa nhập, đồng nhất với phong nền xung quanh.

Mặt khác, từng bước ứng dụng thành tựu khoa học quân sự, công nghệ hiện đại phục vụ cho việc bảo vệ lực lượng, PTVT trong chiến đấu. Có thể sử dụng bộ quần áo nguy trang ảnh nhiệt, trang bị nguy trang (do Viện Khoa học Công nghệ Quân sự nghiên cứu, chế tạo), có khả năng chống trinh sát hiệu quả ngay cả khi địch sử dụng các phương tiện, trang bị trinh sát hiện đại cấp phát cho bộ đội vận tải. Nghiên cứu, sử dụng vật liệu nguy trang biến sắc là các loại vải, sơn thông minh có khả năng thay đổi màu sắc và độ phản xạ nhiệt theo môi trường, làm hạn chế khả năng trinh sát bằng camera hồng ngoại hoặc radar. Ngoài ra, cần nghiên cứu việc tự động hoá và rô bốt hoá khâu vận chuyển, vừa giảm thiểu rủi ro cho lực lượng vận tải, vừa nâng cao khả năng cơ động chính xác và chủ động triển khai trong mọi điều kiện địa hình, thời tiết, môi trường tác chiến.

Tiến hành biện pháp này, đòi hỏi ngay từ thời bình, vận tải các sư đoàn phải thường xuyên kiểm tra, nắm chắc số lượng, tình trạng các trang bị dùng cho nguy trang hiện có; lập dự trữ, cấp phát đến các đầu mối, hướng dẫn sử dụng theo đúng quy định; đào tạo cán bộ có đủ khả năng làm chủ vũ khí, công nghệ hiện đại và đưa các trang bị này vào tổ chức huấn luyện, luyện tập, diễn tập tại đơn vị. Quá trình chiến đấu, vận tải sư đoàn cần hiệp đồng chặt chẽ với các lực lượng liên quan trong cấp phát, bổ sung các trang bị, vật chất; đề nghị phối hợp, hỗ trợ, chi viện tại những khu vực cần thiết, như: Trọng điểm địch đánh phá, nơi tuyến đầu, các khu vực trống trải mà đội hình vận chuyển phải đi qua... trong quá trình bảo đảm chiến đấu.

Ba là, tổ chức nguy trang, nghi trang vận tải lừa địch. Nghi trang vận tải lừa địch là biện pháp tổ chức các mục tiêu giả cả

về hình dáng, tín hiệu và hoạt động, nhằm đánh lừa sự quan sát, trinh sát của địch, làm cho chúng hiểu sai hoặc tập trung hỏa lực vào các mục tiêu giả thay vì mục tiêu thật. Bảo đảm cho phòng ngự TTTX, khu vực bố trí, triển khai lực lượng và các hoạt động của vận tải sư đoàn đều nằm trong tầm khống chế của hỏa lực địch. Vì vậy, cùng với tiến hành các biện pháp nguy trang, vận tải sư đoàn phải tổ chức nghi trang lừa địch, góp phần bảo vệ an toàn cho các mục tiêu, hoạt động vận tải.

Thực tiễn trong kháng chiến chống Mỹ, Bộ đội Trường Sơn đã mưu trí với nhiều cách làm sáng tạo để nghi binh lừa dụ địch hạn chế thương vong, tổn thất cho ta. Chẳng hạn, sử dụng tre, nứa tạo thành các mô hình xe tải, kho tàng, trận địa pháo giả được phủ lên bằng lá cây để đánh lừa máy bay trinh sát và hỏa lực địch; hoặc sử dụng âm thanh, tín hiệu giả gây nhiễu cho các phương tiện trinh sát của địch, thậm chí vô hiệu hoá được phương tiện “cây nhiệt đới” hiện đại thời bấy giờ...

Trong chiến tranh BVTQ, nghi trang vận tải không chỉ còn là “làm mô hình giả bằng tre, nứa”, mà phải trở thành hoạt động tác chiến lừa địch có tổ chức và phải kết hợp nhiều yếu tố. Theo đó, vận tải sư đoàn phòng ngự TTTX có thể sử dụng các vật liệu nhẹ như: Bạt, cốt ép, tre nứa, nhựa tái chế... làm một số mục tiêu giả như PTVT giả, khu bố trí, triển khai vận tải giả... hoặc sử dụng các PTVT đã hư hỏng sau quá trình tiến công, bố trí trên các tuyến đường vận chuyển nhằm nghi binh, thu hút hỏa lực của địch. Mặt khác, khu vực bố trí mục tiêu giả phải lựa chọn ở những nơi địa hình có giá trị chiến thuật, tránh lộ liễu, dễ bị địch nghi ngờ. Các mô hình giả phải có hình dáng, kích thước, màu sắc giống như mục tiêu thật. Đối với mô hình ô tô giả, có thể lắp tản

nhiệt giả (gạch nóng, pin nhiệt, đèn sưởi) để tạo tín hiệu nhiệt; thả sáng vào ban đêm bằng đèn LED hoặc nguồn nhỏ, tạo cảm giác đang hoạt động... duy trì hoạt động bình thường, giả mà như thật mới đánh lừa được địch. Cùng với đó, có thể dựng các trạm phát thanh giả, loa phát tín hiệu, mô phỏng hoạt động vận tải như đang tiếp nhận, bốc xếp vật chất, vận chuyển... đánh lừa trinh sát bằng camera hồng ngoại, cảm biến nhiệt, tín hiệu vô tuyến và các phương tiện UAV, FPV, UGV của địch.

IV. KẾT LUẬN

Tổ chức tốt việc nguy trang, nghi trang, bảo vệ an toàn lực lượng, PTVT góp phần quan trọng vào hoàn thành nhiệm vụ vận tải bảo đảm cho sư đoàn phòng ngự TTTX ở địa hình trung du. Quá trình tổ chức thực hiện đòi hỏi sự chỉ huy tập trung, thống nhất; hiệp đồng chu đáo, chặt chẽ giữa vận tải sư đoàn với các lực lượng khác có liên quan; ý thức tổ chức kỷ luật, quyết tâm cao của các thành phần vận tải sư đoàn; đồng thời, phải vận dụng linh hoạt, có hiệu quả các biện pháp mà bài viết đã đề xuất♦

Tài liệu tham khảo


1. Bộ Quốc phòng (2010), *Tổng kết tác chiến phòng ngự trong kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Bộ Tổng Tham mưu (2005), *Sư đoàn bộ binh phòng ngự TTTX ở địa hình trung du*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Bộ Tổng Tham mưu (2005), *Bảo đảm hậu cần fBB phòng ngự TTTX ở địa hình trung du*, Nxb QĐND, Hà Nội.
4. Nhữ Công Khải (2022), *Tổ chức vận tải fBB phòng ngự phòng ngự TTTX ở địa hình trung du*, Luận án tiến sĩ quân sự, Học viện Hậu cần.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG CỦA CÁC TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG THUỘC ĐẢNG BỘ HỌC VIỆN HẬU CẦN HIỆN NAY

Đại tá, TS. NGUYỄN VĂN KÝ

Khoa LL Mác-Lênin, TT Hồ Chí Minh - HVHC

Lãnh đạo đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch (QĐST, TĐ) trên không gian mạng (KGM) là nội dung trọng tâm trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, góp phần quan trọng xây dựng Đảng bộ Học viện Hậu cần vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức, đạo đức và cán bộ. Bài viết đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng lãnh đạo đấu tranh phản bác các QĐST, TĐ trên KGM của các tổ chức cơ sở đảng thuộc Đảng bộ Học viện Hậu cần đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

 UÁN triệt tinh thần Nghị quyết số 35-NQ/TW của Bộ Chính trị về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các QĐST, TĐ là “nội dung cơ bản, hệ trọng, có ý nghĩa sống còn của công tác xây dựng Đảng, là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của hệ thống chính trị, của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân”, những năm qua, các tổ chức cơ sở đảng thuộc Đảng bộ Học viện Hậu cần đã quán triệt sâu sắc sự lãnh đạo của Ban Thường vụ Đảng ủy Học viện, trực tiếp là sự chỉ đạo của Ban Chỉ đạo 35 Đảng ủy Học viện; lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức đấu tranh phản bác các QĐST, TĐ trên KGM đạt được kết quả quan trọng, chất lượng lãnh đạo từng bước được nâng lên đáp ứng mục tiêu lãnh đạo và yêu cầu nhiệm vụ đặt ra.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy, chất lượng lãnh đạo đấu tranh phản bác các QĐST, TĐ trên KGM của một số tổ chức cơ sở đảng thuộc Đảng bộ Học viện có thời điểm chưa cao, có mặt chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, biểu hiện cụ thể như: Quá trình lãnh đạo chưa làm thay đổi sâu sắc về nhận thức, trách nhiệm của một số chủ thể, lực lượng

tham gia đấu tranh phản bác các QĐST, TĐ trên KGM. Ở một số cấp ủy, việc xác định nội dung lãnh đạo chưa toàn diện, sát thực tiễn; phương thức lãnh đạo chưa thực sự phù hợp, hiệu quả chưa cao; số lượng cán bộ, giảng viên, học viên, nhân viên, chiến sĩ tham gia đấu tranh còn ít, kinh nghiệm, kỹ năng đấu tranh còn hạn chế; đặc biệt, chưa hình thành thói quen trong tham gia đấu tranh phản bác các QĐST, TĐ trên KGM.

Hiện nay, tình hình thế giới và khu vực tiếp tục diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó lường; các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị trong và ngoài nước đang triệt để lợi dụng thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ Tư, đặc biệt là KGM, để đẩy mạnh các hoạt động chống phá cách mạng Việt Nam trên mọi lĩnh vực. Chúng sử dụng nhiều phương thức, thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt, ngày càng quyết liệt, trực diện, gây ra những nguy cơ, thách thức nghiêm trọng đối với sự tồn vong của Đảng, của chế độ. Trong bối cảnh đó, yêu cầu nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng;

xây dựng Đảng bộ Quân đội trong sạch, vững mạnh, tiêu biểu; xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, lấy xây dựng Quân đội về chính trị làm cơ sở... đang đặt ra những vấn đề mới, yêu cầu ngày càng cao đối với công tác đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác QĐST,TĐ trên KGM. Điều đó đòi hỏi cấp ủy, tổ chức đảng các cấp trong toàn quân nói chung, các tổ chức cơ sở đảng thuộc Đảng bộ Học viện Hậu cần nói riêng phải không ngừng nâng cao chất lượng lãnh đạo nhiệm vụ này, toàn diện cả về nhận thức, phương pháp và hiệu quả thực tiễn.

Trong bối cảnh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong tình hình mới, việc nâng cao chất lượng lãnh đạo đấu tranh phản bác các QĐST,TĐ trên KGM của các tổ chức cơ sở đảng thuộc Đảng bộ Học viện Hậu cần là yêu cầu cấp thiết. Đây chính là tiền đề để phát huy vai trò nòng cốt của tổ chức đảng trong giáo dục chính trị, tư tưởng, giữ vững trận địa tư tưởng của Đảng ngay trên KGM - một mặt trận không tiếng súng nhưng đầy khốc liệt, phức tạp và khó lường. Để đạt được mục tiêu này, cần triển khai đồng bộ, hiệu quả một số giải pháp trọng tâm sau:

Một là, tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, trách nhiệm của các tổ chức, lực lượng. Đây là giải pháp có ý nghĩa nền tảng, giữ vai trò then chốt trong việc nâng cao chất lượng lãnh đạo đấu tranh phản bác các QĐST,TĐ trên KGM của các tổ chức cơ sở đảng thuộc Đảng bộ Học viện Hậu cần; bởi vì, nhận thức là cơ sở để hình thành hành động đúng đắn, thống nhất. Theo đó, các tổ chức cơ sở đảng thuộc Đảng bộ Học viện cần thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ, giảng viên, nhân viên, học viên, chiến

sĩ nhận thức sâu sắc về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng trong đấu tranh phản bác các QĐST,TĐ, đặc biệt là Nghị quyết số 35-NQ/TW, ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị về “Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các QĐST,TĐ trong tình hình mới”, Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 25/7/2018 của Bộ Chính trị về “Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trên KGM”; Luật An ninh mạng năm 2018...; yêu cầu, đòi hỏi ngày càng cao của nhiệm vụ, sự cần thiết phải nâng cao chất lượng lãnh đạo đấu tranh phản bác các QĐST,TĐ trên KGM của các tổ chức cơ sở đảng thuộc Đảng bộ Học viện hiện nay. Đồng thời, tập trung nâng cao tinh thần trách nhiệm, ý thức cảnh giác cách mạng và ý chí đấu tranh của các tổ chức, lực lượng, tạo sự chuyển biến tích cực, thực chất trong quá trình lãnh đạo, tổ chức đấu tranh phản bác QĐST,TĐ trên KGM.

Hai là, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, cơ quan chức năng cấp trên. Đây là giải pháp mang tính định hướng chiến lược, giữ vai trò “hạt nhân chính trị”, quyết định tính đúng đắn, hiệu lực, hiệu quả trong toàn bộ quá trình lãnh đạo, tổ chức đấu tranh phản bác QĐST,TĐ trên KGM. Trước sự phát triển nhanh chóng của KGM, cấp ủy, chính ủy, chính trị viên, người chỉ huy các cấp cần xác định rõ trách nhiệm chính trị trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên KGM. Đảng ủy Học viện cần thường xuyên quán triệt sâu sắc nghị quyết, chỉ thị của Đảng; nâng cao chất lượng ban hành nghị quyết chuyên đề lãnh đạo nhiệm vụ này; chỉ đạo các tổ chức cơ sở đảng xây dựng kế hoạch, quy trình lãnh đạo cụ thể, sát thực tiễn.

Phòng Chính trị, Ban Chỉ đạo 35 Học viện cần phát huy vai trò nòng cốt, chủ trì phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị,

thường xuyên cập nhật tình hình, nắm chắc âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch; kịp thời tham mưu cho Đảng ủy Học viện chỉ đạo các các tổ chức cơ sở đảng đấu tranh có trọng tâm, trọng điểm, đúng định hướng, bảo đảm hiệu quả thiết thực. Cùng với đó, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy các cấp; chủ động sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, phát huy mô hình hay, cách làm hiệu quả; kịp thời chấn chỉnh những hạn chế, nâng cao tính chiến đấu trong công tác lãnh đạo đấu tranh phản bác QĐST,TĐ trên KGM.

Ba là, đổi mới nội dung, hình thức lãnh đạo hoạt động đấu tranh. Đây là giải pháp có tính trực tiếp, cấp thiết, gắn liền với yêu cầu thích ứng linh hoạt trước tính chất phức tạp, khó lường, biến hóa nhanh chóng của KGM - nơi đang trở thành “mặt trận nóng” của cuộc đấu tranh tư tưởng hiện nay. Thực tiễn cho thấy, nếu nội dung, phương thức lãnh đạo không kịp thời đổi mới thì sẽ dẫn đến lúng túng, thụ động, thiếu hiệu quả trong nhận diện, phản bác QĐST,TĐ tinh vi, đa dạng, ẩn danh hoặc ngụy trang dưới dạng “ý kiến phản biện xã hội”, “góp ý xây dựng”.

Để nâng cao chất lượng lãnh đạo đấu tranh, cấp ủy các cấp cần chú trọng đổi mới nội dung ra nghị quyết, xây dựng chương trình hành động cụ thể, sát với đặc điểm từng cơ quan, đơn vị, khoa giáo viên; trong đó, phải xác định rõ mục tiêu, đối tượng, nội dung, lực lượng, phương thức đấu tranh, thời gian, hình thức tổ chức và cơ chế phối hợp. Nội dung lãnh đạo cần gắn chặt giữa bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng với phòng, chống “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; giữa công tác tư tưởng với công tác tổ chức cán bộ và kiểm tra, giám sát. Về phương thức, cần tăng cường lãnh đạo thông qua hoạt động của các lực lượng chuyên trách, kết hợp chặt chẽ giữa

đấu tranh công khai, trực diện với đấu tranh âm thầm, gián tiếp, mềm dẻo; giữa đấu tranh trên các nền tảng chính thống với đấu tranh trên mạng xã hội, diễn đàn mở. Đồng thời, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, khai thác các nền tảng số phù hợp để tăng hiệu quả tiếp cận, lan tỏa thông tin tích cực, phản bác hiệu quả các luận điệu xuyên tạc.

Ngoài ra, cần đổi mới cách thức chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, tăng cường tính chủ động, linh hoạt trong ban hành nghị quyết, chỉ thị chuyên đề; nâng cao chất lượng giao nhiệm vụ và kiểm tra, giám sát việc thực hiện; đẩy mạnh sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm theo hướng thực chất, hiệu quả; kịp thời phát hiện, nhân rộng cách làm sáng tạo, hiệu quả, khắc phục tình trạng hình thức trong công tác này.

Bốn là, tập trung lãnh đạo xây dựng và phát huy vai trò lực lượng nòng cốt. Giải pháp này có vai trò then chốt, có thể tạo ra bước đột phá trong việc nâng cao chất lượng lãnh đạo đấu tranh phản bác QĐST,TĐ trên KGM của các tổ chức cơ sở đảng thuộc Đảng bộ Học viện Hậu cần. Lực lượng nòng cốt, tiêu biểu là Lực lượng 47, các nhóm chuyên trách, câu lạc bộ “Lý luận trẻ”, Đoàn thanh niên, các cán bộ đảng viên, học viên ưu tú, là lực lượng trực tiếp tham gia đấu tranh trên KGM, thực hiện công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đồng thời góp phần thực hiện hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị của Đảng.

Để thực hiện giải pháp này, các tổ chức cơ sở đảng thuộc Đảng bộ Học viện cần thường xuyên kiện toàn, củng cố và phát huy vai trò của lực lượng nòng cốt trong đấu tranh phản bác QĐST,TĐ trên KGM. Cụ thể, cần chú trọng lựa chọn những cán bộ, đảng viên có trình độ lý luận vững vàng, kiến thức sâu rộng về công nghệ thông tin và mạng

xã hội, có khả năng tư duy phản biện sắc bén, nhạy bén với các tình huống, có phẩm chất đạo đức tốt và trách nhiệm cao đối với nhiệm vụ được giao.

Lực lượng nòng cốt phải hoạt động theo một quy chế chặt chẽ, có sự chỉ đạo trực tiếp của cấp ủy và cơ quan chính trị, hoạt động theo nhóm hoặc mô hình chuyên trách với phân công rõ ràng, trách nhiệm cụ thể. Đồng thời, đẩy mạnh công tác bồi dưỡng, huấn luyện kỹ năng cho lực lượng nòng cốt, từ việc nâng cao kiến thức lý luận, kỹ năng phát hiện và phản bác các quan điểm sai trái, đến khả năng sử dụng các công cụ kỹ thuật số để thực hiện đấu tranh có hiệu quả trên KGM. Bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, đảng viên có khả năng viết bài, tạo lập nội dung phù hợp và phản ứng nhanh chóng trước các thông tin sai lệch.

Bên cạnh đó, tập trung phát huy vai trò xung kích của Đoàn thanh niên trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng thông qua các hình thức như: Tham gia vào các nhóm, trang mạng xã hội, đóng góp ý kiến phản biện, tuyên truyền chính trị, lan tỏa thông tin tích cực. Các câu lạc bộ “Lý luận trẻ” cần phát triển đội ngũ chuyên gia lý luận trẻ, đồng thời tổ chức các buổi sinh hoạt, hội thảo, giao lưu, học hỏi để nâng cao trình độ và khả năng đấu tranh lý luận trên KGM. Các tổ chức cơ sở đảng cần triển khai các hoạt động đấu tranh thực tiễn trên các nền tảng mạng xã hội như: Nhóm “Lửa Hồng Đất Việt”, trang Facebook “Học viện phòng chống phản động”, blog “Bên kia Sông Đuống 65”, nhằm tập hợp lực lượng đấu tranh trong một mạng lưới vững mạnh, tạo sức lan tỏa, nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phản bác QĐST, TĐ.

Năm là, phát huy sức mạnh tổng hợp của các tổ chức, các lực lượng. Giải pháp này có ý nghĩa quan trọng trong việc huy

động sức mạnh tổng hợp từ các tổ chức và lực lượng để nâng cao hiệu quả lãnh đạo đấu tranh phản bác QĐST, TĐ trên KGM. Trước hết, cần tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng trong và ngoài Học viện, từ cấp ủy, cơ quan chức năng đến tổ chức quần chúng và lực lượng chuyên trách, đảm bảo sự đồng bộ và hiệu quả trong các hoạt động đấu tranh phản bác. Đồng thời, các tổ chức cơ sở đảng cần tổ chức các khóa đào tạo, huấn luyện chuyên sâu để trang bị cho các cán bộ, đảng viên kiến thức và kỹ năng cần thiết trong việc phát hiện, xử lý thông tin sai lệch và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Ngoài ra, hoàn thiện các cơ chế, chính sách để tạo ra môi trường thuận lợi cho công tác đấu tranh phản bác trên KGM. Đồng thời, tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo trong việc đầu tư và củng cố cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác này. Các tổ chức cơ sở đảng cần khai thác hiệu quả các nguồn lực hiện có, đồng thời chủ động đầu tư nâng cấp phương tiện, công cụ kỹ thuật, đảm bảo hỗ trợ mạnh mẽ cho công tác đấu tranh, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong bối cảnh hiện nay♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Chính trị (2018), *Nghị quyết số 35-NQ/TW, ngày 22/10/2018 về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các QĐST, TĐ trong tình hình mới*, Hà Nội.

2. Ban Chỉ đạo 35 Học viện Hậu cần (2023), *Báo cáo Sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW, ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị “về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các QĐST, TĐ trong tình hình mới”*, Hà Nội.

MỘT SỐ BIỆN PHÁP CHUẨN BỊ VẬT CHẤT DOANH TRẠI TÁC CHIẾN PHÒNG THỦ QUÂN KHU

Trung tá, ThS. VŨ HỒNG HẢI
Nghiên cứu sinh, Học viện Hậu cần

ABSTRACT: *The preparation of barracks materials is a key aspect of barracks preparation, significantly influencing the outcome of operations. Based on theoretical research and practical experience, in this article are proposed several measures for preparing barracks materials in military region defensive operations.*

I. TÓM TẮT

Chuẩn bị vật chất doanh trại (VCDT) là nội dung của chuẩn bị doanh trại (CBDT) giữ vai trò quan trọng có ảnh hưởng lớn đến kết quả của tác chiến. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận, thực tiễn, bài viết đề xuất một số biện pháp chuẩn bị VCDT tác chiến phòng thủ quân khu (PTQK).

II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tác chiến PTQK là loại hình tác chiến mang tính tổng hợp cao, tác chiến diễn ra ngay từ đầu, trên không gian rộng, nhiều biện pháp tác chiến, hình thức chiến thuật, diễn ra ác liệt, tính biến động cao, nhiều tình huống phức tạp. Để tác chiến phòng thủ quân khu (PTQK) giành thắng lợi, đòi hỏi phải tiến hành công tác chuẩn bị toàn diện, chu đáo trên mọi mặt. Trong đó, chuẩn bị VCDT có vị trí, vai trò quan trọng, ảnh hưởng đến kết quả bảo đảm doanh trại nói riêng và kết quả bảo đảm hậu cần, kỹ thuật (HCKT) nói chung. Thực tiễn trong chiến tranh bảo vệ Biên giới phía Bắc, do có sự chuẩn bị trước về vật chất nên các quân khu cơ bản bảo đảm được cho lực lượng vũ trang (LLVT) tác chiến, nhưng quá trình chuẩn bị cũng còn một số bất cập, như: Chưa dự kiến được nhu cầu VCDT cho tác

chiến; việc tạo nguồn, huy động và dự trữ VCDT chưa toàn diện; công tác phối hợp, hiệp đồng với khu vực phòng thủ (KVPT) chưa rõ ràng... Mặt khác chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong tương lai (nếu xảy ra), các yếu tố về địch, ta và môi trường tác chiến có nhiều thay đổi. Công tác chuẩn bị VCDT bên cạnh thuận lợi, sẽ gặp nhiều khó khăn, phức tạp. Vì vậy, nghiên cứu, đề xuất các biện pháp chuẩn bị VCDT tạo nền tảng vững chắc nhằm bảo đảm đầy đủ, kịp thời VCDT cho quân khu tác chiến thắng lợi là vấn đề có ý nghĩa quan trọng.

III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Đối tượng tác chiến PTQK là lực lượng địch tiến công xâm lược từ ngoài vào với lực lượng là: Các lữ đoàn bộ binh, bộ binh cơ giới thuộc 1 đến 2fBB hoặc BBCG; 2dĐBĐK... được hỏa lực không quân, pháo binh, hải quân chi viện, sử dụng vũ khí công nghệ cao (CNC), tác chiến điện tử rộng rãi...; kết hợp với lực lượng phản động gây bạo loạn lật đổ ở bên trong với mục đích tiến công vào địa bàn quân khu, nhằm phá hủy tiềm lực quân sự, quốc phòng, tiêu diệt và làm tan rã LLVT, đánh chiếm các khu vực, mục tiêu, địa bàn quan trọng, tạo thế có lợi

để tiến công đánh chiếm mục tiêu chiến lược trọng yếu.

Khi tác chiến xảy ra, quân khu có nhiệm vụ: Chủ động đánh địch tiến công hỏa lực, đập tắt các cuộc bạo loạn lật đổ trên địa bàn, giữ vững thế trận tác chiến phòng thủ quân khu; phối hợp với các quân khu khác đánh địch tiến công đường bộ bảo vệ các mục tiêu chiến lược và đánh địch giữ vững căn cứ hậu phương chiến lược, cùng các lực lượng của chiến trường tiến công, phản công đánh địch tiến công trên bộ, đổ bộ đường không (ĐBĐK) vào hậu phương chiến lược trên địa bàn. Tác chiến PTQK diễn ra trong thời gian dài, địa bàn tác chiến rộng. Đối tượng bảo đảm trong tác chiến PTQK nhiều, khối lượng vật chất lớn, trong khi khả năng của doanh trại quân khu có hạn. Tuy vậy, chuẩn bị VCDT của quân khu có điều kiện chuẩn bị ngay từ thời bình, tác chiến PTQK diễn ra trong thế trận KVPT ngày càng phát triển mạnh mẽ; điều kiện kinh tế - xã hội (KT-XH) của địa phương phát triển... đây là những đặc điểm thuận lợi, ngành doanh trại quân khu có thể tận dụng để kết hợp, khai thác và huy động có hiệu quả nguồn VCDT. Xuất phát từ những vấn đề nêu trên, bài viết đề xuất một số biện pháp chuẩn bị VCDT cho tác chiến PTQK như sau:

Một là, kết hợp quốc phòng với kinh tế - xã hội, KT-XH với quốc phòng trong tạo nguồn VCDT. Đây là giải pháp quan trọng, thể hiện nhất quán quan điểm chiến tranh nhân dân, hậu cần toàn dân, nhằm tạo nguồn lực vững chắc trong chuẩn bị VCDT cho tác chiến. Phát triển KT-XH tại địa phương là nền tảng quan trọng trong huy động, khai thác VCDT bảo đảm trong thời chiến. Những năm gần đây, nền KT-XH các địa phương trên địa bàn quân khu ngày một phát triển. Hàng hóa ngày càng đa dạng, phong phú và có chất lượng tốt, trong đó

có rất nhiều mặt hàng doanh trại có thể huy động được cho tác chiến.

Ngành doanh trại quân khu cần kết hợp cùng hậu cần quân sự địa phương (QSĐP) khảo sát, đánh giá tiềm lực, khả năng khai thác nguồn lực vật chất doanh trại trên khu vực, hướng phòng thủ; cần đánh giá sát với yêu cầu, nhu cầu về vật chất doanh trại khi thực hành tác chiến PTQK. Đồng thời, tham mưu với đảng ủy, bộ tư lệnh quân khu, ban chỉ đạo quân khu về KVPT những kiến nghị với Bộ Quốc phòng và bộ, ngành liên quan về kết hợp xây dựng nguồn VCDT trên hướng, KVPT của quân khu với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế vùng, đặc biệt là những ngành kinh tế có tính chất tương ứng mà ngành doanh trại quân khu có thể huy động, khai thác. Xây dựng kế hoạch tạo nguồn, xác định các chỉ tiêu, phân bổ chỉ tiêu khai thác tiếp nhận nguồn cấp trên, khai thác ở KVPT cho đơn vị trực thuộc của quân khu, để đơn vị hiệp đồng với các doanh nghiệp và địa phương có liên quan trong việc chuẩn bị nguồn bảo đảm cho nghiệp vụ quốc phòng - an ninh (QP-AN) theo kế hoạch thống nhất. Chú trọng điều chỉnh kế hoạch bảo đảm doanh trại (trong đó có nội dung bảo đảm VCDT) thông qua các phương án luyện tập hàng năm để hoàn chỉnh phương án phù hợp với tình hình thực tiễn và nhu cầu cần bảo đảm, triệt để khai thác các nguồn vật chất tại chỗ, vận dụng linh hoạt các biện pháp dự trữ, tạo nguồn VCDT vững chắc cho quân khu tác chiến. Mặt khác, chỉ đạo doanh trại đơn vị và doanh trại KVPT tỉnh (thành phố) khai thác, dự trữ VCDT ở địa phương. Ngoài ra phải hiệp đồng với hậu cần KVPT đặt hàng các loại VCDT bảo đảm cho nhu cầu của các đơn vị thuộc Bộ, quân khu tác chiến trên địa bàn.

Đối với doanh trại các đơn vị và doanh trại KVPT cần phải có kế hoạch, đánh giá, nghiên cứu khả năng bảo đảm của địa phương;

tham mưu, đề xuất với chỉ huy các cấp về những vấn đề có thể kết hợp các yếu tố kinh tế với quốc phòng để nâng cao tiềm lực và khả năng bảo đảm về VCDT của địa phương mà đơn vị đang đứng chân. Ngay từ thời bình, các đơn vị phải luôn giữ mối quan hệ mật thiết với các cấp ủy đảng và chính quyền địa phương, chủ động trong kết hợp với địa phương để nghiên cứu, nắm chắc khả năng bảo đảm của các ngành KT-XH... để tăng cường khả năng bảo đảm VCDT.

Hai là, ngay từ thời bình cần tổ chức dự trữ, bảo quản, quản lý duy trì đủ số lượng, đúng chất lượng, chủng loại vật chất dự trữ sẵn sàng chiến đấu (SSCĐ) bảo đảm cho năm đầu chiến tranh. Đây là biện pháp thể hiện tính chủ động trong sẵn sàng bảo đảm mọi mặt VCDT cho quân khu tác chiến. Trong thời bình, vật chất doanh trại dự trữ bao gồm vật chất doanh trại SSCĐ và vật chất dự trữ năm đầu chiến tranh, với khối lượng vật chất lớn, nhiều chủng loại, dự trữ ở các cấp hậu cần - kỹ thuật. Do vậy, cần phải thường xuyên duy trì đủ lượng VCDT nhằm đáp ứng yêu cầu khẩn trương trong hoạt động tác quân sự, bảo đảm cho LLVT luôn ở trạng thái SSCĐ.

Trong thời bình, phòng doanh trại quân khu, doanh trại KVPT, doanh trại các đơn vị chiến đấu, binh chủng... có điều kiện tổ chức dự trữ theo yêu cầu nhiệm vụ trước mắt và từng bước bổ sung lập dự trữ theo yêu cầu nhiệm vụ tác chiến được giao. Thực tiễn hiện nay, thực hiện Chỉ thị của Bộ Tổng Tham mưu và Chỉ lệnh của Tổng cục HC-KT về dự trữ SSCĐ, các quân khu cũng xác định lượng dự trữ vật chất ở các kho nâng dần theo các trạng thái SSCĐ. Theo đó, ngành doanh trại quân khu tổ chức dự trữ và chỉ đạo các đơn vị dự trữ theo đúng quy định: Chỉ thị số 14/CT-TM, ngày 03/12/2018 của Bộ Tổng tham mưu về dự trữ đạn, vật chất hậu cần SSCĐ; Chỉ lệnh số

152/CL-HC, ngày 24/01/2019 của Tổng cục Hậu cần về dự trữ vật chất hậu cần bảo đảm cho nhiệm vụ SSCĐ; Chỉ lệnh của Tư lệnh Quân khu. Đây là lượng VCDT dự trữ cần thiết bất khả xâm phạm, nhằm sẵn sàng ứng phó với mọi tình huống. Mức dự trữ tối thiểu đủ để bảo đảm cho nhiệm vụ A2, nhiệm vụ huy động lực lượng DBĐV, phòng chống và khắc phục thảm họa.

Đối với lượng dự trữ vật chất năm đầu chiến tranh: Trên cơ sở kế hoạch Bảo đảm doanh trại tác chiến PTQK (Kế hoạch A), ngành doanh trại quân khu tham mưu cho KVPT lập kế hoạch bảo đảm doanh trại năm đầu chiến tranh (Kế hoạch B). Qua đó làm cơ sở để giao chỉ tiêu, phân cấp chuẩn bị cho các ngành, địa phương xây dựng kế hoạch KT-XH bảo đảm cho năm đầu chiến tranh, thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu dự trữ, huy động cơ sở vật chất, trang thiết bị doanh trại và ngân sách cho nhu cầu quốc phòng năm đầu chiến tranh. Dự trữ theo kế hoạch B có thể bằng hiện vật hoặc bằng ngân sách. Trong đó, dự trữ bằng ngân sách chủ yếu ở KVPT cho một số loại vật chất, trang bị doanh trại khó có thể khai thác tại địa phương. Dự trữ bằng hiện vật chủ yếu là các loại vật chất thông dụng, giao cho nhiệm vụ động viên của các ngành KT-XH trên địa bàn, trên thực tế, các loại vật chất, trang bị kỹ thuật doanh trại là những loại vật chất rất dễ có thể sản xuất, khai thác, mua sắm trong nền KT-XH địa phương như: Doanh cụ, máy phát điện, phương tiện chứa đựng nước...

Ba là, huy động, khai thác, tiếp nhận vật chất, từng bước nâng lượng dự trữ trong quá trình chuyển sang thời chiến và chuẩn bị trực tiếp cho tác chiến phòng thủ. Đây là giải pháp rất quan trọng gắn với nhiệm vụ tác chiến trong từng giai đoạn, thực hiện biện pháp trên xuất phát từ nhu

cầu cũng như yêu cầu của chuẩn bị VCDT bảo đảm cho tác chiến lớn, nhiều chủng loại, tuy nhiên lượng chuẩn bị dự trữ từ thời bình không thể đủ để đáp ứng. Do vậy cần huy động, khai thác và tiếp nhận vật chất và từng bước nâng dần lượng dự trữ vật chất.

Khi LLVT quân khu chuyển lên SSCĐ toàn bộ, địa phương chuyển sang thời chiến. Lúc này cơ quan doanh trại các cấp vừa phải thực hiện chuyển trạng thái SSCĐ cùng đơn vị, vừa bảo đảm doanh trại cho nhiệm vụ chuyển trạng thái cho tiếp nhận lực lượng dự bị động viên. Vì vậy, doanh trại các cấp phải tổ chức dự trữ vật chất trang bị kỹ thuật doanh trại đủ cho các nhiệm vụ của đơn vị và dự trữ sẵn sàng cho nhiệm vụ tác chiến PTQK. Nếu chỉ duy trì lượng dự trữ như trong thời bình sẽ không thể đủ bảo đảm cho các nhiệm vụ và rất khó chuẩn bị kịp cho thực hành tác chiến phòng thủ (đánh địch tiến công hỏa lực và tiến công vào địa bàn quân khu). Vì vậy, doanh trại các cấp cần tăng lượng dự trữ vật chất trang bị doanh trại để đáp ứng nhu cầu bảo đảm trong giai đoạn này và chuẩn bị trước một bước cho thực hành tác chiến PTQK. Lượng dự trữ giai đoạn này đủ bảo đảm cho đơn vị chuyển trạng thái SSCĐ, cho tiếp nhận dự bị động viên cho các lực lượng làm nhiệm vụ A2, A3, A4 và một phần cho nhiệm vụ A.

Trong giai đoạn chuẩn bị trực tiếp, phòng doanh trại quân khu, doanh trại KVPT và doanh trại các đơn vị chủ lực, binh chủng của quân khu, trên cơ sở nhiệm vụ tác chiến phòng thủ được giao, xác định nhu cầu, phân cấp dự trữ và tổ chức khai thác, tiếp nhận lập đủ lượng dự trữ phải có trước giờ quy định, sẵn sàng bảo đảm cho quân khu tác chiến. Đối với tác chiến PTQK, lý luận hiện nay đã xác định tỷ lệ lượng vật chất phải có trước giờ quy định so với nhu cầu vật chất tiêu thụ trong giai đoạn thực

hành. Riêng đối với các đơn vị làm nhiệm vụ phòng thủ, phòng ngự có thể cao hơn", và lượng vật chất bảo đảm cho tác chiến PTQK được dự trữ ở các căn cứ, phân CCHC-KT quân khu, các căn cứ, phân căn cứ HC-KT khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố và ở các đơn vị tham gia tác chiến.

IV. KẾT LUẬN

Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong tương lai (nếu xảy ra) cả ta và địch đều có những bước phát triển mới cả về nghệ thuật tác chiến cũng như phương tiện, vũ khí chiến tranh. Yêu cầu bảo đảm cho chiến tranh sẽ nâng lên rất nhiều. Theo đó công tác chuẩn bị mọi mặt cho chiến tranh, trong đó chuẩn bị VCDT là một nội dung phải được tiến hành một cách toàn diện và chu đáo. Những giải pháp về chuẩn bị VCDT tác chiến PTQK nêu trên có cơ sở lý luận và thực tiễn và có thể vận dụng trong thực tiễn của các quân khu khi tiến hành công tác chuẩn bị doanh trại từ thời bình♦

Tài liệu tham khảo

1. Chính phủ (2019), *Nghị định số 21/2019/NĐ-CP về KVPT*, Hà Nội.
2. Bộ Quốc phòng (2023), *Điều lệ công tác doanh trại Quân đội nhân dân Việt Nam*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Bộ Tổng Tham mưu (2018), *Bảo đảm hậu cần trong tác chiến phòng thủ quân khu*, Nxb QĐND, Hà Nội
4. Bộ Tổng Tham mưu (2018), *Tác chiến PTQK trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc*, Nxb QĐND, Hà Nội.
5. Cục Hậu cần Quân khu 1 (2004), *Lịch sử hậu cần LLVT Quân khu 1 (1945 - 2000)*, Nxb QĐND, Hà Nội.
6. Cục Hậu cần Quân khu 2 (2000), *Lịch sử Hậu cần LLVT Quân khu 2 (1946-1996)*, Nxb QĐND, Hà Nội.

TỔ CHỨC, SỬ DỤNG LỰC LƯỢNG VẬN TẢI SƯ ĐOÀN BỘ BINH ĐÁNH ĐỊCH TẠM DỪNG KHI TIẾN CÔNG ĐƯỜNG BỘ TRONG TÁC CHIẾN PHÒNG THỦ QUÂN KHU

Trung tá, ThS. ĐINH VĂN QUYẾT
Nghiên cứu sinh, Học viện Hậu cần

ABSTRACT: *The arrangement and employment of transport forces are a key component of transport work, playing a vital role and having a direct impact on the successful completion of transport tasks and the overall outcome of combat missions. Based on theoretical research and practical experience, in this article are proposed several measures for arranging and employing transport forces of an infantry division in operations against temporarily halted enemy forces during a ground offensive in military region defensive operations in key strategic areas of the Northern Delta military region.*

I. TÓM TẮT

Tổ chức, sử dụng lực lượng vận tải (LLVT) là một nội dung của công tác vận tải, có vị trí vai trò quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoàn thành nhiệm vụ vận tải và thắng lợi của trận đánh. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận, thực tiễn, bài viết đề xuất một số biện pháp tổ chức, sử dụng lực lượng vận tải sư đoàn bộ binh đánh địch tạm dừng khi tiến công đường bộ (TCĐB) trong tác chiến phòng thủ quân khu (PTQK), thuộc địa bàn trọng điểm của quân khu đồng bằng Bắc Bộ.

II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong tác chiến PTQK, trận đánh địch tạm dừng khi TCĐB là nhiệm vụ quan trọng, nhằm bẻ gãy các mũi tiến công của địch, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động tác chiến tiếp theo. Để trận đánh giành thắng lợi, sư đoàn phải giải quyết nhiều vấn đề, nhiều mặt bảo đảm, trong đó tổ chức, sử dụng LLVT. Tổ chức, sử dụng LLVT phù hợp, khoa học sẽ phát huy khả năng và sức mạnh của từng thành phần lực lượng, góp phần nâng cao hiệu quả vận chuyển. Thực tiễn tổ chức, sử dụng LLVT trong các trận

đánh địch tạm dừng trong chiến tranh giải phóng đã để lại nhiều kinh nghiệm quý, có thể kế thừa, vận dụng. Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (nếu xảy ra) sẽ có những phát triển mới về nghệ thuật, những thay đổi về yếu tố địch, ta và môi trường tác chiến. Vì vậy, cần phải nghiên cứu, phát triển lý luận về tổ chức, sử dụng LLVT cho phù hợp.

III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Đối tượng tác chiến của sư đoàn bộ binh đánh địch tạm dừng khi TCĐB là lữ đoàn bộ binh cơ giới địch TCĐB vào địa bàn quân khu, bị lực lượng phòng ngự, phòng thủ của quân khu đánh tiêu hao, tổn thất buộc phải tạm dừng để tổ chức lại đội hình chiến đấu, bổ sung, điều chỉnh lực lượng, phương tiện tiếp tục tiến công. Đánh địch tạm dừng khi TCĐB, thời cơ diễn ra rất mau lẹ; thời gian chuẩn bị trực tiếp cho trận đánh của sư đoàn rất ngắn (từ 1÷2 ngày hoặc ngắn hơn); thời gian thực hành chiến đấu khoảng 2 ngày; công tác vận tải trong điều kiện cơ động, biến động cao; tác chiến diễn ra trên địa bàn rộng, địch đánh phá ác liệt, diễn biến chiến đấu khẩn trương; tình huống

phức tạp; nhu cầu vận chuyển của sư đoàn lớn, trong khi khả năng vận tải sư đoàn có hạn. Do đó, yêu cầu tổ chức, sử dụng LLVT sư đoàn phải hợp lý, linh hoạt, cơ động, phù hợp với nhiệm vụ chiến đấu của đơn vị; phát huy sức mạnh tổng hợp của các thành phần LLVT, nhằm vận chuyển bảo đảm kịp thời, đầy đủ mọi mặt hậu cần - kỹ thuật cho sư đoàn chiến đấu giành thắng lợi.

Trong chiến tranh giải phóng, ta đã thực hiện một số trận đánh địch tạm dừng thắng lợi, để lại những kinh nghiệm quý về công tác vận tải. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế: Việc tổ chức LLVT ở các bộ phận còn dàn đều; chưa tổ chức LLVT dự bị để bảo đảm cho lực lượng dự bị binh chủng hợp thành bước vào chiến đấu đúng thời cơ, nên ảnh hưởng tới kết quả chiến đấu của sư đoàn.

Qua khảo sát phương án tổ chức, sử dụng LLVT sư đoàn bộ binh đánh địch tạm dừng khi TCĐB trong tác chiến phòng thủ của quân khu đồng bằng Bắc Bộ cho thấy, các sư đoàn đang từng bước xây dựng phương án tổ chức, sử dụng, bố trí LLVT vận chuyển bảo đảm cho trận đánh. Hậu cần - kỹ thuật sư đoàn dự kiến tổ chức ra 1 đến 2 bộ phận hậu cần - kỹ thuật, song chưa phân chia LLVT cụ thể trong các bộ phận đó; chưa có phương án tổ chức, sử dụng LLVT bảo đảm cho các tình huống đánh địch ngoài dự kiến; phương án kết hợp với LLVT tại chỗ chưa cụ thể, chặt chẽ. Vì vậy, để tổ chức, sử dụng LLVT sư đoàn bộ binh đánh địch tạm dừng khi TCĐB trong tác chiến PTQK giành thắng lợi, cần tập trung thực hiện tốt một số biện pháp sau đây:

Một là, dự kiến các phương án tổ chức, sử dụng LLVT sư đoàn bộ binh đánh địch tạm dừng khi TCĐB ngay từ thời bình. Hiện nay, trong phương án tác chiến PTQK, các quân khu cơ bản đã dự kiến trước một số khu vực đánh địch tạm dừng khi chúng

TCĐB vào địa bàn. Căn cứ vào các phương án tác chiến PTQK, sư đoàn bộ binh (lực lượng cơ động) của quân khu khi được giao nhiệm vụ đánh địch tạm dừng phải dự kiến trước một số phương án tác chiến. Trên cơ sở đó, vận tải sư đoàn dự kiến một số phương án tổ chức, sử dụng LLVT phù hợp với phương án tác chiến đã xác định.

Để xây dựng phương án tổ chức, sử dụng LLVT sư đoàn đánh địch tạm dừng khi TCĐB hợp lý ngay từ thời bình phải căn cứ vào: Hướng dẫn vận tải quân khu, quyết tâm chiến đấu của sư đoàn trưởng, thực lực khả năng vận tải sư đoàn, các yếu tố khác có liên quan như dự báo về địch, ta, địa hình khí hậu, thời tiết, hậu cần - kỹ thuật KVPT địa phương... Vận tải sư đoàn tổ chức thành các thành phần lực lượng trong các bộ phận hậu cần, kỹ thuật (HCKT) để vận chuyển bảo đảm đánh địch tạm dừng khi TCĐB. Ngoài ra, có thể tổ chức LLVT ở các điểm trung chuyển, khu giấu xe và bộ phận HCKT phía sau. Việc sử dụng LLVT ở mỗi bộ phận, mỗi khu vực, phải phù hợp, phát huy khả năng sở trường của từng thành phần lực lượng, bao gồm cả LLVT chuyên nghiệp và lực lượng dân quân phục vụ chiến đấu (nếu có). Hàng năm, tổ chức diễn tập theo các phương án đã xác định để luyện tập, rút kinh nghiệm trong công tác vận tải của sư đoàn. Mặt khác, vận tải sư đoàn cần từng bước kiện toàn tổ chức biên chế, huấn luyện vận tải (gồm cả lực lượng cơ giới và vận tải bộ) sát thực tiễn bảo đảm chiến đấu cho cán bộ, nhân viên, chiến sĩ trong cơ quan, phân đội vận tải không để bị động, bất ngờ khi chiến tranh xảy ra.

Hai là, kịp thời điều chỉnh lực lượng, thể bố trí vận tải sư đoàn bộ binh từ các hình thức chiến đấu khác sang đánh địch tạm dừng khi TCĐB bảo đảm tính linh hoạt, cơ động, triển khai nhanh. Tác chiến PTQK, thường tổ chức một số sư đoàn bộ binh

làm lực lượng cơ động chiến đấu, tham gia nhiều trận đánh với nhiều hình thức chiến thuật khác nhau. Khi sư đoàn nhận lệnh đánh địch tạm dừng thì vận tải sư đoàn vẫn đang triển khai bảo đảm cho sư đoàn thực hiện một nhiệm vụ hoặc hình thức chiến thuật nào đó. Vì vậy, vận tải sư đoàn phải nhanh chóng điều chỉnh về lực lượng, thế bố trí vận tải để bảo đảm cho sư đoàn đánh địch tạm dừng khi TCĐB đúng thời cơ, điều này có ý nghĩa rất quan trọng, quyết định đến kết quả chiến đấu của sư đoàn. Mặt khác, đánh địch tạm dừng khi tiến công đường bộ diễn ra ác liệt, khẩn trương, thời cơ đánh địch tạm dừng xuất hiện và qua đi rất nhanh; tình huống biến động khó lường, có tình huống trong dự kiến, có tình huống ngoài dự kiến; cùng lúc phải bảo đảm cho nhiều lực lượng chiến đấu trên các hướng mũi; khối lượng vận chuyển lớn (đặc biệt là đạn); trong khi khả năng vận tải sư đoàn có hạn. Vì vậy, tổ chức LLVT sư đoàn phải linh hoạt, cơ động và triển khai nhanh; tập trung vào điều chỉnh tổ chức lực lượng và bố trí lại LLVT sư đoàn đang từ thực hiện nhiệm vụ, hình thức chiến đấu khác sang đánh địch tạm dừng khi TCĐB. Thực tiễn, trong trận đánh ở Bầu Bàng ngày 12/11/1965, để kịp thời bổ sung đủ lượng vận chất cho các đơn vị của Sư đoàn 9 thay đổi phương án từ đánh địch ở cụm phía Tây Bắc áp Bầu Bàng sang đánh địch ở 2 cụm phía Tây Nam Bầu Bàng và rừng cao su sát Quốc lộ 13, LLVT của Sư đoàn đã có bổ sung, điều chỉnh về tổ chức, tăng cường về lực lượng (chủ yếu là dân công), điều chỉnh về thế bố trí để bảo đảm tiếp cận với các hướng chiến đấu, bảo đảm vận chuyển kịp thời vật chất và thương binh.

Việc điều chỉnh có thể một phần hoặc toàn bộ lực lượng và thế bố trí vận tải nếu không còn phù hợp với nhiệm vụ bảo đảm HCKT của sư đoàn và quyết tâm chiến đấu của sư đoàn trưởng. Để nhanh chóng điều

chỉnh lực lượng, thế bố trí LLVT sư đoàn đánh địch tạm dừng khi TCĐB bảo đảm linh hoạt, cơ động, triển khai nhanh, vận tải sư đoàn cần nắm vững nhiệm vụ bảo đảm HCKT, nhiệm vụ chiến đấu cấp trên giao, quyết tâm chiến đấu của sư đoàn trưởng; nắm chắc thực lực vận tải sư đoàn thời điểm nhận nhiệm vụ; tích cực làm tốt mọi công tác chuẩn bị vận tải trong đó có phương án tổ chức, sử dụng LLVT; nhanh chóng điều chỉnh thế bố trí vận tải, phân chia lại lực lượng cho phù hợp thực tế chiến đấu của sư đoàn, bảo đảm cho sư đoàn đánh địch đúng thời cơ.

Ba là, tổ chức LLVT dự bị mạnh, đủ sức cơ động triển khai bảo đảm cho các tình huống ngoài dự kiến. Tổ chức LLVT dự bị là nguyên tắc tổ chức LLVT chiến đấu. Đánh địch tạm dừng khi tiến công đường bộ do tính cơ động, biến động cao, có thể có nhiều tình huống chiến đấu phức tạp, ngoài dự kiến như: Đánh địch ứng cứu giải tỏa, đánh địch co cụm, đánh địch rút chạy... Để giải quyết các tình huống trên được kịp thời, đầy đủ, vận tải sư đoàn nhất thiết phải tổ chức LLVT dự bị có sức cơ động mạnh. Thực tiễn công tác vận tải Sư đoàn 9 tập kích cụm quân thuộc Lữ đoàn 3 và Tiểu đoàn 1/ Lữ đoàn 173 Mỹ tạm dừng tại khu vực Đồng Rùm đêm 20, rạng ngày 21/03/1967 trong chiến dịch bảo vệ căn cứ Dương Minh Châu năm 1967 cho thấy: Do fBB9 không tổ chức LLVT dự bị ở bộ phận hậu cần trên hướng chủ yếu, nên vận chuyển bảo đảm cho lực lượng dự bị binh chủng hợp thành bước vào chiến đấu chưa kịp thời, buộc sư đoàn phải tổ chức lui quân.

Để xác định thành phần LLVT dự bị cơ động của sư đoàn căn cứ vào nhiều yếu tố như: Yêu cầu nhiệm vụ vận chuyển; tình huống biến động của trận đánh; khả năng vận tải sư đoàn. Thông thường lực lượng này gồm khoảng 1bVTB và một số xe ô tô

xếp sẵn vật chất (chủ yếu là đạn và thuốc chiến thương) sẵn sàng cơ động khi có lệnh. Yêu cầu, nhiệm vụ bảo đảm cao, tình huống trong đánh địch tạm dừng khi TCĐB xuất hiện nhiều... nên tổ chức LLVT dự bị phải mạnh. Khi có tình huống cần sử dụng LLVT dự bị, sư đoàn phải tổ chức ra LLVT dự bị mới để sẵn sàng bảo đảm cho các tình huống tiếp theo.

Bốn là, kết hợp chặt chẽ giữa LLVT sư đoàn với LLVT khu vực phòng thủ địa phương trong đánh địch tạm dừng khi TCĐB. Đây là biện pháp nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp, phối hợp nhịp nhàng, hiệu quả giữa các LLVT để vận chuyển bảo đảm kịp thời cho sư đoàn đánh địch giành thắng lợi. Vì vậy, đòi hỏi LLVT sư đoàn phải kết hợp chặt chẽ với LLVT khu vực phòng thủ địa phương tại chỗ trong quá trình tác chiến. Trận đánh vận động tập kích của FBB9 trong chiến dịch Bầu Bàng - Dầu Tiếng năm 1965, Sư đoàn đã kết hợp chặt chẽ với nhân dân địa bàn chiến đấu các tỉnh Tây Ninh, Bình Long; huy động được 3 đại đội thanh niên xung phong (385 người) và 400 dân công hỏa tuyến cùng hàng chục phương tiện vận tải để tham gia nhiệm vụ vận chuyển phục vụ chiến đấu.

Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, sư đoàn bộ binh đánh địch tạm dừng khi TCĐB diễn ra trong điều kiện thế trận hậu cần - kỹ thuật các KVPT địa phương được chuẩn bị từ thời bình. Do vậy, LLVT sư đoàn có nhiều điều kiện thuận lợi để kết hợp chặt chẽ với các LLVT khu vực phòng thủ địa phương trên địa bàn tác chiến.

Kết hợp chặt chẽ giữa LLVT sư đoàn với LLVT khu vực phòng thủ địa phương phải được tiến hành ở tất cả các giai đoạn chiến đấu (chuẩn bị chiến đấu, thực hành chiến đấu và sau chiến đấu), thể hiện bằng việc khai thác, huy động lực lượng, phương

tiện vận tải tại chỗ, vận chuyển đầy đủ, kịp thời cho sư đoàn đánh địch tạm dừng thắng lợi. Để thực hiện nội dung trên, vận tải sư đoàn phải tính toán chặt chẽ, cân đối giữa khả năng với nhu cầu về LLVT trong từng giai đoạn chiến đấu; lập kế hoạch khai thác, huy động lực lượng, phương tiện cụ thể làm cơ sở để hiệp đồng với hậu cần khu vực phòng thủ, hậu cần tại chỗ. Mặt khác, sư đoàn cần tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nhân dân địa phương tham gia phục vụ chiến đấu, đóng góp sức người, sức của bảo đảm cho sư đoàn đánh địch tạm dừng khi TCĐB giành thắng lợi.

IV. KẾT LUẬN

Để hoàn thành nhiệm vụ vận chuyển bảo đảm cho sư đoàn đánh địch tạm dừng khi TCĐB trong tác chiến PTQK thắng lợi, phải giải quyết nhiều vấn đề. Trong đó, cần thực hiện đồng bộ các biện pháp về tổ chức, sử dụng LLVT ở trên. Tuy nhiên, nghệ thuật đánh địch tạm dừng nói chung và công tác vận tải sư đoàn bộ binh đánh địch tạm dừng khi TCĐB có sự phát triển. Do vậy, cần phải tiếp tục nghiên cứu và vận dụng linh hoạt, phù hợp với nhiệm vụ trong điều kiện cụ thể ở mỗi quân khu, nhằm đem lại hiệu quả cao trong vận chuyển bảo đảm chiến đấu♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tổng Tham mưu (2011), *Đặc điểm tác chiến tạm dừng trong tiến công của sư đoàn bộ binh, bộ binh cơ giới Mỹ*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Bộ Tổng Tham mưu (2018), *Tác chiến PTQK trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Học viện Hậu cần (2011), *Tổng kết công tác hậu cần chiến dịch phản công trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ 1945 - 1975*, Nxb QĐND, Hà Nội.

TỔ CHỨC CƠ ĐỘNG LỰC LƯỢNG HẬU CẦN - KỸ THUẬT TRUNG ĐOÀN BỘ BINH TRONG CHUYỂN TRẠNG THÁI SẴN SÀNG CHIẾN ĐẤU TỪ THƯỜNG XUYÊN LÊN CAO

Thượng tá, TS. HOÀNG KIM HIỆU
Khoa Chỉ huy Hậu cần, Học viện Hậu cần

ABSTRACT: *The deployment of logistic and technical forces of an infantry regiment during transitions of combat readiness to preserve the force and continue carrying out the prescribed combat readiness tasks. Based on both theoretical foundations and practical experience, in this article are proposed measures for the deployment of logistic and technical forces of an infantry regiment to evacuation areas on transitioning from regular to high-level combat readiness.*

I. TÓM TẮT

Tổ chức cơ động lực lượng hậu cần - kỹ thuật (HC-KT) trung đoàn bộ binh (eBB) trong chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu (SSCĐ) nhằm bảo toàn lực lượng và tiếp tục thực hiện các nội dung công việc SSCĐ theo quy định. Trên cơ sở lý luận và thực tiễn, bài viết đề xuất biện pháp tổ chức cơ động lực lượng HC-KT trung đoàn bộ binh ra khu sơ tán (KST) trong chuyển trạng thái SSCĐ từ thường xuyên lên cao.

II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (nếu xảy ra), địch sử dụng vũ khí công nghệ cao, tác chiến điện tử hiện đại; kết hợp với lực lượng phản động gây bạo loạn có vũ trang trên diện rộng, đòi hỏi phải tổ chức cơ động lực lượng HC-KT theo đúng phương án, kịp thời, hiệu quả. Thời gian qua, một số eBB đã coi trọng luyện tập, diễn tập chuyển trạng thái SSCĐ từ thường xuyên lên cao, tập trung vào tổ chức cơ động lực lượng HC-KT ra KST và đạt được một số kết quả tốt. Song, bên cạnh kết quả đạt được, việc tổ chức cơ động lực lượng HC-KT ở một số eBB còn tồn tại những bất cập, gặp khó khăn nhất định và chưa sát thực tiễn; vì vậy, cần nghiên cứu biện pháp thực hiện phù hợp.

III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Khi eBB chuyển trạng thái SSCĐ từ thường xuyên lên cao, HC-KT vừa phải cơ động lực lượng từ khu đóng quân thường xuyên ra KST, vừa phải thực hiện nhiệm vụ bảo đảm hậu cần, kỹ thuật (HC,KT) cho eBB chuyển trạng thái SSCĐ theo quy định. Trong cơ động, khối lượng vật chất, trang bị HC,KT phải vận chuyển rất lớn, bao gồm cả vật chất SSCĐ và vật chất thường xuyên. Trong khi đó, thời gian chuẩn bị cơ động, thời gian hoàn thành chuyển trạng thái SSCĐ ngắn; vận chuyển bằng ô tô phải thực hiện trong điều kiện địa hình phức tạp, tốc độ cơ động thấp... Do vậy, HC-KT trung đoàn thường phải tổ chức cơ động thành một số chuyến và sử dụng nhiều loại phương tiện vận tải. Bên cạnh đó, không gian chuyển trạng thái SSCĐ của các cơ quan, đơn vị eBB rộng, cơ động trên nhiều trục đường với các loại địa hình khác nhau; yêu cầu bí mật cao; trong điều kiện tình hình trật tự, an toàn, xã hội diễn biến phức tạp; các hoạt động chuẩn bị và thực hành cơ động lực lượng HC-KT ra KST có thể bị địch trinh sát, phát hiện, tập kích hỏa lực hoặc bị phản tử xấu phá hoại.

Qua nghiên cứu diễn tập của một số eBB, như: e98/fBB316/QK2, e2/fBB395/

QK3, e18/fBB325/QĐ12 cho thấy, HC-KT các eBB đã luôn tích cực, chủ động làm tốt công tác chuẩn bị, khẩn trương điều chỉnh kế hoạch bảo đảm HC,KT chuyển trạng thái SSCĐ theo đúng ý định của trung đoàn trưởng. Tổ chức giao nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng. Hiệp đồng bảo đảm giữa các cơ quan, phân đội sát tình huống. Vũ khí, trang bị, vật chất mang theo bảo đảm thống nhất. Quá trình cơ động đúng thứ tự, dẫn cách, cự ly đội hình, cơ động đến KST đúng thời gian quy định. Về tổ chức lực lượng, HC-KT các eBB thường tổ chức thành các lực lượng, gồm: Lực lượng HC-KT đi trước ra KST; lực lượng HC-KT ở lại trông coi doanh trại và lực lượng HC-KT cơ động cùng đội hình (gồm: lực lượng hành quân bộ, cơ động bằng ô tô và lực lượng thu dung, khóa đuôi kỹ thuật). Lực lượng HC-KT hành quân bộ gồm toàn bộ cơ quan, phân đội HC-KT, do chủ nhiệm HC-KT chỉ huy; thường đi sau khối trung đoàn bộ và trực thuộc. Lực lượng HC-KT cơ động bằng ô tô thường gồm một phần lực lượng vận tải bộ và tiểu đội kho, vật chất HC,KT; vật chất theo hiệp đồng của các cơ quan khác; do phó chủ nhiệm HC-KT chỉ huy. Lực lượng HC-KT thu dung, khóa đuôi kỹ thuật thường gồm tổ quân y, tiểu đội vận tải bộ, tổ sửa chữa cơ động (có thể có xe ô tô) đi sau đội hình của eBB để thu dung thương, bệnh binh (TBBB), vũ khí trang bị, khóa đuôi kỹ thuật.

Trong diễn tập, việc cơ động lực lượng HC-KT các eBB vẫn còn một số hạn chế, đó là: Chuẩn bị kế hoạch có đơn vị chưa cụ thể, đặc biệt là chuẩn bị đường cơ động vào KST. Nội dung thực hiện chưa toàn diện, chưa sát nội dung và thường tiến hành vào ban ngày, không tổ chức cơ động hết vật chất SSCĐ mà chỉ thống nhất mang theo lượng vật chất đủ bảo đảm cho nhiệm vụ. Chỉ huy thực hành vận chuyển và công tác bảo đảm, bảo vệ cho lực lượng, phương tiện HC,KT còn chưa thống nhất. Cơ động

ra KST theo phương án nên đường cơ động chủ yếu là đường giao thông liên thôn, liên xã (đường tốt); xử trí các tình huống giả định chưa nhiều.

Từ lý luận và thực tiễn, để cơ động lực lượng HC-KT ra KST khi eBB chuyển trạng thái SSCĐ từ thường xuyên lên cao đạt hiệu quả, cần thực hiện tốt một số biện pháp sau:

Một là, tích cực, chủ động chuẩn bị HC,KT chu đáo, toàn diện. Đây là biện pháp quan trọng hàng đầu, giúp chủ nhiệm HC-KT chủ động tổ chức, chỉ huy, điều hành lực lượng HC-KT trung đoàn ra KST đúng ý định, kịp thời, bảo đảm bí mật, an toàn. Chuẩn bị cơ động lực lượng HC-KT ra KST trong chuyển trạng thái SSCĐ gồm hai giai đoạn (chuẩn bị trước từ thời bình và chuẩn bị trực tiếp).

Trong giai đoạn chuẩn bị trước HC-KT trung đoàn phải xây dựng và hoàn chỉnh hệ thống văn kiện hậu cần - kỹ thuật SSCĐ, hàng năm điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp; chuẩn bị lực lượng, phương tiện, cơ sở vật chất; chuẩn bị KST, khu tập trung bí mật (TTBM), khu tập kết trong nhiệm vụ A2; tổ chức huấn luyện HC,KT theo kế hoạch chung của eBB và các phương án về HC,KT trong chuyển trạng thái SSCĐ... Giai đoạn chuẩn bị trực tiếp của eBB thường ngắn. Đây là khoảng thời gian mà HC-KT trung đoàn phải thực hiện đồng thời rất nhiều nội dung công việc của trạng thái SSCĐ cao, như: Nhận và ra lệnh chuyển trạng thái SSCĐ cao cho cơ quan, phân đội HC-KT thuộc quyền; nắm tình hình HC,KT lên sở chỉ huy eBB nhận nhiệm vụ; quán triệt nhiệm vụ, nghiên cứu, đánh giá tình hình; chuẩn bị nội dung và triệu tập trưởng ngành, chỉ huy các phân đội HC-KT để phổ biến nhiệm vụ, chỉ thị công tác; chỉ huy triển khai các nhiệm vụ bảo đảm HC,KT; điều chỉnh kế hoạch bảo đảm HC,KT chuyển trạng thái SSCĐ, để đạt bảo đảm HC,KT với chỉ huy... Đồng thời, HC-KT trung đoàn vừa phải thực hiện các nội dung công

việc ở trạng thái SSCĐ tăng cường (đã bỏ qua), như: Tăng cường các chế độ thường trực SSCĐ về HC,KT; phân loại, đóng gói tài liệu; tổ chức tiếp nhận vũ khí, đạn, trang bị cá nhân, cấp vũ khí cho từng các nhân trong cơ quan, phân đội HC-KT; phân loại và gửi TBBB... Qua luyện tập chuyển trạng thái SSCĐ từ thường xuyên lên cao của một số đơn vị cho thấy, việc chuẩn bị kế hoạch chưa sát thực tiễn, chưa xác định cụ thể khối lượng vật chất vận chuyển cho từng xe, không xác định xe dự phòng; việc lựa chọn chuẩn bị KST, đường vận tải, đơn vị mới lựa chọn khu vực bố trí chung, chưa tính cụ thể đến việc bố trí từng hầm, từng bộ phận... do vậy, kết quả chưa cao.

Để thực hiện biện pháp trên, HC-KT trung đoàn phải nắm chắc các nội dung công việc của từng trạng thái, tích cực, chủ động chuẩn bị đầy đủ các văn kiện hậu cần - kỹ thuật SSCĐ từ thời bình; tổ chức luyện tập, diễn tập và kịp thời điều chỉnh khi nhận lệnh chuyển trạng thái SSCĐ. Căn cứ vào chỉ lệnh bảo đảm HC,KT của sư đoàn, HC-KT trung đoàn tham mưu cho chỉ huy trung đoàn tổ chức dự trữ, phân cấp dự trữ vật chất hậu cần, vũ khí, đạn dược cho phù hợp; thường xuyên kiểm tra lượng vật chất SSCĐ, thực hiện luân phiên đổi hạt, đăng kí thống kê chặt chẽ. Trước khi cơ động, vật chất phải được bao gói, chằng buộc, đánh số, thống kê cẩn thận, sao cho tiện tháo lắp, bốc xếp, quản lý bảo quản trong suốt quá trình cơ động.

Hai là, nắm chắc ý định cơ động lực lượng của trung đoàn trưởng, điều chỉnh kế hoạch bảo đảm HC,KT sát đúng với tình hình thực tế khi chuyển trạng thái SSCĐ. Nhiệm vụ, ý định cơ động ra KST của trung đoàn là cơ sở để tổ chức cơ động và bảo đảm HC,KT. Nắm chắc nhiệm vụ của trung đoàn, bao gồm: Tình hình địch; tình hình ta; các tình huống có liên quan; nhiệm vụ cơ động của eBB; ý định và kế hoạch cơ động lực

lượng của trung đoàn trưởng; nhiệm vụ của HC,KT và một số qui định trong quá trình cơ động... Trên cơ sở kế hoạch bảo đảm HC,KT chuyển trạng thái SSCĐ đã được lập từ thời bình và tình hình thực tế tại thời điểm nhận lệnh chuyển trạng thái SSCĐ, chủ nhiệm HC-KT tiến hành điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp. Điều chỉnh phải tiến hành đồng bộ, thường tập trung vào điều chỉnh nội dung tổ chức sử dụng lực lượng; bảo đảm đạn, vật chất hậu cần, vật tư kỹ thuật, kế hoạch cấp phát trang bị kỹ thuật (chuyển nhóm vũ khí, đạn dược) và công tác vận tải. Khi điều chỉnh kế hoạch, HC-KT trung đoàn phải tính toán cụ thể, khối lượng vật chất, thời gian cơ động; tổ chức lực lượng, phương tiện cơ động, số chuyển xe vận tải ô tô; lực lượng xếp, dỡ lên xuống phương tiện ở nơi bố trí kho, trạm HC,KT tại KST...

Để thực hiện biện pháp trên, chủ nhiệm HC-KT trung đoàn phải nắm chắc nội dung, phương pháp lập, điều chỉnh kế hoạch; duy trì nghiêm chế độ bảo mật; nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, nhân viên HC-KT trong việc tham mưu, soạn thảo, quản lý, điều chỉnh kế hoạch. Từng bước ứng dụng công nghệ thông tin vào xây dựng, điều chỉnh, quản lý kế hoạch bảo đảm HC,KT chuyển trạng thái SSCĐ.

Ba là, tổ chức đội hình cơ động hợp lý, linh hoạt, nâng cao năng lực tổ chức thực hành cơ động. Tổ chức đội hình vận chuyển với quy mô thích hợp, giãn cách hợp lý sẽ đáp ứng được yêu cầu cơ động đúng tốc độ, đúng thời gian quy định, hạn chế khả năng trinh sát, phá hoại của các lực lượng phản động, bạo loạn, giảm tổn thất, nâng cao khả năng vận tải, hoàn thành nhiệm vụ vận chuyển. Ngược lại, tổ chức đội hình vận chuyển không hợp lý, như: Nếu tập trung quá lớn thì dễ lộ bí mật, ùn tắc, khi bị địch phá hoại gây tổn thất lớn; nếu phân tán nhỏ lẻ thì phải cơ động nhiều chuyển, khả năng vận chuyển thấp, thời gian vận

chuyển dài, ảnh hưởng đến chuẩn bị, bảo đảm ở KST.

Để thực hiện biện pháp trên, HC-KT trung đoàn phải xây dựng kế hoạch bảo đảm HC,KT chuyển trạng thái SSCĐ chính xác, cụ thể. Trước khi cơ động, tổ chức một bộ phận đi trước ra KST trinh sát thực địa, làm công tác chuẩn bị, hiệp đồng bảo đảm giao thông, lực lượng cơ động ra KST phải tổ chức thành đội hình cụ thể trên các trục đường; quy định ký tín hiệu và thực hiện một số mặt bảo đảm, bảo vệ. Đối với các đại đội vận tải và quân y thời bình trực thuộc trung đoàn, khi chuyển lên trạng thái SSCĐ lên cao, được chuyển thuộc về cơ quan HC-KT trung đoàn nên phải hiệp đồng chặt chẽ, hàng năm phải luyện tập, diễn tập và giao nhiệm vụ cụ thể cho từng phân đội theo phương án đã xác định. Đối với phân đội kho hậu cần, kho kỹ thuật sau khi cấp phát một phần vật chất HC, KT theo quy định (phù hợp với khả năng mang theo của bộ đội), vật chất còn lại vận chuyển bằng ô tô, các tiểu đội trưởng tiểu đội kho trực tiếp chỉ huy lực lượng từng kho kết hợp với lực lượng vận tải thực hiện xếp dỡ đạn dược, vật chất lên xuống xe ô tô nhanh gọn, an toàn. Các phương tiện vận chuyển vật chất HC,KT có thể tổ chức cơ động theo tốp nhỏ, cần chú ý bảo đảm chỉ dẫn để vào đúng vị trí. Đối với lực lượng quân y, phải tổ chức lực lượng thu dung TBBB cho các cơ quan, đơn vị.

Bốn là, thường xuyên nắm chắc tình hình cơ động, xử lý linh hoạt, kịp thời các tình huống xảy ra. Tổ chức cơ động diễn ra trong điều kiện lực lượng phản động luôn chống phá; sự tác động của địa hình; phương tiện cơ động, trang bị còn hạn chế; quá trình cơ động, HC-KT trung đoàn thực hiện nhiều nhiệm vụ đan xen, trong điều kiện rất khẩn trương, bí mật, có thể xảy ra nhiều tình huống, như tắc đường do sạt lở

đất, lũ lụt, hư hỏng phương tiện, tai nạn giao thông; cháy nổ xe hàng do sơ xuất hoặc bọn phản động gây ra; các phần tử phản động kích động nhân dân tập trung gây rối cản trở đường cơ động; địch đánh sập cầu cống, các khu vực bến phà; địch tập kích chất độc hóa học trên đường cơ động... Do vậy, chủ nhiệm HC-KT cần nắm chắc ý định của chỉ huy trung đoàn, hiệp đồng chặt chẽ với cơ quan tham mưu, trinh sát, công binh, phòng không của trung đoàn... kịp thời đôn đốc, giúp đỡ các đơn vị thực hiện nhiệm vụ và quyết đoán, linh hoạt trong xử lý các tình huống khi cơ động. Quá trình cơ động, chủ nhiệm HC-KT chỉ huy các lực lượng HC-KT qua tuyến xuất phát đúng thời gian qui định, thường xuyên giữ vững tốc độ, cự ly giữa các bộ phận, đơn vị...; theo dõi, nắm chắc tình hình để xử trí kịp thời, chính xác các tình huống xảy ra. Điều hành đội hình qua tuyến điều chỉnh vào KST đúng thời gian, vào đúng vị trí của từng cơ quan, phân đội.

IV. KẾT LUẬN

Để nâng cao hiệu quả cơ động lực lượng HCKT của eBB chuyển trạng thái SSCĐ từ thường xuyên lên cao, việc chuẩn bị mọi mặt và thực hành cơ động nhanh là cần thiết. Muốn vậy, phải tiến hành đồng bộ các biện pháp nêu trên. Tuy nhiên, điều kiện mới của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc đang có sự phát triển; vì vậy, cần tiếp tục nghiên cứu cho phù hợp với thực tiễn, đáp ứng yêu cầu cơ động HCKT khi eBB chuyển trạng thái SSCĐ từ thường xuyên lên cao♦

Tài liệu tham khảo

1. Cục Tác chiến (2017), *Hướng dẫn thực hiện Chỉ lệnh số 14/CL-BQP của Bộ Quốc phòng*, Hà Nội.
2. Học viện Hậu cần (2015), *Chỉ huy hậu cần eBB thực hiện các trạng thái SSCĐ, hành quân và chiến đấu*, Nxb QĐND, Hà Nội.

PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA CẤP ỦY ĐẢNG CÁC CẤP THỰC HIỆN HIỆU QUẢ CƠ CHẾ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH TẠI HỌC VIỆN HẬU CẦN

Thượng tá, ThS. PHẠM THỊ TUYẾT NHUNG

Khoa Tài chính, Học viện Hậu cần

Đại tá, TS. VŨ TRƯỜNG KHÁ

Phòng Khoa học quân sự, Học viện Hậu cần

Công tác tài chính (CTTC) trong quân đội được đặt dưới sự lãnh đạo của Quân ủy Trung ương (QUTW), sự chỉ huy, chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và cấp ủy đảng, người chỉ huy cùng cấp; qua đó, việc phát huy vai trò của cấp ủy đảng các cấp có tác động lớn đến thực hiện cơ chế quản lý tài chính (QLTC) trong quân đội.

Cơ chế QLTC là một hệ thống các nguyên tắc, chính sách, phương pháp, biện pháp tác động lên các hoạt động tài chính phát sinh và phát triển trong quá trình hoạt động ở các tổ chức, đơn vị... nhằm đảm bảo cho hoạt động tài chính diễn ra ở đó vận động và phát triển đạt được mục tiêu đã định. Trong quân đội, việc vận hành triển khai thực hiện cơ chế QLTC là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống tổ chức; trong đó, vai trò lãnh đạo, điều hành của cấp ủy Đảng các cấp quyết định rất lớn đến hiệu quả cơ chế QLTC.

Để hoàn thiện cơ chế QLTC quân đội, ngày 25/8/2018, QUTW ban hành Nghị quyết số 915-NQ/QUTW về “Đổi mới cơ chế QLTC quân đội giai đoạn 2018 - 2025 và những năm tiếp theo”. Ngày 26/8/2018, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Quyết định số 3500/QĐ-BQP phê duyệt Đề án “Đổi mới cơ chế QLTC quân đội theo Luật Ngân sách Nhà nước (NSNN) năm 2015, giai đoạn 2018 - 2025 và những năm tiếp theo”. Xác định đổi mới cơ chế QLTC trong quân đội là nhiệm vụ quan trọng, gần đây, QUTW tiếp tục lãnh đạo quyết liệt thực hiện các nội dung trong cơ chế QLTC mới, ban hành Quy chế số 616-QC/QUTW, ngày 29/9/2021 của về lãnh đạo của QUTW đối với CTTC trong

Quân đội Nhân dân Việt Nam; Nghị quyết số 1661- NQ/QUTW, ngày 20/12/2022 về lãnh đạo CTTC quân đội đến năm 2030 đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Học viện Hậu cần (HVHC) là đơn vị dự toán cấp 3 trực thuộc Bộ Quốc phòng. Giai đoạn 2019 - 2024, Học viện đã quán triệt, triển khai thực hiện có hiệu quả cơ chế QLTC mới trong đơn vị. Trên cơ sở Quy chế 616-QC/QUTW, Đảng ủy HVHC ban hành Quy chế Số 704-QC/ĐU, ngày 30/9/2022 về lãnh đạo của Đảng ủy Học viện đối với CTTC trong HVHC. Trên cơ sở đó, Đảng ủy Học viện đã làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của toàn bộ cán bộ, nhân viên ngành tài chính trong toàn Học viện về chế độ lãnh đạo, trách nhiệm, quyền hạn và những nội dung báo cáo về CTTC; triển khai cho các Đảng ủy cơ sở thực hiện xây dựng quy chế lãnh đạo CTTC ở cấp mình; triển khai các chi bộ cơ sở xây dựng quy chế lãnh đạo CTTC trong quy chế làm việc của chi bộ cấp mình. Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, có nội dung, có thời điểm, vai trò lãnh đạo của cấp ủy Đảng các cấp tại HVHC chưa phát huy hiệu quả dẫn đến việc triển khai thực hiện CTTC giữa các cơ quan, ngành nghiệp vụ chưa thống nhất,

gặp nhiều lúng túng trong việc vận hành theo cơ chế QLTC mới; việc kiểm tra, giám sát của cấp ủy ở một số cơ quan, đơn vị có thời điểm còn chưa thường xuyên; hình thức tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về CTTC chưa đa dạng...

Từ thực trạng trên, để phát huy vai trò của cấp ủy Đảng các cấp đối với CTTC tại HVHC, trong thời gian tới, cần thực hiện tốt một số biện pháp chủ yếu sau:

Một là, cấp ủy Đảng các cấp cần nhận thức sâu sắc hơn nữa vai trò, vị trí quan trọng của CTTC đối với việc thực hiện các nhiệm vụ của đơn vị. Cấp ủy Đảng các cấp tiếp tục quán triệt, thực hiện nghiêm các Nghị quyết, Chỉ thị của QUTW, Bộ Quốc phòng về CTTC, nhất là Nghị quyết số 1661-NQ/QUTW và Quy chế số 616-QC/QUTW của QUTW; Quy chế số 704-QC/ĐU của Đảng ủy HVHC; Chỉ thị số 95/CT-BQP, ngày 11/8/2023 của Bộ Quốc phòng về tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong chấp hành pháp luật về tài chính, ngân sách trong quân đội. Trên cơ sở đó, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy các cấp trong điều hành, quản lý, sử dụng tài chính, ngân sách; phát huy vai trò nòng cốt của Ban Tài chính Học viện trong tham mưu, bảo đảm, quản lý, kiểm tra; tuân thủ đúng pháp luật Nhà nước, phù hợp đặc thù quân sự, quốc phòng. Cùng với đó, Đảng ủy HVHC cần quan tâm kiện toàn, xây dựng Ban Tài chính vững mạnh toàn diện; đẩy mạnh phong trào thi đua “Xây dựng đơn vị QLTC tốt” gắn với phong trào Thi đua Quyết thắng và nhiệm vụ xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện “mẫu mực, tiêu biểu”.

Hai là, các cấp ủy đảng cần nâng cao năng lực lãnh đạo chuyên môn nghiệp vụ CTTC, quản lý ngân sách. Để đạt được yêu cầu này, Đảng ủy Học viện, cấp ủy, chỉ huy các cơ quan, đơn vị phải thường xuyên, tích cực, chủ động nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ và năng lực công tác; tập trung lãnh đạo quán triệt và chấp hành nghiêm chủ

trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy chế, quy định của QUTW, Bộ Quốc phòng về CTTC, quản lý ngân sách. Lãnh đạo quyết định những chủ trương, phương hướng, mục tiêu, biện pháp chủ yếu về CTTC, quản lý ngân sách theo đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và quy chế, quy định của QUTW, Bộ Quốc phòng. Lãnh đạo việc lập dự toán ngân sách, chấp hành và quyết toán ngân sách; quyết nghị chủ trương, phương hướng, biện pháp tiếp nhận, phân bổ, quản lý và sử dụng, mua sắm, sửa chữa tài sản, trang bị tại đơn vị hàng năm đúng mục đích, chế độ, tiêu chuẩn. Lãnh đạo việc kiểm tra, giám sát việc chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy chế, quy định của Trung ương, Bộ Quốc phòng về CTTC; giám sát việc thực hiện dự toán ngân sách và các hoạt động thu, chi tài chính, quản lý vốn và tài sản công tại các cơ quan, đơn vị, thực hiện chế độ dân chủ, công khai tài chính; thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

Ba là, chấp hành nghiêm chế độ lãnh đạo của cấp ủy Đảng các cấp đối với CTTC. Cấp ủy lãnh đạo CTTC thông qua thực hiện các chế độ báo cáo ra nghị quyết, chỉ thị, quyết định đã được quy định trong Quy chế lãnh đạo CTTC ở các đầu mối cơ quan, đơn vị. Cấp ủy ra nghị quyết, chỉ thị lãnh đạo CTTC để thực hiện các chủ trương, chính sách về tài chính gắn với nhiệm vụ chính trị trọng tâm của từng ngành, từng đơn vị; chấp hành nghị quyết, chỉ thị của cấp ủy Đảng ủy Học viện về CTTC trong năm ngân sách; nghị quyết lãnh đạo thường kỳ phải có nội dung lãnh đạo CTTC của đơn vị. Triển khai hiệu quả, thiết thực nội dung quy định về cấp ủy nghe người chỉ huy đơn vị (hoặc người phụ trách cơ quan tài chính nếu được người chỉ huy đơn vị giao) báo cáo chỉ thị của trên về lập

dự toán và quyết toán ngân sách năm, chủ trương, phương hướng nhiệm vụ tài chính năm ngân sách; từ đó, làm cơ sở thảo luận và thông qua định hướng về nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm của đơn vị, bố trí, kinh phí mua sắm, sửa chữa tài sản phù hợp, khoa học.

Bốn là, phát huy hơn nữa vai trò tham mưu của cơ quan tài chính, người phụ trách CTTC trong việc giúp cấp ủy đề ra các chủ trương, phương hướng lãnh đạo có hiệu quả trong lĩnh vực CTTC, quản lý ngân sách của cơ quan, đơn vị. Ban Tài chính Học viện thực hiện tốt chức năng tham mưu về CTTC; phát huy vai trò, vị trí của cơ quan chủ trì tổ chức hướng dẫn các cơ quan, ngành nghiệp vụ thực hiện tốt công tác kiểm tra quản lý ngân sách; thực hiện các nhiệm vụ: Lập, phân bổ, chấp hành và quyết toán ngân sách hằng năm; quản lý, sử dụng vốn và tài sản công; thực hiện đổi mới cơ chế, chính sách tài chính; thực hiện tốt quy chế tài chính, quy chế chi tiêu nội bộ trong Học viện. Thường xuyên quan tâm bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, nhân viên ngành tài chính nâng cao trình độ năng lực công tác chuyên môn, có đủ phẩm chất đạo đức, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, đấu tranh chống mọi biểu hiện cửa quyền, tham nhũng, lãng phí gây thất thoát vốn, tài sản công trong Quân đội.

Năm là, giải quyết tốt mối quan hệ giữa cấp ủy Đảng với chỉ huy đơn vị. Trong mối quan hệ với cấp ủy Đảng: Người chỉ huy phải phục tùng sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, theo chế độ quy định; khi có nhiệm vụ đột xuất, phát sinh phải báo cáo tình hình nhiệm vụ tài chính, ngân sách được cấp trên giao; đề xuất chủ trương lãnh đạo, biện pháp thực hiện để cấp ủy thảo luận, quyết nghị và có trách nhiệm chấp hành, tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quy chế của cấp ủy cấp trên và cấp mình về CTTC.

Trong mối quan hệ giữa bí thư cấp ủy, chính ủy với người chỉ huy (chủ tài khoản) cùng cấp là quan hệ phối hợp công tác. Bí thư cấp ủy, chính ủy và người chỉ huy cùng cấp phải kịp thời thông báo và trao đổi các nghị quyết, chỉ thị của cấp trên về CTTC; cùng lắng nghe người phụ trách cơ quan tài chính báo cáo tình hình, nhiệm vụ tài chính, ngân sách của đơn vị; thống nhất đánh giá tình hình, đề xuất chủ trương, biện pháp lãnh đạo, báo cáo cấp ủy quyết nghị.

Với định hướng xây dựng Quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, một số lực lượng tiến thẳng lên hiện đại, yêu cầu, nhiệm vụ giáo dục, đào tạo của HVHC ngày càng cao, khó khăn hơn; đặt ra cho CTTC tại Học viện ngày càng cao. Cơ chế QLTC tại Học viện hiện nay có được vận hành hiệu quả hay không phụ thuộc rất lớn vào vai trò lãnh đạo của cấp ủy Đảng các cấp đối với CTTC. Vì vậy, cần phải phát huy hơn nữa vai trò lãnh đạo của cấp ủy Đảng các cấp trong thực hiện cơ chế QLTC tại Học viện. Đảng ủy Học viện, cấp ủy các cơ quan, đơn vị cần nâng cao năng lực lãnh đạo mọi mặt, hoàn thiện chế độ quản lý, củng cố hệ thống tổ chức và xây dựng cơ chế lãnh đạo thích hợp, lãnh đạo CTTC đi đúng định hướng, góp phần vào kết quả hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ của Học viện trong thời gian tới♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Quốc phòng (2018), *Đề án đổi mới cơ chế QLTC Quân đội theo Luật NSNN năm 2015, giai đoạn 2018 - 2025 và những năm tiếp theo*, Hà Nội.
2. Quân ủy Trung ương (2022), *Nghị quyết số 1661-NQ/QUTW về lãnh đạo CTTC đến năm 2030*, Hà Nội.
3. Đảng ủy Học viện Hậu cần (2022), *Quy chế 704-QC/ĐU, về lãnh đạo của Đảng ủy Học viện đối với CTTC trong HVHC*, Hà Nội.

PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA GIẢNG VIÊN TRONG NÂNG CAO NĂNG LỰC TỰ HỌC CHO HỌC VIÊN ĐÀO TẠO SĨ QUAN CẤP PHÂN ĐỘI Ở CÁC HỌC VIỆN, NHÀ TRƯỜNG QUÂN ĐỘI

Thượng tá, TS. BÙI ĐỨC CƯỜNG

Khoa Khoa học Cơ bản, Học viện Hậu cần

Nâng cao năng lực tự học cho học viên là một trong những nhiệm vụ quan trọng của đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý học viên của các học viện, nhà trường quân đội; trong đó, giảng viên là nòng cốt. Do đó, giảng viên cần tích cực, sáng tạo trong định hướng, hướng dẫn học viên thực hiện các nội dung tự học, tự nghiên cứu; theo dõi, giúp đỡ, nhận xét, đánh giá hiệu quả tự học của học viên... Qua đó, giúp học viên có tinh thần “tự học tập suốt đời”.

HIỆN nay, các học viện, nhà trường trong quân đội luôn chú trọng công tác bồi dưỡng, chuẩn hóa đội ngũ giảng viên; đổi mới, áp dụng phương pháp dạy học hiện đại vào giảng dạy; đầu tư trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học; tạo mọi điều kiện học tập tốt nhất cho học viên. Nhờ vậy, nhiều giảng viên đã áp dụng hiệu quả phương pháp dạy học hiện đại, tạo động lực cho học viên đào tạo cử nhân cấp phân đội phát huy tốt tinh thần tự học, tự rèn và đạt thành tích cao trong học tập, ra trường hoàn thành tốt chức trách được giao. Tuy nhiên, vẫn còn một số giảng viên chưa thực sự đổi mới phương pháp giảng dạy, chưa có biện pháp “truyền lửa học tập” để giúp học viên có phương pháp học tập tốt. Vì thế, vẫn còn một số học viên chưa có tinh thần, ý thức tốt trong tự học tập; thậm chí còn có học viên thiếu động lực và chưa có tâm thế tốt trong những giờ tự học; chưa chủ động nghiên cứu, tìm tòi để củng cố kiến thức đã được giảng viên hướng dẫn. Nhiều học viên chưa biết sắp xếp thời gian tự học hợp lý hoặc chưa xây dựng được kế hoạch học tập cho bản thân; còn học theo kiểu “đối phó” để khi thi, kiểm tra. Một số chưa tích cực làm bài tập ở nhà cũng như nghiên cứu, chuẩn bị bài mới theo yêu cầu của giảng viên. Chưa

nhiều học viên tự giác nghiên cứu tài liệu tham khảo, tìm kiếm, tra cứu cập nhật thông tin để mở rộng kiến thức của bài học; từ đó, chưa hình thành tư duy độc lập trong học tập, nghiên cứu khoa học và công tác.

Nguyên nhân của thực trạng trên, trước hết là do vai trò của giảng viên trong đổi mới phương pháp dạy học. Mặc dù cấp ủy, chỉ huy (các cấp) trong các học viện, nhà trường quân đội đã chỉ đạo quyết liệt việc đổi mới phương pháp giảng dạy nhưng vẫn còn một số giảng viên giảng dạy chủ yếu theo phương pháp truyền thống: Thầy giảng, trò ghi chép; rất ít có sự phản hồi, tương tác, phản biện giữa thầy và trò. Một số giảng viên chưa thực sự chú trọng truyền cảm hứng, hướng dẫn phương pháp tự tìm tòi, tự học tập cho học viên. Do đó, học viên chưa thấy được tầm quan trọng của việc tự học và chưa có phương pháp tự học hiệu quả. Bên cạnh đó, việc hạn chế về quỹ thời gian cũng là một trong những nguyên nhân chi phối việc tự học của học viên. Do tính đặc thù nên ngoài thời gian chính khóa trên giảng đường, học viên trong các học viện, nhà trường quân đội còn phải thực hiện nhiều hoạt động bắt buộc khác. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến việc bố trí thời gian tự học của học viên. Ngoài ra, việc hạn chế

sử dụng các phương tiện điện tử (điện thoại thông minh, máy tính bảng, máy vi tính...) cũng có ảnh hưởng ít nhiều đến việc tự học của học viên.

Quán triệt quan điểm, chủ trương của Đảng về “Thúc đẩy xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời...” và những định hướng của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng về tiếp tục đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động của người học..., chú trọng bồi dưỡng phương pháp tư duy, năng lực tự học, tự nghiên cứu, đòi hỏi đội ngũ giảng viên trong các học viện, nhà trường quân đội cần phát huy hơn nữa vai trò định hướng, hướng dẫn, tư vấn, cung cấp, khuyến khích, động viên, truyền thụ cho học viên những phương pháp, cách thức tự học hiệu quả. Để làm được điều đó, cần thực hiện tốt các biện pháp sau:

Một là, nâng cao trình độ chuyên môn, phương pháp giảng dạy học tích cực cho đội ngũ giảng viên. Giảng viên có vai trò rất quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp tới việc hình thành và phát triển năng lực tự học của học viên. Giảng viên không chỉ mang đến cho học viên kiến thức mà còn cả động lực và phương pháp phù hợp để họ học hỏi và áp dụng trong quá trình nâng cao năng lực tự học của bản thân. Vì vậy, trước hết, giảng viên phải đạt chuẩn kiến thức chuyên môn đủ sâu, rộng; chủ động, áp dụng hiệu quả các phương pháp giảng dạy tích cực, phù hợp với đặc thù môn học và khai thác hiệu quả các phương tiện dạy học hiện đại. Thực tiễn giảng dạy trong môi trường quân đội cho thấy, để giờ giảng đạt hiệu quả và góp phần nâng cao năng lực tự học của học viên, người thầy phải sử dụng tổng hợp nhiều phương pháp như: Thuyết trình, nêu vấn đề, vấn đáp, gợi mở, tạo tình huống, thảo luận nhóm, lớp học đảo ngược,... Tuy nhiên, để phù hợp với đặc thù với môi trường sư phạm quân đội, giảng viên cần

vận dụng sáng tạo các phương pháp dạy học. Trong đó, phương pháp thuyết trình cần có sự đổi mới, cách tân theo hướng kích thích tính tích cực, sáng tạo của học viên. Nghĩa là, trong thuyết trình có nêu vấn đề, phát vấn, tạo tình huống... để người học suy nghĩ, tự lý giải, tự liên hệ, vận dụng vào thực tiễn, qua đó tạo hiệu ứng tốt cho năng lực tự học của học viên. Thông qua các hình thức dạy và học, giảng viên tích cực trao đổi, chất vấn, đối thoại với học viên, tạo sự đối thoại giữa học viên với học viên, từ đó buộc học viên phải tăng cường hoạt động tự học, tự nghiên cứu để phục vụ cho việc thảo luận, làm bài tập nhóm...

Bên cạnh đó, trong các đề thi, kiểm tra nên có 2 phần, gồm phần kiến thức môn học và phần liên hệ, vận dụng vào thực tiễn. Theo đó, khi đánh giá bài thi, bài kiểm tra, giảng viên không dừng lại ở việc xem xét mức độ thuộc bài của học viên, mà phải nhìn nhận và đánh giá sự hiểu biết bản chất vấn đề, năng lực tư duy và khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, nhất là những kiến thức mà học viên lĩnh hội được thông qua tự học, tự nghiên cứu.

Hai là, phát huy vai trò của giảng viên trong nâng cao ý thức tự học cho học viên. Giảng viên cần giúp học viên hiểu rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tự học ở bậc đại học. Đó là việc tự đặt mình vào tình huống học, vào vị trí nghiên cứu, xử lý các tình huống, giải quyết các vấn đề, thử nghiệm các giải pháp... Tự học thuộc quá trình cá nhân hóa việc học. Tự học cũng được hiểu là một hình thức tổ chức dạy học cơ bản ở bậc đại học, là một hình thức nhận thức của mỗi học viên, nhằm nắm vững hệ thống tri thức và kỹ năng do chính học viên tự tiến hành ở giảng đường, thư viện,... theo hoặc không theo chương trình và giáo trình, tài liệu đã quy định. Trong quá trình tự học, bước đầu học viên trong các học viện, nhà trường quân đội sẽ gặp không ít khó khăn

như việc sử dụng thời gian, tìm kiếm tài liệu, vướng mắc trong xử lý, thu thập thông tin,... Vì vậy, đội ngũ giảng viên cần theo dõi sát học viên để biến những khó khăn đó thành động lực thúc đẩy học viên chủ động xây dựng kế hoạch tự học hợp lý; từng bước tích lũy kinh nghiệm và hình thành phương pháp trong thu nạp kiến thức cốt lõi từ lượng lớn thông tin thu nhận. Đồng thời, giảng viên phải hướng dẫn, khuyến khích học viên tự nghiên cứu, tìm tòi, khám phá... và có trách nhiệm cao trong tự học, xem việc tự học là nhiệm vụ bắt buộc, liên tục, lâu dài.

Ba là, giảng viên cần hướng dẫn cho học viên cách lập kế hoạch học tập và bồi dưỡng cho học viên kỹ năng đọc giáo trình, tài liệu trong quá trình tự học. Căn cứ kế hoạch, chương trình huấn luyện và kế hoạch rèn luyện của đơn vị, giảng viên hướng dẫn học viên phương pháp, cách thức xây dựng kế hoạch học tập cho từng học phần, từng học kỳ, từng năm học, khóa học. Trên cơ sở đó, học viên sẽ xác định được những công việc chính, nhiệm vụ phải hoàn thành trước, nhiệm vụ có thể hoàn thành sau. Trong kế hoạch cần trình bày cụ thể các nhiệm vụ thực hiện theo thời gian một cách logic, khoa học, nhằm quản lý thời gian và tiến độ thực hiện công việc. Điều đó sẽ giúp học viên có một bản kế hoạch học tập đầy đủ, rõ ràng, khoa học, phù hợp với điều kiện ở đơn vị. Dựa vào kế hoạch đã lập, học viên phấn đấu thực hiện theo đúng tiến độ và kiểm tra kết quả, đánh giá mức độ hoàn thành theo kế hoạch, để kịp thời điều chỉnh, bổ sung cho học phần, học kỳ tiếp theo.

Bên cạnh đó, giảng viên cần bồi dưỡng cho học viên kỹ năng đọc giáo trình, tài liệu trong quá trình tự học. Chú trọng hướng dẫn học viên xác định mục đích, mục tiêu và nguyên tắc đọc. Sau bài giảng trên lớp, cần đọc lại các nội dung đã học và phải đọc bài học tiếp theo (đã được giảng viên hướng dẫn nghiên cứu). Đồng thời, giảng

viên cần hướng dẫn học viên kỹ năng nắm bắt ý chính khi nghe giảng và cách ghi chép nội dung trọng tâm, vấn đề khó. Đây là cơ sở để học viên tự học, tự ôn bài hiệu quả.

Bốn là, tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình tự học của học viên. Sử dụng công nghệ thông tin sẽ giúp người học chủ động trong nghiên cứu, tìm tòi tri thức để họ có thể “tiếp cận nguồn tài liệu khổng lồ trên mạng, thông qua thư viện điện tử,... quá đó giúp học viên biết cách tìm kiếm tài liệu nhanh chóng và chính xác”. Do vậy, giảng viên cần trang bị cho học viên một số kỹ năng như: Kỹ năng tìm kiếm thông tin trên mạng, kỹ năng trao đổi học thuật qua thư điện tử,.. tạo điều kiện cho học viên tự tra cứu tài liệu, chủ động cập nhật kiến thức và nâng cao kỹ năng xử lý thông tin. Bên cạnh đó, các cơ sở đào tạo trong quân đội có thể cho phép học viên sử dụng hòm thư điện tử dùng trong mạng quân sự, giúp giảng viên trao đổi, giao bài, đánh giá, hướng dẫn, đồng thời nắm bắt tình hình tự học của học viên; cũng như việc sử dụng thư điện tử giữa học viên với nhau để chia sẻ nguồn tư liệu và cùng nhau phấn đấu trong học tập.

Tự học, tự nghiên cứu là một hình thức tổ chức dạy học cơ bản ở bậc đại học. Đối với học viên trong các học viện, nhà trường quân đội, giảng viên có vai trò rất quan trọng trong việc định hướng, hướng dẫn, giúp đỡ học viên tự học. Do vậy, phát huy vai trò của giảng viên trong nâng cao năng lực tự học cho học viên là vấn đề quan trọng♦

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb CTQG - Sự thật, Hà Nội.
2. Bộ Quốc phòng (2023), *Quyết định phê duyệt Đề án xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục trong quân đội giai đoạn 2023 - 2030 và những năm tiếp theo*, Hà Nội.

NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT TÀI CHÍNH HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRONG QUÂN ĐỘI ĐÁP ỨNG YÊU CẦU HIỆN NAY

Trung tá, TS. ĐỒNG THỊ PHƯƠNG NGÀ

Khoa Tài chính, Học viện Hậu cần

Thực hiện thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo sự đột phá phát triển khoa học và công nghệ (KH&CN), đổi mới sáng tạo trong quân đội (QĐ), trong đó có cơ chế tài chính; công tác kiểm tra, giám sát (KTGS) tài chính hoạt động KH&CN cần được nghiên cứu, có giải pháp phù hợp nhằm phát huy hiệu quả, tiết kiệm khi sử dụng nguồn tài chính cho hoạt động KH&CN trong QĐ.

CÔNG tác KTGS tài chính hoạt KH&CN là chức năng quan trọng của quản lý tài chính (QLTC) nhằm giúp các tổ chức thực hiện đúng quy định của pháp luật, kịp thời phát hiện, xử lý sai sót trong quá trình sử dụng nguồn tài chính cho hoạt động KH&CN, đảm bảo cho các tổ chức hoạt động đúng định hướng, mục tiêu kế hoạch, tiết kiệm và hiệu quả.

Những năm qua, hoạt động KH&CN trong QĐ đã có bước phát triển, góp nâng cao chất lượng huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu. Toàn quân đã triển khai và hoàn thành nhiều chương trình, đề án trọng điểm quốc gia, có mức độ phức tạp cao; đã làm chủ một số lĩnh vực KH&CN quân sự hiện đại; chủ động thiết kế, chế tạo, cải tiến, nâng cấp hiện đại hóa nhiều vũ khí, trang bị kỹ thuật,... Đóng góp vào kết quả đó, các đơn vị QĐ đã triển khai thực hiện cơ bản tốt công tác QLTC và KTGS tài chính, góp phần quản lý sử dụng tài chính đúng mục đích. Hiện nay, KTGS sử dụng kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN được thực hiện thông qua thủ tục thanh, quyết toán đề tài, nhiệm vụ KH&CN được quy định tại Thông tư số 84/2017/TT-BQP. Hoạt động KTGS tài chính hoạt động KH&CN trong QĐ được Cục Tài chính, Cục Khoa học Quân sự duy trì thường xuyên. Hằng năm, mỗi đơn vị được KTGS tài chính

4 ÷ 5 lần, tập trung vào việc sử dụng các nguồn tài chính được cấp, phân bổ và thủ tục thanh quyết toán.

Đối với đề tài cấp quốc gia và đề tài cấp Bộ Quốc phòng, Cục Khoa học Quân sự chủ trì hoặc phối hợp với đơn vị quản lý hoặc chủ trì đề tài tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất về tiến độ, nội dung và tình hình sử dụng kinh phí theo hợp đồng ký kết. Đối với đề tài cấp cơ sở, thủ trưởng cơ quan, đơn vị căn cứ cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của đơn vị quy định chế độ báo cáo, KTGS tài chính hoạt động KH&CN trong đơn vị. Qua khảo sát cho thấy, các thủ tục thanh, quyết toán đề tài, nhiệm vụ KH&CN đã tuân theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật KH&CN và các thông tư hướng dẫn của Bộ KH&CN, Bộ Tài chính, Bộ Quốc phòng...

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, công tác KTGS tài chính hoạt động KH&CN trong QĐ thời gian qua còn một số tồn tại, hạn chế, như: KTGS tài chính chưa thoát ly chứng từ và dự toán chi tiết. Kiểm tra việc thanh toán, tạm ứng kinh phí, kiểm tra tính logic và phù hợp của các nội dung công việc được khoán chi chưa được coi trọng, dẫn đến chi hoạt động nghiên cứu có nội dung sai mục đích, lãng phí, hiệu quả chưa

cao... Những hạn chế trên xuất phát từ một số nguyên nhân, như: Cấp ủy, chỉ huy ở một số đơn vị còn xem nhẹ công tác KTGS tài chính thực hiện nhiệm vụ KH&CN. Công tác KTGS thanh toán, tạm ứng và quyết toán kinh phí chưa được chú trọng, quan tâm đúng mức. Một số nội dung thí nghiệm, thử nghiệm, chế tạo, sản xuất nghiên cứu, hoàn thiện quy trình nghiên cứu... chưa có định mức kinh tế - kỹ thuật. Bên cạnh đó, trước yêu cầu thực hiện Nghị quyết số 193/2025/QH15, trong đó quy định nhiệm vụ KH&CN được thực hiện theo phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng khi tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN có cam kết về sản phẩm của nhiệm vụ với chỉ tiêu chất lượng chủ yếu cần đạt. Do vậy, để phát huy hiệu quả công tác KTGS tài chính hoạt động KH&CN trong QĐ trước yêu cầu mới, cần tập trung thực hiện một số giải pháp sau:

Một là, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chỉ huy các cấp đối với công tác KTGS tài chính hoạt động KH&CN. Theo đó, các cơ quan, đơn vị trong toàn quân cần tiếp tục quán triệt sâu sắc các nghị quyết, chỉ thị của cấp trên về công tác KH&CN và môi trường, Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 3488-NQ/QUTW của Quân ủy Trung ương về đột phá phát triển KH&CN, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Trên cơ sở đó, chú trọng lãnh đạo, chỉ đạo công tác KTGS của cấp ủy, chỉ huy, cơ quan tài chính các cấp đối với nhiệm vụ quan trọng này. Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, các cơ quan, đơn vị cần đẩy mạnh đổi mới cơ chế quản lý, điều hành; phương thức tổ chức, KTGS tài chính hoạt động KH&CN phù hợp với đặc điểm, chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu mới theo phương châm “thiết thực, khả thi, chất lượng, kịp thời, hiệu quả”. Cơ quan khoa học quân sự các cấp, trước hết là Cục

Khoa học quân sự, chủ động bám sát thực tiễn, tiếp tục làm tốt chức năng tham mưu cho Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng và chỉ đạo, hướng dẫn toàn quân thực hiện tốt công tác KH&CN và môi trường; trong đó, có KTGS tài chính hoạt động KH&CN đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ cả trước mắt và lâu dài.

Hai là, nâng cao hiệu quả KTGS công tác khoán chi. Việc quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước (trừ kinh phí chi mua tài sản trang bị để triển khai nhiệm vụ KH&CN, thuê dịch vụ thuê ngoài, đoàn đi công tác nước ngoài) đã tăng tính chủ động cho chủ nhiệm đề tài trong sử dụng ngân sách nhà nước cho nhiệm vụ KH&CN. Trên cơ sở dự toán kinh phí xây dựng, cơ quan có thẩm quyền thẩm định và quyết định kinh phí cho nhiệm vụ xác định mức kinh phí khoán đối với các nội dung chi được khoán. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ được tự chủ, tự chịu trách nhiệm quyết định việc sử dụng kinh phí khoán; được điều chỉnh các nội dung chi; được quyết định việc sử dụng kinh phí từ công lao động để thuê chuyên gia trong và ngoài nước theo mức kinh phí thỏa thuận. Trước những quy định này tại Nghị quyết 193/2025/QH15, công tác KTGS tài chính cần tập trung vào: Kiểm tra, rà soát việc đáp ứng các điều kiện để được khoán chi theo quy định; nội dung, định mức được giao khoán. Kiểm tra các nội dung và phần công việc chính áp dụng khoán chi, sử dụng số kinh được giao khoán. Kiểm tra tính logic và phù hợp của quá trình triển khai những công việc trong thực tế với việc tạo ra sản phẩm cuối cùng. Từ đó, xây dựng đề cương, biểu mẫu trước khi tiến hành kiểm tra. Quá trình KTGS cần tôn trọng quyền sử dụng kinh phí được giao khoán của người nghiên cứu để thực hiện đúng, đủ các quyền hợp pháp. Mục đích của công việc này nhằm

phát hiện, xử lý, chấn chỉnh các vi phạm với lỗi cố ý; nhắc nhở, hướng dẫn khắc phục những thiếu sót, tồn tại với lỗi vô ý, giúp nhà khoa học, các tổ chức KH&CN sử dụng kinh phí đúng mục đích, hiệu quả, tiết kiệm.

Ba là, nâng cao hiệu quả KTGS công tác thanh toán, tạm ứng kinh phí. Theo quy định, tạm ứng kinh phí được thực hiện theo tiến độ hợp đồng nghiên cứu; thanh toán tạm ứng được căn cứ vào bảng kê khối lượng công việc đã thực hiện do tổ chức chủ trì lập, được đơn vị quản lý kinh phí xác nhận. Như vậy, các hóa đơn, chứng từ thực chi trong quá trình thực hiện chỉ được rà soát, kiểm tra trong kế hoạch kiểm tra định kỳ của cơ quan quản lý (nếu có). Vì vậy, công tác kiểm tra cũng nên tiếp cận theo hướng không đặt nặng vào vấn đề kiểm tra toàn bộ hồ sơ chứng từ chi tiết, mà nên tăng cường kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của hóa đơn, chứng từ đối với các nội dung chi lớn, có tính quyết định đến việc tạo ra sản phẩm cuối cùng nhằm đảm bảo tương ứng với khối lượng công việc hoàn thành. Kết quả kiểm tra, rà soát nội dung này là một kênh để đánh giá “tính thực” đối với thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

Bốn là, nâng cao hiệu quả KTGS công tác quyết toán kinh phí. Nhiệm vụ KH&CN được quyết toán sau khi hoàn thành và các bên tiến hành thanh lý hợp đồng. Đối với nhiệm vụ KH&CN thực hiện trong nhiều năm, tổ chức chủ trì có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo đơn vị quản lý kinh phí về số kinh phí thực nhận và thực chi trong năm để đơn vị quản lý kinh phí tổng hợp số kinh phí thực nhận, thực chi của nhiệm vụ vào quyết toán của đơn vị. Cuối năm, số dư dự toán, số dư tạm ứng trong thời gian thực hiện nhiệm vụ được chuyển nguồn sang năm sau. Trước đây, nhiệm vụ KH&CN được quyết toán theo niên độ ngân sách nên thường gặp phải một số khó khăn vướng mắc, nhất là việc cấp

chậm kinh phí. Để đảm bảo thực hiện đúng kinh phí của nhiệm vụ KH&CN, tạo điều kiện cho các nhà nghiên cứu, cần tập trung kiểm tra một số nội dung: Nội dung và phần công việc chính, có vai trò quyết định đến việc tạo ra sản phẩm cuối cùng. Kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ, hợp pháp của chứng từ thực chi cho các nội dung và phần công việc nêu trên. Đối với hồ sơ thanh quyết toán các nội dung chuyên môn (chuyên đề, báo cáo), nhất thiết phải có sản phẩm kèm theo. Nếu thiếu thì cần yêu cầu khắc phục, bổ sung ngay; trường hợp không bổ sung được phải kiên quyết xử lý.

Trước yêu cầu xây dựng QĐ trong giai đoạn mới, hoạt động KH&CN quân sự tiếp tục được quan tâm, nhằm tạo bước đột phá nâng cao sức mạnh chiến đấu, xây dựng QĐ tiến lên hiện đại. Do vậy, công tác KTGS tài chính hoạt động KH&CN trong QĐ cần được quan tâm hơn nữa để phát huy hiệu quả, tiết kiệm trong sử dụng kinh phí♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Quốc phòng (2017), *Thông tư số 84/2017/TT-BQP quy định quản lý đề tài KH&CN trong Bộ Quốc phòng*, Hà Nội.
2. Bộ Quốc phòng (2023), *Hướng dẫn số 2725/HD-BQP về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ KH&CN trong Bộ Quốc phòng*, Hà Nội.
3. Quân ủy Trung ương (2022), *Nghị quyết số 1652-NQ/QUTW về lãnh đạo công tác khoa học quân sự đến năm 2030 và những năm tiếp theo*, Hà Nội.
4. Quân ủy Trung ương (2025), *Nghị quyết số 3488-NQ/QUTW về đột phá phát triển KH&CN, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong QĐ*, Hà Nội.

BẢO VỆ HẬU CẦN - KỸ THUẬT SƯ ĐOÀN BỘ BINH PHÒNG NGỰ Ở ĐỊA HÌNH TRUNG DU TRONG ĐIỀU KIỆN CHIẾN TRANH CÔNG NGHỆ CAO

Trung tá, ThS. DƯƠNG VĂN CHÍNH
Khoa Chỉ huy Hậu cần, Học viện Hậu cần

ABSTRACT: *The protection of logistic and technical support for a defensive infantry division is an essential component of combat protection, aimed at ensuring the safety of logistic and technical forces, equipment, and supplies to support the successful combat operations. Based on theoretical research and practical experience, in this article are proposed several measures for protecting logistic and technical support for a defensive infantry regiment in the midland terrain under conditions of high-tech warfare.*

I. TÓM TẮT

Tổ chức bảo vệ hậu cần - kỹ thuật (HC-KT) sư đoàn bộ binh (fBB) phòng ngự là một nội dung tổ chức chiến đấu, nhằm bảo đảm an toàn cho lực lượng, phương tiện, vật chất HC-KT để bảo đảm cho fBB chiến đấu thắng lợi. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, bài viết đề xuất một số biện pháp bảo vệ HC-KT sư đoàn bộ binh phòng ngự ở địa hình trung du (ĐHTD), trong điều kiện chiến tranh công nghệ cao (CNC).

II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sư đoàn bộ binh phòng ngự nhằm tiêu hao, sát thương, tiêu diệt một bộ phận, ngăn chặn, đánh bại các cuộc tiến công của địch, giữ vững khu vực phòng ngự được giao. Trong chiến tranh giải phóng và bảo vệ biên giới, đã có nhiều fBB tổ chức phòng ngự thành công, lực lượng HC-KT được chú trọng bảo vệ, để lại nhiều kinh nghiệm quý. Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (nếu xảy ra) sẽ là cuộc chiến tranh hiện đại, địch sẽ sử dụng nhiều loại vũ khí CNC, phương tiện trinh sát hiện đại. Qua các cuộc chiến tranh, xung đột vũ trang gần đây, nhất là cuộc xung đột quân sự Nga - Ukraina, các loại phương tiện không người lái (UAV, USV, UGV...) được sử dụng phổ biến và giữ vai trò quan trọng, hiệu quả trong phát hiện, trinh sát, chỉ thị mục tiêu, nhất là mục tiêu có khả năng

bảo vệ yếu như lực lượng HC-KT. Vì vậy, nghiên cứu biện pháp tổ chức bảo vệ HC-KT sư đoàn bộ binh phòng ngự ở ĐHTD, trong điều kiện chiến tranh CNC là hết sức cần thiết.

III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Đối tượng chiến đấu của fBB phòng ngự ở ĐHTD là các lực lượng thuộc fBB (bộ binh cơ giới) địch tiến công vào trận địa phòng ngự của fBB. Quá trình chiến đấu, địch tổ chức hệ thống trinh sát nhiều tầng, nhiều lớp, có thể sử dụng vũ khí hóa học, sinh học. Trước khi tiến công, địch tiến hành trinh sát trên không, mặt đất, trinh sát kỹ thuật nhằm thu thập tin tức, quy luật hoạt động và bố trí HC-KT của ta; kết hợp với nghi binh, chỉ thị mục tiêu cho các lực lượng đánh phá vào lực lượng HC-KT của fBB. Khi tiến công, địch thực hành hỏa lực trực tiếp, tập trung vào các mục tiêu quan trọng, trong đó có lực lượng HC-KT của fBB. Quá trình xung phong, địch kết hợp tiến công chính diện với thọc sâu, vu hồi, đổ bộ đường không... hình thành thế bao vây, chia cắt, cô lập từng khu vực, làm cho hoạt động bảo đảm, bảo vệ HC-KT của fBB gặp khó khăn.

Sư đoàn bộ binh được tăng cường binh khí kỹ thuật, đảm nhiệm phòng ngự trên hướng (khu vực) phòng thủ chủ yếu

của quân khu. Quá trình phòng ngự, fBB có thể đảm nhiệm chính diện và chiều sâu lớn, trên các trục đường, có trục chính; nhằm: Sát thương lớn, tiêu diệt nhiều lực lượng địch (khoảng 1 ÷ 2 tiểu đoàn), đánh bại các đợt tiến công của địch, buộc chúng phải tạm dừng hoặc chuyển vào phòng ngự, tạo điều kiện cho cấp trên phản công, tiến công, giữ vững khu vực phòng ngự được giao. Để thực hiện nhiệm vụ đó, fBB sẽ tổ chức thành nhiều bộ phận lực lượng: Chiến đấu vòng ngoài, phòng ngự, cơ động tiến công, binh chủng, dự bị binh chủng, chuyên trách, sở chỉ huy, HC-KT. Các lực lượng của fBB được bố trí trên diện rộng nên phạm vi bảo đảm HC-KT tương đối lớn, gây khó khăn trong bảo vệ. Đặc điểm nổi bật của ĐHTD là nhiều đồi núi thấp, xen lẫn với đồng bằng; cho nên, công tác ngụy trang, nghi trang, che giấu lực lượng HC-KT của fBB cũng rất khó khăn. Vì vậy, để bảo vệ HC-KT sư đoàn đạt hiệu quả cao, cần thực hiện tốt một số biện pháp như sau:

Một là, tổ chức bố trí kho, trạm HC-KT liên hoàn, vững chắc, phân tán hợp lý, tiện cơ động và bảo đảm. Tổ chức bố trí kho, trạm HC-KT là một nội dung quan trọng trong tổ chức bố trí chiến đấu của người chỉ huy, có ảnh hưởng rất lớn đến kết quả trận đánh và có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong tổ chức bảo vệ HC-KT. Trong bố trí HC-KT, cần lựa chọn địa hình phù hợp để thuận lợi trong bảo vệ và bảo đảm. Cụ thể, khoảng cách giữa kho, trạm HC-KT phải phân tán hợp lý, có đủ hầm hào, công sự cho các thành phần lực lượng HC-KT các cấp. Phạm vi bố trí kho, trạm HC-KT sư đoàn phải đáp ứng được yêu cầu phân tán các hầm, hào, công sự HC-KT sao cho khi một quả bom nổ không đồng thời tiêu diệt được 2 hầm HC-KT. Để ước tính được phạm vi bố trí HC-KT sư đoàn, cần phải tính được khoảng cách bảo đảm an toàn giữa 2 hầm HC-KT, diện tích triển khai, diện tích sử dụng và tỷ lệ giữa diện tích sử dụng với diện tích triển

khai. Dựa vào tỷ lệ đã có để vận dụng tính phạm vi triển khai của sư đoàn hoặc phạm vi triển khai của các bộ phận HC-KT trong từng phương án cụ thể. Do vũ khí CNC rất chính xác nên khoảng cách giữa các hầm từ 200 - 300 m là an toàn; nếu địch sử dụng vũ khí thông thường thì khoảng cách giữa các hầm khoảng 1 km.

Hai là, kết hợp với HC-KT khu vực phòng thủ (KVPT) và các lực lượng khác của fBB để tổ chức bảo vệ HC-KT. Sư đoàn phải tổ chức bảo vệ HC-KT trong điều kiện lực lượng có hạn, khả năng chiến đấu của HC-KT sư đoàn hạn chế, phải thực hiện nhiều nhiệm vụ, phân tán trên phạm vi rộng. Tuy nhiên, sư đoàn chiến đấu trong thế trận chiến tranh nhân dân được chuẩn bị trước một bước từ thời bình, trong thế chiến đấu của các lực lượng vũ trang trong KVPT. Đây là điều kiện rất thuận lợi để HC-KT sư đoàn có thể kết hợp với hậu cần - kỹ thuật KVPT trong bảo vệ. Khi có được hỗ trợ, chi viện từ KVPT, hậu cần - kỹ thuật fBB sẽ có đủ lực lượng, phương tiện để bố trí, bảo đảm liên hoàn, vững chắc, phân tán hợp lý để có thể hoàn thành nhiệm vụ được giao. Việc tuần tra, canh gác, cảnh giới chặt chẽ nhằm phát hiện sớm, phát hiện kịp thời âm mưu, thủ đoạn của địch tiến công vào HC-KT sư đoàn, tránh bất ngờ và hạn chế được những thiệt hại về lực lượng, phương tiện và vật chất HCKT. Điều này đòi hỏi người chỉ huy và các lực lượng trong cơ quan HCKT phải quan tâm và tổ chức thực hiện tốt.

Ba là, ứng dụng tác chiến điện tử (TCĐT) trong bảo vệ HC-KT. Chiến tranh CNC, địch sẽ triệt để sử dụng TCĐT và vũ khí CNC để chế áp ta ngay từ đầu và trong suốt quá trình chiến đấu. Chúng sẽ sử dụng các phương tiện trinh sát điện tử hiện đại như: Các vệ tinh trinh sát hồng ngoại, trinh sát ra đa, trinh sát vô tuyến điện; các máy bay trinh sát tầm cao, tầm trung, máy bay báo động sớm...; để tiến hành trinh sát nhiều tầng nhiều lớp ở tất cả các cấp của ta,

nhằm trinh sát và chỉ thị mục tiêu.... Các loại vũ khí tiến công có điều khiển nhằm phá hủy các mục tiêu trọng yếu như HC-KT sư đoàn. Địch sẽ kết hợp gây nhiễu, chế áp làm tê liệt các trung tâm chỉ huy, hệ thống ra đa, thông tin, gây rối loạn chỉ huy, hiệp đồng và cô lập các lực lượng ta, đặc biệt là lực lượng HC-KT. Vì vậy, để bảo vệ HC-KT trong điều kiện đó, fBB cần làm suy yếu khả năng TCĐT của địch. Để làm được điều đó, trước hết, cần tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu, cải tiến nâng cao tính năng kỹ, chiến thuật của các loại phương tiện, trang bị HC-KT hiện có, nhất là số phương tiện, trang bị do Liên Xô (trước đây) viện trợ cho phù hợp với phương thức tác chiến và cơ động hiện nay của quân đội ta, để trang bị cho các lực lượng HC-KT của fBB. Tổ chức nghiên cứu, tìm hiểu kỹ các tính năng về vũ khí, trang bị TCĐT mới của các nước, nhất là của đối tượng tác chiến, nhằm tìm ra điểm mạnh, yếu của chúng; từ đó đề ra các biện pháp phòng, chống hữu hiệu. Cần tập trung nghiên cứu, phát triển các công nghệ và nghệ thuật ngụy trang, làm các mục tiêu điện tử giả, ngụy trang địa hình dựa trên nguyên lý chống ra-đa, hồng ngoại và laze hoặc kỹ thuật dùng môi bão nhiệt... Mặt khác, cần đầu tư, mua sắm có chọn lọc các phương tiện, trang bị HC-KT hiện đại, công nghệ bản quyền chế tạo; tiến hành nghiên cứu, cải tiến, lựa chọn dây chuyền công nghệ để sản xuất, trang bị cho các lực lượng TCĐT của các fBB. Trên cơ sở đó, tổ chức huấn luyện, trang bị cho lực lượng HC-KT của fBB về TCĐT. Công tác huấn luyện vừa phải bảo đảm phổ cập kiến thức vừa phải đào tạo kiến thức chuyên sâu về TCĐT cho đội ngũ cán bộ, nhân viên HC-KT của fBB. Để phổ cập kiến thức, HC-KT sư đoàn cần tích cực nghiên cứu các tài liệu, thông tin về TCĐT, bảo đảm yêu cầu thiết thực, cụ thể, từng bước tiến tới chuẩn hoá, phù hợp với trình độ của từng đối tượng. Huấn luyện cho lực lượng HC-KT của fBB nắm vững tính năng, tác

dụng của từng loại vũ khí, trang bị CNC, trong đó có TCĐT, giúp họ hiểu rõ âm mưu, thủ đoạn, tính chất, phương thức hoạt động và quy luật sử dụng lực lượng, vũ khí, phương tiện TCĐT của địch.

Bốn là, tổ chức ngụy trang, nghi trang để bảo vệ HC-KT. Ngụy trang là tổng thể các biện pháp về tổ chức và kỹ thuật nhằm che giấu lực lượng HC-KT để tránh địch phát hiện hoặc đánh lừa chúng, giảm bớt thiệt hại và tạo bất ngờ trong tác chiến. Sư đoàn bộ binh phòng ngự trong điều kiện địch sử dụng các loại vũ khí CNC, khả năng sát thương lớn; nếu không tổ chức ngụy trang, nghi trang tốt thì lực lượng HC-KT của fBB sẽ bị địch đánh phá, gây tổn thất lớn. Thực tiễn, trong chiến đấu phòng ngự Nam - Bắc sông Thạch Hãn (năm 1972) của các fBB312, 325, lực lượng HC-KT đã dựa vào rừng núi Miền Trung thuộc khu vực phía Tây tỉnh Quảng Trị để che giấu con người, phương tiện, vật chất.

Trong chiến tranh CNC, công tác ngụy trang, nghi trang lực lượng HC-KT sư đoàn phải bảo đảm nguyên tắc tích cực, tự nhiên, liên tục và phù hợp với quyết tâm chiến đấu của người chỉ huy. Ngụy trang phải tích cực nghĩa là không chỉ che giấu bảo vệ vật thể (che giấu thụ động) mà còn làm giả đánh lừa (che giấu chủ động). Ngụy trang phải tự nhiên, nghĩa là, mục tiêu được ngụy trang phải phù hợp với cảnh vật ở xung quanh, thích hợp với bối cảnh trên thực địa, được biểu hiện thành nhiều kiểu, đa dạng, khác nhau. Ngụy trang phải liên tục, nghĩa là, phải ngụy trang từ khi hình thành các bộ phận, lực lượng HC-KT đến khi hết nhiệm vụ bảo đảm. Ngụy trang phải phù hợp với quyết tâm chiến đấu của người chỉ huy, nghĩa là, phải theo kế hoạch ngụy trang, nghi trang, kế hoạch bảo vệ của fBB.

Để thực hiện tốt công tác ngụy trang, nghi trang nghi binh lực lượng HC-KT của fBB, cần thực hiện tốt các vấn đề sau:

Thứ nhất, tích cực nguy trang các thành phần lực lượng trong bộ phận HC-KT sư đoàn và các đơn vị. Nguy trang, nghi trang trong tác chiến luôn là vấn đề lớn được cả ta và địch quan tâm. Tác chiến tương lai, “chiến trường trở lên trong suốt” việc nguy trang hết sức quan trọng, phải nghiên cứu phát triển các biện pháp chống được trinh sát ra đa, hồng ngoại, quang học, âm thanh, trinh sát mặt đất và trên không có hiệu quả. Khu vực bố trí HCKT các cấp là mục tiêu tấp, diện rộng nên phải triệt để tận dụng lợi thế của địa hình, màn nguy trang thiên nhiên và kết hợp chặt chẽ giữa nguy trang và nghi trang, giữa kỹ thuật thô sơ và hiện đại, giữa kỹ thuật và chiến thuật, tại chỗ và cơ động.

Thứ hai, nguy trang cần kết hợp khéo léo với nghi trang (làm giả, mô phỏng giả) nhằm đánh lừa địch. Thực tiễn cho thấy, nếu chỉ nguy trang thì làm giảm bộc lộ mục tiêu khoảng 30%, nhưng nguy trang kết hợp nghi trang sẽ làm cho địch không phân biệt được thật, giả dẫn đến nhầm lẫn, sai lệch trong nhận định và phân tán hỏa lực, bom đạn vào cái giả, làm cho khả năng bảo toàn lực lượng HC-KT được nâng cao. Các phương tiện HCKT dùng nghi trang có thể là: Phương tiện, xe hồng; tạo giả mô hình kho, bệnh viện bằng cao su, tôn lắp ghép để dễ sản xuất và vận chuyển. Khoảng cách tối thiểu giữa mục tiêu thật và mục tiêu giả phải lớn hơn bán kính phá hoại của vũ khí tính toán cộng với 1 ÷ 2 lần độ lệch xác suất của vũ khí đó. Trong xung đột quân sự giữa Nga - Ukraine, Quân đội Nga đã nghi trang lực lượng xe quân sự dài 64 km khiến cho Quân đội Ukraine như “bị mù”.

Thứ ba, sử dụng các biện pháp nguy trang truyền thống (dùng cành cây, vàng cỏ...); song, cần phải bảo đảm tự nhiên, tạo thành các tấm đệm có đủ độ dày cần thiết chống được trinh sát ra đa, hồng ngoại của địch theo các nguyên lý khác nhau. Ngoài ra, diềm của các tấm đệm không được làm

vuông vắn để giảm bộc lộ dấu hiệu hình học trước trinh sát quang học. Với sự phát triển của đất nước, trong tác chiến tương lai, nhiều phương tiện nguy trang hiện đại như: Tấm phủ đa năng chống trinh sát quang học, ra đa, hồng ngoại để nguy trang các phương tiện HC-KT; các góc phản xạ, lưới kim loại để gây nhiễu chống trinh sát ra đa... sẽ được sử dụng rộng rãi. Để chống trinh sát tín hiệu, cần theo dõi phát hiện khu vực địch thả máy thu tín hiệu, tổ chức tìm kiếm, phá hủy; giảm nhỏ tiếng động khi xây dựng hầm hào, công sự, các hoạt động HC,KT; tổ chức nghi binh bằng các biện pháp đơn giản như tạo âm thanh giả, chấn động giả tạo nên từ cuộc xềng, đào đất trên trận địa giả; tạo tiếng xe, tiếng bước chân trên đường không có xe, không có người đi qua... đặt hồ tiêu âm cho công sự máy nổ.

IV. KẾT LUẬN

Bảo vệ HC-KT sư đoàn bộ binh phòng ngự ở ĐHTD trong điều kiện chiến tranh CNC có vai trò hết sức quan trọng. Do khoa học kỹ thuật quân sự luôn phát triển, tạo ra khả năng trinh sát, phát hiện và đánh phá của địch sẽ được nâng lên; cho nên, những biện pháp bài báo nêu chỉ là bước đầu, cần tiếp tục được nghiên cứu cho phù hợp với điều kiện mới của chiến tranh♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tổng Tham mưu (2019), *Sư đoàn bộ binh phòng ngự*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Bộ Tổng Tham mưu (2019), *Bảo đảm hậu cần fBB phòng ngự*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Học viện Kỹ thuật quân sự (2020), *Bảo đảm kỹ thuật tác chiến*, Nxb QĐND, Hà Nội.
4. Dương Văn Chính (2025), *Tổ chức bảo vệ hậu cần - kỹ thuật fBB phòng ngự trong điều kiện chiến tranh CNC*, Đề tài khoa học cấp cơ sở, Học viện Hậu cần, Hà Nội.

NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ TRONG QUẢN LÝ NGÂN SÁCH TẠI CÁC ĐƠN VỊ DỰ TOÁN QUÂN ĐỘI

Thiếu tá, ThS. BÙI ANH DUY
Khoa Tài chính, Học viện Hậu cần

Hệ thống kiểm soát nội bộ giúp các đơn vị phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro trong quản lý, sử dụng ngân sách, đảm bảo cho các đơn vị hoàn thành nhiệm vụ. Bài viết, trên cơ sở nghiên cứu lý luận, phân tích thực trạng, đề xuất một số biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động hệ thống kiểm soát nội bộ trong quản lý ngân sách tại các đơn vị dự toán quân đội là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên và cấp thiết trong giai đoạn hiện nay.

Hệ thống kiểm soát nội bộ (KSNB) tại các đơn vị dự toán quân đội là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy định, quy trình nội bộ phù hợp với pháp luật Nhà nước, quy định của Quân đội, nhằm đảm bảo rằng quá trình hoạt động đạt được mục tiêu, hiệu quả; ngăn chặn, phát hiện kịp thời các hành vi sai phạm; giảm thiểu rủi ro pháp lý có thể xảy ra. Hệ thống này được cấu thành bởi các yếu tố: Môi trường kiểm soát nội bộ, đánh giá rủi ro, hoạt động kiểm soát, thông tin và truyền thông, giám sát. Trong những năm vừa qua, quán triệt và thực hiện các quy định của Nhà nước, Quân đội về hoạt động quản lý, điều hành ngân sách, các đơn vị dự toán quân đội đã thiết lập và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ bảo đảm quản lý ngân sách, sử dụng tài sản tại đơn vị đúng nguyên tắc, có hiệu quả, cụ thể: Tổ chức mô hình thống nhất với chức năng, nhiệm vụ các phòng, ban rõ ràng, biểu biên chế quy định chặt chẽ từng chức danh, yêu cầu về trình độ, khả năng lãnh đạo, phẩm chất đạo đức; việc lựa chọn, sắp xếp cán bộ, phân công công tác, xây dựng môi trường kiểm soát nội bộ đúng nguyên tắc, hiệu quả; thực hiện phân cấp phân quyền, vừa đảm bảo cho các cơ quan, đơn vị giữ được sự độc lập trong việc giám sát và duy trì hoạt động kiểm soát

nội bộ, vừa đảm bảo tính thống nhất trong chỉ huy, điều hành, đảm bảo thực hiện nhiệm vụ chung của toàn đơn vị. Vì vậy, hoạt động của hệ thống KSNB trong các đơn vị dự toán quân đội đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ góp phần quản lý ngân sách chặt chẽ, hiệu quả, sử dụng tài sản an toàn, tiết kiệm, công khai, minh bạch, đúng pháp luật.

Tuy nhiên bên cạnh những ưu điểm, hiện nay hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong quản lý ngân sách tại các đơn vị dự toán quân đội vẫn còn một số hạn chế: Vai trò lãnh đạo của cấp ủy tại một số đơn vị đối với việc xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ và công tác quản lý ngân sách còn mang tính hình thức, có lúc còn nặng về nhiệm vụ quân sự mà coi nhẹ các nguyên tắc, quy trình kiểm soát, quản lý ngân sách; hệ thống kiểm soát nội bộ tại một số đơn vị còn thiếu sự phối hợp đồng bộ giữa các cơ quan, bộ phận; một số đơn vị chưa phát huy hết vai trò của hệ thống thông tin kế toán trong kiểm soát, quản lý ngân sách, số liệu kế toán còn mang nặng tính chất thống kê, việc phân tích số liệu kế toán để phục vụ công tác quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả sử dụng ngân sách chưa được coi trọng; hoạt động tự kiểm tra, giám sát, thanh tra về tài chính và sử dụng ngân sách

trong nội bộ các đơn vị không mang tính hệ thống, chuyên sâu, phương thức kiểm tra chưa thực sự hiệu quả, việc đối chiếu số liệu giữa hồ sơ chứng từ và thực tế còn nhiều hạn chế; đội ngũ cán bộ, nhân viên quản lý đặc biệt là cán bộ, nhân viên làm công tác tài chính ở đơn vị cơ sở trình độ chuyên môn không đồng đều. Số cán bộ tài chính được đào tạo cơ bản còn thiếu, phần lớn nhân viên tài chính ở đơn vị cơ sở học tại các trường ngoài quân đội, một số thiếu kiến thức cơ bản về quản lý tài chính, khả năng thích nghi với công việc mới còn chậm, thiếu chủ động, còn phụ thuộc nhiều vào người chỉ huy.

Để hoạt động của hệ thống KSNB trong quản lý ngân sách tại các đơn vị dự toán quân đội thực hiện có hiệu quả, cần thực hiện đồng bộ một số biện pháp sau:

Một là, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chỉ huy các cấp xây dựng “môi trường kiểm soát” hiệu quả trong hoạt động quản lý ngân sách tại đơn vị. Đây là biện pháp có tầm quan trọng hàng đầu. Bởi vì “môi trường kiểm soát” là yếu tố nền tảng trong hệ thống kiểm soát nội bộ của mỗi đơn vị. Trong các đơn vị dự toán quân đội, sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chỉ huy các cấp có tác động trực tiếp đến nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong đơn vị, từ đó hình thành một hệ thống kiểm soát chặt chẽ và hiệu quả. Trước hết, cấp ủy, chỉ huy các cấp cần thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo làm tốt công tác quán triệt, phổ biến, giáo dục, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, kỷ luật, kỷ cương tài chính, ý thức “thượng tôn pháp luật” cho cán bộ, nhân viên trong toàn đơn vị. Đồng thời, đơn vị cần rà soát, hoàn thiện quy chế lãnh đạo của cơ quan, đơn vị mình, đảm bảo mọi hoạt động tài chính, quản lý ngân sách phải được đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng trên cơ sở Quy chế số 616-QC/QUTW, ngày 29/9/2021 của

Quân ủy Trung ương về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của cấp ủy, chỉ huy các cấp về công tác tài chính trong Quân đội. Nêu cao tinh thần gương mẫu của người đứng đầu cấp ủy, chỉ huy đơn vị, xây dựng “môi trường kiểm soát” nội bộ chặt chẽ, hiệu quả, thúc đẩy sự tự giác, thống nhất cao về nhận thức và hành động trong cán bộ, nhân viên toàn đơn vị, tạo bước chuyển biến tích cực, căn bản về hiệu quả của hệ thống KSNB trong hoạt động quản lý ngân sách. Bên cạnh đó, cấp ủy các đơn vị cần cụ thể hóa nhiệm vụ lãnh đạo của cấp mình, thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung quy chế làm việc đúng quy định, đảm bảo đồng bộ, thống nhất, chặt chẽ, đúng thẩm quyền; trong lãnh đạo, chỉ đạo quản lý ngân sách cần bám sát quy chế làm việc, tuân thủ nguyên tắc “cấp ủy lãnh đạo, người chỉ huy điều hành, cơ quan tài chính làm tham mưu, giúp việc và tổ chức thực hiện”, kịp thời phát hiện những hạn chế, khuyết điểm, vi phạm để uốn nắn, khắc phục, xử lý kỷ luật theo quy định.

Hai là, hoàn thiện các quy trình kiểm soát đảm bảo phù hợp với đặc điểm đơn vị. Đây là một trong những biện pháp trọng tâm nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong công tác quản lý ngân sách tại các đơn vị dự toán quân đội. Quy trình kiểm soát, quản lý ngân sách trong nội bộ đơn vị là nền tảng để đảm bảo tính minh bạch, chặt chẽ và hiệu quả trong sử dụng nguồn lực tài chính của đơn vị, tăng cường trách nhiệm giải trình, hạn chế thất thoát, lãng phí ngân sách.

Để làm tốt biện pháp này cần tập trung vào những nội dung chính sau: (1) Chỉ huy đơn vị cần thiết lập quy trình báo cáo, phân định trách nhiệm và quyền hạn cụ thể, xác định rõ mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan đơn vị trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nhằm đạt được mục tiêu kiểm soát,

quản lý ngân sách của đơn vị; (2) Trong quản lý ngân sách cần chú ý tách biệt rõ ràng trách nhiệm của các cơ quan, bộ phận giữ bốn chức năng: Xét duyệt - thực hiện (chi tiêu, sử dụng ngân sách) - bảo quản tài sản - kế toán (ghi nhận), nhằm ngăn ngừa các trường hợp sai phạm, lạm dụng quyền hạn gây thất thoát ngân sách, đồng thời cho phép kiểm tra giữa các bộ phận trong việc thực hiện nhiệm vụ, sử dụng ngân sách. (3) Cơ quan tài chính các đơn vị cần chủ động tham mưu, điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện quy trình kiểm soát, quản lý ngân sách cho phù hợp với đặc điểm, nhiệm vụ của đơn vị mình. Đồng thời cụ thể hóa các chính sách, thủ tục quản lý ngân sách bằng những văn bản, quy chế tài chính cụ thể làm cơ sở để lập kế hoạch, điều hành và giám sát các hoạt động kiểm soát đối với hoạt động quản lý ngân sách của đơn vị.

Ba là, phát huy vai trò của kế toán trong việc kiểm soát chi tiêu ngân sách. Kế toán đóng vai trò quan trọng trong hệ thống kiểm soát nội bộ của mỗi đơn vị. Thông tin do kế toán cung cấp là cơ sở để phục vụ cho việc tổng hợp và kiểm soát tình hình quản lý, sử dụng ngân sách. Cơ quan tài chính các đơn vị cần chú trọng làm tốt các nội dung liên quan đến lập báo cáo tài chính năm, đảm bảo cung cấp thông tin hữu ích về tình hình tài chính, kết quả hoạt động và các luồng tiền làm cơ sở cho chỉ huy đơn vị đưa ra các quyết định về việc phân bổ, sử dụng các nguồn lực tài chính đảm bảo cho thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng. Đồng thời tăng cường nghiên cứu, phân tích số liệu kế toán, xây dựng hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng ngân sách, chủ động tham mưu đề xuất cho chỉ huy đơn vị những biện pháp quản lý, điều hành ngân sách chặt chẽ, hiệu quả. Vận dụng linh hoạt các phương pháp so sánh, đối chiếu số liệu, kịp thời phát hiện các biến động bất

thường, sớm phát hiện ra những sai phạm có tính hệ thống, giảm thiểu mất mát, lãng phí, lạm dụng tài sản của đơn vị.

Bốn là, nâng cao chất lượng công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát trong quản lý ngân sách. Thanh tra, kiểm tra, giám sát là một trong những yếu tố cơ bản cấu thành nên hệ thống kiểm soát nội bộ trong đơn vị, giúp đánh giá hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ và đảm bảo rằng các hoạt động kiểm soát nội bộ đang hoạt động một cách hiệu quả. Quá trình này được thực hiện thông qua hoạt động kiểm tra, giám sát liên tục hoặc định kỳ để đảm bảo rằng những thành phần của kiểm soát nội bộ có hiện hữu và đang hoạt động. Do vậy để nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong hoạt động quản lý ngân sách cần chú trọng nâng cao chất lượng công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về điều hành và quản lý ngân sách. Các đơn vị cần kết hợp chặt chẽ cả kiểm tra, thanh tra thường xuyên và đột xuất; kết hợp cả kiểm tra, thanh tra của cơ quan tài chính, cơ quan nghiệp vụ với kiểm tra, giám sát của cấp ủy, kiểm tra, thanh tra trước, trong và sau khi chi tiêu sử dụng ngân sách. Để thực hiện hiệu quả, công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát quá trình điều hành, quản lý ngân sách cần tiến hành khách quan, đảm bảo tính độc lập, toàn diện theo đúng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và quy định trong Quân đội. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch trong phân bổ, quản lý, quyết toán các loại ngân sách, vốn đầu tư, tài sản Nhà nước và các chế độ tiêu chuẩn; đề cao trách nhiệm của người chỉ huy, phát huy quyền giám sát của cán bộ, chiến sĩ và của các tổ chức quần chúng, hội đồng quân nhân trong việc quản lý ngân sách, sử dụng tài sản công tại đơn vị. Đồng thời, đẩy mạnh thực hành tiết kiệm và phòng, chống

tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; chấp hành nghiêm kỷ luật, kỷ cương tài chính.

Năm là, nâng cao năng lực trình độ chuyên môn nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức của đội ngũ cán bộ tài chính. Đây là biện pháp có tính quyết định đến hiệu quả hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ tại các đơn vị dự toán quân đội. Đội ngũ cán bộ tài chính đóng vai trò then chốt trong việc tham mưu, tổ chức, thực hiện, kiểm soát các hoạt động sử dụng ngân sách, bảo đảm tính minh bạch, hiệu quả và đúng quy định. Năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức và tác phong làm việc của cán bộ tài chính trực tiếp ảnh hưởng đến hiệu quả kiểm soát ngân sách và phòng ngừa các vi phạm.

Để làm tốt biện pháp này cần thực hiện những nội dung chính sau: Các đơn vị cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo làm tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng đội ngũ cán bộ, nhân viên tài chính các cấp, bảo đảm có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, ý thức tổ chức kỷ luật nghiêm, có năng lực tham mưu đề xuất, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện công tác tài chính, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác huấn luyện, tập huấn kiến thức về quản lý tài chính cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, chỉ huy, cán bộ các ngành nghiệp vụ và cán bộ làm công tác tài chính; kết hợp bồi dưỡng tại đơn vị với cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng tại các nhà trường trong và ngoài Quân đội để nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ, nhân viên tài chính đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Tiếp tục đẩy mạnh phong trào học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, xây dựng cho chỉ huy, cán bộ, nhân viên toàn đơn vị tác phong làm việc dân chủ, khoa học, sâu sát, tỉ mỉ, rèn luyện đức tính liêm khiết, xây dựng văn hóa

tiết kiệm, không tham nhũng góp phần hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ được giao. Thực hiện tốt việc sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm về công tác quản lý, sử dụng ngân sách tại đơn vị, đưa nội dung quản lý, sử dụng ngân sách là một trong những tiêu chí bình xét thi đua, khen thưởng, đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân hằng năm, tạo động lực tinh thần mạnh mẽ trong thực hiện điều hành, quản lý ngân sách tại đơn vị.

Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong quản lý ngân sách tại các đơn vị dự toán quân đội là yêu cầu vừa cấp thiết, vừa cơ bản, lâu dài; là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên, liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành, nhiều chủ trương, chính sách của Nhà nước, quân đội. Thực hiện đồng bộ các biện pháp trên sẽ góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống KSNB góp phần quản lý, sử dụng ngân sách hiệu quả, đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quân sự, quốc phòng trong giai đoạn mới♦

Tài liệu tham khảo

1. Cục Tài chính (2023), *Hướng dẫn số 4554/HD-BQP ngày 21/11/2023 về công tác lập dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước trong Bộ Quốc phòng*, Hà Nội.
2. Chính phủ (2016), *Nghị định số 165/2016/NĐ - CP “quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh”*, Hà Nội.
3. Quân ủy Trung ương (2022), *Nghị quyết số 1661-NQ/QUTW về lãnh đạo công tác tài chính quân đội đến năm 2030*, Hà Nội.
4. Quân ủy Trung ương (2021), *Quy chế số 616-QC/QUTW về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của cấp ủy, chỉ huy các cấp về công tác tài chính trong Quân đội*, Hà Nội.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG HẬU PHƯƠNG TRONG TÌNH HÌNH MỚI

Đại tá, TS. BÙI VĂN MẠNH

Khoa Hậu cần Chiến dịch, Học viện Hậu cần

Thượng úy, CN. NGUYỄN MINH HIẾU

Học viện Kỹ thuật quân sự

ABSTRACT: *Rear area construction is a strategic matter, including: the development of political - spiritual, economic, military, cultural - educational, and scientific-technological potentials, as well as the enhancement of rear-area defense capabilities. These components must be operated within a unified and flexible mechanism to effectively meet the demands of warfare (if happened). Based on the viewpoints and orientations of the Party, policies and laws of the State, and practical requirements in national defense, this paper proposes several solutions for strengthening the rear area in new conditions.*

I. TÓM TẮT

Xây dựng hậu phương (XDHP) là vấn đề chiến lược, gồm: Xây dựng vững mạnh về chính trị, tư tưởng; kinh tế; văn hóa, giáo dục, y tế, khoa học - kỹ thuật; kết hợp giữa xây dựng và bảo vệ hậu phương; thực hiện tốt chính sách hậu phương... với cơ chế vận hành các yếu tố trên nhằm đáp ứng nhu cầu của chiến tranh (nếu xảy ra). Trên cơ sở quan điểm, định hướng của Đảng, Nhà nước và thực tiễn, bài viết đề xuất một số giải pháp XDHP trong tình hình mới.

II. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh tình hình an ninh, chính trị, kinh tế thế giới có nhiều biến động, vấn đề an ninh phi truyền thống trở thành thách thức lớn; để chủ động đối phó, Đảng ta xác định: Phải XDHP đất nước hùng cường “kinh tế phải vững, quốc phòng phải mạnh, thực lực phải cường, lòng dân phải yên, chính trị - xã hội ổn định, cả dân tộc là một khối đoàn kết thống nhất”. Tuy nhiên, thực tế nước ta, sự phát triển kinh tế, xã hội của các vùng, miền còn thiếu cân đối; các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế tư nhân chưa đủ mạnh, chịu tác động của mặt trái cơ chế thị

trường; một bộ phận cán bộ bị suy thoái về chính trị, đạo đức; nhiều hạn chế của xã hội chưa được giải quyết dứt điểm... Cho nên, việc XDHP còn gặp nhiều khó khăn, thách thức, nhất là trong việc chuẩn bị nguồn lực để huy động cho xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân. Do đó, cần thiết phải nghiên cứu, đề xuất các giải pháp phù hợp để XDHP trong thời kỳ mới.

III. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Xây dựng hậu phương là nội dung quan trọng của chuẩn bị tiềm lực, ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng bảo đảm cho chiến tranh. Trước sự phát triển của tình hình kinh tế, chính trị, quân sự trên thế giới, khu vực và trong nước; Đảng, Nhà nước ta tiếp tục hoàn thiện chủ trương, quan điểm, chính sách về XDHP. Việc XDHP không chỉ là sự kế thừa những kinh nghiệm trước kia, mà cần được phát triển, đồng thời gắn bó chặt chẽ với tư tưởng về xây dựng khu vực phòng thủ (KVPT) trong thế trận chung của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc. Do vậy, XDHP trong tình hình mới, cần định hướng theo các nội dung giải pháp sau:

Một là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, trực tiếp là cấp ủy, chính quyền các cấp đối với nhiệm vụ XDHP. Đây là nhân tố cơ bản, quyết định, bảo đảm cho hoạt động XDHP đúng định hướng chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Thực tiễn trong kháng chiến chống Pháp, Đảng ta đã lãnh đạo xây dựng Việt Bắc trở thành hậu phương chiến lược - căn cứ địa cách mạng, nơi kiện toàn hệ thống chính trị của địa phương, xây dựng thế trận lòng dân, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân. Trong kháng chiến chống Mỹ, Đảng càng coi trọng lãnh đạo XDHP, khẳng định: “Miền Bắc là chỗ đứng của ta. Bất kể trong tình hình nào miền Bắc cũng phải được củng cố”.

Trong tình hình mới, toàn Đảng, toàn quân, toàn dân và cả hệ thống chính trị cần tiếp tục quán triệt và thực hiện tốt các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đặc biệt là nhiệm vụ XDHP vững mạnh làm nền tảng cho xây thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân. Tập trung nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, từng bước bổ sung, hoàn thiện quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về XDHP. Trong đó, xác định rõ vị trí, vai trò, các mối quan hệ, mục tiêu, nội dung XDHP trong đường lối, chủ trương xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tiếp tục hoàn thiện các định hướng về cơ chế, chính sách, các yêu cầu chỉ đạo và trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền các cấp, các ngành trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành các hoạt động XDHP gắn với thực tiễn đất nước, các tình huống chiến tranh có thể xảy ra, làm cơ sở thống nhất nhận thức và hành động trong tổ chức thực hiện.

Quản ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng làm tốt vai trò tham mưu cho Đảng, Chính phủ và làm trung tâm phối hợp với các bộ, ngành Trung ương, các địa phương để triển

khai xây dựng và thực hiện các chương trình, kế hoạch XDHP quốc gia, hậu phương chiến lược; thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá, tổng kết để góp phần tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với nhiệm vụ XDHP. Tập trung đánh giá các chính sách, pháp luật về bảo vệ Tổ quốc, quân sự - quốc phòng, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong thời kỳ mới. Từ đó đề xuất sửa đổi, bổ sung các chế định, quy phạm về XDHP; xác định rõ những vấn đề cơ bản: Nội dung, nguyên tắc; bộ máy và cơ chế vận hành; các nguồn lực huy động và trách nhiệm của các cấp, ngành trong tổ chức thực hiện.

Hai là, đẩy mạnh xây dựng tiềm lực của hậu phương gắn với xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng KVPT tỉnh, thành phố. Xây dựng tiềm lực hậu phương là nền tảng vững chắc để nâng cao sức mạnh tổng hợp, thế và lực của đất nước; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; tăng cường sức mạnh khối đoàn kết dân tộc; tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh... Ngược lại, có bảo vệ được độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định mới có điều kiện để xây dựng, phát triển đất nước. Vì vậy, cần đẩy mạnh xây dựng tiềm lực của hậu phương, đất nước gắn với xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh.

Xây dựng hậu phương cần được tiến hành từ thời bình, phải xây dựng đồng bộ, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực: Chính trị - tinh thần; kinh tế; quân sự, quốc phòng, an ninh; văn hóa - giáo dục; khoa học - kỹ thuật và công nghệ; với chủ trương vững về chính trị, mạnh về quốc phòng, an ninh. Trong đó, xây dựng tiềm lực chính trị, tinh thần là vấn đề cốt lõi, then chốt. Đẩy mạnh xây dựng tiềm lực kinh tế, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt, tạo điều kiện thúc đẩy quá trình phát triển đất nước theo hướng công

nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển tiềm lực quốc phòng, an ninh.

Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả nước để xây dựng nền quốc phòng toàn dân, toàn diện, độc lập tự chủ, tự lực tự cường, từng bước hiện đại, vừa đáp ứng yêu cầu đấu tranh trong thời bình, tạo sức mạnh ngăn chặn âm mưu gây chiến của kẻ thù, vừa đáp ứng yêu cầu chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện mới (nếu xảy ra). Tổ chức xây dựng tiềm lực kinh tế của hậu phương được thực hiện thông qua kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng, an ninh; gắn phát triển kinh tế - xã hội với xây dựng các KVPT tỉnh, thành phố theo quy hoạch, kế hoạch; xây dựng các khu kinh tế - quốc phòng tại địa bàn chiến lược, trọng điểm. Xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ gắn với sự phát triển của khoa học và công nghệ tiên tiến, coi trọng ứng dụng có hiệu quả thành tựu cuộc cách mạng Công nghiệp lần thứ Tư, công nghệ số vào thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng.

Đẩy mạnh công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế trên mọi lĩnh vực đời sống kinh tế, xã hội của đất nước, chú trọng hợp tác về lĩnh vực quốc phòng an ninh để tăng cường tiềm lực và thế trận quốc phòng theo hướng hiện đại. Tuân thủ các cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia đi đôi với chủ động xây dựng và tận dụng hiệu quả các quy tắc, luật lệ quốc tế; tích cực đề xuất sáng kiến, cơ chế hợp tác trên nguyên tắc cùng có lợi; nâng cao vai trò, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

Ba là, xây dựng hậu phương quốc gia, hậu phương chiến lược gắn với hậu phương chiến dịch, hậu phương trực tiếp và hậu phương tại chỗ thành một hệ thống hậu

phương chiến tranh liên hoàn, vững chắc trên từng chiến trường và cả nước.

Do địa hình nước ta dài và hẹp nên khi chiến tranh xảy ra, địch có thể chia cắt nước ta thành nhiều chiến trường. Trong điều kiện đó, tính liên hoàn, liên kết, chi viện giữa các chiến trường phải được đề cao; tính độc lập, tự lực bảo đảm cho tác chiến của từng chiến trường, trên địa bàn chiến lược càng phải đặc biệt coi trọng. Vì vậy, việc qui hoạch XDHP quốc gia, hậu phương chiến lược phải gắn với hậu phương chiến dịch, hậu phương trực tiếp, hậu phương tại chỗ thành một hệ thống hậu phương vững chắc, liên hoàn. Hiện nay, trong quy hoạch bố trí, phát triển dân cư và chiến lược phát triển kinh tế của nước ta đang hình thành các vùng kinh tế - xã hội, mỗi vùng có định hướng phát triển riêng biệt, gồm: vùng trung du và miền núi Bắc Bộ; vùng đồng bằng sông Hồng; vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ; vùng Tây Nguyên; vùng Đông Nam Bộ và vùng đồng bằng sông Cửu Long. Vì vậy, XDHP cũng phải gắn với các vùng chiến lược kinh tế và các khu vực địa hình chiến lược nhằm phát huy sức người, sức của phục vụ cho chiến đấu của lực lượng vũ trang và lao động sản xuất của nhân dân.

Trong kháng chiến chống Pháp, khi XDHP chiến lược Việt Bắc, ta vẫn chú trọng gắn với hậu phương tại chỗ ở chiến trường. Điển hình là XDHP trực tiếp của Thanh - Nghệ - Tĩnh gắn với hậu phương tại chỗ, hậu phương chiến dịch ở chiến trường Bình - Trị - Thiên, Bắc Bộ và Lào. Trong kháng chiến chống Mỹ, khi tập trung XDHP lớn miền Bắc ta đã chú trọng xây dựng mạng lưới giao thông vận tải, tuyến đường Trường Sơn để tạo thế liên hoàn với hậu phương tại chỗ của các chiến trường Bình - Trị - Thiên, chiến trường Khu 5 để tạo thế nối liền với tiền tuyến lớn miền Nam.

Trong giai đoạn hiện nay, căn cứ vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội; chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, tiếp tục làm rõ phạm vi, vai trò, nhiệm vụ, mối quan hệ của hậu phương quốc gia, hậu phương chiến lược, hậu phương trực tiếp và hậu phương tại chỗ để xác định nội dung, giải pháp và lộ trình tổ chức xây dựng đối với từng loại hậu phương trên từng vùng, địa bàn chiến lược, các hướng trọng điểm của chiến lược - chiến dịch đã lựa chọn.

Xây dựng hậu phương quốc gia, hậu phương chiến lược phải gắn với các vùng chiến lược kinh tế và các khu vực địa hình chiến lược nhằm phát huy sức người, sức của phục vụ cho chiến đấu của quân đội và lao động sản xuất của nhân dân trên các địa bàn chiến trường trong cả nước. Hậu phương trực tiếp phải dựa vào thế và lực của hậu phương quốc gia, hậu phương chiến lược để thực hiện tốt vai trò cầu nối cung cấp nguồn lực của hậu phương quốc gia, hậu phương chiến lược với các chiến trường, các mặt trận. Do đó, việc triển khai XDHP trực tiếp phải bảo đảm yếu tố bí mật, liên hoàn, vững chắc, linh hoạt, sẵn sàng cơ động cung cấp, chi viện trong quá trình chiến tranh. Hậu phương tại chỗ, vùng lãnh thổ ở từng địa phương, từng chiến trường nơi có thể độc lập, tự lực cung cấp nguồn lực bảo đảm kịp thời cho nhu cầu của lực lượng vũ trang địa phương hoạt động tác chiến tại chỗ, sẵn sàng chi viện cho lực lượng cơ động tác chiến tại địa bàn. Do đó, phải XDHP tại chỗ gắn với xây dựng thế trận KVPT địa phương trong cả nước. Tổ chức thực hiện các phong trào xã hội sâu rộng, đẩy mạnh “xã hội hóa” việc XDHP trực tiếp, hậu phương tại chỗ vững mạnh, góp phần tăng cường tiềm lực, nâng cao sức mạnh cho hậu phương quốc gia, hậu phương chiến lược.

Bốn là, từng bước triển khai xây dựng các căn cứ hậu phương chiến lược trên các

vùng trọng điểm, trên các hướng chiến lược làm hạt nhân của các căn cứ hậu phương KVPT trên các chiến trường. Căn cứ hậu phương chiến lược là bộ phận của hậu phương quốc gia, hạt nhân của thế trận chiến tranh nhân dân, chỗ đứng chân cho các cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động tác chiến; có nhiệm vụ cung cấp các nguồn lực, động viên cổ vũ tinh thần cho các lực lượng vũ trang tác chiến trên một hướng chiến lược hoặc chiến trường; nơi tập kết của các lực lượng dự bị chiến lược, dự trữ cơ sở vật chất và phương tiện, kỹ thuật quân sự, các kho tàng, chân hàng thuộc quyền quản lý của bộ chỉ huy chiến lược. Tùy theo quy mô, tính chất và hình thức tác chiến chiến lược mà mỗi vùng lãnh thổ của đất nước với tiềm lực mọi mặt để xác định xây dựng căn cứ hậu phương chiến lược. Vì vậy, XDHP trước hết cần phải tập trung xây dựng căn cứ hậu phương chiến lược.

Ngay từ thời bình, căn cứ vào Chiến lược, quyết tâm bảo vệ Tổ quốc; Chiến lược quốc phòng; Chiến lược quân sự; các nghị quyết của Bộ Chính trị; nghị định của Chính phủ, thông tư của Bộ Quốc phòng về xây dựng KVPT để xây dựng phương án quy hoạch tổng thể, dự kiến bố trí căn cứ hậu phương chiến lược cho từng chiến trường. Trên mỗi chiến trường cần có phương án tổ chức căn cứ hậu phương chiến lược, có thể bao gồm địa bàn của một quân khu hay vài quân khu, trên hướng chiến trường để chi viện bảo đảm cho các lực lượng vũ trang của quân khu, lực lượng cơ động của Bộ trên vùng, hướng chiến lược. Căn cứ vào đặc điểm tình hình thực tế của từng địa bàn, việc xây dựng căn cứ hậu phương có thể tiến hành theo hướng: Tích lũy dần, từng bước củng cố, bổ sung các yếu tố, các thành phần trong căn cứ hậu phương đảm bảo ngày càng hoàn thiện, vững chắc. Việc quy hoạch đều phải gồm các nội dung

cơ bản như: Lựa chọn phạm vi lãnh thổ, xác định các thành phần trong căn cứ hậu phương đảm bảo “vừa có thể đánh vừa có thể giữ”, an toàn khi chiến tranh xảy ra và tiện cho việc triển khai xây dựng các hạng mục công trình cũng như tiếp nhận và cấp phát cho dưới.

Quy hoạch các thành phần của căn cứ hậu phương phải bảo đảm tính tổng thể, toàn diện trên các mặt, cả chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và quốc phòng, an ninh, phù hợp với đặc điểm, điều kiện và phong tục, tập quán của địa phương. Trong đó, về chính trị - xã hội, có thể chú trọng quy hoạch hệ thống dân cư; các khu sơ tán nhân dân, bệnh viện, trường học, hệ thống y tế, v.v. Về kinh tế, tập trung quy hoạch các vùng sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; các cụm công nghiệp chế biến nông sản, sửa chữa cơ khí; hệ thống hồ, đập thủy lợi, thông tin liên lạc, giao thông vận tải. Về quốc phòng, an ninh cần coi trọng quy hoạch thể trận các làng, xã chiến đấu, các công trình phục vụ cho tác chiến và bảo đảm: Sở chỉ huy, công sự chiến đấu, khu vực trú quân, hệ thống kho tàng... Tuy nhiên, quy mô đầu tư xây dựng các công trình trong căn cứ hậu phương, nhất là các công trình quân sự rất lớn. Do vậy, trong điều kiện hiện nay, chỉ nên lựa chọn, ưu tiên xây dựng các công trình có tính cấp thiết, như công trình lương dụng, đường hầm sở chỉ huy, kho, trạm và một số công sự, trận địa chiến đấu quan trọng, cần thiết. Các hạng mục còn lại được xác định trong kế hoạch và từng bước bổ sung và hoàn thiện, sẵn sàng chuẩn bị, bảo đảm khi có tình huống xảy ra.

Hiện nay, việc xây dựng căn cứ hậu phương được tiến hành trên phạm vi lãnh thổ rộng, nhiều lực lượng tham gia, trong điều kiện kinh tế còn khó khăn và địa hình, khí hậu, thời tiết phức tạp, nhất là địa bàn trung du, miền núi. Vì thế, cần có sự phối

hợp chặt chẽ giữa các lực lượng bộ, ngành Trung ương và địa phương, nhất là giữa bộ chỉ huy quân sự tỉnh với các ban, ngành, đoàn thể địa phương cùng sự huy động các nguồn lực khác. Công tác phối hợp phải được tiến hành chặt chẽ ở tất cả các khâu, giai đoạn và nội dung xây dựng; trong đó, chú trọng phối hợp về khảo sát, quy hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý, bảo vệ khu vực căn cứ hậu phương. Phát huy vai trò tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền ban hành quy chế phối hợp; tổ chức giao nhiệm vụ, hiệp đồng cho các lực lượng; phân công cơ quan thường trực; đồng thời, chủ động đề xuất nội dung, thành phần hiệp đồng đối với những dự án trọng điểm.

IV. KẾT LUẬN

Trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, hậu phương giữ vai trò chủ yếu trong xây dựng và dự trữ tiềm lực mọi mặt cho chiến tranh. Xây dựng hậu phương gồm nhiều nội dung, phạm vi rộng, cần được tiếp tục nghiên cứu trong quá trình thực hiện. Những nội dung, giải pháp trên đây không chỉ là sự kế thừa những kinh nghiệm đã có, mà còn góp phần XDHP từ thời bình theo chủ trương chiến lược “giữ nước từ sớm, từ xa” từ khi đất nước còn chưa nguy để sẵn sàng đối phó với mọi tình huống xảy ra♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Chính trị Khóa XI (2013), *Nghị quyết số 28-NQ/TW về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới*, Hà Nội.
2. Bộ Quốc phòng (2018), *Luật Quốc phòng*, Hà Nội.
3. Chính phủ (2019), *Nghị định số 02/2019/NĐ-CP về phòng thủ dân sự*, Hà Nội.
4. Chính phủ (2019), *Nghị định số 21/2019/NĐ-CP về KVPT*, Hà Nội.
5. Học viện Hậu cần (2009), *Hậu phương và công tác hậu cần trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc*, Nxb QĐND, Hà Nội..

BÀN VỀ BIỆN PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC TĂNG GIA SẢN XUẤT CỦA LỮ (TRUNG) ĐOÀN PHÁO BINH THUỘC QUÂN ĐOÀN

Thượng úy, CN. NGUYỄN ĐỨC THỌ
Học viện Kỹ thuật quân sự

Tăng gia sản xuất (TGSX) là một mặt công tác quân nhu, nội dung quan trọng của công tác bảo đảm hậu cần, kỹ thuật (HCKT) thường xuyên, góp phần bảo đảm cho đơn vị hoàn thành nhiệm vụ huấn luyện, xây dựng đơn vị và sẵn sàng chiến đấu. Bài viết bàn về biện pháp nâng cao chất lượng công tác TGSX của lữ (trung) đoàn pháo binh (sau đây gọi chung là lữPB) thuộc quân đoàn.

CÁC lữPB của quân đoàn là đơn vị chủ lực, cơ động, dự bị chiến lược của Bộ và quân đoàn; có nhiệm vụ thường trực sẵn sàng chiến đấu, huấn luyện, xây dựng chính quy, rèn luyện kỷ luật và thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ quân đoàn giao.

Trong những năm qua, căn cứ vào điều kiện đất đai, khí hậu, thủy văn, các lữPB đã chú trọng lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy và triển khai tương đối hiệu quả công tác TGSX. Nhờ đó, công tác TGSX của lữPB đã từng bước đi vào nền nếp, góp phần nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho bộ đội. Qua khảo sát tại lữPB368 cho thấy, đơn vị đã xây dựng tương đối cơ bản hệ thống vườn rau, diện tích khoảng 20.000 m², với 5 loại vườn; vườn rau đủ 4 lứa, lớp đa dạng; vườn cây ăn quả với diện tích khoảng 10.000 m²; vườn ươm từng bước được đầu tư bài bản; các nhà vườn, giàn leo được đầu tư, xây dựng cơ bản. Hệ thống chuồng trại chăn nuôi tương đối phù hợp, có chuồng nuôi lợn thịt (khoảng 1.000 m²), chuồng lợn nái (400 m²), chuồng gia cầm thịt (300 m²), chuồng gia cầm đẻ trứng (150 m²). Cùng với đó, đơn vị cũng phát triển hệ thống ao với diện tích khoảng 65.000 m². Kết quả TGSX năm 2024, đơn vị đã tự túc được 40% hoa quả tươi, 50% nhu cầu con giống, 100% nhu cầu rau xanh, thịt lợn xô lọc, thịt và trứng gia

cầm, cá tươi. Tổng giá trị thu từ TGSX và dịch vụ đạt bình quân 1,1 triệu đồng/người; đưa vào ăn thêm ngày lễ, Tết: 20.000 đồng/người/ngày. Giá thành sản phẩm TGSX đưa vào bếp ăn thấp hơn khung giá quy định trong mức tiền ăn: Thịt thấp hơn 8 ÷ 10%; cá thấp hơn 10 ÷ 15%; rau, củ, quả thấp hơn 15 ÷ 20%. Việc quản lý, sử dụng sản phẩm tăng gia, sản xuất đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm; tổ chức hạch toán, công khai thu chi, sử dụng quỹ vốn, lãi tăng gia; tạo không khí dân chủ, phần khởi trong đơn vị.

Tuy nhiên, trong tổ chức thực hiện công tác TGSX ở các lữPB thuộc quân đoàn cũng còn những hạn chế: Nhận thức của một số cán bộ, chiến sĩ về công tác TGSX chưa đầy đủ; phương án quy hoạch TGSX chưa thực sự cụ thể, chi tiết; chưa hoàn toàn tự túc, chủ động tạo nguồn cung cấp cây giống, con giống đáp ứng nhu cầu TGSX của đơn vị; chưa tập trung đầu tư nguồn lực phát triển khu TGSX tập trung; việc ứng dụng khoa học kỹ thuật trong TGSX chưa rộng rãi, bài bản...

Từ thực tiễn trên, để nâng cao chất lượng TGSX trong thời gian tới, các lữPB cần thực hiện tốt các biện pháp sau:

Một là, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chỉ huy các cấp; đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, thống nhất, nâng cao nhận thức của cán bộ, chiến sĩ trong toàn lữPB về

ý nghĩa, vai trò, tầm quan trọng của công tác TGSX. Căn cứ vào nghị quyết, chỉ thị của quân đoàn, kế hoạch TGSX của cục HCKT quân đoàn, đặc điểm tình hình của lưPB, cấp ủy các cấp cần xác định nội dung, chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo công tác TGSX sát thực, hiệu quả. Trong đó, cần tập trung giáo dục, quán triệt cho cán bộ, chiến sĩ trong toàn lưPB nhận thức đúng đắn, sâu sắc quan điểm của Đảng, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng, quân đoàn về nhiệm vụ TGSX; tập trung vào truyền thống tự lực, tự cường trong TGSX qua các thời kỳ, nhất là trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ; giáo dục tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh và những lời dạy của Người về TGSX, quản lý, sử dụng vật chất tiết kiệm, hiệu quả...

Để thực hiện biện pháp này, cấp ủy, chỉ huy các cấp cần vận dụng linh hoạt các hình thức giáo dục, như: Thông qua sinh hoạt tập trung, giao ban, hội ý, tổ chức các phong trào thi đua; qua thực tiễn thực hiện nhiệm vụ TGSX. Có các hình thức biểu dương, khen thưởng kịp thời tập thể, cá nhân hoàn thành tốt chỉ tiêu TGSX; kịp thời chấn chỉnh những hành vi, biểu hiện nhận thức lệch lạc, thiếu chủ động, khoán trắng. Đồng thời, duy trì có hiệu quả phong trào thi đua “Ngành Hậu cần quân đội làm theo lời Bác Hồ dạy”.

Hai là, hoàn chỉnh phương án quy hoạch TGSX; định kỳ rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế. Theo đó, phương án quy hoạch phải thể hiện rõ các vấn đề: Xác định phương hướng, nhiệm vụ sản xuất (loại cây trồng, vật nuôi chính; loại cây trồng, vật nuôi phụ, loại cây trồng, vật nuôi bổ sung và các sản phẩm tương ứng). Xác định quy mô sản xuất (diện tích các loại vườn, các loại cây trồng, vật nuôi, diện tích ao ...). Trong bố trí đất đai, cần phân chia, cắm mốc các khu vực cho các mục đích sản xuất, cho từng loại cây trồng, vật nuôi...). Trong tổ chức lực lượng lao động, cần quy

hoạch rõ lực lượng quản lý, lực lượng lao động trực tiếp; lực lượng trong biên chế của lưPB, lực lượng hợp đồng, thuê bên ngoài. Đối với vốn, cần quy hoạch vốn xây dựng cơ bản, vốn lưu động cho sản xuất hàng năm; cơ cấu vốn: trên cấp, vốn tự có, vốn vay, vốn liên doanh, liên kết...

Hồ sơ tài liệu quy hoạch đúng theo hướng dẫn của Tổng cục HCKT, gồm: Bản phương án quy hoạch; báo cáo thuyết minh kèm theo bảng biểu tính toán; các văn bản pháp lý về ranh giới, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; biểu đồ, đồ thị; bản đồ hiện trạng, quy hoạch đất đai.

Để đảm bảo chất lượng, tính khả thi của phương án quy hoạch, lưPB cần quán triệt chủ trương, định hướng của cấp trên về phát triển TGSX; phương thức, phân cấp bảo đảm vật chất quân nhu trong thời bình và sẵn sàng bảo đảm cho chiến đấu của cục HCKT quân đoàn; điều kiện tự nhiên địa bàn đứng chân; nguồn lực của lưPB; các định mức kinh tế, kỹ thuật; các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý đất đai, vệ sinh môi trường... Chủ nhiệm HCKT tổ chức xây dựng phương án quy hoạch; lữ đoàn trưởng phê duyệt; báo cáo cục HCKT quân đoàn.

Ba là, phát huy hiệu quả mô hình TGSX phân tán; đồng thời, xây dựng, hoàn thiện mô hình, phương thức TGSX theo hướng tập trung, khép kín, bền vững, hiệu quả; lựa chọn giống vật nuôi, cây trồng phù hợp với đặc điểm thổ nhưỡng, khí hậu và nhiệm vụ của đơn vị; tích cực huy động nguồn vốn đầu tư. Theo đó, các lưPB cần tiếp tục đầu tư xây dựng hệ thống nhà vườn, giàn leo, vườn ươm, đảm bảo đủ 100% cây giống; phát triển mô hình trồng rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP, mô hình trồng rau theo hướng hữu cơ (bảo đảm quỹ đất trồng rau bình quân 25 m²/người), đa dạng chủng loại rau (có khoảng 30% rau cao cấp), chỉ đạo thực hiện trồng trọt thâm canh, xen canh, gối vụ, gieo trồng đúng thời vụ; tận dụng đất

đại ở các khu kho, thao trường, quanh ao để trồng chuối, cỏ làm thức ăn chăn nuôi. Tổ chức chăn nuôi cấp tiểu đoàn và chăn nuôi tập trung cấp lưPB; duy trì đàn lợn thịt, lợn nái, gia cầm thịt có số lượng phù hợp với quân số ăn. nghiên cứu, thử nghiệm chăn nuôi một số vật nuôi cao cấp, như: Gà ri, gà Ai Cập, lợn siêu nạc, lợn Móng cái. Tổ chức nuôi cá theo hướng bán công nghiệp, đảm bảo 100% nhu cầu tại các bếp ăn tập trung (mật độ thả: $15 \div 20$ con/m²).

Hiện nay, để đạt được các chỉ tiêu trên giao, các lưPB cần lượng vốn khá lớn đầu tư cho TGSX, trong khi nguồn kinh phí bảo đảm của trên có hạn. Do đó, lưPB cần kết hợp chặt chẽ nguồn kinh phí trên cấp cho hoạt động TGSX, với nguồn kinh phí từ sử dụng quỹ vốn đơn vị, vốn vay, nguồn kinh phí trích từ lãi TGSX của kỳ kế hoạch trước để bảo đảm đủ nguồn vốn cho hoạt động TGSX trong kỳ kế hoạch; đầu tư tập trung, từng năm giải quyết dứt điểm từng vấn đề: Quy hoạch đất đai, hệ thống tưới tiêu, hệ thống ao hồ, hệ thống nhà, giàn, chủ động giống vật nuôi, cây trồng... tránh đầu tư dàn trải, lãng phí nguồn lực, thiếu chủ động trong TGSX, ảnh hưởng bởi thị trường.

Bốn là, đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả công tác TGSX và bảo vệ môi trường. Các lưPB thuộc quân đoàn đều đóng quân trên địa bàn có điều kiện thời tiết, khí hậu khắc nghiệt, tình hình dịch bệnh gia súc, gia cầm thường xuyên diễn biến phức tạp. Vì vậy, cùng với xây dựng phương án quy hoạch, việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới là một giải pháp quan trọng để khai thác có hiệu quả các nguồn lực, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả công tác TGSX và bảo vệ môi trường.

Trong trồng trọt, các lưPB cần tiếp tục đầu tư nghiên cứu, xây dựng nhà vườn, giàn leo; thiết kế, lắp đặt hệ thống tưới

tiêu, phun mưa tự động, điều chỉnh lượng nước tưới phù hợp với nhu cầu của từng loại cây trồng, giúp tiết kiệm nguồn nước, công lao động; tiếp cận thử nghiệm các loại hạt giống, cây trồng có sức đề kháng, chống chịu sâu bệnh, chịu mưa, chịu hạn tốt, năng suất, chất lượng cao. Trong chăn nuôi, chuyển dịch theo hướng chăn nuôi an toàn sinh học, tăng quy mô đàn lợn nái sinh sản, lợn thịt siêu nạc, phát triển đàn gia cầm, nuôi cá thâm canh... Cải tạo, xây dựng hệ thống chuồng nuôi, lắp đặt các thiết bị cảm biến đo độ ẩm, nhiệt độ, khí CO² để tối ưu hóa yếu tố môi trường, nâng cao chất lượng, sản lượng vật nuôi; đồng thời, giám sát, phát hiện sớm bệnh dịch, xử lý kịp thời, giảm thiểu rủi ro, chi phí điều trị. Sử dụng thiết bị hút chân không, máy sấy, hệ thống bảo quản đông lạnh, phương pháp chế biến lên men, chiết xuất trong chế biến, bảo quản rau, củ, quả, trái cây, điều hòa sử dụng trong cả năm, tránh tình trạng sử dụng lãng phí trong thời điểm chính vụ, thiếu rau, củ, quả trong thời điểm giáp vụ.

Nâng cao chất lượng TGSX là một yêu cầu khách quan, đòi hỏi sự quan tâm của lãnh đạo, chỉ huy các cấp; sự nỗ lực, chủ động trong thực hiện của ngành HCKT lưPB và toàn thể cán bộ, chiến sĩ lưPB; trong đó, vận dụng sáng tạo các biện pháp nêu trên là vấn đề cần thiết♦

Tài liệu tham khảo

1. Lữ đoàn Pháo binh 368 (2024), *Báo cáo kết quả công tác HCKT năm 2024*, Thanh Hóa.
2. Trung đoàn Pháo binh 4 (2024), *Báo cáo kết quả công tác HCKT năm 2024*, Kon Tum.
3. Trịnh Xuân Thu (2015), *Hậu cần, tài chính quân đội đại cương (quyển 1)*, Học viện Kỹ thuật quân sự, Hà Nội.

KIỂM SOÁT CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VỀ HÀNG HÓA, DỊCH VỤ TẠI SƯ ĐOÀN BỘ BINH 301

Thiếu tá, TS. NGUYỄN THỊ THÚY LINH
Khoa Tài chính, Học viện Hậu cần

Chi thường xuyên ngân sách nhà nước (NSNN) về hàng hóa, dịch vụ trong quân đội là nguồn chi cơ bản, quan trọng, chiếm tỷ lệ lớn trong tổng dự toán ngân sách, có ảnh hưởng trực tiếp đến thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị. Bài viết đề cập tới một số giải pháp tăng cường kiểm soát chi thường xuyên NSNN về hàng hóa, dịch vụ tại Sư đoàn bộ binh 301/Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội.

KIỂM soát chi thường xuyên NSNN về hàng hoá, dịch vụ tại các đơn vị dự toán quân đội là việc cơ quan tài chính các cấp trong quân đội tiến hành thẩm định, kiểm tra, giám sát đối với các khoản chi đó, sao cho phù hợp với các chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định theo những nguyên tắc, hình thức và phương pháp quản lý tài chính nhằm mang lại hiệu quả trong chi tiêu. Sư đoàn bộ binh 301 là đơn vị chủ lực của Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, có nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ an toàn các mục tiêu trọng yếu, sự kiện chính trị quan trọng của Đảng, Nhà nước và quân đội diễn ra trên địa bàn Thủ đô... Trong những năm vừa qua, quán triệt các quy định trong quản lý của Bộ Quốc phòng (BQP) và địa phương, công tác kiểm soát chi thường xuyên NSNN về hàng hóa, dịch vụ tại Sư đoàn bộ binh 301 đã dần đi vào nề nếp, có nhiều chuyển biến tích cực: làm tốt chức năng tham mưu cho Đảng ủy, thủ trưởng Sư đoàn về công tác tài chính; đảm bảo đầy đủ, kịp thời chế độ tiêu chuẩn cho bộ đội, nhu cầu chi tiêu thường xuyên cũng như đột xuất của đơn vị; công tác quản lý chi tiêu, sử dụng ngân sách đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả,

thanh quyết toán đúng chế độ quy định. Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm là chủ yếu, công tác kiểm soát chi thường xuyên NSNN về hàng hóa, dịch vụ vẫn còn tồn tại một số hạn chế như: công tác tổ chức kiểm soát chi thường xuyên NSNN về hàng hoá, dịch vụ có một số nội dung chưa thống nhất; vẫn còn hiện tượng hạch toán trùng, lặp trong chi ngân sách; chất lượng hồ sơ thanh quyết toán chi về hàng hoá, dịch vụ còn chưa cao; việc vận dụng các hệ thống công cụ kiểm soát chi tại đơn vị còn chưa toàn diện, nhất là hệ thống các mẫu biểu và quy định trong quản lý hồ sơ mua sắm hàng hóa, dịch vụ. Những hạn chế trên xuất phát từ cả nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó các nguyên nhân chủ quan đến từ: Việc phân công trách nhiệm trong kiểm soát chi thường xuyên NSNN cho hàng hoá, dịch vụ chưa rõ ràng; quy trình tiếp nhận hồ sơ và tổ chức thanh toán các khoản chi thường xuyên NSNN cho hàng hoá, dịch vụ chưa thống nhất; các ngành, các đơn vị chưa nắm vững quy định về các phương thức chi ngân sách; việc kiểm soát chứng từ kế toán chưa được triệt để. Để khắc phục những hạn chế trên, Sư đoàn cần tập trung thực hiện một số biện pháp cụ thể như sau:

Một là, phân công trách nhiệm cụ thể cho các tổ chức, cá nhân trong kiểm soát chi thường xuyên NSNN về hàng hoá, dịch vụ. Đây là biện pháp nhằm thực hiện tiêu chuẩn hóa và chuyên môn hóa đội ngũ cán bộ làm nhiệm vụ kiểm soát chi. Ngân sách của ngành nghiệp vụ được sử dụng theo tính chất nhiệm vụ của ngành và phạm vi dự toán ngân sách được giao, Ban Tài chính có trách nhiệm chỉ đạo chuyên môn về trình tự, thủ tục chi ngân sách và là cơ quan trực tiếp kiểm soát chi các khoản về hàng hóa, dịch vụ của các ngành. Thực tiễn ở Sư đoàn việc phân công còn chưa thống nhất, có lúc do đồng chí trợ lý đảm nhiệm, có thời điểm do đồng chí nhân viên đảm nhiệm, hơn nữa đồng chí phụ trách chi tiêu ngành lại có sự luân chuyển vị trí, đơn vị công tác thường xuyên. Vì vậy, các ngành nghiệp vụ trong Sư đoàn cần lựa chọn 01 đồng chí có năng lực về tài chính, ngân sách ngành, có khả năng lĩnh hội và tham mưu về công tác tài chính cho chỉ huy các phòng, ban nghiệp vụ, giúp tạo tính thống nhất trong chi tiêu ngân sách ngành được khoa học và hiệu quả. Thường xuyên tổ chức tập huấn công tác tài chính cho đội ngũ này nhằm nâng cao trình độ, góp phần vào hoàn thành nhiệm vụ. Đặc biệt, cần phải xây dựng “Sổ tay điện tử công tác tài chính dành cho cán bộ phụ trách chi tiêu ngành”. Sổ tay có tác dụng: cung cấp các văn bản chỉ đạo điều hành, hướng dẫn về công tác lập dự toán ngân sách, công tác chi tiêu, thanh quyết toán ngân sách ngành nghiệp vụ,...; tra cứu, tìm kiếm những kiến thức, thông tin cần thiết về tài chính quân đội; học hỏi những kinh nghiệm thực tiễn, trực tiếp trao đổi, phản hồi, chia sẻ, thảo luận những vướng mắc trong quá trình chi tiêu, thanh quyết toán ngân sách ngành với cơ quan tài chính; Sổ tay là công cụ hữu hiệu để thực hành, rèn luyện thành thạo các nghiệp vụ cơ bản của công tác tài chính

(lập nhu cầu, dự toán ngân sách ngành; làm các mẫu kế hoạch sử dụng ngân sách; bảng kê, dự toán, dự trừ kinh phí, biên soạn hợp đồng, biên bản nghiệm thu, kiểm kê,...), đồng thời là một kênh thông tin hữu ích cho việc theo dõi, giám sát, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với các đồng chí trợ lý, nhân viên phụ trách chi tiêu ngân sách ngành nghiệp vụ.

Hai là, xây dựng quy trình tiếp nhận hồ sơ và tổ chức thanh toán trong kiểm soát chi thường xuyên NSNN về hàng hoá, dịch vụ. Thực hiện được biện pháp này sẽ góp phần nâng cao chất lượng quản lý, hạn chế những nhầm lẫn, sai sót trong từng khâu quá trình kiểm soát chi ngân sách. Căn cứ vào phân bổ dự toán được cấp trên giao và yêu cầu nhiệm vụ chi, các ngành nghiệp vụ thực hiện kế hoạch sử dụng ngân sách, phân chia ra các khoảng thời gian tháng, quý để Ban Tài chính có cơ sở chủ động bố trí ngân sách phù hợp, kịp thời. Trong quá trình chi ngân sách, các ngành có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ, chứng từ thanh toán nộp lên Ban Tài chính để làm thủ tục thanh toán. Cán bộ phụ trách nghiệp vụ của Ban Tài chính tiếp nhận hồ sơ, chứng từ, thực hiện kiểm tra, kiểm soát các khoản chi ngân sách theo đúng quy định đối với từng khoản chi làm cơ sở trình thủ trưởng quyết định chi. Quyết định việc cấp phát, thanh toán hoặc từ chối cấp phát, thanh toán theo nguyên tắc: (1) Nếu các khoản chi đủ điều kiện chi trả, thanh toán, tùy thuộc theo tính chất từng khoản chi, cơ quan tài chính duyệt cấp tạm ứng hoặc cấp thanh toán cho ngành; (2) Nếu các khoản chi ngân sách chưa đủ điều kiện thanh toán do hồ sơ, chứng từ chưa đầy đủ, viết sai các yếu tố trên chứng từ, thông tin của nhà cung cấp chưa rõ ràng... Ban Tài chính trả lại hồ sơ, chứng từ và hướng dẫn các ngành hoàn chỉnh theo quy định; (3) Nếu các khoản chi ngân sách không đúng

chế độ quy định như: sai tiêu chuẩn, chế độ, định mức chi... Ban Tài chính từ chối thanh toán, thông báo và trả lại hồ sơ, chứng từ cho các ngành theo quy định. Cán bộ phụ trách nghiệp vụ của Ban Tài chính chuyển hồ sơ cho Kế toán thực hiện các nghiệp vụ ghi sổ và chuyển tiền thanh toán. Khi các bên cung cấp hàng hóa, dịch vụ đều có tài khoản thanh toán, thực hiện chi trả trực tiếp cho các bên cung cấp hàng hóa, dịch vụ bằng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt, giảm chi tiêu sử dụng tiền mặt. Ban Tài chính chuyển toàn bộ sơ, chứng từ thanh toán khoản chi hàng hóa, dịch vụ (trừ các khoản chi mặt) đến Kho bạc nhà nước để thực hiện thanh toán.

Ba là, tăng cường kiểm soát chi thường xuyên NSNN về hàng hoá, dịch theo giá trị thanh toán. Kiểm soát chi thường xuyên NSNN về hàng hoá, dịch vụ gắn liền với công tác tổ chức thanh toán các khoản chi cho các ngành nghiệp vụ tại đơn vị. Tuy nhiên, việc kiểm soát chi đối với một số hồ sơ, chứng từ tại Sư đoàn còn chưa phù hợp, thống nhất, đòi hỏi cần xác định những thủ tục bắt buộc các ngành phải xuất trình và chuyển về Ban Tài chính để kiểm soát. Trong đó, giá trị thanh toán là cơ sở để phân loại số lượng đầu mục văn bản trong một bộ hồ sơ thanh quyết toán gắn với từng nội dung chi cụ thể. Vì vậy, Ban Tài chính cần xây dựng và ban hành quy định hồ sơ, chứng từ để kiểm soát theo giá trị thanh toán với các nhóm như sau: (1) Đối với các khoản thanh toán chi mua sắm hàng hóa, dịch vụ có giá trị dưới mức bắt buộc phải có hóa đơn. Các ngành lập bảng kê chứng từ thanh toán, bảng kê bán lẻ hàng hóa, dịch vụ gửi Ban Tài chính kiểm soát chi theo quy định đối với từng khoản chi; đối chiếu chứng từ chi hàng hóa, dịch vụ với bảng kê chứng từ thanh toán, quyết định hình thức thanh toán và phương thức thanh toán; (2) Đối với

các khoản chi mua sắm hàng hóa, dịch vụ có giá trị bắt buộc phải có hóa đơn thì trong hồ sơ gửi Ban Tài chính phải bổ sung hóa đơn điện tử của nhà cung cấp, lưu ý hoá đơn phải phản ánh trung thực, đầy đủ nội dung, số lượng và giá trị mua sắm; (3) Đối với các khoản chi mua sắm hàng hóa, dịch vụ có giá trị không quá 50 triệu đồng (dưới mức phải tổ chức đấu thầu) thì trong hồ sơ phải có hợp đồng và thanh lý hợp đồng; (4) Đối với các khoản chi mua sắm hàng hóa, dịch vụ có tính chất và giá trị theo quy định thì phải tiến hành thẩm định hồ sơ, tổ chức đấu thầu. Sau khi kết thúc mua sắm, các ngành phải tập hợp đầy đủ danh mục hồ sơ theo trình tự thời gian phát sinh đối với từng khoản chi đến Ban Tài chính để thực hiện kiểm soát chi theo quy định. Hiện nay, Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 (Luật số 57/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung) có nhiều điểm mới về hình thức, quy trình, thủ tục và nhiệm vụ của các thành phần trong công tác lựa chọn nhà thầu như: chủ đầu tư, bên mời thầu, tổ chuyên gia, tổ thẩm định... Đồng thời, Ban Tài chính cần phân công cụ thể trách nhiệm của cơ quan, đơn vị trong thực hiện tập hợp và luân chuyển hồ sơ, chứng từ phục vụ công tác kiểm soát chi. Mặt khác, một số nội dung trong quá trình tổ chức đấu thầu được thực hiện trực tiếp trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, do đó cần quy định nhiệm vụ của cơ quan quản lý chứng thư số trên hệ thống mạng, đặc biệt là công tác lưu trữ chứng từ nhằm cung cấp các yếu tố cho hoạt động kiểm soát thanh toán cũng như quyết toán ngân sách tại đơn vị.

Bốn là, hoàn thiện công tác hạch toán kế toán NSNN chi thường xuyên về hàng hóa, dịch vụ. Hạch toán kế toán là công việc của khâu thực hiện (chấp hành) ngân sách, là việc ghi chép, phản ánh, tổng hợp đầy đủ kịp thời các hoạt động ngân sách, đây là công cụ phục vụ cho quản lý ngân sách nói

chung và quyết toán ngân sách nói riêng. Nếu khâu kế toán ngân sách kém hiệu quả, số liệu kế toán không đầy đủ, thiếu chính xác thì các hoạt động tiếp theo sẽ khó thực hiện được. Thực tiễn cho thấy, công tác kế toán tại Sư đoàn chủ yếu trọng tâm vào vấn đề hạch toán tài khoản kế toán, có thời điểm chưa quan tâm đến việc kiểm soát chứng từ kế toán, đây là vấn đề hạn chế mà công tác kế toán vẫn chưa thực hiện tốt. Do đó, trước hết phải tăng cường trách nhiệm của đơn vị trong công tác hạch toán kế toán, tăng cường kỷ luật trong công tác kế toán cũng như nâng cao vai trò tầm quan trọng của công tác kiểm soát chi trước khi hạch toán kế toán. Rà soát toàn bộ chứng từ, hoá đơn mua sắm hàng hoá, dịch vụ bằng những việc làm cụ thể như: (1) Kiểm tra tính chính xác, trung thực, đầy đủ các yếu tố trên hóa đơn, chứng từ theo quy định; (2) Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của nội dung nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh phản ánh trên hóa đơn, chứng từ; (3) Kiểm tra tính chính xác của số liệu, thông tin trên hóa đơn điện tử thông qua hệ thống tra cứu hóa đơn điện tử của Tổng cục Thuế: <https://hoadondientu.gdt.gov.vn/>; (4) Kiểm tra việc chấp hành các quy định xử phạt hành chính về thuế, hóa đơn được quy định tại Nghị định số 125/2020/NĐ-CP (Đối với hóa đơn, chứng từ lập không đúng quy định, nội dung, thiếu yếu tố, chữ, số không rõ ràng thì phải trả lại và yêu cầu hoàn tất đầy đủ thủ tục; Đối với các trường hợp hóa đơn, chứng từ sai quy định thì không chấp nhận thanh toán, quyết toán và xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách). Mặt khác, cần nâng cao năng lực đội ngũ kế toán tại đơn vị, không những nắm chắc và thường xuyên cập nhật những hướng dẫn mới về chế độ kế toán mà còn phải nắm chắc trình tự, thủ tục chi NSNN cho hàng hóa, dịch vụ tại đơn vị để kịp thời phát hiện những thiếu sót

trong chứng từ, chỉnh sửa hoặc hướng dẫn các ngành nghiệp vụ bổ sung bảo đảm đúng quy định. Thường xuyên quan tâm đến công tác đào tạo, tập huấn cho các đồng chí trực tiếp làm công tác kế toán thông qua việc cử đi học các lớp đào tạo nghiệp vụ nâng cao, tập huấn chuyên môn của Cục Tài chính, Khoa Tài chính/Học viện Hậu cần để nâng cao năng lực, trình độ, kết hợp với rèn luyện phương pháp và tác phong công tác, bản lĩnh chính trị, xây dựng chuẩn mực người cán bộ tài chính kế toán theo đúng khẩu hiệu truyền thống ngành tài chính Quân đội “Trung thành, tận tụy, đoàn kết, chủ động, sáng tạo”.

Kiểm soát chi thường xuyên NSNN về hàng hóa, dịch vụ là nội dung quan trọng trong công tác quản lý ngân sách tại Sư đoàn bộ binh 301. Thực hiện đồng bộ các giải pháp đã đề cập sẽ góp phần hoàn thiện công tác quản lý ngân sách tại Sư đoàn, từ đó góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ của Sư đoàn trong tình hình mới♦

Tài liệu tham khảo

1. Chính phủ (2016), *Nghị định số 165/2016/NĐ-CP về quản lý, sử dụng NSNN đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh*, Hà Nội.
2. Bộ Quốc phòng (2023), *Hướng dẫn số 4554/HD-BQP về công tác lập dự toán, chấp hành và quyết toán NSNN trong BQP*, Hà Nội.
3. Bộ Quốc phòng (2017), *Thông tư số 369/2017/TT-BTC Hướng dẫn thực hiện cấp kinh phí thường xuyên từ NSNN để thực hiện nhiệm vụ chi quốc phòng của BQP*, Hà Nội.
4. Quốc hội (2015), *Luật NSNN số 83/2015/QH13*, Hà Nội.
5. Sư đoàn bộ binh 301, *Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2020-2024*, Hà Nội.

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ VÀ SỰ VẬN DỤNG TRONG ĐÀO TẠO CÁN BỘ HẬU CẦN - KỸ THUẬT QUÂN ĐỘI HIỆN NAY

Đại tá, TS. PHÙNG THANH

Học viện Chính trị

Trong di sản tư tưởng Hồ Chí Minh, tư tưởng về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chứa đựng nhiều quan điểm mới, khoa học và hiện đại. Đây là những tư tưởng có giá trị định hướng, soi đường cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ở nước ta. Trong bối cảnh hiện nay, việc nghiên cứu, vận dụng sáng tạo tư tưởng của Người trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ hậu cần - kỹ thuật (HCKT) quân đội là một yêu cầu rất quan trọng và cần thiết.

TRONG quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn dành sự quan tâm đặc biệt đến công tác đào tạo, bồi dưỡng (ĐTBD) và rèn luyện đội ngũ cán bộ. Người không chỉ đưa ra những chỉ dẫn quý về công tác đào tạo, huấn luyện cán bộ, mà còn trực tiếp chuẩn bị bài giảng, lựa chọn học viên, mở lớp và tham gia giảng dạy, huấn luyện. Tư tưởng của Người về ĐTBD cán bộ rất toàn diện, sâu sắc và hiện đại, có thể khái quát trên một số nội dung cơ bản sau đây:

Thứ nhất, mục đích ĐTBD cán bộ. Theo Hồ Chí Minh, mục đích ĐTBD cán bộ nhằm cung cấp cho cách mạng những cán bộ có đạo đức và tài năng để có thể gánh vác những công việc mà cách mạng giao phó. Người chỉ rõ: “Huấn luyện cán bộ là cốt để cung cấp cán bộ cho các ngành công tác: Đoàn thể, Mặt trận, Chính quyền, Quân đội. Các ngành công tác như là người tiêu thụ hàng. Ban huấn luyện như là người làm ra hàng. Làm ra hàng phải đúng với nhu cầu của người tiêu thụ”. Yêu cầu nhiệm vụ của cách mạng luôn vận động, phát triển không ngừng, vì thế, công tác ĐTBD cán bộ phải trực tiếp tạo ra những con người mà thực

tiễn cách mạng đang cần. Đó là những cán bộ trung kiên, có trình độ, năng lực và uy tín trước tập thể để họ có thể đảm đương được các công việc mà Đảng, Nhà nước và nhân dân giao phó. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Học cốt để mà làm. Học mà không làm được, học mấy cũng vô ích. Vì vậy, huấn luyện phải thiết thực, sao cho những người đến học, học rồi, về địa phương họ có thể thực hành ngay”. Người nhấn mạnh tới 4 mục tiêu của công tác huấn luyện, đó là: “Học để sửa chữa tư tưởng”, “Học để tu dưỡng đạo đức cách mạng”, “Học để tin tưởng”, “Học để hành”.

Thứ hai, nội dung ĐTBD cán bộ. Hồ Chí Minh quan tâm đến tính toàn diện, bao gồm cả phẩm chất và năng lực, nhưng phải thiết thực, chú trọng nâng cao trình độ chuyên môn để cán bộ thông thạo công việc. Người yêu cầu: “về cán bộ, ai lãnh đạo trong ngành hoạt động nào thì phải biết chuyên môn về ngành ấy”. Theo Người, có cán bộ Đảng, Nhà nước, đoàn thể, cán bộ ở Trung ương, ở địa phương và cơ sở,... Khi đào tạo, huấn luyện cán bộ, bên cạnh phẩm chất đức, tài nói chung, cần xác định rõ yêu cầu về phẩm chất, trình độ phù hợp với lĩnh vực

hoạt động của người cán bộ, nội dung học tập lý luận ở nhà trường phải gắn sát với công việc thực tế của cán bộ. Hồ Chí Minh yêu cầu: “học lý luận, phải nghiên cứu công việc thực tế, kinh nghiệm thực tế. Lúc học rồi, họ có thể tự mình tìm ra phương hướng chính trị có thể làm những công việc thực tế, có thể trở nên người tổ chức và lãnh đạo. Thế là lý luận thiết thực, có ích”.

Thứ ba, phương pháp ĐTBĐ cán bộ. Hồ Chí Minh rất chú trọng việc lựa chọn các phương pháp huấn luyện phù hợp với điều kiện thực tế của đất nước và trình độ nhận thức của từng đối tượng học viên. Người đã đưa ra những chỉ dẫn rất tỉ mỉ về công tác huấn luyện: “Trước tiên, cơ quan lãnh đạo định ra một chương trình học tập, cử một vài người hoặc vài nhóm, vừa đi thí nghiệm, vừa tranh thủ ý kiến của người học. Sau đó, việc biên soạn các bài giảng phải hoàn toàn căn cứ vào yêu cầu của học viên những đợt huấn luyện trước kết hợp với kinh nghiệm của các giảng viên”. Người phê phán lối học tập theo kiểu kinh viện, giáo điều, lý thuyết suông, xa rời thực tế cách mạng; đồng thời, Người chỉ ra phương châm huấn luyện là coi thiết thực, chu đáo hơn tham nhiều. Người còn yêu cầu cán bộ phải “học ở trường, học ở sách vở, học lẫn nhau và học nhân dân, không học nhân dân là một thiếu sót rất lớn”. Đồng thời, cần coi kết quả học tập và công tác là những tiêu chí đánh giá cán bộ, từ đó có kế hoạch sử dụng phù hợp: “Khi cất nhắc cán bộ, phải xem kết quả học tập cũng như kết quả công tác khác mà định”.

Trong những năm qua, quán triệt, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng, cấp ủy, cán bộ chủ trì các cấp đã có nhiều chủ trương, giải pháp nâng cao chất lượng ĐTBĐ cán bộ HCKT quân đội, trong đó tập trung đổi mới, hoàn thiện, thực hiện mục tiêu, chương

trình, nội dung và phương pháp ĐTBĐ cán bộ. Qua đó, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ HCKT quân đội có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức, lối sống trong sáng, tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc và nhân dân, có năng lực toàn diện đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, công tác của các đơn vị. Tuy nhiên, công tác ĐTBĐ cán bộ hậu cần - kỹ thuật quân đội còn một số hạn chế: Một số cán bộ, giảng viên, học viên nhận thức chưa đầy đủ tầm quan trọng của công tác ĐTBĐ cán bộ HCKT quân đội; việc xác định mục tiêu dạy học của từng môn học chưa thật đầy đủ, chưa thật bám sát yêu cầu về phẩm chất, năng lực chuẩn đầu ra của đối tượng đào tạo; chương trình, nội dung của một số môn học chưa thực sự đổi mới, chưa cập nhật sự phát triển của thực tiễn, chưa cân đối giữa lý thuyết và thực hành; chưa thật chú trọng bồi dưỡng, rèn luyện năng lực tư duy, nhất là tư duy chính trị, năng lực quản lý, chỉ huy, năng lực tổ chức hoạt động thực tiễn, một số nội dung còn có sự trùng lặp giữa các cấp học, bậc học,...; phương pháp dạy học còn nặng theo cách truyền thống, ít nêu tình huống có vấn đề để phát huy tính tích cực và tư duy sáng tạo của người học.

Hiện nay, tình hình thế giới và khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ Tư phát triển mạnh mẽ, tạo ra thời cơ mới cho các quốc gia, dân tộc, nhưng cũng đặt ra nhiều thách thức. Các yếu tố an ninh phi truyền thống tác động sâu sắc tới mọi quốc gia, dân tộc. Tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, chủ quyền biển, đảo diễn ra ngày càng có biểu hiện diễn biến phức tạp. Bốn nguy cơ mà Đảng ta đã chỉ ra còn tồn tại, có mặt còn gay gắt hơn. Tình hình trên đặt ra yêu cầu mới cao hơn, đòi hỏi Quân đội phải đẩy mạnh xây dựng theo hướng tinh, gọn, mạnh và

hiện đại, lấy xây dựng vững mạnh về chính trị làm cơ sở, tập trung xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, trọng tâm là đội ngũ cán bộ các cấp trong quân đội có phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

Đội ngũ cán bộ HCKT quân đội có vị trí, vai trò rất quan trọng trong công tác bảo đảm HCKT cho toàn quân; trực tiếp chịu trách nhiệm tổ chức quản lý, khai thác, bảo quản và cấp phát cơ sở vật chất HCKT phục vụ cho các nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, chăm sóc sức khỏe, cải thiện đời sống bộ đội,... Quán triệt, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh, để nâng cao chất lượng ĐTBĐ cán bộ HCKT quân đội hiện nay, cần thực hiện tốt một số vấn đề sau:

Một là, thường xuyên, cập nhật, bổ sung, hoàn thiện mục tiêu dạy học của từng đối tượng cán bộ HCKT quân đội. Mục tiêu đào tạo phải phản ánh đầy đủ, cụ thể những yêu cầu cần đạt được về phẩm chất chính trị, đạo đức; kiến thức; kỹ năng; mức độ tự chủ mà người học cần đạt được trong quá trình đào tạo, bảo đảm cho đội ngũ cán bộ HCKT có đủ phẩm chất, năng lực hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao trong mọi điều kiện, hoàn cảnh. Hiện nay, việc bổ sung, đổi mới, hoàn thiện mục tiêu ĐTBĐ cán bộ HCKT cần quán triệt và vận dụng sáng tạo tiêu chuẩn cán bộ quân đội, đó là “có bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với Đảng, Tổ quốc, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; sẵn sàng chiến đấu, hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội, vì hạnh phúc của nhân dân; có phẩm chất đạo đức trong sáng, ý thức tổ chức kỷ luật nghiêm; có kiến thức, năng lực toàn diện, có tín nhiệm, sức khỏe, độ tuổi phù hợp”. Theo đó, mục tiêu ĐTBĐ cán bộ HCKT hiện nay không chỉ dừng lại ở bồi dưỡng lòng trung thành với Đảng,

Tổ quốc và nhân dân, bản lĩnh chính trị vững vàng, có ý chí, nghị lực, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, mà cần phải bồi dưỡng, rèn luyện năng lực tư duy chính trị, năng lực quản lý, chỉ huy, năng lực làm việc trong môi trường sáng tạo và hội nhập quốc tế; năng lực tổng kết thực tiễn nghiên cứu lý luận; tổ chức thực hiện nhiệm vụ, tư duy phân tích và tổng hợp; xử lý thông tin đa chiều... Gắn trang bị kiến thức, bồi dưỡng đạo đức, thẩm mỹ, kỹ năng sống với giáo dục thể chất, nâng cao tầm vóc con người Việt Nam.

Hai là, đổi mới nội dung, chương trình dạy học các môn học theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Các học viện, nhà trường được giao nhiệm vụ ĐTBĐ cán bộ HCKT cần tiếp tục quán triệt, cụ thể hóa quan điểm của Đảng: “Tiếp tục đổi mới đồng bộ mục tiêu, nội dung, chương trình, phương thức, phương pháp giáo dục và đào tạo theo hướng hiện đại, hội nhập quốc tế, phát triển con người toàn diện, đáp ứng những yêu cầu mới của phát triển kinh tế - xã hội, khoa học và công nghệ, thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ Tư. Chú trọng hơn giáo dục đạo đức, nhân cách, năng lực sáng tạo và các giá trị cốt lõi, nhất là giáo dục tinh thần yêu nước, tự hào, tự tôn dân tộc, truyền thống và lịch sử dân tộc, ý thức trách nhiệm xã hội...”. Phải xuất phát từ yêu cầu phẩm chất, năng lực và thực tiễn lãnh đạo, chỉ huy, quản lý, chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ HCKT để đổi mới chương trình, nội dung dạy học. Chương trình, nội dung ĐTBĐ cán bộ quân đội phải tập trung hướng vào phát triển phẩm chất và năng lực của người học thông qua việc định hướng các giá trị, chuẩn mực phù hợp để giúp họ làm chủ được kiến thức, các công nghệ mới, hiện đại, phát huy được tiềm năng để học

tập và tổ chức các hoạt động thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao một cách sáng tạo. Quá trình đổi mới cần tiến hành đồng bộ, bảo đảm tích cực, chủ động, thận trọng, chuẩn xác, hạn chế thấp nhất sự trùng lặp nội dung hoặc bỏ trống những nội dung giao thoa giữa các cấp học, bậc học, môn học. Giáo trình, tài liệu dạy học phải phù hợp với đối tượng đào tạo, chú trọng cập nhật, tiếp thu thành tựu, tri thức mới của khoa học xã hội và nhân văn để biên soạn giáo trình, giáo án và tài liệu dạy học. Phải chú trọng nâng cao tính chiến đấu, tính tư tưởng, tính giáo dục của chương trình, nội dung ĐTBĐ cán bộ HCKT quân đội. Coi trọng mục tiêu góp phần bồi dưỡng nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ chuyên môn kỹ thuật, nắm vững chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách đổi mới của Đảng, Nhà nước để đấu tranh chống lại luận điểm sai trái, phản động của các thế lực thù địch.

Ba là, tiếp tục đẩy mạnh đổi mới phương pháp dạy học phù hợp với đối tượng đào tạo, từng cấp học, bậc học. Đa dạng hóa các hoạt động sau bài giảng như hỗ trợ kiến thức, kết hợp mở rộng các hình thức hội thi, hội thao, diễn tập về HCKT... Phương pháp dạy học cho cán bộ HCKT phải là những phương pháp mà thông qua đó người dạy trình bày bài giảng bảo đảm tính cơ bản, hệ thống, chuyên sâu, khoa học, có tính thuyết phục cao, vừa dẫn dắt, hướng dẫn, kích thích được tính tích cực, tự giác độc lập, sáng tạo của người học, tạo sự phối hợp nhịp nhàng, thống nhất giữa hoạt động dạy và hoạt động học. Đề cao tính chủ động, sáng tạo, phát huy dân chủ trong tranh luận khoa học, rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo trong thực hành bảo đảm HCKT. Gắn kết chặt chẽ giữa lý luận khoa học về HCKT với thực tiễn để định hướng cho cán bộ

HCKT vận dụng sáng tạo những kiến thức được trang bị trong quá trình đào tạo vào thực hiện nhiệm vụ, chức trách được phân công. Đổi mới cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập các môn học của cán bộ HCKT, theo hướng mở, vận dụng sáng tạo vào giải quyết những vấn đề thực tiễn, bao quát toàn bộ chương trình môn học. Đa dạng hóa các hình thức thi, kiểm tra: Viết, vấn đáp, thực hành hoặc trắc nghiệm khách quan,... Ở mỗi hình thức có thể sử dụng nhiều biện pháp thực hiện cụ thể khác nhau mà môn học vận dụng nâng cao chất lượng thi, kiểm tra.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐTBĐ cán bộ rất toàn diện, sâu sắc, có giá trị to lớn đối với công tác ĐTBĐ cán bộ cách mạng nói chung, cán bộ HCKT quân đội nói riêng. Quán triệt và vận dụng sáng tạo tư tưởng của Người trong giai đoạn hiện nay, cấp ủy, chỉ huy các cấp cần bám sát thực tiễn của đất nước, quân đội để xác định nội dung, chương trình và phương pháp dạy học phù hợp với từng đối tượng cán bộ HCKT. Đây là nền tảng nhằm nâng cao chất lượng đào tạo đội ngũ cán bộ HCKT đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới♦

Tài liệu tham khảo

1. Quân ủy Trung ương (2019), *Nghị quyết số 109-NQ/QUTW ngày 11/02/2019 “Về xây dựng đội ngũ cán bộ Quân đội, nhất là cấp chiến dịch, chiến lược đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới”*, Hà Nội.
2. Quân ủy Trung ương (2022), *Nghị quyết số 1657-NQ/QUTW, ngày 20/12/2022 “Về đổi mới công tác giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng Quân đội trong tình hình mới”*, Hà Nội.
3. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, Tập 3, 5, 6, 14*, Nxb CTQG, Hà Nội.

TĂNG CƯỜNG XÂY DỰNG SỰ ĐOÀN KẾT NHẤT TRÍ CỦA ĐẢNG THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Đại tá, TS. LÊ VIỆT THẮNG

Khoa Công tác đảng - công tác chính trị, Học viện Hậu cần

Bản Di chúc thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày càng sáng tỏ giá trị lịch sử và ý nghĩa định hướng cho cách mạng Việt Nam. Những tư tưởng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại trong Di chúc, nhất là vấn đề đoàn kết nhất trí của Đảng, vẫn là ngọn đuốc soi đường cho sự nghiệp cách mạng Việt Nam cả hôm nay và trong tương lai.

TRONG những năm 1965 - 1969, giữa lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đang bước vào một giai đoạn cực kỳ gay go, quyết liệt, Chủ tịch Hồ Chí Minh vừa tập trung chỉ đạo kháng chiến, kiến quốc, vừa dành thời gian viết tài liệu “Tuyệt đối bí mật” (Bản Di chúc). Trong Di chúc, Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn: “Phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng...”. Giá trị lý luận - thực tiễn phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng theo tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh thể hiện tập trung ở những nội dung cốt lõi:

Thứ nhất, đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân tộc ta. Người đã đưa ra một tổng kết lịch sử: Đoàn kết đem lại sức mạnh to lớn cho Đảng, và chính nhờ đoàn kết chặt chẽ, một lòng một dạ phục vụ giai cấp, phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, cho nên từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã đoàn kết, tổ chức và lãnh đạo nhân dân ta hăng hái đấu tranh tiến từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Từ đó, Người căn dặn: “Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”.

Thứ hai, phải thực hành dân chủ rộng rãi và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình. Không chỉ trong Di chúc mà trong rất nhiều

bài nói, bài viết trước đó của mình, Hồ Chủ tịch đều nói đến việc bảo đảm một nền dân chủ rộng rãi đi đôi với việc thực hiện phê bình và tự phê bình. Đó là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết nhất trí của Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu; khắc phục tình trạng kéo bè, kéo cánh, hách dịch, quan liêu, cửa quyền, hữu danh vô thực, xa rời quần chúng. Vì vậy, trước lúc đi xa, trong Di chúc, Người căn dặn: “Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng”.

Thứ ba, phải tu dưỡng đạo đức suốt đời. Chủ tịch Hồ Chí Minh thường xuyên nhắc nhở và chỉ rõ: Mỗi con người phải thường xuyên chăm lo tu dưỡng đạo đức như việc rửa mặt hàng ngày, đây cũng là công việc phải kiên trì bền bỉ suốt đời, không người nào có thể chủ quan tự mãn. Theo Người: “Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hàng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong”. Nếu không thường xuyên rèn luyện thì lúc khó khăn có thể vượt qua, có công với cách mạng, nhưng đến khi an nhàn lại sa vào chủ nghĩa cá nhân trở thành

con người ngăn cản cách mạng, cho dân, cho nước. Cũng chính vì lẽ đó mà tu dưỡng đạo đức phải gắn với thực tiễn bền bỉ trong mọi lúc, mọi nơi, mọi hoàn cảnh; có như vậy mới phân biệt được đạo đức mới khác với đạo đức cũ. Đây vừa là nguyên tắc vừa là biện pháp tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết nhất trí của Đảng.

Học tập và làm theo Di chúc Chủ tịch Hồ Chí Minh, hơn nửa thế kỷ qua, chúng ta càng hiểu sâu sắc về các giá trị lý luận - thực tiễn chứa đựng trong nội dung của Người và những di sản của Người để lại mãi mãi là động lực to lớn, là ngọn hải đăng dẫn dắt Đảng ta, dân tộc ta trên con đường đi tới tương lai tươi sáng. Trước yêu cầu ngày càng cao của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, toàn Đảng đang tiến hành tổ chức đại hội đảng các cấp, tiến tới Đại hội XIV của Đảng, cấp ủy, tổ chức đảng và mỗi cán bộ, đảng viên cần thấm nhuần sâu sắc Di chúc Chủ tịch Hồ Chí Minh. Để tăng cường xây dựng sự đoàn kết nhất trí của Đảng theo Di chúc Chủ tịch Hồ Chí Minh, trên tinh thần quán triệt Nghị quyết Trung ương 4 (Khóa XIII) và Quy định số 144-QĐ/TW, ngày 09/5/2024 về quy định chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên giai đoạn mới (Khóa XIII), cần nắm vững và thực hiện tốt những vấn đề chủ yếu sau đây:

Một là, tiếp tục giáo dục nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên về xây dựng đoàn kết nhất trí của Đảng theo Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Mỗi cán bộ, đảng viên học tập, nghiên cứu tư tưởng của Người phải liên hệ sâu sát, cụ thể vào trách nhiệm bản thân, của chi bộ, đơn vị mình trong xây dựng sự đoàn kết. Phải chỉ ra được những hạn chế, bất cập trong đấu tranh tự phê bình và phê bình để củng cố và phát triển sự đoàn kết. Đưa nội dung vấn đề đoàn kết nhất trí của Đảng gắn với thực

hiện Kết luận số 01-KL/TW, ngày 18/5/2021, của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016, của Bộ Chính trị Khóa XII “Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.

Hai là, củng cố và hoàn thiện cơ sở nền tảng để giữ vững và phát triển sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng. Đó là nền tảng tư tưởng của Đảng, là đường lối quan niệm và Điều lệ Đảng, là sự thống nhất về lợi ích của Đảng và của mỗi cán bộ, đảng viên. Trong tình hình hiện nay, nếu xa rời, từ bỏ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; nếu đường lối quan điểm của Đảng không được thấu triệt trong cán bộ, đảng viên và khi không thống nhất về những lợi ích căn bản thì không thể giữ vững và phát triển được sự đoàn kết thống nhất trong Đảng. Sự đoàn kết thống nhất này còn phụ thuộc vào hiệu quả của cuộc đấu tranh tư tưởng, lý luận để bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng. Theo đó, tổ chức đảng và mỗi cán bộ, đảng viên phải nêu cao trách nhiệm, vai trò trong cuộc đấu tranh rất gay go, quyết liệt này.

Ba là, thường xuyên chăm lo bồi dưỡng đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên. Đạo đức cách mạng là phẩm chất cơ bản, cốt lõi để hình thành, phát triển nhân cách của mỗi đảng viên. Đó cũng là thành tố quan trọng hàng đầu để xây dựng Đảng về đạo đức. Vì vậy, các cấp ủy, tổ chức đảng cần tích cực tuyên truyền, giáo dục để mọi cán bộ, đảng viên, quần chúng nâng cao nhận thức và ý thức gìn giữ, phát huy những giá trị chuẩn mực đạo đức, phẩm chất “trung với Đảng, hiếu với dân” mà lớp lớp các thế hệ cán bộ, đảng viên ta đã dày công vun đắp. Đồng thời, xây dựng lối sống có tình, có nghĩa, có trước, có sau, nhân hậu, thủy chung, đoàn kết, thương yêu,

tương trợ giúp đỡ lẫn nhau trên tình thương yêu đồng chí, bằng chính những hành động cụ thể trong cuộc sống hằng ngày; có thái độ nghiêm khắc đối với chính mình; khoan dung, độ lượng và tôn trọng đối với mọi người, “dĩ công vi thượng”. Các cấp ủy, tổ chức đảng phải giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên có đức tính “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư”, tận tụy trong công việc, sống trung thực, thẳng thắn, không tham ô, lãng phí của công, tránh lối sống vị kỷ, chủ nghĩa cá nhân, v.v. Trên cơ sở đó, mỗi cấp ủy, tổ chức đảng lấy thực tiễn quá trình công tác, hoạt động làm điều kiện, môi trường rèn luyện; lấy kết quả hoàn thành chức trách, nhiệm vụ, uy tín trước tập thể là thước đo đánh giá hiệu quả thực hành đạo đức của mỗi cán bộ, đảng viên.

Bốn là, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng. Cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp phải quán triệt và thực hiện nghiêm các quy định, nguyên tắc về công tác kiểm tra, giám sát, nhất là Quy định số 22-QĐ/TW, ngày 28/7/2021 của Ban chấp hành Trung ương Đảng về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; Quy định số 69-QĐ/TW, ngày 6/7/2022 của Bộ Chính trị về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm... Trên cơ sở đó, đề cao nhận thức, trách nhiệm, năng lực, phương pháp trong tổ chức thực hiện, đảm bảo cho công tác kiểm tra, giám sát phải theo đúng quan điểm “giám sát phải mở rộng, kiểm tra phải có trọng tâm, trọng điểm” và phương châm: Toàn diện, công khai, dân chủ, thận trọng, chặt chẽ, chính xác; kết hợp kiểm tra, giám sát với thi hành kỷ luật Đảng; lấy phòng ngừa, ngăn chặn hành vi vi phạm kỷ luật là chính. Chú trọng kiểm tra, giám sát người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ; chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ, quy chế làm việc; giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống,

phong cách công tác. Tăng cường kiểm tra, giám sát những tổ chức đảng, đảng viên có dấu hiệu vi phạm, nội bộ mất đoàn kết; tổ chức đảng ở cơ quan trọng yếu, hoạt động độc lập, quản lý cơ sở vật chất, lĩnh vực liên quan đến kinh tế, tài chính, nơi dễ phát sinh tiêu cực, v.v. Qua đó, phát hiện tổ chức đảng, đảng viên vi phạm ngay từ cơ sở; xem xét, giải quyết dứt điểm đơn thư tố cáo, khiếu nại; kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm kỷ luật, bảo đảm công minh, chính xác, đúng người, đúng tội, không có vùng cấm, rõ đến đâu xử lý đến đấy, tạo sự đồng thuận cao, giữ nghiêm kỷ luật Đảng.

Những tư tưởng cơ bản về vấn đề đoàn kết, nhất trí của Đảng trong Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trở thành quan điểm chỉ đạo, bài học kinh nghiệm quý báu và có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong bối cảnh quốc tế và tình hình đất nước ta hiện nay, việc đổi mới và chỉnh đốn đảng, nhất là vấn đề đoàn kết, nhất trí của Đảng đang là một nhiệm vụ quan trọng nhất, có ý nghĩa quyết định đối với toàn bộ sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Vì vậy, việc quán triệt và vận dụng đúng đắn Di chúc của Người về vấn đề đoàn kết, nhất trí của Đảng là việc làm cấp thiết♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Chính trị (2016), *Chỉ thị số 05-CT/TW về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*, Hà Nội.
2. Bộ Chính trị (2021), *Quy định số 22-QĐ/TW về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng*, Hà Nội.
3. Bộ Chính trị (2022), *Quy định số 69-QĐ/TW về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên vi phạm*, Hà Nội.

HOẠT ĐỘNG HẬU CẦN TẠI CHỖ TRONG CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH

Đại tá, PGS.TS. NGUYỄN NGỌC SƠN

Trưởng phòng Khoa học quân sự, Học viện Hậu cần

Thắng lợi của chiến dịch Hồ Chí Minh đã khẳng định tầm nhìn chiến lược của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng và sự sáng tạo, đóng góp, hy sinh to lớn của nhân dân, của ngành Hậu cần Quân đội trong chuẩn bị hậu cần trên các địa bàn chiến lược, góp phần quan trọng bảo đảm cho các lực lượng chiến đấu toàn thắng.

SAU các đòn tiến công chiến lược của ta vào Tây Nguyên, Huế, Đà Nẵng, địch lâm vào thế tuyệt vọng, khó tránh khỏi sụp đổ hoàn toàn. Bộ Chính trị quyết định giải phóng Sài Gòn trong tháng 4/1975. Ngày 14/4/1975, Quyết tâm chiến dịch Hồ Chí Minh được phê chuẩn. Hậu cần các cấp tích cực chuẩn bị bảo đảm cho tác chiến. Đây là chiến dịch tác chiến hiệp đồng binh chủng có quy mô rất lớn, diễn ra trên địa bàn rộng, thời gian chuẩn bị rất ngắn (từ ngày 05 ÷ 26/4/1975) nhưng nhu cầu vật chất hậu cần rất lớn, nhiều chủng loại, địa bàn tác chiến cách hậu phương lớn hơn 1.000 km... Vì vậy, bảo đảm hậu cần (BĐHC) chiến dịch đứng trước thử thách chưa từng có.

Tuy vậy, hậu cần chiến dịch (HCCD) cũng có thuận lợi là, Quân ủy và Bộ tư lệnh Miền (B2) đã xây dựng thế trận hậu cần (TTHC) tại chỗ liên hoàn, vững chắc, có tiềm lực mạnh, là cơ sở tổ chức BĐHC cho chiến dịch. Đặc biệt, sau Hiệp định Paris, Hậu cần B2 từ Campuchia chuyển về miền Nam; điều chỉnh thế bố trí; giải thể một số đoàn hậu cần (ĐHC), bổ sung lực lượng cho Quân khu 8, 9. Ngoài mạng đường có sẵn, Hậu cần B2 mở thêm 900 km đường ô tô tạo liên kết giữa các căn cứ hậu cần (CCHC); cuối năm 1974, hình thành 5 CCHC phía trước, 3 CCHC phía sau; kết hợp với CCHC Quân khu 6 (ở Tánh Linh, Võ Đắc), Quân khu 7 (Bà

Rịa), Quân khu Sài Gòn - Gia Định (Củ Chi), Quân khu 8 (Đồng Tháp Mười, Cần Giuộc), tạo TTHC liên hoàn, vững chắc, bao vây áp sát mục tiêu chiến lược Sài Gòn - Biên Hòa.

Trên cơ sở TTHC của B2 và được hậu cần chiến lược chi viện về mọi mặt, HCCD gấp rút điều chỉnh thế bố trí, bổ sung lực lượng, vật chất, kết hợp với hậu cần các binh đoàn hoàn chỉnh TTHC bảo đảm cho 5 hướng tiến công vào Sài Gòn. Theo đó, ĐHC 770 từ đầu cầu tiếp nhận cũ (Bù Gia Mập) xuống Đồng Xoài lập khu tiếp nhận mới và tổ chức Tổng kho chiến dịch. Các ĐHC 220, 340 điều chỉnh lực lượng để cùng lực lượng hậu cần (LLHC) trực thuộc Miền thành lập Cụm hậu cần dự bị ở An Lộc (Đoàn 220 phụ trách) và tăng cường lực lượng cho phía trước. Hậu cần các đơn vị trực thuộc B2 được tăng cường lực lượng, điều chỉnh tổ chức để bảo đảm cho các đơn vị phối hợp tác chiến trên các hướng chiến dịch. Để xử trí kịp thời các tình huống; tiền phương HCCD được tổ chức ở hướng Đông và Tây Nam; nhiều phái viên được phái xuống đơn vị kiểm tra, đôn đốc, nắm tình hình, giúp triển khai bảo đảm.

Từ ngày 08 ÷ 20/4/1975, HCCD hoàn thành điều chỉnh về hậu cần, điều ra phía trước hơn 10.000 người; thành lập 8 tiểu đoàn cơ động phục vụ bốc xếp, làm đường; 15 bệnh viện dã chiến và 17 đội điều trị,

có khả năng thu dung 10.000 thương binh (TB); 10 trạm sửa chữa xe, pháo. Đến ngày 25/4/1975, TTHC chiến dịch liên hoàn, vững chắc có tính cơ động cao đã hoàn chỉnh, sẵn sàng bảo đảm cho tác chiến. Trên hướng Tây Nam: ĐHC 240 bố trí ở Bắc Quốc lộ 4 (từ Tân An đi Bến Lức) liên hoàn với ĐHC 230 ở Nam - Bắc Quốc lộ 1 qua Đồng Tháp Mười, Quốc lộ 4 xuống Quân khu 8 và hậu cần Tỉnh đội Long An bảo đảm cho Đoàn 232 và các lực lượng đặc công, biệt động trên hướng này. Trên hướng Nam: Do hậu cần Quân khu 8 đảm nhiệm, tổ chức thêm một cánh hậu cần thọc sâu ở Cần Giuộc, kết hợp với hậu cần nhân dân bảo đảm cho Sư đoàn 8/Quân khu 8, lực lượng đặc công, biệt động ở Nam Sài Gòn. Trên hướng Đông: ĐHC 814 ở Nam sông Đồng Nai - Quốc lộ 20 - Quốc lộ 1 (gần Bà Rịa) cùng với hậu cần Quân khu 7, Quân đoàn 2, 4 để bảo đảm cho các lực lượng hoạt động trên hướng này. Trên hướng Bắc: ĐHC 210 ở Nam Đồng Xoài - Bến Bàu, liên hoàn với hậu cần Quân đoàn 1 bảo đảm cho các lực lượng. Trên hướng Tây Bắc (chủ yếu): Dựa vào ĐHC 235, kết hợp với hậu cần Quân đoàn 3 thành thể liên hoàn để bảo đảm cho tác chiến của Quân đoàn 3 và các lực lượng hoạt động trên hướng Tây Bắc Sài Gòn.

Khâu then chốt tổ chức TTHC là tổ chức mạng đường vận tải để cơ động lớn lực lượng và vật chất. Ngoài hai tuyến vận tải chiến lược do cấp chiến lược tổ chức; HCCD tổ chức 6 tuyến vận tải từ tuyến sau đến các ĐHC tuyến trước và CCHC các quân đoàn. Tuyến 1: Từ Lộc Ninh tới Dầu Dây theo trục đường Lộc Ninh, Đồng Xoài, Vĩnh An, Cây Gáo (Đồng Nai) xuống Đoàn 814, Quân đoàn 4, Quân khu 7 ở Túc Trưng, Xuân Lộc và Bình Sơn. Tuyến 2: Từ Bù Gia Mập qua Đồng Xoài - Bến Bàu (sông Bé) xuống các cụm hậu cần Quân đoàn 1 và ĐHC 210. Tuyến 3: Từ Bù Gia Mập - Đồng Xoài đi Chơn Thành, Dầu Tiếng, qua Nam

sông Sài Gòn xuống các cụm hậu cần ĐHC 235 và Quân đoàn 3. Tuyến 4: Từ Bù Gia Mập đi Lộc Ninh, An Lộc, Dầu Tiếng, hỗ trợ cho Tuyến 3 ở hướng tiến công chủ yếu. Tuyến 5: Từ Bù Gia Mập qua Lộc Ninh đi Lò Gò - Tà Nong xuống Ba Thu - Đồng Tháp Mười đến các ĐHC 230, 240B, Đoàn 232 và Quân khu 8. Tuyến 6: Tuyến dự bị, dựa vào Quốc lộ 13 đi thẳng xuống Bình Dương - Sài Gòn khi chiến dịch phát triển; đồng thời, sẵn sàng mở tuyến vận tải tắt ngang Dầu Tiếng qua Quốc lộ 1, đoạn Củ Chi - Trảng Bàng, để tới Hậu Nghĩa xuống hướng Tây Nam. Bộ chỉ huy chiến dịch và các quân đoàn tăng cường lực lượng công binh cùng hậu cần mở đường, làm cầu phà, bến vượt, tổ chức chuyển tải qua sông...

Để bảo đảm cho các đơn vị tham gia chiến dịch (4 quân đoàn, Đoàn 232 và các đơn vị; tổng quân số 30 vạn người) tác chiến 01 tháng, nhu cầu chiến dịch cần 60.000 tấn vật chất (25.000 tấn lương thực, thực phẩm (LTTP); 25.000 tấn vũ khí đạn dược; 8.500 tấn xăng dầu và 1.500 tấn thuốc quân y và hàng khác); bảo đảm hệ số kỹ thuật xe, súng pháo từ 85% - 90%... Khi mở chiến dịch, Hậu cần B2 dự trữ 40.000 tấn vật chất (22.000 tấn quân nhu; 2.000 tấn xăng dầu; 1.000 tấn thuốc và dụng cụ quân y; 15.000 tấn vũ khí, đạn dược), đạt 60% nhu cầu. Để bổ sung gấp 20.000 tấn vật chất (chủ yếu đạn pháo lớn và xăng dầu), HCCD triệt để huy động vật chất tại chỗ (tồn kho B2), tận thu chiến lợi phẩm và điều hòa những loại đạn thừa, thiếu giữa các đơn vị để bảo đảm đồng bộ. Từ ngày 04 ÷ 26/4, Tổng cục Hậu cần, Tổng cục Kỹ thuật thu vét 5.100 tấn đạn pháo lớn và 600 tấn xăng dầu ở tuyến Trường Sơn, Tây Nguyên và Quân khu 5 chuyển thẳng vào chiến trường. Các quân đoàn, đơn vị quân binh chủng mang theo hành quân vào 5.000 tấn đạn, 1.500 tấn xăng dầu. Ngày 26/4/1975, vật chất dự trữ cho chiến dịch 55.000 tấn (25.000 tấn đạn, 4.500 tấn xăng dầu),

đạt 90% kế hoạch; trong đó, dự trữ ở kho tuyến trước HCCD là 23.000 tấn. Riêng hướng Tây Nam (xa nhất) cũng dự trữ 6.000 tấn (3.000 tấn đạn, 300 tấn xăng dầu) đáp ứng nhu cầu tác chiến. Quá trình tác chiến ta tiếp tục bổ sung nên đến ngày 30/4/1975 có 60.647 tấn vật chất dự trữ cho chiến dịch (đạt 101% nhu cầu).

Chuẩn bị hậu cần là nội dung quan trọng của chuẩn bị tác chiến; chuẩn bị chu đáo, đầy đủ, toàn diện góp phần quyết định vào thắng lợi. Ngày nay, những kinh nghiệm chuẩn bị BĐHC chiến dịch Hồ Chí Minh, đặc biệt là chuẩn bị hậu cần tại chỗ vẫn nguyên giá trị, cần nghiên cứu vận dụng, phát triển trong xây dựng TTHC tại chỗ trên các địa bàn chiến lược đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới; trong đó, cần tập trung vào các vấn đề chủ yếu sau:

Một là, quán triệt sâu sắc chủ trương, đường lối quân sự - quốc phòng (QP), Chiến lược bảo vệ Tổ quốc của Đảng và Nhà nước, tích cực, chủ động chuẩn bị trước về hậu cần. Trước hết, nghiên cứu tham mưu cho Bộ về quy hoạch TTHC, quản lý chặt chẽ và kịp thời điều chỉnh, hoàn thiện quy hoạch phù hợp với sự phát triển từng thời kỳ. Tham mưu cho Bộ chỉ đạo, đầu tư từng bước xây dựng CCHC cấp chiến lược, chiến dịch, khu vực phòng thủ (KVPT) trên cơ sở kết hợp kinh tế (KT) với QP và QP với KT; ưu tiên các hướng, khu vực trọng điểm và hệ thống hạ tầng cơ sở (giao thông, y tế, công nghiệp chế biến...); xây dựng các công trình lưỡng dụng; cải tạo các hang động; bảo vệ, chăm sóc và trồng mới rừng... góp phần phát triển kinh tế - xã hội, thời chiến là nơi triển khai các cơ sở hậu cần. Cùng với đó, xây dựng các cơ sở sản xuất hậu cần, có phương án dự trữ trước vật tư chiến lược, công nghệ của một số nhà máy, xí nghiệp hậu cần; nâng cao hiệu quả hoạt động của các đoàn KTQP... không ngừng tăng cường tiềm lực

tại chỗ, nhất là địa bàn trọng yếu. Xây dựng hậu cần tại chỗ trong sự gắn kết chặt chẽ với cơ sở KT và “Thế trận lòng dân”, lấy hậu cần nhân dân rộng khắp làm cơ sở, hậu cần KVPT làm nền tảng và hậu cần chiến lược, chiến dịch làm nòng cốt; tạo nguồn, khai thác tiềm năng tại chỗ là cơ bản, từng bước hình thành các khu vực hậu cần tại chỗ có khả năng độc lập bảo đảm và chuyển hoá nhanh, thích ứng mọi tình huống.

Hai là, xây dựng LLHC thường trực vững mạnh về chính trị, tinh gọn, mạnh; lực lượng dự bị động viên chất lượng cao, sẵn sàng động viên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong các tình huống. Theo đó, quy hoạch, có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ nhân viên các cấp có phẩm chất đạo đức tốt, bản lĩnh vững vàng, tri thức cao, kỹ năng nghề nghiệp giỏi, sức khoẻ tốt... là khâu then chốt. Xây dựng, quản lý, huấn luyện LLHC dự bị động viên chặt chẽ, chú trọng kiểm tra, luyện tập tổng hợp, diễn tập nâng cao khả năng sẵn sàng huy động, động viên.

Mặt khác, định kỳ rà soát, hoàn thiện các phương án, kế hoạch BĐHC trong các tình huống; tăng cường huấn luyện, diễn tập nâng cao khả năng SSCĐ. Tổ chức dự trữ, quản lý chặt chẽ vật chất, phương tiện SSCĐ ở các cấp. Rà soát, hoàn thiện chiến lược và kế hoạch mua sắm, phát triển trang bị hậu cần, bảo đảm đồng bộ với trang bị tác chiến, theo hướng “đón đầu, đi tắt” vào công nghệ mới, đáp ứng yêu cầu: Gọn, nhẹ, tiện dụng, hiện đại. Trong đó, ưu tiên đơn vị xây dựng tinh nhuệ, hiện đại (Phòng không-Không quân, Hải quân, Tác chiến điện tử...), đáp ứng yêu cầu SSCĐ và tác chiến tương lai. Chú trọng phát triển trang bị vận tải có khả năng tàng hình, cơ động linh hoạt và các trang bị quân y bảo đảm dã chiến hiện đại... Nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ cải tiến trang bị hiện có, tự sản xuất ngày càng nhiều trang bị hiện đại.

Ba là, quán triệt, thực hiện sáng tạo chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước, tiếp tục đẩy mạnh xây dựng KVPT vững mạnh toàn diện theo tinh thần Nghị quyết số 28-NQ/TW, ngày 22/09/2008 của Bộ chính trị; Nghị định 21/2019/NĐ-CP, ngày 22/2/2019 của Chính phủ đi vào chiều sâu cả về thể trận, tiềm lực; không ngừng nâng cao khả năng BĐHC của từng KVPT. Theo đó, định kỳ kiện toàn tổ chức, hoàn thiện quy chế hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả, hiệu lực của hội đồng cung cấp trong xây dựng và huy động các nguồn lực; chú trọng xây dựng lực lượng dự bị động viên chất lượng cao; kết hợp chặt chẽ phát triển KT-XH với tăng cường QP-AN và tiềm lực hậu cần KVPT.

Trên cơ sở quy hoạch, phương án tác chiến cơ bản, thực tiễn... tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương từng bước đầu tư xây dựng các căn cứ hậu phương, CCHC của KVPT trên cơ sở kết hợp KT với QP. Những KVPT trên địa bàn trọng điểm, khi xảy ra chiến tranh, tác chiến rất ác liệt, thể trận HC-KT cần xây dựng vững chắc, có khả năng chuyển hoá linh hoạt, hệ thống công trình phòng hộ phải vững chắc; có khả năng độc lập bảo đảm cao với lực lượng dự bị cơ động mạnh. Ngay thời bình, định kỳ kiểm tra, diễn tập đánh giá, rút kinh nghiệm và có giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của KVPT (trong đó có hậu cần). Chú trọng xây dựng và phát huy vai trò nòng cốt của hậu cần quân sự địa phương trong tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương trong xây dựng hậu cần KVPT.

Bốn là, vận dụng, phát triển kinh nghiệm tổ chức bảo vệ, duy trì khả năng BĐHC kịp thời, liên tục trong tác chiến. Trước hết, cần nghiên cứu hoàn thiện về phương pháp tổ chức và thời cơ cơ động lực lượng, chuyển vật chất (nhất là nhiên liệu, vũ khí đạn) vào các khu triển khai bảo đảm, các CCHC. Quá trình vận chuyển cần kết hợp lực lượng, phương tiện của quân đội, Nhà nước, của

dân; sử dụng đa phương thức, đa phương tiện hòa lẫn trong hoạt động chung thời chiến, hạn chế vận chuyển từ xa. Triệt để tận dụng thời cơ giữa các đợt tác chiến, trận chiến đấu để vận chuyển, bổ sung kịp thời vật chất, trang bị và chuyển thương binh theo địa chỉ.

Trong tác chiến tương lai, nguy trang, nghi trang bảo vệ mục tiêu hậu cần phải vận dụng tổng hợp biện pháp kỹ thuật và nghệ thuật nhằm “giấu thật, bày giả”. Bố trí hậu cần phân tán hợp lý, triệt để tận dụng và cải tạo địa hình, nhất là các hang động; dịch chuyển, di chuyển kịp thời; luôn có lực lượng dự bị cơ động đủ mạnh để xử trí kịp thời các tình huống. Mặt khác, hiệp đồng chặt chẽ với các lực lượng tác chiến bảo vệ mục tiêu, nhất là trước đòn tiến công của máy bay không người lái (UAV), tên lửa (một thách thức mới trong các cuộc chiến tranh hiện nay)... Tổ chức khắc phục nhanh hậu quả do địch đánh phá, duy trì khả năng bảo đảm liên tục, kịp thời.

50 năm đã trôi qua, những kinh nghiệm chuẩn bị BĐHC chiến dịch Hồ Chí Minh nói chung, xây dựng và phát huy vai trò hậu cần tại chỗ nói riêng vẫn nguyên giá trị và tính thời sự. Với bản lĩnh, tri thức khoa học và năng lực tổ chức thực hiện sáng tạo, ngành Hậu cần - Kỹ thuật Quân đội sẽ kế thừa, phát triển kinh nghiệm đó trong xây dựng TTHC của nền quốc phòng toàn dân ngày càng vững chắc, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới♦

Tài liệu tham khảo

1. Tổng cục Hậu cần (2001), *Tổng kết hậu cần trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Tổng cục Hậu cần (1999), *Lịch sử hậu cần Quân đội nhân dân Việt Nam (1954 - 1975)*, tập 2, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Tổng cục Hậu cần (1998), *Công tác hậu cần chiến dịch Hồ Chí Minh*, Nxb QĐND, Hà Nội.

NÉT ĐỘC ĐÁO VỀ CHUYỂN HÓA THỂ TRẬN HẬU CẦN CHIẾN DỊCH TÂY NGUYÊN VẬN DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN BẢO ĐẢM HẬU CẦN CHIẾN DỊCH TIẾN CÔNG TRONG CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC

Đại tá, TS. ĐỒNG VĂN THƯỜNG

Trung tá, ThS. NGUYỄN VĂN KIÊN

Khoa Hậu cần Chiến dịch, Học viện Hậu cần

Cách đây 50 năm, Chiến dịch Tây Nguyên giành thắng lợi, tạo thời cơ và tiền đề rất quan trọng cho đại thắng mùa Xuân năm 1975, thống nhất đất nước. Nét độc đáo trong Chiến dịch Tây Nguyên là nghệ thuật chuyển hóa thể trận tác chiến; theo đó, HCCD cũng chuyển hóa thể trận linh hoạt để bảo đảm cho lực lượng cơ động tác chiến thắng lợi.

NGÀY 04/3/1975, Chiến dịch Tây Nguyên chính thức bắt đầu, với mục tiêu tiến công chủ yếu là Buôn Ma Thuột. Để bảo đảm hậu cần (BĐHC) cho chiến dịch, Cục Hậu cần Mặt trận Tây Nguyên đã khẩn trương tiếp nhận vật chất hậu cần (VCHC) từ các nguồn, tổ chức Cơ quan Hậu cần Chiến dịch (HCCD), bố trí lực lượng, cơ sở hậu cần, tạo lập và chuyển hóa TTHC phù hợp với yêu cầu tác chiến, tạo nên nét độc đáo trong chuyển hóa TTHC, thể hiện ở một số vấn đề sau:

Thứ nhất, HCCD chủ động chuẩn bị TTHC, bố trí phù hợp với ý định tổ chức lực lượng tác chiến của Bộ Tư lệnh chiến dịch, tạo thành mạng lưới hậu cần rộng khắp trong chiến trường Tây Nguyên. Sau Hiệp định Paris, cách mạng có sự phát triển nhanh. Tháng 10/1974, Bộ Chính trị chỉ thị “phải tiến hành mọi công việc chuẩn bị thật khẩn trương,... Thời cơ này không cho phép lừng chừ, do dự”. Thực hiện quyết tâm đó và nắm chắc ý định tổ chức lực lượng của Bộ Tư lệnh Chiến dịch Tây Nguyên, HCCD đã củng cố, điều chỉnh thể bố trí hậu cần chiến trường Tây Nguyên và hậu cần của

các sư đoàn chủ lực. Theo đó, Hậu cần Sư đoàn 316 được bố trí ở Đắc Đam, Đắc Lắc; Hậu cần Sư đoàn 968 cơ động từ Lào về Gia Lai, Kon Tum; Hậu cần Sư đoàn 316 từ Cánh Đồng Chum (Xiêng Khoảng) cơ động về Nam Tây Nguyên; tuyến Vận tải Chiến lược Trường Sơn được bố trí theo phía Tây trục Đường 14 và trục đường dọc chiến lược của Đoàn 559 mở mới. Đồng thời, điều chỉnh, kiện toàn các kho trạm, cánh hậu cần, đoàn hậu cần, binh trạm hậu cần (hoặc căn cứ hậu cần - CCHC) cho phù hợp. Với thể bố trí hậu cần được chuẩn bị chu đáo, HCCD dự trữ khoảng hơn 10.000 tấn VCHC, đã cung cấp cho bộ đội 3.210 tấn VCHC (trong đó có 1.324 tấn xăng dầu, 1.081 tấn LTTP).

Thứ hai, cơ động, nhanh chóng triển khai lực lượng hậu cần (LLHC), tổ chức các thành phần hậu cần thành các tuyến bảo đảm cho lực lượng cơ động tác chiến. Trên cơ sở TTHC chuẩn bị trước, HCCD tiến hành cơ động LLHC từ phía Bắc, phía Tây và phía Nam Tây Nguyên, các thành phần hậu cần được tổ chức lại, tạo thành TTHC mới. Cụ thể là: Hậu cần Mặt trận rút

lực lượng từ các Binh trạm hậu cần Bắc, ở Nam Tà Xềng - Tây Đắc Tô, bảo đảm cho lực lượng tiến công vào Kon Tum; Binh trạm Trung, ở Chu Plô Phu nơ, bảo đảm cho hướng tiến công Plây Cu; tổ chức Cụm kho K10, ở Đông Nam Ia Sup và K20, ở Bắc Đức Lập để bảo đảm cho các lực lượng tiến công vào Đức Cơ ở Nam Tây Nguyên. Binh trạm Nam triển khai ở Plây Thè - Chư Pông bảo đảm cho hướng tiến công Nam Đường 19. Bước vào Chiến dịch, HCCD cơ động lực lượng, chuyển hóa thể trận linh hoạt, “triển khai thành 5 cụm hậu cần: 2 ở phía sau, 3 ở phía trước” bảo đảm cho các lực lượng tham gia chiến dịch. Ở hướng Bắc, HCCD tổ chức cụm hậu cần K10A ở phía sau, có nhiệm vụ tiếp nhận VCHC của tuyến giao thông vận tải chiến lược và của các binh trạm hậu phương chuyển tới, bảo đảm cho các lực lượng tác chiến gần đó và các cụm hậu cần phía trước. Hai cụm hậu cần phía trước là K10B sẽ bảo đảm cho Sư đoàn bộ binh 320 đánh địch trên Đường 14; B38 bảo đảm cho các lực lượng tiến công Buôn Ma Thuột từ hướng Bắc. Trên hướng Nam, tổ chức cụm K20A ở phía sau bảo đảm cho Sư đoàn 10 đánh Đức Lập và K20B ở phía trước bảo đảm cho Sư đoàn 316, lực lượng tiến công Buôn Ma Thuột. Với TTHC mới được chuyển hoá, HCCD đã bảo đảm cho lực lượng chiến dịch tiến hành tác chiến giai đoạn 1 (từ 4 ÷ 9/3/1975), đánh cắt giao thông, thực hiện chia cắt chiến dịch, chiến lược và giai đoạn 2 (từ 10 ÷ 11/3/1975), tiến công Buôn Ma Thuột; đồng thời, bảo đảm cho các lực lượng đánh địch cơ cụm ở phía Đông Buôn Ma Thuột, truy kích quân địch ở Phước An.

Như vậy, từ TTHC được chuẩn bị trước, HCCD đã cơ động lực lượng, chuyển hoá thể trận hậu cần tạo thành mạng lưới

HCCD được tổ chức thành 2 tuyến: Tuyến chiến dịch và tuyến chiến thuật (các sư đoàn, trung đoàn độc lập) cho phù hợp với tình hình thể trận tác chiến, thể đứng chân của các lực lượng tham gia chiến dịch có kết nối qua mạng đường vận tải trên địa bàn chiến dịch. Mạng lưới HCCD đã bảo đảm cho các lực lượng thực hành tác chiến thắng lợi. Đặc biệt, trong truy kích địch rút chạy trên Đường 7 và Đường 21, HCCD giao Cụm K10B và K20B tổ chức LLHC cơ động, vận chuyển vật chất và lực lượng quân y cơ động theo đội hình chiến đấu để bảo đảm.

Thứ ba, tổ chức LLHC linh hoạt, triển khai hợp lý, phù hợp với thể trận chiến dịch. Trên cơ sở lực lượng vận tải và quân y hiện có và cấp trên tăng cường, HCCD tổ chức đội hình xe vận tải cơ giới mạnh, các trạm sửa chữa, đội điều trị, bố trí trong cụm hậu cần và trạm lẻ trên các hướng, bám sát các sư đoàn chiến đấu.

Trên hướng chủ yếu ở Nam Tây Nguyên, ta bố trí phần lớn cơ quan và các đơn vị hậu cần để bảo đảm cho chiến dịch. Tổ chức thành 5 cụm hậu cần, trên 2 hướng: Hướng Bắc thị xã Buôn Ma Thuột, có bệnh viện dã chiến Z200 (-); 2 Đội điều trị (ĐĐT) 17, 48; 1 đội vệ sinh phòng dịch (VSPD); 2dVT ô tô; 1cVT bộ; dKho 375 và một số LLHC khác. Được tổ chức thành 3 cụm: K10A ở phía sau, K10B và B38 ở phía trước, bảo đảm cho các lực lượng chiến đấu. Bố trí ở phía Bắc, cách Buôn Ma Thuột khoảng 10 ÷ 30 km. Hướng Tây Buôn Ma Thuột, có bệnh viện dã chiến Z10(-); 1 ĐĐT (25); 1 tổ VSPD; 2cVT ô tô; 1dVT bộ(-); dKho 275 và một số LLHC khác. Được tổ chức thành 2 cụm: K20A ở phía sau, K20B ở phía trước, bảo đảm cho các lực lượng chiến đấu. Bố trí ở khu vực Đắc Đam, cách Buôn Ma Thuột

khoảng 40 km. Ngoài ra, còn tổ chức cụm kho trung tuyến (Cụm B37) ở khu vực Đức Cơ và 3 trạm xăng dầu trên tuyến Kon Tum - Đức Lập (mỗi trạm 35 ÷ 50 tấn).

Trên hướng phối hợp Bắc Tây Nguyên, có 3 binh trạm, 2 bệnh viện khu vực, 1 bệnh viện tuyến cuối, 1dVT bộ, 1dVT ô tô làm nhiệm vụ bảo đảm cho các đơn vị tác chiến Bắc Tây Nguyên và tiếp nhận từ tuyến sau, làm quân y tuyến sau của chiến dịch, tổ chức tăng gia sản xuất.

Ngoài ra, HCCD còn tổ chức 1 ĐĐT(-) làm LLHC dự bị; mỗi hướng tổ chức LLHC cơ động sẵn sàng chi viện đơn vị khi có tình huống; tăng cường cho eBB25 1 ban của ĐĐT17, cho eĐC198 1 bác sỹ và thuốc quân y, cho fBB320 1 ban của bệnh viện Z200, cho fBB3 1 tổ VSPD.

Lực lượng hậu cần phía trước là hậu cần các đơn vị, các binh trạm (như CCHC), các cụm kho, đoàn hậu cần, cơ sở an dưỡng, điều trị, xưởng sản xuất... được sự bảo đảm của hậu cần chiến lược.

Thứ tư, tổ chức hệ thống vận tải rộng khắp trên chiến trường. Với phương châm, triệt để tận dụng mạng đường sẵn có, kết hợp mở đường bí mật, san, lấp hố bom, sửa đường để kết nối các LLHC, kết nối các đơn vị, HCCD đã tạo nên hệ thống đường vận tải dài 1.299 km (48 km đường nhựa, 170 km đường cấp phối, 1.081 km đường đất); ngoài ra, còn có 437 km đường sông. Trên cơ sở các tuyến, mỗi tuyến, ta tổ chức binh trạm vận tải, trạm trung chuyển, kho, bãi giao nhận hàng từ Hậu cần chiến lược đến HCCD và hậu cần các đơn vị. Đặc biệt, ta đã có tuyến đường ống xăng dầu bảo đảm cho xe cơ giới.

Khi bước vào chiến dịch, lực lượng vận tải chiến dịch, gồm 2dVT ô tô, 2dVT

bộ và 200 xe đạp thồ; được tổ chức ở 2 cụm hậu cần: Ở cụm hậu cần hướng Tây (K20A), gồm: 1cVT ô tô 372; 1cVT ô tô/d VT ô tô 827; 1dVT bộ; 1 tổ VT ô tô chuyển thương. Ở cụm hậu cần hướng Bắc (K10B), gồm: 1 dVT ô tô 372(-); 1 dVT ô tô 827(-); 1dVT bộ; 1 tổ VT ô tô chuyển thương. Trong chiến dịch, lực lượng vận tải đã vận chuyển khoảng 19.660 tấn vật chất các loại; HCCD vận chuyển cơ giới được khoảng 18.000 tấn, vận chuyển thô sơ, sức người khoảng 1.660 tấn; vận chuyển được 2.416 TBBB.

Trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (nếu xảy ra), chiến dịch tiến công (CDTC) sẽ có nhiều thay đổi. Do đó, cần kế thừa và vận dụng, phát triển sự độc đáo về chuyển hoá TTHC chiến dịch Tây Nguyên trên một số vấn đề sau:

Một là, chủ động chuẩn bị TTHC, kịp thời triển khai bảo đảm cho lực lượng tác chiến. Trong CDTC, nhu cầu VCHC lớn, phạm vi bảo đảm rộng, nhiều đầu mối, địa hình phức tạp, dễ bị chia cắt, tình huống chiến đấu rất ác liệt, biến động cao; vì vậy, phải tích cực chuẩn bị TTHC mới đáp ứng yêu cầu tác chiến. Muốn vậy, ngay từ thời bình, cần chú trọng tập trung xây dựng các CCHC, phân CCHC trên các hướng, khu vực dự kiến mở chiến dịch. Tận dụng địa hình, các công trình có sẵn để chuẩn bị CCHC, phân CCHC trên hướng phòng thủ chủ yếu; đồng thời, xây dựng cơ sở hạ tầng, nhất là đường vận tải, tạo thể liên hoàn giữa các thành phần hậu cần. Hiệp đồng với hậu cần khu vực phòng thủ (KVPT) nơi dự kiến bố trí CCHC, phân CCHC để bảo vệ các công trình hậu cần đã, đang và sẽ được xây dựng. Để khi mở CDTC có thể điều chỉnh TTHC theo thể trận chiến dịch, đáp ứng yêu cầu bảo đảm.

Hai là, tổ chức hệ thống hậu cần liên hoàn, vững chắc, linh hoạt, kịp thời bảo đảm cho các lực lượng tác chiến. Trên cơ sở phương án tác chiến (dự kiến), HCCD xây dựng phương án BĐHC phù hợp, chú trọng xây dựng CCHC. Đồng thời, HCCD tổ chức hệ thống hậu cần liên hoàn giữa các thành phần của CCHC, phân CCHC, bảo đảm tính vững chắc, linh hoạt khi chuyển hoá TTHC. Bên cạnh đó, cần xây dựng phương án sử dụng CCHC, phân CCHC của KVPT tỉnh, thành phố, quân khu thành CCHC, phân căn cứ HCCD để bảo đảm cho tác chiến. Trong tác chiến, vừa tiến hành điều chỉnh, bổ sung, chuyển hoá TTHC, vừa duy trì bảo đảm liên tục cho các nhiệm vụ.

Ba là, tổ chức, sử dụng LLHC cơ động mạnh. Trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, địch sẽ sử dụng lực lượng, phương tiện hiện đại, có tính cơ động và độ chính xác cao; do đó, chúng có thể chuyển hướng tiến công nhanh, trinh sát phát hiện các mục tiêu và đánh phá gây tổn thất cho HCCD. Mặt khác, CDTC về cơ bản vẫn lấy các sư đoàn bộ binh được biên chế hoá lực mạnh làm nòng cốt; cho nên, tác chiến sẽ rất linh hoạt, cơ động cao. Do vậy, HCCD phải tổ chức, sử dụng LLHC có tính cơ động cao, thực hiện “BĐHC đi cùng”. Đây là vấn đề mới, phức tạp và luôn vận động phát triển, đòi hỏi phải tiếp tục nghiên cứu bổ sung hoàn thiện và vận dụng linh hoạt, sáng tạo để bảo đảm cho chiến dịch.

Bốn là, phát huy sức mạnh tổng hợp các thành phần, lực lượng để xây dựng mạng lưới hậu cần trên địa bàn chiến dịch. Cần phát huy sức mạnh tổng hợp của: LLHC trong biên chế (làm nòng cốt), LLHC địa phương; LLHC của cấp trên tăng cường. Trên cơ sở đó, tiến hành xây dựng mạng lưới hậu cần trên địa bàn chiến dịch gồm:

Xây dựng mạng đường vận tải; xây dựng thể bố trí các thành phần hậu cần; xây dựng và triển khai các thành phần hậu cần theo thể bố trí đã xác định. Theo đó, HCCD phải chỉ đạo, tổ chức mở đường mới trên cơ sở mạng đường đã có trên địa bàn chiến dịch; xác định các trục đường dọc, ngang, chính thức, dự bị và các bến vượt sông; xác định vị trí bố trí các thành phần, lực lượng HCCD tạo thành TTHC liên hoàn, vững chắc nhưng có thể chuyển hoá linh hoạt để bảo đảm. Coi trọng xây dựng LLHC bảo đảm cho các trận then chốt, then chốt quyết định.

Thắng lợi của Chiến dịch Tây Nguyên đã để lại bài học quý báu về chuyển hóa TTHC linh hoạt bảo đảm cho lực lượng tác chiến đúng thời cơ; đến nay, vẫn còn nguyên giá trị. Vì vậy, cần tiếp tục nghiên cứu để vận dụng, phát triển trong BĐHC chiến dịch tiến công phù hợp với điều kiện mới của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tổng tham mưu (2019), *Nghệ thuật chiến dịch tiến công*, Nxb QĐND, Hà Nội
2. Bộ Tổng Tham mưu (2019), *Bảo đảm hậu cần trong chiến dịch tiến công*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Tổng cục Hậu cần (1992), *Lịch sử Hậu cần Quân đội nhân dân Việt Nam, Tập 2 (1954 - 1975)*, Nxb QĐND, Hà Nội.
4. Tổng cục Hậu cần (2000), *Lịch sử HCCD trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)*, Nxb QĐND, Hà Nội.
5. Viện Lịch sử quân sự Việt Nam (1991), *Chiến dịch tiến công Tây Nguyên Xuân 1975*, Hà Nội.
6. Vũ Hồng Hà và Ban đề tài (2024), *Phát triển lý luận BĐHC tác chiến tiến công chiến lược trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc*, Đề tài khoa học cấp Bộ Quốc phòng, Học viện Hậu cần, Hà Nội.

KINH NGHIỆM TỔ CHỨC, SỬ DỤNG, BỐ TRÍ LỰC LƯỢNG HẬU CẦN CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH HƯỚNG KẾ THỪA, PHÁT TRIỂN TRONG CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC

Đại tá, PGS.TS. HOÀNG ĐẠI NAM

Phòng Khoa học quân sự, Học viện Hậu cần

Thiếu tá, CN. NGUYỄN MINH HOÀNG

Trường quân sự, Quân khu 5

TRONG tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, bằng các đòn tiến công chiến lược, quân ta đã đập tan các tuyến phòng thủ của địch ở Tây Nguyên, Huế, Đà Nẵng, các tỉnh duyên hải miền Trung và Phan Rang - Xuân Lộc. Mặc dù tinh thần hoang mang, binh lực sa sút nhưng địch vẫn ngoan cố giữ địa bàn còn lại của các Quân khu 3, 4.

Nắm chắc tình hình, Bộ Chính trị quyết định mở chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Lực lượng chiến dịch gồm 4 quân đoàn (1, 2, 3, 4), Đoàn 232 và một bộ phận không quân, hải quân cùng lực lượng vũ trang (LLVT) địa phương, nhân dân trên địa bàn chiến dịch. Đúng 17 giờ ngày 26/4/1975, chiến dịch mở màn, ta đồng loạt tiến công trên 5 hướng; đến 11 giờ 30 phút 30/4/1975, Sài Gòn hoàn toàn giải phóng, kết thúc chiến dịch.

Trong chiến dịch này, hậu cần chiến dịch (HCCD) đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, bảo đảm được 60.500 tấn vật chất; trong đó có 40.000 tấn do B2 chuẩn bị sẵn, 9.347 tấn các đơn vị mang theo vào chiến dịch; cứu chữa 8.376 thương binh. Có được kết quả đó là do HCCD đã giải quyết thành công, sáng tạo nhiều vấn đề về nghệ thuật bảo đảm hậu cần (BĐHC). Trong đó, vấn đề tổ chức, sử dụng, bố trí lực lượng hậu cần (LLHC) giữ vai trò quan trọng, có thể đúc kết ở những kinh nghiệm quý báu sau:

Một là, quán triệt sâu sắc quan điểm, tư tưởng, đường lối quân sự của Đảng, chủ động, khẩn trương, linh hoạt chuẩn bị lực lượng, triển khai bố trí hậu cần tạo được

thế vững, lực mạnh có khả năng vươn sâu, vươn xa áp sát mục tiêu chủ yếu. Theo đó, tháng 11/1974, lực lượng tiền trạm hậu cần đi chuẩn bị theo phương án đánh Đức Lập, Thuận Mẫn, tháng 12/1974 triển khai cụm K20 (ở Tây Đức Lập) và K40 (khu vực Suối Vắt, hướng Gia Nghĩa - Kiến Đức). Lực lượng quân y có bệnh viện dã chiến Z200 (tách từ bệnh viện 211), Đội điều trị 3, 17, 25. Tháng 01/1975 sau khi trinh sát, ta triển khai cụm K10A, K10B ở Bắc thị xã Buôn Ma Thuột. Theo phương án mới rút cụm K40 về nhập vào K10A,B. Viện 1 của mặt trận tổ chức thành bệnh viện dã chiến Z100 đến thay thế cho Z200 ở cụm K20. Bệnh viện dã chiến Z200 cùng Đội điều trị 17 sang triển khai ở cụm K10A,B. Riêng Đội điều trị 3 tách làm 2 bộ phận: 2 ban ở lại cụm K20; đội điều trị sang cụm K10 làm lực lượng dự bị chiến dịch. Đầu tháng 02/1975, HCCD tiếp tục trinh sát khu vực Bắc thị xã Tây Nguyên và phía Tây sông Sê Rê Pốc để tổ chức, triển khai cụm B38 và K20B (tách ra từ K20). Đội điều trị 25 từ K20 đưa sang K20B ở Tây sông Sê Rê Pốc. Đây là 2 cụm phía trước của HCCD cách khu vực hậu cần các sư đoàn khoảng 20 ÷ 30 km, có đường vận tải ô tô. Ngày 06/3/1975, LLHC của Bộ mới vào tăng cường, Cục hậu cần đưa hầu hết đi phục vụ chiến dịch. Đội điều trị 48 được điều sang triển khai ở cụm K10 ở Bắc Buôn Ma Thuột. Riêng lực lượng ở lại hậu cứ bảo đảm cho hướng Bắc Tây Nguyên (sau khi rút các lực lượng đi chiến dịch) ở nguyên vị trí cũ để bảo đảm: Bệnh viện tuyến cuối 211 và 2 bệnh viện khu vực (10, 2), xưởng được

38, đội vệ sinh phòng dịch... các binh trạm Bắc, Trung, Nam. Để bảo đảm cho Sư đoàn 10 và các đơn vị binh chủng hành quân cơ giới từ Bắc Kon Tum đến Bắc Đức Lập và Bắc Buôn Ma Thuột (khu vực tập kết chiến dịch), đầu tháng 3, hậu cần triển khai 3 điểm tra xăng dầu ở ngã ba 90, Nam Đường 19 và Nam Chư Pông... Như vậy, việc chuẩn bị hậu cần khẩn trương, linh hoạt đã đáp ứng được yêu cầu của chiến dịch.

Hai là, tận dụng thế trận hậu cần tại chỗ điều chỉnh lực lượng, chuyển hóa thể bố trí các đoàn hậu cần (ĐHC) phù hợp với cách đánh của chiến dịch bảo đảm cho các lực lượng tác chiến đúng thời cơ. Chiến dịch Hồ Chí Minh diễn ra trên địa bàn thuộc chiến trường Nam Bộ (B2). Do được chuẩn bị trước (từ 1973 - 1974) nên thế trận hậu cần chiến trường tương đối rộng khắp, vững chắc. Để phù hợp với cách đánh của chiến dịch, tổ chức chỉ huy và tổ chức hậu cần được điều chỉnh lại như sau:

Về tổ chức chỉ huy: Sở chỉ huy HCCD bố trí trên hướng chủ yếu (26/4 triển khai tại Dầu Tiếng) và triển khai 2 bộ phận hậu cần tiền phương ở hướng Đông, hướng Tây Nam. Đồng thời, tổ chức nhiều đội phái viên xuống các ĐHC và quân đoàn kiểm tra, đôn đốc và giúp đỡ về mọi mặt.

Về tổ chức lực lượng: HCCD tổ chức và bố trí LLHC tại chỗ thành hai tuyến (tuyến trước và tuyến sau) và LLHC cơ động. Ở tuyến sau: “Đưa ĐHC 770 từ Bù Gia Mập về Đồng Xoài làm tổng kho của chiến dịch, tiếp nhận vật chất từ vận tải chiến lược chuyển xuống. Các ĐHC 340, 220 và các lực lượng trực thuộc hậu cần Miền được tổ chức thành cụm hậu cần cơ động và những phân đội hậu cần tăng cường cho các ĐHC phía trước”. Cụm hậu cần cơ động do ĐHC 220 làm nòng cốt, gồm đủ các thành phần, bố trí ở An Lộc, sẵn sàng cơ động theo Quốc lộ 13 về hướng Sài Gòn chi viện hậu cần cho

3 quân đoàn tiến công trên hướng Tây Bắc, Đông và Đông Nam Sài Gòn.

Ở tuyến trước: “Năm ĐHC thuộc Miền cùng các căn cứ hậu cần (CCHC) của Quân khu 7 và Quân khu 8 hình thành thế trận hậu cần phía trước, bao quanh Sài Gòn sẵn sàng bảo đảm cho các hướng tiến công vào thành phố”. Trên hướng Tây - Bắc, ĐHC 235 vươn sâu xuống phía Nam sông Sài Gòn, tới Bắc Quốc lộ 1 (đi Cam-pu-chia), áp sát Tây Bắc Sài Gòn, bảo đảm cho Quân đoàn 3 và các lực lượng địa phương, biệt động, đặc công. Trên hướng Bắc và Đông Bắc, đưa ĐHC 210 từ Bắc Đồng Xoài xuống triển khai từ Nam Đồng Xoài đến Bến Bàu, áp sát Đông và Đông Bắc Sài Gòn, bảo đảm cho Quân đoàn 1 và các lực lượng khác.

Trên hướng Đông, đưa ĐHC 814 từ Nam Đồng Xoài xuống khu vực Nam Đồng Nai, Quốc lộ 1 và Quốc lộ 20 để bảo đảm cho Quân đoàn 2, 4 và các lực lượng tiến công trên hướng Đông. Trên hướng Tây Nam, tổ chức ĐHC 240, bố trí ở Bắc Quốc lộ 4, đoạn Tân An - Bến Lức, liên hoàn với ĐHC 230 ở Nam - Bắc Quốc lộ 1, bảo đảm cho Binh đoàn 232 cùng các lực lượng tiến công trên hướng Tây Nam vào Sài Gòn và cắt đứt Quốc lộ 4. Trên hướng Nam, hậu cần Quân khu 8 tổ chức thêm một cánh thọc sâu vào Cần Giuộc, kết hợp với hậu cần nhân dân bảo đảm cho Sư đoàn 8 và các lực lượng hoạt động ở phía Nam Sài Gòn... Nhờ vậy, đã tạo ra thế trận hậu cần phù hợp với cách đánh của chiến dịch...

Ba là, tổ chức, sử dụng lực lượng, bố trí hậu cần gắn kết chặt chẽ giữa các lực lượng hậu cần trên địa bàn, hình thành thế trận hậu cần tại chỗ rộng khắp, liên hoàn có chiều sâu, chuyển hóa nhanh. Tận dụng thế bố trí sẵn của hậu cần trên chiến trường, hậu cần chiến lược và HCCD đã dựa vào tổ chức hậu cần tại chỗ, tăng cường cán bộ vào các vị trí chủ chốt để nhanh chóng

thành lập và triển khai tổ chức HCCD hình thành các cụm hậu cần bảo đảm trên từng hướng, kết hợp chặt chẽ từng ĐHC với hậu cần các quân đoàn, quân khu, quân binh chủng để bảo đảm cho tác chiến, như: Trên hướng tiến công chủ yếu Tây Bắc do ĐHC 235 kết hợp với CCHC của Quân đoàn 3 ở Minh Hoà, Tây Chơn Thành và Nam Dầu Tiếng bảo đảm; hướng Bắc và Đông Bắc do ĐHC 210 kết hợp với CCHC Quân đoàn 1 ở Nam Đồng Xoài bảo đảm; hướng Đông và Đông Nam do ĐHC 814 kết hợp với hậu cần Quân khu 7 ở Bà Rịa, CCHC Quân đoàn 2 ở Xuân Lộc để bảo đảm cho Quân đoàn 2 và 4. Riêng Quân đoàn 4 và 5 là lực lượng thuộc Miền, do có tổ chức biên chế hậu cần không hoàn chỉnh nên lấy các Đoàn 814, 235, 210, 230, 240 làm tuyến sau bảo đảm cho các sư đoàn của quân đoàn. Cách thức tổ chức HCCD trên là rất linh hoạt, phát huy được sức mạnh tổng hợp trong bảo đảm.

Bốn là, tổ chức, sử dụng lực lượng vận tải cơ giới hợp lý, lực lượng dự bị hậu cần đồng bộ cơ động mạnh, đáp ứng được yêu cầu tác chiến thần tốc, thọc sâu, đột kích mạnh của các hướng tác chiến. Để đáp ứng yêu cầu lớn về cơ động chiến dịch, HCCD đã tổ chức được lực lượng vận tải cơ giới mạnh. Đầu năm 1975, ta đã xây dựng được 2 sư đoàn vận tải ô tô trên tuyến vận tải chiến lược ở phía trước, 3 trung đoàn ở phía sau, 4 trung đoàn giao liên với 6.770 ô tô các loại. Các quân khu, quân đoàn đã có nhiều tiểu đoàn vận tải ô tô. Ta cũng đã có đơn vị vận tải thuỷ tập trung và 4 trung đoàn đường ống. Theo yêu cầu chiến đấu, các tuyến vận tải phía trước, phía sau, đại bộ phận các đơn vị vận tải đều phải vươn tới các chiến trường. Không chỉ có vận tải, các cơ quan hậu cần, kho tàng, các cơ sở điều trị cũng phải cơ động bám sát chiến trường. Kết quả, chiến dịch đã sử dụng 3.939 xe ô tô tải, 656 ghe, xuồng, ca nô, 300 xe bò, 1.736 xe thồ, huy động 63.342 dân công,

vận chuyển 175.000 lượt người và 36.312 tấn vật chất (13.759.400 tấn.km)...

Để bảo đảm cho tác chiến đột kích, thọc sâu, HCCD đã tăng cường ô tô vận tải cho các quân đoàn vận chuyển bộ đội và vật chất theo. Tổng cộng, các binh đoàn cơ giới thọc sâu được tăng cường 307 ô tô và các LLHC cơ động đi theo, gồm 338 ô tô. Để xử lý các tình huống, HCCD đã sử dụng Đội điều trị 3 (-2 ban) làm LLHC dự bị và trên mỗi hướng của chiến dịch chỉ định sẵn một lực lượng cơ động đồng bộ, gồm: 1 đội kho, 1 đội điều trị thiếu, 1 đại đội ô tô vận tải, 1 đại đội vận tải bốc vác, 1 tổ chỉ huy nhẹ sẵn sàng cơ động bảo đảm theo hướng đơn vị cơ động phát triển. Tổ chức sử dụng các đơn vị vận tải tập trung thay thế cho các binh trạm khu vực, tổ chức LLHC dự bị cơ động mạnh đã tạo điều kiện cho các LLHC có thể cơ động hoạt động trên mọi chiến trường, đến bất cứ nơi nào theo yêu cầu tác chiến cũng như bám sát các binh đoàn cơ động chiến lược hoặc chiến dịch từ hậu phương vào chiến trường và từ chiến trường này sang chiến trường khác một cách thuận tiện. Đây cũng là nét mới về tổ chức và sử dụng LLHC trong chiến dịch Hồ Chí Minh.

Chiến tranh tương lai (nếu xảy ra) sẽ là cuộc chiến tranh xâm lược kiểu mới, địch sử dụng rộng rãi vũ khí công nghệ cao, kết hợp nhiều loại hình chiến tranh với không gian rộng, thời gian khó xác định. Hiện nay, cuộc chiến giữa Nga và Ukraina (đang diễn ra) đã có nhiều diễn biến khó lường cả về phương tiện, trang bị vũ khí và vai trò của hậu cần... Trên cơ sở dự báo về tình hình các mặt, từ kinh nghiệm tổ chức sử dụng, bố trí LLHC chiến dịch Hồ Chí Minh vận dụng trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc cần chú trọng giải quyết tốt những vấn đề sau:

Thứ nhất, nâng cao nhận thức, trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, nhân

viên, chiến sỹ hậu cần, xây dựng LLHC có quy mô số lượng, chất lượng hợp lý, cơ động cao. Thực tế cuộc xung đột giữa Nga và Ukraina đã chứng minh, tác chiến diễn ra vô cùng ác liệt, hậu cần giữ vai trò to lớn quyết định quan trọng bảo đảm cho tác chiến chớp thời cơ, giành thắng lợi tác chiến, cả 2 bên đều coi trọng đánh phá nguồn dự trữ, tiếp tế, bổ sung hậu cần, tiến công và phòng thủ trực diện của 2 bên đều phụ thuộc vào tích trữ hậu cần đã hoàn tất... Điều này đặt ra cần nâng cao nhận thức, trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, chiến sỹ hậu cần trong chiến đấu, xây dựng LLHC có quy mô số lượng hợp lý, chất lượng, cơ động cao, chú trọng xây dựng LLHC chiến lược, chiến dịch, nhất là hậu cần các quân đoàn tinh, gọn, mạnh, cơ động cao. Chú trọng xây dựng LLHC dự bị động viên hùng hậu sẵn sàng huy động khi có chiến tranh...

Thứ hai, tích cực, chủ động chuẩn bị trước chiến trường về mặt hậu cần trên từng hướng, địa bàn chiến lược, trên phạm vi cả nước phù hợp với ý định chiến lược, chiến dịch. Theo đó, cần tích cực chủ động chuẩn bị hậu cần để sẵn sàng bảo đảm cho các tình huống có thể xảy ra. Cần xây dựng các phương án cụ thể, tiến hành quy hoạch tổng thể, lâu dài khoa học, có lộ trình, bước đi xây dựng và hoàn chỉnh thể bố trí các căn cứ hậu phương, CCHC, mạng lưới giao thông vận tải, các cơ sở hậu cần tại chỗ hình thành thế trận hậu cần liên hoàn, vững chắc và cơ động. Chú trọng xây dựng hậu cần các khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố thành các khu vực hậu cần tại chỗ có tính chiến dịch để sẵn sàng bảo đảm cho các đơn vị chủ lực đến tác chiến tại địa bàn...

Thứ ba, tổ chức huấn luyện, diễn tập thường xuyên, liên tục cho các lực lượng hậu cần trong điều kiện chiến tranh công nghệ cao để đánh giá, đúc rút đề ra các giải pháp ngày càng sát với thực tế chiến tranh. Từ huấn luyện diễn tập, sẽ nảy sinh

nhiều vấn đề mới cần giải quyết nhất là sự phù hợp, khả thi của các phương án tổ chức sử dụng, bố trí LLHC. Đây là cơ sở quan trọng để hoàn thiện, bổ sung lý luận đồng thời nâng cao trình độ, năng lực thực hành cho đội ngũ cán bộ, nhân viên hậu cần các cấp...

Thứ tư, đổi mới trang thiết bị hậu cần theo hướng hiện đại, dã chiến, đa năng, đa dụng, cơ động và phòng hộ cao. Từ thực tế cuộc xung đột quân sự giữa Nga và Ukraina đang diễn ra, trên cơ sở khảo sát thực trạng hậu cần các cấp hiện nay. Vấn đề đặt ra để đáp ứng BĐHC cho các chiến dịch tiến công trong tương lai, hậu cần phải duy trì khả năng sống sót và năng lực bảo đảm cao trong mọi tình huống. Điều này đặt ra vấn đề đổi mới trang bị, phương tiện theo hướng hiện đại, dã chiến, đa năng, đa dụng, cơ động và phòng hộ cao...

Chiến dịch lịch sử mang tên Bác Hồ vĩ đại là một chiến dịch quy mô lớn nhất trong lịch sử dựng nước và giữ nước của nhân dân ta. Thắng lợi của chiến dịch đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu về quân sự, hậu cần, trong đó có kinh nghiệm về tổ chức, sử dụng, bố trí LLHC chiến dịch tiến công. Vì thế, nghiên cứu, kế thừa những kinh nghiệm quý đó cho phù hợp với điều kiện mới của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc luôn là cần thiết và có ý nghĩa thực tiễn cao♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Quốc phòng (2011), *Đại thắng mùa xuân 1975, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc thời đại Hồ Chí Minh*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Quân giải phóng nhân dân Việt Nam, Cục Hậu cần Miền (1975), *Dự thảo báo cáo công tác hậu cần chiến dịch Hồ Chí Minh*.
3. Tổng cục Hậu cần (2000), *Lịch sử HCCD trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975)*, Nxb QĐND, Hà Nội.

KINH NGHIỆM BẢO ĐẢM SINH HOẠT SƯ ĐOÀN BỘ BINH PHÒNG NGỰ TRONG CHIẾN TRANH BẢO VỆ BIÊN GIỚI PHÍA BẮC VÀ HƯỚNG KẾ THỪA, PHÁT TRIỂN

Đại tá, TS. HÀ THANH NAM

Khoa Chỉ huy Hậu cần, Học viện Hậu cần

THỰC hiện âm mưu chống phá cách mạng Việt Nam, từ đầu tháng 12.1978, đối phương điều động nhiều lực lượng, cùng số lượng lớn trang thiết bị vũ khí áp sát trên toàn tuyến biên giới nước ta. Vào 3 giờ 30 phút ngày 17/2/1979, đối phương bất ngờ mở cuộc tiến công trên toàn tuyến biên giới phía Bắc, với chiều dài gần 1.450 Km. Trong 3 ngày đầu của cuộc chiến, 18 sư đoàn bộ binh cùng với 400 xe tăng và xe thiết giáp của quân đội đối phương tiến sâu vào lãnh thổ Việt Nam; trong đó hướng tiến công chủ yếu là Lạng Sơn - Cao Bằng, hướng quan trọng là Hoàng Liên Sơn (nay là Lào Cai, Yên Bái), hướng phối hợp là Phong Thổ (Lai Châu) và hướng nghi binh là Hà Tuyên (nay là Hà Giang, Tuyên Quang), Móng Cái - Quảng Ninh. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, ta đã phát huy sức mạnh của toàn dân, đặc biệt là quân và dân các tỉnh biên giới phía Bắc đã chiến đấu kiên cường, đánh trả quyết liệt, gây cho đối phương những thiệt hại nặng nề trên chiến trường, ngăn chặn các mũi tiến công. Đứng trước nguy cơ bị tiêu diệt lớn, đồng thời bị dư luận tiến bộ trên thế giới lên án mạnh mẽ, ngày 05/03/1979, đối phương phải tuyên bố rút quân trên tất cả các hướng. Nhưng những năm sau đó (1979 - 1989), chúng thực hiện chiến tranh phá hoại, lấn chiếm biên giới đối với nước ta, đặc biệt trên mặt trận Vị Xuyên - Hà Giang, gây ra một cuộc chiến tranh dai dẳng, với nhiều tổn thất.

Trong cuộc chiến tranh này, các sư đoàn bộ binh (fBB) của Quân đội ta thực hiện nhiệm vụ chiến đấu phòng ngự (PN) dài

ngày, trong điều kiện địch đánh phá ác liệt; hậu cần các sư đoàn khắc phục khó khăn, thiếu thốn về vật chất, trang bị, lực lượng để bảo đảm ăn, mặc, ở cho bộ đội đủ sức khoẻ dẻo dai hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu. Có thể khái quát thành một số kinh nghiệm trong bảo đảm sinh hoạt (BĐSH) như sau:

Thứ nhất, tổ chức bếp ăn theo đầu mỗi các điểm tựa đại đội, các chốt lẻ tổ chức bếp ăn cấp trung đội; vận dụng linh hoạt các biện pháp tiếp tế cơm, nước cho bộ đội. Trong chiến tranh bảo vệ biên giới (BVBG) phía Bắc, các fBB PN ở địa hình rừng núi, phạm vi rộng, bị chia cắt bởi núi cao, vực sâu. Đội hình PN của các fBB đã tận dụng triệt để lợi thế các điểm cao để tổ chức các trận địa PN cấp đại đội, trung đội. Để bảo đảm ăn uống cho bộ đội, hậu cần sư đoàn (HC/f) chỉ đạo tổ chức bếp ăn theo đầu mỗi các điểm tựa đại đội, với các chốt lẻ tổ chức bếp ăn theo trung đội và các hầm chiến đấu. Thực tiễn, fBB3 PN Đồng Đăng - Lạng Sơn (từ 17/02 đến 11/3/1979) tổ chức bếp ăn theo các điểm tựa cấp đại đội, trung đội. fBB31 PN Vị Xuyên - Hà Tuyên (từ 12/1985 đến 6/1986), hậu cần sư đoàn (HC/f) chỉ đạo đơn vị tổ chức nấu ăn và tiếp tế cơm nước cho bộ đội trên các hướng, chốt PN; fBB313 PN Vị Xuyên - Hà Tuyên (từ 6/1986 đến 02/1987) tổ chức bếp ăn đại đội là chủ yếu. Các đơn vị sử dụng bếp Hoàng cầm cấp 2, bếp dầu và bếp củi, tận dụng hang, hầm để bố trí bếp ăn.

Để tiếp tế cơm nước kịp thời cho bộ đội, HC/f chỉ đạo lực lượng vận tải và nuôi quân các đơn vị sử dụng túi vải đựng cơm,

can nhựa đựng canh, gùi bằng ba lô, tận dụng suối cạn, địa hình che khuất để tiếp tế cơm nước đến các điểm tựa. Thời gian tiếp tế thường vào sáng sớm, chập tối và những thời điểm pháo địch chuyển làn hoặc ngừng bắn. Những ngày địch đánh phá ác liệt, không tiếp tế cơm nước được, bộ đội sử dụng lương khô, gạo sấy và nước dự trữ tại các điểm tựa. Đối với lực lượng ở phía trước trực tiếp tiếp xúc với địch, ăn theo từng hầm, từng tổ chiến đấu; khi chiến sự ít căng thẳng tự nấu ăn, khi chiến sự ác liệt thì tiếp tế ở phía sau lên, lực lượng vận tải bộ chuyển lương thực, thực phẩm (LTTP), dầu đun và dầu thắp, nước ăn, nước sinh hoạt lên từng điểm tựa, từng chốt. Những nơi khó khăn (trên đài quan sát ở các tổ chốt) hàng ngày HC/f chỉ đạo các đơn vị tổ chức nấu cơm từ phía sau đưa lên bằng can, gùi hoặc ba lô.

Thứ hai, tích cực tăng gia sản xuất, tạo nguồn lương thực thực phẩm tươi trên địa bàn chiến đấu. Với đặc điểm fBB PN dài ngày, các fBB đã tận dụng thời gian, đất đai quanh khu vực chốt để tăng gia sản xuất cải thiện bữa ăn cho bộ đội. Thực tiễn, fBB313 PN Vị Xuyên - Hà Tuyên trong 8 tháng, HC/f đã chỉ đạo các đơn vị làm giá đỗ, muối dưa ở tiểu đoàn phân phối cho các đại đội. Đồng thời, các đơn vị tích cực tăng gia đưa vào bữa ăn cho bộ đội, kết quả thu hoạch được: 173.150 kg rau xanh; 41.272 kg bầu, bí, mướp; 17.575 kg cá các loại... Ngoài ra, sư đoàn đã tích cực khai thác LTTP ở khu vực thị xã Hà Tuyên, kết hợp khai thác ở tuyến sau (Hà Nội, Vĩnh Phúc...) để nhận rau xanh và lợn hơi. Thực tiễn, fBB325 PN 7 tháng trên chốt đã tăng gia được 165 tấn rau xanh, thu hái 14 tấn rau rừng, chế biến và ngâm ủ gần 30 tấn đậu phụ và giá đỗ; khai thác tại chỗ hơn 50 tấn lợn hơi, 185 tấn củ, quả các loại...; đồng thời tổ chức hướng dẫn cho bộ đội cách làm đậu phụ và ngâm giá đỗ để ứng dụng rộng rãi ở các chốt giữ trận địa,

góp phần bảo đảm kịp thời rau xanh cho bộ đội. Vì vậy, hậu cần thường xuyên bảo đảm tiêu chuẩn, định lượng, nhiệt lượng bình quân 3.030 calo người/ngày, bảo đảm sức khỏe cho bộ đội chiến đấu liên tục, dài ngày.

Thứ ba, chuẩn bị chu đáo hầm, hào kiên cố bảo đảm cho bộ đội có chỗ ngủ, nghỉ an toàn. Chiến đấu PN dài ngày trong điều kiện địch đánh phá ác liệt, bảo đảm cho bộ đội có chỗ ăn, ngủ an toàn được đặt lên hàng đầu. Thực tiễn cho thấy: fBB3 PN Đồng Đăng - Lạng Sơn tại các chốt ở tuyến trước, các đơn vị đều chuẩn bị đầy đủ hầm, hào cho bộ đội ngủ nghỉ, tránh mưa, nắng và đạn pháo của địch, đồng thời sử dụng tre, nứa kết thành các tấm nằm cho bộ đội; fBB31 PN Vị Xuyên - Hà Tuyên ở địa hình rừng núi, mưa nhiều, bộ đội sinh hoạt toàn bộ trong hầm, sư đoàn đã sử dụng hơn 20.000 m² giấy dầu và nilong loại dày để chống dột cho các hầm, tại các hầm, chốt bộ đội sử dụng ván ghép để nằm, kết hợp tận dụng hòm đạn và sạp nứa để bộ đội ngủ, nghỉ tránh được ẩm, ướt. Do vậy, bộ đội bảo đảm được thời gian ngủ nghỉ, duy trì tỉ lệ quân số khỏe tham gia chiến đấu cao.

Thứ tư, chủ động khắc phục khó khăn khai thác nguồn nước, bảo đảm đủ nước sinh hoạt cho bộ đội. Các fBB trong chiến tranh BVBG phía Bắc chủ yếu PN trên chốt, ở khu vực có độ cao lớn, không có ao, hồ nên bảo đảm nước sinh hoạt cho bộ đội rất khó khăn, bộ đội không có điều kiện tắm, giặt; nước ăn, uống chủ yếu dựa vào nguồn nước khe núi, nước suối. Trong thời gian đầu bảo đảm nước gặp nhiều khó khăn, trong quá trình chiến đấu, địch phong tỏa nguồn nước, dụng cụ chứa nước (can, gùi...) hư hỏng nhiều nên có thời kỳ (1984 - 1985) chỉ bảo đảm được 1-1,5 lít nước/người/ngày. Để khắc phục tình trạng thiếu nước, fBB31 PN Vị Xuyên - Hà Tuyên đã xây dựng hệ thống bơm nước từ dưới lên cụm chốt dài 1.400 m, bình quân mỗi ngày bơm 3 giờ, các

điểm tựa quan trọng dự trữ được 15 lít/người; trên các điểm tựa được trang bị ni lông mưa để hứng nước bổ sung vào các dụng cụ chứa đựng khi trời mưa; fBB325 PN Vị Xuyên - Hà Tuyên tổ chức hệ thống bơm nước lên điểm tựa (với chiều dài 1.600 mét), bảo đảm tương đối đủ nhu cầu sinh hoạt cho bộ đội, dự trữ từ 4 lít/người/ngày lên 8lít/người/ngày, nâng lượng dự trữ nước từ 4 ngày lên 8 ngày.

Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (nếu xảy ra), fBB PN thường diễn ra trong thời kỳ đầu của tác chiến phòng thủ, PN, trên các loại địa hình; địch đánh phá ác liệt bằng vũ khí công nghệ cao, tác chiến không gian mạng mạnh. Vì vậy, bảo đảm tốt sinh hoạt cho bộ đội là vấn đề quan trọng, góp phần quyết định hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ của sư đoàn; những kinh nghiệm BĐSH sư đoàn bộ binh PN trong chiến tranh BVBG phía Bắc có thể kế thừa và phát triển theo hướng sau:

Một là, tổ chức bảo đảm ăn uống cho bộ đội phù hợp với nhiệm vụ của từng đơn vị, từng hướng (khu vực), từng giai đoạn chiến đấu. Nghiên cứu đặc điểm fBB phòng ngự: đội hình PN tổ chức thành nhiều bộ phận, vận dụng nhiều hình thức, thủ đoạn chiến đấu. Do vậy, hậu cần-kỹ thuật sư đoàn (HC-KT/f) phải tổ chức BĐSH cho bộ đội phù hợp nhiệm vụ của từng đơn vị, từng hướng chiến đấu. Cụ thể, HC-KT/f cần tập trung thực hiện tốt một số nội dung sau:

Tổ chức dự trữ đầy đủ, đồng bộ các loại vật chất BĐSH của bộ đội. Đối với các lực lượng làm nhiệm vụ ở các chốt phía trước phải ưu tiên dự trữ đầy đủ, toàn diện các vật chất phục vụ sinh hoạt như: LTTP, lương khô, khẩu phần ăn chế biến sẵn, củi khô, dầu, đèn thấp sáng..., để bảo đảm ăn uống cho bộ đội và tổ chức bữa ăn phù hợp với từng giai đoạn chiến đấu. Trong chiến đấu, tổ chức bữa ăn cho bộ đội thường phụ thuộc vào nhiệm vụ chiến đấu cụ thể và khả năng của các đơn vị; HC-KT/f chỉ đạo các đơn vị khắc phục khó khăn bảo đảm cho

bộ đội ít nhất ngày 2 bữa nóng phù hợp với điều kiện chiến đấu.

Tổ chức tiếp tế cơm nước kịp thời, đúng thời cơ. Trong quá trình chiến đấu, việc tiếp tế cơm nước cho bộ đội thường rất khó khăn, đội hình PN có thể bị địch cô lập, chia cắt. Vì vậy, lực lượng tiếp tế cơm nước phải xác định thời gian tiếp tế cơm nước cho phù hợp; thời cơ để tổ chức tiếp tế cơm nước cho bộ đội là khi pháo địch chuyển làn, địch thay phiên, lúc trời mờ sáng, lúc trời tối để tổ chức đưa cơm nước lên các chốt cho bộ đội. Trường hợp địch đánh phá ác liệt phải sử dụng đường vòng tránh, tìm hầm trú ẩn bảo đảm an toàn, khi có thời cơ nhanh chóng vận chuyển tiếp tế kịp thời cho bộ đội.

Hai là, kết hợp chặt chẽ với hậu cần tại chỗ của khu vực phòng thủ khai thác, tạo nguồn bảo đảm tốt đời sống sinh hoạt bộ đội. Sư đoàn bộ binh PN nằm trong thế trận của khu vực phòng thủ địa phương được chuẩn bị trước một bước từ thời bình, HC/f được hậu cần nhân dân tại chỗ chi viện bảo đảm. Vì vậy, HC-KT/f cần nắm chắc tình hình, khả năng hậu cần tại chỗ, tạo nguồn, khai thác vật chất sinh hoạt hợp lý với từng địa bàn phù hợp. Chủ động liên hệ với địa phương để khai thác, tạo nguồn vật chất BĐSH trong giai đoạn chuẩn bị chiến đấu cũng như trong quá trình thực hành chiến đấu. Hiệp đồng chặt chẽ, cụ thể với HC-KT khu vực phòng thủ về chủng loại, số lượng, chất lượng, thời gian, địa điểm khai thác tiếp nhận, phương thức giao nhận, thanh toán các loại hàng hóa khai thác tại địa phương. Quy định rõ phương thức thanh toán khi mua sắm các loại hàng hóa với các cơ sở kinh tế - xã hội địa phương. Làm tốt công tác tuyên truyền, vận động nhân dân địa phương tham gia công tác bảo đảm, nuôi dưỡng bộ đội.

Ba là, tích cực tăng gia sản xuất, cải tiến, chế biến, bảo quản LTTP tại các bếp kết hợp với điều hòa vật chất giữa các đơn vị. Sư đoàn bộ binh PN, thời gian chiến đấu kéo dài, nhu cầu vật chất BĐSH lớn, trong

khi đó việc tiếp nhận bảo đảm của trên gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng bữa ăn của bộ đội. Do vậy, để khắc phục những khó khăn trên, HC-KT/f cần chỉ đạo các bếp, các đơn vị tích cực, chủ động tận dụng điều kiện đất đai, thời tiết, khí hậu địa bàn để TGSX cải thiện bữa ăn bộ đội.

Tổ chức chế biến LTTP vừa góp phần nâng cao chất lượng bữa ăn, bảo quản được LTTP, tăng khả năng dự trữ cho các đơn vị. HC-KT/f chỉ đạo đơn vị sử dụng các phương pháp chế biến, bảo quản truyền thống để tăng được thời gian bảo quản. Chỉ đạo các ngành tổ chức điều hòa vật chất sinh hoạt giữa các đơn vị khi có khó khăn về công tác vận chuyển, tiếp tế nhằm khắc phục khó khăn trong công tác bảo đảm khi việc vận chuyển bổ sung của trên chưa kịp thời. Đồng thời hàng năm phải huấn luyện một số nội dung như: Kỹ năng sinh tồn, kỹ thuật đào bếp Hoàng Cầm, sử dụng các loại bếp dã chiến, xe bếp tự hành; nhận biết các loại rau rừng có thể ăn được, kỹ thuật chế biến một số món ăn đơn giản, phương pháp tổ chức ăn ở dã ngoại, cách khai thác nhận biết nước an toàn, các kiến thức về vệ sinh, phòng chống dịch bệnh... làm cơ sở vận dụng khi chiến tranh xảy ra.

Bốn là, làm tốt công tác chuẩn bị và phương án khai thác, dự trữ nguồn nước sạch phục vụ bộ đội trong mọi tình huống. Bảo đảm nước ăn uống cho bộ đội có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, nhất là trong chiến đấu PN trên chốt dài ngày, tiếp tế nước gặp khó khăn. Đặc biệt, việc lựa chọn nguồn nước sử dụng cho nấu ăn, đun nước uống cho bộ đội nếu không làm tốt sẽ dễ gây ngộ độc hàng loạt; nước tắm giặt không bảo đảm vệ sinh bộ đội dễ mắc các bệnh ngoài da, ảnh hưởng đến hoạt động chiến đấu của bộ đội. Do vậy, HC-KT/f trong giai đoạn chuẩn bị phải tổ chức lực lượng đi trinh sát, kiểm tra,

phát hiện các nguồn nước trong khu vực sư đoàn PN; có kế hoạch khai thác, sử dụng và dự trữ. Đồng thời, có biện pháp giữ gìn, bảo vệ nguồn nước. Đây là nội dung quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống và sức khỏe của bộ đội. HC-KT/f cần tổ chức kiểm tra thường xuyên nguồn nước, có biện pháp giữ gìn, bảo vệ nguồn nước; chỉ đạo các bếp, các chốt, điểm tựa PN đào hố chứa nước trong hầm, sử dụng bể mềm bằng cao su, túi đựng bằng chất dẻo (PE) mềm, can các loại... được bảo quản che đậy kín để chứa trữ nước ăn uống. Phát huy tính chủ động sáng tạo của bộ đội trong khai thác, dự trữ nguồn nước, giáo dục, quán triệt bộ đội ý thức sử dụng, giữ vệ sinh các nguồn nước tiết kiệm và cách xử lý khi nước bị nhiễm độc.

Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong tương lai, bảo đảm sinh hoạt fBB phòng ngự sẽ khó khăn, phức tạp hơn, nhất là trong điều kiện chiến tranh công nghệ, tác chiến không gian mạng mạnh. Vì vậy, kế thừa và phát triển những kinh nghiệm trong chiến tranh BVBG phía Bắc là rất cần thiết, cần được nghiên cứu cho phù hợp với thực tiễn♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Quốc phòng (2015), *Bách khoa toàn thư Quân sự Việt Nam, Quyển 1: Lịch sử Quân sự*, Nxb QĐNDVN, Hà Nội.
2. Bộ Tư lệnh Quân khu 1 (2013), *Tổng kết công tác bảo đảm hậu cần tác chiến phòng ngự bảo vệ Tổ quốc ở biên giới phía Bắc của Quân khu 1 trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (1979 ÷ 1989)*, Thái Nguyên.
3. Học viện Hậu cần (1991), *Bảo đảm hậu cần Sư đoàn bộ binh 313 phòng ngự ở Vị Xuyên - Hà Tuyên*, Hà Nội.
4. Tổng cục Hậu cần (1990), *Tổng kết công tác hậu cần 5 năm (1984 - 1989) bảo đảm cho chống chiến tranh lán chiếm biên giới phía Bắc*, Hà Nội.

KINH NGHIỆM CÔNG TÁC VẬN TẢI SƯ ĐOÀN BỘ BINH TIẾN CÔNG ĐỊCH CƠ ĐỘNG TRONG CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG - HƯỚNG KẾ THỪA, PHÁT TRIỂN

Thiếu tá, ThS. CAO XUÂN VINH
Nghiên cứu sinh, Học viện Hậu cần

TRONG chiến tranh giải phóng, Quân đội ta đã thực hiện nhiều trận tiến công địch cơ động (ĐCĐ) cấp sư đoàn bộ binh (fBB), nổi bật như: Đại đoàn 308 đánh ĐCĐ trên Đường 4 (năm 1950); fBB7 tiến công ĐCĐ ở khu vực Oát Thơ Mây - Đầm Be (năm 1971); fBB2 tiến công ĐCĐ khu vực Dương Côi - Sông Tử (năm 1974); fBB320 tiến công ĐCĐ trên Đường 7 (năm 1975)... Có thể thấy, các trận tiến công ĐCĐ thường là trận then chốt hoặc then chốt quyết định, ảnh hưởng lớn tới kết quả chiến dịch; do đó, các trận đánh đều diễn ra hết sức ác liệt, trong điều kiện khản trương, khối lượng vận chuyển ngày càng tăng, trong khi khả năng vận tải sư đoàn hạn chế, chủ yếu là vận tải bộ và phương tiện thô sơ, sức người (TSSN). Trước những khó khăn đó, vận tải fBB đã chủ động làm tốt công tác chuẩn bị; kết hợp chặt chẽ các lực lượng vận tải (LLVT) trong biên chế với các lực lượng có liên quan; tổ chức vận chuyển linh hoạt để vận chuyển kịp thời, đầy đủ bảo đảm cho các lực lượng chiến đấu giành thắng lợi. Những kinh nghiệm về công tác vận tải (CTVT) đã để lại những bài học quý, đó là:

Thứ nhất, triệt để tận dụng mạng đường sẵn có để vận chuyển. Trong các trận: fBB7 đánh ĐCĐ ở khu vực Oát Thơ Mây - Đầm Be; fBB2 đánh ĐCĐ ở khu vực Dương Côi - Sông Tử; fBB320 đánh ĐCĐ trên Đường 7; vận tải các fBB đã tận dụng các đường quốc lộ, đường liên tỉnh, mạng đường của vận tải chiến dịch chuẩn bị trước, đường cơ động của các lực lượng, đường giao liên, đường mòn trên địa bàn chiến đấu để hình thành

hệ thống mạng đường vận tải bảo đảm cho chiến đấu.

Ngoài ra, để thuận tiện trong vận chuyển, LLVT từng bước cải tạo, sửa chữa và mở những tuyến đường mới phù hợp. Trong trận Đại đoàn 308 đánh ĐCĐ đường bộ trên Đường 4, do tính chất quan trọng của hệ thống đường vận chuyển, hậu cần chiến dịch (HCCD) luôn coi trọng tu sửa, củng cố các tuyến đường giao thông chính, mở rộng đường từ An Lai vòng qua Nước Hai, nối với Đường số 3 phục vụ dân công. Trong trận fBB2 đánh ĐCĐ ở khu vực Dương Côi - Sông Tử, hậu cần fBB đã kết hợp chặt chẽ với lực lượng công binh và nhân dân trong các vùng giải phóng để bí mật, khản trương cải tạo, nâng cấp các trục đường bộ và sông Thu Bồn. Ngoài ra, vận tải fBB2 mở thêm một số đường nhánh chạy ven dưới chân các chốt điểm địch ở Hòn Chiêng, Đồng Mông, Đá Hàm để vận chuyển vũ khí, vật chất hậu cần.

Thứ hai, sử dụng LLVT hợp lý, phát huy khả năng của TSSN, phối hợp chặt chẽ với các LLVT khác để vận chuyển bảo đảm chiến đấu. Trong trận Đại đoàn 308 đánh ĐCĐ trên Đường 4, lúc này ta mới có một ít xe ô tô, lại ở chiến trường rừng núi, đường sá không thuận tiện, phương tiện vận tải thô sơ ở địa phương cũng khan hiếm, LLVT chủ yếu phải dựa vào sức người để vận chuyển. Trận fBB2 đánh ĐCĐ khu vực Dương Côi - Sông Tử, LLVT sư đoàn gồm 1dVT (chủ yếu là vận tải bộ - VTB), hậu cần fBB2 đã chỉ đạo sử dụng VTB để vận chuyển và tận dụng tối đa vận tải cơ giới trong giai đoạn chuẩn bị để vận chuyển vật chất. Trong thực hành

chiến đấu, sử dụng VTB kết hợp dân công và một số phương tiện vận tải (cả phương tiện vận tải thủy) để vận chuyển.

Bên cạnh phát huy khả năng LLVT trong biên chế, vận tải fBB đã làm tốt công tác huy động dân công, sử dụng bộ đội cùng vận chuyển. Điển hình trong huy động và sử dụng dân công là trận Đại đoàn 308 đánh ĐCĐ trên đường 4, LLVT chủ yếu dựa vào sức người; cho nên, CTVT phải gắn liền với công tác dân công; vấn đề dân công là then chốt của CTVT. Trong trận fBB7 đánh ĐCĐ ở khu vực Oát Thơ Mây - Đầm Be, hậu cần fBB7 đã kết hợp chặt chẽ với dân công địa phương tham gia vận chuyển. Đồng thời, phối hợp với cơ quan tham mưu, chính trị, giữa phía trước, phía sau, với hậu cứ để huy động bộ đội cùng vận chuyển; sử dụng LLVT trong biên chế, kết hợp lực lượng của các cơ quan, 1 tiểu đoàn tân binh, lực lượng của trường y tá và hậu cần C20 để vận chuyển vật chất.

Thứ ba, vận dụng linh hoạt các hình thức vận tải, chủ yếu sử dụng hình thức đi thẳng, kết hợp một số hình thức vận tải khác, như: Theo cung, vượn cung, lui cung, lót trước. Trong trận Đại đoàn 308 đánh ĐCĐ trên Đường 4, LLVT tổ chức binh trạm vận tải, sử dụng ô tô kết hợp với dân công vận chuyển vật chất từ HCCD bổ sung cho các đơn vị. Khi chiến đấu, phần lớn sử dụng dân công gánh theo vật chất để bảo đảm, sử dụng chủ yếu hình thức đi thẳng kết hợp theo cung. Trong vận chuyển thương binh, bệnh binh (TBBB), mỗi trung đoàn tổ chức trung đội tải thương, không làm nhiệm vụ chiến đấu, bố trí ở ngay tiền tuyến và phân chia cho các đại đội, tiểu đoàn. Từ hỏa tuyến, TBBB được đơn vị chiến đấu chuyển về các trạm sơ cứu đại đội, tiểu đoàn; sau đó, dân công sẽ đảm nhận chuyển về trạm phẫu thuật trung đoàn và bệnh viện mặt trận. Trận

fBB2 đánh ĐCĐ khu vực Dương Côi - Sông Tử, trước khi nhận nhiệm vụ, do lực lượng có hạn (180 VTB, 10 xe thồ, 11 thuyền, 4 ô tô) nên hậu cần fBB2 đã từng bước bổ sung, chỉ đạo các trung đoàn lót trước vật chất tại triển khai (Sơn Minh, Ngã ba Trung Phước), với chủ động tổ chức lót trước vật chất hậu cần có chiều sâu, rộng khắp trên cả 3 hướng của địa bàn chiến đấu. Trong trận fBB320 đánh ĐCĐ trên Đường 7, vận tải sư đoàn đảm nhiệm vận chuyển vật chất từ kho sư đoàn tới tận hậu cần các đơn vị; bên cạnh đó, vận tải sư đoàn đã vận chuyển lót trước một phần vật chất cho kho X14, X16 để bảo đảm cho các đơn vị khi phát triển tiến công.

Trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (BVTQ), fBB tiến công ĐCĐ có nhiều điểm khác với chiến tranh giải phóng trước đây. Những kinh nghiệm CTVT sư đoàn bộ binh tiến công ĐCĐ trong chiến tranh giải phóng cần được nghiên cứu và vận dụng sáng tạo trong điều kiện mới của chiến tranh BVTQ như sau:

Một là, chủ động chuẩn bị, cải tạo, nâng cấp, mở đường mới đáp ứng nhu cầu vận chuyển bảo đảm cho sư đoàn chiến đấu. Trên cơ sở cách đánh, phương án tổ chức, bố trí lực lượng của sư đoàn, tổ chức, bố trí hậu cần, kỹ thuật (HCKT), tình hình địch, địa hình, đường sá trong khu vực chiến đấu, vận tải fBB xác định mạng đường vận tải để vận chuyển ở khu tập kết chiến đấu, từ khu tập kết vào khu bố trí chiến đấu và đường vận tải ở khu bố trí, vị trí triển khai; từ HCKT cấp trên đến HCKT sư đoàn và đến kho, trạm HCKT cấp dưới, đơn vị hỏa lực và HCKT khu vực phòng thủ, bao gồm đường dọc, đường ngang, đường nhánh, đường vòng tránh và đường dự bị. Bên cạnh đó, quá trình khai thác, sử dụng, vận tải fBB phối hợp chặt chẽ với các lực lượng

có liên quan bảo đảm mạng đường vận tải luôn thông suốt.

Hai là, phát huy khả năng vận tải cơ giới, chú trọng vận tải TSSN để vận chuyển. Kinh nghiệm CTVT trong kháng chiến chống Mỹ cho thấy, vận tải cơ giới ở các fBB đã được sử dụng trong các trận đánh ĐCĐ. Tuy nhiên, do điều kiện trang bị các phương tiện vận tải ô tô còn hạn chế, mạng đường vận tải chưa phát triển nên việc tận dụng, phát huy khả năng của vận tải cơ giới chưa đạt hiệu quả cao. Chiến tranh BVTQ, các fBB tiến công ĐCĐ được trang bị và tăng cường nhiều loại binh khí kỹ thuật, nhu cầu vật chất lớn, chủng loại đa dạng, diễn ra trong thời gian ngắn; chỉ có vận tải ô tô có sức chở lớn, khả năng cơ động nhanh, có thể đáp ứng được yêu cầu vận chuyển kịp thời, đầy đủ mọi nhu cầu vật chất, cơ động lực lượng cho các đơn vị chiến đấu. Mặt khác, fBB tiến công ĐCĐ trong chiến tranh BVTQ có điều kiện dựa vào thế trận của khu vực phòng thủ tỉnh (huyện) đã được xây dựng vững chắc từ thời bình, điều kiện kinh tế - xã hội phát triển, hệ thống giao thông vận tải ngày càng hoàn thiện; tổ chức, biên chế, phương tiện ở các đơn vị vận tải của fBB đã từng bước được kiện toàn, trang bị tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ. Đó là điều kiện thuận lợi để khai thác, phát huy khả năng của các thành phần LLVT và tận dụng triệt để vận tải ô tô vận chuyển bảo đảm cho chiến đấu.

Tuy nhiên, sử dụng vận tải cơ giới lại phụ thuộc nhiều vào địa hình, mạng đường sá, dễ bị địch trinh sát, phát hiện và đánh phá ngăn chặn. Còn vận tải TSSN, tuy có khả năng vận chuyển không lớn, tốc độ chậm, chỉ sử dụng vận chuyển hiệu quả ở những cự ly ngắn nhưng lại có thể sử dụng ở nhiều loại địa hình phức tạp mà vận tải cơ giới không hoạt động được, bám sát đội hình chiến đấu, có khả năng giữ được yếu tố bí mật, bất ngờ,

phù hợp vận chuyển bảo đảm trong điều kiện sát gần địch. Theo đó, để vận chuyển bảo đảm kịp thời, đầy đủ vật chất cho các lực lượng chiến đấu giữ được yếu tố bí mật, bất ngờ trong điều kiện gần địch, thì vận tải fBB phải kết hợp chặt chẽ cả vận tải ô tô và vận tải TSSN, cả đường bộ và đường thủy.

Ba là, vận dụng kết hợp các hình thức vận tải phù hợp với từng giai đoạn chiến đấu, bảo đảm kịp thời, đầy đủ cho fBB chiến đấu. Trong tiến công ĐCĐ, sư đoàn tổ chức thành nhiều lực lượng chiến đấu, mỗi lực lượng có nhiệm vụ khác nhau, chủng loại vật chất, địa điểm, thời gian vận chuyển ở từng giai đoạn chiến đấu cũng không đồng đều. Vì vậy, để bảo đảm cho toàn bộ lực lượng đáp ứng yêu cầu chiến đấu, vận tải fBB phải vận dụng kết hợp các hình thức vận tải. Trong giai đoạn chuẩn bị, hình thức vận tải đi thẳng được vận dụng là chủ yếu, kết hợp với vận tải lót trước, áp dụng rộng rãi hình thức tiếp chuyển giữa vận tải ô tô và vận tải TSSN ở những nơi sát gần địch, bảo đảm yếu tố bí mật, bất ngờ, tổ chức vận chuyển linh hoạt theo các cung vận chuyển.

Giai đoạn thực hành chiến đấu, khi sư đoàn cơ động vào khu vực bố trí và triển khai chiến đấu, có thể vận dụng hình thức vận tải đi cùng, bảo đảm dự trữ ở đơn vị và trên vai bộ đội gọn, nhẹ, tiện cơ động mà vẫn có đủ vật chất khi thực hành nổ súng tiêu diệt địch. Mặt khác, hoạt động vận chuyển diễn ra trong điều kiện địch đánh phá rất ác liệt, đường vận tải có thể bị chia cắt nên vận tải fBB có thể sử dụng hình thức vận tải theo cung trong những trường hợp cần thiết. Ngoài ra, trong thực hành chiến đấu, sẽ có nhiều tình huống phức tạp, như: Đánh địch phản kích, đánh địch đổ bộ đường không... với nhu cầu vận chuyển tăng cao; khi fBB sử dụng lực lượng dự bị tham gia xử trí tình huống ngoài dự kiến; vận tải fBB cần vận

dụng linh hoạt các hình thức vận tải để vận chuyển kịp thời cho lực lượng dự bị như: Hình thức vận tải đi thẳng, vận tải vượn cung, vận chuyển vượt cấp bổ sung cho các đơn vị hoặc đề nghị cấp trên bổ sung vượt cấp cho các lực lượng bước vào chiến đấu. Có thể tổ chức vận tải đi cùng tạo nên hệ thống vận tải liên hoàn, vừa đáp ứng yêu cầu bảo đảm kịp thời cho các lực lượng chiến đấu, vừa hạn chế được khả năng trinh sát, đánh phá của địch.

Bốn là, thực hiện tốt công tác bảo vệ vận tải. Sư đoàn bộ binh tiến công ĐCĐ trong chiến tranh BVTQ diễn ra trong điều kiện địch thường xuyên trinh sát phát hiện và đánh phá ác liệt bằng vũ khí công nghệ cao, các UAV thế hệ mới; gây thương vong cho lực lượng, phá hủy phương tiện vận tải; làm cho hoạt động vận chuyển gặp rất nhiều khó khăn. Vì vậy, cần chú trọng công tác bảo vệ vận tải.

Tại các vị trí trú quân, bố trí vận tải, vận tải fBB cần tổ chức lực lượng cảnh giới thường xuyên trinh sát nắm địch, có phương án chiến đấu bảo vệ tại chỗ đồng thời chuẩn bị đủ hầm hào cho người và phương tiện. Bên cạnh đó, cần tổ chức tốt nguy trang, nghi trang cho lực lượng và phương tiện vận tải, vận tải fBB cần tận dụng các hang động, khu dân cư, làng mạc, rừng cây... để bố trí LLVT; sử dụng cành cây để nguy trang, hoặc dùng tre, nứa, cỏ, rơm kết lại thành tấm, giàn, vừa nguy trang cho phương tiện, vừa chống được mảnh vụn của bom, đạn, bảo vệ người lái và động cơ xe. Cùng với hoạt động nguy trang, LLVT cần tiến hành nghi trang vận tải bằng cách sử dụng hành động giả, mô hình giả bằng cát ép, tre nứa, hoặc các phương tiện vận tải đã hư hỏng, bố trí trên các tuyến đường vận chuyển để nghi binh, thu hút hỏa lực của địch, bảo vệ cho đội hình vận chuyển.

Trong thực hành vận chuyển, LLVT cần nghiên cứu nắm chắc quy luật, thủ đoạn đánh phá vận tải của địch để lựa chọn thời cơ vận chuyển, chủ động phòng tránh địch bằng cách tìm các đường mòn, đường tắt, xác định quy mô đội hình vận chuyển nhỏ, gọn, phân tán; tận dụng điều kiện thời tiết như đêm tối, sương mù, mưa nhỏ, thường xuyên thay đổi quy luật vận chuyển. Tổ chức mạng đường vận tải hợp lý để cơ động vòng tránh khi cần thiết. Ngoài ra, vận tải sư đoàn cần xây dựng phương án chiến đấu bảo vệ vận tải chặt chẽ, kiên quyết đánh địch khi cần thiết, trên cơ sở kế hoạch chiến đấu, hiệp đồng, thống nhất kí, tín hiệu, hiệu lệnh báo động chiến đấu cho các đơn vị bạn, địa phương, nhất là lực lượng phòng không trong khu vực để có thể nhanh chóng hiệp đồng chiến đấu được chặt chẽ, xử lý các tình huống kịp thời, đạt hiệu quả cao.

Những kinh nghiệm công tác vận tải fBB tiến công ĐCĐ trong chiến tranh giải phóng đến nay vẫn còn nguyên giá trị. Chiến tranh BVTQ tương lai (nếu xảy ra), tình hình địch, ta có nhiều thay đổi; cho nên, CTVT cần được tiếp tục nghiên cứu, phát triển, vận dụng phù hợp, sáng tạo với điều kiện mới của từng trận đánh♦

Tài liệu tham khảo

1. Cục Hậu cần Quân khu 5 (1994), *Hậu cần Quân khu 5, Ba mươi năm chiến tranh giải phóng (1945 - 1975)*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Tổng cục Hậu cần (1978), *Công tác hậu cần chiến dịch Biên giới mùa thu 1950*, Nxb QĐND, Hà Nội
3. Tổng cục Hậu cần (1994), *Hậu cần chiến dịch trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)*, Nxb QĐND, Hà Nội.

KINH NGHIỆM CHUẨN BỊ XĂNG DẦU CHIẾN DỊCH PHẢN CÔNG TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ HƯỚNG KẾ THỪA, PHÁT TRIỂN

Đại tá, TS. NGUYỄN ANH DŨNG

Phó Chủ nhiệm Khoa Xăng dầu, Học viện Hậu cần

TRONG kháng chiến chống Mỹ, chúng ta đã thực hiện thắng lợi nhiều chiến dịch phản công (CDPC) với các quy mô, trên những địa bàn khác nhau. Kết quả chiến dịch đã làm thay đổi cục diện chiến trường, tạo nên thuận lợi lớn về chiến lược. Thắng lợi của CDPC phụ thuộc vào nhiều yếu tố; trong đó, chuẩn bị và tổ chức bảo đảm xăng dầu (XD) là một trong những yếu tố quan trọng, để lại những kinh nghiệm quý, thể hiện trên các nội dung sau đây:

Thứ nhất, về chuẩn bị vật chất XD. Thời kỳ chống Mỹ, trên chiến trường miền Nam, các đơn vị chủ lực Miền đã quán triệt sâu sắc phương châm “đánh có chuẩn bị”. Trên cơ sở quán triệt chủ trương, phương hướng nhiệm vụ quân sự của Đảng, nắm chắc nhiệm vụ và quyết tâm tác chiến, công tác XD các chiến dịch đã đi trước một bước, tiến hành công tác chuẩn bị XD tương đối toàn diện, có trọng tâm. Theo đó, đã chủ động dự kiến, chuẩn bị lực lượng, phương tiện kỹ thuật, vật chất XD, khu vực triển khai, bố trí kho trạm XD; tạo nguồn dự trữ XD đủ khả năng bảo đảm cho các lực lượng tác chiến chiến dịch liên tục, dài ngày, trong điều kiện địch đánh phá ác liệt. Lực lượng XD trong các CDPC đã nắm chắc chủ trương, phương châm hậu cần chiến lược, khẩn trương triển khai các kho trạm, vị trí tra nạp XD nối liền từ hậu cần chiến trường, quân khu đến các căn cứ, cơ sở hậu cần chiến lược; từ tuyến vận tải 559 miền Bắc vào miền Nam; từ các cơ sở khai thác vật chất trên đất Cam pu chia để tạo nguồn, tiếp nhận vật chất XD bảo đảm cho chiến dịch.

Để chuẩn bị XD cho chiến dịch Dầu Tiếng - Bầu Bàng, từ tháng 7/1965, ngành XD đã chủ động chuẩn bị thể trận XD. Khi đó, ngành XD thuộc Đoàn hậu cần 83 đứng chân trên địa bàn, cùng với các Đoàn 81, 82 ở địa bàn kế cận được hậu cần Miền giao nhiệm vụ chuẩn bị và bảo đảm XD cho chiến dịch. Dưới sự chỉ huy của tiền phương hậu cần Miền, đã tiến hành điều chỉnh lại thể đứng chân của các đoàn hậu cần: Đoàn 81 ở Chơn Thành, Đoàn 83 ở Dầu Tiếng, Đoàn 82 ở Bắc Tây Ninh. Theo đó, ngành XD cũng đã điều chỉnh các vị trí bố trí kho trạm, trạm cấp phát, tra nạp XD cho phù hợp với nhiệm vụ và sự điều chỉnh của hậu cần.

Trong Chiến dịch 139 giải phóng Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng (25/10/1969 ÷ 25/4/1970), do việc chuẩn bị thể trận không tốt, khi bước vào chiến dịch, cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật XD còn lại ít, khu vực Bản Sơn - Noong Pét chỉ còn một kho nhỏ. Vì thế, ý định lúc đầu là mở CDPC, tuy nhiên, việc chuẩn bị hậu cần, trong đó có XD bị chậm nên phải chuyển thành chiến dịch tiến công. Hoặc trong Chiến dịch Đắc Tô, thời gian chuẩn bị trực tiếp ngắn, ta không chuẩn bị trước về XD nên khi quyết định mở CDPC, các đơn vị đang hoạt động ở phía Tây và phía Đông Sông Pô Cô phải di chuyển về phía Nam, lượng XD không đủ bảo đảm. Vì vậy, lúc đầu dự kiến mở CDPC nhưng sau phải chuyển sang tiến công.

Thứ hai, về chuẩn bị lực lượng XD. Để bảo đảm XD cho các chiến dịch, nhất là CDPC, lực lượng XD ở các chiến trường, các quân khu đã từng bước phát triển và ngày càng lớn mạnh về tổ chức cũng như

lực lượng, phương tiện kỹ thuật XD. Ở khắp các chiến trường đã tổ chức ra Ban XD Miền nằm trong các đoàn hậu cần khu vực như: Đoàn 86, Đoàn 50, Đoàn 70 để tiếp nhận XD từ Đoàn 559. Trong hầu hết các CDPC, việc tổ chức lực lượng XD luôn gọn nhẹ, linh hoạt và có tính cơ động cao, bám sát hậu cần các đơn vị chiến đấu.

Trong Chiến dịch Đường 9 Nam Lào, ngay từ 10/1970, ta đã làm công tác chuẩn bị, tổ chức điều chỉnh thể bố trí của các lực lượng, cụ thể: Binh trạm 27 thành căn cứ hậu cần (CCHC) trên hướng chủ yếu; các cụm kho của Binh trạm 9, 32, 33 chuẩn bị bảo đảm hướng Tây Nam. Theo đó, lực lượng XD đã bố trí ở các khu vực kế cận, các kho XD ở các cụm hậu cần, cánh hậu cần có khả năng cơ động cao. Chiến dịch phản công Đông Bắc Campuchia, lực lượng XD được bố trí thành một bộ phận (có lực lượng cơ động) để sẵn sàng bảo đảm cho hướng chủ yếu và thứ yếu của chiến dịch; trong đó, ưu tiên bố trí lực lượng, phương tiện bảo đảm cho hướng chủ yếu và bố trí sẵn một số phương tiện tra nạp tại các cánh, như: Cánh 1/C20 ở Cha Lãng, Bắc lộ 7; Cánh 2/C20 ở Đông đằm Be; Cánh 1 bảo đảm cho hướng thứ yếu ở Đông Snun. Do tổ chức lực lượng XD gọn nhẹ, cơ động, luôn bám sát các đơn vị nên đã bảo đảm kịp thời cho nhu cầu của chiến dịch.

Thứ ba, về chuẩn bị nguồn XD. Trong kháng chiến chống Mỹ, tạo nguồn XD do quân đội và chính quyền, nhân dân các địa phương đảm nhiệm. Trên hầu khắp các chiến trường, các địa phương đều có tổ chức hậu cần nhân dân và “Hội đồng cung cấp địa phương” nhằm tích cực giúp đỡ, chi viện XD cho các lực lượng tham gia tác chiến trên địa bàn. Ngoài ra, các địa phương còn tổ chức ra các “Đội sưu tầm”, thu gom nhiên liệu trong các cơ sở sản xuất, các kho

tàng của quân đội Nhật, Pháp để cung cấp cho quân đội.

Trong CDPC Đông Bắc Campuchia, ngành XD đã tạo nguồn và dự trữ đủ XD để bảo đảm cho chiến trường B2, gồm: 2,0 cơ sở cho ô tô và 1,2 cơ sở cho xe bánh xích. Đến ngày 31/10/1970, trên địa bàn tác chiến, ta đã dự trữ đủ lượng XD bảo đảm cho 3 sư đoàn bộ binh chiến đấu trong 2 ÷ 3 tháng.

Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (nếu xảy ra), tình hình địch, ta và môi trường tác chiến có sự thay đổi, phát triển. Địch sẽ sử dụng vũ khí công nghệ cao, tác chiến điện tử hiện đại với nhiều phương pháp và thủ đoạn tác chiến; nghệ thuật CDPC của ta đã có bước phát triển mới, lực lượng tham gia chủ yếu cơ động bằng các phương tiện cơ giới với yêu cầu nhanh, khẩn trương nên khối lượng XD tiêu thụ sẽ lớn. Tuy nhiên, chúng ta có điều kiện chuẩn bị XD trước từ thời bình. Từ kinh nghiệm chuẩn bị XD trong kháng chiến chống Mỹ có thể đặt ra hướng kế thừa, phát triển về chuẩn bị xăng dầu CDPC trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc như sau:

Một là, chuẩn bị chủ động, tích cực và chu đáo. Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới luôn đề cao tư tưởng cách mạng tiến công. Trong công tác XD thời bình, tư tưởng đó được thể hiện qua việc quan sát, phân tích, đánh giá và nắm vững tình hình đất nước, tình hình trên địa bàn, nhiệm vụ của các ngành; những dự báo về âm mưu, thủ đoạn của địch; tranh thủ hoà bình, dựa vào thành tựu phát triển kinh tế, xã hội của đất nước và trang bị hiện có, chủ động, tích cực tìm mọi biện pháp hoàn thành nhiệm vụ bảo đảm XD thường xuyên, đồng thời chuẩn bị sẵn sàng bảo đảm cho chiến tranh.

Chuẩn bị chu đáo vừa là yêu cầu vừa là mục đích hoạt động; đồng thời, cũng là kết quả của chủ động và tích cực. Chủ động và tích cực trong chuẩn bị XD có quan hệ hữu cơ với nhau. Muốn chủ động phải tích cực hành động, có tích cực thì mới có chủ động. Có như vậy, chuẩn bị XD sẽ phát huy khả năng của các lực lượng trên địa bàn. Các cơ quan, đơn vị, lực lượng với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động của mình phải chủ động, tích cực từ nhận thức quan điểm, đường lối, chủ trương đến hoạt động thực tiễn; từ khâu lập kế hoạch đến khâu thực hiện. Ngành XD phải là lực lượng xung kích trong chuẩn bị XD. Cơ quan XD nắm bắt những thuận lợi, khó khăn; nghiên cứu đề xuất hướng khắc phục, biện pháp giải quyết với chủ nhiệm hậu cần - kỹ thuật, chỉ đạo ngành tham gia chuẩn bị nguồn, nhân lực; tham mưu cho chỉ huy đơn vị tổ chức dự trữ, quản lý XD; xây dựng các kế hoạch; đề xuất và tham gia xây dựng thể bố trí, xây dựng lực lượng.

Hai là, chuẩn bị toàn diện, cơ bản, vững chắc, đồng bộ đáp ứng yêu cầu tác chiến; nâng cao khả năng bảo đảm lâu dài. Đây là vấn đề chi phối toàn bộ quá trình chuẩn bị XD, từ xác định phương hướng đến biện pháp thực hiện. Chuẩn bị toàn diện là chuẩn bị XD theo yêu cầu chiến tranh, song phải có trọng tâm, trọng điểm. Chuẩn bị theo yêu cầu chiến tranh không có nghĩa là tất cả những gì chiến tranh cần đều phải chuẩn bị ngay trong thời bình. Vì vậy, phải xác định nội dung cần triển khai thực hiện ngay, nội dung chỉ chuẩn bị theo phương án, kế hoạch. Chuẩn bị toàn diện phải có chiều sâu và bền vững, tạo thế và lực để có khả năng sẵn sàng bảo đảm liên tục, lâu dài trong điều kiện chiến tranh ác liệt, địa bàn có thể bị chia cắt.

Chuẩn bị cơ bản là phải tập trung cho những việc, những nội dung quan trọng nhất, có ý nghĩa quyết định, ảnh hưởng lớn đến những vấn đề khác, như: Chuẩn bị nguồn, tổ chức dự trữ, chuẩn bị kho, chuẩn bị nhân lực XD. Khi thực hiện, cần có sự lãnh đạo thống nhất về thời gian, công việc; sự tham gia của nhiều lực lượng. Chuẩn bị XD vững chắc là thực hiện từng bước, chuẩn bị đến đâu chắc chắn đến đó, phát huy tác dụng cho bước tiếp theo. Chuẩn bị vững chắc, tức là những nội dung đã chuẩn bị luôn phát huy tác dụng. Nguồn XD phải dồi dào, ổn định, đa dạng, có khả năng bảo đảm lâu dài. Các nguồn có thể bổ sung, hỗ trợ lẫn nhau, duy trì khả năng bảo đảm liên tục. Lượng XD dự trữ phải phân cấp hợp lý, đáp ứng nhiệm vụ tác chiến của các đơn vị theo hướng, khu vực. Kho XD chuẩn bị kín đáo, bí mật, địch khó phát hiện, đường vận chuyển an toàn. Thế bố trí XD vững chắc phát huy được khả năng của mọi lực lượng, đáp ứng các phương án tác chiến, có khả năng chuyển hóa linh hoạt. Muốn chuẩn bị XD vững chắc thì phải tiến hành có tổ chức, theo kế hoạch phù hợp với yêu cầu chiến tranh. Chuẩn bị XD là một quá trình luôn vận động. Bước chuẩn bị trước là tiền đề cho bước sau; bước chuẩn bị sau không phủ định kết quả của bước trước mà phải kế thừa và phát triển.

Đồng bộ trong chuẩn bị XD là các nội dung chuẩn bị được tiến hành theo đúng tiến độ, đảm bảo sự hài hoà giữa chuẩn bị cơ sở vật chất và lực lượng, giữa tiềm lực và thực lực. Các nội dung đã, đang và sẽ chuẩn bị có sự gắn kết với nhau. Chuẩn bị nguồn và tổ chức dự trữ phải thực hiện cùng với chuẩn bị nhân lực, xây dựng các kế hoạch và thể bố trí. Chuẩn bị tốt nhân lực sẽ giúp cho chuẩn bị nguồn, tổ chức dự trữ, xây dựng các kế hoạch và thể bố trí có

hiệu quả. Để thực hiện đồng bộ cần có sự lãnh đạo tập trung, thống nhất; kế hoạch chu đáo; có sự phối kết hợp chặt chẽ giữa các lực lượng tham gia; kiên quyết và linh hoạt trong chỉ huy, chỉ đạo; sự tự giác, tinh thần trách nhiệm của mỗi cá nhân cho đến tập thể lớn.

Chuẩn bị XD phải căn cứ vào tình hình thực tế, khả năng và yêu cầu nhiệm vụ, kết hợp chuẩn bị tiềm lực với thực lực, lấy chuẩn bị tiềm lực là chính; kết hợp chuẩn bị tiềm lực với chuẩn bị thể trận; kết hợp chuẩn bị theo cấp quản lý với chuẩn bị theo khu vực.

Ba là, phối hợp chặt chẽ giữa lực lượng XD chiến dịch với các lực lượng XD khác trên địa bàn, phát huy sức mạnh tổng hợp của mọi nguồn lực; đặt dưới sự lãnh đạo của đảng ủy các cấp, tổ chức điều hành thống nhất, hiệp đồng cụ thể chặt chẽ, phân công rõ ràng, phân cấp hợp lý. Đây là vấn đề cụ thể hóa quan điểm hậu cần nhân dân. Ngành XD phải phối hợp với các lực lượng XD trên địa bàn, phát huy tiềm lực XD tại chỗ, chuẩn bị huy động khi cần thiết. Thực hiện nội dung này, cần xác định ưu thế sẵn có của mỗi lực lượng. Khi tổ chức dự trữ XD, có thể phối hợp lực lượng XD của các lực lượng vũ trang. Khi tạo nguồn tại chỗ, động viên lực lượng dự bị động viên phải dựa vào thành phần kinh tế chủ đạo trên địa bàn. Huy động, khai thác phương tiện kỹ thuật, cơ sở chứa trữ và các loại vật chất khác có thể dựa vào tất cả các chủ thể có điều kiện thuộc các thành phần kinh tế khác nhau. Mặt khác, phải tạo được môi trường pháp lý để thực hiện các hoạt động nêu trên. Thực hiện tốt nội dung này sẽ khắc phục được những bất cập về nhân lực, phương tiện kỹ thuật của ngành XD hiện nay.

Trong quá trình chuẩn bị XD, cần đặt dưới sự lãnh đạo của đảng ủy các cấp, tổ

chức điều hành thống nhất, hiệp đồng cụ thể chặt chẽ, phân công rõ ràng, phân cấp hợp lý. Nội dung này làm cho các nội dung chuẩn bị được thực hiện theo kế hoạch và nhất quán. Chỉ huy và lãnh đạo các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị phải nắm chắc nhiệm vụ được phân công, từ đó thông qua tổ chức đảng, xây dựng quyết tâm, ý chí phấn đấu; lập kế hoạch hoạt động cụ thể và khoa học; xác định tinh thần trách nhiệm cho mỗi cá nhân và từng tập thể trước nhiệm vụ được giao. Do thời gian chuẩn bị dài, nội dung chuẩn bị đa dạng, nhiều thành phần tham gia nên chuẩn bị XD ở mỗi thời kỳ, mỗi lĩnh vực cần theo kế hoạch thống nhất, đảm bảo tính ổn định, tính kế thừa và liên thông. Kế hoạch chuẩn bị luôn có sự bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tiễn nhưng phải có sự lãnh đạo thống nhất, chặt chẽ.

Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc (nếu xảy ra), trước sự thay đổi và phát triển của các yếu tố về địch, ta và môi trường tác chiến nên nhiệm vụ bảo đảm XD sẽ rất nặng nề, gặp nhiều khó khăn, phức tạp. Để bảo đảm XD cho CDPC giành thắng lợi đòi hỏi ngành XD phải làm tốt công tác chuẩn bị; trong đó, cần kế thừa, vận dụng sáng tạo những kinh nghiệm chuẩn bị XD trong chiến tranh giải phóng vào thực tiễn, sẵn sàng bảo đảm cho CDPC giành thắng lợi♦

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Tổng Tham mưu (2021), *Nghệ thuật CDPC*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Học viện Hậu cần (2011), *Tổng kết công tác hậu cần CDPC trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ*, Nxb QĐND, Hà Nội.
3. Tổng cục Hậu cần (1995), *Lịch sử ngành xăng dầu Quân đội nhân dân Việt Nam, Tập I*, Hà Nội.

KHOA TÀI CHÍNH, HỌC VIỆN HẬU CẦN 70 NĂM KIẾN TẠO TRI THỨC, VỮNG BƯỚC TƯƠNG LAI

Trung tá, TS. NGUYỄN ANH TUẤN

Chủ nhiệm Khoa Tài chính, Học viện Hậu cần

THỰC hiện Dự án “Về công tác huấn luyện nghiệp vụ hậu cần hiện nay”, ngày 22/02/1955, của Tổng cục Hậu cần, hệ thống tổ chức của Trường Hậu cần (nay là Học viện Hậu cần) được kiện toàn. Theo đó, đội tài vụ - tiền thân của Khoa Tài chính ngày nay - được thành lập.

Ngày 26/9/1955, Nhà trường tổ chức Lễ khai giảng khoá 1 đoàn kỳ; ngành Tài vụ có 99 học viên. Lúc này, bài giảng chủ yếu do Cục Tài vụ biên soạn và lên lớp, giảng viên của Trường theo dõi học tập của học viên, tổ chức thảo luận. Đến ngày 12/2/1957, Bộ Quốc phòng ban hành Nghị định số 027/NĐ thành lập Trường Cán bộ Hậu cần (trên cơ sở Trường Hậu cần), có nhiệm vụ: Đào tạo các cán bộ sơ cấp hậu cần thuộc các ngành Tài vụ, Quản lý xe, Quân khí, Quân nhu, Xăng dầu; bổ túc nghiệp vụ cho chủ nhiệm hậu cần trung đoàn, sư đoàn và quân khu. Đội tài vụ của Trường phát triển thành Bộ môn Tài vụ. Từ năm 1958 ÷ 1967, Trường Cán bộ Hậu cần phát triển thành Trường Sĩ quan Hậu cần; Bộ môn Tài vụ phát triển thành Khoa Tài vụ.

Trước yêu cầu đổi mới của công tác giáo dục đào tạo của Trường Sĩ quan Hậu cần, năm 1967, Khoa Tài vụ được sáp nhập với Khoa Quân nhu, tổ chức thành Khoa Nhu tài. Đến 14/12/1968 Khoa Nhu tài được giải thể; Nhà trường thành lập Khoa Cần vụ. Trong những năm sau đó, ở Trường Sĩ quan Hậu cần, Khoa Tài chính (ngày nay) được đổi tên nhiều lần: Khoa Tài vụ (1970 - 1980); Bộ môn Tài chính (1980 -

1988); Khoa Tài chính (1988 - 1996). Ngày 16/3/1996, Bộ Quốc phòng ra Quyết định số 257/QĐ-QP hợp nhất Trường Sĩ quan Hậu cần với Học viện Hậu cần thành Học viện Hậu cần. Từ đó đến nay, Khoa giữ tên gọi là Khoa Tài chính.

Chặng đường 70 năm xây dựng và trưởng thành, Khoa Tài chính đã trải qua nhiều giai đoạn phát triển, vượt qua muôn vàn khó khăn, thách thức, song cũng đầy tự hào. Từ một bộ phận chuyên môn nhỏ bé, với đội ngũ cán bộ, giảng viên ban đầu còn hạn chế về số lượng và kinh nghiệm, cơ sở vật chất thiếu thốn, Khoa đã từng bước trưởng thành, lớn mạnh, khẳng định vị thế hàng đầu trong đào tạo và nghiên cứu khoa học (NCKH) về lĩnh vực tài chính trong Quân đội; là địa chỉ uy tín đào tạo nguồn nhân lực chất lượng trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng cho đất nước. Trong chặng đường lịch sử đó, Khoa Tài chính đã có những đóng góp quan trọng vào sự nghiệp xây dựng Quân đội vững mạnh về tài chính, hậu cần: (1) Đã đào tạo hàng ngàn cán bộ, nhân viên tài chính vừa hồng vừa chuyên: Các thế hệ học viên tốt nghiệp từ Khoa đều đảm nhiệm tốt chức trách, nhiệm vụ được giao; nhiều đồng chí trưởng thành, phát triển ở những vị trí quan trọng trong hệ thống tài chính của Quân đội, từ cấp cơ sở đến cấp chiến lược, góp phần xây dựng ngành tài chính Quân đội ngày càng phát triển, lớn mạnh. (2) Xây dựng và hoàn thiện hệ thống lý luận quản lý tài chính trong Quân đội: Khoa đã có nhiều đóng góp quan trọng trong việc nghiên cứu,

xây dựng và phát triển hệ thống lý luận tài chính Quân đội, đáp ứng yêu cầu thực tiễn của công tác quản lý tài chính trong môi trường đặc thù. (3) Nâng cao hiệu quả công tác quản lý tài chính trong toàn quân: Các công trình NCKH và hoạt động bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn, tư vấn của Khoa đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao hiệu quả quản lý ngân sách Nhà nước trong Quân đội, chống thất thoát, lãng phí; sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch các nguồn lực tài chính. (4) Góp phần xây dựng Học viện Hậu cần trở thành trung tâm đào tạo uy tín: Sự phát triển của Khoa Tài chính đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao vị thế và uy tín của Học viện Hậu cần trong hệ thống các trường Quân đội và các cơ sở đào tạo trên cả nước.

Để có được những thành công đó, trước hết, cấp ủy, chỉ huy Khoa đã chú trọng rèn luyện, phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên có tâm huyết, trách nhiệm, có trình độ chuyên môn cao. Từ khi thành lập đến nay, Khoa đã có 3 giảng viên đạt chức danh Phó Giáo sư, hàng chục giảng viên có học vị Tiến sĩ, 02 giảng viên được tặng danh hiệu Nhà giáo Ưu tú, 01 giảng viên cao cấp, 03 giảng viên giỏi cấp Bộ Quốc phòng, hàng chục giảng viên giỏi cấp Học viện; nhiều giảng viên của Khoa đã trở thành những chuyên gia đầu ngành trong lĩnh vực tài chính Quân đội, có uy tín khoa học cao trong khối ngành tài chính - ngân hàng. Bên cạnh đó, Khoa luôn coi trọng đổi mới chương trình đào tạo theo hướng hiện đại, chuyên sâu nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thực tiễn trong quản lý tài chính, ngân sách; đảm bảo cam kết chuẩn đầu ra đã công bố. Đến nay, hệ thống chương trình đào tạo của Khoa gồm: Đào tạo chuyên ngành tài chính Quân đội và ngành tài chính - ngân hàng dân sự cho các đối tượng

từ trung cấp, cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ; chương trình cử nhân tài chính cho đối tượng quốc tế. Cùng với chú trọng xây dựng chương trình, Khoa chủ động đổi mới phương pháp giảng dạy; tích cực ứng dụng các phương pháp giảng dạy tiên tiến, tăng cường tính tương tác giữa giảng viên và học viên, khuyến khích học viên chủ động, sáng tạo trong học tập và nghiên cứu. Việc đưa các tình huống thực tế vào giảng dạy, tổ chức các buổi hội thảo chuyên đề, mời các chuyên gia đầu ngành đến trao đổi kinh nghiệm, trực tiếp giảng dạy, tham gia đóng góp khoa học đã giúp học viên, giảng viên tiếp cận với những kiến thức và kỹ năng thực tế, sẵn sàng đáp ứng yêu cầu công việc trên các cương vị công tác.

Ngoài thực hiện tốt nhiệm vụ đào tạo, Khoa Tài chính còn là điểm sáng trong NCKH của Học viện. Khoa đã chủ trì và tham gia nhiều đề tài NCKH các cấp, từ cấp cơ sở đến cấp ngành, cấp Bộ. Hằng năm, Khoa có nhiều đề tài tuổi trẻ sáng tạo (TTST) của các nhà giáo trẻ được giải cao tại các cuộc thi đề tài TTST trong Bộ Quốc phòng; các bài báo khoa học đăng trên các tạp chí khoa học uy tín trong nước và quốc tế, nhiều sáng kiến có tính ứng dụng thực tiễn cao. Các công trình NCKH của Khoa tập trung vào vấn đề lý luận, thực tiễn về cơ chế, chính sách quản lý tài chính trong Quân đội, nâng cao hiệu quả sử dụng Ngân sách Nhà nước, hoạt động kinh doanh, hiệu quả sử dụng vốn trong các doanh nghiệp; các vấn đề liên quan đến bảo đảm tài chính trong sẵn sàng chiến đấu của địa phương và Quân đội.

Song song với thực hiện nhiệm vụ chính trị trung tâm, Khoa Tài chính luôn quan tâm tạo môi trường học tập, nghiên cứu tốt nhất cho giảng viên và học viên. Khoa đã chú trọng nghiên cứu, tham mưu

đề xuất đầu tư xây dựng và nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học hiện đại. Hệ thống phòng thực hành, phòng giao ban trực tuyến ngành, hệ thống học liệu đã được Học viện trang bị, Cục Tài chính hỗ trợ đầy đủ tạo điều kiện thuận lợi nhất cho giảng viên, học viên trong quá trình học tập và nghiên cứu. Môi trường học tập tại Khoa được xây dựng theo hướng thân thiện, cởi mở, tạo điều kiện cho giảng viên, học viên phát huy tính chủ động, sáng tạo, mạnh dạn trao đổi, thảo luận. Các hoạt động ngoại khóa, sinh hoạt khoa học, các câu lạc bộ chuyên ngành cũng được Khoa khuyến khích và tạo điều kiện phát triển, giúp học viên phát triển toàn diện cả về kiến thức, kỹ năng và nhân cách. Cùng với đó, Khoa Tài chính còn chú trọng mở rộng quan hệ hợp tác với các đơn vị, cơ sở đào tạo trong và ngoài Quân đội. Quá trình đào tạo, NCKH cũng như hoạt động bồi dưỡng giáo viên, Khoa thường xuyên phối hợp và liên kết chặt chẽ với Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng, cơ quan tài chính các đơn vị trong toàn quân; Học viện Tài chính, Học viện Ngân hàng, Đại học Kinh tế quốc dân... thông qua các hoạt động như mời giảng, tham gia xây dựng và phân biện các cơ chế, chính sách; tham gia hội thảo khoa học, tham gia các hội đồng chấm đề tài, luận văn, luận án. Từ đó, cán bộ, giảng viên, học viên của Khoa được học tập, nghiên cứu và giao lưu, trao đổi học hỏi cập nhật kiến thức trên các lĩnh vực; đồng thời, vận dụng vào đổi mới chương trình đào tạo, nâng cao chất lượng huấn luyện và NCKH của Khoa.

Kế thừa và phát triển những kinh nghiệm quý trong suốt 70 năm xây dựng và trưởng thành, bước sang giai đoạn mới, với những yêu cầu cao hơn đối với công tác giáo dục - đào tạo và nghiên cứu khoa học; Khoa Tài chính xác định và tập trung triển khai đồng bộ các nội dung trọng tâm sau:

Một là, đổi mới nội dung, chương trình và phương pháp đào tạo theo chuẩn đầu ra, hiện đại hóa và sát thực tiễn, chú trọng phát triển kỹ năng cho người học. Theo đó, Khoa tập trung điều chỉnh, hoàn thiện chuẩn đầu ra cho các đối tượng; rà soát, cập nhật chương trình, nội dung đào tạo theo hướng tiếp cận chuẩn đầu ra, bám sát thực tiễn công tác tài chính Quân đội, chú trọng xây dựng và trang bị kỹ năng phù hợp với vị trí việc làm của từng đối tượng khi ra trường. Việc xây dựng chương trình được thực hiện theo hướng liên thông, liên kết giữa các học phần lý thuyết với thực hành, tăng cường khối lượng kiến thức về công nghệ tài chính (Fintech), chuyển đổi số, phân tích dữ liệu tài chính và quản trị rủi ro.

Cùng với đó, Khoa đẩy mạnh hơn nữa ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số, các phương pháp dạy học tích cực trong giảng dạy để nâng cao hiệu quả truyền đạt, tạo hứng thú học tập và phát triển năng lực toàn diện cho học viên.

Hai là, xây dựng đội ngũ giảng viên có trình độ cao, bản lĩnh chính trị vững vàng và năng lực NCKH tốt. Trong những năm tới, Khoa tiếp tục tạo điều kiện để giảng viên học tập nâng cao trình độ, tham gia các lớp bồi dưỡng phương pháp giảng dạy, nghiệp vụ sư phạm, các khóa học về công nghệ tài chính, chuyển đổi số, tài chính số; chú trọng nâng cao trình độ ngoại ngữ của giảng viên, tích cực liên hệ và đề nghị để cán bộ, giảng viên đi thực tế, tham gia các đoàn công tác cùng với các cơ quan, đơn vị, nhà trường trong và ngoài Quân đội. Xây dựng và phát triển các nhóm chuyên môn gắn với một số lĩnh vực có tính cấp thiết hiện nay của ngành tài chính để bồi dưỡng từ đó tổ chức hoạt động hiệu quả thành các “hạt nhân” khoa học của Khoa. Bên cạnh đó, Khoa chú trọng xây dựng môi trường học thuật, sẵn sàng chia sẻ tri thức, hỗ trợ đồng nghiệp và

học viên. Xây dựng đội ngũ giảng viên với tinh thần trách nhiệm, tình yêu nghề, tận tụy làm nền tảng vững chắc để Khoa thực hiện tốt nhiệm vụ được giao trong giai đoạn mới.

Ba là, đẩy mạnh NCKH gắn với yêu cầu thực tiễn của ngành tài chính Quân đội và cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0. Chủ động đề xuất và triển khai nhiều đề tài nghiên cứu các cấp phục vụ trực tiếp cho công tác quản lý tài chính tại đơn vị cơ sở, nghiên cứu đổi mới cơ chế quản lý và ứng dụng công nghệ vào trong công tác quản lý tài chính Quân đội. Ưu tiên nghiên cứu theo hướng ứng dụng, trọng tâm vào các lĩnh vực: Cơ chế quản lý ngân sách, phân tích dữ liệu tài chính, hiệu quả kiểm soát chi ngân sách trong Quân đội, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực tài chính. Đẩy mạnh việc chuyển giao kết quả nghiên cứu thành sản phẩm giảng dạy, học liệu điện tử, tài liệu tham khảo, ứng dụng thực tiễn.

Bốn là, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong đào tạo, quản lý và nghiên cứu. Theo đó, Khoa Tài chính nghiên cứu triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu học tập, hệ thống thư viện điện tử, bài giảng E-learning và phần mềm mô phỏng các nghiệp vụ tài chính, công tác kế toán. Đưa công nghệ tài chính (Fintech) như blockchain, big data, cloud computing, phần mềm kế toán số vào nội dung giảng dạy nhằm giúp học viên làm quen với môi trường làm việc hiện đại, thích ứng nhanh với thực tế sau khi ra trường.

Năm là, gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo với thực tiễn phát triển công tác tài chính Quân đội. Để làm được điều này, Khoa chú trọng liên hệ chặt chẽ với Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng, các cơ quan, đơn vị trong toàn quân tổ chức các đợt thực tập, cử giảng viên tham gia phối hợp công tác, hội thảo chuyên đề, nghiên cứu khoa học. Chú trọng mời cán bộ tài chính có kinh nghiệm, Thủ

trưởng cơ quan tài chính Quân đội các cấp tham gia giảng dạy, hoạt động khoa học, góp phần gắn kết giữa lý luận và thực tiễn, giữa nhà trường và đơn vị. Nghiên cứu đề xuất với Học viện tổ chức lấy ý kiến phản hồi của đơn vị, học viên đã ra trường gắn với đặc thù của chuyên ngành để điều chỉnh chương trình, nội dung và phương pháp đào tạo cho phù hợp với yêu cầu thực tế.

Sáu là, xây dựng môi trường học thuật, môi trường làm việc lành mạnh, sáng tạo, giàu tính nhân văn và kỷ luật. Quan tâm xây dựng môi trường sư phạm kiểu mẫu, đề cao tính dân chủ, khuyến khích tinh thần học hỏi, nghiên cứu, sáng tạo và trao đổi học thuật. Đồng thời, chú trọng giáo dục đạo đức, nhân cách, bản lĩnh chính trị và tác phong khoa học cho cả cán bộ, giảng viên và học viên. Việc tổ chức, tham gia các hoạt động phong trào, như: Ngày hội học thuật, hội thi giảng viên giỏi, học viên nghiên cứu khoa học, thi Olympic chuyên ngành... cần nghiên cứu triển khai hiệu quả, tạo động lực, khí thế thi đua sôi nổi trong Khoa.

Với bề dày truyền thống lịch sử 70 năm mà bao thế hệ cán bộ, giảng viên, nhân viên đã dày công xây dựng, cùng với quyết tâm chính trị cao, tinh thần đổi mới, sáng tạo, trách nhiệm của đội ngũ nhà giáo; tin tưởng rằng, trong thời gian tới, Khoa Tài chính sẽ tiếp tục khẳng định và nâng cao hơn nữa vai trò, vị thế trong sự nghiệp đào tạo các đối tượng học viên, sinh viên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng Quân đội, xây dựng đất nước trong hành trình tiến vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc♦

Tài liệu tham khảo

1. Học viện Hậu cần (2001), *Lịch sử Học viện Hậu cần (1951 - 2001)*, Nxb QĐND, Hà Nội.
2. Học viện Hậu cần (2007), *Lịch sử Khoa Tài chính (Biên niên sự kiện 1955 - 2007)*, Nxb QĐND, Hà Nội.